THƯ VIỆN

TRƯỜNG: TH LÊ LAI

SỔ ĐĂNG KÝ

CÁ BIỆT

Số:...../TVTH

Từ ngày: 01/06/2018 đến ngày 20/06/2022

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000001	Charles Phillips - Tư duy phá cách
2	18/09/2018	STK-000002	Charles Phillips - Tư duy phá cách
3	18/09/2018	STK-000003	Charles Phillips - Tư duy phá cách
4	18/09/2018	STK-000004	Charles Phillips - Tư duy linh hoạt
5	18/09/2018	STK-000005	Charles Phillips - Tư duy linh hoạt
6	18/09/2018	STK-000006	Charles Phillips - Tư duy linh hoạt
7	18/09/2018	STK-000007	Charles Phillips - Tư duy số học
8	18/09/2018	STK-000008	Charles Phillips - Tư duy số học
9	18/09/2018	STK-000009	Charles Phillips - Tư duy số học
10	18/09/2018	STK-000010	Charles Phillips - Tư duy thị giác
11	18/09/2018	STK-000011	Charles Phillips - Tư duy thị giác
12	18/09/2018	STK-000012	Charles Phillips - Tư duy thị giác
13	18/09/2018	STK-000013	Charles Phillips - Tư duy sáng tạo
14	18/09/2018	STK-000014	Charles Phillips - Tư duy sáng tạo
15	18/09/2018	STK-000015	Charles Phillips - Tư duy sáng tạo
16	18/09/2018	STK-000016	Charles Phillips - Tư duy Logic
17	18/09/2018	STK-000017	Charles Phillips - Tư duy Logic
18	18/09/2018	STK-000018	Charles Phillips - Tư duy Logic
19	18/09/2018	STK-000019	Charles Phillips - Tư duy chiến thuật
20	18/09/2018	STK-000020	Charles Phillips - Tư duy chiến thuật
21	18/09/2018	STK-000021	Charles Phillips - Tư duy chiến thuật
22	18/09/2018	STK-000022	Charles Phillips - Tư duy khách quan
23	18/09/2018	STK-000023	Charles Phillips - Tư duy khách quan
24	18/09/2018	STK-000024	Charles Phillips - Tư duy khách quan
25	18/09/2018	STK-000025	Phan Trần Chúc - Bùi Viện một tấm lòng

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	35,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	001(09)	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000026	Phan Trần Chúc - Bùi Viện một tấm lòng
2	18/09/2018	STK-000027	Hoài Anh - Vua Minh Mạng
3	18/09/2018	STK-000028	NGUYỄN TRỌNG BÁU - TRUYỆN KỂ VỀ PHONG TỤC, TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM TẬP 1
4	18/09/2018	STK-000029	NGUYỄN TRỌNG BÁU - TRUYỆN KỂ VỀ PHONG TỤC CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
5	18/09/2018	STK-000030	NGUYỄN TRỌNG BÁU - TRUYỆN KỂ VỀ PHONG TỤC CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM TẬP 3
6	18/09/2018	STK-000031	NGUYỄN TRỌNG BÁU - TRUYỆN KỂ VỀ PHONG TỤC CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM TẬP 3
7	18/09/2018	STK-000032	HOÀNG PHONG HÀ - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CHUYÊN ĐỀ VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở CƠ SỞ
8	18/09/2018	STK-000033	TOAN ÁNH - TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM QUYỂN HẠ
9	18/09/2018	STK-000034	ĐẶNG VĂN LUNG - PHONG TỤC TẬP QUÁN CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
10	18/09/2018	STK-000035	TOAN ÁNH - CON NGƯỜI VIỆT NAM
11	18/09/2018	STK-000036	TRẦN PHIÊU - TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG DƯỚI NƯỚC
12	18/09/2018	STK-000037	TÔN THẤT SAM - SỔ TAY SINH HOẠT
13	18/09/2018	STK-000038	HOÀNG PHONG HÀ - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CÔNG TÁC ĐẢNG CHO BÍ THƯ CHI BỘ VÀ CẤP ỦY VIÊN CƠ SỞ
14	18/09/2018	STK-000039	ĐẶNG QUANG VINH - LỊCH SỬ ĐOÀN TNCSHCM VÀ PHONG TRÀO THANH NIÊN VIỆT NAM HỎI-ĐÁP
15	18/09/2018	STK-000040	HOÀNG PHONG HÀ - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ
16	18/09/2018	STK-000041	ĐẶNG QUANG NGỌC - SỔ TAY BÁO CÁO VIÊN VỀ ĐH IX ĐẢNG CSVN
17	18/09/2018	STK-000042	NGUYỄN HIẾN LÊ - THẾ HỆ NGÀY MAI
18	18/09/2018	STK-000043	NGUYỄN THỊ OANH - KỸ NĂNG SỐNG CHO TUỔI VỊ THÀNH NIÊNN
19	18/09/2018	STK-000044	TÔN THẤT SAM - KỸ NĂNG CẦN BIẾT TỰ GIỮ MÌNH VÀ ĐỂ CỨU NGƯỜI
20	18/09/2018	STK-000045	TRẦN THỜI - NHỮNG CÂU CHUYỆN BÊN ÁNH LỬA TẬP 1
21	18/09/2018	STK-000046	PHONG THU - KỂ CHUYỆN TRUYỀN THỐNG ĐỘI TNTP HCM
22	18/09/2018	STK-000047	PHẠM VĂN NHÂN - NÚT DÂY ỨNG DỤNG
23	18/09/2018	STK-000048	NHIỀU TÁC GIẢ - MỘT NGHÌN CÂU HỎI ĐÁP VỀ LSVN VÀ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN TNCS HCM
24	18/09/2018	STK-000049	NHIỀU TÁC GIẢ - MỘT NGHÌN CÂU HỎI ĐÁP VỀ LSVN VÀ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN TNCS HCM
25	18/09/2018	STK-000050	LẠC VIỆT - CHÙA HÀ NỘI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	6,500	001(09)	1							
Kim Đồng	HN	2005	8,000	001(09)	1							
Giáo dục	HN	2007	10,200	2	1							
Giáo dục	HN	2008	15,500	2	1							
Giáo dục		2008	16,900	2	1							
Giáo dục		2008	16,900	2	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	14,000	2	1							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	1997	70,000	2	1							
Văn hóa dân tộc	HN	1997	63,000	2	1							
Các nhà xuất bản nước	TPHCM	1998	38,000	2	1							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2003	12,000	3	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	19,000	3KV4	1							
Thanh niên	HN	2006	18,000	373.03	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	13,000	3KTV.4	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	2001	30,000	3KV	1							
Trẻ	TPHCM	1996	12,500	37	1							
Trẻ	TPHCM	2010	13,000	3KTV	1							
Trẻ	TPHCM	2008	14,000	3KTV	1							
Trẻ	TPHCM	2003	11,000	373	1							
Trẻ	TPHCM	2003	9,000	373	1							
Trẻ	TPHCM	2011	22,000	3KTV	1							
Trẻ	TPHCM	2007	30,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2007	30,000	3	1							
Đại học Bách khoa Hà Nội	HN	2009	32,000	39	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000051	LẠC VIỆT - CHÙA HÀ NỘI
2	18/09/2018	STK-000052	TRẦN VĂN THỌ - CÔNG NGHIỆP HÓA VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI CHÂU Á-THÁI BÌNH DƯƠNG
3	18/09/2018	STK-000053	PHẠM VĂN NHÂN - THIÊN TAI ĐỊCH HỌA TẬP 2
4	18/09/2018	STK-000054	PHẠM VĂN NHÂN - THIÊN TAI ĐỊCH HỌA TẬP 2
5	18/09/2018	STK-000055	PHẠM VĂN NHÂN - THIÊN TAI ĐỊCH HỌA TẬP 2
6	18/09/2018	STK-000056	PHẠM VĂN NHÂN - TAI NẠN QUANH TA TẬP 1
7	18/09/2018	STK-000057	PHẠM VĂN NHÂN - TAI NẠN QUANH TA TẬP 1
8	18/09/2018	STK-000058	PHẠM VĂN NHÂN - TAI NẠN QUANH TA TẬP 1
9	18/09/2018	STK-000059	PHẠM QUANG VINH - LƯU HỮU PHƯỚC - LÊN ĐÀNG
10	18/09/2018	STK-000060	PHẠM QUANG VINH - LƯU HỮU PHƯỚC - LÊN ĐÀNG
11	18/09/2018	STK-000061	PHẠM QUANG VINH - LƯU HỮU PHƯỚC - LÊN ĐÀNG
12	18/09/2018	STK-000062	PHẠM QUANG VINH - LƯU HỮU PHƯỚC - LÊN ĐÀNG
13	18/09/2018	STK-000063	PHẠM QUANG VINH - PHAN CHÂU TRINH
14	18/09/2018	STK-000064	PHẠM QUANG VINH - PHAN CHÂU TRINH
15	18/09/2018	STK-000065	PHẠM QUANG VINH - PHAN CHÂU TRINH
16	18/09/2018	STK-000066	PHẠM QUANG VINH - PHAN CHÂU TRINH
17	18/09/2018	STK-000067	NGÔ VĂN DOANH - NHỮNG PHONG TỤC LẠ Ở ĐÔNG NAM Á
18	18/09/2018	STK-000068	TRẦN THỜI - KỸ NĂNG SINH HOẠT TẬP THỂ BẬC 3
19	18/09/2018	STK-000069	Lịch sử Đoàn TNCS HCM và phong trào TN VN hỏi-đáp
20	18/09/2018	STK-000070	Toan Ánh - Tìm hiểu phong tục VN qua lễ tết hội hè
21	18/09/2018	STK-000071	Đào Ngọc Bích - Nguyễn Khánh Toàn năm tháng, cuộc đời
22	18/09/2018	STK-000072	Đào Ngọc Bích - Nguyễn Khánh Toàn năm tháng, cuộc đời
23	18/09/2018	STK-000073	LÊ MINH QUỐC - NGUYỄN AN NINH DẤU ẤN ĐỂ LẠI
24	18/09/2018	STK-000074	HUỲNH TOÀN - MỘ TRĂM 162 TRÒ CHƠI SINH HOẠT TẬP THỂ TRONG PHÒNG
25	18/09/2018	STK-000075	HUỲNH TOÀN - HAI TRĂM 270 TRÒ CHƠI SINH HOẠT VÒNG TRÒN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Bách khoa Hà Nội	HN	2009	32,000	39	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1998	32,000	33(V)	1							
Trẻ	TPHCM	2014	38,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2014	38,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2014	38,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2014	32,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2014	32,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2014	32,000	3	1							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	3KV	1							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	3KV	1							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	3KV	1							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	3KV	1							
Kim Đồng	HN	2008	26,000	3KV	1							
Kim Đồng	HN	2008	26,000	3KV	1							
Kim Đồng	HN	2008	26,000	3KV	1							
Kim Đồng	HN	2008	26,000	3KV	1							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	1996	16,000	39	1							
Trẻ	TPHCM	2007	18,000	3KTV	1							
Thanh niên	HN	2006	18,000	373.03	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1997	13,000	3	1							
Kim Đồng	HN	2005	10,000	3KV1(092)	1							
Kim Đồng	HN	2005	10,000	3KV1(092)	1							
Kim Đồng	HN	2007	31,000	3KV1(092)	1							
Trẻ	TPHCM	2014	22,000	3KTV	1							
Trẻ	TPHCM	2014	32,000	3KTV	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000076	TRẦN THỜI - CẨM NANG 150 NÚT DÂY THÔNG MINH NHẤT THẾ GIỚI
2	18/09/2018	STK-000077	HUỲNH TOÀN - CHÍN MƯƠI 99 TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG
3	18/09/2018	STK-000078	TOAN ÁNH - NẾP CŨ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM (QUYỂN THƯỢNG)
4	18/09/2018	STK-000079	TÔN THẤT ĐÔNG - MỘT TRĂM 126 TRÒ CHƠI VUI CHƠI TẬP THỂ CHỌN LỌC
5	18/09/2018	STK-000080	BAN TUYÊN GIÁO TW - TÀI LIỆU BD LLCT DÀNH CHO HV ỚP ĐT KN ĐẢNG
6	18/09/2018	STK-000081	BÙI VĂN TRỰC - TIẾT SINH HOẠT CHỦ NHIỆM VỚI KNS 2
7	18/09/2018	STK-000082	NGUYỄN THỐNG - PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG TRONG QUẢN LÝ
8	18/09/2018	STK-000083	NGUYỄN QUÁN - KINH TẾ CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI
9	18/09/2018	STK-000084	VŨ CÔNG TUẤN - THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
10	18/09/2018	STK-000085	BỘ GD-ĐT - CÁC VĂN BẢN PQ HIỆN HÀNH VỀ THI TN, THI HS GIỎI VÀ TUYỂN SINH BẬC THPT
11	18/09/2018	STK-000086	MAI VĂN BƯU - GIÁO TRÌNH HIỆU QUẢ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ NƯỚC
12	18/09/2018	STK-000087	VŨ BÁ HÒA - GÓP PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC THÂN THIỆN HS TÍCH CỰC
13	18/09/2018	STK-000088	VŨ BÁ HÒA - GÓP PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC THÂN THIỆN HS TÍCH CỰC
14	18/09/2018	STK-000089	ĐẶNG TỰ ÂN - MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VN NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THỰC TIỄN VÀ LÝ LUẬN
15	18/09/2018	STK-000090	ĐẶNG TỰ ÂN - MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VN NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THỰC TIỄN VÀ LÝ LUẬN
16	18/09/2018	STK-000091	TONY BUZAN - BẢN TƯ DUY CHO TRẺ THÔNG MINH-CÁC KỸ NĂNG HỌC GIỎI
17	18/09/2018	STK-000092	TONY BUZAN - BẢN TƯ DUY CHO TRẺ THÔNG MINH-CÁC KỸ NĂNG HỌC GIỎI
18	18/09/2018	STK-000093	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - TRẦN PHÚ TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG
19	18/09/2018	STK-000094	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - LÊ DUẨN MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO LỖI LẠC, MỘT TƯ DUY SÁNG TẠO LỚN CỦA CMVN
20	18/09/2018	STK-000095	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - TRƯỜNG CHINH MỘT NHÂN CÁCH LỚN, MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO KIỆT XUẤT CỦA CMVN
21	18/09/2018	STK-000096	HỒNG LINH - VIỆT NAM 15 NĂM ĐỔI MỚI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN 2010
22	18/09/2018	STK-000097	HUỲNH CÔNG MINH - NIÊN GIÁM HỌC SINH GIỎI TPHCM
23	18/09/2018	STK-000098	HỘI KHOA HỌC KT VN - NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
24	18/09/2018	STK-000099	LÊ HUY HÒA - HƯỚNG DẪN THỂ THỨC VÀ KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VBHC CÔNG TÁC KT, X.LÝ VBQPPL...
25	18/09/2018	STK-000100	TONY BUZAN - BẢN ĐỒ TƯ DUY CHO TRẺ THÔNG MINH TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ VÀ KHẢ NĂNG TẬP TRUNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	HN	2014	22,000	3KTV	1							
Trẻ	TPHCM	2014	18,000		1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1997	35,000	39	1							
Trẻ	TPHCM	2014	20,000	3KTV.1	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	25,000	3KV	1							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2015	55,000	371.01	1							
Thống kê	HN	1997	34,000	33	1							
Thống kê	HN	1997	50,000	33(N)	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1998	60,000	33	1							
Giáo dục	HN	1999	10,000	34(V)	1							
Khoa học và kỹ thuật	HN	1998	19,500	33	1							
Giáo dục	HN	2010	80,000	3	1							
Giáo dục	HN	2010	80,000	3	1							
Giáo dục	HN	2015	45,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	45,000	37	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	68,000	3	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	68,000	3	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	85,000	3KV1(092)	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2002	90,000	3KV1(092)	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2002	90,000	3KV1(092)	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2002	300,000	3	1							
Giáo dục	HN	2002	145,000	373	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2003	195,000	3	1							
Lao động	HN	2011	299,000	3	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	68,000	3	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000101	TONY BUZAN - BẢN ĐỒ TƯ DUY CHO TRẺ THÔNG MINH BÍ QUYẾT HỌC GIỎI Ở TRƯỜNG
2	18/09/2018	STK-000102	TONY BUZAN - BẢN ĐỒ TƯ DUY CHO TRẺ THÔNG MINH BÍ QUYẾT HỌC GIỎI Ở TRƯỜNG
3	18/09/2018	STK-000103	BỘ CÔNG AN - PHỤ NỮ CÔNG AN CHÂN DUNG VÀ PHỤ KIỆN
4	18/09/2018	STK-000104	ĐẶNG QUỐC BẢO - GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VĂN HÓA CHO THANH TN, NNĐ
5	18/09/2018	STK-000105	ĐẶNG QUỐC BẢO - GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VĂN HÓA CHO THANH TN, NNĐ
6	18/09/2018	STK-000106	ĐẶNG QUỐC BẢO - GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VĂN HÓA CHO THANH TN, NNĐ
7	18/09/2018	STK-000107	ĐẶNG QUỐC BẢO - GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VĂN HÓA CHO THANH TN, NNĐ
8	18/09/2018	STK-000108	ĐẶNG QUỐC BẢO - GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VĂN HÓA CHO THANH TN, NNĐ
9	18/09/2018	STK-000109	TẠ HUY LONG - TRÒ CHƠI DÂN GIAN CHO THIẾU NHI
10	18/09/2018	STK-000110	TẠ HUY LONG - TRÒ CHƠI DÂN GIAN CHO THIẾU NHI
11	18/09/2018	STK-000111	TẠ HUY LONG - TRÒ CHƠI DÂN GIAN CHO THIẾU NHI
12	18/09/2018	STK-000112	TRẦN ĐẠI VI - BỒI DƯỠNG CHO TRẺ 49 KỸ NĂNG SỐNG THỰC TẾ
13	18/09/2018	STK-000113	TRẦN ĐẠI VI - BỒI DƯỠNG CHO TRẺ 49 PP VẬN ĐỘNG RÈN LUYỆN SỨC KHỎE
14	18/09/2018	STK-000114	TRẦN ĐẠI VI - BỒI DƯỠNG CHO TRẺ 49 PP VẬN ĐỘNG RÈN LUYỆN SỨC KHỎE
15	18/09/2018	STK-000115	HOA LỤC BÌNH - TRI THỨC BÁCH KHOA CHO TRẺ EM
16	18/09/2018	STK-000116	SA ALBION - KHOẢNG TRỜI BÌNH YÊN CHO CON
17	18/09/2018	STK-000117	SA ALBION - KHOẢNG TRỜI BÌNH YÊN CHO CON
18	18/09/2018	STK-000118	KIM JI-EUN - NHÓM MÁU AB
19	18/09/2018	STK-000119	KIM JI-EUN - NHÓM MÁU AB
20	18/09/2018	STK-000120	KIM JI-EUN - NHÓM MÁU B ĐIỂM 10 CÁ TÍNH
21	18/09/2018	STK-000121	KIM JI-EUN - NHÓM MÁU B ĐIỂM 10 CÁ TÍNH
22	18/09/2018	STK-000122	KIM JI-EUN - NHÓM MÁU B ĐIỂM 10 CÁ TÍNH
23	18/09/2018	STK-000123	KIM JI-EUN - GIÀU TÌNH CẢM NHÓM MÁU A
24	18/09/2018	STK-000124	KIM JI-EUN - GIÀU TÌNH CẢM NHÓM MÁU A
25	18/09/2018	STK-000125	KIM JI-EUN - GIÀU TÌNH CẢM NHÓM MÁU A

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	68,000	3	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	68,000	3	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2003	300,000	33	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2017	128,000	371	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2017	128,000	371	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2017	128,000	371	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2017	128,000	371	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2017	128,000	371	1							
Kim Đồng		2009	25,000	37(V)	1							
Kim Đồng		2009	25,000	37(V)	1							
Kim Đồng		2009	25,000	37(V)	1							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2012	55,000	3	1							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2012	55,000	3	1							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2012	55,000	3	1							
Kim Đồng	HN	2009	300,000	03	1							
Thanh niên	HN	2012	38,000	15	1							
Thanh niên	HN	2012	38,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000126	KIM JI-EUN - NĂNG ĐỘNG SỐ 1 NHÓM MÁU O
2	18/09/2018	STK-000127	KIM JI-EUN - NĂNG ĐỘNG SỐ 1 NHÓM MÁU O
3	18/09/2018	STK-000128	KIM JI-EUN - NĂNG ĐỘNG SỐ 1 NHÓM MÁU O
4	18/09/2018	STK-000129	MARK TWAIN - CUỘC PHIÊU LƯU CỦA TÔM XOI-Ơ
5	18/09/2018	STK-000130	KWON SUK HYANG - CHUYỆN VỀ GÃ NÔ - BU
6	18/09/2018	STK-000131	HỒNG VÂN - SƯ TỬ, PHÙ THỦY VÀ CÁI TỦ ÁO
7	18/09/2018	STK-000132	AXTRID LINDGREN - CAC1XON SỐNG TRÊN MÁI NHÀ
8	18/09/2018	STK-000133	JULES VERNE - CUỘC DU HÀNH VÀO TRUNG TÂM TÂM TRÁI ĐẤT
9	18/09/2018	STK-000134	MAURICE CAREME - CHUYỆN KỂ CHO CAPRINE
10	18/09/2018	STK-000135	HUỲNH PHAN THANH UYÊN - SỨC MẠNH TÌNH YÊU
11	18/09/2018	STK-000136	L.FRANK BAUM - PHÙ THỦY XỨ OZ
12	18/09/2018	STK-000137	LAN PHƯƠNG - TRUYỆN CỔ TÍCH VỀ TÊN TƯỚNG CƯỚP
13	18/09/2018	STK-000138	RONIMUND HUBERT VON BISSING - ĐẤT NƯỚC VÀNG NÓNG CHẢY
14	18/09/2018	STK-000139	HECTOR MALOT - KHÔNG GIA ĐÌNH
15	18/09/2018	STK-000140	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ CỦA CHÚ NGỰA ĐEN
16	18/09/2018	STK-000141	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ CỦA CHÚ NGỰA ĐEN
17	18/09/2018	STK-000142	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ CỦA CHÚ NGỰA ĐEN
18	18/09/2018	STK-000143	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ CỦA CHÚ NGỰA ĐEN
19	18/09/2018	STK-000144	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ CỦA CHÚ NGỰA ĐEN
20	18/09/2018	STK-000145	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ CỦA CHÚ NGỰA ĐEN
21	18/09/2018	STK-000146	LEMONY SNICKET - SỰ KHỞI ĐẦU ĐẦY XUI XẺO TẬP 1
22	18/09/2018	STK-000148	LAN PHƯƠNG - TRUYỆN CỔ TÍCH VỀ TÊN TƯỚNG CƯỚP
23	18/09/2018	STK-000149	HÀ YÊN - CHIA SẺ
24	18/09/2018	STK-000150	HÀ YÊN - YÊU THƯƠNG
25	18/09/2018	STK-000151	HÀ YÊN - TỰ TIN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	20,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐV	1							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	ĐV	1							
Kim Đồng	HN	2006	15,000		1							
Văn học	HN	1997	11,000		1							
Văn học	HN	1996	10,000		1							
Kim Đồng	HN	2005	9,000		1							
Văn học	HN	1993	6,000		1							
Văn nghệ	TPHCM	1997	17,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	15,000		1							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	1997	10,500		1							
Thanh niên	HN	1992	30,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	9,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	9,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	9,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	9,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	9,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	9,000		1							
Kim Đồng	HN	2009	25,000		1							
Kim Đồng	HN	2006	15,000		1							
Trẻ	TPHCM	2016	25,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	28,000		1							
Trẻ	TPHCM	2016	28,000	V	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000152	HÀ YÊN - TỬ TẾ
2	18/09/2018	STK-000153	HÀ YÊN - NGOAN NGOÃN
3	18/09/2018	STK-000154	HÀ YÊN - MẠNH MẼ
4	18/09/2018	STK-000155	HÀ YÊN - HIẾU THẢO
5	18/09/2018	STK-000156	HÀ YÊN - CÔNG BẰNG
6	18/09/2018	STK-000157	LƯƠNG HÙNG - NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG QUYẾT TÂM
7	18/09/2018	STK-000158	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG BIẾT ƠN
8	18/09/2018	STK-000159	BÍCH NGA - NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG TRẮC ẨN
9	18/09/2018	STK-000160	NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG VỊ THA
10	18/09/2018	STK-000161	NHIỀU TÁC GIẢ - NĂM MƯƠI GƯƠNG HIẾU THỜI NAY
11	18/09/2018	STK-000162	LÊ THỊ LUẬN - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 1
12	18/09/2018	STK-000163	LÊ THỊ LUẬN - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 2
13	18/09/2018	STK-000164	LÊ THỊ LUẬN - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 3
14	18/09/2018	STK-000165	LÊ THỊ LUẬN - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 4
15	18/09/2018	STK-000166	LÊ THANH SỬ - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 5
16	18/09/2018	STK-000167	LÊ THỊ LUẬN - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 6
17	18/09/2018	STK-000168	LÊ THANH SỬ - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 7
18	18/09/2018	STK-000169	LÊ THANH SỬ - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 8
19	18/09/2018	STK-000170	LÊ THANH SỬ - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH TẬP 9
20	18/09/2018	STK-000171	ĐẶNG THÚY ANH - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 1
21	18/09/2018	STK-000172	TRẦN VĂN ĐỨC - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 2
22	18/09/2018	STK-000173	TRẦN VĂN ĐỨC - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 3
23	18/09/2018	STK-000174	ĐẶNG THÚY ANH - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 4
24	18/09/2018	STK-000175	ĐẶNG THÚY ANH - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 5
25	18/09/2018	STK-000176	ĐẶNG THÚY ANH - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 6

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2016	28,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	25,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	28,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	28,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	28,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	12,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	12,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	12,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	12,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2006	12,500	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2015	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2015	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	38,000	V	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000177	LÊ THANH SỬ - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 7
2	18/09/2018	STK-000178	LÊ THANH SỬ - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 8
3	18/09/2018	STK-000179	LÊ THANH SỬ - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 9
4	18/09/2018	STK-000180	LÊ THANH SỬ - GƯƠNG SÁNG HỌC ĐƯỜNG TẬP 10
5	18/09/2018	STK-000181	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHO TÔI XIN MỘT VÉ ĐI TUỔI THƠ
6	18/09/2018	STK-000182	NHIỀU TÁC GIẢ - CON GÁI NGƯỜI LÍNH ĐẢO
7	18/09/2018	STK-000183	NGUYỄN HẠNH - LÒNG HIẾU THẢO
8	18/09/2018	STK-000184	NGUYỄN HẠNH - TÌNH MẪU TỬ
9	18/09/2018	STK-000185	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THẦY TRÒ
10	18/09/2018	STK-000186	TRIỆU ANH BA - DẠY TRẺ CÓ CHÍ TIẾN THỦ
11	18/09/2018	STK-000187	VŨ HOA MỸ - DẠY TRẺ CÓ TRÁI TIM YÊU THƯƠNG
12	18/09/2018	STK-000188	TUYỂN TẬP NHỮNG TRUYỆN HAY VIẾT VỀ ÔNG BÀ CHA MẸ CHÚNG TA
13	18/09/2018	STK-000189	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LÁ NẰM TRONG LÁ
14	18/09/2018	STK-000190	BẢO NINH - BÈ TRẦM
15	18/09/2018	STK-000191	TOAN ÁNH - TRUYỆN NGẮN LÀNG QUÊ
16	18/09/2018	STK-000192	THANH QUẾ - THỊ TRẤN EM KẾT NGHĨA
17	18/09/2018	STK-000193	GEMMA REECE - ĐỪNG... CHO AI BIẾT NHÉ
18	18/09/2018	STK-000194	GUY CAMPBELL - ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI HÙNG
19	18/09/2018	STK-000195	DOMINIQUE ENRIGHT - ĐỂ TRỞ THÀNH CHÀNG TRAI TÀI NĂNG TẬP 1
20	18/09/2018	STK-000196	MARTIN OLIVER - ĐỂ TRỞ THÀNH CHÀNG TRAI TÀI NĂNG TẬP 2
21	18/09/2018	STK-000197	JULIANA FOSTER - ĐỂ TRỞ THÀNH CÔ GÁI TÀI NĂNG TẬP 1
22	18/09/2018	STK-000198	SALLY NORTON - ĐỂ TRỞ THÀNH CÔ GÁI TÀI NĂNG TẬP 2
23	18/09/2018	STK-000199	NGUYỄN VĂN LÊ - CHUYÊN ĐỀ TÂM LÝ HỌC TẬP 1
24	18/09/2018	STK-000200	HOÀNG THANH MINH - VĂN HÓA CUỘC SỐNG
25	18/09/2018	STK-000201	RAYMONT DE SAINT LAURENT - Ở SAO CHO VỪA LÒNG NGƯỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2015	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2015	38,000	V	1							
Giáo dục	HN	2015	38,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	63,000	V	1							
Giáo dục	HN	2002	9,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	21,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	13,500	V	1							
Trẻ	TPHCM	2016	13,500	V	1							
Giáo dục	HN	2014	40,000	V	1							
Giáo dục	HN	2014	40,000	V	1							
Giáo dục	HN	1995	15,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	2011	70,000	V	1							
Trẻ	TPHCM	1997	21,000	V	1							
Văn nghệ	TPHCM	1996	9,000	V	1							
Kim Đồng	HN	2005	16,500	V	1							
Kim Đồng	HN	2009	45,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	45,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	45,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	45,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	45,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2009	45,000	15	1							
Giáo dục	HN	1997	12,000	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1995	7,500	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1998	12,000	15	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000202	XUÂN NGUYỄN - THÊM CHÚT KHÔN KHÉO CHO ĐỜI HANH THÔNG
2	18/09/2018	STK-000203	PHẠM TẤT DONG - TÂM LÍ HỌC KINH DOANH
3	18/09/2018	STK-000204	PHAN KIM HOA - THUẬT GIAO TIẾP VỚI BẠN GÁI
4	18/09/2018	STK-000205	HOÀNG XUÂN VIỆT - NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC VÀ GÂY CẢM TÌNH
5	18/09/2018	STK-000206	Hoài Anh - Vua Minh Mạng
6	18/09/2018	STK-000207	VÕ THÀNH VỊ - QUẢN LÝ HÀNH CHÁNH VĂNG PHÒNG
7	18/09/2018	STK-000208	NGÔ TRẦN ÁI - VỀ NHIỆM VỤ NĂM HỌC
8	18/09/2018	STK-000209	SAMM.S.BAKER - LUYỆN TRÍ SÁNG TẠO
9	18/09/2018	STK-000210	VÕ THANH THU - QUAN HỆ THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN
10	18/09/2018	STK-000211	HƯƠNG BÌNH - TÌNH THẦY VÀ TRÒ
11	18/09/2018	STK-000212	HƯƠNG BÌNH - TÌNH THẦY VÀ TRÒ
12	18/09/2018	STK-000213	HƯƠNG BÌNH - TÌNH THẦY VÀ TRÒ
13	18/09/2018	STK-000214	TÔN THẤT SAM - SỔ TAY SINH HOẠT TẬP 2
14	18/09/2018	STK-000215	BÙI VĂN TRỰC - TUYỂN TẬP CÁC CÂU CHUYỆN GIÁO DỤC NHÂN CÁCH 1
15	18/09/2018	STK-000216	VŨ XUÂN VINH - SỔ TAY ĐẠO ĐỨC TIỂU HỌC
16	18/09/2018	STK-000217	TÔN THẤT SAM - VUI RÈN SỨC KHỎE
17	18/09/2018	STK-000218	TRẦN THỜI - KỸ NĂNG THANH NIÊN TÌNH NGUYỆN
18	18/09/2018	STK-000219	TRẦN PHIÊU - TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG DƯỚI NƯỚC
19	18/09/2018	STK-000220	TRẦN PHIÊU - TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG DƯỚI NƯỚC
20	18/09/2018	STK-000221	TRẦN PHIÊU - TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG DƯỚI NƯỚC
21	18/09/2018	STK-000222	TRẦN KIỂM - KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC
22	18/09/2018	STK-000223	THIỆU VĨ HOA - HAI TRĂM CÂU HỎI VỀ GIẢI MỘNG
23	18/09/2018	STK-000224	TRẦN HOÀN - TUYỂN TẬP VĂN HÓA VÀ ÂM NHẠC
24	18/09/2018	STK-000225	HUỲNH TOÀN - PHỤ TRÁCH SAO NHI ĐỒNG CẦN BIẾT
25	18/09/2018	STK-000226	TÀI LIỆU BD LLCT DÀNH CHO HỌC VIÊN LỚP ĐỐI TƯỢNG KẾT NẠP ĐẢNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2016	80,000	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1993	15,000	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1993	5,800	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1996	23,000	15	1							
Kim Đồng	HN	2005	8,000	001(09)	1							
Thống kê	HN	1998	20,000	34(V)	1							
Giáo dục	HN	2001	4,500	34(V)	1							
Trẻ	TPHCM	2001	19,000	37	1							
Tài chính	HN	1998	26,500	33	1							
Trẻ	TPHCM	2010	21,000	371	1							
Trẻ	TPHCM	2010	21,000	371	1							
Trẻ	TPHCM	2010	21,000	371	1							
Trẻ	TPHCM	2003	12,000	37	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	2015	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2009	11,500	371	1							
Trẻ	TPHCM	2001	12,600	37	1							
Trẻ	TPHCM	2002	9,000	37	1							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	3	1							
Giáo dục	HN	2004	23,500	371	1							
Hồng Đức	HN	2012	50,000	37	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	1997	35,000	37	1							
Trẻ	TPHCM	2015	39,000	3KTV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	25,000	3KV	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000227	HUỲNH CÔNG MINH - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TPHCM HỘI NHẬP CÁC NỀN GIÁO DỤC TIÊN TIẾN
2	18/09/2018	STK-000228	HUỲNH CÔNG MINH - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TPHCM HỘI NHẬP CÁC NỀN GIÁO DỤC TIÊN TIẾN
3	18/09/2018	STK-000229	VÕ LANG - MẤY LỜI KHUYÊN PHỤ HUYNH
4	18/09/2018	STK-000230	PHAN KIM HUÊ - BỆNH TỰ KIÊU
5	18/09/2018	STK-000231	BAN TƯ TƯỞNG VHTW - TÀI LIỆU BD NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ
6	18/09/2018	STK-000232	LÊ NGỌC TÚ - CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM 9 CHÍN MỐC SON LỊCH SỬ 1929 - 2006
7	18/09/2018	STK-000233	NGUYỄN QUỐC TUẤN - NIÊN GIÁM TỔ CHỨC GD VÀ ĐT VIỆT NAM 2003 - 2004
8	18/09/2018	STK-000234	NGUYỄN ĐĂNG VINH - UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN-NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ VÀ NGƯỜI CÓ
9	18/09/2018	STK-000235	HỒ TIẾN NGHỊ - CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
10	18/09/2018	STK-000236	TẠ HỮU ÁNH - NIÊN GIÁM 1999
11	18/09/2018	STK-000237	TẠ HỮU ÁNH - NIÊN GIÁM 2000
12	18/09/2018	STK-000238	NGUYỄN SĨ DŨNG - NIÊN GIÁM 1999 - 2000
13	18/09/2018	STK-000239	TẠ HỮU ÁNH - NIÊN GIÁM 1998
14	18/09/2018	STK-000240	HỮU KHÁNH - BA MƯƠI BẢY PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ CÓ LÒNG TỰ TIN
15	18/09/2018	STK-000241	HỮU KHÁNH - BA MƯƠI BẢY PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ CÓ LÒNG TỰ TIN
16	18/09/2018	STK-000242	HỮU KHÁNH - BA MƯƠI BẢY PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ CÓ LÒNG TỰ TIN
17	18/09/2018	STK-000243	HỮU KHÁNH - BA MƯƠI BẢY PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ CÓ LÒNG TỰ TIN
18	18/09/2018	STK-000244	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - KHI CON CÁI CHÚNG TA NGỖ NGHỊCH
19	18/09/2018	STK-000245	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - KHI CON CÁI CHÚNG TA NGỖ NGHỊCH
20	18/09/2018	STK-000246	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - KHI CON CÁI CHÚNG TA NGỖ NGHỊCH
21	18/09/2018	STK-000247	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - KHI CON CÁI CHÚNG TA NGỖ NGHỊCH
22	18/09/2018	STK-000248	F.E.GILBRETH - HÃY CƯỜI LÊN CÁC CON
23	18/09/2018	STK-000249	F.E.GILBRETH - HÃY CƯỜI LÊN CÁC CON
24	18/09/2018	STK-000250	F.E.GILBRETH - HÃY CƯỜI LÊN CÁC CON
25	18/09/2018	STK-000251	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - TRẺ BƯỚNG BỈNH LÀM SAO ĐÂY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	60,000	3	1							
Giáo dục	HN	2010	60,000	3	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1993	6,000	371	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1997	10,000	371	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	13,000	3KV4	1							
Lao động	HN	2006	285,000	3	1							
Thống kê	HN	2004	265,000	3	1							
Lao động	HN	2003	260,000	32(V)	1							
Thông tấn	HN	2004	285,000	3	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	290,000	34(V)	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	290,000	34(V)	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	245,000	34(V)	1							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	265,000	34(V)	1							
Trẻ	TPHCM	2005	15,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	15,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	15,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	15,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	17,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	17,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	17,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	17,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	25,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	25,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	25,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	28,000	15	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000252	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - TRẺ BƯỚNG BỈNH LÀM SAO ĐÂY
2	18/09/2018	STK-000253	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - TRẺ BƯỚNG BỈNH LÀM SAO ĐÂY
3	18/09/2018	STK-000254	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH - TRẺ BƯỚNG BỈNH LÀM SAO ĐÂY
4	18/09/2018	STK-000255	NGUYỄN VIẾT THÔNG - NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI, KT MÔN ĐƯỜNG LỐI CM CỦA ĐCSVN
5	18/09/2018	STK-000256	PHẠM NGỌC ANH - GIÁO TRÌNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
6	18/09/2018	STK-000257	NGUYỄN THỤY ANH - CHÚ LÍNH MỘT CÂU
7	18/09/2018	STK-000258	NGUYỄN THỤY ANH - CHÚ LÍNH MỘT CÂU
8	18/09/2018	STK-000259	NGUYỄN THỤY ANH - CHÚ LÍNH MỘT CÂU
9	18/09/2018	STK-000260	NGUYỄN THỤY ANH - CHÚ LÍNH MỘT CÂU
10	18/09/2018	STK-000261	NGUYỄN THỤY ANH - CHÚ LÍNH MỘT CÂU
11	18/09/2018	STK-000262	NGUYỄN THỤY ANH - TỔ QUỐC
12	18/09/2018	STK-000263	NGUYỄN THỤY ANH - TỔ QUỐC
13	18/09/2018	STK-000264	NGUYỄN THỤY ANH - TỔ QUỐC
14	18/09/2018	STK-000265	NGUYỄN THỤY ANH - TỔ QUỐC
15	18/09/2018	STK-000266	NGUYỄN THỤY ANH - TỔ QUỐC
16	18/09/2018	STK-000267	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ PHẢI ĐI LÀM
17	18/09/2018	STK-000268	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ PHẢI ĐI LÀM
18	18/09/2018	STK-000269	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ PHẢI ĐI LÀM
19	18/09/2018	STK-000270	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ PHẢI ĐI LÀM
20	18/09/2018	STK-000271	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO PHẢI UỐNG SỮA
21	18/09/2018	STK-000272	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO PHẢI UỐNG SỮA
22	18/09/2018	STK-000273	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO PHẢI UỐNG SỮA
23	18/09/2018	STK-000274	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO PHẢI UỐNG SỮA
24	18/09/2018	STK-000275	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO PHẢI UỐNG SỮA
25	18/09/2018	STK-000276	NGUYỄN THỤY ANH - TÌNH YÊU LÀ GÌ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	28,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	28,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	28,000	15	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	41,000	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	24,000	3KV	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000277	NGUYỄN THỤY ANH - TÌNH YÊU LÀ GÌ
2	18/09/2018	STK-000278	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ HAY NỔI NÓNG
3	18/09/2018	STK-000279	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ HAY NỔI NÓNG
4	18/09/2018	STK-000280	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ HAY NỔI NÓNG
5	18/09/2018	STK-000281	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO MẸ HAY NỔI NÓNG
6	18/09/2018	STK-000282	NGUYỄN THỤY ANH - BÁC SĨ LÀ BẠN CON
7	18/09/2018	STK-000283	NGUYỄN THỤY ANH - BÁC SĨ LÀ BẠN CON
8	18/09/2018	STK-000284	NGUYỄN THỤY ANH - BÁC SĨ LÀ BẠN CON
9	18/09/2018	STK-000285	NGUYỄN THỤY ANH - BÁC SĨ LÀ BẠN CON
10	18/09/2018	STK-000286	NGUYỄN THỤY ANH - BÁC SĨ LÀ BẠN CON
11	18/09/2018	STK-000287	NGUYỄN THỤY ANH - NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ
12	18/09/2018	STK-000288	NGUYỄN THỤY ANH - NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ
13	18/09/2018	STK-000289	NGUYỄN THỤY ANH - NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ
14	18/09/2018	STK-000290	NGUYỄN THỤY ANH - NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ
15	18/09/2018	STK-000291	NGUYỄN THỤY ANH - NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ
16	18/09/2018	STK-000292	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO PHẢI ĐI VỆ SINH ĐÚNG LÚC
17	18/09/2018	STK-000293	NGUYỄN THỤY ANH - VÌ SAO PHẢI ĐI VỆ SINH ĐÚNG LÚC
18	18/09/2018	STK-000294	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐỪNG BAO GIỜ TỪ BỎ ƯỚC MƠ
19	18/09/2018	STK-000295	PHẠM DUYÊN HỒNG - KHÔNG CÓ TRẺ NGU DỐT CHỈ CÓ TRẺ KHÔNG BIẾT TẬN DỤNG THỜI GIAN
20	18/09/2018	STK-000296	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG - NHỮNG SAI LẦM THƯỜNG GẶP TRONG VIỆC GIÁO DỤC CON TRẺ
21	18/09/2018	STK-000297	LƯU XUÂN MỚI - THUẬT ỨNG XỬ TÌNH HUỐNG TRONG QUẢN LÝ GD-ĐT
22	18/09/2018	STK-000298	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG - GIÚP TRẺ BIẾT TỰ THỂ HIỆN BẢN THÂN
23	18/09/2018	STK-000299	LIÊM TRINH - ĐỐI THOẠI VỚI CON
24	18/09/2018	STK-000300	LIÊM TRINH - GIÁO DỤC GIỚI TÍNH SINH SẢN VÀ ỨNG XỬ
25	18/09/2018	STK-000301	NGUYỄN LẬP - ĐỂ NUÔI DẠY CON NÊN NGƯỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Mỹ thuật	HN	2011	20,000	37	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2010	24,000	15	1							
Phụ Nữ	HN	2008	16,000	15	1							
Phụ Nữ	HN	2009	23,000	15	1							
Giáo dục	HN	2008	34,500	15	1							
Phụ Nữ	HN	2006	19,000	15	1							
Phụ Nữ	HN	2007	30,000	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	21,000	15	1							
Phụ Nữ	HN	2009	18,000	15	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000302	LOUISE SPILSBURY - THÔNG MINH ĐỂ AN TOÀN
2	18/09/2018	STK-000303	LOUISE SPILSBURY - THÔNG MINH ĐỂ AN TOÀN
3	18/09/2018	STK-000304	LOUISE SPILSBURY - THÔNG MINH ĐỂ AN TOÀN
4	18/09/2018	STK-000305	GREG PAULK - HÙNG BIỆN KHÔNG KHÓ
5	18/09/2018	STK-000306	GREG PAULK - HÙNG BIỆN KHÔNG KHÓ
6	18/09/2018	STK-000307	GREG PAULK - HÙNG BIỆN KHÔNG KHÓ
7	18/09/2018	STK-000308	TESSA PHIPPS - NIỀM VUI HỌC HÀNH
8	18/09/2018	STK-000309	TESSA PHIPPS - NIỀM VUI HỌC HÀNH
9	18/09/2018	STK-000310	TESSA PHIPPS - NIỀM VUI HỌC HÀNH
10	18/09/2018	STK-000311	SARAH MEDINA - NÉT ĐẸP CỦA TỰ TRỌNG
11	18/09/2018	STK-000312	SARAH MEDINA - NÉT ĐẸP CỦA TỰ TRỌNG
12	18/09/2018	STK-000313	SARAH MEDINA - NÉT ĐẸP CỦA TỰ TRỌNG
13	18/09/2018	STK-000314	GREG PAULK - SỨC HÚT CỦA THUYẾT PHỤC
14	18/09/2018	STK-000315	GREG PAULK - SỨC HÚT CỦA THUYẾT PHỤC
15	18/09/2018	STK-000316	GREG PAULK - SỨC HÚT CỦA THUYẾT PHỤC
16	18/09/2018	STK-000317	LOUISE SPILSBURY - KIỂM SOÁT SỰ GIẬN DỮ
17	18/09/2018	STK-000318	LOUISE SPILSBURY - KIỂM SOÁT SỰ GIẬN DỮ
18	18/09/2018	STK-000319	LOUISE SPILSBURY - KIỂM SOÁT SỰ GIẬN DỮ
19	18/09/2018	STK-000320	NGUYỄN HỮU THÂN - QUẢN TRỊ HÀNH CHÁNH VĂN PHÒNG
20	18/09/2018	STK-000321	PHẠM THANH PHẤN - TÁM MƯƠI MỐT MẪU HỢP ĐỒNG VÀ VĂN BẢN QUẢN LÝ
21	18/09/2018	STK-000322	MAI BỘ - CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ
22	18/09/2018	STK-000323	TRẦN KIỀM - NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC
23	18/09/2018	STK-000324	HOÀNG VĂN HÀNH - TỪ ĐIỂN TỪ LÁY TIẾNG VIỆT
24	18/09/2018	STK-000325	VŨ XUÂN THÁI - GỐC VÀ NGHĨA
25	18/09/2018	STK-000326	HOÀNG PHÊ - TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT 2008

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2015	30,000	15	1							
Thống kê	HN	1998	40,000	3	1							
Thống kê	HN	1997	38,000	34	1							
Thống kê	HN	2002	62,000	34	1							
Đại học sư phạm	HN	2008	59,000	371	1							
Khoa học xã hội	HN	1998	55,000	4(V)(03)	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	1999	100,000	4(V)(03)	1							
Đà Nẵng	ĐN	2008	180,000	4(V)(03)	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/09/2018	STK-000327	BÙI PHỤNG - TỪ ĐIỂN VIỆT ANH
2	18/09/2018	STK-000328	NGUYỄN TÔN NHAN - TỪ ĐIỂN HÁN VIỆT VĂN NGÔN DẪN CHỨNG
3	18/09/2018	STK-000329	NEW ERA - TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
4	18/09/2018	STK-000330	VIỆT CHƯƠNG - TỪ ĐIỂN THÀNH NGỮ TỤC NGỮ CA DAO VIỆT NAM (QUYỂN HẠ)
5	18/09/2018	STK-000331	PHẠM ANH TUẤN - CHƠI VỚI TRẺ
6	18/09/2018	STK-000332	PHẠM ANH TUẤN - CHƠI VỚI TRẺ
7	18/09/2018	STK-000333	PHẠM ANH TUẤN - CHƠI VỚI TRẺ
8	18/09/2018	STK-000334	PHẠM ANH TUẤN - CHƠI VỚI TRẺ
9	18/09/2018	STK-000335	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI
10	18/09/2018	STK-000336	BÙI VĂN TRỰC - TIẾT SINH HOẠT CHỦ NHIỆM VỚI KỸ NĂNG SỐNG TẬP 1
11	18/09/2018	STK-000337	BÙI VĂN TRỰC - TẬP BÀI GIẢNG KỸ NĂNG SỐNG CHO THIẾU NHI TẬP 1
12	18/09/2018	STK-000338	BÙI VĂN TRỰC - TUYỂN TẬP CÁC CÂU CHUYỆN GIÁO DỤC NHÂN CÁCH TẬP 1
13	18/09/2018	STK-000339	BÙI VĂN TRỰC - PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY KỸ NĂNG SỐNG
14	18/09/2018	STK-000340	GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG CHO HS TIỂU HỌC
15	18/09/2018	STK-000341	GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG CHO HS TIỂU HỌC
16	18/09/2018	STK-000342	GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG CHO HS TIỂU HỌC
17	18/09/2018	STK-000343	GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG CHO HS TIỂU HỌC
18	18/09/2018	STK-000344	GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG CHO HS TIỂU HỌC
19	18/09/2018	STK-000345	PHẠM GIA BÌNH - NGHỆ THUẬT NÓI TRƯỚC CÔNG CHÚNG
20	18/09/2018	STK-000346	VÕ CHI MAI - SỨC MẠNH CỦA MỘT GIA ĐÌNH
21	18/09/2018	STK-000347	VÕ CHI MAI - SỨC MẠNH CỦA MỘT GIA ĐÌNH
22	18/09/2018	STK-000348	VÕ CHI MAI - SỨC MẠNH CỦA MỘT GIA ĐÌNH
23	18/09/2018	STK-000349	VÕ CHI MAI - SỨC MẠNH CỦA MỘT GIA ĐÌNH
24	25/09/2018	STK-000350	NGỌC LINH - ĐẾN LÚC ĐÓ, CON CÓ CÒN NẮM TAY MẸ NỮA HAY KHÔNG
25	25/09/2018	STK-000351	NGỌC LINH - SỐNG BẰNG CẢ TRÁI TIM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thế Giới	HN	1998	250,000	4(V)(03)	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2002	98,000	4(V)(03)	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	280,000	4(V)(03)	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1996	80,000	4(V)(03)	1							
Trẻ	TPHCM	2005	27,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	27,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	27,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	27,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	7	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	2015	55,000	3	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	2013	30,000	3	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	2015	25,000	3	1							
Hồng Đức	HN	2016	50,000	3	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	55,000	3	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	55,000	3	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	55,000	3	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	55,000	3	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	55,000	3	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	1998	15,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,000	15	1							
Thế Giới	HN	2018	45,000	ĐV13	1							
Thế Giới	HN	2018	45,000	V13	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/09/2018	STK-000352	NGUYỄN TRỌNG AN - CẨM NANG PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC
2	25/09/2018	STK-000353	THƯỜNG VŨ - THOÁT NẠN TRONG TÍCH TẮC (DÀNH CHO HS LỚP 3
3	25/09/2018	STK-000354	THOÁT NẠN TRONG TÍCH TẮC (DÀNH CHO HS LỚP 4
4	25/09/2018	STK-000355	LẠI THẾ LUYỆN - CHÌA KHÓA SỐNG GIẢN DỊ
5	25/09/2018	STK-000356	LẠI THẾ LUYỆN - CHÌA KHÓA SỐNG HƯỚNG THIỆN
6	25/09/2018	STK-000357	NHỀU TÁC GIẢ - HẠT GIỐNG TÂM HỒN - TỪ NHỮNG ĐIỀU BÌNH DỊ TẬP 3
7	25/09/2018	STK-000358	NHỀU TÁC GIẢ - HẠT GIỐNG TÂM HỒN - CHO LÒNG DŨNG CẢM VÀ TÌNH YÊU CUỘC SỐNG TẬP 1
8	25/09/2018	STK-000359	HẠNH HƯƠNG - BÍ QUYẾT HỌC BÀI MAU THUỘC
9	25/09/2018	STK-000360	NGUYỄN CÔNG HOAN - TẤM LÒNG VÀNG VÀ ÔNG CHỦ
10	25/09/2018	STK-000361	HÀ VĂN THƯ - TÓM TẮT NIÊN BIỂU LỊCH SỬ VIỆT NAM
11	25/09/2018	STK-000362	JOHN PENBERTHY - SỐNG HAY TỒN TẠI
12	25/09/2018	STK-000363	CHU NAM CHIẾU - HỌC CÁCH HỌC TẬP
13	25/09/2018	STK-000364	TIÊU VỆ - HỌC CHO AI? HỌC ĐỂ LÀM GÌ? TẬP 1
14	25/09/2018	STK-000365	TIÊU VỆ - HỌC CHO AI? HỌC ĐỂ LÀM GÌ? TẬP 2
15	25/09/2018	STK-000366	THẠCH LAM - GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA
16	25/09/2018	STK-000367	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHO TÔI XIN MỘT VÉ ĐI TUỔI THƠ
17	25/09/2018	STK-000368	LÊ ĐỨC DƯƠNG - CON TIM MÙA PHƯỢNG VĨ
18	25/09/2018	STK-000369	RIV NGUYỄN - MƯA CÁNH MỐI VÀ CÂY SÁO THIẾC
19	25/09/2018	STK-000370	HỒ HUY SƠN - ĐI QUA NHỮNG MÙA VÀNG
20	25/09/2018	STK-000371	NGUYÊN HỒNG - NHỮNG NGÀY THƠ ẤU
21	25/09/2018	STK-000372	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
22	25/09/2018	STK-000373	A.TOLSTOY - CHIẾC CHÌA KHÓA VÀNG HAY CHUYỆN LY KỲ CỦA BURATINO
23	25/09/2018	STK-000374	NGỌC KHÁNH - NĂM MƯƠI HAI CÂU CHUYỆN HAY VỀ SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA CÁC DANH NHÂN
24	25/09/2018	STK-000375	NGUYỄN DUY CẦN - THUẬT XỬ THẾ CỦA NGƯỜI XƯA
25	25/09/2018	STK-000376	NGUYỄN DUY CẦN - CÁI DŨNG CỦA THÁNH NHÂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	10,000	37	1							
Thanh niên	HN	2017	30,000	37	1							
Thanh niên	HN	2017	30,000	37	1							
Đà Nẵng	ĐN	2017	25,000	15	1							
Đà Nẵng	ĐN	2017	25,000	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	42,000	ĐV13	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2017	42,000	V13	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2017	12,000	15	1							
Văn học	HN	2017	36,000	ĐV13	1							
Hồng Đức	HN	2016	55,000	9(V)	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	42,000	V13	1							
Kim Đồng	HN	2017	29,000	37	1							
Kim Đồng	HN	2017	34,000	37	1							
Kim Đồng	HN	2017	34,000	37	1							
Văn học	HN	2017	35,000	V13	1							
Trẻ	TPHCM	2016	63,000	V	1							
Kim Đồng	HN	2017	24,000	ĐV13	1							
Kim Đồng	HN	2018	23,000	V13	1							
Kim Đồng	HN	2017	25,000	V13	1							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	V13	1							
Kim Đồng	HN	2018	40,000	V13	1							
Kim Đồng	HN	2017	23,000	V13	1							
Thanh niên	HN	2017	60,000	V13	1							
Trẻ	TPHCM	2018	40,000	V13	1							
Trẻ	TPHCM	2018	40,000	V13	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/09/2018	STK-000377	LÊ THÁI DŨNG - GƯƠNG SÁNG TRỜI NAM
2	25/09/2018	STK-000378	LÊ THÁI DŨNG - NHỮNG BẢNG NHÃN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM
3	25/09/2018	STN-000001	NGUYỄN THỊ KIM HÒA - CHIẾC ÁO CỦA GIÁN ĐẤT
4	25/09/2018	STN-000002	TRƯƠNG HUỲNH NHƯ TRÂN - LÁ THƯ MẬT MÃ
5	25/09/2018	STN-000003	HỒ HUY SƠN - CON DIỀU NGƯỢC GIÓ
6	25/09/2018	STN-000004	VÕ MẠNH HẢO - TRÒ ĐÙA CỦA CHUỒN CHUỒN
7	25/09/2018	STN-000005	HUỲNH VĂN SƠN - KỸ NĂNG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
8	25/09/2018	STN-000006	BÙI SAO - KỸ NĂNG GIAO TIẾP
9	25/09/2018	STN-000007	BÙI SAO - KỸ NĂNG TINH THẦN
10	25/09/2018	STN-000008	BÙI SAO - KỸ NĂNG TỰ LẬP
11	25/09/2018	STN-000009	LÝ PHONG LĂNG - VŨ TRỤ THẬT ĐƠN GIẢN
12	25/09/2018	STN-000010	CATHERINE METZMEYER - NHÌN CON ĐI
13	25/09/2018	STN-000011	ELISE RAUCY - NGÀY VÔ TẬN CỦA MẸ
14	25/09/2018	STN-000012	ARFANALFAYYAD - CHUỘT TÚI - BIỂU TƯỢNG CỦA NƯỚC ÚC
15	25/09/2018	STN-000013	ARFANALFAYYAD - RÙA - CHẬM MÀ CHẮC
16	25/09/2018	STN-000014	ARFANALFAYYAD - CÚ - THỢ SĂN MỒI LÚC NỬA ĐÊM
17	25/09/2018	STN-000015	HẠO NHIÊN - VIỆT NAM
18	25/09/2018	STN-000016	HẠO NHIÊN - Ý
19	25/09/2018	STN-000017	HOÀI NAM - NIGERIA
20	25/09/2018	STN-000018	NHÓM ĐẬU XANH - NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ KHÁT VỌNG VÀ ƯỚC MƠ
21	25/09/2018	STN-000019	LƯƠNG HÙNG - NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG QUYẾT TÂM
22	25/09/2018	STN-000020	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG BIẾT ƠN
23	25/09/2018	STN-000021	KEN SPILLMAN - TRÁI TIM VÀNG CỦA EMILY
24	25/09/2018	STN-000022	GIA MẠNH - NĂM TRĂM 556 CÂU ĐỐ RÈN TRÍ THÔNG MINH
25	25/09/2018	STN-000023	KEN SPILLMAN - KHOẢNH KHẮC THẬT LÒNG CỦA SOPHIE

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2017	56,000	V13	1							
Hồng Đức	HN	2017	56,000	9(V)	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2017	32,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2017	32,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2017	32,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2017	32,000	ĐV18	1							
Đại học sư phạm	TPHCM	2017	40,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	30,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	30,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	30,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	39,000	ĐV2	1							
Trẻ	TPHCM	2018	23,000	ĐV18	1							
Trẻ	TPHCM	2018	23,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	15,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	15,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	15,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	1							
Trẻ	TPHCM	2018	18,000	ĐV13	1							
Trẻ	TPHCM	2018	18,000	ĐV13	1							
Trẻ	TPHCM	2018	18,000	ĐV13	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	27,000	ĐV13	1							
Mỹ thuật	HN	2017	20,000	ĐV	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	27,000	ĐV13	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/09/2018	STN-000024	KEN SPILLMAN - THỬ THÁCH LỚN CỦA BRANDON
2	25/09/2018	STN-000025	NGUYỄN TAM PHÙ SA - CHU VĂN AN
3	25/09/2018	STN-000026	NGUYỄN TAM PHÙ SA - VÕ TRƯỜNG TOẢN
4	25/09/2018	STN-000027	NGUYỄN TAM PHÙ SA - LÝ THÁI TỔ
5	25/09/2018	STN-000028	HAN KIÊN - ANHXTANH
6	25/09/2018	STN-000029	LY SƠN MI - NIUTON
7	25/09/2018	STN-000030	HAN KIÊN - NÔBEN
8	25/09/2018	STN-000031	VICHTO HUYGO - NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ
9	25/09/2018	STN-000032	VICHTO HUYGO - THẰNG GÙ NHÀ THỜ ĐỨC BÀ
10	25/09/2018	STN-000033	PHẠM VIỆT - CHỮ ĐỒNG TỬ TIÊN DUNG
11	25/09/2018	STN-000034	PHẠM VIỆT - AI MUA HÀNH TÔI
12	25/09/2018	STN-000035	PHẠM VIỆT - CÂY NÊU NGÀY TẾT
13	25/09/2018	STN-000036	PHẠM VIỆT - TẤM CÁM
14	25/09/2018	STN-000037	PHẠM VIỆT - SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG BÁNH GIẦY
15	25/09/2018	STN-000038	HIẾU MINH - SỰ TÍCH CHÙA BÀ ĐANH
16	25/09/2018	STN-000039	HỒNG HÀ - HỔ VÀNG HỔ BẠC
17	25/09/2018	STN-000040	PENERBITAN PELANGI SDN.BHD. - TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ IQ TẬP 1
18	25/09/2018	STN-000041	PENERBITAN PELANGI SDN.BHD. - TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ IQ TẬP 3
19	25/09/2018	STN-000042	PENERBITAN PELANGI SDN.BHD. - TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ IQ TẬP 4
20	25/09/2018	STN-000043	PENERBITAN PELANGI SDN.BHD. - TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ IQ TẬP 5
21	25/09/2018	STN-000044	PENERBITAN PELANGI SDN.BHD. - TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ IQ TẬP 7
22	25/09/2018	STN-000045	PENERBITAN PELANGI SDN.BHD. - TRÒ CHƠI PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ IQ TẬP 8
23	25/09/2018	STN-000046	TRẦN ĐĂNG KHOA - GÓC SÂN VÀ KHOẢNG TRỜI
24	25/09/2018	STN-000047	NGUYỄN NGỌC KÝ - TUYỂN TẬP CÂU ĐỐ VUI TÂM ĐẮC DÀNH CHO TUỔI HỌC TRÒ TẬP 1
25	25/09/2018	STN-000048	NGUYỄN NGỌC KÝ - TUYỂN TẬP CÂU ĐỐ VUI TÂM ĐẮC DÀNH CHO TUỔI HỌC TRÒ TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	27,000	ĐV13	1							
Đại học sư phạm	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	1							
Đại học sư phạm	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	1							
Đại học sư phạm	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	25,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	30,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	30,000	ĐV18	1							
Mỹ thuật	HN	2017	12,000	ĐV18	1							
Mỹ thuật	HN	2017	12,000	ĐV18	1							
Mỹ thuật	HN	2017	12,000	ĐV18	1							
Mỹ thuật	HN	2017	12,000	ĐV18	1							
Mỹ thuật	HN	2017	12,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	10,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	10,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	10,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	10,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	10,000	ĐV18	1							
Thanh niên	HN	2017	10,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	50,000	ĐV11	1							
Trẻ	TPHCM	2017	25,000	ĐV	1							
Trẻ	TPHCM	2017	25,000	ĐV	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/09/2018	STN-000049	NGUYỄN NGỌC KÝ - TUYỂN TẬP CÂU ĐỐ VUI TÂM ĐẮC DÀNH CHO TUỔI HỌC TRÒ TẬP 3
2	25/09/2018	STN-000050	MILAN BATAVELJIC - THỬ TÀI QUAN SÁT
3	25/09/2018	STN-000051	MILAN BATAVELJIC - NHÌN NHANH ĐOÁN TRÚNG
4	25/09/2018	STN-000052	MILAN BATAVELJIC - NHÌN KỸ ĐOÁN NHANH
5	25/09/2018	STN-000053	MILAN BATAVELJIC - TOÁN HỌC VUI
6	25/09/2018	STN-000054	MILAN BATAVELJIC - ĐỐ VUI ĐOÁN GIỎI
7	25/09/2018	STN-000055	MILAN BATAVELJIC - THỬ TRÍ THÔNG MINH
8	25/09/2018	STN-000056	ESTELLE MEENS - TỚ LÀ SẾP
9	25/09/2018	STN-000057	ESTELLE MEENS - TỪ NGÀY HÔM NAY
10	25/09/2018	STN-000058	PHÚC MINH - PHÉP TÍNH ĐẾN 30
11	25/09/2018	STN-000059	PHÚC MINH - PHÉP TÍNH ĐẾN 20
12	25/09/2018	STN-000060	HẢI MINH - TRÒ CHƠI RÈN LUYỆN KHẢ NĂNG TƯ DUY
13	25/09/2018	STN-000061	HẢI MINH - TRÒ CHƠI RÈN LUYỆN KHẢ NĂNG TƯỞNG TƯỢNG
14	25/09/2018	STN-000062	BUM - XU - THÚ ANIMALS
15	25/09/2018	STN-000063	WANG XIAOXIAO - BẠN LÀ NGƯỜI CÓ NHIỀU Ý TƯỞNG SÁNG TẠO
16	25/09/2018	STN-000064	TẠ NGỌC THU TRÂM - THẮC MẮC TẠI SAO
17	25/09/2018	STN-000065	TẠ NGỌC THU TRÂM - KIẾN TRÚC THÚ VỊ
18	25/09/2018	STN-000066	HA NEUL DDANG - XIN NHỜ NGÀI NHÉ, RODIN!
19	25/09/2018	STN-000067	OM BOOKS INTERNATIONAL - TẠI SAO CÓ NGƯỜI NGỦ NGÁY
20	25/09/2018	STN-000068	PHAN MINH ĐẠO - BÓNG ĐÈN ĐIỆN LẠI CÓ THỂ PHÁT SÁNG
21	25/09/2018	STN-000069	PHAN MINH ĐẠO - VÌ SAO CÁC LOÀI HOA LẠI CÓ MÙI HƯƠNG
22	17/10/2018	STK-000379	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
23	17/10/2018	STK-000380	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
24	17/10/2018	STK-000381	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
25	17/10/2018	STK-000382	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2017	25,000	ĐV	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	17,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	17,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	17,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	17,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	17,000	ĐV18	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2016	17,000	ĐV18	1							
Trẻ	TPHCM	2018	23,000	ĐV18	1							
Trẻ	TPHCM	2018	23,000	ĐV18	1							
Phụ Nữ	HN	2017	14,000	ĐV18	1							
Phụ Nữ	HN	2017	14,000	ĐV18	1							
Phụ Nữ	HN	2017	30,000	ĐV18	1							
Phụ Nữ	HN	2017	30,000	ĐV18	1							
Trẻ	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	1							
Kim Đồng	HN	2017	33,000	ĐV	1							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2017	30,000	ĐV	1							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2017	30,000	ĐV	1							
Kim Đồng	HN	2018	38,000	ĐV	1							
Mỹ thuật	ĐN	2017	28,000	ĐV	1							
Mỹ thuật	ĐN	2018	25,000	ĐV	1							
Mỹ thuật	ĐN	2018	25,000	ĐV	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/10/2018	STK-000383	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
2	17/10/2018	STK-000384	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
3	17/10/2018	STK-000385	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
4	17/10/2018	STK-000386	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
5	17/10/2018	STK-000387	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
6	17/10/2018	STK-000388	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
7	17/10/2018	STK-000389	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
8	17/10/2018	STK-000390	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
9	17/10/2018	STK-000391	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
10	17/10/2018	STK-000392	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
11	17/10/2018	STK-000393	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
12	17/10/2018	STK-000394	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
13	17/10/2018	STK-000395	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
14	17/10/2018	STK-000396	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
15	17/10/2018	STK-000397	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
16	17/10/2018	STK-000398	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
17	17/10/2018	STK-000399	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
18	17/10/2018	STK-000400	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
19	17/10/2018	STK-000401	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
20	17/10/2018	STK-000402	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
21	17/10/2018	STK-000403	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
22	17/10/2018	STK-000404	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
23	17/10/2018	STK-000405	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
24	17/10/2018	STK-000406	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
25	17/10/2018	STK-000407	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/10/2018	STK-000408	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
2	17/10/2018	STK-000409	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
3	17/10/2018	STK-000410	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
4	17/10/2018	STK-000411	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
5	17/10/2018	STK-000412	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
6	17/10/2018	STK-000413	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
7	17/10/2018	STK-000414	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
8	17/10/2018	STK-000415	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
9	17/10/2018	STK-000416	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
10	17/10/2018	STK-000417	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
11	17/10/2018	STK-000418	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
12	17/10/2018	STK-000419	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
13	17/10/2018	STK-000420	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
14	17/10/2018	STK-000421	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
15	17/10/2018	STK-000422	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
16	17/10/2018	STK-000423	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
17	17/10/2018	STK-000424	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
18	17/10/2018	STK-000425	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
19	17/10/2018	STK-000426	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
20	17/10/2018	STK-000427	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
21	17/10/2018	STK-000428	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
22	17/10/2018	STK-000429	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
23	17/10/2018	STK-000430	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
24	17/10/2018	STK-000431	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
25	17/10/2018	STK-000432	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/10/2018	STK-000433	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
2	17/10/2018	STK-000434	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
3	17/10/2018	STK-000435	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
4	17/10/2018	STK-000436	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
5	17/10/2018	STK-000437	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
6	17/10/2018	STK-000438	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
7	17/10/2018	STK-000439	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
8	17/10/2018	STK-000440	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
9	17/10/2018	STK-000441	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
10	17/10/2018	STK-000442	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
11	17/10/2018	STK-000443	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
12	17/10/2018	STK-000444	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
13	17/10/2018	STK-000445	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
14	17/10/2018	STK-000446	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
15	17/10/2018	STK-000447	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
16	17/10/2018	STK-000448	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
17	17/10/2018	STK-000449	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
18	17/10/2018	STK-000450	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
19	17/10/2018	STK-000451	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
20	06/12/2018	STK-000452	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ TỰ NHIÊN
21	06/12/2018	STK-000453	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ TỰ NHIÊN
22	06/12/2018	STK-000454	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ TỰ NHIÊN
23	06/12/2018	STK-000455	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ THỰC VẬT
24	06/12/2018	STK-000456	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ THỰC VẬT
25	06/12/2018	STK-000457	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ THỰC VẬT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/12/2018	STK-000458	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ ĐỘNG VẬT
2	06/12/2018	STK-000459	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ ĐỘNG VẬT
3	06/12/2018	STK-000460	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ ĐỘNG VẬT
4	06/12/2018	STK-000461	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ VŨ TRỤ, THIÊN VĂN…
5	06/12/2018	STK-000462	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ VŨ TRỤ, THIÊN VĂN…
6	06/12/2018	STK-000463	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ VŨ TRỤ, THIÊN VĂN…
7	06/12/2018	STK-000464	LÊ MINH ĐỨC - DẠY CON KHÔNG ROI VỌT
8	06/12/2018	STK-000465	LÊ MINH ĐỨC - DẠY CON KHÔNG ROI VỌT
9	06/12/2018	STK-000466	LÊ MINH ĐỨC - DẠY CON KHÔNG ROI VỌT
10	06/12/2018	STK-000467	LÊ MINH ĐỨC - DẠY CON KHÔNG ROI VỌT
11	06/12/2018	STK-000468	LÊ ANH TUẤN - DẠY CON THƯƠNG THÔI CHƯA ĐỦ
12	06/12/2018	STK-000469	LÊ ANH TUẤN - DẠY CON THƯƠNG THÔI CHƯA ĐỦ
13	06/12/2018	STK-000470	LÊ ANH TUẤN - DẠY CON THƯƠNG THÔI CHƯA ĐỦ
14	06/12/2018	STK-000471	LÊ ANH TUẤN - DẠY CON THƯƠNG THÔI CHƯA ĐỦ
15	06/12/2018	STK-000472	THUẬN ÁNH - GIÚP TRẺ HỌC MÀ CHƠI CHƠI MÀ HỌC
16	06/12/2018	STK-000473	THUẬN ÁNH - GIÚP TRẺ HỌC MÀ CHƠI CHƠI MÀ HỌC
17	06/12/2018	STK-000474	THUẬN ÁNH - GIÚP TRẺ HỌC MÀ CHƠI CHƠI MÀ HỌC
18	06/12/2018	STK-000475	THUẬN ÁNH - GIÚP TRẺ HỌC MÀ CHƠI CHƠI MÀ HỌC
19	06/12/2018	STK-000476	TRẦN BÍCH CHÂU - NHỮNG CÁCH THỨC ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ THÔNG MINH
20	06/12/2018	STK-000477	TRẦN BÍCH CHÂU - NHỮNG CÁCH THỨC ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ THÔNG MINH
21	06/12/2018	STK-000478	TRẦN BÍCH CHÂU - NHỮNG CÁCH THỨC ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ THÔNG MINH
22	06/12/2018	STK-000479	TRẦN BÍCH CHÂU - NHỮNG CÁCH THỨC ĐƠN GIẢN GIÚP TRẺ THÔNG MINH
23	06/12/2018	STK-000480	VŨ THỊ THU NHI - BẢY THÓI QUEN CỦA BẠN TRẺ THÀNH ĐẠT
24	06/12/2018	STK-000481	VŨ THỊ THU NHI - BẢY THÓI QUEN CỦA BẠN TRẺ THÀNH ĐẠT
25	06/12/2018	STK-000482	FRANCIS XAVIER - BÀI HỌC VÔ GIÁ TỪ NHỮNG ĐIỀU BÌNH DỊ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	03	1							
Trẻ	TPHCM	2006	26,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2006	26,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2006	26,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2006	26,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2006	10,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2006	10,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2006	10,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2006	10,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2005	16,500	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	21,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	21,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	21,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2004	21,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2013	60,000	15	1							
Trẻ	TPHCM	2013	60,000	15	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2010	36,000	15	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/12/2018	STK-000483	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
2	06/12/2018	STK-000484	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
3	06/12/2018	STK-000485	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
4	06/12/2018	STK-000486	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
5	06/12/2018	STK-000487	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
6	06/12/2018	STK-000488	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
7	06/12/2018	STK-000489	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
8	06/12/2018	STK-000490	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
9	06/12/2018	STK-000491	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
10	06/12/2018	STK-000492	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
11	06/12/2018	STK-000493	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
12	06/12/2018	STK-000494	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
13	06/12/2018	STK-000495	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
14	06/12/2018	STK-000496	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
15	06/12/2018	STK-000497	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
16	06/12/2018	STK-000498	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
17	06/12/2018	STK-000499	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
18	06/12/2018	STK-000500	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
19	06/12/2018	STK-000501	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
20	06/12/2018	STK-000502	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
21	06/12/2018	STK-000503	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
22	06/12/2018	STK-000504	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
23	06/12/2018	STK-000505	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
24	06/12/2018	STK-000506	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
25	06/12/2018	STK-000507	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2014	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/12/2018	STK-000508	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
2	06/12/2018	STK-000509	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
3	06/12/2018	STK-000510	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
4	06/12/2018	STK-000511	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
5	06/12/2018	STK-000512	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
6	06/12/2018	STK-000513	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
7	06/12/2018	STK-000514	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
8	06/12/2018	STK-000515	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
9	06/12/2018	STK-000516	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
10	06/12/2018	STK-000517	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
11	06/12/2018	STK-000518	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
12	06/12/2018	STK-000519	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
13	06/12/2018	STK-000520	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
14	06/12/2018	STK-000521	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
15	06/12/2018	STK-000522	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
16	06/12/2018	STK-000523	NGUYỄN VINH HIỂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
17	06/12/2018	STK-000524	NGUYỄN VINH HIỂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
18	06/12/2018	STK-000525	NGUYỄN VINH HIỂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
19	06/12/2018	STK-000526	NGUYỄN VINH HIỂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
20	06/12/2018	STK-000527	NGUYỄN VINH HIỂN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
21	06/12/2018	STK-000528	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 2
22	06/12/2018	STK-000529	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 2
23	06/12/2018	STK-000530	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 3
24	06/12/2018	STK-000531	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 3
25	06/12/2018	STK-000532	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	23,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	50,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	50,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	50,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	50,000	37	1							
Giáo dục	HN	2015	50,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	27,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	27,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/12/2018	STK-000533	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4
2	06/12/2018	STK-000534	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4
3	06/12/2018	STK-000535	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4
4	06/12/2018	STK-000536	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4
5	06/12/2018	STK-000537	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4
6	06/12/2018	STK-000538	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4
7	06/12/2018	STK-000539	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 4
8	06/12/2018	STK-000540	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
9	06/12/2018	STK-000541	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
10	06/12/2018	STK-000542	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
11	06/12/2018	STK-000543	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
12	06/12/2018	STK-000544	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
13	06/12/2018	STK-000545	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
14	06/12/2018	STK-000546	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
15	06/12/2018	STK-000547	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
16	06/12/2018	STK-000548	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
17	06/12/2018	STK-000549	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
18	06/12/2018	STK-000550	HOÀNG HÀ BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TH (TL DÀNH CHO GV) LỚP 5
19	06/12/2018	STK-000551	PHẠM VĨNH THÔNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI THỂ DỤC BUỔI SÁNG, GIỮA GIỜ VÀ VÕ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
20	06/12/2018	STK-000552	PHẠM VĨNH THÔNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI THỂ DỤC BUỔI SÁNG, GIỮA GIỜ VÀ VÕ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
21	06/12/2018	STK-000553	PHẠM VĨNH THÔNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI THỂ DỤC BUỔI SÁNG, GIỮA GIỜ VÀ VÕ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
22	06/12/2018	STK-000554	PHẠM VĨNH THÔNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI THỂ DỤC BUỔI SÁNG, GIỮA GIỜ VÀ VÕ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
23	06/12/2018	STK-000555	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC
24	06/12/2018	STK-000556	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC
25	06/12/2018	STK-000557	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2010	25,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	37	1							
Giáo dục	HN	2016	17,000	37	1							
Giáo dục	HN	2016	17,000	37	1							
Giáo dục	HN	2016	17,000	37	1							
Giáo dục	HN	2016	17,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2015	45,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2015	45,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2015	45,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/12/2018	STK-000558	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HSTH
2	06/12/2018	STK-000559	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HSTH
3	06/12/2018	STK-000560	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HSTH
4	06/12/2018	STK-000561	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HSTH
5	06/12/2018	STK-000562	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HSTH
6	06/12/2018	STK-000563	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ HSTH
7	06/12/2018	STK-000564	TRẦN KIỀU - XÃ HỘI HÓA CÔNG TÁC GIÁO DỤC NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG
8	06/12/2018	STK-000565	TRỊNH THÚC HUỲNH - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT
9	06/12/2018	STK-000566	NGUYỄN VIẾT THÔNG - VIỆT NAM CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
10	06/12/2018	STK-000567	NGUYỄN VIẾT THÔNG - VIỆT NAM CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
11	06/12/2018	STK-000568	HOÀNG PHONG HÀ - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CHUYÊN ĐỀ VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở CƠ SỞ
12	06/12/2018	STK-000569	HOÀNG VĂN TUỆ - TÀI LIỆU HỌC TẬP VĂN KIỆN ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG
13	06/12/2018	STK-000570	DƯƠNG NGỌC THẠCH - TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG THI ĐẤU SỨC TRẺ VIỆT NAM
14	06/12/2018	STK-000571	NGUYỄN QUỐC VIỆT - SỔ TAY PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
15	06/12/2018	STK-000572	JOE FULLMAN - BÀN TAY MA THUẬT
16	06/12/2018	STK-000573	JOE FULLMAN - CÁC TRÒ ẢO THUẬT ĐÁNH LỪA TRÍ ÓC
17	06/12/2018	STK-000574	THÁI DOÃN HIẾU - LỜI VÀNG
18	11/12/2018	STK-000575	LÊ LỤC - KỶ NIỆM 60 NĂM QUỐC KHÁNH NƯỚC CHXHCNVN
19	11/12/2018	STK-000576	LÊ LỤC - KỶ NIỆM 60 NĂM QUỐC KHÁNH NƯỚC CHXHCNVN
20	11/12/2018	STK-000577	LÊ LỤC - KỶ NIỆM 60 NĂM QUỐC KHÁNH NƯỚC CHXHCNVN
21	11/12/2018	STK-000578	NGUYỄN VIẾT THÔNG - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ DÀNH CHO ĐẢNG VIÊN MỚI
22	11/12/2018	STK-000579	NGUYỄN VIẾT THÔNG - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ DÀNH CHO ĐẢNG VIÊN MỚI
23	11/12/2018	STK-000580	NGUYỄN SÔ - CÁC DI TÍCH VÀ BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH
24	11/12/2018	STK-000581	TÔN THẤT SAM - SỔ TAY SINH HOẠT (TL THAM KHẢO DÙNG CHO HS THCS)
25	11/12/2018	STK-000582	LÊ MINH NGHĨA - TÀI LIỆU HỌC TẬP CHÍNH TRỊ DÀNH CHO HỌC VIÊN LỚP BỒI DƯỠNG KẾT NẠP ĐẢNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2017	65,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2017	65,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2017	65,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2017	65,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2017	65,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2016	48,000	37	1							
Giáo dục	HN	2001	11,000	3	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	11,500	3	1							
Giáo dục	HN	2005	15,000	3	1							
Giáo dục	HN	2005	15,000	3	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	14,000	2	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	3,600	3	1							
Trẻ	TPHCM	2002	9,000	3	1							
Giáo dục	HN	2015	20,000	37	1							
Trẻ	TPHCM	2011	20,000	7	1							
Trẻ	TPHCM	2011	20,000	7	1							
Văn nghệ	TPHCM	1990	20,000	37	1							
Giáo dục	HN	2005	20,000	3KV	1							
Giáo dục	HN	2005	20,000	3KV	1							
Giáo dục	HN	2005	20,000	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	24,000	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	24,000	3KV	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1997	20,000	3K5H	1							
Trẻ	TPHCM	2003	11,000	373.03	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	15,000	3KV	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/12/2018	STK-000583	LÊ MINH NGHĨA - TÀI LIỆU HỌC TẬP CHÍNH TRỊ DÀNH CHO HỌC VIÊN LỚP BỒI DƯỠNG KẾT NẠP ĐẢNG
2	11/12/2018	STK-000584	LÊ MINH HIỀN - LỊCH SỬ ĐOÀN TN CSHCM VÀ PHONG TRÀO THANH NIÊN VIỆT NAM HỎI ĐÁP
3	11/12/2018	STK-000585	TRẦN KIỀU - XÃ HỘI HÓA CÔNG TÁC GIÁO DỤC NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG
4	11/12/2018	STK-000586	TRẦN KIỀU - XÃ HỘI HÓA CÔNG TÁC GIÁO DỤC NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG
5	11/12/2018	STK-000588	PHẠM VĂN NHÂN - THIÊN TAI, ĐỊCH HỌA TẬP 2
6	11/12/2018	STK-000589	NGUYỄN THỊ OANH - LÀM VIỆC THEO NHÓM
7	11/12/2018	STK-000590	LÊ MINH - NGƯỜI THỢ MÁY TÔN ĐỨC THẮNG
8	11/12/2018	STK-000591	TRỊNH THÚC HUỲNH - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT
9	11/12/2018	STK-000592	ĐÀO CÔNG BÌNH - NHÀ LÃNH ĐẠO TƯƠNG LAI
10	11/12/2018	STK-000593	HOÀNG VĂN TUỆ - TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG
11	11/12/2018	STK-000594	HOÀNG VĂN TUỆ - TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG
12	11/12/2018	STK-000595	BAN NỮ CÔNG - SỔ TAY CÔNG TÁC NỮ CÔNG
13	11/12/2018	STK-000596	NGUYỄN HỮU DANH - TRÁI ĐẤT HÀNH TINH XANH
14	11/12/2018	STK-000597	TRẦN KHANG - CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TƯ TƯỞNG TRONG THỜI KỲ MỚI
15	11/12/2018	STK-000598	TRẦN THỊ QUỲNH CHÂU - CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI
16	11/12/2018	STK-000599	TRƯƠNG PHÚ HÒA - LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ QUẬN TÂN BÌNH (1975 - 2000)
17	11/12/2018	STK-000600	DƯƠNG MINH HÀO - RÈN LUYỆN KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH-HỌC LỄ NGHĨA
18	11/12/2018	STK-000601	DƯƠNG MINH HÀO - RÈN LUYỆN KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH-HỌC LỄ NGHĨA
19	11/12/2018	STK-000602	DƯƠNG MINH HÀO - RÈN LUYỆN KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH-HỌC LỄ NGHĨA
20	11/12/2018	STK-000603	VŨ HOÀNG VINH - RÈN LUYỆN KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH-THƯỜNG THỨC AN TOÀN
21	11/12/2018	STK-000604	NGUYỄN THỊ BÌNH YÊN - RÈN LUYỆN KNS CHO HS TỰ BẢO VỆ BẢN THÂN PHÒNG TRÁNH, CỨU NẠN
22	11/12/2018	STK-000605	CÙ THỊ THÚY LAN - RÈN LUYỆN KNS CHO HS TRÁNH XA NHỮNG CÁM DỖ NGUY HIỂM-INTERNET-MA TÚY-TÌNH DỤC-CỜ BẠC
23	11/12/2018	STK-000606	NGUYỄN BÁ THÍNH - RÈN LUYỆN KNS CHO HS TÌM HIỂU VŨ TRỤ TRI THỨC VỀ THIÊN VĂN HỌC
24	11/12/2018	STK-000607	NGUYỄN BÁ THÍNH - RÈN LUYỆN KNS CHO HS TÌM HIỂU VŨ TRỤ TRI THỨC VỀ THIÊN VĂN HỌC
25	11/12/2018	STK-000608	PHẠM QUỲNH HOA - RÈN LUYỆN KNS CHO HS - SỐNG HÒA HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2005	15,000	3KV	1							
Thanh niên	HN	2006	18,000	373.03	1							
Giáo dục	HN	2001	11,000	3	1							
Giáo dục	HN	2001	11,000	3	1							
Trẻ	TPHCM	2008	25,500	373.03	1							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	373.03	1							
Thanh niên	HN	2004	38,000	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	11,500	3	1							
Thống kê	HN	1997	30,000	33	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	9,000	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	9,000	3KV	1							
Lao động	HN	2000	10,000	331(V)	1							
Giáo dục	HN	2004	12,500	91	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	32,000	3	1							
Tài chính	HN	1998	56,000	34(V)	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2003	40,000	3KV	1							
Giáo dục	HN	2009	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2009	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2009	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2010	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2012	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2012	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2012	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2012	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2010	20,000	39	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/12/2018	STK-000609	PHẠM QUỲNH HOA - RÈN LUYỆN KNS CHO HS - SỐNG HÒA HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG
2	11/12/2018	STK-000610	PHẠM QUỲNH HOA - RÈN LUYỆN KNS CHO HS - SỐNG HÒA HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG
3	11/12/2018	STK-000611	BÙI VĂN TRỰC - MƯỜI CHUYÊN ĐỀ GIÁO DỤC KNS DƯỚI SÂN CỜ
4	11/12/2018	STK-000612	BÙI VĂN TRỰC - TUYỂN TẬP CÁC CÂU CHUYỆN GIÁO DỤC NHÂN CÁCH TẬP 1
5	11/12/2018	STK-000613	NGUYỄN NGỌC ĐIỆP - TÌM HIỂU CÁC TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG MA TÚY VÀ XÂM PHẠM TÌNH DỤC ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN
6	11/12/2018	STK-000614	ĐÀO DUY QUÁT - BÀN VỀ VĂN HÓA ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG ĐẢNG
7	11/12/2018	STK-000615	ĐÀO DUY QUÁT - BÀN VỀ VĂN HÓA ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA TRONG ĐẢNG
8	11/12/2018	STK-000616	NGUYỄN VIẾT THÔNG - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
9	11/12/2018	STK-000617	NGUYỄN VIẾT THÔNG - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
10	11/12/2018	STK-000618	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 1 (TL DÀNH CHO GV)
11	11/12/2018	STK-000619	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 1 (TL DÀNH CHO GV)
12	11/12/2018	STK-000620	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 1 (TL DÀNH CHO GV)
13	11/12/2018	STK-000621	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 1 (TL DÀNH CHO GV)
14	11/12/2018	STK-000622	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 1 (TL DÀNH CHO GV)
15	11/12/2018	STK-000623	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 1 (TL DÀNH CHO GV)
16	11/12/2018	STK-000624	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 1 (TL DÀNH CHO GV)
17	11/12/2018	STK-000625	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2 (TL DÀNH CHO GV)
18	11/12/2018	STK-000626	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2 (TL DÀNH CHO GV)
19	11/12/2018	STK-000627	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2 (TL DÀNH CHO GV)
20	11/12/2018	STK-000628	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3 (TL DÀNH CHO GV)
21	11/12/2018	STK-000629	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3 (TL DÀNH CHO GV)
22	11/12/2018	STK-000630	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3 (TL DÀNH CHO GV)
23	11/12/2018	STK-000631	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3 (TL DÀNH CHO GV)
24	11/12/2018	STK-000632	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3 (TL DÀNH CHO GV)
25	11/12/2018	STK-000633	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4 (TL DÀNH CHO GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	20,000	39	1							
Giáo dục	HN	2010	20,000	39	1							
Hồng Đức	HN	2015	45,000	371	1							
Văn hóa - Thông tin	HN	2015	25,000	3	1							
Công an nhân dân	TPHCM	1998	23,500	34(V)	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	22,500	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	22,500	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	20,000	3	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	20,000	3	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	24,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	27,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	27,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	27,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/12/2018	STK-000634	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4 (TL DÀNH CHO GV)
2	11/12/2018	STK-000635	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4 (TL DÀNH CHO GV)
3	11/12/2018	STK-000636	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KNS TRONG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4 (TL DÀNH CHO GV)
4	11/12/2018	STK-000637	HOÀNG PHONG HÀ - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CÔNG TÁC ĐẢNG CHO BÍ THƯ CHI BỘ VÀ CẤP ỦY VIÊN CƠ SỞ
5	11/12/2018	STK-000638	HOÀNG PHONG HÀ - TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG CÔNG TÁC ĐẢNG CHO BÍ THƯ CHI BỘ VÀ CẤP ỦY VIÊN CƠ SỞ
6	11/12/2018	STK-000639	RYUICHIRO INOUE - CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP Ở ĐÔNG Á
7	11/12/2018	STK-000640	JUSTIN YIFU LIN - PHÉP LẠ TRUNG QUỐC
8	11/12/2018	STK-000641	JOHN NAISBITT - NHỮNG XU HƯỚNG LỚN CỦA CHÂU Á LÀM THAY ĐỔI THẾ GIỚI
9	11/12/2018	STK-000642	NGUYỄN HẢI SẢN - QUẢN TRỊ HỌC
10	11/12/2018	STK-000643	ĐẶNG MINH TRANG - TÍNH TOÁN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
11	11/12/2018	STK-000644	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ HSTH
12	11/12/2018	STK-000645	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ HSTH
13	11/12/2018	STK-000646	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ HSTH
14	11/12/2018	STK-000647	NGUYỄN HỮU HỢP - HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ HSTH
15	11/12/2018	STK-000648	BÙI THỊ HỒNG THÚY - TÀI LIỆU TẬP HUẤN CÔNG ƯỚC QUYỀN TRẺ EM
16	11/12/2018	STK-000649	NGUYỄN THỊ SINH - CẨM NANG GIÁO DỤC: QUAN HỆ NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI
17	11/12/2018	STK-000650	PHẠM VIỆT - NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA-KIỂM TRA NGÀNH GD&ĐT 2003
18	11/12/2018	STK-000651	THU GIANG - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TPHCM
19	11/12/2018	STK-000652	THU GIANG - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TPHCM
20	11/12/2018	STK-000653	LÊ HUY HÒA - CẨM NANG CÁC VB MỚI VỀ TỔ CHỨC VÀ HĐ QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
21	11/12/2018	STK-000654	LÊ HUY HÒA - CẨM NANG CÁC VB MỚI VỀ TỔ CHỨC VÀ HĐ QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
22	14/12/2018	STK-000655	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 1
23	14/12/2018	STK-000656	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 1
24	14/12/2018	STK-000657	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 1
25	14/12/2018	STK-000658	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Giáo dục	HN	2011	25,000	371	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	19,000	3KV	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	19,000	3KV	1							
Khoa học xã hội	HN	1997	35,000	338(N)	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1998	35,000	32(N)	1							
Trẻ	TPHCM	1998	31,000	338(N)	1							
Thống kê	HN	1998	46,000	33	1							
Giáo dục	HN	1998	30,000	33	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2016	48,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2016	48,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2016	48,000	37	1							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2016	48,000	37	1							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	15,000	371	1							
Lao động xã hội	HN	2007	285,000	371	1							
Chính trị Quốc gia	HN	2003	245,000	371	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	350,000	3	1							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	350,000	3	1							
Lao động	HN	2004	280,000	34(V)	1							
Lao động	HN	2004	280,000	34(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/12/2018	STK-000659	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 2
2	14/12/2018	STK-000660	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 2
3	14/12/2018	STK-000661	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 3
4	14/12/2018	STK-000662	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 3
5	14/12/2018	STK-000663	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 3
6	14/12/2018	STK-000664	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 4
7	14/12/2018	STK-000665	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 4
8	14/12/2018	STK-000666	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 4
9	14/12/2018	STK-000667	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 5
10	14/12/2018	STK-000668	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 5
11	14/12/2018	STK-000669	HUỲNH VĂN CHẨN - THỰC HÀNH TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG LỚP 5
12	~~19/12/2018~~	~~SGK-000001~~	~~NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 1 TẬP 1~~
13	~~19/12/2018~~	~~SGK-000002~~	~~NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 1 TẬP 1~~
14	~~19/12/2018~~	~~SGK-000003~~	~~NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 1 TẬP 1~~
15	~~19/12/2018~~	~~SGK-000004~~	~~NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 1 TẬP 2~~
16	~~19/12/2018~~	~~SGK-000005~~	~~NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 1 TẬP 2~~
17	~~19/12/2018~~	~~SGK-000006~~	~~NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 1 TẬP 2~~
18	19/12/2018	SGK-000007	NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 2 TẬP 1
19	19/12/2018	SGK-000008	NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 2 TẬP 1
20	19/12/2018	SGK-000009	NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 2 TẬP 2
21	19/12/2018	SGK-000010	NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 2 TẬP 2
22	19/12/2018	SGK-000011	NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 5 TẬP 1
23	19/12/2018	SGK-000012	NGUYỄN MINH HOÀNG THIÊN - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT LỚP 5 TẬP 2
24	19/12/2018	STK-000670	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 1
25	19/12/2018	STK-000671	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2018~~	~~19,000~~	~~75~~	~~1~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2018~~	~~19,000~~	~~75~~	~~1~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2018~~	~~19,000~~	~~75~~	~~1~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2018~~	~~19,000~~	~~75~~	~~1~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2018~~	~~19,000~~	~~75~~	~~1~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2018~~	~~19,000~~	~~75~~	~~1~~							
Giáo dục	HN	2018	19,000	75	1							
Giáo dục	HN	2018	19,000	75	1							
Giáo dục	HN	2018	19,000	75	1							
Giáo dục	HN	2018	19,000	75	1							
Giáo dục	HN	2018	19,000	75	1							
Giáo dục	HN	2018	19,000	75	1							
Giáo dục	HN	2018	19,000	75	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/12/2018	STK-000672	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 1
2	19/12/2018	STK-000673	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 2
3	19/12/2018	STK-000674	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 2
4	19/12/2018	STK-000675	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 2
5	19/12/2018	STK-000676	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 3
6	19/12/2018	STK-000677	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 3
7	19/12/2018	STK-000678	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 3
8	19/12/2018	STK-000679	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 4
9	19/12/2018	STK-000680	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 4
10	19/12/2018	STK-000681	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 4
11	19/12/2018	STK-000682	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 5
12	19/12/2018	STK-000683	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 5
13	19/12/2018	STK-000684	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 5
14	19/12/2018	STK-000685	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
15	19/12/2018	STK-000686	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
16	19/12/2018	STK-000687	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
17	19/12/2018	STK-000688	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
18	19/12/2018	STK-000689	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
19	19/12/2018	STK-000690	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2
20	19/12/2018	STK-000691	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
21	19/12/2018	STK-000692	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
22	19/12/2018	STK-000693	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
23	19/12/2018	STK-000694	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
24	19/12/2018	STK-000695	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
25	19/12/2018	STK-000696	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/12/2018	STK-000697	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
2	19/12/2018	STK-000698	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
3	19/12/2018	STK-000699	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
4	19/12/2018	STK-000700	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
5	19/12/2018	STK-000701	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
6	19/12/2018	STK-000702	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
7	19/12/2018	STK-000703	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
8	19/12/2018	STK-000704	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
9	19/12/2018	STK-000705	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
10	19/12/2018	STK-000706	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
11	19/12/2018	STK-000707	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
12	19/12/2018	STK-000708	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
13	19/12/2018	STK-000709	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
14	19/12/2018	STK-000710	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
15	19/12/2018	STK-000711	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
16	19/12/2018	STK-000712	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
17	19/12/2018	STK-000713	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
18	19/12/2018	STK-000714	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
19	19/12/2018	STK-000715	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
20	19/12/2018	STK-000716	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
21	19/12/2018	STK-000717	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
22	19/12/2018	STK-000718	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
23	19/12/2018	STK-000719	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
24	19/12/2018	STK-000720	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
25	19/12/2018	STK-000721	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/12/2018	STK-000722	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
2	19/12/2018	STK-000723	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
3	19/12/2018	STK-000724	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
4	19/12/2018	STK-000725	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 1
5	19/12/2018	STK-000726	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 1
6	19/12/2018	STK-000727	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 1
7	19/12/2018	STK-000728	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 2
8	19/12/2018	STK-000729	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 2
9	19/12/2018	STK-000730	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 2
10	19/12/2018	STK-000731	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 3
11	19/12/2018	STK-000732	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 3
12	19/12/2018	STK-000733	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 3
13	19/12/2018	STK-000734	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 4
14	19/12/2018	STK-000735	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 4
15	19/12/2018	STK-000736	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 4
16	19/12/2018	STK-000737	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 5
17	19/12/2018	STK-000738	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 5
18	19/12/2018	STK-000739	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HS LỚP 5
19	20/12/2018	STK-000740	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 1
20	20/12/2018	STK-000741	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 2
21	20/12/2018	STK-000742	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 3
22	20/12/2018	STK-000743	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 4
23	20/12/2018	STK-000744	NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM - EM YÊU DÂN CA TẬP 5
24	20/12/2018	STK-000745	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 1
25	20/12/2018	STK-000746	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	10,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	21,000	78	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/12/2018	STK-000747	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
2	20/12/2018	STK-000748	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 4
3	20/12/2018	STK-000749	HUỲNH VĂN SƠN - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 5
4	20/12/2018	STK-000750	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 1
5	20/12/2018	STK-000751	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 1
6	20/12/2018	STK-000752	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 1
7	20/12/2018	STK-000753	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 1
8	20/12/2018	STK-000754	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 1
9	20/12/2018	STK-000755	NGUYỄN VĂN TÙNG - BÁC HỒ VÀ NHỮNG BÀI HỌC VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
10	20/12/2018	STK-000756	NGUYỄN VĂN TÙNG - BÁC HỒ VÀ NHỮNG BÀI HỌC VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
11	20/12/2018	STK-000757	NGUYỄN VĂN TÙNG - BÁC HỒ VÀ NHỮNG BÀI HỌC VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
12	20/12/2018	STK-000758	NGUYỄN VĂN TÙNG - BÁC HỒ VÀ NHỮNG BÀI HỌC VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
13	24/12/2018	STK-000759	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 1
14	24/12/2018	STK-000760	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 1
15	24/12/2018	STK-000761	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 2
16	24/12/2018	STK-000762	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 2
17	24/12/2018	STK-000763	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 2
18	24/12/2018	STK-000764	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 1
19	24/12/2018	STK-000765	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 1
20	24/12/2018	STK-000766	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 2
21	24/12/2018	STK-000767	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 2
22	24/12/2018	STK-000768	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 2
23	24/12/2018	STK-000769	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 1
24	24/12/2018	STK-000770	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 1
25	24/12/2018	STK-000771	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2017	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2018	STK-000772	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 2
2	24/12/2018	STK-000773	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 2
3	24/12/2018	STK-000774	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 1
4	24/12/2018	STK-000775	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 1
5	24/12/2018	STK-000776	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 2
6	24/12/2018	STK-000777	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 2
7	24/12/2018	STK-000778	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 2
8	24/12/2018	STK-000779	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 1
9	24/12/2018	STK-000780	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 1
10	24/12/2018	STK-000781	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 2
11	24/12/2018	STK-000782	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 2
12	24/12/2018	STK-000783	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 2
13	26/12/2018	STK-000784	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 1 TẬP 1
14	26/12/2018	STK-000785	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 1 TẬP 1
15	26/12/2018	STK-000786	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 1 TẬP 1
16	26/12/2018	STK-000787	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 1 TẬP 2
17	26/12/2018	STK-000788	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 1 TẬP 2
18	26/12/2018	STK-000789	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 1 TẬP 2
19	26/12/2018	STK-000790	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 2 TẬP 1
20	26/12/2018	STK-000791	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 2 TẬP 1
21	26/12/2018	STK-000792	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 2 TẬP 2
22	26/12/2018	STK-000793	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 2 TẬP 2
23	26/12/2018	STK-000794	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 4 TẬP 1
24	26/12/2018	STK-000795	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 4 TẬP 1
25	26/12/2018	STK-000796	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 4 TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	22,000	37	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/12/2018	STK-000797	HOÀNG TRƯỜNG GIANG - LUYỆN VIẾT TV CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT LỚP 4 TẬP 2
2	26/12/2018	STK-000801	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
3	26/12/2018	STK-000802	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
4	26/12/2018	STK-000803	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
5	26/12/2018	STK-000804	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 1
6	26/12/2018	STK-000805	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
7	26/12/2018	STK-000806	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
8	26/12/2018	STK-000807	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
9	26/12/2018	STK-000808	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
10	26/12/2018	STK-000809	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
11	26/12/2018	STK-000810	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
12	26/12/2018	STK-005768	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
13	26/02/2019	STN-000070	SIN UENG SEOP - NHỮNG THIÊN TÀI ĐỘI SỔ
14	26/02/2019	STN-000071	SIN UENG SEOP - NHỮNG THIÊN TÀI CHIẾN THẮNG KHÓ KHĂN
15	26/02/2019	STN-000072	SIN UENG SEOP - NHỮNG THIÊN TÀI YÊU THÍCH THÁM HIỂM
16	26/02/2019	STN-000073	SIN UENG SEOP - NHỮNG THIÊN TÀI THÍCH QUẬY PHÁ
17	26/02/2019	STN-000074	SIN UENG SEOP - NHỮNG THIÊN TÀI THÔNG MINH TỪ NHỎ
18	26/02/2019	STN-000075	LIÊN HOÀN - CÓ PHẢI HOA SÚNG BIẾT NGỦ KHÔNG
19	26/02/2019	STN-000076	LIÊN HOÀN - CÓ PHẢI HOA SÚNG BIẾT NGỦ KHÔNG
20	26/02/2019	STN-000077	LIÊN HOÀN - CÓ PHẢI HOA SÚNG BIẾT NGỦ KHÔNG
21	26/02/2019	STN-000078	LIÊN HOÀN - LOÀI HOA NÀO TO NHẤT THẾ GIỚI
22	26/02/2019	STN-000079	LIÊN HOÀN - LOÀI HOA NÀO TO NHẤT THẾ GIỚI
23	26/02/2019	STN-000080	LIÊN HOÀN - LOÀI HOA NÀO TO NHẤT THẾ GIỚI
24	26/02/2019	STN-000081	LIÊN HOÀN - VÌ SAO MUÔN HOA KHOE SẮC
25	26/02/2019	STN-000082	LIÊN HOÀN - VÌ SAO MUÔN HOA KHOE SẮC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	1							
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	1							
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	1							
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	1							
Giáo dục	HN	2016	25,000	6T7	1							
Các nhà xuất bản nước	TPHCM	2018	105,000	4(A)	1							
Các nhà xuất bản nước	TPHCM	2018	105,000	4(A)	1							
Các nhà xuất bản nước	TPHCM	2018	105,000	4(A)	1							
Các nhà xuất bản nước	TPHCM	2018	70,000	4(A)	1							
Các nhà xuất bản nước	TPHCM	2018	70,000	4(A)	1							
Các nhà xuất bản nước	TPHCM	2018	70,000	4(A)	1							
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	1							
Kim Đồng	HN	2018	50,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	50,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	50,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	50,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	50,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2017	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2017	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2019	STN-000083	LIÊN HOÀN - VÌ SAO MUÔN HOA KHOE SẮC
2	26/02/2019	STN-000084	LIÊN HOÀN - TẠI SAO MĂNG MỌC NHANH HƠN SAU KHI MƯA
3	26/02/2019	STN-000085	LIÊN HOÀN - TẠI SAO MĂNG MỌC NHANH HƠN SAU KHI MƯA
4	26/02/2019	STN-000086	LIÊN HOÀN - TẠI SAO MĂNG MỌC NHANH HƠN SAU KHI MƯA
5	26/02/2019	STN-000087	LIÊN HOÀN - MÂY BIẾN THÀNH MƯA NHƯ THẾ NÀO
6	26/02/2019	STN-000088	LIÊN HOÀN - MÂY BIẾN THÀNH MƯA NHƯ THẾ NÀO
7	26/02/2019	STN-000089	LIÊN HOÀN - MÂY BIẾN THÀNH MƯA NHƯ THẾ NÀO
8	26/02/2019	STN-000090	LIÊN HOÀN - HẠT GIỐNG LUỘC CHÍN CÓ NẢY MẦM ĐƯỢC KHÔNG
9	26/02/2019	STN-000091	LIÊN HOÀN - HẠT GIỐNG LUỘC CHÍN CÓ NẢY MẦM ĐƯỢC KHÔNG
10	26/02/2019	STN-000092	LIÊN HOÀN - HẠT GIỐNG LUỘC CHÍN CÓ NẢY MẦM ĐƯỢC KHÔNG
11	26/02/2019	STN-000093	LIÊN HOÀN - Ở ĐÂU CÓ CÂY TRỤI LÁ
12	26/02/2019	STN-000094	LIÊN HOÀN - Ở ĐÂU CÓ CÂY TRỤI LÁ
13	26/02/2019	STN-000095	LIÊN HOÀN - Ở ĐÂU CÓ CÂY TRỤI LÁ
14	26/02/2019	STN-000096	LIÊN HOÀN - TẠI SAO TRẺ EM PHẢI THƯỜNG XUYÊN TẮM NẮNG
15	26/02/2019	STN-000097	LIÊN HOÀN - TẠI SAO TRẺ EM PHẢI THƯỜNG XUYÊN TẮM NẮNG
16	26/02/2019	STN-000098	LIÊN HOÀN - TẠI SAO TRẺ EM PHẢI THƯỜNG XUYÊN TẮM NẮNG
17	26/02/2019	STN-000099	LIÊN HOÀN - TẠI SAO MẮT CHÚNG TA BỊ CẬN THỊ
18	26/02/2019	STN-000100	LIÊN HOÀN - TẠI SAO MẮT CHÚNG TA BỊ CẬN THỊ
19	26/02/2019	STN-000101	LIÊN HOÀN - TẠI SAO MẮT CHÚNG TA BỊ CẬN THỊ
20	26/02/2019	STN-000102	LIÊN HOÀN - MÁI TÓC CÓ TÁC DỤNG GÌ?
21	26/02/2019	STN-000103	LIÊN HOÀN - MÁI TÓC CÓ TÁC DỤNG GÌ?
22	26/02/2019	STN-000104	LIÊN HOÀN - MÁI TÓC CÓ TÁC DỤNG GÌ?
23	26/02/2019	STN-000105	LIÊN HOÀN - TẠI SAO NƯỚC MẮT CÓ VỊ MẶN?
24	26/02/2019	STN-000106	LIÊN HOÀN - TẠI SAO NƯỚC MẮT CÓ VỊ MẶN?
25	26/02/2019	STN-000107	LIÊN HOÀN - GIÓ TỪ ĐÂU ĐẾN?

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2019	STN-000108	LIÊN HOÀN - GIÓ TỪ ĐÂU ĐẾN?
2	26/02/2019	STN-000109	LIÊN HOÀN - GIÓ TỪ ĐÂU ĐẾN?
3	26/02/2019	STN-000110	LIÊN HOÀN - LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT TUỔI CỦA CÂY?
4	26/02/2019	STN-000111	LIÊN HOÀN - LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT TUỔI CỦA CÂY?
5	26/02/2019	STN-000112	LIÊN HOÀN - LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT TUỔI CỦA CÂY?
6	26/02/2019	STN-000113	LIÊN HOÀN - VÌ SAO RỪNG CÂY CÓ THỂ CHỮA BỆNH?
7	26/02/2019	STN-000114	LIÊN HOÀN - VÌ SAO RỪNG CÂY CÓ THỂ CHỮA BỆNH?
8	26/02/2019	STN-000115	LIÊN HOÀN - VÌ SAO RỪNG CÂY CÓ THỂ CHỮA BỆNH?
9	26/02/2019	STN-000116	LIÊN HOÀN - TẠI SAO QUẢ CHUỐI KHÔNG CÓ HẠT?
10	26/02/2019	STN-000117	LIÊN HOÀN - TẠI SAO QUẢ CHUỐI KHÔNG CÓ HẠT?
11	26/02/2019	STN-000118	LIÊN HOÀN - TẠI SAO QUẢ CHUỐI KHÔNG CÓ HẠT?
12	26/02/2019	STN-000119	LIÊN HOÀN - TẠI SAO CỦ HÀNH LÀM CAY MẮT?
13	26/02/2019	STN-000120	LIÊN HOÀN - TẠI SAO CỦ HÀNH LÀM CAY MẮT?
14	26/02/2019	STN-000121	LIÊN HOÀN - TẠI SAO CỦ HÀNH LÀM CAY MẮT?
15	26/02/2019	STN-000122	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 1
16	26/02/2019	STN-000123	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 2
17	26/02/2019	STN-000124	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 3
18	26/02/2019	STN-000125	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 4
19	26/02/2019	STN-000126	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 8
20	26/02/2019	STN-000127	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 10
21	26/02/2019	STN-000128	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 11
22	26/02/2019	STN-000129	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 13
23	26/02/2019	STN-000130	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 14
24	26/02/2019	STN-000131	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 15
25	26/02/2019	STN-000132	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 17

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	6,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2017	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2018	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2018	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2016	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2016	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2016	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2016	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2016	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2016	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2018	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2018	69,000	V23	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2019	STN-000133	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 18
2	26/02/2019	STN-000134	LOVEDIA - NHÂN MÃ
3	26/02/2019	STN-000135	LOVEDIA - MA KẾT
4	26/02/2019	STN-000136	LOVEDIA - SONG NGƯ
5	26/02/2019	STN-000137	LOVEDIA - CỰ GIẢI
6	26/02/2019	STN-000138	LOVEDIA - THIÊN YẾT
7	26/02/2019	STN-000139	LOVEDIA - SƯ TỬ
8	26/02/2019	STN-000140	LOVEDIA - BẢO BÌNH
9	26/02/2019	STN-000141	LOVEDIA - XỬ NỮ
10	26/02/2019	STN-000142	LOVEDIA - SONG TỬ
11	26/02/2019	STN-000143	LOVEDIA - BẠCH DƯƠNG
12	26/02/2019	STN-000144	LOVEDIA - KIM NGƯU
13	26/02/2019	STN-000145	LOVEDIA - THIÊN BÌNH
14	26/02/2019	STN-000146	LOVEDIA - MẶT TRĂNG SONG TỬ
15	26/02/2019	STN-000147	LOVEDIA - MẶT TRĂNG SONG NGƯ
16	26/02/2019	STN-000148	LOVEDIA - MẶT TRĂNG MA KẾT
17	26/02/2019	STN-000149	LOVEDIA - MẶT TRĂNG BẠCH DƯƠNG
18	26/02/2019	STN-000150	LOVEDIA - MẶT TRĂNG NHÂN MÃ
19	26/02/2019	STN-000151	LOVEDIA - MẶT TRĂNG KIM NGƯU
20	26/02/2019	STN-000152	LOVEDIA - MẶT TRĂNG XỬ NỮ
21	26/02/2019	STN-000153	LOVEDIA - MẶT TRĂNG THIÊN YẾT
22	26/02/2019	STN-000154	LOVEDIA - MẶT TRĂNG SƯ TỬ
23	26/02/2019	STN-000155	LOVEDIA - MẶT TRĂNG BẢO BÌNH
24	26/02/2019	STN-000156	LOVEDIA - MẶT TRĂNG THIÊN BÌNH
25	26/02/2019	STN-000157	LOVEDIA - MẶT TRĂNG CỰ GIẢI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	69,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	36,000	ĐV25	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2019	STN-000158	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT ĐOAN NGỌ
2	26/02/2019	STN-000159	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT ĐOAN NGỌ
3	26/02/2019	STN-000160	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT VU LAN
4	26/02/2019	STN-000161	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT VU LAN
5	26/02/2019	STN-000162	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT NGUYÊN ĐÁN
6	26/02/2019	STN-000163	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT NGUYÊN ĐÁN
7	26/02/2019	STN-000164	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT TRUNG THU
8	26/02/2019	STN-000165	LÊ PHƯƠNG LIÊN - CHÚ TỂU KỂ CHUYỆN TẾT TRUNG THU
9	26/02/2019	STN-000166	ROGER CANAVAN - SẼ RA SAO NẾU THIẾU NƯỚC SẠCH
10	26/02/2019	STN-000167	ROGER CANAVAN - SẼ RA SAO NẾU THIẾU NƯỚC SẠCH
11	26/02/2019	STN-000168	ANNE ROONEY - SẼ RA SAO NẾU THIẾU THUỐC KHÁNG SINH
12	26/02/2019	STN-000169	ANNE ROONEY - SẼ RA SAO NẾU THIẾU THUỐC KHÁNG SINH
13	26/02/2019	STN-000170	ALEX WOOF - SẼ RA SAO NẾU THIẾU SÁCH
14	26/02/2019	STN-000171	ALEX WOOF - SẼ RA SAO NẾU THIẾU SÁCH
15	26/02/2019	STN-000172	IAN GRAHAM - SẼ RA SAO NẾU THIẾU ĐIỆN
16	26/02/2019	STN-000173	IAN GRAHAM - SẼ RA SAO NẾU THIẾU ĐIỆN
17	26/02/2019	STN-000174	JIM PIPE - SẼ RA SAO NẾU THIẾU ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
18	26/02/2019	STN-000175	JIM PIPE - SẼ RA SAO NẾU THIẾU ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
19	26/02/2019	STN-000176	FIONA MACDONALD - SẼ RA SAO NẾU THIẾU NHÀ VỆ SINH
20	26/02/2019	STN-000177	FIONA MACDONALD - SẼ RA SAO NẾU THIẾU NHÀ VỆ SINH
21	26/02/2019	STN-000178	X KWANG - TỚ KHÔNG SỢ TRỜI TỐI
22	26/02/2019	STN-000179	X KWANG - TỚ KHÔNG SỢ TRỜI TỐI
23	26/02/2019	STN-000180	X KWANG - TỚ KHÔNG SỢ TRỜI TỐI
24	26/02/2019	STN-000181	X KWANG - TỚ KHÔNG SỢ TRỜI TỐI
25	26/02/2019	STN-000182	X KWANG - VUI CHƠI NGOÀI TRỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2017	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	24,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2016	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2016	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	22,000	ĐN19	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2019	STN-000183	X KWANG - VUI CHƠI NGOÀI TRỜI
2	26/02/2019	STN-000184	X KWANG - VUI CHƠI NGOÀI TRỜI
3	26/02/2019	STN-000185	X KWANG - VUI CHƠI NGOÀI TRỜI
4	26/02/2019	STN-000186	X KWANG - CÙNG RA VƯỜN HOA
5	26/02/2019	STN-000187	X KWANG - CÙNG RA VƯỜN HOA
6	26/02/2019	STN-000188	X KWANG - CÙNG RA VƯỜN HOA
7	26/02/2019	STN-000189	X KWANG - CÙNG RA VƯỜN HOA
8	26/02/2019	STN-000190	X KWANG - BỐ MẸ VÀ CON
9	26/02/2019	STN-000191	X KWANG - BỐ MẸ VÀ CON
10	26/02/2019	STN-000192	X KWANG - BỐ MẸ VÀ CON
11	26/02/2019	STN-000193	X KWANG - BỐ MẸ VÀ CON
12	26/02/2019	STN-000194	X KWANG - CẨN THẬN KHI TRỜI MƯA
13	26/02/2019	STN-000195	X KWANG - CẨN THẬN KHI TRỜI MƯA
14	26/02/2019	STN-000196	X KWANG - CẨN THẬN KHI TRỜI MƯA
15	26/02/2019	STN-000197	X KWANG - CẨN THẬN KHI TRỜI MƯA
16	26/02/2019	STN-000198	X KWANG - CHÚNG TỚ LUÔN VUI VẺ
17	26/02/2019	STN-000199	X KWANG - CHÚNG TỚ LUÔN VUI VẺ
18	26/02/2019	STN-000200	X KWANG - CHÚNG TỚ LUÔN VUI VẺ
19	26/02/2019	STN-000201	X KWANG - CHÚNG TỚ LUÔN VUI VẺ
20	26/02/2019	STN-000202	X KWANG - MỘT NGÀY CỦA CHÚNG TỚ
21	26/02/2019	STN-000203	X KWANG - MỘT NGÀY CỦA CHÚNG TỚ
22	26/02/2019	STN-000204	X KWANG - MỘT NGÀY CỦA CHÚNG TỚ
23	26/02/2019	STN-000205	X KWANG - MỘT NGÀY CỦA CHÚNG TỚ
24	26/02/2019	STN-000206	X KWANG - CẢ NHÀ BÊN NHAU
25	26/02/2019	STN-000207	X KWANG - CẢ NHÀ BÊN NHAU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2019	STN-000208	X KWANG - CẢ NHÀ BÊN NHAU
2	26/02/2019	STN-000209	X KWANG - CẢ NHÀ BÊN NHAU
3	26/02/2019	STN-000210	SHARON LIH - AI LÀM BẠN VỚI TỚ
4	26/02/2019	STN-000211	SHARON LIH - AI LÀM BẠN VỚI TỚ
5	26/02/2019	STN-000212	CAO HỒNG BA - NHẬT KÍ KIẾN
6	26/02/2019	STN-000213	CAO HỒNG BA - NHẬT KÍ KIẾN
7	26/02/2019	STN-000214	TỪ LỖ - NHẬT KÍ BỌ RÙA
8	26/02/2019	STN-000215	TỪ LỖ - NHẬT KÍ BỌ RÙA
9	26/02/2019	STN-000216	KIM BA - NHẬT KÍ BỌ HUNG
10	26/02/2019	STN-000217	KIM BA - NHẬT KÍ BỌ HUNG
11	26/02/2019	STN-000218	TRẦN MỘNG MẪN - NHẬT KÍ VE SẦU
12	26/02/2019	STN-000219	TRẦN MỘNG MẪN - NHẬT KÍ VE SẦU
13	26/02/2019	STN-000220	CAO HỒNG BA - NHẬT KÍ DẾ MÈN
14	26/02/2019	STN-000221	CAO HỒNG BA - NHẬT KÍ DẾ MÈN
15	26/02/2019	STN-000222	LƯU BÍNH QUÂN - NHẬT KÍ CHUỒN CHUỒN
16	26/02/2019	STN-000223	LƯU BÍNH QUÂN - NHẬT KÍ CHUỒN CHUỒN
17	26/02/2019	STN-000224	BẠCH BĂNG - NHẬT KÍ ỐC SÊN
18	26/02/2019	STN-000225	BẠCH BĂNG - NHẬT KÍ ỐC SÊN
19	26/02/2019	STN-000226	TỪ LỖ - NHẬT KÍ ONG MẬT
20	26/02/2019	STN-000227	TỪ LỖ - NHẬT KÍ ONG MẬT
21	26/02/2019	STN-000228	CÁT BĂNG - NHẬT KÍ CỦA NHỆN
22	26/02/2019	STN-000229	CÁT BĂNG - NHẬT KÍ CỦA NHỆN
23	26/02/2019	STN-000230	ĐƯỜNG HÙNG MẠNH - BA CHIẾN LƯỢC DINH DƯỠNG VÀNG
24	26/02/2019	STN-000231	TRỊNH VẠN NGỮ - THỪA CÂN VÀ CÁCH GIẢM CÂN HIỆU QUẢ`
25	26/02/2019	STN-000232	TRẦN HOÀNG HIỆP - NGUY CƠ TỪ THUỐC LÁ, RƯỢU BIA VÀ TIA BỨC XẠ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	10,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	35,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	35,000	ĐV26	2							
Kim Đồng	HN	2018	35,000	ĐV26	2							
Kim Đồng	HN	2018	35,000	ĐV26	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2019	STN-000233	ZHISHANG MOFANG - BẢO VỆ ĐÔI MẮT
2	26/02/2019	STN-000234	THU NGÂN - THÚ
3	26/02/2019	STN-000235	THU NGÂN - CÔN TRÙNG
4	26/02/2019	STN-000236	THU NGÂN - CHIM
5	26/02/2019	STN-000237	THU NGÂN - BÒ SÁT VÀ LƯỠNG CƯ
6	27/02/2019	STN-000238	MIJIKA - XE DỠ HÀNG NHỎ BÉ
7	27/02/2019	STN-000239	MIJIKA - XE DỠ HÀNG NHỎ BÉ
8	27/02/2019	STN-000240	MIJIKA - XE DỠ HÀNG NHỎ BÉ
9	27/02/2019	STN-000241	MIJIKA - XE CHỞ XĂNG SỢ LỬA
10	27/02/2019	STN-000242	MIJIKA - XE CHỞ XĂNG SỢ LỬA
11	27/02/2019	STN-000243	MIJIKA - XE CHỞ XĂNG SỢ LỬA
12	27/02/2019	STN-000244	MIJIKA - XE CẢNH SÁT BẮT TRỘM
13	27/02/2019	STN-000245	MIJIKA - XE CẢNH SÁT BẮT TRỘM
14	27/02/2019	STN-000246	MIJIKA - XE CẢNH SÁT BẮT TRỘM
15	27/02/2019	STN-000247	MIJIKA - CẢM ƠN XE CẤP CỨU
16	27/02/2019	STN-000248	MIJIKA - CẢM ƠN XE CẤP CỨU
17	27/02/2019	STN-000249	MIJIKA - CẢM ƠN XE CẤP CỨU
18	27/02/2019	STN-000250	MIJIKA - XIN CHÀO XE LU
19	27/02/2019	STN-000251	MIJIKA - XIN CHÀO XE LU
20	27/02/2019	STN-000252	MIJIKA - XIN CHÀO XE LU
21	27/02/2019	STN-000253	MIJIKA - XE CỨU HỎA VẤT VẢ
22	27/02/2019	STN-000254	MIJIKA - XE CỨU HỎA VẤT VẢ
23	27/02/2019	STN-000255	MIJIKA - XE CỨU HỎA VẤT VẢ
24	27/02/2019	STN-000256	MIJIKA - XE ĐẦU KÉO ĐƯỢC VIỆC
25	27/02/2019	STN-000257	MIJIKA - XE ĐẦU KÉO ĐƯỢC VIỆC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	50,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	40,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	40,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	40,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	40,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/02/2019	STN-000258	MIJIKA - XE ĐẦU KÉO ĐƯỢC VIỆC
2	27/02/2019	STN-000259	MIJIKA - MỘT NGÀY CỦA XE CỨU HỘ
3	27/02/2019	STN-000260	MIJIKA - MỘT NGÀY CỦA XE CỨU HỘ
4	27/02/2019	STN-000261	MIJIKA - MỘT NGÀY CỦA XE CỨU HỘ
5	27/02/2019	STN-000262	BUKE BUKE - CÓ VI KHUẨN TỐT KHÔNG
6	27/02/2019	STN-000263	BUKE BUKE - CÓ VI KHUẨN TỐT KHÔNG
7	27/02/2019	STN-000264	BUKE BUKE - CÓ VI KHUẨN TỐT KHÔNG
8	27/02/2019	STN-000265	BUKE BUKE - AI KHIẾN TỚ ĐAU BỤNG
9	27/02/2019	STN-000266	BUKE BUKE - AI KHIẾN TỚ ĐAU BỤNG
10	27/02/2019	STN-000267	BUKE BUKE - AI KHIẾN TỚ ĐAU BỤNG
11	27/02/2019	STN-000268	BUKE BUKE - AI LÀ THỦ PHẠM GÂY SÂU RĂNG
12	27/02/2019	STN-000269	BUKE BUKE - AI LÀ THỦ PHẠM GÂY SÂU RĂNG
13	27/02/2019	STN-000270	BUKE BUKE - AI LÀ THỦ PHẠM GÂY SÂU RĂNG
14	27/02/2019	STN-000271	BUKE BUKE - AI KHIẾN DA TỚ NGỨA NGÁY
15	27/02/2019	STN-000272	BUKE BUKE - AI KHIẾN DA TỚ NGỨA NGÁY
16	27/02/2019	STN-000273	BUKE BUKE - AI KHIẾN DA TỚ NGỨA NGÁY
17	27/02/2019	STN-000274	BUKE BUKE - AI KHIẾN VẾT THƯƠNG TỚ NHỨC NHỐI
18	27/02/2019	STN-000275	BUKE BUKE - AI KHIẾN VẾT THƯƠNG TỚ NHỨC NHỐI
19	27/02/2019	STN-000276	BUKE BUKE - AI KHIẾN VẾT THƯƠNG TỚ NHỨC NHỐI
20	27/02/2019	STN-000277	BUKE BUKE - AI KHIẾN TỚ HẮT XÌ
21	27/02/2019	STN-000278	BUKE BUKE - AI KHIẾN TỚ HẮT XÌ
22	27/02/2019	STN-000279	BUKE BUKE - AI KHIẾN TỚ HẮT XÌ
23	27/02/2019	STN-000280	NHIỀU TÁC GIẢ - KIẾM TIỀN BẰNG NHỮNG CÁCH NÀO
24	27/02/2019	STN-000281	NHIỀU TÁC GIẢ - KIẾM TIỀN BẰNG NHỮNG CÁCH NÀO
25	27/02/2019	STN-000282	NHIỀU TÁC GIẢ - KIẾM TIỀN BẰNG NHỮNG CÁCH NÀO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/02/2019	STN-000283	NHIỀU TÁC GIẢ - NHẬT KÝ CHI TIÊU
2	27/02/2019	STN-000284	NHIỀU TÁC GIẢ - NHẬT KÝ CHI TIÊU
3	27/02/2019	STN-000285	NHIỀU TÁC GIẢ - NHẬT KÝ CHI TIÊU
4	27/02/2019	STN-000286	NHIỀU TÁC GIẢ - THẾ NÀO LÀ CHI TIÊU HỢP LÍ
5	27/02/2019	STN-000287	NHIỀU TÁC GIẢ - THẾ NÀO LÀ CHI TIÊU HỢP LÍ
6	27/02/2019	STN-000288	NHIỀU TÁC GIẢ - THẾ NÀO LÀ CHI TIÊU HỢP LÍ
7	27/02/2019	STN-000289	NHIỀU TÁC GIẢ - QUYÊN GÓP LÀ YÊU THƯƠNG
8	27/02/2019	STN-000290	NHIỀU TÁC GIẢ - QUYÊN GÓP LÀ YÊU THƯƠNG
9	27/02/2019	STN-000291	NHIỀU TÁC GIẢ - QUYÊN GÓP LÀ YÊU THƯƠNG
10	27/02/2019	STN-000292	NHIỀU TÁC GIẢ - LÀM SAO ĐỂ TIẾT KIỆM TIỀN
11	27/02/2019	STN-000293	NHIỀU TÁC GIẢ - LÀM SAO ĐỂ TIẾT KIỆM TIỀN
12	27/02/2019	STN-000294	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA XUÂN
13	27/02/2019	STN-000295	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA XUÂN
14	27/02/2019	STN-000296	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA HẠ
15	27/02/2019	STN-000297	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA HẠ
16	27/02/2019	STN-000298	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA THU
17	27/02/2019	STN-000299	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA THU
18	27/02/2019	STN-000300	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA ĐÔNG
19	27/02/2019	STN-000301	NHIỀU TÁC GIẢ - CHUYỆN KỂ TỐI MÙA ĐÔNG
20	27/02/2019	STN-000302	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ CÁC CHÒM SAO
21	27/02/2019	STN-000303	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ CÁC CHÒM SAO
22	27/02/2019	STN-000304	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ CÁC CHÒM SAO
23	27/02/2019	STN-000305	TÔN TĨNH - LOÀI VẬT NÀO THÍCH SỐNG VỀ ĐÊM
24	27/02/2019	STN-000306	TÔN TĨNH - LOÀI VẬT NÀO THÍCH SỐNG VỀ ĐÊM
25	27/02/2019	STN-000307	TÔN TĨNH - LOÀI VẬT NÀO THÍCH SỐNG VỀ ĐÊM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	32,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	56,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/02/2019	STN-000308	TÔN TĨNH - LỰC ĐÀN HỒI LÀ GÌ
2	27/02/2019	STN-000309	TÔN TĨNH - LỰC ĐÀN HỒI LÀ GÌ
3	27/02/2019	STN-000310	TÔN TĨNH - LỰC ĐÀN HỒI LÀ GÌ
4	27/02/2019	STN-000311	TÔN TĨNH - VÌ SAO TRÁI ĐẤT BỊ ỐM
5	27/02/2019	STN-000312	TÔN TĨNH - VÌ SAO TRÁI ĐẤT BỊ ỐM
6	27/02/2019	STN-000313	TÔN TĨNH - VÌ SAO TRÁI ĐẤT BỊ ỐM
7	27/02/2019	STN-000314	TÔN TĨNH - NAM CHÂM LÀ GÌ
8	27/02/2019	STN-000315	TÔN TĨNH - NAM CHÂM LÀ GÌ
9	27/02/2019	STN-000316	TÔN TĨNH - NAM CHÂM LÀ GÌ
10	27/02/2019	STN-000317	TÔN TĨNH - LÀM THẾ NÀO ĐỂ TỔ CHỨC MỘT BỮA TIỆC
11	27/02/2019	STN-000318	TÔN TĨNH - LÀM THẾ NÀO ĐỂ TỔ CHỨC MỘT BỮA TIỆC
12	27/02/2019	STN-000319	TÔN TĨNH - LÀM THẾ NÀO ĐỂ TỔ CHỨC MỘT BỮA TIỆC
13	27/02/2019	STN-000320	TÔN TĨNH - VÌ SAO PHẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
14	27/02/2019	STN-000321	TÔN TĨNH - VÌ SAO PHẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
15	27/02/2019	STN-000322	TÔN TĨNH - VÌ SAO PHẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
16	27/02/2019	STN-000323	TÔN TĨNH - VÌ SAO CHÚNG MÌNH PHẢI ĐÁNH RĂNG
17	27/02/2019	STN-000324	TÔN TĨNH - VÌ SAO CHÚNG MÌNH PHẢI ĐÁNH RĂNG
18	27/02/2019	STN-000325	TÔN TĨNH - VỤ NỔ LỚN BIG BANG
19	27/02/2019	STN-000326	TÔN TĨNH - VỤ NỔ LỚN BIG BANG
20	27/02/2019	STN-000327	TÔN TĨNH - VỤ NỔ LỚN BIG BANG
21	27/02/2019	STN-000328	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ MẶT TRỜI
22	27/02/2019	STN-000329	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ MẶT TRỜI
23	27/02/2019	STN-000330	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ MẶT TRỜI
24	27/02/2019	STN-000331	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ XE CỘ, TÀU THUYỀN
25	27/02/2019	STN-000332	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ XE CỘ, TÀU THUYỀN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/02/2019	STN-000333	TÔN TĨNH - TÌM HIỂU VỀ XE CỘ, TÀU THUYỀN
2	27/02/2019	STN-000334	TÔN TĨNH - CON NGƯỜI DÙNG LÔNG VỮ ĐỂ LÀM GÌ
3	27/02/2019	STN-000335	TÔN TĨNH - CON NGƯỜI DÙNG LÔNG VỮ ĐỂ LÀM GÌ
4	27/02/2019	STN-000336	TÔN TĨNH - CON NGƯỜI DÙNG LÔNG VỮ ĐỂ LÀM GÌ
5	27/02/2019	STN-000337	TÔN TĨNH - MÁY BAY BAY LÊN TRỜI NHƯ THẾ NÀO
6	27/02/2019	STN-000338	TÔN TĨNH - MÁY BAY BAY LÊN TRỜI NHƯ THẾ NÀO
7	27/02/2019	STN-000339	TÔN TĨNH - MÁY BAY BAY LÊN TRỜI NHƯ THẾ NÀO
8	27/02/2019	STN-000340	LENE MAYER-SKUMANZ - BEETHOVEN
9	27/02/2019	STN-000341	LENE MAYER-SKUMANZ - BEETHOVEN
10	27/02/2019	STN-000342	LENE MAYER-SKUMANZ - VERDI
11	27/02/2019	STN-000343	LENE MAYER-SKUMANZ - VERDI
12	27/02/2019	STN-000344	LENE MAYER-SKUMANZ - VIVALDI
13	27/02/2019	STN-000345	LENE MAYER-SKUMANZ - VIVALDI
14	27/02/2019	STN-000346	LENE MAYER-SKUMANZ - CHOPIN
15	27/02/2019	STN-000347	LENE MAYER-SKUMANZ - CHOPIN
16	27/02/2019	STN-000348	LENE MAYER-SKUMANZ - HANDEL
17	27/02/2019	STN-000349	LENE MAYER-SKUMANZ - HANDEL
18	27/02/2019	STN-000350	ERNST A.EKKER - SCHUHERT
19	27/02/2019	STN-000351	ERNST A.EKKER - SCHUHERT
20	27/02/2019	STN-000352	ERNST A.EKKER - BACH
21	27/02/2019	STN-000353	ERNST A.EKKER - BACH
22	27/02/2019	STN-000354	ERNST A.EKKER - STRAUSS
23	27/02/2019	STN-000355	ERNST A.EKKER - STRAUSS
24	27/02/2019	STN-000356	ERNST A.EKKER - MOFART
25	27/02/2019	STN-000357	ERNST A.EKKER - MOFART

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2017	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2017	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2017	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2017	25,000	ĐN13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/02/2019	STN-000358	SIGRID LAUBE - HAYDN
2	27/02/2019	STN-000359	SIGRID LAUBE - HAYDN
3	27/02/2019	STN-000360	YEORIM YOON - LỜI CHÀO CỦA TỚ
4	27/02/2019	STN-000361	YEORIM YOON - LỜI CHÀO CỦA TỚ
5	27/02/2019	STN-000362	YEORIM YOON - LỜI CHÀO CỦA TỚ
6	27/02/2019	STN-000363	YEORIM YOON - TỚ YÊU MỌI NGƯỜI
7	27/02/2019	STN-000364	YEORIM YOON - TỚ YÊU MỌI NGƯỜI
8	27/02/2019	STN-000365	YEORIM YOON - TỚ YÊU MỌI NGƯỜI
9	27/02/2019	STN-000366	YEORIM YOON - TỚ YÊU CHÍNH MÌNH
10	27/02/2019	STN-000367	YEORIM YOON - TỚ YÊU CHÍNH MÌNH
11	27/02/2019	STN-000368	YEORIM YOON - TỚ YÊU CHÍNH MÌNH
12	27/02/2019	STN-000369	BAOYU - NHÀ CÁ THÔNG MINH
13	27/02/2019	STN-000370	BAOYU - NHÀ CÁ THÔNG MINH
14	27/02/2019	STN-000371	BAOYU - HỌ NHÀ SÚP LƠ
15	27/02/2019	STN-000372	BAOYU - HỌ NHÀ SÚP LƠ
16	27/02/2019	STN-000373	BAOYU - HỌ NHÀ NẤM XINH XẮN
17	27/02/2019	STN-000374	BAOYU - HỌ NHÀ NẤM XINH XẮN
18	27/02/2019	STN-000375	BAOYU - EM ỚT CHUÔNG SẮC MÀU
19	27/02/2019	STN-000376	BAOYU - EM ỚT CHUÔNG SẮC MÀU
20	27/02/2019	STN-000377	BAOYU - CHÚ CÀ TÍM KHỎE MẠNH
21	27/02/2019	STN-000378	BAOYU - CHÚ CÀ TÍM KHỎE MẠNH
22	27/02/2019	STN-000379	BAOYU - CHỊ EM NHÀ CẢI
23	27/02/2019	STN-000380	BAOYU - CHỊ EM NHÀ CẢI
24	27/02/2019	STN-000381	BAOYU - ANH EM NHÀ CÀ RỐT
25	27/02/2019	STN-000382	BAOYU - ANH EM NHÀ CÀ RỐT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2017	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/02/2019	STN-000383	BAOYU - ÔNG TÔM TỐT BỤNG
2	27/02/2019	STN-000384	BAOYU - ÔNG TÔM TỐT BỤNG
3	27/02/2019	STN-000385	BAOYU - NHỮNG BÉ TRỨNG XINH
4	27/02/2019	STN-000386	BAOYU - NHỮNG BÉ TRỨNG XINH
5	27/02/2019	STN-000387	HIẾU MINH - TẬP VIẾT LỚP 1/1
6	27/02/2019	STN-000388	HIẾU MINH - TẬP VIẾT LỚP 1/1
7	27/02/2019	STN-000389	HIẾU MINH - TẬP VIẾT LỚP 1/2
8	27/02/2019	STN-000390	HIẾU MINH - TẬP VIẾT LỚP 1/2
9	27/02/2019	STN-000391	HIẾU MINH - TẬP VIẾT LỚP 1/3
10	27/02/2019	STN-000392	HIẾU MINH - TẬP VIẾT LỚP 1/3
11	27/02/2019	STN-000393	HIẾU MINH - LÀM QUEN VỚI TOÁN 1/1
12	27/02/2019	STN-000394	HIẾU MINH - LÀM QUEN VỚI TOÁN 1/1
13	27/02/2019	STN-000395	HIẾU MINH - LÀM QUEN VỚI TOÁN 1/2
14	27/02/2019	STN-000396	HIẾU MINH - LÀM QUEN VỚI TOÁN 1/2
15	27/02/2019	STN-000397	HIẾU MINH - LÀM QUEN VỚI TOÁN 1/3
16	27/02/2019	STN-000398	HIẾU MINH - LÀM QUEN VỚI TOÁN 1/3
17	26/03/2019	STK-000811	THÁI XUÂN ĐỆ - TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
18	26/03/2019	STK-000812	GIA TIẾN - TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
19	26/03/2019	STK-000813	NGUYỄN THẾ LONG - TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT
20	26/03/2019	STK-000814	NGUYỄN THẾ LONG - TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT
21	26/03/2019	STK-000815	LÊ NHÂN ĐÀM - TỪ ĐIỂN CHỮ VIẾT TẮT THÔNG DỤNG
22	26/03/2019	STK-000816	LÊ ANH XUÂN - GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ VÀ MỞ RỘNG VỐN TỪ TIẾNG VIỆT LỚP 1, 2, 3
23	26/03/2019	STK-000817	LÊ ANH XUÂN - GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ VÀ MỞ RỘNG VỐN TỪ TIẾNG VIỆT LỚP 1, 2, 3
24	26/03/2019	STK-000818	LÊ ANH XUÂN - GIẢI NGHĨA TỪ NGỮ VÀ MỞ RỘNG VỐN TỪ TIẾNG VIỆT LỚP 1, 2, 3
25	26/03/2019	STK-000819	HOÀNG PHÊ - TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2019	36,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2018	14,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	14,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	14,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	14,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	14,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	14,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	23,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	23,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	23,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	23,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	23,000	ĐV19	2							
Kim Đồng	HN	2018	23,000	ĐV19	2							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2011	35,000	4(V)(03)	2							
Thanh Hóa	HN	2007	30,000	4(V)(03)	2							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2008	29,000	4(V)(03)	2							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2008	29,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	1997	18,500	4(V)(03)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2010	35,000	4(V)(03)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2010	35,000	4(V)(03)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2010	35,000	4(V)(03)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	72,000	4(V)(03)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/03/2019	STK-000820	HOÀNG PHÊ - TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ
2	26/03/2019	STK-000821	NGUYỄN NHƯ Ý - TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ HỌC SINH
3	26/03/2019	STK-000822	NGUYỄN NHƯ Ý - TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ HỌC SINH
4	26/03/2019	STK-000823	NGUYỄN VĂN HÙNG - TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
5	26/03/2019	STK-000824	HOÀNG VĂN HÀNH - TỪ ĐIỂN ĐỒNG ÂM TIẾNG VIỆT
6	26/03/2019	STK-000825	HOÀNG VĂN HÀNH - TỪ ĐIỂN TỪ LÁY TIẾNG VIỆT
7	26/03/2019	STK-000826	BÙI THANH TÙNG - TỪ ĐIỂN ĐỒNG NGHĨA TRÁI NGHĨA DÀNH CHO HỌC SINH
8	26/03/2019	STK-000827	BÙI THANH TÙNG - TỪ ĐIỂN TỪ LÁY TIẾNG VIỆT
9	26/03/2019	STK-000828	BÙI THANH TÙNG - TỪ ĐIỂN TỪ LÁY TIẾNG VIỆT
10	26/03/2019	STK-000829	NGUYỄN NHƯ Ý - TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ VIỆT NAM
11	26/03/2019	STK-000830	ĐỖ THANH - TỪ ĐIỂN TỪ CÔNG CỤ TIẾNG VIỆT
12	26/03/2019	STK-000831	NGUYỄN NHƯ Ý - TỪ ĐIỂN GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT
13	26/03/2019	STK-000832	NGUYỄN NHƯ Ý - TỪ ĐIỂN GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT
14	26/03/2019	STK-000833	HOÀNG PHÊ - TỪ ĐIỂN VẦN
15	26/03/2019	STK-000834	LONG ĐIỀN - VIỆT NGỮ TINH HOA TỪ ĐIỂN
16	26/03/2019	STK-000835	NGUYỄN LÂN - TỪ ĐIỂN THÀNH NGỮ TỤC NGỮ VIỆT NAM
17	26/03/2019	STK-000836	NGUYỄN KIM THẢN - NGHIÊN CỨU NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT
18	26/03/2019	STK-000837	VĂN NGỌC - BA TRĂM 362 CÂU ĐỐ TỤC NGỮ CA DAO VIỆT NAM
19	26/03/2019	STK-000838	LÊ PHƯƠNG THANH - VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT
20	26/03/2019	STK-000839	ĐẶNG ĐỨC PHƯƠNG - TỪ ĐIỂN TIN HỌC ANH VIỆT
21	26/03/2019	STK-000840	VIỆT VĂN BOOK - TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
22	26/03/2019	STK-000841	LÊ A - SỔ TAY TỪ NGỮ TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC
23	26/03/2019	STK-000842	HỒ LÊ - LỖI TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT
24	26/03/2019	STK-000843	NGUYỄN ĐỨC MẠNH - SỔ TAY CHÍNH TẢ TRA NHANH
25	26/03/2019	STK-000844	NGUYỄN ĐỨC MẠNH - SỔ TAY CHÍNH TẢ TRA NHANH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đà Nẵng	ĐN	2006	72,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	2003	65,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	2009	145,000	4(V)(03)	2							
Từ điển bách khoa	HN	2008	140,000	4(V)(03)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1998	42,000	4(V)(03)	2							
Khoa học xã hội	HN	1998	55,000	4(V)(03)	2							
Thanh niên	HN	2011	42,000	4(V)(03)	2							
Hồng Đức	HN	2011	25,000	4(V)(03)	2							
Hồng Đức	HN	2011	25,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	1995	55,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	1998	15,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	1995	18,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	1995	18,000	4(V)(03)	2							
Đà Nẵng	ĐN	1966	16,000	4(V)(03)	2							
Hội nhà văn	HN	1988	45,000	4(V)(03)	2							
Văn học	HN	2010	68,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	1997	55,000	4(V)	2							
Thanh Hóa	HN	2006	50,000	4(V)	2							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	1999	40,000	4(V)	2							
Thế Giới	HN	1996	65,000	6T7	2							
Từ điển bách khoa	HN	2009	58,000	4(V)(03)	2							
Giáo dục	HN	2009	18,500	4(V)	2							
Khoa học xã hội	TPHCM	2009	20,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/03/2019	STK-000845	NGUYỄN ĐỨC MẠNH - SỔ TAY CHÍNH TẢ TRA NHANH
2	26/03/2019	STK-000846	NGUYỄN ĐỨC MẠNH - SỔ TAY CHÍNH TẢ TRA NHANH
3	26/03/2019	STK-000847	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 5
4	26/03/2019	STK-000848	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 5
5	26/03/2019	STK-000849	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 5
6	26/03/2019	STK-000850	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 2
7	26/03/2019	STK-000851	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 2
8	26/03/2019	STK-000852	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 2
9	26/03/2019	STK-000853	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 3
10	26/03/2019	STK-000854	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 3
11	26/03/2019	STK-000855	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 3
12	26/03/2019	STK-000856	LÊ HỒNG MAI - MỞ RỘNG VỐN TỪ QUA Ô CHỮ LỚP 3
13	26/03/2019	STK-000857	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TIẾNG VIỆT LỚP 1
14	26/03/2019	STK-000858	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TIẾNG VIỆT LỚP 1
15	26/03/2019	STK-000859	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TIẾNG VIỆT LỚP 1
16	26/03/2019	STK-000860	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TIẾNG VIỆT LỚP 1
17	26/03/2019	STK-000861	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TIẾNG VIỆT LỚP 1
18	26/03/2019	STK-000862	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TIẾNG VIỆT LỚP 1
19	26/03/2019	STK-000863	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TIẾNG VIỆT LỚP 1
20	27/03/2019	STK-000864	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
21	27/03/2019	STK-000865	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
22	27/03/2019	STK-000866	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
23	27/03/2019	STK-000867	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
24	27/03/2019	STK-000868	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
25	27/03/2019	STK-000869	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2008	8,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2004	23,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2004	23,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2004	23,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2004	23,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2004	23,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2004	23,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2004	23,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2008	8,500	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/03/2019	STK-000870	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
2	27/03/2019	STK-000871	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
3	27/03/2019	STK-000872	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
4	27/03/2019	STK-000873	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 2
5	27/03/2019	STK-000874	VŨ VĂN DƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 3
6	27/03/2019	STK-000875	VŨ VĂN DƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 3
7	27/03/2019	STK-000876	VŨ VĂN DƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 3
8	27/03/2019	STK-000877	VŨ VĂN DƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 3
9	27/03/2019	STK-000878	VŨ VĂN DƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 3
10	27/03/2019	STK-000879	TRẦN THỊ PHÚ BÌNH - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 4/1
11	27/03/2019	STK-000880	TRẦN THỊ PHÚ BÌNH - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 4/1
12	27/03/2019	STK-000881	TRẦN THỊ PHÚ BÌNH - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 4/1
13	27/03/2019	STK-000882	TRẦN THỊ PHÚ BÌNH - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 4/2
14	27/03/2019	STK-000883	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 1/1
15	27/03/2019	STK-000884	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 1/1
16	27/03/2019	STK-000885	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 1/2
17	27/03/2019	STK-000886	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 1/2
18	27/03/2019	STK-000887	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 2/2
19	27/03/2019	STK-000888	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 2/2
20	27/03/2019	STK-000889	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 2/2
21	27/03/2019	STK-000890	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 3/1
22	27/03/2019	STK-000891	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 3/1
23	27/03/2019	STK-000892	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 3/1
24	27/03/2019	STK-000893	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 3/2
25	27/03/2019	STK-000894	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2008	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2012	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2012	8,500	37	2							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	2							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	2							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	2							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	2							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	2							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	2							
Giáo dục	HN	2010	13,500	37	2							
Giáo dục	HN	2010	13,500	37	2							
Giáo dục	HN	2010	13,500	37	2							
Giáo dục	HN	2010	13,500	37	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/03/2019	STK-000895	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 3/2
2	27/03/2019	STK-000896	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 3/2
3	27/03/2019	STK-000897	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/1
4	27/03/2019	STK-000898	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/1
5	27/03/2019	STK-000899	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/1
6	27/03/2019	STK-000900	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/1
7	27/03/2019	STK-000901	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/2
8	27/03/2019	STK-000902	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/2
9	27/03/2019	STK-000903	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/2
10	27/03/2019	STK-000904	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 4/2
11	27/03/2019	STK-000905	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/1
12	27/03/2019	STK-000906	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/1
13	27/03/2019	STK-000907	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/1
14	27/03/2019	STK-000908	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/1
15	27/03/2019	STK-000909	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/2
16	27/03/2019	STK-000910	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/2
17	27/03/2019	STK-000911	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/2
18	27/03/2019	STK-000912	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5/2
19	27/03/2019	STK-000913	LÊ PHƯƠNG LIÊN - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT LỚP 1
20	27/03/2019	STK-000914	LÊ PHƯƠNG LIÊN - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT LỚP 1
21	27/03/2019	STK-000915	LÊ PHƯƠNG LIÊN - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT LỚP 1
22	27/03/2019	STK-000916	PHẠM VĂN CÔNG - PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT LỚP 1
23	27/03/2019	STK-000917	PHẠM VĂN CÔNG - PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT LỚP 1
24	27/03/2019	STK-000918	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/1
25	27/03/2019	STK-000919	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2011	23,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2011	23,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2011	23,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	30,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	30,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	21,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	21,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/03/2019	STK-000920	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/1
2	27/03/2019	STK-000921	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/2
3	27/03/2019	STK-000922	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/2
4	27/03/2019	STK-000923	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/2
5	27/03/2019	STK-000924	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/2
6	27/03/2019	STK-000925	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC LỚP 1/2
7	27/03/2019	STK-000926	NGUYỄN THỊ LY KHA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TIẾNG VIỆT LỚP 1
8	27/03/2019	STK-000927	NGUYỄN THỊ LY KHA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TIẾNG VIỆT LỚP 1
9	02/04/2019	STK-000928	THU LÊ - TUYỂN TẬP ĐỀ THI GIẢI LÊ QUÝ ĐÔN TIẾNG VIỆT 1, 2, 3
10	02/04/2019	STK-000929	THU LÊ - TUYỂN TẬP ĐỀ THI GIẢI LÊ QUÝ ĐÔN TIẾNG VIỆT 1, 2, 3
11	02/04/2019	STK-000930	THU LÊ - TUYỂN TẬP ĐỀ THI GIẢI LÊ QUÝ ĐÔN TIẾNG VIỆT 1, 2, 3
12	02/04/2019	STK-000931	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT LỚP 1 QUYỂN 2
13	02/04/2019	STK-000932	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT LỚP 1 QUYỂN 2
14	02/04/2019	STK-000933	PHẠM VĂN CÔNG - PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 1
15	02/04/2019	STK-000934	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ TIẾNG VIỆT, TOÁN 1
16	02/04/2019	STK-000935	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ TIẾNG VIỆT, TOÁN 1
17	02/04/2019	STK-000936	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ TIẾNG VIỆT, TOÁN 1
18	02/04/2019	STK-000937	NGUYỄN THỊ HẠNH - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 1/1
19	02/04/2019	STK-000938	NGUYỄN THỊ HẠNH - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 1/1
20	02/04/2019	STK-000939	NGUYỄN THỊ HẠNH - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 1/2
21	02/04/2019	STK-000940	NGUYỄN THỊ HẠNH - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 1/2
22	02/04/2019	STK-000941	VŨ KHẮC TUÂN - TRÒ CHƠI HỌC ÂM - VẦN TIẾNG VIỆT
23	02/04/2019	STK-000942	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRÒ CHƠI HỌC TẬP TIẾNG VIỆT 2
24	02/04/2019	STK-000943	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRÒ CHƠI HỌC TẬP TIẾNG VIỆT 2
25	02/04/2019	STK-000944	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRÒ CHƠI HỌC TẬP TIẾNG VIỆT 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	21,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	21,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	21,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2011	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2011	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2011	16,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2012	10,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2012	10,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	30,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	28,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	28,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	28,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2005	24,600	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,200	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,200	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,200	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/04/2019	STK-000945	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRÒ CHƠI HỌC TẬP TIẾNG VIỆT 2
2	02/04/2019	STK-000946	LÊ PHƯƠNG LIÊN - VỞ LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT 2/1
3	02/04/2019	STK-000947	LÊ PHƯƠNG LIÊN - VỞ LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT 2/1
4	02/04/2019	STK-000948	LÊ PHƯƠNG LIÊN - VỞ LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT 2/1
5	02/04/2019	STK-000949	LÊ PHƯƠNG LIÊN - VỞ LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT 2/2
6	02/04/2019	STK-000950	LÊ PHƯƠNG LIÊN - VỞ LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT 2/2
7	02/04/2019	STK-000951	LÊ PHƯƠNG LIÊN - VỞ LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT 2/2
8	02/04/2019	STK-000952	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT 2/1
9	02/04/2019	STK-000953	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT 2/1
10	02/04/2019	STK-000954	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT 2/1
11	02/04/2019	STK-000955	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI TIẾNG VIỆT LỚP 2 QUYỂN 2
12	02/04/2019	STK-000956	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI TIẾNG VIỆT LỚP 2 QUYỂN 2
13	02/04/2019	STK-000957	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI TIẾNG VIỆT LỚP 2 QUYỂN 2
14	02/04/2019	STK-000958	TRẦN CÔNG TÙNG - HỌC TỐT TIẾNG VIỆT 2/1
15	02/04/2019	STK-000959	TRẦN CÔNG TÙNG - HỌC TỐT TIẾNG VIỆT 2/1
16	02/04/2019	STK-000960	TRẦN CÔNG TÙNG - HỌC TỐT TIẾNG VIỆT 2/2
17	02/04/2019	STK-000961	TRẦN CÔNG TÙNG - HỌC TỐT TIẾNG VIỆT 2/2
18	02/04/2019	STK-000962	TRẦN CÔNG TÙNG - HỌC TỐT TIẾNG VIỆT 2/2
19	02/04/2019	STK-000963	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ TIẾNG VIỆT, TOÁN 2
20	02/04/2019	STK-000964	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ TIẾNG VIỆT, TOÁN 2
21	02/04/2019	STK-000965	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU 2
22	02/04/2019	STK-000966	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU 2
23	02/04/2019	STK-000967	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH - VỞ BỔ TRỢ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 2/1
24	02/04/2019	STK-000968	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH - VỞ BỔ TRỢ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 2/1
25	02/04/2019	STK-000969	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH - VỞ BỔ TRỢ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 2/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2003	8,200	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	23,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	23,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	23,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	20,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2010	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2010	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2010	9,000	4(V)	2							
Thanh niên	HN	2009	15,000	4(V)	2							
Thanh niên	HN	2009	15,000	4(V)	2							
Thanh niên	HN	2009	15,000	4(V)	2							
Thanh niên	HN	2009	15,000	4(V)	2							
Thanh niên	HN	2009	15,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	25,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	25,000	37	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	10,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	10,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	18,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	18,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	17,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/04/2019	STK-000970	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH - VỞ BỔ TRỢ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 2/2
2	02/04/2019	STK-000971	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH - VỞ BỔ TRỢ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 2/2
3	02/04/2019	STK-000972	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH - VỞ BỔ TRỢ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 2/2
4	02/04/2019	STK-000973	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 2/1
5	02/04/2019	STK-000974	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 2/1
6	02/04/2019	STK-000975	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 2/1
7	02/04/2019	STK-000976	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIỂU HỌC 2
8	02/04/2019	STK-000977	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIỂU HỌC 2
9	02/04/2019	STK-000978	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
10	02/04/2019	STK-000979	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
11	02/04/2019	STK-000980	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
12	02/04/2019	STK-000981	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
13	02/04/2019	STK-000982	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
14	02/04/2019	STK-000983	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
15	02/04/2019	STK-000984	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
16	02/04/2019	STK-000985	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
17	02/04/2019	STK-000986	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI - ĐÁP VỀ DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2
18	02/04/2019	STK-000987	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 2/1
19	02/04/2019	STK-000988	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 2/1
20	02/04/2019	STK-000989	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 2/2
21	02/04/2019	STK-000990	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 2/2
22	02/04/2019	STK-000991	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 2/2
23	03/04/2019	STK-000992	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 2
24	03/04/2019	STK-000993	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 2
25	03/04/2019	STK-000994	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	17,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	10,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	10,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2003	9,500	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2019	STK-000995	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 2
2	03/04/2019	STK-000996	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC 1/1
3	03/04/2019	STK-000997	NGUYỄN THỊ HÀNH - HƯỚNG DẪN EM HỌC TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC 1/1
4	03/04/2019	STK-000998	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/1
5	03/04/2019	STK-000999	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/1
6	03/04/2019	STK-001000	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/1
7	03/04/2019	STK-001001	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/1
8	03/04/2019	STK-001002	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/2
9	03/04/2019	STK-001003	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/2
10	03/04/2019	STK-001004	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/2
11	03/04/2019	STK-001005	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MẸ DẠY CON TIẾNG VIỆT 3/2
12	03/04/2019	STK-001006	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 3/1
13	03/04/2019	STK-001007	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 3/1
14	03/04/2019	STK-001008	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 3/1
15	03/04/2019	STK-001009	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 3/2
16	03/04/2019	STK-001010	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 3/2
17	03/04/2019	STK-001011	NGUYỄN THỊ LY KHA - GIÚP EM HỌC TIẾNG VIỆT 3/1
18	03/04/2019	STK-001012	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ TIẾNG VIỆT, TOÁN 3
19	03/04/2019	STK-001013	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ TIẾNG VIỆT, TOÁN 3
20	03/04/2019	STK-001014	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU 3
21	03/04/2019	STK-001015	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU 3
22	03/04/2019	STK-001016	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/1
23	03/04/2019	STK-001017	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/1
24	03/04/2019	STK-001018	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/1
25	03/04/2019	STK-001019	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2010	17,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	21,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	21,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	24,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	24,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	24,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	24,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	22,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	22,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	22,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	22,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	29,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	23,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	23,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2004	9,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2004	9,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2019	STK-001020	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/2
2	03/04/2019	STK-001021	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/2
3	03/04/2019	STK-001022	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/2
4	03/04/2019	STK-001023	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/2
5	03/04/2019	STK-001024	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/2
6	03/04/2019	STK-001025	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/2
7	03/04/2019	STK-001026	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 3/1
8	03/04/2019	STK-001027	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 3/1
9	03/04/2019	STK-001028	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 3/1
10	03/04/2019	STK-001029	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 3/2
11	03/04/2019	STK-001030	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 3/2
12	03/04/2019	STK-001031	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 3/2
13	03/04/2019	STK-001032	LÊ THỊ NGUYÊN - TIẾNG VIỆT NÂNG CAO 3
14	03/04/2019	STK-001033	LÊ THỊ NGUYÊN - TIẾNG VIỆT NÂNG CAO 3
15	03/04/2019	STK-001034	LÊ THỊ NGUYÊN - TIẾNG VIỆT NÂNG CAO 3
16	03/04/2019	STK-001035	TẠ ĐỨC HIỀN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3
17	03/04/2019	STK-001036	TẠ ĐỨC HIỀN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3
18	03/04/2019	STK-001037	TẠ ĐỨC HIỀN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3
19	03/04/2019	STK-001038	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/1
20	03/04/2019	STK-001039	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/1
21	03/04/2019	STK-001040	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/1
22	03/04/2019	STK-001041	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/1
23	03/04/2019	STK-001042	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/2
24	03/04/2019	STK-001043	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/2
25	03/04/2019	STK-001044	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	15,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	16,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	16,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	16,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2019	STK-001045	HOÀNG CAO CƯƠNG - TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 3/2
2	03/04/2019	STK-001046	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/1
3	03/04/2019	STK-001047	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/1
4	03/04/2019	STK-001048	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/1
5	03/04/2019	STK-001049	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/1
6	03/04/2019	STK-001050	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/2
7	03/04/2019	STK-001051	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/2
8	03/04/2019	STK-001052	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/2
9	03/04/2019	STK-001053	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/2
10	03/04/2019	STK-001054	PHAN THIỀU - BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3/2
11	03/04/2019	STK-001055	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BA MƯƠI LĂM BỘ ĐỀ VĂN, TIẾNG VIỆT 3
12	04/04/2019	STK-001056	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 3/1
13	04/04/2019	STK-001057	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 4/1
14	04/04/2019	STK-001058	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 4/1
15	04/04/2019	STK-001059	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 4/2
16	04/04/2019	STK-001060	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN, TIẾNG VIỆT 4/2
17	04/04/2019	STK-001061	THÁI QUANG VINH - TIẾNG VIỆT NÂNG CAO 4
18	04/04/2019	STK-001062	TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNGQ - ÔN LUYỆN TIẾNG VIỆT 3
19	04/04/2019	STK-001063	TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNGQ - ÔN LUYỆN TIẾNG VIỆT 3
20	04/04/2019	STK-001064	TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNGQ - ÔN LUYỆN TIẾNG VIỆT 3
21	04/04/2019	STK-001065	TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNGQ - ÔN LUYỆN TIẾNG VIỆT 3
22	04/04/2019	STK-001066	TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNGQ - ÔN LUYỆN TIẾNG VIỆT 3
23	04/04/2019	STK-001067	NGUYỄN THỊ LY KHA - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/2
24	04/04/2019	STK-001068	NGUYỄN THỊ LY KHA - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/2
25	04/04/2019	STK-001069	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2009	12,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	14,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	14,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	14,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	14,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	13,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	13,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	13,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	13,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	13,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	33,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2005	14,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	27,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	27,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	27,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	27,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	27,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,400	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,400	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/04/2019	STK-001070	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 4
2	04/04/2019	STK-001071	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 4
3	04/04/2019	STK-001072	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 4
4	04/04/2019	STK-001073	HOÀNG CAO CƯƠNG - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 4/2
5	04/04/2019	STK-001074	HOÀNG CAO CƯƠNG - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 4/2
6	04/04/2019	STK-001075	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/1
7	04/04/2019	STK-001076	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/1
8	04/04/2019	STK-001077	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/1
9	04/04/2019	STK-001078	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/2
10	04/04/2019	STK-001079	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/2
11	04/04/2019	STK-001080	MINH PHƯƠNG - VỞ Ô LI BÀI TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/2
12	04/04/2019	STK-001081	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU 4
13	04/04/2019	STK-001082	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU 4
14	04/04/2019	STK-001083	NGUYỄN THỊ LY KHA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TIẾNG VIỆT 4
15	04/04/2019	STK-001084	NGUYỄN THỊ LY KHA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TIẾNG VIỆT 4
16	04/04/2019	STK-001085	TẠ ĐỨC HIỀN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 4
17	04/04/2019	STK-001086	TẠ ĐỨC HIỀN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 4
18	04/04/2019	STK-001087	TẠ ĐỨC HIỀN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 4
19	04/04/2019	STK-001088	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 4/1
20	04/04/2019	STK-001089	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 4/1
21	04/04/2019	STK-001090	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 4/1
22	04/04/2019	STK-001091	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 4/2
23	04/04/2019	STK-001092	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 4/2
24	04/04/2019	STK-001093	NGUYỄN HẢI MI - GIẢI VỞ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 4/2
25	04/04/2019	STK-001094	NGUYỄN QUANG NINH - MỘT TRĂM NĂM MƯƠI BÀI TẬP RÈN LUYỆN TIẾNG VIỆT LÀM VĂN LỚP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	8,800	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2007	8,800	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	9,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2005	13,000	4(V)	2							
Đà Nẵng	ĐN	2005	13,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	27,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2015	27,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	14,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	14,000	4(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	14,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2012	25,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2012	25,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2012	25,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	20,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	20,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2010	20,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2008	27,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/04/2019	STK-001095	NGUYỄN QUANG NINH - MỘT TRĂM NĂM MƯƠI BÀI TẬP RÈN LUYỆN TIẾNG VIỆT LÀM VĂN LỚP 4
2	04/04/2019	STK-001096	NGUYỄN THỊ HẠNH - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 4
3	04/04/2019	STK-001097	NGUYỄN THỊ HẠNH - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 4
4	04/04/2019	STK-001098	NGUYỄN THỊ HẠNH - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 4
5	04/04/2019	STK-001099	LÊ PHƯƠNG LIÊN - LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 5
6	04/04/2019	STK-001100	LÊ PHƯƠNG LIÊN - LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 5
7	04/04/2019	STK-001101	ĐỖ MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 5
8	04/04/2019	STK-001102	ĐỖ MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 5
9	04/04/2019	STK-001103	ĐỖ MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 5
10	04/04/2019	STK-001104	LÊ PHƯƠNG NGA - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỪ VÀ CÂU 5
11	04/04/2019	STK-001105	LÊ PHƯƠNG NGA - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỪ VÀ CÂU 5
12	04/04/2019	STK-001106	LÊ PHƯƠNG NGA - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỪ VÀ CÂU 5
13	04/04/2019	STK-001107	TRẦN ĐỨC NIỀM - KIẾN THỨC CƠ BẢN TIẾNG VIỆT 5
14	04/04/2019	STK-001108	TRẦN ĐỨC NIỀM - KIẾN THỨC CƠ BẢN TIẾNG VIỆT 5
15	04/04/2019	STK-001109	TRẦN ĐỨC NIỀM - KIẾN THỨC CƠ BẢN TIẾNG VIỆT 5
16	04/04/2019	STK-001110	TRẦN ĐỨC NIỀM - KIẾN THỨC CƠ BẢN TIẾNG VIỆT 5
17	04/04/2019	STK-001111	TRẦN ĐỨC NIỀM - KIẾN THỨC CƠ BẢN TIẾNG VIỆT 5
18	04/04/2019	STK-001112	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ LỚP 4
19	04/04/2019	STK-001113	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ LỚP 4
20	04/04/2019	STK-001114	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ LỚP 4
21	04/04/2019	STK-001115	BÙI PHƯƠNG NGA - TRÒ CHƠI HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1, 2, 3
22	04/04/2019	STK-001116	B.CUDDY CHRIS BELL - NHỮNG LOÀI CHÓ
23	04/04/2019	STK-001117	B.CUDDY CHRIS BELL - NHỮNG LOÀI CHÓ
24	04/04/2019	STK-001118	B.CUDDY CHRIS BELL - NHỮNG LOÀI CHÓ
25	04/04/2019	STK-001119	B.CUDDY CHRIS BELL - NHỮNG LOÀI CHÓ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2008	27,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	33,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	33,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2014	33,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2006	13,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2006	13,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	4(V)	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	26,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	26,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2011	26,000	37	2							
Giáo dục	HN	2008	17,500	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~05/04/2019~~	~~SNV-000001~~	~~LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 1~~
2	~~05/04/2019~~	~~SNV-000002~~	~~LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 1~~
3	~~05/04/2019~~	~~SNV-000003~~	~~LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 1~~
4	05/04/2019	SNV-000004	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 3
5	05/04/2019	SNV-000005	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 3
6	05/04/2019	SNV-000006	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 3
7	05/04/2019	SNV-000007	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 3
8	05/04/2019	SNV-000008	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 3
9	05/04/2019	SNV-000009	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 3
10	05/04/2019	SNV-000010	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
11	05/04/2019	SNV-000011	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
12	05/04/2019	SNV-000012	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
13	05/04/2019	SNV-000013	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
14	05/04/2019	SNV-000014	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
15	05/04/2019	SNV-000015	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
16	05/04/2019	SNV-000016	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
17	05/04/2019	SNV-000017	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
18	05/04/2019	SNV-000018	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
19	05/04/2019	SNV-000019	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
20	05/04/2019	SNV-000020	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
21	05/04/2019	SNV-000021	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
22	05/04/2019	SNV-000022	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
23	05/04/2019	SNV-000023	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
24	05/04/2019	SNV-000024	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
25	05/04/2019	SNV-000025	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~05/04/2019~~	~~SNV-000026~~	~~NGUYỄN HỮU HỢP - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 1~~
2	~~05/04/2019~~	~~SNV-000027~~	~~NGUYỄN HỮU HỢP - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 1~~
3	~~05/04/2019~~	~~SNV-000028~~	~~NGUYỄN HỮU HỢP - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 1~~
4	~~05/04/2019~~	~~SNV-000029~~	~~NGUYỄN HỮU HỢP - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 1~~
5	~~05/04/2019~~	~~SNV-000030~~	~~NGUYỄN HỮU HỢP - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 1~~
6	05/04/2019	SNV-000031	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
7	05/04/2019	SNV-000032	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
8	05/04/2019	SNV-000033	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
9	05/04/2019	SNV-000034	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
10	05/04/2019	SNV-000035	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
11	05/04/2019	SNV-000036	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
12	05/04/2019	SNV-000037	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
13	05/04/2019	SNV-000038	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
14	05/04/2019	SNV-000039	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
15	05/04/2019	SNV-000040	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
16	05/04/2019	SNV-000041	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
17	05/04/2019	SNV-000042	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
18	05/04/2019	SNV-000043	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 3
19	05/04/2019	SNV-000044	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4
20	05/04/2019	SNV-000045	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4
21	05/04/2019	SNV-000046	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4
22	05/04/2019	SNV-000047	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4
23	05/04/2019	SNV-000048	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4
24	05/04/2019	SNV-000049	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4
25	05/04/2019	SNV-000050	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Đại học Quốc gia Hà Nội~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Đại học Quốc gia Hà Nội~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Đại học Quốc gia Hà Nội~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Đại học Quốc gia Hà Nội~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Đại học Quốc gia Hà Nội~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	14,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/04/2019	SNV-000051	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 4
2	05/04/2019	SNV-000052	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
3	05/04/2019	SNV-000053	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
4	05/04/2019	SNV-000054	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
5	05/04/2019	SNV-000055	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
6	05/04/2019	SNV-000056	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
7	05/04/2019	SNV-000057	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
8	05/04/2019	SNV-000058	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
9	05/04/2019	SNV-000059	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
10	05/04/2019	SNV-000060	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
11	~~05/04/2019~~	~~SNV-000061~~	~~PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/1~~
12	~~05/04/2019~~	~~SNV-000062~~	~~PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/1~~
13	~~05/04/2019~~	~~SNV-000063~~	~~PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/1~~
14	~~05/04/2019~~	~~SNV-000064~~	~~PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/1~~
15	~~05/04/2019~~	~~SNV-000065~~	~~PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/1~~
16	~~05/04/2019~~	~~SNV-000066~~	~~NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/2~~
17	~~05/04/2019~~	~~SNV-000067~~	~~NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/2~~
18	~~05/04/2019~~	~~SNV-000068~~	~~NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/2~~
19	~~05/04/2019~~	~~SNV-000069~~	~~NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/2~~
20	~~05/04/2019~~	~~SNV-000070~~	~~NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 1/2~~
21	05/04/2019	SNV-000071	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 2/1
22	05/04/2019	SNV-000072	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 2/1
23	05/04/2019	SNV-000073	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 2/1
24	05/04/2019	SNV-000074	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 2/2
25	05/04/2019	SNV-000075	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 2/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~45,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~45,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~45,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~45,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~45,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2010	45,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	45,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	45,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	38,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	38,000	4(V)(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/04/2019	SNV-000076	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 2/2
2	05/04/2019	SNV-000077	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 3/1
3	05/04/2019	SNV-000078	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 3/1
4	05/04/2019	SNV-000079	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 3/1
5	05/04/2019	SNV-000080	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 3/2
6	05/04/2019	SNV-000081	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 3/2
7	05/04/2019	SNV-000082	NGUYỄN HUYỀN TRANG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 4/1
8	05/04/2019	SNV-000083	NGUYỄN HUYỀN TRANG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 4/2
9	05/04/2019	SNV-000084	NGUYỄN HUYỀN TRANG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 4/2
10	05/04/2019	SNV-000085	NGUYỄN HUYỀN TRANG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 4/2
11	05/04/2019	SNV-000086	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/1
12	05/04/2019	SNV-000087	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2
13	05/04/2019	SNV-000088	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2
14	05/04/2019	SNV-000089	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2
15	05/04/2019	SNV-000090	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 3/2
16	05/04/2019	SNV-000091	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 3/2
17	05/04/2019	SNV-000092	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1
18	05/04/2019	SNV-000093	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2
19	05/04/2019	SNV-000094	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
20	05/04/2019	SNV-000095	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
21	05/04/2019	SNV-000096	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
22	05/04/2019	SNV-000097	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
23	05/04/2019	SNV-000098	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
24	05/04/2019	SNV-000099	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
25	~~05/04/2019~~	~~SNV-000100~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	38,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	45,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	45,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	45,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	13,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	11,500	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	19,500	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	19,500	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	19,500	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	11,400	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	11,400	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	11,400	4(V)(07)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~05/04/2019~~	~~SNV-000101~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~
2	~~05/04/2019~~	~~SNV-000102~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~
3	~~05/04/2019~~	~~SNV-000103~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~
4	~~05/04/2019~~	~~SNV-000104~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~
5	~~05/04/2019~~	~~SNV-000105~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/1~~
6	~~05/04/2019~~	~~SNV-000106~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/1~~
7	~~05/04/2019~~	~~SNV-000107~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/1~~
8	~~05/04/2019~~	~~SNV-000108~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/1~~
9	~~05/04/2019~~	~~SNV-000109~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/1~~
10	~~05/04/2019~~	~~SNV-000110~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/1~~
11	~~05/04/2019~~	~~SNV-000111~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/2~~
12	~~05/04/2019~~	~~SNV-000112~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/2~~
13	~~05/04/2019~~	~~SNV-000113~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/2~~
14	~~05/04/2019~~	~~SNV-000114~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/2~~
15	~~05/04/2019~~	~~SNV-000115~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/2~~
16	~~05/04/2019~~	~~SNV-000116~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/2~~
17	~~05/04/2019~~	~~SNV-000117~~	~~NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 1/2~~
18	05/04/2019	SNV-000118	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/1
19	05/04/2019	SNV-000119	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/1
20	05/04/2019	SNV-000120	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/1
21	08/04/2019	SNV-000121	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
22	08/04/2019	SNV-000122	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
23	08/04/2019	SNV-000123	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
24	08/04/2019	SNV-000124	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
25	08/04/2019	SNV-000125	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,600	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	11,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	12,300	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	12,300	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/04/2019	SNV-000126	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
2	08/04/2019	SNV-000127	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
3	08/04/2019	SNV-000128	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
4	08/04/2019	SNV-000129	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
5	08/04/2019	SNV-000130	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
6	08/04/2019	SNV-000131	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
7	08/04/2019	SNV-000132	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 2/1
8	08/04/2019	SNV-000133	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 2/1
9	08/04/2019	SNV-000134	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 2/1
10	08/04/2019	SNV-000135	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 2/2
11	08/04/2019	SNV-000136	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 2/2
12	08/04/2019	SNV-000137	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 2/2
13	08/04/2019	SNV-000138	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 2/2
14	08/04/2019	SNV-000139	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/1
15	08/04/2019	SNV-000140	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/1
16	08/04/2019	SNV-000141	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/1
17	08/04/2019	SNV-000142	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/2
18	08/04/2019	SNV-000143	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 3/2
19	08/04/2019	SNV-000144	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 4/1
20	08/04/2019	SNV-000145	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 4/1
21	08/04/2019	SNV-000146	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 4/1
22	08/04/2019	SNV-000147	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 4/2
23	08/04/2019	SNV-000148	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 4/2
24	08/04/2019	SNV-000149	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 4/2
25	08/04/2019	SNV-000150	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2011	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/04/2019	SNV-000151	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1
2	08/04/2019	SNV-000152	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1
3	08/04/2019	SNV-000153	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
4	08/04/2019	SNV-000154	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
5	08/04/2019	SNV-000155	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
6	08/04/2019	SNV-000156	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
7	~~08/04/2019~~	~~SNV-000157~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
8	~~08/04/2019~~	~~SNV-000158~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
9	08/04/2019	SNV-000159	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
10	08/04/2019	SNV-000160	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
11	08/04/2019	SNV-000161	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
12	08/04/2019	SNV-000162	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
13	08/04/2019	SNV-000163	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
14	08/04/2019	SNV-000164	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
15	08/04/2019	SNV-000165	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
16	08/04/2019	SNV-000166	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
17	08/04/2019	SNV-000167	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
18	08/04/2019	SNV-000168	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
19	08/04/2019	SNV-000169	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
20	08/04/2019	SNV-000170	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
21	08/04/2019	SNV-000171	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
22	08/04/2019	SNV-000172	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
23	08/04/2019	SNV-000173	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 4
24	08/04/2019	SNV-000174	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 4
25	08/04/2019	SNV-000175	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	44,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	44,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	44,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	44,000	51(07)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/04/2019	SNV-000176	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 4
2	08/04/2019	SNV-000177	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 4
3	08/04/2019	SNV-000178	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 4
4	08/04/2019	SNV-000179	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 5
5	08/04/2019	SNV-000180	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 5
6	08/04/2019	SNV-000181	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 5
7	08/04/2019	SNV-000182	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 5
8	08/04/2019	SNV-000183	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 5
9	~~08/04/2019~~	~~SNV-000184~~	~~NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
10	08/04/2019	SNV-000185	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
11	08/04/2019	SNV-000186	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
12	08/04/2019	SNV-000187	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
13	08/04/2019	SNV-000188	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/1
14	08/04/2019	SNV-000189	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/1
15	08/04/2019	SNV-000190	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/1
16	08/04/2019	SNV-000191	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/1
17	08/04/2019	SNV-000192	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/2
18	08/04/2019	SNV-000193	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/2
19	08/04/2019	SNV-000194	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/2
20	08/04/2019	SNV-000195	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/2
21	08/04/2019	SNV-000196	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3/2
22	08/04/2019	SNV-000197	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1
23	08/04/2019	SNV-000198	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1
24	08/04/2019	SNV-000199	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1
25	08/04/2019	SNV-000200	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~13,000~~	~~5(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/04/2019	SNV-000201	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1
2	08/04/2019	SNV-000202	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1
3	08/04/2019	SNV-000203	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1
4	08/04/2019	SNV-000204	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/1
5	08/04/2019	SNV-000205	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
6	08/04/2019	SNV-000206	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
7	08/04/2019	SNV-000207	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
8	08/04/2019	SNV-000208	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
9	08/04/2019	SNV-000209	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
10	08/04/2019	SNV-000210	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
11	08/04/2019	SNV-000211	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
12	08/04/2019	SNV-000212	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
13	08/04/2019	SNV-000213	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 4/2
14	08/04/2019	SNV-000214	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
15	08/04/2019	SNV-000215	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
16	08/04/2019	SNV-000216	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
17	08/04/2019	SNV-000217	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
18	08/04/2019	SNV-000218	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
19	08/04/2019	SNV-000219	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
20	08/04/2019	SNV-000220	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
21	08/04/2019	SNV-000221	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
22	08/04/2019	SNV-000222	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
23	08/04/2019	SNV-000223	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
24	08/04/2019	SNV-000224	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
25	08/04/2019	SNV-000225	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/04/2019	SNV-000226	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
2	08/04/2019	SNV-000227	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
3	08/04/2019	SNV-000228	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
4	08/04/2019	SNV-000229	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
5	08/04/2019	SNV-000230	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
6	08/04/2019	SNV-000231	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
7	08/04/2019	SNV-000232	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
8	08/04/2019	SNV-000233	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
9	08/04/2019	SNV-000234	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
10	08/04/2019	SNV-000235	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
11	08/04/2019	SNV-000236	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
12	08/04/2019	SNV-000237	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
13	08/04/2019	SNV-000238	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
14	08/04/2019	SNV-000239	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
15	08/04/2019	SNV-000240	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
16	08/04/2019	SNV-000241	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
17	08/04/2019	SNV-000242	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
18	08/04/2019	SNV-000243	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
19	~~09/04/2019~~	~~SNV-000244~~	~~LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 1~~
20	~~09/04/2019~~	~~SNV-000245~~	~~LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 1~~
21	~~09/04/2019~~	~~SNV-000246~~	~~LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 1~~
22	~~09/04/2019~~	~~SNV-000247~~	~~LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 1~~
23	09/04/2019	SNV-000248	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
24	09/04/2019	SNV-000249	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
25	09/04/2019	SNV-000250	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/04/2019	SNV-000251	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
2	09/04/2019	SNV-000252	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
3	09/04/2019	SNV-000253	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
4	09/04/2019	SNV-000254	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
5	09/04/2019	SNV-000255	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
6	09/04/2019	SNV-000256	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
7	09/04/2019	SNV-000257	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
8	09/04/2019	SNV-000258	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
9	09/04/2019	SNV-000259	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
10	09/04/2019	SNV-000260	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
11	09/04/2019	SNV-000261	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
12	09/04/2019	SNV-000262	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
13	09/04/2019	SNV-000263	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
14	09/04/2019	SNV-000264	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
15	09/04/2019	SNV-000265	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
16	09/04/2019	SNV-000266	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
17	09/04/2019	SNV-000267	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
18	09/04/2019	SNV-000268	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
19	09/04/2019	SNV-000269	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
20	09/04/2019	SNV-000270	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
21	09/04/2019	SNV-000271	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
22	09/04/2019	SNV-000272	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
23	09/04/2019	SNV-000273	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
24	09/04/2019	SNV-000274	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4
25	09/04/2019	SNV-000275	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/04/2019	SNV-000276	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
2	09/04/2019	SNV-000277	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
3	09/04/2019	SNV-000278	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
4	09/04/2019	SNV-000279	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
5	09/04/2019	SNV-000280	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
6	09/04/2019	SNV-000281	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
7	09/04/2019	SNV-000282	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
8	09/04/2019	SNV-000283	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
9	09/04/2019	SNV-000284	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
10	09/04/2019	SNV-000285	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
11	09/04/2019	SNV-000286	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
12	09/04/2019	SNV-000287	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
13	09/04/2019	SNV-000288	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
14	09/04/2019	SNV-000289	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
15	09/04/2019	SNV-000290	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
16	09/04/2019	SNV-000291	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
17	09/04/2019	SNV-000292	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
18	09/04/2019	SNV-000293	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
19	09/04/2019	SNV-000294	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
20	09/04/2019	SNV-000295	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
21	09/04/2019	SNV-000296	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
22	09/04/2019	SNV-000297	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
23	09/04/2019	SNV-000298	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
24	09/04/2019	SNV-000299	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
25	09/04/2019	SNV-000300	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/04/2019	SNV-000301	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
2	09/04/2019	SNV-000302	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
3	09/04/2019	SNV-000303	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
4	09/04/2019	SNV-000304	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
5	09/04/2019	SNV-000305	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
6	09/04/2019	SNV-000306	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
7	09/04/2019	SNV-000307	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
8	09/04/2019	SNV-000308	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
9	09/04/2019	SNV-000309	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
10	09/04/2019	SNV-000310	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
11	09/04/2019	SNV-000311	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
12	09/04/2019	SNV-000312	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
13	09/04/2019	SNV-000313	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
14	09/04/2019	SNV-000314	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
15	09/04/2019	SNV-000315	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
16	09/04/2019	SNV-000316	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
17	09/04/2019	SNV-000317	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
18	09/04/2019	SNV-000318	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
19	09/04/2019	SNV-000319	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
20	09/04/2019	SNV-000320	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
21	09/04/2019	SNV-000321	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
22	09/04/2019	SNV-000322	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
23	09/04/2019	SNV-000323	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
24	09/04/2019	SNV-000324	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
25	09/04/2019	SNV-000325	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,500	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,500	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,500	75(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/04/2019	SNV-000326	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
2	09/04/2019	SNV-000327	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
3	09/04/2019	SNV-000328	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
4	09/04/2019	SNV-000329	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
5	09/04/2019	SNV-000330	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
6	09/04/2019	SNV-000331	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
7	09/04/2019	SNV-000332	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
8	09/04/2019	SNV-000333	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
9	09/04/2019	SNV-000334	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
10	09/04/2019	SNV-000335	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
11	09/04/2019	SNV-000336	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
12	09/04/2019	SNV-000337	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
13	09/04/2019	SNV-000338	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
14	09/04/2019	SNV-000339	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
15	09/04/2019	SNV-000340	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
16	09/04/2019	SNV-000341	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 4
17	09/04/2019	SNV-000342	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 4
18	09/04/2019	SNV-000343	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 4
19	09/04/2019	SNV-000344	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 4
20	09/04/2019	SNV-000345	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 4
21	09/04/2019	SNV-000346	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
22	09/04/2019	SNV-000347	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
23	09/04/2019	SNV-000348	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
24	09/04/2019	SNV-000349	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
25	09/04/2019	SNV-000350	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	8,500	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,500	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,500	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,500	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/04/2019	SNV-000351	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
2	09/04/2019	SNV-000352	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
3	09/04/2019	SNV-000353	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 4
4	09/04/2019	SNV-000354	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 3
5	09/04/2019	SNV-000355	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 3
6	09/04/2019	SNV-000356	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 3
7	09/04/2019	SNV-000357	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 4
8	09/04/2019	SNV-000358	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 4
9	09/04/2019	SNV-000359	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 5
10	09/04/2019	SNV-000360	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 5
11	09/04/2019	SNV-000361	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 5
12	09/04/2019	SNV-000362	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 3
13	09/04/2019	SNV-000363	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 3
14	09/04/2019	SNV-000364	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 3
15	09/04/2019	SNV-000365	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 3
16	~~09/04/2019~~	~~SNV-000366~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
17	~~09/04/2019~~	~~SNV-000367~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
18	~~09/04/2019~~	~~SNV-000368~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
19	~~09/04/2019~~	~~SNV-000369~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
20	~~09/04/2019~~	~~SNV-000370~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
21	~~09/04/2019~~	~~SNV-000371~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
22	~~09/04/2019~~	~~SNV-000372~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
23	~~09/04/2019~~	~~SNV-000373~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
24	~~09/04/2019~~	~~SNV-000374~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~
25	~~09/04/2019~~	~~SNV-000375~~	~~NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 1~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	7(07)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~75(07)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/04/2019	SNV-000376	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
2	09/04/2019	SNV-000377	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
3	09/04/2019	SNV-000378	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
4	09/04/2019	SNV-000379	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
5	09/04/2019	SNV-000380	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
6	09/04/2019	SNV-000381	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
7	09/04/2019	SNV-000382	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
8	09/04/2019	SNV-000383	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
9	11/04/2019	SGK-000013	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
10	11/04/2019	SGK-000014	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
11	11/04/2019	SGK-000015	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
12	11/04/2019	SGK-000016	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
13	11/04/2019	SGK-000017	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
14	11/04/2019	SGK-000018	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
15	11/04/2019	SGK-000019	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
16	11/04/2019	SGK-000020	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
17	11/04/2019	SGK-000021	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
18	11/04/2019	SGK-000022	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
19	11/04/2019	SGK-000023	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
20	11/04/2019	SGK-000024	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
21	11/04/2019	SGK-000025	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
22	11/04/2019	SGK-000026	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
23	11/04/2019	SGK-000027	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
24	11/04/2019	SGK-000028	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
25	11/04/2019	SGK-000029	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/04/2019	SGK-000030	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
2	11/04/2019	SGK-000031	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
3	11/04/2019	SGK-000032	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
4	11/04/2019	SGK-000033	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
5	11/04/2019	SGK-000034	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
6	11/04/2019	SGK-000035	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
7	11/04/2019	SGK-000036	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
8	11/04/2019	SGK-000037	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
9	11/04/2019	SGK-000038	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
10	11/04/2019	SGK-000039	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
11	11/04/2019	SGK-000040	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
12	11/04/2019	SGK-000041	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
13	11/04/2019	SGK-000042	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
14	11/04/2019	SGK-000043	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
15	11/04/2019	SGK-000044	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
16	11/04/2019	SGK-000045	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
17	11/04/2019	SGK-000046	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
18	11/04/2019	SGK-000047	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
19	11/04/2019	SGK-000048	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
20	11/04/2019	SGK-000049	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
21	11/04/2019	SGK-000050	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
22	11/04/2019	SGK-000051	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
23	11/04/2019	SGK-000052	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
24	11/04/2019	SGK-000053	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
25	11/04/2019	SGK-000054	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/04/2019	SGK-000055	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
2	11/04/2019	SGK-000056	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
3	11/04/2019	SGK-000057	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
4	11/04/2019	SGK-000058	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
5	11/04/2019	SGK-000059	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
6	11/04/2019	SGK-000060	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
7	11/04/2019	SGK-000061	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
8	11/04/2019	SGK-000062	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
9	11/04/2019	SGK-000063	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
10	11/04/2019	SGK-000064	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
11	11/04/2019	SGK-000065	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
12	11/04/2019	SGK-000066	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
13	11/04/2019	SGK-000067	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
14	11/04/2019	SGK-000068	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
15	11/04/2019	SGK-000069	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
16	11/04/2019	SGK-000070	LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
17	~~11/04/2019~~	~~SGK-000071~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
18	~~11/04/2019~~	~~SGK-000072~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
19	~~11/04/2019~~	~~SGK-000073~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
20	~~11/04/2019~~	~~SGK-000074~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
21	~~11/04/2019~~	~~SGK-000075~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
22	~~11/04/2019~~	~~SGK-000076~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
23	~~11/04/2019~~	~~SGK-000077~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
24	~~11/04/2019~~	~~SGK-000078~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
25	~~11/04/2019~~	~~SGK-000079~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(076)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~11/04/2019~~	~~SGK-000080~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
2	~~11/04/2019~~	~~SGK-000081~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
3	~~11/04/2019~~	~~SGK-000082~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
4	~~11/04/2019~~	~~SGK-000083~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
5	~~11/04/2019~~	~~SGK-000084~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
6	~~11/04/2019~~	~~SGK-000085~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
7	~~11/04/2019~~	~~SGK-000086~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
8	~~11/04/2019~~	~~SGK-000087~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
9	~~11/04/2019~~	~~SGK-000088~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
10	~~11/04/2019~~	~~SGK-000089~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
11	~~11/04/2019~~	~~SGK-000090~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
12	~~11/04/2019~~	~~SGK-000091~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
13	~~11/04/2019~~	~~SGK-000092~~	~~LƯU THU THỦY - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
14	11/04/2019	SGK-000093	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
15	11/04/2019	SGK-000094	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
16	11/04/2019	SGK-000095	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
17	11/04/2019	SGK-000096	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
18	11/04/2019	SGK-000097	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
19	11/04/2019	SGK-000098	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
20	11/04/2019	SGK-000099	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
21	11/04/2019	SGK-000100	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
22	11/04/2019	SGK-000101	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
23	11/04/2019	SGK-000102	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
24	11/04/2019	SGK-000103	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
25	11/04/2019	SGK-000104	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~2,500~~	~~371.011(076)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	11,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/04/2019	SGK-000105	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
2	11/04/2019	SGK-000106	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
3	11/04/2019	SGK-000107	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
4	11/04/2019	SGK-000108	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
5	11/04/2019	SGK-000109	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
6	11/04/2019	SGK-000110	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
7	11/04/2019	SGK-000111	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
8	11/04/2019	SGK-000112	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
9	11/04/2019	SGK-000113	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
10	11/04/2019	SGK-000114	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
11	11/04/2019	SGK-000115	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
12	11/04/2019	SGK-000116	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
13	11/04/2019	SGK-000117	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
14	11/04/2019	SGK-000118	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
15	11/04/2019	SGK-000119	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
16	11/04/2019	SGK-000120	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
17	11/04/2019	SGK-000121	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
18	11/04/2019	SGK-000122	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
19	11/04/2019	SGK-000123	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
20	11/04/2019	SGK-000124	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
21	11/04/2019	SGK-000125	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/1
22	11/04/2019	SGK-000126	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/2
23	11/04/2019	SGK-000127	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/2
24	11/04/2019	SGK-000128	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/2
25	11/04/2019	SGK-000129	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2008	9,600	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2008	9,600	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2008	9,600	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2008	9,600	4(V)(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/04/2019	SGK-000130	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/2
2	11/04/2019	SGK-000131	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/2
3	11/04/2019	SGK-000132	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 2/2
4	~~12/04/2019~~	~~SGK-000133~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/1~~
5	~~12/04/2019~~	~~SGK-000134~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/1~~
6	~~12/04/2019~~	~~SGK-000135~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/1~~
7	~~12/04/2019~~	~~SGK-000136~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
8	~~12/04/2019~~	~~SGK-000137~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
9	~~12/04/2019~~	~~SGK-000138~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
10	~~12/04/2019~~	~~SGK-000139~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
11	~~12/04/2019~~	~~SGK-000140~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
12	~~12/04/2019~~	~~SGK-000141~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
13	~~12/04/2019~~	~~SGK-000142~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
14	~~12/04/2019~~	~~SGK-000143~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
15	~~12/04/2019~~	~~SGK-000144~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
16	~~12/04/2019~~	~~SGK-000145~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
17	~~12/04/2019~~	~~SGK-000146~~	~~ĐẶNG THỊ LANH - TIẾNG VIỆT 1/2~~
18	12/04/2019	SGK-000147	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
19	12/04/2019	SGK-000148	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
20	12/04/2019	SGK-000149	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
21	12/04/2019	SGK-000150	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
22	12/04/2019	SGK-000151	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
23	12/04/2019	SGK-000152	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
24	12/04/2019	SGK-000153	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
25	12/04/2019	SGK-000154	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2008	9,600	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2008	9,600	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2008	9,600	4(V)(075)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	12/04/2019	SGK-000155	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
2	12/04/2019	SGK-000156	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
3	12/04/2019	SGK-000157	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
4	12/04/2019	SGK-000158	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
5	12/04/2019	SGK-000159	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/1
6	12/04/2019	SGK-000160	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
7	12/04/2019	SGK-000161	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
8	12/04/2019	SGK-000162	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
9	12/04/2019	SGK-000163	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
10	12/04/2019	SGK-000164	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
11	12/04/2019	SGK-000165	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
12	12/04/2019	SGK-000166	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
13	12/04/2019	SGK-000167	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
14	12/04/2019	SGK-000168	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
15	12/04/2019	SGK-000169	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
16	12/04/2019	SGK-000170	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
17	12/04/2019	SGK-000171	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
18	12/04/2019	SGK-000172	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT3/2
19	12/04/2019	SGK-000173	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
20	12/04/2019	SGK-000174	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
21	12/04/2019	SGK-000175	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
22	12/04/2019	SGK-000176	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
23	12/04/2019	SGK-000177	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
24	12/04/2019	SGK-000178	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
25	12/04/2019	SGK-000179	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	12/04/2019	SGK-000180	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
2	12/04/2019	SGK-000181	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
3	12/04/2019	SGK-000182	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
4	12/04/2019	SGK-000183	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
5	12/04/2019	SGK-000184	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
6	12/04/2019	SGK-000185	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/1
7	12/04/2019	SGK-000186	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
8	12/04/2019	SGK-000187	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
9	12/04/2019	SGK-000188	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
10	12/04/2019	SGK-000189	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
11	12/04/2019	SGK-000190	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
12	12/04/2019	SGK-000191	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
13	12/04/2019	SGK-000192	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
14	12/04/2019	SGK-000193	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
15	12/04/2019	SGK-000194	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
16	12/04/2019	SGK-000195	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
17	12/04/2019	SGK-000196	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
18	12/04/2019	SGK-000197	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
19	12/04/2019	SGK-000198	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
20	12/04/2019	SGK-000199	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
21	12/04/2019	SGK-000200	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT4/2
22	~~12/04/2019~~	~~SGK-000201~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~
23	~~12/04/2019~~	~~SGK-000202~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~
24	~~12/04/2019~~	~~SGK-000203~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~
25	~~12/04/2019~~	~~SGK-000204~~	~~ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 1~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	12/04/2019	SGK-000205	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
2	12/04/2019	SGK-000206	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
3	12/04/2019	SGK-000207	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
4	12/04/2019	SGK-000208	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
5	12/04/2019	SGK-000209	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
6	12/04/2019	SGK-000210	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
7	12/04/2019	SGK-000211	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
8	12/04/2019	SGK-000212	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
9	12/04/2019	SGK-000213	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
10	12/04/2019	SGK-000214	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
11	12/04/2019	SGK-000215	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
12	12/04/2019	SGK-000216	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
13	12/04/2019	SGK-000217	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
14	12/04/2019	SGK-000218	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
15	12/04/2019	SGK-000219	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
16	12/04/2019	SGK-000220	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
17	12/04/2019	SGK-000221	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
18	12/04/2019	SGK-000222	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
19	12/04/2019	SGK-000223	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
20	12/04/2019	SGK-000224	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
21	12/04/2019	SGK-000225	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
22	12/04/2019	SGK-000226	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
23	12/04/2019	SGK-000227	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
24	12/04/2019	SGK-000228	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
25	12/04/2019	SGK-000229	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	12/04/2019	SGK-000230	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
2	12/04/2019	SGK-000231	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
3	12/04/2019	SGK-000232	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
4	12/04/2019	SGK-000233	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
5	12/04/2019	SGK-000234	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
6	12/04/2019	SGK-000235	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
7	12/04/2019	SGK-000236	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
8	12/04/2019	SGK-000237	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
9	12/04/2019	SGK-000238	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
10	12/04/2019	SGK-000239	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
11	12/04/2019	SGK-000240	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
12	12/04/2019	SGK-000241	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
13	12/04/2019	SGK-000242	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
14	12/04/2019	SGK-000243	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
15	12/04/2019	SGK-000244	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
16	12/04/2019	SGK-000245	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
17	12/04/2019	SGK-000246	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
18	12/04/2019	SGK-000247	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
19	12/04/2019	SGK-000248	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
20	12/04/2019	SGK-000249	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
21	12/04/2019	SGK-000250	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
22	12/04/2019	SGK-000251	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
23	12/04/2019	SGK-000252	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
24	12/04/2019	SGK-000253	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
25	12/04/2019	SGK-000254	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	12/04/2019	SGK-000255	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
2	~~16/04/2019~~	~~SGK-000256~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
3	~~16/04/2019~~	~~SGK-000257~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
4	~~16/04/2019~~	~~SGK-000258~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
5	~~16/04/2019~~	~~SGK-000259~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
6	~~16/04/2019~~	~~SGK-000260~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
7	~~16/04/2019~~	~~SGK-000261~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
8	~~16/04/2019~~	~~SGK-000262~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
9	~~16/04/2019~~	~~SGK-000263~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
10	~~16/04/2019~~	~~SGK-000264~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
11	~~16/04/2019~~	~~SGK-000265~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
12	~~16/04/2019~~	~~SGK-000266~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
13	~~16/04/2019~~	~~SGK-000267~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
14	~~16/04/2019~~	~~SGK-000268~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
15	~~16/04/2019~~	~~SGK-000269~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
16	~~16/04/2019~~	~~SGK-000270~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
17	~~16/04/2019~~	~~SGK-000271~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
18	~~16/04/2019~~	~~SGK-000272~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
19	16/04/2019	SGK-000273	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
20	16/04/2019	SGK-000274	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
21	16/04/2019	SGK-000275	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
22	16/04/2019	SGK-000276	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
23	16/04/2019	SGK-000277	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
24	16/04/2019	SGK-000278	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
25	16/04/2019	SGK-000279	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2014~~	~~5,900~~	~~5(075)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000280	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
2	16/04/2019	SGK-000281	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
3	16/04/2019	SGK-000282	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
4	16/04/2019	SGK-000283	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
5	16/04/2019	SGK-000284	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
6	16/04/2019	SGK-000285	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
7	16/04/2019	SGK-000286	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
8	16/04/2019	SGK-000287	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
9	16/04/2019	SGK-000288	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
10	16/04/2019	SGK-000289	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
11	16/04/2019	SGK-000290	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
12	16/04/2019	SGK-000291	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
13	16/04/2019	SGK-000292	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
14	16/04/2019	SGK-000293	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
15	16/04/2019	SGK-000294	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
16	16/04/2019	SGK-000295	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
17	16/04/2019	SGK-000296	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
18	16/04/2019	SGK-000297	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
19	16/04/2019	SGK-000298	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
20	16/04/2019	SGK-000299	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
21	16/04/2019	SGK-000300	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
22	16/04/2019	SGK-000301	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
23	16/04/2019	SGK-000302	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
24	16/04/2019	SGK-000303	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
25	16/04/2019	SGK-000304	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000305	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
2	16/04/2019	SGK-000306	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
3	16/04/2019	SGK-000307	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
4	16/04/2019	SGK-000308	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
5	16/04/2019	SGK-000309	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
6	16/04/2019	SGK-000310	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
7	16/04/2019	SGK-000311	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
8	16/04/2019	SGK-000312	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
9	16/04/2019	SGK-000313	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
10	16/04/2019	SGK-000314	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
11	16/04/2019	SGK-000315	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
12	16/04/2019	SGK-000316	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
13	16/04/2019	SGK-000317	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
14	16/04/2019	SGK-000318	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
15	16/04/2019	SGK-000319	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
16	~~16/04/2019~~	~~SGK-000320~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
17	~~16/04/2019~~	~~SGK-000321~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
18	~~16/04/2019~~	~~SGK-000322~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
19	~~16/04/2019~~	~~SGK-000323~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
20	~~16/04/2019~~	~~SGK-000324~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
21	~~16/04/2019~~	~~SGK-000325~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
22	~~16/04/2019~~	~~SGK-000326~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
23	~~16/04/2019~~	~~SGK-000327~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
24	~~16/04/2019~~	~~SGK-000328~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
25	~~16/04/2019~~	~~SGK-000329~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~16/04/2019~~	~~SGK-000330~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
2	~~16/04/2019~~	~~SGK-000331~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
3	~~16/04/2019~~	~~SGK-000332~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
4	~~16/04/2019~~	~~SGK-000333~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
5	~~16/04/2019~~	~~SGK-000334~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
6	~~16/04/2019~~	~~SGK-000335~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
7	~~16/04/2019~~	~~SGK-000336~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
8	~~16/04/2019~~	~~SGK-000337~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
9	~~16/04/2019~~	~~SGK-000338~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
10	~~16/04/2019~~	~~SGK-000339~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
11	~~16/04/2019~~	~~SGK-000340~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
12	~~16/04/2019~~	~~SGK-000341~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
13	~~16/04/2019~~	~~SGK-000342~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
14	~~16/04/2019~~	~~SGK-000343~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
15	~~16/04/2019~~	~~SGK-000344~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
16	~~16/04/2019~~	~~SGK-000345~~	~~HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 1~~
17	16/04/2019	SGK-000346	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
18	16/04/2019	SGK-000347	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
19	16/04/2019	SGK-000348	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
20	16/04/2019	SGK-000349	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
21	16/04/2019	SGK-000350	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
22	16/04/2019	SGK-000351	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
23	16/04/2019	SGK-000352	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
24	16/04/2019	SGK-000353	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
25	16/04/2019	SGK-000354	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000355	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
2	16/04/2019	SGK-000356	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
3	16/04/2019	SGK-000357	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
4	16/04/2019	SGK-000358	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
5	16/04/2019	SGK-000359	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
6	16/04/2019	SGK-000360	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
7	16/04/2019	SGK-000361	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
8	16/04/2019	SGK-000362	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
9	16/04/2019	SGK-000363	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
10	16/04/2019	SGK-000364	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
11	16/04/2019	SGK-000365	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
12	16/04/2019	SGK-000366	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
13	16/04/2019	SGK-000367	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
14	16/04/2019	SGK-000368	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
15	16/04/2019	SGK-000369	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
16	16/04/2019	SGK-000370	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
17	16/04/2019	SGK-000371	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
18	16/04/2019	SGK-000372	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
19	16/04/2019	SGK-000373	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
20	16/04/2019	SGK-000374	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
21	16/04/2019	SGK-000375	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
22	16/04/2019	SGK-000376	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
23	16/04/2019	SGK-000377	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
24	16/04/2019	SGK-000378	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
25	16/04/2019	SGK-000379	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2003	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000380	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
2	16/04/2019	SGK-000381	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
3	16/04/2019	SGK-000382	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
4	16/04/2019	SGK-000383	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
5	16/04/2019	SGK-000384	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
6	16/04/2019	SGK-000385	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
7	16/04/2019	SGK-000386	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
8	16/04/2019	SGK-000387	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
9	16/04/2019	SGK-000388	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
10	16/04/2019	SGK-000389	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
11	16/04/2019	SGK-000390	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
12	16/04/2019	SGK-000391	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
13	16/04/2019	SGK-000392	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
14	16/04/2019	SGK-000393	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
15	16/04/2019	SGK-000394	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
16	16/04/2019	SGK-000395	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
17	16/04/2019	SGK-000396	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
18	16/04/2019	SGK-000397	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
19	16/04/2019	SGK-000398	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
20	16/04/2019	SGK-000399	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
21	16/04/2019	SGK-000400	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
22	16/04/2019	SGK-000401	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
23	16/04/2019	SGK-000402	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
24	16/04/2019	SGK-000403	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
25	16/04/2019	SGK-000404	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2011	4,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2011	4,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2011	4,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2011	4,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2011	4,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000405	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
2	16/04/2019	SGK-000406	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
3	16/04/2019	SGK-000407	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
4	16/04/2019	SGK-000408	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
5	16/04/2019	SGK-000409	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
6	16/04/2019	SGK-000410	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
7	16/04/2019	SGK-000411	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
8	16/04/2019	SGK-000412	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
9	16/04/2019	SGK-000413	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
10	16/04/2019	SGK-000414	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
11	16/04/2019	SGK-000415	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
12	16/04/2019	SGK-000416	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
13	16/04/2019	SGK-000417	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
14	16/04/2019	SGK-000418	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
15	16/04/2019	SGK-000419	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
16	16/04/2019	SGK-000420	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
17	16/04/2019	SGK-000421	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
18	16/04/2019	SGK-000422	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
19	16/04/2019	SGK-000423	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
20	16/04/2019	SGK-000424	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
21	16/04/2019	SGK-000425	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
22	16/04/2019	SGK-000426	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
23	16/04/2019	SGK-000427	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
24	16/04/2019	SGK-000428	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
25	16/04/2019	SGK-000429	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	9,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000430	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
2	16/04/2019	SGK-000431	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
3	16/04/2019	SGK-000432	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
4	16/04/2019	SGK-000433	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
5	16/04/2019	SGK-000434	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
6	16/04/2019	SGK-000435	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
7	16/04/2019	SGK-000436	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
8	16/04/2019	SGK-000437	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
9	16/04/2019	SGK-000438	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
10	16/04/2019	SGK-000439	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
11	16/04/2019	SGK-000440	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
12	16/04/2019	SGK-000441	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
13	16/04/2019	SGK-000442	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
14	16/04/2019	SGK-000443	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
15	16/04/2019	SGK-000444	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
16	16/04/2019	SGK-000445	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
17	16/04/2019	SGK-000446	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
18	16/04/2019	SGK-000447	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
19	16/04/2019	SGK-000448	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
20	16/04/2019	SGK-000449	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
21	16/04/2019	SGK-000450	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
22	16/04/2019	SGK-000451	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
23	16/04/2019	SGK-000452	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
24	16/04/2019	SGK-000453	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
25	16/04/2019	SGK-000454	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000455	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
2	16/04/2019	SGK-000456	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
3	16/04/2019	SGK-000457	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
4	16/04/2019	SGK-000458	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
5	16/04/2019	SGK-000459	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
6	16/04/2019	SGK-000460	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
7	16/04/2019	SGK-000461	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 1
8	16/04/2019	SGK-000462	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 1
9	16/04/2019	SGK-000463	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 1
10	16/04/2019	SGK-000464	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 1
11	16/04/2019	SGK-000465	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 1
12	16/04/2019	SGK-000466	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 2
13	16/04/2019	SGK-000467	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 2
14	16/04/2019	SGK-000468	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 2
15	16/04/2019	SGK-000469	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 2
16	16/04/2019	SGK-000470	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 2
17	16/04/2019	SGK-000471	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 3
18	16/04/2019	SGK-000472	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 3
19	16/04/2019	SGK-000473	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 3
20	16/04/2019	SGK-000474	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 3
21	16/04/2019	SGK-000475	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 3
22	16/04/2019	SGK-000476	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 4
23	16/04/2019	SGK-000477	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 4
24	16/04/2019	SGK-000478	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 4
25	16/04/2019	SGK-000479	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,200	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2019	SGK-000480	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 4
2	16/04/2019	SGK-000481	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 5
3	16/04/2019	SGK-000482	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 5
4	16/04/2019	SGK-000483	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 5
5	16/04/2019	SGK-000484	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 5
6	16/04/2019	SGK-000485	NGUYỄN HỮU HỢP - GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG CHO HỌC SINH LỚP 5
7	16/04/2019	SGK-000486	ĐỖ ĐÌNH HOAN - BÀI TẬP TOÁN 4
8	16/04/2019	SGK-000487	ĐỖ ĐÌNH HOAN - BÀI TẬP TOÁN 4
9	16/04/2019	SGK-000488	ĐỖ ĐÌNH HOAN - BÀI TẬP TOÁN 4
10	16/04/2019	SGK-000489	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
11	18/04/2019	SBH-000001	PHAN NGỌC LIÊN - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 2 (1924-1930)
12	18/04/2019	SBH-000002	LÊ MẬU HÃN - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 3(1930-1945)
13	18/04/2019	SBH-000003	LÊ VĂN TÍCH - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 4 (1945-1946)
14	18/04/2019	SBH-000004	ĐỨC VƯỢNG - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 5 (1947-1949)
15	18/04/2019	SBH-000005	LÊ DOÃN TÁ - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 6 (1950-1952)
16	18/04/2019	SBH-000006	TRỊNH NHU - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 7 (1953-1955)
17	18/04/2019	SBH-000007	NGUYỄN HUY HOAN - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 8 (1955-1957)
18	18/04/2019	SBH-000008	PHẠM MAI HÙNG - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 9 (1958-1959)
19	18/04/2019	SBH-000009	PHẠM HỒNG CHƯƠNG - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 10 (1960-1962)
20	18/04/2019	SBH-000010	NGÔ THIẾU HIỆU - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 11 (1963-1965)
21	18/04/2019	SBH-000011	LÊ VĂN TÍCH - HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP 12
22	18/04/2019	SBH-000012	TRẦN NGỌC LINH - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 1
23	18/04/2019	SBH-000013	TRẦN NGỌC LINH - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 2
24	18/04/2019	SBH-000014	TRẦN NGỌC LINH - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 2
25	18/04/2019	SBH-000015	TRẦN NGỌC LINH - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2017	28,000	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	80,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	42,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	37,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	37,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	37,000	3K5H	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/04/2019	SBH-000016	TRẦN NGỌC LINH - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 3
2	18/04/2019	SBH-000017	TRẦN NGỌC LINH - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 3
3	18/04/2019	SBH-000018	NGUYỄN HỮU ĐẢNG - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 5
4	18/04/2019	SBH-000019	NGUYỄN HỮU ĐẢNG - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 6
5	18/04/2019	SBH-000020	NGUYỄN HỮU ĐẢNG - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 6
6	18/04/2019	SBH-000021	TRẦN VĂN THẮNG - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 7
7	18/04/2019	SBH-000022	TRẦN VĂN THẮNG - KỂ CHUYỆN BÁC HỒ TẬP 7
8	18/04/2019	SBH-000023	BÙI THỊ THANH MAI - HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
9	18/04/2019	SBH-000024	BÙI THỊ THANH MAI - HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
10	18/04/2019	SBH-000025	BÙI THỊ THANH MAI - HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
11	18/04/2019	SBH-000026	BÙI THỊ THANH MAI - HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
12	18/04/2019	SBH-000027	BÙI THỊ THANH MAI - HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
13	18/04/2019	SBH-000028	NGUYỄN PHAN HÁCH - HỌC TẬP VÀ LÀM THEO PHONG CÁCH ỨNG XỬ HỒ CHÍ MINH
14	18/04/2019	SBH-000029	NGUYỄN PHAN HÁCH - HỌC TẬP VÀ LÀM THEO PHONG CÁCH ỨNG XỬ HỒ CHÍ MINH
15	18/04/2019	SBH-000030	NGUYỄN PHAN HÁCH - HỌC TẬP VÀ LÀM THEO PHONG CÁCH ỨNG XỬ HỒ CHÍ MINH
16	18/04/2019	SBH-000031	NGUYỄN PHAN HÁCH - HỌC TẬP VÀ LÀM THEO PHONG CÁCH ỨNG XỬ HỒ CHÍ MINH
17	18/04/2019	SBH-000032	NGUYỄN PHAN HÁCH - HỌC TẬP VÀ LÀM THEO PHONG CÁCH ỨNG XỬ HỒ CHÍ MINH
18	18/04/2019	SBH-000033	HỒ PHƯƠNG - CHA VÀ CON TIỂU THUYẾT VỀ BÁC HỒ VÀ CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC
19	18/04/2019	SBH-000034	HÀ MINH ĐỨC - THƠ VĂN HỒ CHÍ MINH (TÁC PHẨM CHỌN LỌC DÙNG TRONG NHÀ TRƯỜNG)
20	18/04/2019	SBH-000035	VÕ NGUYÊN GIÁP - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM
21	18/04/2019	SBH-000036	PHAN NGỌC LIÊN - HỒ CHÍ MINH NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ
22	18/04/2019	SBH-000037	VŨ TRỌNG HÙNG - ĐẤT NƯỚC NHỮNG MÙA ĐÔNG
23	18/04/2019	SBH-000038	LÊ VĂN YÊN - CÁC CHUYÊN ĐỀ VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
24	18/04/2019	SBH-000039	TRIỆU QUANG TIẾN - CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CỦA CHÚNG TA
25	18/04/2019	SBH-000040	TRIỆU QUANG TIẾN - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	70,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	70,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	33,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	50,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	50,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	60,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2012	60,000	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	40,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	40,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	40,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	40,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	40,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	64,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	64,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	64,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	64,500	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2017	64,500	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2007	50,000	V13	2							
Giáo dục	HN	2002	35,500	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2003	40,000	3K5H	2							
Hải phòng	HN	2005	80,000	3K5H	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	44,000	V14	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	270,000	3K5H	2							
Lao động	HN	2005	285,000	3K5H	2							
Lao động	HN	2004	285,000	3K5H	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/04/2019	SBH-000041	TRIỆU QUANG TIẾN - GIÁO DỤC, RÈN LUYỆN THANH NIÊN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐCSVN
2	18/04/2019	SBH-000042	NGUYỄN THỤY KHA - NGƯỜI LÀ NIỀM TIN TẤT THẮNG - 115 BÀI HÁT CA NGỢI BÁC HỒ KÍNH YÊU
3	18/04/2019	SBH-000043	THY NGỌC - VIỆT NAM ĐẸP NHẤT CÓ TÊN BÁC HỒ
4	18/04/2019	SBH-000044	TRẦN THÁI BÌNH - HỒ CHÍ MINH - SỰ HÌNH THÀNH CỦA MỘT NHÂN CÁCH LỚN
5	18/04/2019	SBH-000045	NGUYỄN CƯỜNG DŨNG - KỶ NIỆM VỀ BÁC
6	18/04/2019	SBH-000046	VŨ ĐÌNH HÒE - PHÁP QUYỀN NHÂN NGHĨA HỒ CHÍ MINH
7	18/04/2019	SBH-000047	ĐỖ HOÀNG LINH - CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
8	18/04/2019	SBH-000048	TRÌNH QUANG PHÚ - TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG
9	18/04/2019	SBH-000049	TẠ NGỌC TẤN - HỒ CHÍ MINH VỀ BÁO CHÍ
10	18/04/2019	SBH-000050	NHIỀU TÁC GIẢ - GẶP BÁC HỒ TẠI CHIẾN KHU VIỆT BẮC
11	18/04/2019	SBH-000051	NHIỀU TÁC GIẢ - GẶP BÁC HỒ TẠI CHIẾN KHU VIỆT BẮC
12	18/04/2019	SBH-000052	NHIỀU TÁC GIẢ - GẶP BÁC HỒ TẠI CHIẾN KHU VIỆT BẮC
13	18/04/2019	SBH-000053	NHIỀU TÁC GIẢ - GẶP BÁC HỒ TẠI CHIẾN KHU VIỆT BẮC
14	18/04/2019	SBH-000054	NHIỀU TÁC GIẢ - GẶP BÁC HỒ TẠI CHIẾN KHU VIỆT BẮC
15	18/04/2019	SBH-000055	NHIỀU TÁC GIẢ - BÁC HỒ NHỮNG NGÀY ĐẦU Ở BẮC BỘ PHỦ
16	18/04/2019	SBH-000056	NHIỀU TÁC GIẢ - BÁC HỒ NHỮNG NGÀY ĐẦU Ở BẮC BỘ PHỦ
17	18/04/2019	SBH-000057	NHIỀU TÁC GIẢ - BÁC HỒ NHỮNG NGÀY ĐẦU Ở BẮC BỘ PHỦ
18	18/04/2019	SBH-000058	NHIỀU TÁC GIẢ - BÁC HỒ NHỮNG NGÀY ĐẦU Ở BẮC BỘ PHỦ
19	18/04/2019	SBH-000059	NHIỀU TÁC GIẢ - BÁC HỒ NHỮNG NGÀY ĐẦU Ở BẮC BỘ PHỦ
20	18/04/2019	SBH-000060	HÀ MINH ĐỨC - TÁC PHẨM VĂN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
21	18/04/2019	SGK-000490	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
22	18/04/2019	SGK-000491	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
23	18/04/2019	SGK-000492	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
24	18/04/2019	SGK-000493	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
25	18/04/2019	SGK-000494	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Quân đội nhân dân	HN	2003	255,000	3K5H	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2004	38,000	78	2							
Trẻ	TPHCM	2001	11,400	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	30,000	3K5H	2							
Thông tấn	HN	2007	33,000	3K5H	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2001	54,000	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	57,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2011	45,000	V14	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	35,000	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Kim Đồng	HN	2009	14,000	V14	2							
Giáo dục	HN	1997	22,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/04/2019	SGK-000495	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
2	18/04/2019	SGK-000496	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
3	18/04/2019	SGK-000497	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
4	18/04/2019	SGK-000498	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
5	18/04/2019	SGK-000499	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
6	18/04/2019	SGK-000500	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
7	19/04/2019	SBH-000061	TRẦN VĂN GIÀU - VĨ ĐẠI MỘT CON NGƯỜI
8	19/04/2019	SBH-000062	TRẦN VĂN GIÀU - VĨ ĐẠI MỘT CON NGƯỜI
9	19/04/2019	SBH-000063	TRẦN QUÂN NGỌC - THƯ RIÊNG CỦA BÁC HỒ
10	19/04/2019	SBH-000064	TRẦN QUÂN NGỌC - THƯ RIÊNG CỦA BÁC HỒ
11	19/04/2019	SBH-000065	QUÁCH THU NGUYỆT - HỎI VÀ ĐÁP CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
12	19/04/2019	SBH-000066	QUÁCH THU NGUYỆT - HỎI VÀ ĐÁP CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
13	19/04/2019	SBH-000067	VŨ KỲ - BÁC HỒ VIẾT DI CHÚC
14	19/04/2019	SBH-000068	VŨ KỲ - BÁC HỒ VIẾT DI CHÚC
15	19/04/2019	SBH-000069	TÂN SINH - ĐỜI SỐNG MỚI
16	19/04/2019	SBH-000070	TÂN SINH - ĐỜI SỐNG MỚI
17	19/04/2019	SBH-000071	QUÁCH THU NGUYỆT - TOÀN VĂN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
18	19/04/2019	SBH-000072	QUÁCH THU NGUYỆT - TOÀN VĂN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
19	19/04/2019	SBH-000073	HỒ CHÍ MINH - NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN
20	19/04/2019	SBH-000074	HỒ CHÍ MINH - NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN
21	19/04/2019	SBH-000075	PHAN HIỀN - BÁC HỒ VỚI SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI
22	19/04/2019	SBH-000076	PHAN HIỀN - BÁC HỒ VỚI SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI
23	19/04/2019	SBH-000077	SƠN TÙNG - NGUYỄN ÁI QUỐC QUA HỒI ỨC CỦA BÀ MẸ NGA
24	19/04/2019	SBH-000078	SƠN TÙNG - NGUYỄN ÁI QUỐC QUA HỒI ỨC CỦA BÀ MẸ NGA
25	19/04/2019	SBH-000079	VŨ CHÂU QUÁN - NHỮNG ĐIỀU CHƯA BIẾT TRONG THƠ CA CHIẾN KHU CỦA BÁC HỒ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	21,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	21,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	25,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	25,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	11,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	11,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	16,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	16,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	7,500	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	7,500	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	19,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	19,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	9,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	9,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	15,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	15,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	29,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	29,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2006	46,000	3K5H	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/04/2019	SBH-000080	VŨ CHẬU QUÁN - NHỮNG ĐIỀU CHƯA BIẾT TRONG THƠ CA CHIẾN KHU CỦA BÁC HỒ
2	19/04/2019	SBH-000081	ĐINH VĂN LIÊM - HỎI ĐÁP VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
3	19/04/2019	SBH-000082	ĐINH VĂN LIÊM - HỎI ĐÁP VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
4	19/04/2019	SBH-000083	TÔ HOÀI - LĂNG BÁC HỒ
5	19/04/2019	SBH-000084	TÔ HOÀI - LĂNG BÁC HỒ
6	19/04/2019	SBH-000085	TÔ HOÀI - LĂNG BÁC HỒ
7	19/04/2019	SBH-000086	TÔ HOÀI - LĂNG BÁC HỒ
8	19/04/2019	SBH-000087	NGUYỄN GIA NÙNG - ĐẶC SẮC VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH
9	19/04/2019	SBH-000088	TRẦN VĂN GIANG - BÁC HỒ KỂ CHUYỆN TÂY DU KÝ
10	19/04/2019	SBH-000089	NGUYỄN VĂN KHOAN - NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ VỤ ÁN HỒNG KONG NĂM 1931
11	19/04/2019	SBH-000090	MAI VĂN BỘ - CHÚNG TÔI HỌC LÀM NGOẠI GIAO VỚI BÁC HỒ
12	19/04/2019	SBH-000091	TRẦN DÂN TIÊN - NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ ĐỜI HOẠT ĐỘNG CỦA HỒ CHỦ TỊCH
13	19/04/2019	SBH-000092	TRẦN MINH SIÊU - DI TÍCH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở KIM LIÊN
14	19/04/2019	SBH-000093	VŨ KỲ - THƯ KÝ BÁC HỒ KỂ CHUYỆN
15	19/04/2019	SBH-000094	THY NGỌC - VIỆT NAM ĐẸP NHẤT CÓ TÊN BÁC HỒ
16	19/04/2019	SBH-000095	HỒ CHÍ MINH - VỀ VẤN ĐỀ HỌC TẬP
17	19/04/2019	SBH-000096	HỮU MAI - ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN
18	19/04/2019	SBH-000097	NGUYỄN VĂN KHOAN - BÁC HỒ CON NGƯỜI VÀ PHONG CÁCH
19	19/04/2019	SBH-000098	HOÀNG THANH ĐẠM - NGUYỄN ÁI QUỐC TRÊN CON ĐƯỜNG VỀ NƯỚC
20	19/04/2019	SBH-000099	TÂN SINH - ĐỜI SỐNG MỚI
21	19/04/2019	SBH-000100	NGUYỄN ĐẮC XUÂN - BÁC HỒ THỜI NIÊN THIẾU Ở HUẾ
22	19/04/2019	SBH-000101	HỒ CHÍ MINH - THỰC HÀNH TIẾT KIỆM VÀ CHỐNG THAM Ô LÃNG PHÍ CHỐNG BỆNH QUAN LIÊU
23	19/04/2019	SBH-000102	THU LAN - VỪA ĐI VỪA KỂ CHUYỆN
24	19/04/2019	SBH-000103	TRẦN KINH CHI - NHỮNG THÁNG NĂM THAM GIA GIỮ GÌN LÂU DÀI VÀ BẢO VỆ THI HÀI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
25	19/04/2019	SBH-000104	TRẦN DÂN TIÊN - NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ ĐỜI HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2006	46,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	29,500	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	29,500	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2010	46,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2010	23,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	18,500	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2008	12,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2008	8,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	20,500	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	16,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2010	66,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	36,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2011	48,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2011	15,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2011	17,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2011	30,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2011	36,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2011	37,000	3K5H	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/04/2019	SBH-000105	NGỌC CHÂU - THEO BÁC ĐI CHIẾN DỊCH
2	19/04/2019	SBH-000106	PHAN HIỀN - BÁC HỒ VỚI SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI
3	19/04/2019	SBH-000107	TRÌNH QUANG PHÚ - ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC
4	19/04/2019	SBH-000108	TRẦNDĐƯƠNG - HỒ CHÍ MINH NHÀ DỰ BÁO THIÊN TÀI
5	19/04/2019	SBH-000109	BÁ NGỌC - HỒ CHÍ MINH CHÂN DUNG ĐỜI THƯỜNG
6	19/04/2019	SBH-000110	NGUYỄN PHAN QUANG - BÁC HỒ CHÚC TẾT
7	19/04/2019	SBH-000111	HỒNG HÀ - THỜI THANH NIÊN CỦA BÁC HỒ
8	19/04/2019	SBH-000112	NGUYỄN THÁI ANH - BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI VÀ NHI ĐỒNG
9	19/04/2019	SBH-000113	HÀ HUY GIÁP - BÁC HỒ NGƯỜI VIỆT NAM ĐẸP NHẤT
10	19/04/2019	SBH-000114	HỒNG KHANH - CHUYỆN VỚI NGƯỜI CHÁU GẦN NHẤT CỦA BÁC HỒ
11	19/04/2019	SBH-000115	NGUYỄN VĂN KHOAN - CÂU CHUYỆN VỀ CHIẾC VÒNG BẠC CỦA BÁC HỒ
12	19/04/2019	SBH-000116	BÁ NGỌC - BẢY MƯƠI CHÍN MÙA XUÂN HỒ CHÍ MINH
13	19/04/2019	SBH-000117	BÁ NGỌC - HỒ CHÍ MINH CHÂN DUNG ĐỜI THƯỜNG
14	19/04/2019	SBH-000118	TRẦN ĐƯƠNG - ÁNH MẮT BÁC HỒ
15	19/04/2019	SBH-000119	TRẦN ĐƯƠNG - TOÀN VĂN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
16	19/04/2019	SBH-000120	TRẦN QUY NHƠN - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BỒI DƯỠNG THẾ HỆ CÁCH MẠNG CHO ĐỜI SAU
17	19/04/2019	SBH-000121	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG NĂM THÁNG BÊN BÁC
18	19/04/2019	SBH-000122	TRIỆU HIẾN - MÃI MÃI ĐI THEO CON ĐƯỜNG BÁC HỒ
19	19/04/2019	SBH-000123	TRẦN BẠCH ĐẰNG - ĐẾN VỚI TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
20	19/04/2019	SBH-000124	ĐỖ HOÀNG LINH - CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH HÀNH TRÌNH KHÁNG CHIẾN
21	19/04/2019	SBH-000125	LÊ VĂN ĐỆ - CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG AN NHÂN DÂN
22	19/04/2019	SBH-000126	ĐỖ HOÀNG LINH - TÀI LIỆU HỎI ĐÁP VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
23	19/04/2019	SBH-000127	CHÍ THẮNG - DANH NGÔN HỒ CHÍ MINH
24	19/04/2019	SBH-000128	TRẦN VIẾT LƯU - BÁC HỒ KÍNH YÊU CỦA CHÚNG EM
25	19/04/2019	SBH-000129	TRẦN VIẾT LƯU - TOÀN VĂN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2011	41,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2011	22,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	52,500	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	22,000	3K5H	2							
Lao động	HN	2004	12,000	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	24,500	3K5H	2							
Thông tấn	HN	2007	19,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2008	22,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	28,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	25,500	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	14,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	17,000	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2006	19,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2004	12,700	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	32,500	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	31,500	3K5H	2							
Trẻ	TPHCM	2007	24,000	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	33,500	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	14,500	3K5H	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2003	3,500	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2005	18,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2004	7,300	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2002	8,000	3K5H	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/04/2019	SBH-000130	TRẦN VIẾT LƯU - HỒ CHÍ MINH VẺ BÊN TRONG CỦA VIÊN NGỌC
2	19/04/2019	SBH-000131	NGUYỄN VĂN KHOAN - ĐI TỚI MỘT MÙA XUÂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
3	19/04/2019	SBH-000132	TẠ HỮU YÊN - VẺ ĐẸP ĐỜI THƯỜNG HỒ CHÍ MINH
4	19/04/2019	SBH-000133	PHẠM QUÝ THÍCH - BÁC HỒ Ở QUẢNG TÂY
5	19/04/2019	SBH-000134	LÊ KHÁNH SƠN - MỘT GIỜ VỚI ĐỒNG CHÍ HỒ CHÍ MINH
6	19/04/2019	SBH-000135	LÊ KHÁNH SƠN - CHUYỆN KỂ CỦA NHỮNG NGƯỜI GIÚP VIỆC BÁC HỒ
7	19/04/2019	SBH-000136	PHẠM QUÝ THÍCH - NHÀ BÁO HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG BÀI VIẾT Ở QUẾ LÂM
8	19/04/2019	SBH-000137	NGUYỄN SÔNG LAM - HỒ CHÍ MINH TRẢ LỜI PHỎNG VẤN BÁO CHÍ
9	19/04/2019	SBH-000138	NHIỀU TÁC GIẢ - VÂNG LỜI BÁC DẠY
10	19/04/2019	SBH-000139	NHIỀU TÁC GIẢ - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA
11	19/04/2019	SBH-000140	HỒ SĨ HIỆP - NGUYỄN ÁI QUỐC HỒ CHÍ MINH
12	19/04/2019	SBH-000141	TRẦN ĐƯƠNG - CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC CHÍNH KHÁCH QUỐC TẾ
13	19/04/2019	SBH-000142	NGUYỄN DUY HÙNG - BÁC HỒ VIẾT DI CHÚC VÀ DI CHÚC CỦA BÁC HỒ
14	19/04/2019	SBH-000143	HỒ CHÍ MINH - NHẬT KÝ TRONG TÙ
15	22/04/2019	STK-001120	NGUYỄN BÁ CAO - MƯỜI VẠN CÂU HỎI VÌ SAO
16	22/04/2019	STK-001121	ĐÀO VỌNG ĐỨC - LỊCH THẾ KỶ XX (1901-2000)
17	22/04/2019	STK-001122	THÁI HÀ - LỊCH VẠN NIÊN 1950-2050
18	22/04/2019	STK-001123	TÂN VIỆT - BÀN VỀ LỊCH VẠN NIÊN
19	22/04/2019	STK-001124	JULIA BRUCE - KHÁM PHÁ THẾ GIỚI KHỦNG LONG
20	22/04/2019	STK-001125	JULIA BRUCE - KHÁM PHÁ THẾ GIỚI CÔN TRÙNG
21	22/04/2019	STK-001126	JULIA BRUCE - KHÁM PHÁ THẾ GIỚI CÔN TRÙNG
22	22/04/2019	STK-001127	JULIA BRUCE - KHÁM PHÁ THẾ GIỚI CÔN TRÙNG
23	22/04/2019	STK-001128	JULIA BRUCE - KHÁM PHÁ THẾ GIỚI ĐẠI DƯƠNG
24	22/04/2019	STK-001129	JULIA BRUCE - KHÁM PHÁ THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT
25	22/04/2019	STK-001130	NGUYỄN THỊ THÌN - NƯỚC TRONG MỌI TRẠNG THÁI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2000	9,500	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	34,500	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	30,000	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	43,500	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2007	35,000	3K5H	2							
Thông tấn	HN	2007	28,000	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	41,500	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	38,000	3K5H	2							
Công an nhân dân	HN	2007	30,500	3K5H	2							
Thanh niên	HN	2003	27,000	3K5H	2							
Văn nghệ	TPHCM	1997	13,000	3K5H	2							
Thông tấn	HN	2007	38,000	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	3K5H	2							
Kim Đồng	HN	2005	25,000	3K5H	2							
Dân Trí	HN	2012	235,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	1997	35,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2009	125,000	5	2							
Văn hóa dân tộc	HN	2009	24,600	5	2							
Mỹ thuật	HN	2012	25,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2012	25,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2012	25,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2012	25,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2012	25,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2012	25,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2019	STK-001131	NGUYỄN THỊ THÌN - NƯỚC TRONG MỌI TRẠNG THÁI
2	22/04/2019	STK-001132	NGUYỄN THỊ THÌN - NƯỚC TRONG MỌI TRẠNG THÁI
3	22/04/2019	STK-001133	NGUYỄN THỊ THÌN - TỰ KHÁM PHÁ THÂN THỂ
4	22/04/2019	STK-001134	NGUYỄN THỊ THÌN - TỰ KHÁM PHÁ THÂN THỂ
5	22/04/2019	STK-001135	NGUYỄN THỊ THÌN - BÍ MẬT CÁC GIÁC QUAN
6	22/04/2019	STK-001136	NGUYỄN THỊ THÌN - BÍ MẬT CÁC GIÁC QUAN
7	22/04/2019	STK-001137	NGUYỄN THỊ THÌN - BÍ MẬT CÁC GIÁC QUAN
8	22/04/2019	STK-001138	NGUYỄN THỊ THÌN - BÍ MẬT CÁC GIÁC QUAN
9	22/04/2019	STK-001139	NGUYỄN THỊ THÌN - BÍ MẬT CÁC GIÁC QUAN
10	22/04/2019	STK-001140	NGUYỄN THỊ THÌN - CHIẾC CHONG CHÓNG TRONG GIÓ
11	22/04/2019	STK-001141	DƯƠNG MINH HÀO - KIẾN TRÚC KÌ DIỆU
12	22/04/2019	STK-001142	DƯƠNG MINH HÀO - ĐẠI DƯƠNG KÌ DIỆU
13	22/04/2019	STK-001143	NGUYỄN PHƯƠNG THANH - TRÁI ĐẤT KÌ DIỆU
14	22/04/2019	STK-001144	NGUYỄN THANH HÀ - THỰC VẬT KÌ DIỆU
15	22/04/2019	STK-001145	CÙ THỊ THÚY LAN - ĐỘNG VẬT KÌ DIỆU
16	22/04/2019	STK-001146	CÙ THỊ THÚY LAN - ĐỘNG VẬT KÌ DIỆU
17	22/04/2019	STK-001147	DƯƠNG MINH HÀO - MÁY TÍNH KÌ DIỆU
18	22/04/2019	STK-001148	DƯƠNG MINH HÀO - MÁY TÍNH KÌ DIỆU
19	22/04/2019	STK-001149	DƯƠNG MINH HÀO - SA MẠC KÌ DIỆU
20	22/04/2019	STK-001150	DƯƠNG MINH HÀO - SA MẠC KÌ DIỆU
21	22/04/2019	STK-001151	DƯƠNG MINH HÀO - GIAO THÔNG KÌ DIỆU
22	22/04/2019	STK-001152	DƯƠNG MINH HÀO - GIAO THÔNG KÌ DIỆU
23	22/04/2019	STK-001153	PHAN THANH TÙNG - NĂNG LƯỢNG KÌ DIỆU
24	22/04/2019	STK-001154	DƯƠNG MINH HÀO - THIÊN NHIÊN KÌ DIỆU
25	22/04/2019	STK-001155	DƯƠNG MINH HÀO - THIÊN NHIÊN KÌ DIỆU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	38,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	38,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	32,000	5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	38,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	30,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	33,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	33,000	5	2							
Giáo dục	HN	2011	28,000	5	2							
Giáo dục	HN	2011	32,000	5	2							
Giáo dục	HN	2011	32,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	40,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	40,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	25,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	25,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	30,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	30,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	33,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	33,000	5	2							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	33,000	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2019	STK-001156	PHẠM ĐÌNH CƯƠNG - HỎI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN LÀM MỘT SỐ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC 5
2	22/04/2019	STK-001157	PHẠM ĐÌNH CƯƠNG - HỎI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN LÀM MỘT SỐ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC 5
3	22/04/2019	STK-001158	PHẠM ĐÌNH CƯƠNG - HỎI ĐÁP VÀ HƯỚNG DẪN LÀM MỘT SỐ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC 5
4	22/04/2019	STK-001159	TUỆ VĂN - BAY TRÊN BẦU TRỜI
5	22/04/2019	STK-001160	TUỆ VĂN - BƠI LẶN DƯỚI NƯỚC
6	22/04/2019	STK-001161	NGỌC KHÁNH - KHÁM PHÁ KHOA HỌC THẦN KỲ
7	22/04/2019	STK-001162	NGỌC KHÁNH - CON NGƯỜI
8	22/04/2019	STK-001163	NGỌC KHÁNH - TÌM HIỂU KHOA HỌC XUNG QUANH
9	22/04/2019	STK-001164	NGỌC KHÁNH - THÁM HIỂM VŨ TRỤ THẦN KỲ
10	22/04/2019	STK-001165	NGỌC KHÁNH - TÌM HIỂU CƠ THỂ NGƯỜI
11	22/04/2019	STK-001166	NGỌC LINH - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1
12	22/04/2019	STK-001167	NGỌC LINH - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1
13	22/04/2019	STK-001168	NGỌC LINH - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1
14	22/04/2019	STK-001169	NGỌC LINH - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1
15	22/04/2019	STK-001170	NGỌC LINH - KHOA HỌC VÀ CUỘC SỐNG 1
16	22/04/2019	STK-001171	NGỌC LINH - CUỘC SỐNG MUÔN MÀU 1
17	22/04/2019	STK-001172	NGỌC LINH - VŨ TRỤ DIỆU KỲ 1
18	22/04/2019	STK-001173	NGỌC LINH - THẾ GIỚI THỰC VẬT 1
19	22/04/2019	STK-001174	CÚC HOA - DẤU CHÂN TRÊN TUYẾT
20	22/04/2019	STK-001175	CÚC HOA - DẤU CHÂN TRÊN TUYẾT
21	22/04/2019	STK-001176	CÚC HOA - DẤU CHÂN TRÊN TUYẾT
22	22/04/2019	STK-001177	CÚC HOA - KIM PHÚT CHẠY NGƯỢC
23	22/04/2019	STK-001178	CÚC HOA - KIM PHÚT CHẠY NGƯỢC
24	22/04/2019	STK-001179	CÚC HOA - KIM PHÚT CHẠY NGƯỢC
25	23/04/2019	STK-001180	CÚC HOA - KIM PHÚT CHẠY NGƯỢC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2008	19,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2008	19,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2008	19,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	35,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	35,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	35,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	35,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	35,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	35,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	35,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2006	18,500	51	2							
Trẻ	TPHCM	2006	18,500	51	2							
Trẻ	TPHCM	2006	18,500	51	2							
Trẻ	TPHCM	2005	25,500	51	2							
Trẻ	TPHCM	2005	25,500	51	2							
Trẻ	TPHCM	2005	25,500	51	2							
Trẻ	TPHCM	2005	25,500	51	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2019	STK-001181	HỒ CÚC - TÓM TẮT PHÁT MINH VÀ SỰ KIỆN KHOA HỌC
2	23/04/2019	STK-001182	HỒ CÚC - TÓM TẮT PHÁT MINH VÀ SỰ KIỆN KHOA HỌC
3	23/04/2019	STK-001183	BOB HARVEY - NƯỚC
4	23/04/2019	STK-001184	BOB HARVEY - NƯỚC
5	23/04/2019	STK-001185	BOB HARVEY - NHIỆT
6	23/04/2019	STK-001186	BOB HARVEY - NHIỆT
7	23/04/2019	STK-001187	BOB HARVEY - GIÓ
8	23/04/2019	STK-001188	BOB HARVEY - GIÓ
9	23/04/2019	STK-001189	GERRY BAILEY - ĐÁ
10	23/04/2019	STK-001190	GERRY BAILEY - ĐÁ
11	23/04/2019	STK-001191	CHU CÔNG PHÙNG - ÔNG ƠI VÌ SAO LẠI THẾ
12	23/04/2019	STK-001192	VŨ BỘI TUYỀN - 480 CÂU ĐỐ RÈN TRÍ TUỆ NÂNG CAO IQ 1
13	23/04/2019	STK-001193	VŨ BỘI TUYỀN - 480 CÂU ĐỐ RÈN TRÍ TUỆ NÂNG CAO IQ 2
14	23/04/2019	STK-001194	NGUYỄN VĂN MẬU - KHOA HỌC VŨ TRỤ
15	23/04/2019	STK-001195	NGUYỄN VĂN MẬU - KHOA HỌC VŨ TRỤ
16	23/04/2019	STK-001196	TỪ VĂN MẶC - HÓA HỌC
17	23/04/2019	STK-001197	QUÁCH TƯƠNG TỬ - STEPHEN HAWKING
18	23/04/2019	STK-001198	KÌ BÂN - GALILEO GALILEI
19	23/04/2019	STK-001199	NGUYỄN TỨ - THẮC MẮC TỪ DỄ ĐẾN KHÓ TẬP 1
20	23/04/2019	STK-001200	NGUYỄN TỨ - THẮC MẮC TỪ DỄ ĐẾN KHÓ TẬP 1
21	23/04/2019	STK-001201	NGUYỄN TỨ - THẮC MẮC TỪ DỄ ĐẾN KHÓ TẬP 2
22	23/04/2019	STK-001202	NGUYỄN TỨ - THẮC MẮC TỪ DỄ ĐẾN KHÓ TẬP 2
23	23/04/2019	STK-001203	NGUYỄN TỨ - THẮC MẮC TỪ DỄ ĐẾN KHÓ TẬP 3
24	23/04/2019	STK-001204	NGUYỄN TỨ - THẮC MẮC TỪ DỄ ĐẾN KHÓ TẬP 3
25	23/04/2019	STK-001205	LÊ QUANG LONG - TỪ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC CON VẬT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	24,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2009	24,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2013	35,000	5	2							
Khoa học và kỹ thuật	HN	1996	14,000	5	2							
Thời đại	HN	2012	50,000	51	2							
Thời đại	HN	2012	50,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	51,000	5	2							
Giáo dục	HN	2012	51,000	5	2							
Giáo dục	HN	2012	63,000	5	2							
Giáo dục	HN	2003	6,800	5	2							
Giáo dục	HN	2004	7,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2006	8,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2006	8,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2006	8,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2006	8,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2006	13,000	5	2							
Trẻ	TPHCM	2006	13,000	5	2							
Giáo dục	HN	2005	32,500	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2019	STK-001206	LÊ QUANG LONG - TỪ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC LOÀI CÂY
2	23/04/2019	STK-001207	VŨ QUANG MẠNH - THẾ GIỚI CÔN TRÙNG TRONG LÒNG ĐẤT
3	23/04/2019	STK-001208	VŨ QUANG MẠNH - THẾ GIỚI CÔN TRÙNG TRONG LÒNG ĐẤT
4	23/04/2019	STK-001209	VŨ QUANG MẠNH - THẾ GIỚI CÔN TRÙNG TRONG LÒNG ĐẤT
5	23/04/2019	STK-001210	TIỂU TIỂU NGƯ - TRONG RỪNG SÂU THẲM
6	23/04/2019	STK-001211	TIỂU TIỂU NGƯ - TRONG RỪNG SÂU THẲM
7	23/04/2019	STK-001212	TIỂU TIỂU NGƯ - TRONG RỪNG SÂU THẲM
8	23/04/2019	STK-001213	TIỂU TIỂU NGƯ - TRONG RỪNG SÂU THẲM
9	23/04/2019	STK-001214	TIỂU TIỂU NGƯ - GIỮA THẢO NGUYÊN XANH
10	23/04/2019	STK-001215	TIỂU TIỂU NGƯ - GIỮA THẢO NGUYÊN XANH
11	23/04/2019	STK-001216	TIỂU TIỂU NGƯ - GIỮA THẢO NGUYÊN XANH
12	23/04/2019	STK-001217	TIỂU TIỂU NGƯ - GIỮA THẢO NGUYÊN XANH
13	23/04/2019	STK-001218	TIỂU TIỂU NGƯ - TRÊN TRỜI DƯỚI BIỂN
14	23/04/2019	STK-001219	TIỂU TIỂU NGƯ - TRÊN TRỜI DƯỚI BIỂN
15	23/04/2019	STK-001220	TIỂU TIỂU NGƯ - TRÊN TRỜI DƯỚI BIỂN
16	23/04/2019	STK-001221	PHAN QUANG ĐỊNH - CÂY CỐI
17	23/04/2019	STK-001222	PHAN QUANG ĐỊNH - CÂY CỐI
18	23/04/2019	STK-001223	PHAN QUANG ĐỊNH - CÂY CỐI
19	23/04/2019	STK-001224	PHAN QUANG ĐỊNH - CÂY CỐI
20	23/04/2019	STK-001225	PHAN QUANG ĐỊNH - NGỰA VÀ NGỰA TƠ
21	23/04/2019	STK-001226	PHAN QUANG ĐỊNH - NGỰA VÀ NGỰA TƠ
22	23/04/2019	STK-001227	PHAN QUANG ĐỊNH - NGỰA VÀ NGỰA TƠ
23	23/04/2019	STK-001228	PHAN QUANG ĐỊNH - NGỰA VÀ NGỰA TƠ
24	23/04/2019	STK-001229	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI NẤM
25	23/04/2019	STK-001230	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI NẤM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	46,000	5	2							
Giáo dục	HN	2008	20,000	5	2							
Giáo dục	HN	2008	20,000	5	2							
Giáo dục	HN	2008	20,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	22,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2019	STK-001231	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI NẤM
2	23/04/2019	STK-001232	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI NẤM
3	23/04/2019	STK-001233	PHAN QUANG ĐỊNH - LOÀI BÒ SÁT VÀ LOÀI LƯỠNG THÊ
4	23/04/2019	STK-001234	PHAN QUANG ĐỊNH - LOÀI BÒ SÁT VÀ LOÀI LƯỠNG THÊ
5	23/04/2019	STK-001235	PHAN QUANG ĐỊNH - LOÀI BÒ SÁT VÀ LOÀI LƯỠNG THÊ
6	23/04/2019	STK-001236	PHAN QUANG ĐỊNH - LOÀI BÒ SÁT VÀ LOÀI LƯỠNG THÊ
7	23/04/2019	STK-001237	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI CHIM
8	23/04/2019	STK-001238	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI CHIM
9	23/04/2019	STK-001239	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI CHIM
10	25/04/2019	STK-001240	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI BƯỚM
11	25/04/2019	STK-001241	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI BƯỚM
12	25/04/2019	STK-001242	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI BƯỚM
13	25/04/2019	STK-001243	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI BƯỚM
14	25/04/2019	STK-001244	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CÂY DƯỢC THẢO
15	25/04/2019	STK-001245	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CÂY DƯỢC THẢO
16	25/04/2019	STK-001246	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CÂY DƯỢC THẢO
17	25/04/2019	STK-001247	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CÂY DƯỢC THẢO
18	25/04/2019	STK-001248	PHAN QUANG ĐỊNH - CÁC NGÔI SAO VÀ HÀNH TINH
19	25/04/2019	STK-001249	PHAN QUANG ĐỊNH - CÁC NGÔI SAO VÀ HÀNH TINH
20	25/04/2019	STK-001250	PHAN QUANG ĐỊNH - CÁC NGÔI SAO VÀ HÀNH TINH
21	25/04/2019	STK-001251	PHAN QUANG ĐỊNH - CÁC NGÔI SAO VÀ HÀNH TINH
22	25/04/2019	STK-001252	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CON THÚ CƯNG
23	25/04/2019	STK-001253	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CON THÚ CƯNG
24	25/04/2019	STK-001254	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CON THÚ CƯNG
25	25/04/2019	STK-001255	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG CON THÚ CƯNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/04/2019	STK-001256	PHAN QUANG ĐỊNH - CÁ CẢNH BỀ CẠN
2	25/04/2019	STK-001257	PHAN QUANG ĐỊNH - CÁ CẢNH BỀ CẠN
3	25/04/2019	STK-001258	HOÀNG THU THỦY - SÓNG THẦN CUỐN TRÔI CẢ THÀNH PHỐ VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG BÃO TỐ
4	25/04/2019	STK-001259	HOÀNG THU THỦY - SÓNG THẦN CUỐN TRÔI CẢ THÀNH PHỐ VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG BÃO TỐ
5	25/04/2019	STK-001260	HOÀNG THU THỦY - SÓNG THẦN CUỐN TRÔI CẢ THÀNH PHỐ VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG BÃO TỐ
6	25/04/2019	STK-001261	HOÀNG THU THỦY - SÓNG THẦN CUỐN TRÔI CẢ THÀNH PHỐ VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG BÃO TỐ
7	25/04/2019	STK-001262	HOÀNG THU THỦY - SÓNG THẦN CUỐN TRÔI CẢ THÀNH PHỐ VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG BÃO TỐ
8	25/04/2019	STK-001263	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÁ SẤU NGÁP CHO MÁT VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ LOÀI CÁ SẤU
9	25/04/2019	STK-001264	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÁ SẤU NGÁP CHO MÁT VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ LOÀI CÁ SẤU
10	25/04/2019	STK-001265	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÁ SẤU NGÁP CHO MÁT VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ LOÀI CÁ SẤU
11	25/04/2019	STK-001266	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÁ SẤU NGÁP CHO MÁT VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ LOÀI CÁ SẤU
12	25/04/2019	STK-001267	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÁ SẤU NGÁP CHO MÁT VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ LOÀI CÁ SẤU
13	25/04/2019	STK-001268	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CON NGƯỜI ĐUỔI THEO LỐC XOÁY VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ THỜI TIẾT NGUY HIỂM
14	25/04/2019	STK-001269	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CON NGƯỜI ĐUỔI THEO LỐC XOÁY VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ THỜI TIẾT NGUY HIỂM
15	25/04/2019	STK-001270	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CON NGƯỜI ĐUỔI THEO LỐC XOÁY VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ THỜI TIẾT NGUY HIỂM
16	25/04/2019	STK-001271	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CON NGƯỜI ĐUỔI THEO LỐC XOÁY VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ THỜI TIẾT NGUY HIỂM
17	25/04/2019	STK-001272	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CON NGƯỜI ĐUỔI THEO LỐC XOÁY VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ THỜI TIẾT NGUY HIỂM
18	25/04/2019	STK-001273	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÓ Ô TÔ BIẾT BƠI VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ Ô TÔ
19	25/04/2019	STK-001274	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÓ Ô TÔ BIẾT BƠI VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ Ô TÔ
20	25/04/2019	STK-001275	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÓ Ô TÔ BIẾT BƠI VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ Ô TÔ
21	25/04/2019	STK-001276	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÓ Ô TÔ BIẾT BƠI VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ Ô TÔ
22	25/04/2019	STK-001277	NGUYỄN THÙY DƯƠNG - CÓ Ô TÔ BIẾT BƠI VÀ VÔ SỐ NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ KHÁC VỀ Ô TÔ
23	25/04/2019	STK-001278	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 1
24	25/04/2019	STK-001279	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 1
25	25/04/2019	STK-001280	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2009	15,000	5	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/04/2019	STK-001281	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 1
2	25/04/2019	STK-001282	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 1
3	25/04/2019	STK-001283	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 2
4	25/04/2019	STK-001284	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 2
5	25/04/2019	STK-001285	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 2
6	25/04/2019	STK-001286	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 2
7	25/04/2019	STK-001287	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 2
8	25/04/2019	STK-001288	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 3
9	25/04/2019	STK-001289	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 3
10	25/04/2019	STK-001290	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 3
11	25/04/2019	STK-001291	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 3
12	25/04/2019	STK-001292	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 3
13	25/04/2019	STK-001293	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 3
14	25/04/2019	STK-001294	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 3
15	25/04/2019	STK-001295	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
16	25/04/2019	STK-001296	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
17	25/04/2019	STK-001297	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
18	25/04/2019	STK-001298	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
19	25/04/2019	STK-001299	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
20	25/04/2019	STK-001300	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
21	25/04/2019	STK-001301	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
22	25/04/2019	STK-001302	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 4
23	25/04/2019	STK-001303	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
24	25/04/2019	STK-001304	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
25	25/04/2019	STK-001305	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/04/2019	STK-001306	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
2	25/04/2019	STK-001307	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
3	25/04/2019	STK-001308	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
4	25/04/2019	STK-001309	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
5	25/04/2019	STK-001310	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
6	25/04/2019	STK-001311	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 5
7	25/04/2019	STK-001312	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
8	25/04/2019	STK-001313	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
9	25/04/2019	STK-001314	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
10	25/04/2019	STK-001315	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
11	25/04/2019	STK-001316	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
12	25/04/2019	STK-001317	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
13	25/04/2019	STK-001318	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
14	25/04/2019	STK-001319	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
15	25/04/2019	STK-001320	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
16	25/04/2019	STK-001321	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 6
17	25/04/2019	STK-001322	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
18	25/04/2019	STK-001323	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
19	25/04/2019	STK-001324	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
20	25/04/2019	STK-001325	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
21	25/04/2019	STK-001326	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
22	25/04/2019	STK-001327	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
23	25/04/2019	STK-001328	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
24	25/04/2019	STK-001329	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
25	25/04/2019	STK-001330	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/04/2019	STK-001331	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 7
2	25/04/2019	STK-001332	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
3	25/04/2019	STK-001333	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
4	25/04/2019	STK-001334	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
5	25/04/2019	STK-001335	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
6	25/04/2019	STK-001336	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
7	25/04/2019	STK-001337	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
8	25/04/2019	STK-001338	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
9	25/04/2019	STK-001339	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
10	25/04/2019	STK-001340	HOÀNG DŨNG - NHỮNG CÂU ĐỐ TÀI TÌNH 8
11	25/04/2019	STK-001345	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
12	25/04/2019	STK-001346	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
13	25/04/2019	STK-001347	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
14	25/04/2019	STK-001348	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
15	25/04/2019	STK-001349	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
16	25/04/2019	STK-001350	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
17	25/04/2019	STK-001351	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
18	25/04/2019	STK-001352	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
19	25/04/2019	STK-001353	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
20	25/04/2019	STK-001354	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
21	25/04/2019	STK-001355	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
22	25/04/2019	STK-001356	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
23	25/04/2019	STK-001357	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
24	25/04/2019	STK-001358	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
25	25/04/2019	STK-001359	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Kim Đồng	HN	2008	11,000	51	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/04/2019	STK-001360	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
2	25/04/2019	STK-001361	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
3	25/04/2019	STK-001362	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
4	25/04/2019	STK-001363	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
5	25/04/2019	STK-001364	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
6	25/04/2019	STK-001365	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
7	25/04/2019	STK-001366	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
8	25/04/2019	STK-001367	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
9	25/04/2019	STK-001368	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
10	25/04/2019	STK-001369	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
11	25/04/2019	STK-001370	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
12	25/04/2019	STK-001371	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
13	25/04/2019	STK-001372	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
14	25/04/2019	STK-001373	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
15	25/04/2019	STK-001374	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
16	25/04/2019	STK-001375	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
17	25/04/2019	STK-001376	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
18	25/04/2019	STK-001377	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
19	25/04/2019	STK-001378	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
20	25/04/2019	STK-001379	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
21	25/04/2019	STK-001380	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
22	25/04/2019	STK-001381	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
23	25/04/2019	STK-001382	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
24	25/04/2019	STK-001383	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
25	25/04/2019	STK-001384	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/04/2019	STK-001385	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
2	25/04/2019	STK-001386	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
3	25/04/2019	STK-001387	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
4	25/04/2019	STK-001388	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
5	25/04/2019	STK-001389	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
6	25/04/2019	STK-001390	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
7	25/04/2019	STK-001391	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
8	25/04/2019	STK-001392	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
9	25/04/2019	STK-001393	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
10	25/04/2019	STK-001394	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
11	25/04/2019	STK-001395	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
12	25/04/2019	STK-001396	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
13	25/04/2019	STK-001397	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
14	25/04/2019	STK-001405	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
15	25/04/2019	STK-001406	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
16	25/04/2019	STK-001407	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
17	25/04/2019	STK-001408	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
18	25/04/2019	STK-001409	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
19	25/04/2019	STK-001410	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
20	25/04/2019	STK-001411	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
21	25/04/2019	STK-001412	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
22	25/04/2019	STK-001413	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
23	25/04/2019	STK-001414	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 1/1
24	25/04/2019	STK-001415	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 1/2
25	25/04/2019	STK-001416	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 1/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	51	2							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	2							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/04/2019	STK-001417	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 1/2
2	25/04/2019	STK-001418	PHẠM NGỌC ĐỊNH - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TOÁN 1
3	25/04/2019	STK-001419	PHẠM NGỌC ĐỊNH - HOẠT ĐỘNG VÀ TRÒ CHƠI TOÁN 1
4	25/04/2019	STK-001693	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
5	25/04/2019	STK-005264	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
6	25/04/2019	STK-005303	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
7	25/04/2019	STK-005304	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
8	25/04/2019	STK-005305	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
9	25/04/2019	STK-005306	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
10	25/04/2019	STK-005307	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
11	25/04/2019	STK-005308	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
12	11/08/2019	STK-001420	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 1
13	11/08/2019	STK-001421	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 1
14	11/08/2019	STK-001422	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 2 TẬP 1
15	11/08/2019	STK-001423	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 2 TẬP 1
16	11/08/2019	STK-001424	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 2 TẬP 2
17	11/08/2019	STK-001425	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 2 TẬP 2
18	11/08/2019	STK-001426	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 3 TẬP 1
19	11/08/2019	STK-001427	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 3 TẬP 1
20	11/08/2019	STK-001428	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 3 TẬP 2
21	11/08/2019	STK-001429	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 3 TẬP 2
22	11/08/2019	STK-001430	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 4 TẬP 1
23	11/08/2019	STK-001431	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 4 TẬP 1
24	11/08/2019	STK-001432	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 4 TẬP 2
25	11/08/2019	STK-001433	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 4 TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	2							
Giáo dục	HN	2005	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2005	20,000	51	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	2							
Giáo dục	HN	2019	25,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	25,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	25,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	25,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	25,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	25,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2018	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2018	30,000	6T7	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/08/2019	STK-001434	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 5 TẬP 1
2	11/08/2019	STK-001435	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 5 TẬP 1
3	11/08/2019	STK-001436	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 5 TẬP 2
4	11/08/2019	STK-001437	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 5 TẬP 2
5	11/08/2019	STK-001438	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
6	11/08/2019	STK-001439	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
7	11/08/2019	STK-001440	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
8	11/08/2019	STK-001441	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
9	11/08/2019	STK-001442	LÊ PHƯƠNG TRÍ - VĂN HÓA GIAO THÔNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
10	11/08/2019	STK-001443	NGUYỄN VĂN TÙNG - BÁC HỒ VÀ NHỮNG BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
11	11/08/2019	STK-001444	NGUYỄN VĂN TÙNG - BÁC HỒ VÀ NHỮNG BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
12	11/08/2019	STK-001445	NGUYỄN VĂN TÙNG - BÁC HỒ VÀ NHỮNG BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG DÀNH CHO HS LỚP 3
13	11/08/2019	STK-001446	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 1 STUDENT BOOK
14	11/08/2019	STK-001447	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 1 STUDENT BOOK
15	11/08/2019	STK-001448	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 1 WORK BOOK
16	11/08/2019	STK-001449	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 1 WORK BOOK
17	11/08/2019	STK-001450	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 STUDENT BOOK
18	11/08/2019	STK-001451	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 STUDENT BOOK
19	11/08/2019	STK-001452	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 STUDENT BOOK
20	11/08/2019	STK-001453	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 STUDENT BOOK
21	11/08/2019	STK-001454	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 WORK BOOK
22	11/08/2019	STK-001455	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 WORK BOOK
23	11/08/2019	STK-001456	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 WORK BOOK
24	11/08/2019	STK-001457	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 2 WORK BOOK
25	11/08/2019	STK-001458	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 3 STUDENT BOOK

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2018	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2018	30,000	6T7	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	3K5H	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	3K5H	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/08/2019	STK-001459	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 3 STUDENT BOOK
2	11/08/2019	STK-001460	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 3 STUDENT BOOK
3	11/08/2019	STK-001461	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 3 WORK BOOK
4	11/08/2019	STK-001462	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 3 WORK BOOK
5	11/08/2019	STK-001463	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 3 WORK BOOK
6	11/08/2019	STK-001464	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
7	11/08/2019	STK-001465	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
8	11/08/2019	STK-001466	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
9	11/08/2019	STK-001467	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
10	11/08/2019	STK-001468	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
11	11/08/2019	STK-001469	TAMZIN THOMPSON - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 STUDENT BOOK
12	11/08/2019	STK-001470	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
13	11/08/2019	STK-001471	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
14	11/08/2019	STK-001472	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
15	11/08/2019	STK-001473	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
16	11/08/2019	STK-001474	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
17	11/08/2019	STK-001475	LIZ DRISCOLL - FAMILY AND FRIENDS LỚP 4 WORK BOOK
18	11/08/2019	STK-001476	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 STUDENT BOOK
19	11/08/2019	STK-001477	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 STUDENT BOOK
20	11/08/2019	STK-001478	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 STUDENT BOOK
21	11/08/2019	STK-001479	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 STUDENT BOOK
22	11/08/2019	STK-001480	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 STUDENT BOOK
23	11/08/2019	STK-001481	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 STUDENT BOOK
24	11/08/2019	STK-001482	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 WORK BOOK
25	11/08/2019	STK-001483	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 WORK BOOK

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	105,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/08/2019	STK-001484	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 WORK BOOK
2	11/08/2019	STK-001485	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 WORK BOOK
3	11/08/2019	STK-001486	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 WORK BOOK
4	11/08/2019	STK-001487	NAOMI SIMMONS - FAMILY AND FRIENDS LỚP 5 WORK BOOK
5	06/09/2019	SNV-000384	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
6	06/09/2019	SNV-000385	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
7	06/09/2019	SNV-000386	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
8	06/09/2019	SNV-000387	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
9	06/09/2019	SNV-000388	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
10	06/09/2019	SNV-000389	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
11	06/09/2019	SNV-000390	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/1
12	06/09/2019	SNV-000391	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/1
13	06/09/2019	SNV-000392	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/1
14	06/09/2019	SNV-000393	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/1
15	06/09/2019	SNV-000394	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
16	06/09/2019	SNV-000395	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
17	06/09/2019	SNV-000396	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)
18	06/09/2019	SNV-000397	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)
19	06/09/2019	SNV-000398	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/1
20	06/09/2019	SNV-000399	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/1
21	06/09/2019	SNV-000400	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/1
22	06/09/2019	SNV-000401	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/1
23	06/09/2019	SNV-000402	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
24	06/09/2019	SNV-000403	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
25	06/09/2019	SNV-000404	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Các nhà xuất bản khác	TPHCM	2019	70,000	4(A)	2							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	40,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	40,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	40,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	40,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	42,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	42,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	11,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	11,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/09/2019	SNV-000405	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
2	06/09/2019	SNV-000406	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
3	06/09/2019	SNV-000407	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
4	06/09/2019	SNV-000408	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
5	06/09/2019	SNV-000409	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1
6	06/09/2019	SNV-000410	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1
7	06/09/2019	SNV-000411	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1
8	06/09/2019	SNV-000412	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/2
9	06/09/2019	SNV-000413	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/2
10	06/09/2019	SNV-000414	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/2
11	06/09/2019	SNV-000415	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
12	06/09/2019	SNV-000416	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
13	06/09/2019	SNV-000417	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
14	06/09/2019	SNV-000418	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
15	06/09/2019	SNV-000419	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
16	06/09/2019	SNV-000420	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
17	06/09/2019	SNV-000421	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
18	06/09/2019	SNV-000422	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
19	06/09/2019	SNV-000423	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 3
20	06/09/2019	SNV-000424	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 3
21	06/09/2019	SNV-000425	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
22	06/09/2019	SNV-000426	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
23	06/09/2019	SNV-000427	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
24	09/09/2019	SNV-000428	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
25	09/09/2019	SNV-000429	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,200	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,200	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,200	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	10,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	13,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/09/2019	SNV-000430	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
2	09/09/2019	SNV-000431	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
3	09/09/2019	SNV-000432	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
4	09/09/2019	SNV-000433	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
5	09/09/2019	SNV-000434	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
6	09/09/2019	SNV-000435	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
7	09/09/2019	SNV-000436	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 4 (GV)
8	09/09/2019	SNV-000437	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 4 (GV)
9	09/09/2019	SNV-000438	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
10	09/09/2019	SNV-000439	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
11	09/09/2019	SNV-000440	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
12	09/09/2019	SNV-000441	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
13	09/09/2019	SNV-000442	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4 (GV)
14	09/09/2019	SNV-000443	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
15	09/09/2019	SNV-000444	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
16	09/09/2019	SNV-000445	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/2
17	09/09/2019	SNV-000446	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/2
18	09/09/2019	SNV-000447	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
19	09/09/2019	SNV-000448	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
20	09/09/2019	SNV-000449	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
21	09/09/2019	SNV-000450	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
22	09/09/2019	SNV-000451	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 4
23	09/09/2019	SNV-000452	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
24	09/09/2019	SNV-000453	Nguyễn Anh Dũng - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 4 (GV)
25	09/09/2019	SNV-000454	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	47,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	47,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	47,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	12,300	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	12,300	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	10,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,100	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	15,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	18,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,700	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2009	19,000	9(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/09/2019	SNV-000455	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
2	09/09/2019	SNV-000456	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4
3	09/09/2019	SNV-000457	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4 (GV)
4	09/09/2019	SNV-000458	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
5	09/09/2019	SNV-000459	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
6	09/09/2019	SNV-000460	Phạm Thị Thu Hà - TKBG TIẾNG VIỆT 5/2
7	09/09/2019	SNV-000461	Phạm Thị Thu Hà - TKBG TIẾNG VIỆT 5/2
8	09/09/2019	SNV-000462	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 5 (GV)
9	09/09/2019	SNV-000463	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 5 (GV)
10	09/09/2019	SNV-000464	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 5/1
11	09/09/2019	SNV-000465	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 5/2
12	09/09/2019	SNV-000466	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 5/2
13	09/09/2019	SNV-000467	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
14	09/09/2019	SNV-000468	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 5/1
15	09/09/2019	SNV-000469	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 5/2
16	09/09/2019	SNV-000470	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 5 (GV)
17	09/09/2019	SNV-000471	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5 (GV)
18	09/09/2019	SNV-000472	Nguyễn Thị Cẩm Hường - TKBG ĐẠO ĐỨC 5
19	09/09/2019	SNV-000473	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 5
20	09/09/2019	SNV-000474	Hoàng Long - ÂM NHẠC 5 (GV)
21	09/09/2019	SNV-000475	Nguyễn Anh Dũng - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 5 (GV)
22	09/09/2019	SNV-000476	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 5
23	09/09/2019	SNV-000477	Lê Thu Hà - TKBG ĐỊA LÍ 5
24	09/09/2019	SNV-000478	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 5 (GV)
25	09/09/2019	SNV-000479	Nguyễn Huỳnh Liễu - KĨ THUẬT 5 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	19,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,900	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,900	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	10,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	19,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	6,800	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	13,000	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	19,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,500	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~10/09/2019~~	~~SNV-000500~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
2	~~10/09/2019~~	~~SNV-000501~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
3	~~10/09/2019~~	~~SNV-000502~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
4	~~10/09/2019~~	~~SNV-000503~~	~~BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
5	~~10/09/2019~~	~~SNV-000504~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1 (GV)~~
6	~~10/09/2019~~	~~SNV-000505~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1 (GV)~~
7	~~10/09/2019~~	~~SNV-000506~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1 (GV)~~
8	~~10/09/2019~~	~~SNV-000507~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2 (GV)~~
9	~~10/09/2019~~	~~SNV-000508~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2 (GV)~~
10	~~10/09/2019~~	~~SNV-000509~~	~~Phạm Thị Thu Hà - TKBG TIẾNG VIỆT 1/1~~
11	~~10/09/2019~~	~~SNV-000510~~	~~Phạm Thị Thu Hà - TKBG TIẾNG VIỆT 1/1~~
12	~~10/09/2019~~	~~SNV-000511~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 1/2~~
13	~~10/09/2019~~	~~SNV-000512~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 1/2~~
14	~~10/09/2019~~	~~SNV-000513~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 1/2~~
15	~~10/09/2019~~	~~SNV-000514~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1 (GV)~~
16	~~10/09/2019~~	~~SNV-000515~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1 (GV)~~
17	~~10/09/2019~~	~~SNV-000516~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1 (GV)~~
18	~~10/09/2019~~	~~SNV-000517~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1 (GV)~~
19	~~10/09/2019~~	~~SNV-000518~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/1~~
20	~~10/09/2019~~	~~SNV-000519~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/1~~
21	~~10/09/2019~~	~~SNV-000520~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/1~~
22	~~10/09/2019~~	~~SNV-000521~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/2~~
23	~~10/09/2019~~	~~SNV-000522~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/2~~
24	~~10/09/2019~~	~~SNV-000523~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/2~~
25	~~10/09/2019~~	~~SNV-000524~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1 (GV)~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~10,200~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~10,200~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~10,200~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~11,700~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~11,700~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~20,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~10/09/2019~~	~~SNV-000525~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1 (GV)~~
2	~~10/09/2019~~	~~SNV-000526~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1 (GV)~~
3	~~10/09/2019~~	~~SNV-000527~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1 (GV)~~
4	~~10/09/2019~~	~~SNV-000528~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1~~
5	~~10/09/2019~~	~~SNV-000529~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1~~
6	~~10/09/2019~~	~~SNV-000530~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1~~
7	~~10/09/2019~~	~~SNV-000531~~	~~Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 1 (GV)~~
8	~~10/09/2019~~	~~SNV-000532~~	~~Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 1 (GV)~~
9	~~10/09/2019~~	~~SNV-000533~~	~~Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 1 (GV)~~
10	~~10/09/2019~~	~~SNV-000534~~	~~Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 1 (GV)~~
11	~~10/09/2019~~	~~SNV-000535~~	~~Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 1 (GV)~~
12	~~10/09/2019~~	~~SNV-000536~~	~~Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 1 (GV)~~
13	~~10/09/2019~~	~~SNV-000537~~	~~Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 1 (GV)~~
14	~~10/09/2019~~	~~SNV-000538~~	~~Nguyễn Hữu Hợp - TKBG ĐẠO ĐỨC 1~~
15	~~10/09/2019~~	~~SNV-000539~~	~~Nguyễn Hữu Hợp - TKBG ĐẠO ĐỨC 1~~
16	~~10/09/2019~~	~~SNV-000540~~	~~Nguyễn Hữu Hợp - TKBG ĐẠO ĐỨC 1~~
17	~~10/09/2019~~	~~SNV-000541~~	~~Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 1~~
18	~~10/09/2019~~	~~SNV-000542~~	~~Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 1~~
19	~~10/09/2019~~	~~SNV-000543~~	~~Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 1~~
20	~~10/09/2019~~	~~SNV-000544~~	~~Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 1~~
21	~~10/09/2019~~	~~SNV-000545~~	~~Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 1 (GV)~~
22	~~10/09/2019~~	~~SNV-000546~~	~~Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 1 (GV)~~
23	~~10/09/2019~~	~~SNV-000547~~	~~Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 1 (GV)~~
24	~~11/09/2019~~	~~SNV-000548~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1 (GV)~~
25	~~11/09/2019~~	~~SNV-000549~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2 (GV)~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~13,000~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~13,000~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~13,000~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,700~~	~~7A(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,700~~	~~7A(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,700~~	~~7A(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,600~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,600~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,600~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~10,200~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~11,700~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~11/09/2019~~	~~SNV-000550~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2 (GV)~~
2	~~11/09/2019~~	~~SNV-000551~~	~~Phạm Thị Thu Hà - TKBG TIẾNG VIỆT 1/1~~
3	~~11/09/2019~~	~~SNV-000552~~	~~Phạm Thị Thu Hà - TKBG TIẾNG VIỆT 1/1~~
4	~~11/09/2019~~	~~SNV-000553~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/2~~
5	~~11/09/2019~~	~~SNV-000554~~	~~Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 1 (GV)~~
6	~~11/09/2019~~	~~SNV-000555~~	~~Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 1 (GV)~~
7	~~11/09/2019~~	~~SNV-000556~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1 (GV)~~
8	~~11/09/2019~~	~~SNV-000557~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1 (GV)~~
9	11/09/2019	SNV-000558	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/1 (GV)
10	11/09/2019	SNV-000559	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
11	11/09/2019	SNV-000560	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
12	11/09/2019	SNV-000561	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/2
13	11/09/2019	SNV-000562	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/1
14	11/09/2019	SNV-000563	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
15	11/09/2019	SNV-000564	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
16	11/09/2019	SNV-000565	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
17	11/09/2019	SNV-000566	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 2
18	11/09/2019	SNV-000567	Nguyễn Hữu Hạnh - TKBG MĨ THUẬT 2
19	11/09/2019	SNV-000568	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
20	11/09/2019	SNV-000569	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
21	11/09/2019	SNV-000570	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
22	11/09/2019	SNV-000571	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
23	11/09/2019	SNV-000572	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4 (GV)
24	11/09/2019	SNV-000573	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4 (GV)
25	11/09/2019	SNV-000574	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~11,700~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~38,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,700~~	~~7A(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,700~~	~~7A(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2003	12,400	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	11,500	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	11,500	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	38,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	30,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2003	4,500	371.011(07)	2							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	15,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	11,500	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	47,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,900	7(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/09/2019	SNV-000575	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 4
2	11/09/2019	SNV-000576	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
3	11/09/2019	SNV-000577	Nguyễn Anh Dũng - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 4 (GV)
4	~~12/09/2019~~	~~SNV-000578~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2 (GV)~~
5	~~12/09/2019~~	~~SNV-000579~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 1/1~~
6	~~12/09/2019~~	~~SNV-000580~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 1/2~~
7	~~12/09/2019~~	~~SNV-000581~~	~~Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 1/2~~
8	~~12/09/2019~~	~~SNV-000582~~	~~Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 1 (GV)~~
9	~~12/09/2019~~	~~SNV-000583~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1 (GV)~~
10	~~12/09/2019~~	~~SNV-000584~~	~~Nguyễn Trại - TKBG TNXH 1~~
11	~~12/09/2019~~	~~SNV-000585~~	~~Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 1 (GV)~~
12	~~12/09/2019~~	~~SNV-000586~~	~~Lưu Thu Thủy - TKBG ĐẠO ĐỨC 1~~
13	~~12/09/2019~~	~~SNV-000587~~	~~Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 1~~
14	~~12/09/2019~~	~~SNV-000588~~	~~Nguyễn Hữu Hạnh - TKBG MĨ THUẬT 1~~
15	~~12/09/2019~~	~~SNV-000589~~	~~Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 1~~
16	12/09/2019	SNV-000590	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
17	12/09/2019	SNV-000591	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
18	12/09/2019	SNV-000592	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
19	12/09/2019	SNV-000593	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
20	12/09/2019	SNV-000594	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
21	12/09/2019	SNV-000595	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/2
22	12/09/2019	SNV-000596	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 4
23	12/09/2019	SNV-000597	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
24	12/09/2019	SNV-000598	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4
25	12/09/2019	SNV-000599	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~11,700~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~35,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~35,000~~	~~4(V)(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~25,000~~	~~51(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~4,200~~	~~7A(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~4,400~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~13,000~~	~~5(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2003~~	~~3,800~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2007~~	~~8,000~~	~~371.011(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2008~~	~~18,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2010~~	~~15,000~~	~~7(07)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,600~~	~~7(07)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2005	45,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	47,000	4(V)(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	37,000	51(07)	2							
Giáo dục	HN	2007	16,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	5(07)	2							
Giáo dục	HN	2010	18,000	7(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	12/09/2019	SNV-000600	Nguyễn Thị Cẩm Hường - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
2	13/09/2019	STK-001488	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
3	13/09/2019	STK-001489	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
4	13/09/2019	STK-001490	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
5	13/09/2019	STK-001491	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
6	13/09/2019	STK-001492	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
7	13/09/2019	STK-001493	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
8	13/09/2019	STK-001494	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
9	13/09/2019	STK-001495	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
10	13/09/2019	STK-001496	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
11	13/09/2019	STK-001497	Diệu Thúy - GIÚP EM HỌC GIỎI MÔN TOÁN TIỂU HỌC (LỚP 2,3,4,5)
12	13/09/2019	STK-001498	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
13	13/09/2019	STK-001499	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
14	13/09/2019	STK-001500	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
15	13/09/2019	STK-001501	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
16	13/09/2019	STK-001502	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
17	13/09/2019	STK-001503	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
18	13/09/2019	STK-001504	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
19	13/09/2019	STK-001505	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
20	13/09/2019	STK-001506	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
21	13/09/2019	STK-001507	Diệu Thúy - HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG NÓI, VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT VÀ LÀM VĂN LỚP 2,3,4,5
22	13/09/2019	STN-000399	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
23	13/09/2019	STN-000400	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
24	13/09/2019	STN-000401	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
25	13/09/2019	STN-000402	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	12,000	371.011(07)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	51	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	38,000	4(V)	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/09/2019	STN-000403	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
2	13/09/2019	STN-000404	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
3	13/09/2019	STN-000405	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
4	13/09/2019	STN-000406	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
5	13/09/2019	STN-000407	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
6	13/09/2019	STN-000408	Hà Thị Anh - NHỮNG CÂU HỎI KÌ QUẶC NHẤT QUẢ ĐẤT
7	13/09/2019	STN-000409	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
8	13/09/2019	STN-000410	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
9	13/09/2019	STN-000411	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
10	13/09/2019	STN-000412	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
11	13/09/2019	STN-000413	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
12	13/09/2019	STN-000414	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
13	13/09/2019	STN-000415	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
14	13/09/2019	STN-000416	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
15	13/09/2019	STN-000417	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
16	13/09/2019	STN-000418	Hà Thị Anh - KHÁM PHÁ CÂU ĐỐ KHOA HỌC
17	13/09/2019	STN-000419	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
18	13/09/2019	STN-000420	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
19	13/09/2019	STN-000421	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
20	13/09/2019	STN-000422	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
21	13/09/2019	STN-000423	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
22	13/09/2019	STN-000424	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
23	13/09/2019	STN-000425	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
24	13/09/2019	STN-000426	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
25	13/09/2019	STN-000427	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/09/2019	STN-000428	Hà Thị Anh - KIỂM TRA TRÍ THÔNG MINH-THỬ THÁCH BỘ NÃO
2	13/09/2019	STN-000429	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
3	13/09/2019	STN-000430	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
4	13/09/2019	STN-000431	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
5	13/09/2019	STN-000432	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
6	13/09/2019	STN-000433	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
7	13/09/2019	STN-000434	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
8	13/09/2019	STN-000435	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
9	13/09/2019	STN-000436	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
10	13/09/2019	STN-000437	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
11	13/09/2019	STN-000438	Hoàng Thị Hường - CẨM NANG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG
12	13/09/2019	STN-000439	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
13	13/09/2019	STN-000440	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
14	13/09/2019	STN-000441	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
15	13/09/2019	STN-000442	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
16	13/09/2019	STN-000443	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
17	13/09/2019	STN-000444	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
18	13/09/2019	STN-000445	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
19	13/09/2019	STN-000446	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
20	13/09/2019	STN-000447	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
21	13/09/2019	STN-000448	Hà Thị Anh - CÙNG HỌC TIẾNG ANH QUA HÌNH ẢNH
22	17/09/2019	SGK-000501	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/1
23	17/09/2019	SGK-000502	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/1
24	17/09/2019	SGK-000503	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/1
25	17/09/2019	SGK-000504	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2019	35,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Mỹ thuật	HN	2019	40,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2019	48,000	ĐV25	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/09/2019	SGK-000505	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
2	17/09/2019	SGK-000506	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
3	17/09/2019	SGK-000507	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
4	17/09/2019	SGK-000508	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
5	17/09/2019	SGK-000509	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
6	17/09/2019	SGK-000510	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
7	17/09/2019	SGK-000511	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
8	17/09/2019	SGK-000512	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
9	17/09/2019	SGK-000513	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
10	17/09/2019	SGK-000514	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
11	17/09/2019	SGK-000515	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
12	17/09/2019	SGK-000516	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
13	17/09/2019	STK-001508	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
14	17/09/2019	STK-001509	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
15	17/09/2019	STK-001510	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
16	17/09/2019	STK-001511	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
17	17/09/2019	STK-001512	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/2
18	17/09/2019	STK-001513	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/2
19	17/09/2019	STK-001514	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/2
20	17/09/2019	STK-001515	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/2
21	17/09/2019	STK-001516	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
22	17/09/2019	STK-001517	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
23	17/09/2019	STK-001518	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
24	17/09/2019	STK-001519	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
25	17/09/2019	STK-001520	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/09/2019	STK-001521	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
2	17/09/2019	STK-001522	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
3	17/09/2019	STK-001523	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HSTH-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
4	~~21/09/2019~~	~~SGK-000517~~	~~Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
5	~~21/09/2019~~	~~SGK-000518~~	~~Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
6	~~21/09/2019~~	~~SGK-000519~~	~~Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
7	~~21/09/2019~~	~~SGK-000520~~	~~Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1~~
8	~~21/09/2019~~	~~SGK-000521~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1~~
9	~~21/09/2019~~	~~SGK-000522~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1~~
10	~~21/09/2019~~	~~SGK-000523~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1~~
11	~~21/09/2019~~	~~SGK-000524~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/1~~
12	~~21/09/2019~~	~~SGK-000525~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2~~
13	~~21/09/2019~~	~~SGK-000526~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2~~
14	~~21/09/2019~~	~~SGK-000527~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2~~
15	~~21/09/2019~~	~~SGK-000528~~	~~Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 1/2~~
16	~~21/09/2019~~	~~SGK-000529~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1~~
17	~~21/09/2019~~	~~SGK-000530~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1~~
18	~~21/09/2019~~	~~SGK-000531~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1~~
19	~~21/09/2019~~	~~SGK-000532~~	~~Đỗ Đình Hoan - TOÁN 1~~
20	~~21/09/2019~~	~~SGK-000533~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
21	~~21/09/2019~~	~~SGK-000534~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
22	~~21/09/2019~~	~~SGK-000535~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
23	~~21/09/2019~~	~~SGK-000536~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
24	~~21/09/2019~~	~~SGK-000537~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~
25	~~21/09/2019~~	~~SGK-000538~~	~~Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 1~~

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
Giáo dục	HN	2019	16,000	4(V)	2							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,500~~	~~371.011(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,500~~	~~371.011(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,500~~	~~371.011(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~2,500~~	~~371.011(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2015~~	~~12,500~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2015~~	~~12,500~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2015~~	~~12,500~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2015~~	~~12,500~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~9,800~~	~~4(V)(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2002~~	~~8,500~~	~~51(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~4,700~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~4,700~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~4,700~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~4,700~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~4,700~~	~~5(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~4,700~~	~~5(075)~~	~~2~~							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	~~21/09/2019~~	~~SGK-000539~~	~~Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 1~~
2	~~21/09/2019~~	~~SGK-000540~~	~~Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 1~~
3	~~21/09/2019~~	~~SGK-000541~~	~~Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 1~~
4	~~21/09/2019~~	~~SGK-000542~~	~~Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 1~~
5	~~21/09/2019~~	~~SGK-000543~~	~~Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 1~~
6	~~21/09/2019~~	~~SGK-000544~~	~~Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 1~~
7	~~21/09/2019~~	~~SGK-000545~~	~~Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 1~~
8	21/09/2019	SGK-000546	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
9	21/09/2019	SGK-000547	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
10	21/09/2019	SGK-000548	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/2
11	21/09/2019	SGK-000549	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2
12	21/09/2019	SGK-000550	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
13	21/09/2019	SGK-000551	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
14	21/09/2019	SGK-000552	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
15	21/09/2019	SGK-000553	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
16	21/09/2019	SGK-000554	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
17	21/09/2019	SGK-000555	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
18	21/09/2019	SGK-000556	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
19	21/09/2019	SGK-000557	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
20	21/09/2019	SGK-000558	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
21	21/09/2019	SGK-000559	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
22	21/09/2019	SGK-000560	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
23	21/09/2019	SGK-000561	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
24	21/09/2019	SGK-000562	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
25	21/09/2019	SGK-000563	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2006~~	~~2,000~~	~~78(075)~~	~~2~~							
Giáo dục	HN	2008	4,500	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	9,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2016	11,200	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2009	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2010	4,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	7,900	5(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/09/2019	SGK-000564	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
2	21/09/2019	SGK-000565	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
3	21/09/2019	SGK-000566	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
4	21/09/2019	SGK-000567	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
5	21/09/2019	SGK-000568	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
6	21/09/2019	SGK-000569	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 4
7	21/09/2019	SGK-000570	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 4
8	21/09/2019	SGK-000571	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 4
9	21/09/2019	SGK-000572	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
10	21/09/2019	SGK-000573	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
11	21/09/2019	SGK-000574	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
12	21/09/2019	SGK-000575	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
13	21/09/2019	SGK-000576	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
14	21/09/2019	SGK-000577	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
15	21/09/2019	SGK-000578	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
16	21/09/2019	SGK-000579	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
17	21/09/2019	SGK-000580	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
18	21/09/2019	SGK-000581	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
19	21/09/2019	SGK-000582	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4
20	21/09/2019	SGK-000583	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4
21	21/09/2019	SGK-000584	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4
22	21/09/2019	SGK-000585	Nguyễn - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
23	21/09/2019	SGK-000586	Nguyễn - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
24	21/09/2019	SGK-000587	Nguyễn - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
25	21/09/2019	SGK-000588	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2007	7,900	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	9,800	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	8,400	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	10,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	10,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	10,500	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	9,000	9(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	9,000	9(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	9,000	9(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/09/2019	SGK-000589	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4
2	21/09/2019	SGK-000590	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
3	21/09/2019	SGK-000591	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
4	21/09/2019	SGK-000592	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
5	21/09/2019	SGK-000593	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
6	21/09/2019	SGK-000594	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
7	21/09/2019	SGK-000595	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5
8	21/09/2019	SGK-000596	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5
9	21/09/2019	SGK-000597	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/1
10	21/09/2019	SGK-000598	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/1
11	21/09/2019	SGK-000599	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/2
12	21/09/2019	SGK-000600	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/2
13	21/09/2019	SGK-000601	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
14	21/09/2019	SGK-000602	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5
15	21/09/2019	SGK-000603	Nguyễn Anh Dũng - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
16	21/09/2019	SGK-000604	Nguyễn Anh Dũng - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
17	21/09/2019	SGK-000605	Hoàng Long - ÂM NHẠC 5
18	21/09/2019	SGK-000606	Hoàng Long - ÂM NHẠC 5
19	21/09/2019	SGK-000607	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 5
20	21/09/2019	SGK-000608	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 5
21	25/09/2019	STK-001524	Nhiều tác giả - BIỂN ĐẢO VIỆT NAM KHU VỰC NAM BỘ
22	25/09/2019	STK-001525	Nhiều tác giả - BIỂN ĐẢO VIỆT NAM KHU VỰC NAM BỘ
23	25/09/2019	STK-001526	Nhiều tác giả - BIỂN ĐẢO VIỆT NAM KHU VỰC NAM BỘ
24	25/09/2019	STK-001527	Nhiều tác giả - BIỂN ĐẢO VIỆT NAM KHU VỰC NAM BỘ
25	25/09/2019	STK-001528	Nhiều tác giả - HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM TÀI TRÍ, DŨNG CẢM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	2,800	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2005	6,000	6(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	2,900	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	2,900	371.011(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	13,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	13,000	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	12,700	4(V)(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	8,300	51(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	11,000	5(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	7,800	9(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	7,800	9(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,100	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2006	3,100	78(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	8,200	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	91(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	91(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	91(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	91(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/09/2019	STK-001529	Nhiều tác giả - HẢI QUÂN NHÂN DÂN VIỆT NAM TÀI TRÍ, DŨNG CẢM
2	25/09/2019	STK-001530	Nhiều tác giả - BỐN MƯƠI NĂM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
3	25/09/2019	STK-001531	Nhiều tác giả - BỐN MƯƠI NĂM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
4	25/09/2019	STK-001532	Nhiều tác giả - BỐN MƯƠI NĂM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
5	25/09/2019	STK-001533	Nhiều tác giả - BỐN MƯƠI NĂM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
6	25/09/2019	STK-001534	Đỗ Viết Nghiệm - CÔNG VIÊN XANH NHIÊU LỘC-THỊ NGHÈ
7	25/09/2019	STK-001535	Đỗ Viết Nghiệm - CÔNG VIÊN XANH NHIÊU LỘC-THỊ NGHÈ
8	25/09/2019	STK-001536	Đỗ Viết Nghiệm - CÔNG VIÊN XANH NHIÊU LỘC-THỊ NGHÈ
9	25/09/2019	STK-001537	Đỗ Viết Nghiệm - CÔNG VIÊN XANH NHIÊU LỘC-THỊ NGHÈ
10	25/09/2019	STK-001538	Nguyễn Đình Thống - CỦ CHI XƯA VÀ NAY
11	25/09/2019	STK-001539	Nguyễn Đình Thống - CỦ CHI XƯA VÀ NAY
12	25/09/2019	STK-001540	Lê Trung Hoa - CỬA SỔ TRI THỨC
13	25/09/2019	STK-001541	Lê Trung Hoa - CỬA SỔ TRI THỨC
14	25/09/2019	STK-001542	Thanh Giang - ANH HÙNG BIỆT ĐỘNG
15	25/09/2019	STK-001543	Thanh Giang - ANH HÙNG BIỆT ĐỘNG
16	25/09/2019	STK-001544	Đặng Anh Đào - VÕ NGUYÊN GIÁP QUA LỜI KỂ CỦA NHỮNG NGƯỜI THÂN
17	25/09/2019	STK-001545	Đặng Anh Đào - VÕ NGUYÊN GIÁP QUA LỜI KỂ CỦA NHỮNG NGƯỜI THÂN
18	25/09/2019	STK-001546	Nguyễn Văn Khoan - CẢM ƠN CÁC BẠN
19	25/09/2019	STK-001547	Hà Minh Hồng - BÁC HỒ GỌI ẤY LÀ MÙA XUÂN ĐẾN
20	25/09/2019	STK-001548	Nhiều tác giả - GÍA TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
21	25/09/2019	STK-001549	Nhiều tác giả - GÍA TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
22	25/09/2019	STK-001550	Nhiều tác giả - NHỮNG CÂU CHUYỆN TỪ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO
23	25/09/2019	STK-001551	Nhiều tác giả - NHỮNG CÂU CHUYỆN TỪ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO
24	25/09/2019	STK-001552	Nhiều tác giả - ĐẠI TƯỚNG TRONG LÒNG DÂN
25	25/09/2019	STK-001553	Bộ Quốc Phòng - ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 SỨC MẠNH CỦA Ý CHÍ THỐNG NHẤT TỔ QUỐC VÀ KHÁT VỌNG HÒA BÌNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	9(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	8(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	8(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	8(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	150,000	8(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	70,000	V14	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	70,000	V14	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	70,000	V14	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	70,000	V14	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	80,000	9(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	80,000	9(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	40,000	4(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	40,000	4(V)	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	70,000	V	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	70,000	V	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	70,000	V	2							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	70,000	V	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2015	50,000	3K5H5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2015	80,000	3K5H5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	60,000	3K5H5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	60,000	3K5H5	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2015	60,000	9(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2015	60,000	9(V)	2							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2015	60,000	V	2							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	200,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/09/2019	SGK-000609	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
2	26/09/2019	SGK-000610	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
3	26/09/2019	SGK-000611	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
4	26/09/2019	SGK-000612	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
5	26/09/2019	SGK-000613	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
6	26/09/2019	SGK-000614	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
7	26/09/2019	SGK-000615	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
8	26/09/2019	SGK-000616	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
9	26/09/2019	SGK-000617	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
10	26/09/2019	SGK-000618	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
11	26/09/2019	SGK-000619	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
12	26/09/2019	SGK-000620	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
13	26/09/2019	SGK-000621	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
14	26/09/2019	SGK-000622	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
15	26/09/2019	SGK-000623	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
16	26/09/2019	SGK-000624	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
17	26/09/2019	SGK-000625	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
18	26/09/2019	SGK-000626	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
19	26/09/2019	SGK-000627	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
20	26/09/2019	SGK-000628	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
21	26/09/2019	SGK-000629	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
22	26/09/2019	SGK-000630	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
23	26/09/2019	SGK-000631	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
24	26/09/2019	SGK-000632	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
25	26/09/2019	SGK-000633	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/09/2019	SGK-000634	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
2	26/09/2019	SGK-000635	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
3	26/09/2019	SGK-000636	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
4	26/09/2019	SGK-000637	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
5	26/09/2019	SGK-000638	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
6	26/09/2019	SGK-000639	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
7	26/09/2019	SGK-000640	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
8	26/09/2019	SGK-000641	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
9	26/09/2019	SGK-000642	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
10	26/09/2019	SGK-000643	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
11	26/09/2019	SGK-000644	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
12	26/09/2019	SGK-000645	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
13	26/09/2019	SGK-000646	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
14	26/09/2019	SGK-000647	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
15	26/09/2019	SGK-000648	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
16	26/09/2019	SGK-000649	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
17	26/09/2019	SGK-000650	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
18	26/09/2019	SGK-000651	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
19	26/09/2019	SGK-000652	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
20	01/10/2019	STK-001554	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 1
21	01/10/2019	STK-001555	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 1
22	01/10/2019	STK-001556	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 1
23	01/10/2019	STK-001557	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 1
24	01/10/2019	STK-001558	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 2
25	01/10/2019	STK-001559	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Giáo dục	HN	2019	5,700	371.011(076)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/10/2019	STK-001560	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 2
2	01/10/2019	STK-001561	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 2
3	01/10/2019	STK-001562	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 3
4	01/10/2019	STK-001563	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 3
5	01/10/2019	STK-001564	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 3
6	01/10/2019	STK-001565	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 3
7	01/10/2019	STK-001566	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 4
8	01/10/2019	STK-001567	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 4
9	01/10/2019	STK-001568	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 4
10	01/10/2019	STK-001569	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 4
11	01/10/2019	STK-001570	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
12	01/10/2019	STK-001571	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
13	01/10/2019	STK-001572	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
14	01/10/2019	STK-001573	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
15	01/10/2019	STK-001574	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 6
16	01/10/2019	STK-001575	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 6
17	01/10/2019	STK-001576	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 6
18	01/10/2019	STK-001577	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 6
19	01/10/2019	STK-001578	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
20	01/10/2019	STK-001579	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
21	01/10/2019	STK-001580	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
22	01/10/2019	STK-001581	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
23	01/10/2019	STK-001582	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 8
24	01/10/2019	STK-001583	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 8
25	01/10/2019	STK-001584	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 8

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/10/2019	STK-001585	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 8
2	01/10/2019	STK-001586	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
3	01/10/2019	STK-001587	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
4	01/10/2019	STK-001588	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
5	01/10/2019	STK-001589	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
6	01/10/2019	STK-001590	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 10
7	01/10/2019	STK-001591	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 10
8	01/10/2019	STK-001592	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI NGHỆ THUẬT VÀ SÁNG TẠO TẬP 10
9	01/10/2019	STK-001593	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
10	01/10/2019	STK-001594	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
11	01/10/2019	STK-001595	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
12	01/10/2019	STK-001596	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
13	01/10/2019	STK-001597	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
14	01/10/2019	STK-001598	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
15	01/10/2019	STK-001599	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
16	01/10/2019	STK-001600	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA VŨ QUANG
17	01/10/2019	STK-001601	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ
18	01/10/2019	STK-001602	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ
19	01/10/2019	STK-001603	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM
20	01/10/2019	STK-001604	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM
21	01/10/2019	STK-001605	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO
22	01/10/2019	STK-001606	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO
23	01/10/2019	STK-001607	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO
24	01/10/2019	STK-001608	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
25	01/10/2019	STK-001609	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2004	9,000	7	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/10/2019	STK-001610	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
2	01/10/2019	STK-001611	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
3	01/10/2019	STK-001612	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
4	01/10/2019	STK-001613	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA PHÙ MÁT
5	01/10/2019	STK-001614	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA PHÙ MÁT
6	01/10/2019	STK-001615	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA PHÙ MÁT
7	01/10/2019	STK-001616	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA PHÙ MÁT
8	01/10/2019	STK-001617	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA PHÙ MÁT
9	01/10/2019	STK-001618	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
10	01/10/2019	STK-001619	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
11	01/10/2019	STK-001620	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
12	01/10/2019	STK-001621	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
13	01/10/2019	STK-001622	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
14	01/10/2019	STK-001623	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
15	01/10/2019	STK-001624	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
16	01/10/2019	STK-001625	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
17	01/10/2019	STK-001626	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
18	01/10/2019	STK-001627	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
19	01/10/2019	STK-001628	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
20	01/10/2019	STK-001629	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
21	01/10/2019	STK-001630	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
22	01/10/2019	STK-001631	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
23	01/10/2019	STK-001632	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
24	01/10/2019	STK-001633	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
25	01/10/2019	STK-001634	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2008	8,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/10/2019	STK-001635	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
2	01/10/2019	STK-001636	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
3	01/10/2019	STK-001637	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
4	01/10/2019	STK-001638	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
5	01/10/2019	STK-001639	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
6	01/10/2019	STK-001640	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
7	01/10/2019	STK-001641	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
8	01/10/2019	STK-001642	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
9	01/10/2019	STK-001643	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
10	01/10/2019	STK-001644	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
11	01/10/2019	STK-001645	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
12	01/10/2019	STK-001646	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
13	01/10/2019	STK-001647	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 1
14	01/10/2019	STK-001648	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 2
15	01/10/2019	STK-001649	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
16	01/10/2019	STK-001650	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
17	01/10/2019	STK-001651	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
18	01/10/2019	STK-001652	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
19	01/10/2019	STK-001653	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
20	01/10/2019	STK-001654	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
21	01/10/2019	STK-001655	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
22	01/10/2019	STK-001656	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
23	01/10/2019	STK-001657	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 4
24	01/10/2019	STK-001658	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 4
25	01/10/2019	STK-001659	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2011	27,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/10/2019	STK-001660	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 4
2	01/10/2019	STK-001661	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 5
3	01/10/2019	STK-001662	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 5
4	01/10/2019	STK-001663	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 5
5	01/10/2019	STK-001664	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 5
6	01/10/2019	STK-001665	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 5
7	01/10/2019	STK-001666	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 5
8	01/10/2019	STK-001667	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 5
9	01/10/2019	STK-001668	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
10	01/10/2019	STK-001669	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
11	01/10/2019	STK-001670	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
12	01/10/2019	STK-001671	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
13	01/10/2019	STK-001672	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
14	01/10/2019	STK-001673	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/1
15	01/10/2019	STK-001674	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
16	01/10/2019	STK-001675	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 1/2
17	01/10/2019	STK-001676	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 3/1
18	01/10/2019	STK-001677	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 3/1
19	01/10/2019	STK-001678	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 3/1
20	01/10/2019	STK-001679	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 3/2
21	01/10/2019	STK-001680	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 4/1
22	01/10/2019	STK-001681	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 4/2
23	01/10/2019	STK-001682	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 4/2
24	01/10/2019	STK-001683	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN 5/1
25	01/10/2019	STK-001684	VŨ VĂN DƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2010	24,000	371	2							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	2							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	2							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	2							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/10/2019	STK-001685	TRẦN THỊ PHÚ BÌNH - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 4/1
2	01/10/2019	STK-001686	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 1
3	02/10/2019	STK-001687	NGÔ THỊ KIM CÚC - THẢM CỎ TRÊN TRỜI
4	02/10/2019	STK-001688	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
5	02/10/2019	STK-001689	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
6	02/10/2019	STK-001690	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
7	02/10/2019	STK-001691	KHỔNG MINH DỤ - TRONG TIẾNG SÓNG BIỂN XA
8	02/10/2019	STK-001692	VŨ ĐẢM - MIỀN TRĂNG
9	02/10/2019	STK-001694	NGÔN VĨNH - BÊN KIA CỔNG TRỜI
10	02/10/2019	STK-001695	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
11	02/10/2019	STK-001696	VÂN LONG - CHUYỆN NHỎ TRONG RỪNG
12	02/10/2019	STK-001697	NGUYỄN QUÝ THAO - KHUNG CỬA CHỮ
13	02/10/2019	STK-001698	A-LẾCH-XAN-ĐRƠ BÊ-LA-I-EP - BỘT MÌ VĨNH CỬU
14	02/10/2019	STK-001699	LAN PHƯƠNG - TRUYỆN CỔ TÍCH VỀ TÊN CƯỚP
15	02/10/2019	STK-001700	LAN PHƯƠNG - TRUYỆN CỔ TÍCH VỀ TÊN CƯỚP
16	02/10/2019	STK-001701	NGUYỄN ĐỨC LINH - KIM THẦN KÊ
17	02/10/2019	STK-001702	CORNELLA FUNKE - KỴ SĨ RỒNG TẬP 1
18	02/10/2019	STK-001703	MÃ GIANG - GƯƠNG HIẾU THẢO CỦA NGƯỜI VIỆT
19	02/10/2019	STK-001704	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ VỀ CHÚ NGỰA ĐEN
20	02/10/2019	STK-001705	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ VỀ CHÚ NGỰA ĐEN
21	02/10/2019	STK-001706	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ VỀ CHÚ NGỰA ĐEN
22	02/10/2019	STK-001707	ANNA SEWELL - CHUYỆN KỂ VỀ CHÚ NGỰA ĐEN
23	02/10/2019	STK-001708	LEMONY SNICKET - SỰ KHỞI ĐẦU ĐẦY XUI XẺO
24	02/10/2019	STK-001709	LEMONY SNICKET - NHÀ NUÔI RẮN XẤU SỐ
25	02/10/2019	STK-001710	LEMONY SNICKET - BI KỊCH HỒ NỨC NỞ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	13,500	37	2							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	2							
Công an nhân dân	HN	1996	22,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	2							
Văn học	HN	1997	14,000	V23	2							
Thanh niên	HN	2008	24,000	V23	2							
Công an nhân dân	HN	1996	48,000	V13	2							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	2							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	V23	2							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	2							
Kim Đồng	HN	2005	11,500	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN17	2							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN17	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	V23	2							
Trẻ	TPHCM	2006	24,500	ĐN13	2							
Lao động	HN	2005	35,000	V13	2							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2009	28,000	ĐN13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/10/2019	STK-001711	LEMONY SNICKET - BI KỊCH HỒ NỨC NỞ
2	02/10/2019	STK-001712	LEMONY SNICKET - TRẠI CƯA HÃI HÙNG
3	02/10/2019	STK-001713	LEMONY SNICKET - TRẠI CƯA HÃI HÙNG
4	02/10/2019	STK-001714	EDMONDO DE AMICIS - TÂM HỒN CAO THƯỢNG
5	02/10/2019	STK-001715	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 15
6	02/10/2019	STK-001716	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 15
7	02/10/2019	STK-001717	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 15
8	02/10/2019	STK-001718	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 15
9	02/10/2019	STK-001719	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 16
10	02/10/2019	STK-001720	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 16
11	02/10/2019	STK-001721	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 16
12	02/10/2019	STK-001722	NGUYỄN HẠNH - BIG BANG NHỮNG TRÒ CHƠI SÁNG TẠO TẬP 16
13	02/10/2019	STK-001723	HỒNG YẾN - SỔ TAY DU LỊCH 3 MIỀN-MIỀN NAM
14	02/10/2019	STK-001724	HỒNG YẾN - SỔ TAY DU LỊCH 3 MIỀN-MIỀN TRUNG
15	02/10/2019	STK-001725	HỒNG YẾN - SỔ TAY DU LỊCH 3 MIỀN-MIỀN BẮC
16	02/10/2019	STK-001726	TRẦN ĐÌNH BA - DU LỊCH VIỆT NAM QUA Ô CHỮ
17	02/10/2019	STK-001727	TRẦN ĐÌNH BA - DU LỊCH VIỆT NAM QUA Ô CHỮ
18	03/10/2019	STN-000449	TIỂU VI THANH - BUBU THƯƠNG EM
19	03/10/2019	STN-000450	TIỂU VI THANH - BUBU THƯƠNG EM
20	03/10/2019	STN-000451	TIỂU VI THANH - BUBU THƯƠNG EM
21	03/10/2019	STN-000452	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU DŨNG CẢM
22	03/10/2019	STN-000453	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TRUNG THỰC
23	03/10/2019	STN-000454	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TRUNG THỰC
24	03/10/2019	STN-000455	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TRUNG THỰC
25	03/10/2019	STN-000456	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TRUNG THỰC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2009	28,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	ĐN13	2							
Hội nhà văn	HN	2016	60,000	ĐN13	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Lao động	HN	2009	52,000	91(V)	2							
Lao động	HN	2009	55,000	91(V)	2							
Lao động	HN	2009	65,000	91(V)	2							
Quân đội nhân dân	HN	2009	31,500	91(V)	2							
Quân đội nhân dân	HN	2009	31,500	91(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/10/2019	STN-000457	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XẢ RÁC
2	03/10/2019	STN-000458	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XẢ RÁC
3	03/10/2019	STN-000459	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XẢ RÁC
4	03/10/2019	STN-000460	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XẢ RÁC
5	03/10/2019	STN-000461	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGHỈ MÁT
6	03/10/2019	STN-000462	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGHỈ MÁT
7	03/10/2019	STN-000463	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÒ MÒ
8	03/10/2019	STN-000464	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÒ MÒ
9	03/10/2019	STN-000465	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CÓ EM
10	03/10/2019	STN-000466	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CÓ EM
11	03/10/2019	STN-000467	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CÓ EM
12	03/10/2019	STN-000468	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ÍCH KỶ
13	03/10/2019	STN-000469	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ÍCH KỶ
14	03/10/2019	STN-000470	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ÍCH KỶ
15	03/10/2019	STN-000471	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ÍCH KỶ
16	03/10/2019	STN-000472	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI XE ĐẠP
17	03/10/2019	STN-000473	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI XE ĐẠP
18	03/10/2019	STN-000474	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI XE ĐẠP
19	03/10/2019	STN-000475	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM HỌA SĨ
20	03/10/2019	STN-000476	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM HỌA SĨ
21	03/10/2019	STN-000477	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM HỌA SĨ
22	03/10/2019	STN-000478	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ BỆNH
23	03/10/2019	STN-000479	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ BỆNH
24	03/10/2019	STN-000480	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐỀN TRƯỜNG
25	03/10/2019	STN-000481	TIỂU VI THANH - BUBU TẬP TRỒNG CÂY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/10/2019	STN-000482	TIỂU VI THANH - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
2	03/10/2019	STN-000483	TIỂU VI THANH - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
3	03/10/2019	STN-000484	TIỂU VI THANH - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
4	03/10/2019	STN-000485	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI TRỐN TÌM
5	03/10/2019	STN-000486	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI LẠC
6	03/10/2019	STN-000487	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI LẠC
7	03/10/2019	STN-000488	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN
8	03/10/2019	STN-000489	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN
9	03/10/2019	STN-000490	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN
10	03/10/2019	STN-000491	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN
11	03/10/2019	STN-000492	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THAM ĂN
12	03/10/2019	STN-000493	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THAM ĂN
13	03/10/2019	STN-000494	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
14	03/10/2019	STN-000495	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NHỔ RĂNG
15	03/10/2019	STN-000496	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NHỔ RĂNG
16	03/10/2019	STN-000497	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI VỚI LỬA
17	03/10/2019	STN-000498	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI VỚI LỬA
18	03/10/2019	STN-000499	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH LÀM NGƯỜI LỚN
19	03/10/2019	STN-000500	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH LÀM NGƯỜI LỚN
20	03/10/2019	STN-000501	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THA THỨ
21	03/10/2019	STN-000502	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THA THỨ
22	03/10/2019	STN-000503	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XIN LỖI
23	03/10/2019	STN-000504	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH GIÀY MỚI
24	03/10/2019	STN-000505	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH GIÀY MỚI
25	03/10/2019	STN-000506	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG SINH NHẬT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/10/2019	STN-000507	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG SINH NHẬT
2	03/10/2019	STN-000508	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI CHƠI
3	03/10/2019	STN-000509	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI CHƠI
4	03/10/2019	STN-000510	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI CHƠI
5	03/10/2019	STN-000511	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TẬP LÀM BÁNH
6	03/10/2019	STN-000512	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TẬP LÀM BÁNH
7	03/10/2019	STN-000513	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ CẢM
8	03/10/2019	STN-000514	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ CẢM
9	03/10/2019	STN-000515	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG SẠCH SẼ
10	03/10/2019	STN-000516	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG SẠCH SẼ
11	03/10/2019	STN-000517	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHẬM CHẠP
12	03/10/2019	STN-000518	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHẬM CHẠP
13	03/10/2019	STN-000519	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỰC MÌNH
14	03/10/2019	STN-000520	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỰC MÌNH
15	03/10/2019	STN-000521	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁC BẠN
16	03/10/2019	STN-000522	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁC BẠN
17	03/10/2019	STN-000523	NHIỀU TÁC GIẢ - LỚP HỌC CỦA BUBU
18	03/10/2019	STN-000524	NHIỀU TÁC GIẢ - LỚP HỌC CỦA BUBU
19	03/10/2019	STN-000525	NHIỀU TÁC GIẢ - LỚP HỌC CỦA BUBU
20	03/10/2019	STN-000526	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TIA CHỚP
21	03/10/2019	STN-000527	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TIA CHỚP
22	03/10/2019	STN-000528	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐAU RĂNG
23	03/10/2019	STN-000529	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐAU RĂNG
24	03/10/2019	STN-000530	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐÁ BÓNG
25	03/10/2019	STN-000531	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐÁ BÓNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/10/2019	STN-000532	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG Ý TỨ
2	03/10/2019	STN-000533	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG Ý TỨ
3	03/10/2019	STN-000534	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG GIÁNG SINH
4	03/10/2019	STN-000535	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG GIÁNG SINH
5	03/10/2019	STN-000536	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁI GỐI GHIỀN
6	03/10/2019	STN-000537	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIÚP MẸ
7	03/10/2019	STN-000538	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIÚP MẸ
8	03/10/2019	STN-000539	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NÓI DỐI
9	03/10/2019	STN-000540	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NÓI DỐI
10	03/10/2019	STN-000541	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NGĂN NẮP
11	03/10/2019	STN-000542	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NGĂN NẮP
12	03/10/2019	STN-000543	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GANH TỊ
13	03/10/2019	STN-000544	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GANH TỊ
14	03/10/2019	STN-000545	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIẬN HỜN
15	03/10/2019	STN-000546	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIẬN HỜN
16	03/10/2019	STN-000547	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NHẬN LỖI
17	03/10/2019	STN-000548	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NHẬN LỖI
18	03/10/2019	STN-000549	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM THÁM TỬ
19	03/10/2019	STN-000550	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH ĂN KẸO
20	03/10/2019	STN-000551	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VỀ QUÊ
21	03/10/2019	STN-000552	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI TỰU TRƯỜNG
22	03/10/2019	STN-000553	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI TỰU TRƯỜNG
23	03/10/2019	STN-000554	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI SỞ THÚ
24	03/10/2019	STN-000555	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI SỞ THÚ
25	03/10/2019	STN-000556	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VẼ TRANH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/10/2019	STN-000557	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI BƠI
2	03/10/2019	STN-000558	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI BƠI
3	03/10/2019	STN-000559	NHẬT TÂN - CHUỘT NHẮT LƯỜI HỌC
4	03/10/2019	STN-000560	NHẬT TÂN - CHUỘT NHẮT LƯỜI HỌC
5	03/10/2019	STN-000561	NHẬT TÂN - CHUỘT NHẮT LƯỜI HỌC
6	14/10/2019	STN-000562	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 1
7	14/10/2019	STN-000563	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 1
8	14/10/2019	STN-000564	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 2
9	14/10/2019	STN-000565	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 3
10	14/10/2019	STN-000566	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 4
11	14/10/2019	STN-000567	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 4
12	14/10/2019	STN-000568	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 5
13	14/10/2019	STN-000569	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 5
14	14/10/2019	STN-000570	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 5
15	14/10/2019	STN-000571	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 6
16	14/10/2019	STN-000572	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 6
17	14/10/2019	STN-000573	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 7
18	14/10/2019	STN-000574	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 7
19	14/10/2019	STN-000575	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 8
20	14/10/2019	STN-000576	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 8
21	14/10/2019	STN-000577	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 9
22	14/10/2019	STN-000578	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 9
23	14/10/2019	STN-000579	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 9
24	14/10/2019	STN-000580	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 9
25	14/10/2019	STN-000581	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 10

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/10/2019	STN-000582	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 10
2	14/10/2019	STN-000583	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 11
3	14/10/2019	STN-000584	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 13
4	14/10/2019	STN-000585	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 13
5	14/10/2019	STN-000586	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 13
6	14/10/2019	STN-000587	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 14
7	14/10/2019	STN-000588	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 14
8	14/10/2019	STN-000589	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 14
9	14/10/2019	STN-000590	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 14
10	14/10/2019	STN-000591	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 16
11	14/10/2019	STN-000592	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 17
12	14/10/2019	STN-000593	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 17
13	14/10/2019	STN-000594	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 18
14	14/10/2019	STN-000595	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 18
15	14/10/2019	STN-000596	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 18
16	14/10/2019	STN-000597	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 20
17	14/10/2019	STN-000598	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 20
18	14/10/2019	STN-000599	LAN CHI - MẸ TỚ THẬT HOÀN HẢO BỞI VÌ…
19	14/10/2019	STN-000600	LAN CHI - HAI MẸ CON TỚ Ở SẢNH CHỜ PHÒNG KHÁM
20	14/10/2019	STN-000601	LAN CHI - HAI MẸ CON TỚ Ở SẢNH CHỜ PHÒNG KHÁM
21	14/10/2019	STN-000602	LAN CHI - HAI MẸ CON TỚ Ở SẢNH CHỜ PHÒNG KHÁM
22	14/10/2019	STN-000603	LAN CHI - NGÔI NHÀ ĐƠN SƠ CỦA GIA ĐÌNH TỚ
23	14/10/2019	STN-000604	LAN CHI - NGÔI NHÀ ĐƠN SƠ CỦA GIA ĐÌNH TỚ
24	14/10/2019	STN-000605	LAN CHI - NGÔI NHÀ ĐƠN SƠ CỦA GIA ĐÌNH TỚ
25	14/10/2019	STN-000606	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI THỢ ĐAN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/10/2019	STN-000607	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI THỢ ĐAN
2	14/10/2019	STN-000608	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI THỢ ĐAN
3	14/10/2019	STN-000609	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI THỢ ĐAN
4	14/10/2019	STN-000610	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI BÁN HOA
5	14/10/2019	STN-000611	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI BÁN HOA
6	14/10/2019	STN-000612	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI BÁN HOA
7	14/10/2019	STN-000613	LAN CHI - CON GÁI NGƯỜI BÁN HOA
8	14/10/2019	STN-000614	LAN CHI - NHỮNG THỨ MẸ CHO TỚ
9	14/10/2019	STN-000615	LAN CHI - NHỮNG THỨ MẸ CHO TỚ
10	14/10/2019	STN-000616	LAN CHI - NHỮNG THỨ MẸ CHO TỚ
11	14/10/2019	STN-000617	LAN CHI - NHỮNG THỨ MẸ CHO TỚ
12	15/10/2019	STK-001728	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 1
13	15/10/2019	STK-001729	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 1
14	15/10/2019	STK-001730	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 1
15	15/10/2019	STK-001731	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 1
16	15/10/2019	STK-001732	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 2
17	15/10/2019	STK-001733	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 2
18	15/10/2019	STK-001734	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 2
19	15/10/2019	STK-001735	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 TẬP 2
20	15/10/2019	STK-001736	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 1
21	15/10/2019	STK-001737	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 1
22	15/10/2019	STK-001738	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 1
23	15/10/2019	STK-001739	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 1
24	15/10/2019	STK-001740	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 2
25	15/10/2019	STK-001741	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/10/2019	STK-001742	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 2
2	15/10/2019	STK-001743	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 2 TẬP 2
3	15/10/2019	STK-001744	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 1
4	15/10/2019	STK-001745	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 1
5	15/10/2019	STK-001746	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 1
6	15/10/2019	STK-001747	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 1
7	15/10/2019	STK-001748	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 2
8	15/10/2019	STK-001749	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 2
9	15/10/2019	STK-001750	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 2
10	15/10/2019	STK-001751	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3 TẬP 2
11	15/10/2019	STK-001752	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 1
12	15/10/2019	STK-001753	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 1
13	15/10/2019	STK-001754	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 1
14	15/10/2019	STK-001755	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 1
15	15/10/2019	STK-001756	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 2
16	15/10/2019	STK-001757	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 2
17	15/10/2019	STK-001758	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 2
18	15/10/2019	STK-001759	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TẬP 2
19	15/10/2019	STK-001760	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 1
20	15/10/2019	STK-001761	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 1
21	15/10/2019	STK-001762	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 1
22	15/10/2019	STK-001763	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 1
23	15/10/2019	STK-001764	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 2
24	15/10/2019	STK-001765	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 2
25	15/10/2019	STK-001766	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/10/2019	STK-001767	NGUYỄN HỮU TÂM - CÙNG EM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 5 TẬP 2
2	15/10/2019	STK-001768	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
3	15/10/2019	STK-001769	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
4	15/10/2019	STK-001770	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
5	15/10/2019	STK-001771	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
6	15/10/2019	STK-001772	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
7	15/10/2019	STK-001773	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
8	15/10/2019	STK-001774	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
9	15/10/2019	STK-001775	NGUYỄN QUANG VINH - CÙNG EM TÌM HIỂU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG TPHCM
10	15/10/2019	STN-000618	HẠ AN - ĐỂ LỚP HỌC KHÔNG LUỘM THUỘM
11	15/10/2019	STN-000619	HẠ AN - ĐỂ LỚP HỌC KHÔNG LUỘM THUỘM
12	15/10/2019	STN-000620	HẠ AN - ĐỂ LỚP HỌC KHÔNG LUỘM THUỘM
13	15/10/2019	STN-000621	HẠ AN - ĐỂ LỚP HỌC KHÔNG LUỘM THUỘM
14	15/10/2019	STN-000622	HẠ AN - ĐỂ LỚP HỌC KHÔNG LUỘM THUỘM
15	15/10/2019	STN-000623	VĨNH AN - TỰ LẬP MỘT DOANH NGHIỆP
16	15/10/2019	STN-000624	VĨNH AN - TỰ LẬP MỘT DOANH NGHIỆP
17	15/10/2019	STN-000625	VĨNH AN - TỰ LẬP MỘT DOANH NGHIỆP
18	15/10/2019	STN-000626	VĨNH AN - TỰ LẬP MỘT DOANH NGHIỆP
19	15/10/2019	STN-000627	VĨNH AN - TỰ LẬP MỘT DOANH NGHIỆP
20	15/10/2019	STN-000628	VĨNH AN - CHIẾN DỊCH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
21	15/10/2019	STN-000629	HẠ AN - NẾU MÌNH LÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN
22	15/10/2019	STN-000630	HẠ AN - NẾU MÌNH LÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN
23	15/10/2019	STN-000631	HẠ AN - NẾU MÌNH LÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN
24	15/10/2019	STN-000632	HẠ AN - NẾU MÌNH LÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN
25	15/10/2019	STN-000633	HẠ AN - NẾU MÌNH LÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	22,000	37	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	9(V)	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	9(V)	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	9(V)	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	9(V)	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	91(V)	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	91(V)	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	91(V)	2							
Giáo dục	HN	2018	32,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/10/2019	STN-000634	HẠ AN - DỌN DẸP PHÒNG CỦA MÌNH
2	15/10/2019	STN-000635	HẠ AN - DỌN DẸP PHÒNG CỦA MÌNH
3	15/10/2019	STN-000636	HẠ AN - DỌN DẸP PHÒNG CỦA MÌNH
4	15/10/2019	STN-000637	HẠ AN - DỌN DẸP PHÒNG CỦA MÌNH
5	15/10/2019	STN-000638	HẠ AN - DỌN DẸP PHÒNG CỦA MÌNH
6	15/10/2019	STN-000639	VĨNH AN - PHÂN BIỆT NHU CẦU VÀ HAM MUỐN
7	15/10/2019	STN-000640	VĨNH AN - PHÂN BIỆT NHU CẦU VÀ HAM MUỐN
8	15/10/2019	STN-000641	VĨNH AN - PHÂN BIỆT NHU CẦU VÀ HAM MUỐN
9	15/10/2019	STN-000642	VĨNH AN - PHÂN BIỆT NHU CẦU VÀ HAM MUỐN
10	15/10/2019	STN-000643	VĨNH AN - PHÂN BIỆT NHU CẦU VÀ HAM MUỐN
11	15/10/2019	STN-000644	HẠ AN - VÌ SAO PHẢI TUÂN THEO LUẬT LỆ
12	15/10/2019	STN-000645	HẠ AN - VÌ SAO PHẢI TUÂN THEO LUẬT LỆ
13	15/10/2019	STN-000646	HẠ AN - VÌ SAO PHẢI TUÂN THEO LUẬT LỆ
14	15/10/2019	STN-000647	VĨNH AN - THẾ NÀO LÀ CỔ VẬT
15	15/10/2019	STN-000648	VĨNH AN - THẾ NÀO LÀ CỔ VẬT
16	15/10/2019	STN-000649	VĨNH AN - THẾ NÀO LÀ CỔ VẬT
17	15/10/2019	STN-000650	VĨNH AN - THẾ NÀO LÀ CỔ VẬT
18	15/10/2019	STN-000651	VĨNH AN - THẾ NÀO LÀ CỔ VẬT
19	15/10/2019	STN-000652	VĨNH AN - PHIÊN TÒA HỌC SINH
20	15/10/2019	STN-000653	VĨNH AN - PHIÊN TÒA HỌC SINH
21	15/10/2019	STN-000654	VĨNH AN - PHIÊN TÒA HỌC SINH
22	15/10/2019	STN-000655	VĨNH AN - PHIÊN TÒA HỌC SINH
23	15/10/2019	STN-000656	VĨNH AN - PHIÊN TÒA HỌC SINH
24	15/10/2019	STN-000657	HẠ AN - MÌNH THẬT GIỎI GIANG
25	15/10/2019	STN-000658	HẠ AN - MÌNH THẬT GIỎI GIANG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/10/2019	STN-000659	HẠ AN - MÌNH THẬT GIỎI GIANG
2	15/10/2019	STN-000660	HẠ AN - MÌNH THẬT GIỎI GIANG
3	15/10/2019	STN-000661	HẠ AN - MÌNH THẬT GIỎI GIANG
4	15/10/2019	STN-000662	MẠNH TÂM - KHÍ KHÁI NGUYỄN CÔNG CƠ
5	15/10/2019	STN-000663	MẠNH TÂM - KHÍ KHÁI NGUYỄN CÔNG CƠ
6	15/10/2019	STN-000664	MẠNH TÂM - KHÍ KHÁI NGUYỄN CÔNG CƠ
7	15/10/2019	STN-000665	MẠNH TÂM - KHÍ KHÁI NGUYỄN CÔNG CƠ
8	15/10/2019	STN-000666	MẠNH TÂM - VÌ SAO DÒNG HỌ NGUYỄN Ở HUYỆN ĐÔNG NGÀN ĐẠI PHÁT DANH NHO
9	15/10/2019	STN-000667	MẠNH TÂM - VÌ SAO DÒNG HỌ NGUYỄN Ở HUYỆN ĐÔNG NGÀN ĐẠI PHÁT DANH NHO
10	15/10/2019	STN-000668	MẠNH TÂM - LỜI CỦA QUAN TIỀN DOANH THỐNG CHẾ NGUYỄN VĂN TRÍ
11	15/10/2019	STN-000669	MẠNH TÂM - LỜI CỦA QUAN TIỀN DOANH THỐNG CHẾ NGUYỄN VĂN TRÍ
12	15/10/2019	STN-000670	MẠNH TÂM - LỜI CỦA QUAN TIỀN DOANH THỐNG CHẾ NGUYỄN VĂN TRÍ
13	15/10/2019	STN-000671	MẠNH TÂM - LÒNG CƯƠNG TRỰC VÀ ĐỨC THANH LIÊM CỦA PHẠM HỮU KÍNH
14	15/10/2019	STN-000672	MẠNH TÂM - LÒNG CƯƠNG TRỰC VÀ ĐỨC THANH LIÊM CỦA PHẠM HỮU KÍNH
15	15/10/2019	STN-000673	MẠNH TÂM - TRẠNG NGUYÊN LƯƠNG THẾ VINH
16	15/10/2019	STN-000674	MẠNH TÂM - TÀI ỨNG ĐỐI CỦA MẠC ĐĨNH CHI
17	15/10/2019	STN-000675	MẠNH TÂM - TÀI ỨNG ĐỐI CỦA MẠC ĐĨNH CHI
18	15/10/2019	STN-000676	MẠNH TÂM - TÀI ỨNG ĐỐI CỦA MẠC ĐĨNH CHI
19	15/10/2019	STN-000677	MẠNH TÂM - GIAI THOẠI VỀ TÀI LÀM CÂU ĐỐI TẾT CỦA VUA LÊ THÁNH TÔNG
20	15/10/2019	STN-000678	MẠNH TÂM - GIAI THOẠI VỀ TÀI LÀM CÂU ĐỐI TẾT CỦA VUA LÊ THÁNH TÔNG
21	15/10/2019	STN-000679	MẠNH TÂM - VỤ ÁN TRẦN VĂN AN
22	15/10/2019	STN-000680	MẠNH TÂM - VỤ ÁN TRẦN VĂN AN
23	15/10/2019	STN-000681	MẠNH TÂM - TUỔI TRẺ CỦA LÊ THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ
24	15/10/2019	STN-000682	MẠNH TÂM - TUỔI TRẺ CỦA LÊ THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ
25	15/10/2019	STN-000683	MẠNH TÂM - VŨ TUẤN CHIÊU NHỜ VỢ MÀ ĐỖ TRẠNG NGUYÊN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/10/2019	STN-000684	MẠNH TÂM - VŨ TUẤN CHIÊU NHỜ VỢ MÀ ĐỖ TRẠNG NGUYÊN
2	15/10/2019	STN-000685	PHƯƠNG THẢO - TUỔI THANH XUÂN CỦA DANH TƯỚNG TRỊNH KHẢ
3	15/10/2019	STN-000686	PHƯƠNG THẢO - TUỔI THANH XUÂN CỦA DANH TƯỚNG TRỊNH KHẢ
4	15/10/2019	STN-000687	TRẦN NGỌC - NGƯỜI VỢ THÔNG MINH
5	15/10/2019	STN-000688	HỒNG HÀ - NÀNG CÔNG CHÚA BÁN THAN
6	15/10/2019	STN-000689	HỒNG HÀ - NGÔI ĐỀN GIỮA BIỂN
7	15/10/2019	STN-000690	THỤY ANH - TIẾNG SÁO THẦN KÌ
8	15/10/2019	STN-000691	THẢO HƯƠNG - CON CHIM KHÁCH MẦU NHIỆM
9	15/10/2019	STN-000692	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ BA CON YÊU TINH
10	15/10/2019	STN-000693	TÔ HOÀI - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
11	15/10/2019	STN-000694	TÔ HOÀI - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
12	15/10/2019	STN-000695	LÊ THANH NGA - ÔNG QUAN THÔNG MINH
13	15/10/2019	STN-000696	LÊ THANH NGA - ÔNG QUAN THÔNG MINH
14	15/10/2019	STN-000697	HỒNG HÀ - BÓ CỦI BIẾT BAY
15	15/10/2019	STN-000698	HỒNG HÀ - BÓ CỦI BIẾT BAY
16	15/10/2019	STN-000699	LÊ THANH NGA - NÀNG TIÊN HỒ
17	15/10/2019	STN-000700	LÊ THANH NGA - NÀNG TIÊN HỒ
18	15/10/2019	STN-000701	THỤY ANH - CÁI TRỐNG BIẾT NÓI
19	15/10/2019	STN-000702	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
20	15/10/2019	STN-000703	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
21	15/10/2019	STN-000704	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
22	15/10/2019	STN-000705	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
23	15/10/2019	STN-000706	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
24	15/10/2019	STN-000707	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
25	15/10/2019	STN-000708	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/10/2019	STN-000709	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
2	15/10/2019	STN-000710	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE LIVE ANIMAL BOOK
3	15/10/2019	STN-000711	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
4	15/10/2019	STN-000712	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
5	15/10/2019	STN-000713	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
6	15/10/2019	STN-000714	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
7	15/10/2019	STN-000715	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
8	15/10/2019	STN-000716	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
9	15/10/2019	STN-000717	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
10	15/10/2019	STN-000718	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
11	15/10/2019	STN-000719	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
12	15/10/2019	STN-000720	SHINTARO MUGIWARA - CHƠI CÙNG CHỮ CÁI
13	15/10/2019	STN-000721	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE MAGIC SEEDS
14	15/10/2019	STN-000722	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE MAGIC SEEDS
15	15/10/2019	STN-000723	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE MAGIC SEEDS
16	15/10/2019	STN-000724	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE MAGIC SEEDS
17	15/10/2019	STN-000725	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE MAGIC SEEDS
18	15/10/2019	STN-000726	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE MAGIC SEEDS
19	15/10/2019	STN-000727	MITSUE ALLEN-TAMAI - THE MAGIC SEEDS
20	15/10/2019	STN-000728	VÕ QUẢNG - AI DẬY SỚM
21	15/10/2019	STN-000729	VÕ QUẢNG - AI DẬY SỚM
22	15/10/2019	STN-000730	HOÀNG HIẾU NHÂN - QUẢ ĐỊA CẦU
23	15/10/2019	STN-000731	HOÀNG HIẾU NHÂN - QUẢ ĐỊA CẦU
24	15/10/2019	STN-000732	PHAN THỊ THANH NHÀN - CON MUỐN MẶC ÁO ĐỎ ĐI CHƠI
25	15/10/2019	STN-000733	PHAN THỊ THANH NHÀN - CON MUỐN MẶC ÁO ĐỎ ĐI CHƠI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/10/2019	STN-000734	ĐỊNH HẢI - BÀI CA TRÁI ĐẤT
2	15/10/2019	STN-000735	ĐỊNH HẢI - BÀI CA TRÁI ĐẤT
3	15/10/2019	STN-000736	CAO XUÂN SƠN - HỎI LÁ HỎI HOA
4	21/10/2019	SNV-000601	LÊ PHƯƠNG NGA - DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
5	21/10/2019	SNV-000602	LÊ PHƯƠNG NGA - DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
6	21/10/2019	SNV-000603	LÊ PHƯƠNG NGA - DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
7	21/10/2019	SNV-000604	LÊ PHƯƠNG NGA - DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
8	21/10/2019	SNV-000605	LÊ PHƯƠNG NGA - DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
9	21/10/2019	SNV-000606	LÊ PHƯƠNG NGA - DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
10	21/10/2019	SNV-000607	VŨ QUỐC CHUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
11	21/10/2019	SNV-000608	VŨ QUỐC CHUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
12	21/10/2019	SNV-000609	VŨ QUỐC CHUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
13	21/10/2019	SNV-000610	VŨ QUỐC CHUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
14	21/10/2019	SNV-000611	VŨ QUỐC CHUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
15	21/10/2019	SNV-000612	VŨ QUỐC CHUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
16	21/10/2019	SNV-000613	NGUYỄN THỊ THẮN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
17	21/10/2019	SNV-000614	NGUYỄN THỊ THẮN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
18	21/10/2019	SNV-000615	NGUYỄN THỊ THẮN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
19	21/10/2019	SNV-000616	NGUYỄN THỊ THẮN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
20	21/10/2019	SNV-000617	NGUYỄN THỊ THẮN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
21	21/10/2019	SNV-000618	NGUYỄN THỊ THẮN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
22	21/10/2019	SNV-000619	NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
23	21/10/2019	SNV-000620	NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
24	21/10/2019	SNV-000621	NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
25	21/10/2019	SNV-000622	NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	20,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2017	20,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	4(V)(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	4(V)(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	4(V)(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	4(V)(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	4(V)(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	4(V)(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	4(V)(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	50,000	51(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	50,000	51(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	50,000	51(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	50,000	51(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	50,000	51(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	50,000	51(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	5(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	5(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	5(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	5(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	5(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	5(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	371.011(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	371.011(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	371.011(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	371.011(07)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/10/2019	SNV-000623	NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
2	21/10/2019	SNV-000624	NGUYỄN THỊ VÂN HƯƠNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
3	21/10/2019	SNV-000625	BẠCH NGỌC DIỆP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
4	21/10/2019	SNV-000626	BẠCH NGỌC DIỆP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
5	21/10/2019	SNV-000627	BẠCH NGỌC DIỆP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
6	21/10/2019	SNV-000628	BẠCH NGỌC DIỆP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
7	21/10/2019	SNV-000629	BẠCH NGỌC DIỆP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
8	21/10/2019	SNV-000630	BẠCH NGỌC DIỆP - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
9	21/10/2019	SNV-000631	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
10	21/10/2019	SNV-000632	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
11	21/10/2019	SNV-000633	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
12	21/10/2019	SNV-000634	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
13	21/10/2019	SNV-000635	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
14	21/10/2019	SNV-000636	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ÂM NHẠC LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
15	21/10/2019	SNV-000637	PHẠM ĐÔNG ĐỨC - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
16	21/10/2019	SNV-000638	PHẠM ĐÔNG ĐỨC - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
17	21/10/2019	SNV-000639	PHẠM ĐÔNG ĐỨC - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
18	21/10/2019	SNV-000640	PHẠM ĐÔNG ĐỨC - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
19	21/10/2019	SNV-000641	PHẠM ĐÔNG ĐỨC - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
20	21/10/2019	SNV-000642	PHẠM ĐÔNG ĐỨC - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
21	21/10/2019	SNV-000643	PHÓ ĐỨC HÒA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
22	21/10/2019	SNV-000644	PHÓ ĐỨC HÒA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
23	21/10/2019	SNV-000645	PHÓ ĐỨC HÒA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
24	21/10/2019	SNV-000646	PHÓ ĐỨC HÒA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
25	21/10/2019	SNV-000647	PHÓ ĐỨC HÒA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	371.011(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	371.011(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	30,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	30,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	30,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	30,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	30,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	30,000	7(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7A(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7A(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7A(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7A(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	7A(07)	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/10/2019	SNV-000648	PHÓ ĐỨC HÒA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 1 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
2	21/10/2019	STK-001776	ĐỖ NGỌC THỐNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
3	21/10/2019	STK-001777	ĐỖ NGỌC THỐNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
4	21/10/2019	STK-001778	ĐỖ NGỌC THỐNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
5	21/10/2019	STK-001779	ĐỖ NGỌC THỐNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
6	21/10/2019	STK-001780	ĐỖ NGỌC THỐNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
7	21/10/2019	STK-001781	ĐỖ NGỌC THỐNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
8	21/10/2019	STK-001782	ĐỖ ĐỨC THÁI - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
9	21/10/2019	STK-001783	ĐỖ ĐỨC THÁI - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
10	21/10/2019	STK-001784	ĐỖ ĐỨC THÁI - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
11	21/10/2019	STK-001785	ĐỖ ĐỨC THÁI - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
12	21/10/2019	STK-001786	ĐỖ ĐỨC THÁI - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
13	21/10/2019	STK-001787	ĐỖ ĐỨC THÁI - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TOÁN TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
14	21/10/2019	STK-001788	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
15	21/10/2019	STK-001789	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
16	21/10/2019	STK-001790	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
17	21/10/2019	STK-001791	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
18	21/10/2019	STK-001792	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
19	21/10/2019	STK-001793	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
20	21/10/2019	STK-001794	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
21	21/10/2019	STK-001795	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
22	21/10/2019	STK-001796	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
23	21/10/2019	STK-001797	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
24	21/10/2019	STK-001798	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
25	21/10/2019	STK-001799	MAI SỸ TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2019	40,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/10/2019	STK-001800	PHẠM HỒNG TUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
2	21/10/2019	STK-001801	PHẠM HỒNG TUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
3	21/10/2019	STK-001802	PHẠM HỒNG TUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
4	21/10/2019	STK-001803	PHẠM HỒNG TUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
5	21/10/2019	STK-001804	PHẠM HỒNG TUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
6	21/10/2019	STK-001805	PHẠM HỒNG TUNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
7	21/10/2019	STK-001806	ĐÀO ĐỨC DOÃN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
8	21/10/2019	STK-001807	ĐÀO ĐỨC DOÃN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
9	21/10/2019	STK-001808	ĐÀO ĐỨC DOÃN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
10	21/10/2019	STK-001809	ĐÀO ĐỨC DOÃN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
11	21/10/2019	STK-001810	ĐÀO ĐỨC DOÃN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
12	21/10/2019	STK-001811	ĐÀO ĐỨC DOÃN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
13	21/10/2019	STK-001812	NGUYỄN THỊ ĐÔNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN MĨ
14	21/10/2019	STK-001813	NGUYỄN THỊ ĐÔNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN MĨ
15	21/10/2019	STK-001814	NGUYỄN THỊ ĐÔNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN MĨ
16	21/10/2019	STK-001815	NGUYỄN THỊ ĐÔNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN MĨ
17	21/10/2019	STK-001816	NGUYỄN THỊ ĐÔNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN MĨ
18	21/10/2019	STK-001817	NGUYỄN THỊ ĐÔNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN MĨ
19	21/10/2019	STK-001818	LÊ ANH TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN ÂM NHẠC
20	21/10/2019	STK-001819	LÊ ANH TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN ÂM NHẠC
21	21/10/2019	STK-001820	LÊ ANH TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN ÂM NHẠC
22	21/10/2019	STK-001821	LÊ ANH TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN ÂM NHẠC
23	21/10/2019	STK-001822	LÊ ANH TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN ÂM NHẠC
24	21/10/2019	STK-001823	LÊ ANH TUẤN - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN NGHỆ THUẬT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN ÂM NHẠC
25	21/10/2019	STK-001824	HỒ CẨM HÀ - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN TIN HỌC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2019	70,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	70,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	70,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	70,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	70,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	70,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	75,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/10/2019	STK-001825	HỒ CẨM HÀ - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN TIN HỌC
2	21/10/2019	STK-001826	HỒ CẨM HÀ - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN TIN HỌC
3	21/10/2019	STK-001827	HỒ CẨM HÀ - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN TIN HỌC
4	21/10/2019	STK-001828	HỒ CẨM HÀ - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN TIN HỌC
5	21/10/2019	STK-001829	HỒ CẨM HÀ - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN TIN HỌC
6	21/10/2019	STK-001830	LÊ HUY HOÀNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN CÔNG
7	21/10/2019	STK-001831	LÊ HUY HOÀNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN CÔNG
8	21/10/2019	STK-001832	LÊ HUY HOÀNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN CÔNG
9	21/10/2019	STK-001833	LÊ HUY HOÀNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN CÔNG
10	21/10/2019	STK-001834	LÊ HUY HOÀNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN CÔNG
11	21/10/2019	STK-001835	LÊ HUY HOÀNG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN TIN HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI PHẦN CÔNG
12	21/10/2019	STK-001836	ĐẶNG NGỌC QUANG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
13	21/10/2019	STK-001837	ĐẶNG NGỌC QUANG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
14	21/10/2019	STK-001838	ĐẶNG NGỌC QUANG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
15	21/10/2019	STK-001839	ĐẶNG NGỌC QUANG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
16	21/10/2019	STK-001840	ĐẶNG NGỌC QUANG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
17	21/10/2019	STK-001841	ĐẶNG NGỌC QUANG - HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TIỂU HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
18	21/10/2019	STK-001842	ĐINH THỊ KIM THOA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
19	21/10/2019	STK-001843	ĐINH THỊ KIM THOA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
20	21/10/2019	STK-001844	ĐINH THỊ KIM THOA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
21	21/10/2019	STK-001845	ĐINH THỊ KIM THOA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
22	21/10/2019	STK-001846	ĐINH THỊ KIM THOA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
23	21/10/2019	STK-001847	ĐINH THỊ KIM THOA - HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI
24	21/10/2019	STK-001848	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI ĐÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI QUYỂN 1
25	21/10/2019	STK-001849	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI ĐÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI QUYỂN 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	60,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	65,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	85,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	85,000	37	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/10/2019	STK-001850	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI ĐÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI QUYỂN 1
2	21/10/2019	STK-001851	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI ĐÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI QUYỂN 1
3	21/10/2019	STK-001852	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI ĐÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI QUYỂN 1
4	21/10/2019	STK-001853	NGUYỄN MINH THUYẾT - HỎI ĐÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI QUYỂN 1
5	21/10/2019	STK-001854	ĐỖ XUÂN THẢO - CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC
6	21/10/2019	STK-001855	ĐỖ XUÂN THẢO - CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC
7	21/10/2019	STK-001856	ĐỖ XUÂN THẢO - CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC
8	21/10/2019	STK-001857	ĐỖ XUÂN THẢO - CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC
9	21/10/2019	STK-001858	ĐỖ XUÂN THẢO - CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC
10	21/10/2019	STK-001859	ĐỖ XUÂN THẢO - CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TIỂU HỌC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC
11	23/10/2019	STN-000737	TRỊNH HÀ GIANG - CHÚ PHI CÔNG
12	23/10/2019	STN-000738	TRỊNH HÀ GIANG - CHÚ PHI CÔNG
13	23/10/2019	STN-000739	TRỊNH HÀ GIANG - CHÚ PHI CÔNG
14	23/10/2019	STN-000740	TRỊNH HÀ GIANG - CHÚ PHI CÔNG
15	23/10/2019	STN-000741	TRỊNH HÀ GIANG - CHÚ PHI CÔNG
16	23/10/2019	STN-000742	CỎ 4 LÁ - ANH KIẾN TRÚC SƯ
17	23/10/2019	STN-000743	CỎ 4 LÁ - ANH KIẾN TRÚC SƯ
18	23/10/2019	STN-000744	CỎ 4 LÁ - ANH KIẾN TRÚC SƯ
19	23/10/2019	STN-000745	CỎ 4 LÁ - ANH KIẾN TRÚC SƯ
20	23/10/2019	STN-000746	CỎ 4 LÁ - ANH KIẾN TRÚC SƯ
21	23/10/2019	STN-000747	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - XƯỞNG PHIM HOẠT HÌNH
22	23/10/2019	STN-000748	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - XƯỞNG PHIM HOẠT HÌNH
23	23/10/2019	STN-000749	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - XƯỞNG PHIM HOẠT HÌNH
24	23/10/2019	STN-000750	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - XƯỞNG PHIM HOẠT HÌNH
25	23/10/2019	STN-000751	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - XƯỞNG PHIM HOẠT HÌNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2019	85,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	85,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	85,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	85,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	55,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	55,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	55,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	55,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	55,000	37	2							
Đại học sư phạm	HN	2019	55,000	37	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/10/2019	STN-000752	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HỌA SĨ MINH HỌA
2	23/10/2019	STN-000753	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HỌA SĨ MINH HỌA
3	23/10/2019	STN-000754	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HỌA SĨ MINH HỌA
4	23/10/2019	STN-000755	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HỌA SĨ MINH HỌA
5	23/10/2019	STN-000756	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HỌA SĨ MINH HỌA
6	23/10/2019	STN-000757	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ CÔNG NHÂN VỆ SINH ĐƯỜNG PHỐ
7	23/10/2019	STN-000758	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ CÔNG NHÂN VỆ SINH ĐƯỜNG PHỐ
8	23/10/2019	STN-000759	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ CÔNG NHÂN VỆ SINH ĐƯỜNG PHỐ
9	23/10/2019	STN-000760	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ CÔNG NHÂN VỆ SINH ĐƯỜNG PHỐ
10	23/10/2019	STN-000761	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ CÔNG NHÂN VỆ SINH ĐƯỜNG PHỐ
11	23/10/2019	STN-000762	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC CHỦ TIỆM KEM
12	23/10/2019	STN-000763	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC CHỦ TIỆM KEM
13	23/10/2019	STN-000764	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC CHỦ TIỆM KEM
14	23/10/2019	STN-000765	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC CHỦ TIỆM KEM
15	23/10/2019	STN-000766	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC CHỦ TIỆM KEM
16	23/10/2019	STN-000767	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ THỢ ĐIỆN
17	23/10/2019	STN-000768	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ THỢ ĐIỆN
18	23/10/2019	STN-000769	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ THỢ ĐIỆN
19	23/10/2019	STN-000770	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ THỢ ĐIỆN
20	23/10/2019	STN-000771	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ THỢ ĐIỆN
21	23/10/2019	STN-000772	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGHỆ SĨ XIẾC
22	23/10/2019	STN-000773	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGHỆ SĨ XIẾC
23	23/10/2019	STN-000774	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGHỆ SĨ XIẾC
24	23/10/2019	STN-000775	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ BÁC SĨ THÚ Y
25	23/10/2019	STN-000776	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ BÁC SĨ THÚ Y

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/10/2019	STN-000777	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ BÁC SĨ THÚ Y
2	23/10/2019	STN-000778	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ BÁC SĨ THÚ Y
3	23/10/2019	STN-000779	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ BÁC SĨ THÚ Y
4	23/10/2019	STN-000780	CỎ 4 LÁ - CHÚ THUYỀN TRƯỞNG
5	23/10/2019	STN-000781	CỎ 4 LÁ - CHÚ THUYỀN TRƯỞNG
6	23/10/2019	STN-000782	CỎ 4 LÁ - CHÚ THUYỀN TRƯỞNG
7	23/10/2019	STN-000783	CỎ 4 LÁ - CHÚ THUYỀN TRƯỞNG
8	23/10/2019	STN-000784	CỎ 4 LÁ - CHÚ THUYỀN TRƯỞNG
9	23/10/2019	STN-000785	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH SINH VIÊN GIAO BÁO
10	23/10/2019	STN-000786	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH SINH VIÊN GIAO BÁO
11	23/10/2019	STN-000787	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH SINH VIÊN GIAO BÁO
12	23/10/2019	STN-000788	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH SINH VIÊN GIAO BÁO
13	23/10/2019	STN-000789	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH SINH VIÊN GIAO BÁO
14	23/10/2019	STN-000790	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI TÀI XẾ TAXI
15	23/10/2019	STN-000791	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI TÀI XẾ TAXI
16	23/10/2019	STN-000792	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI TÀI XẾ TAXI
17	23/10/2019	STN-000793	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI TÀI XẾ TAXI
18	23/10/2019	STN-000794	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI TÀI XẾ TAXI
19	23/10/2019	STN-000795	CỎ 4 LÁ - CÔ THIẾT KẾ THỜI TRANG
20	23/10/2019	STN-000796	CỎ 4 LÁ - CÔ THIẾT KẾ THỜI TRANG
21	23/10/2019	STN-000797	CỎ 4 LÁ - CÔ THIẾT KẾ THỜI TRANG
22	23/10/2019	STN-000798	CỎ 4 LÁ - CÔ THIẾT KẾ THỜI TRANG
23	23/10/2019	STN-000799	CỎ 4 LÁ - CÔ THIẾT KẾ THỜI TRANG
24	23/10/2019	STN-000800	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ÔNG THỢ CẮT TÓC
25	23/10/2019	STN-000801	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ÔNG THỢ CẮT TÓC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/10/2019	STN-000802	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ÔNG THỢ CẮT TÓC
2	23/10/2019	STN-000803	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH
3	23/10/2019	STN-000804	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH
4	23/10/2019	STN-000805	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH
5	23/10/2019	STN-000806	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - THÍM GIÚP VIỆC NHÀ
6	23/10/2019	STN-000807	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - THÍM GIÚP VIỆC NHÀ
7	23/10/2019	STN-000808	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - THÍM GIÚP VIỆC NHÀ
8	23/10/2019	STN-000809	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - THÍM GIÚP VIỆC NHÀ
9	23/10/2019	STN-000810	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - THÍM GIÚP VIỆC NHÀ
10	23/10/2019	STN-000811	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC BẢO VỆ TRƯỜNG EM
11	23/10/2019	STN-000812	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC BẢO VỆ TRƯỜNG EM
12	23/10/2019	STN-000813	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC BẢO VỆ TRƯỜNG EM
13	23/10/2019	STN-000814	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG
14	23/10/2019	STN-000815	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG
15	23/10/2019	STN-000816	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG
16	23/10/2019	STN-000817	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG
17	23/10/2019	STN-000818	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG
18	23/10/2019	STN-000819	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ BÁC SĨ NHI KHOA
19	23/10/2019	STN-000820	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ BÁC SĨ NHI KHOA
20	23/10/2019	STN-000821	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ BÁC SĨ NHI KHOA
21	23/10/2019	STN-000822	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ BÁC SĨ NHI KHOA
22	23/10/2019	STN-000823	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ CÔNG AN ĐƯỜNG PHỐ
23	23/10/2019	STN-000824	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ CÔNG AN ĐƯỜNG PHỐ
24	23/10/2019	STN-000825	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ CÔNG AN ĐƯỜNG PHỐ
25	23/10/2019	STN-000826	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ CÔNG AN ĐƯỜNG PHỐ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/10/2019	STN-000827	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ CÔNG AN ĐƯỜNG PHỐ
2	23/10/2019	STN-000828	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI BÁN PHỞ
3	23/10/2019	STN-000829	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI BÁN PHỞ
4	23/10/2019	STN-000830	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI BÁN PHỞ
5	23/10/2019	STN-000831	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI BÁN PHỞ
6	23/10/2019	STN-000832	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI BÁN PHỞ
7	23/10/2019	STN-000833	CỎ 4 LÁ - CHÚ KĨ SƯ XÂY DỰNG
8	23/10/2019	STN-000834	CỎ 4 LÁ - CHÚ KĨ SƯ XÂY DỰNG
9	23/10/2019	STN-000835	CỎ 4 LÁ - CHÚ KĨ SƯ XÂY DỰNG
10	23/10/2019	STN-000836	CỎ 4 LÁ - CHÚ KĨ SƯ XÂY DỰNG
11	23/10/2019	STN-000837	CỎ 4 LÁ - CHÚ KĨ SƯ XÂY DỰNG
12	23/10/2019	STN-000838	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH PHÓNG VIÊN
13	23/10/2019	STN-000839	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH PHÓNG VIÊN
14	23/10/2019	STN-000840	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH PHÓNG VIÊN
15	23/10/2019	STN-000841	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH PHÓNG VIÊN
16	23/10/2019	STN-000842	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH PHÓNG VIÊN
17	23/10/2019	STN-000843	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỢ MAY
18	23/10/2019	STN-000844	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỢ MAY
19	23/10/2019	STN-000845	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỢ MAY
20	23/10/2019	STN-000846	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỢ MAY
21	23/10/2019	STN-000847	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ PHOTOCOPY
22	23/10/2019	STN-000848	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ PHOTOCOPY
23	23/10/2019	STN-000849	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ PHOTOCOPY
24	23/10/2019	STN-000850	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ PHOTOCOPY
25	23/10/2019	STN-000851	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ PHOTOCOPY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/10/2019	STN-000852	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ SƠN NƯỚC
2	23/10/2019	STN-000853	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ SƠN NƯỚC
3	23/10/2019	STN-000854	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ SƠN NƯỚC
4	23/10/2019	STN-000855	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ SƠN NƯỚC
5	23/10/2019	STN-000856	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH THỢ SƠN NƯỚC
6	23/10/2019	STN-000857	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH ĐỔ RÁC XÓM EM
7	23/10/2019	STN-000858	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH ĐỔ RÁC XÓM EM
8	23/10/2019	STN-000859	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH ĐỔ RÁC XÓM EM
9	23/10/2019	STN-000860	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC THỢ LÀM BÁNH
10	23/10/2019	STN-000861	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC THỢ LÀM BÁNH
11	23/10/2019	STN-000862	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC THỢ LÀM BÁNH
12	23/10/2019	STN-000863	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH CA SĨ
13	23/10/2019	STN-000864	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH CA SĨ
14	23/10/2019	STN-000865	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH CA SĨ
15	23/10/2019	STN-000866	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH CA SĨ
16	23/10/2019	STN-000867	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH CA SĨ
17	23/10/2019	STN-000868	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TỔNG ĐÀI VIÊN
18	23/10/2019	STN-000869	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TỔNG ĐÀI VIÊN
19	23/10/2019	STN-000870	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỦ THƯ
20	23/10/2019	STN-000871	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỦ THƯ
21	23/10/2019	STN-000872	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỦ THƯ
22	23/10/2019	STN-000873	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỦ THƯ
23	23/10/2019	STN-000874	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỦ THƯ
24	23/10/2019	STN-000875	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI THỢ SỬA XE ĐẠP
25	23/10/2019	STN-000876	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI THỢ SỬA XE ĐẠP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/10/2019	STN-000877	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI THỢ SỬA XE ĐẠP
2	23/10/2019	STN-000878	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ GIÁO LỚP EM
3	23/10/2019	STN-000879	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ GIÁO LỚP EM
4	23/10/2019	STN-000880	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC TRỒNG RAU
5	23/10/2019	STN-000881	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC TRỒNG RAU
6	23/10/2019	STN-000882	HOÀI NAM - ANH
7	23/10/2019	STN-000883	HOÀI NAM - ANH
8	23/10/2019	STN-000884	HOÀI NAM - ANH
9	23/10/2019	STN-000885	HOÀI NAM - ANH
10	23/10/2019	STN-000886	HOÀI NAM - ANH
11	23/10/2019	STN-000887	HOÀI NAM - ANH
12	23/10/2019	STN-000888	HOÀI NAM - ANH
13	23/10/2019	STN-000889	HOÀI NAM - ANH
14	23/10/2019	STN-000890	HOÀI NAM - ANH
15	23/10/2019	STN-000891	HOÀI NAM - ANH
16	23/10/2019	STN-000892	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
17	23/10/2019	STN-000893	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
18	23/10/2019	STN-000894	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
19	23/10/2019	STN-000895	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
20	23/10/2019	STN-000896	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
21	23/10/2019	STN-000897	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
22	23/10/2019	STN-000898	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
23	23/10/2019	STN-000899	HOÀI NAM - NIGERIA
24	23/10/2019	STN-000900	HOÀI NAM - NIGERIA
25	23/10/2019	STN-000901	HOÀI NAM - NIGERIA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/10/2019	STN-000902	HOÀI NAM - NIGERIA
2	23/10/2019	STN-000903	HOÀI NAM - NIGERIA
3	23/10/2019	STN-000904	HOÀI NAM - NIGERIA
4	23/10/2019	STN-000905	HOÀI NAM - NIGERIA
5	23/10/2019	STN-000906	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
6	23/10/2019	STN-000907	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
7	23/10/2019	STN-000908	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
8	23/10/2019	STN-000909	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
9	23/10/2019	STN-000910	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
10	23/10/2019	STN-000911	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
11	23/10/2019	STN-000912	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
12	23/10/2019	STN-000913	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
13	23/10/2019	STN-000914	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
14	23/10/2019	STN-000915	HOÀI NAM - ẤN ĐỘ
15	23/10/2019	STN-000916	HOÀI NAM - AI CẬP
16	23/10/2019	STN-000917	HOÀI NAM - AI CẬP
17	23/10/2019	STN-000918	HOÀI NAM - AI CẬP
18	23/10/2019	STN-000919	HOÀI NAM - AI CẬP
19	23/10/2019	STN-000920	HOÀI NAM - AI CẬP
20	23/10/2019	STN-000921	HOÀI NAM - AI CẬP
21	24/10/2019	STK-001860	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
22	24/10/2019	STK-001861	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
23	24/10/2019	STK-001862	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
24	24/10/2019	STK-001863	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ
25	24/10/2019	STK-001864	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA BA BỂ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STK-001865	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
2	24/10/2019	STK-001866	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
3	24/10/2019	STK-001867	CAO THẾ DŨNG - SUỐI KHOÁNG KIM BÔI
4	24/10/2019	STK-001868	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
5	24/10/2019	STK-001869	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
6	24/10/2019	STK-001870	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
7	24/10/2019	STK-001871	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN
8	24/10/2019	STK-001872	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
9	24/10/2019	STK-001873	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
10	24/10/2019	STK-001874	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
11	24/10/2019	STK-001875	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
12	24/10/2019	STK-001876	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG
13	24/10/2019	STK-001877	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM
14	24/10/2019	STK-001878	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM
15	24/10/2019	STK-001879	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO
16	24/10/2019	STN-000922	THỤY ANH - CÁI TRỐNG BIẾT NÓI
17	24/10/2019	STN-000923	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN
18	24/10/2019	STN-000924	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN
19	24/10/2019	STN-000925	HỒNG HÀ - NGƯỜI CHA VÀ BA CON TRAI
20	24/10/2019	STN-000926	HỒNG HÀ - NGƯỜI CHA VÀ BA CON TRAI
21	24/10/2019	STN-000927	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ GÃ BỢM
22	24/10/2019	STN-000928	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ GÃ BỢM
23	24/10/2019	STN-000929	HỒNG HÀ - CHA MẸ NUÔI CON BẰNG TRỜI BẰNG BỂ
24	24/10/2019	STN-000930	HỒNG HÀ - CHA MẸ NUÔI CON BẰNG TRỜI BẰNG BỂ
25	24/10/2019	STN-000931	TÔ CHIÊM - BÀ CHÚA THƯỢNG NGÀN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	2							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2012	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2012	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-000932	TÔ CHIÊM - BÀ CHÚA THƯỢNG NGÀN
2	24/10/2019	STN-000933	THỤY ANH - HẠT LÚA THẦN
3	24/10/2019	STN-000934	THỤY ANH - HẠT LÚA THẦN
4	24/10/2019	STN-000935	THỤY ANH - HẠT LÚA THẦN
5	24/10/2019	STN-000936	HỒNG HÀ - DIỆT MÃNG XÀ
6	24/10/2019	STN-000937	HỒNG HÀ - DIỆT MÃNG XÀ
7	24/10/2019	STN-000938	HỒNG HÀ - VIÊN NGỌC ƯỚC
8	24/10/2019	STN-000939	HỒNG HÀ - VIÊN NGỌC ƯỚC
9	24/10/2019	STN-000940	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
10	24/10/2019	STN-000941	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
11	24/10/2019	STN-000942	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
12	24/10/2019	STN-000943	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
13	24/10/2019	STN-000944	HỒNG HÀ - NÀNG TIÊN CUA
14	24/10/2019	STN-000945	HIẾU MINH - SỰ TÍCH HOA ĐÀO, HOA MAI
15	24/10/2019	STN-000946	HIẾU MINH - SỰ TÍCH HOA ĐÀO, HOA MAI
16	24/10/2019	STN-000947	THỤY ANH - TIẾNG SÁO THẦN KÌ
17	24/10/2019	STN-000948	MINH TRANG - CÔ BÉ MỒ CÔI
18	24/10/2019	STN-000949	MINH TRANG - CÔ BÉ MỒ CÔI
19	24/10/2019	STN-000950	MINH TRANG - CÔ BÉ MỒ CÔI
20	24/10/2019	STN-000951	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
21	24/10/2019	STN-000952	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
22	24/10/2019	STN-000953	HIẾU MINH - SINH CON RỒI MỚI SINH CHA
23	24/10/2019	STN-000954	HIẾU MINH - SINH CON RỒI MỚI SINH CHA
24	24/10/2019	STN-000955	HỒNG HÀ - VUA HEO
25	24/10/2019	STN-000956	HỒNG HÀ - VUA HEO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-000957	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
2	24/10/2019	STN-000958	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
3	24/10/2019	STN-000959	HỒNG HÀ - NGƯỜI CON NUÔI HIẾU THẢO
4	24/10/2019	STN-000960	HỒNG HÀ - NGƯỜI CON NUÔI HIẾU THẢO
5	24/10/2019	STN-000961	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH NÚI VÀNG
6	24/10/2019	STN-000962	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH NÚI VÀNG
7	24/10/2019	STN-000963	HIẾU MINH - NGƯỜI BÁN TRỐNG VÀ LŨ QUỶ
8	24/10/2019	STN-000964	HIẾU MINH - NGƯỜI BÁN TRỐNG VÀ LŨ QUỶ
9	24/10/2019	STN-000965	HIẾU MINH - NGƯỜI MẸ KẾ VÀ HAI CON TRAI
10	24/10/2019	STN-000966	HIẾU MINH - NGƯỜI MẸ KẾ VÀ HAI CON TRAI
11	24/10/2019	STN-000967	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
12	24/10/2019	STN-000968	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
13	24/10/2019	STN-000969	THẢO HƯƠNG - CON CHIM KHÁCH MẦU NHIỆM
14	24/10/2019	STN-000970	TRẦN NGỌC - NGƯỜI VỢ THÔNG MINH
15	24/10/2019	STN-000971	HỒNG HÀ - CÔNG CHÚA THỦY TỀ
16	24/10/2019	STN-000972	HỒNG HÀ - CÔNG CHÚA THỦY TỀ
17	24/10/2019	STN-000973	HỒNG HÀ - CHÀNG HỌC TRÒ VÀ CON CHÓ ĐÁ
18	24/10/2019	STN-000974	HỒNG HÀ - CHÀNG HỌC TRÒ VÀ CON CHÓ ĐÁ
19	24/10/2019	STN-000975	NGUYỄN HUY TƯỞNG - AN DƯƠNG VƯƠNG XÂY THÀNH ỐC
20	24/10/2019	STN-000976	LÊ THANH NGA - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
21	24/10/2019	STN-000977	LÊ THANH NGA - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
22	24/10/2019	STN-000978	HỒNG HÀ - ĐIỀU ƯỚC CUỐI CÙNG
23	24/10/2019	STN-000979	HỒNG HÀ - ĐIỀU ƯỚC CUỐI CÙNG
24	24/10/2019	STN-000980	BÙI LÂM BẰNG - ĐI Ở HỌC THÀNH TÀI
25	24/10/2019	STN-000981	BÙI LÂM BẰNG - ĐI Ở HỌC THÀNH TÀI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-000982	HỒNG HÀ - NGƯU LANG CHỨC NỮ
2	24/10/2019	STN-000983	HỒNG HÀ - NGƯU LANG CHỨC NỮ
3	24/10/2019	STN-000984	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH ÔNG BA MƯƠI
4	24/10/2019	STN-000985	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH ÔNG BA MƯƠI
5	24/10/2019	STN-000986	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
6	24/10/2019	STN-000987	LÊ THANH NGA - SỰ TÍCH PHẬT BÀ QUAN ÂM
7	24/10/2019	STN-000988	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
8	24/10/2019	STN-000989	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
9	24/10/2019	STN-000990	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
10	24/10/2019	STN-000991	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ GÃ BỢM
11	24/10/2019	STN-000992	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ GÃ BỢM
12	24/10/2019	STN-000993	NGÔ HÀ ANH - NÀNG TIÊN HỒ
13	24/10/2019	STN-000994	NGÔ HÀ ANH - NÀNG TIÊN HỒ
14	24/10/2019	STN-000995	NGÔ HÀ ANH - NÀNG TIÊN HỒ
15	24/10/2019	STN-000996	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
16	24/10/2019	STN-000997	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
17	24/10/2019	STN-000998	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
18	24/10/2019	STN-000999	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
19	24/10/2019	STN-001000	HỒNG HÀ - CHÀNG ĐĂM BRI
20	24/10/2019	STN-001001	HỒNG HÀ - CHÀNG ĐĂM BRI
21	24/10/2019	STN-001002	HỒNG HÀ - CHÀNG ĐĂM BRI
22	24/10/2019	STN-001003	HỒNG HÀ - NÀNG CÔNG CHÚA BÁN THAN
23	24/10/2019	STN-001004	NGUYỄN HUY TƯỞNG - CON CÓC LÀ CẬU ÔNG GIỜI
24	24/10/2019	STN-001005	THỤY ANH - CỨU VẬT VẬT TRẢ ÂN
25	24/10/2019	STN-001006	THỤY ANH - CỨU VẬT VẬT TRẢ ÂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-001007	PHÚC THÀNH - NÀNG TIÊN GẠO
2	24/10/2019	STN-001008	MINH QUỐC - TẤM CÁM
3	24/10/2019	STN-001009	MINH QUỐC - TẤM CÁM
4	24/10/2019	STN-001010	MINH QUỐC - TỪ THỨC GẶP TIÊN
5	24/10/2019	STN-001011	DIÊM ĐIỀN - SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG
6	24/10/2019	STN-001012	DIÊM ĐIỀN - SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG
7	24/10/2019	STN-001013	HỒNG HÀ - DŨNG SĨ ĐAM DÔNG
8	24/10/2019	STN-001014	HỒNG HÀ - BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
9	24/10/2019	STN-001015	HỒNG HÀ - BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
10	24/10/2019	STN-001016	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH CHÚ CUỘI CUNG TRĂNG
11	24/10/2019	STN-001017	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ÔNG THỢ CẮT TÓC
12	24/10/2019	STN-001018	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ THỢ MAY
13	24/10/2019	STN-001019	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC BẢO VỆ TRƯỜNG EM
14	24/10/2019	STN-001020	NGUYỄN HÀO - TRUNG QUỐC
15	24/10/2019	STN-001021	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 8
16	24/10/2019	STN-001022	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 15
17	24/10/2019	STN-001023	FUJIKO F FUJIO - ĐORAEMON TẬP 15
18	24/10/2019	STN-001024	LAN CHI - HAI MẸ CON TỚ Ở SẢNH CHỜ PHÒNG KHÁM
19	24/10/2019	STN-001025	HOÀI NAM - NIGERIA
20	24/10/2019	STN-001026	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH ĐỔ RÁC XÓM EM
21	24/10/2019	STN-001027	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - THỎ VÀ NHÍM
22	24/10/2019	STN-001028	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - THỎ VÀ NHÍM
23	24/10/2019	STN-001029	NGUYỄN THANH THỦY - CHÚ BÊ TRẮNG
24	24/10/2019	STN-001030	NGUYỄN THANH THỦY - CHÚ BÊ TRẮNG
25	24/10/2019	STN-001031	NGUYỄN THANH THỦY - CHÚ BÊ TRẮNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	16,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2015	18,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-001032	NGUYỄN THANH THỦY - CHÚ BÊ TRẮNG
2	24/10/2019	STN-001033	NGUYỄN THANH THỦY - CHÚ BÊ TRẮNG
3	24/10/2019	STN-001034	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - ĐÔI BẠN HẠC VÀ CÁO
4	24/10/2019	STN-001035	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - ĐÔI BẠN HẠC VÀ CÁO
5	24/10/2019	STN-001036	NGUYỄN THỤC ANH - BÀI HỌC TỪ ĐÀN VỊT TRỜI
6	24/10/2019	STN-001037	NGUYỄN THỤC ANH - BÀI HỌC TỪ ĐÀN VỊT TRỜI
7	24/10/2019	STN-001038	NGUYỄN THỤC ANH - BÀI HỌC TỪ ĐÀN VỊT TRỜI
8	24/10/2019	STN-001039	NGUYỄN THỤC ANH - BÀI HỌC TỪ ĐÀN VỊT TRỜI
9	24/10/2019	STN-001040	NGUYỄN THANH THỦY - BA CÔ BẠN BƯỚM
10	24/10/2019	STN-001041	NGUYỄN THANH THỦY - BA CÔ BẠN BƯỚM
11	24/10/2019	STN-001042	NGUYỄN THANH THỦY - BA CÔ BẠN BƯỚM
12	24/10/2019	STN-001043	THI THI - QUẠ MUỐN LÀM CÔNG
13	24/10/2019	STN-001044	THI THI - QUẠ MUỐN LÀM CÔNG
14	24/10/2019	STN-001045	THI THI - QUẠ MUỐN LÀM CÔNG
15	24/10/2019	STN-001046	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ BA CON YÊU TINH
16	24/10/2019	STN-001047	HỒNG HÀ - NGÔI ĐỀN GIỮA BIỂN
17	24/10/2019	STN-001048	HỒNG HÀ - NGÔI ĐỀN GIỮA BIỂN
18	24/10/2019	STN-001049	AN CƯƠNG - NGÔ QUYỀN
19	24/10/2019	STN-001050	AN CƯƠNG - NGÔ QUYỀN
20	24/10/2019	STN-001051	AN CƯƠNG - NGÔ QUYỀN
21	24/10/2019	STN-001052	AN CƯƠNG - NGÔ QUYỀN
22	24/10/2019	STN-001053	AN CƯƠNG - NGÔ QUYỀN
23	24/10/2019	STN-001054	AN CƯƠNG - NGÔ QUYỀN
24	24/10/2019	STN-001055	AN CƯƠNG - NGÔ QUYỀN
25	24/10/2019	STN-001056	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	6,000	ĐV18	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	6,000	ĐV18	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	6,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-001057	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
2	24/10/2019	STN-001058	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
3	24/10/2019	STN-001059	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
4	24/10/2019	STN-001060	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
5	24/10/2019	STN-001061	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
6	24/10/2019	STN-001062	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
7	24/10/2019	STN-001063	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
8	24/10/2019	STN-001064	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
9	24/10/2019	STN-001065	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
10	24/10/2019	STN-001066	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
11	24/10/2019	STN-001067	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
12	24/10/2019	STN-001068	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
13	24/10/2019	STN-001069	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
14	24/10/2019	STN-001070	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
15	24/10/2019	STN-001071	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
16	24/10/2019	STN-001072	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
17	24/10/2019	STN-001073	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
18	24/10/2019	STN-001074	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
19	24/10/2019	STN-001075	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
20	24/10/2019	STN-001076	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
21	24/10/2019	STN-001077	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
22	24/10/2019	STN-001078	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
23	24/10/2019	STN-001079	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
24	24/10/2019	STN-001080	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
25	24/10/2019	STN-001081	MINH HIẾU - ĐINH BỘ LĨNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-001082	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
2	24/10/2019	STN-001083	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
3	24/10/2019	STN-001084	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
4	24/10/2019	STN-001085	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
5	24/10/2019	STN-001086	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
6	24/10/2019	STN-001087	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
7	24/10/2019	STN-001088	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
8	24/10/2019	STN-001089	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
9	24/10/2019	STN-001090	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
10	24/10/2019	STN-001091	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
11	24/10/2019	STN-001092	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
12	24/10/2019	STN-001093	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
13	24/10/2019	STN-001094	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
14	24/10/2019	STN-001095	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
15	24/10/2019	STN-001096	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
16	24/10/2019	STN-001097	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
17	24/10/2019	STN-001098	PHẠM QUANG VINH - BA CHIẾC LÔNG CHIM
18	24/10/2019	STN-001099	PHẠM QUANG VINH - BA CHIẾC LÔNG CHIM
19	24/10/2019	STN-001100	PHẠM QUANG VINH - BA CHIẾC LÔNG CHIM
20	24/10/2019	STN-001101	PHẠM QUANG VINH - BA CHIẾC LÔNG CHIM
21	24/10/2019	STN-001102	PHẠM QUANG VINH - BA CHIẾC LÔNG CHIM
22	24/10/2019	STN-001103	PHẠM QUANG VINH - BA CHIẾC LÔNG CHIM
23	24/10/2019	STN-001104	PHẠM QUANG VINH - BA CHIẾC LÔNG CHIM
24	24/10/2019	STN-001105	PHẠM QUANG VINH - NGƯỜI THỔI SÁO
25	24/10/2019	STN-001106	PHẠM QUANG VINH - BỘ QUẦN ÁO MỚI CỦA NHÀ VUA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/10/2019	STN-001107	PHẠM QUANG VINH - CÔ ONG NHỎ
2	24/10/2019	STN-001108	PHẠM QUANG VINH - ANH LÍNH KẸP HẠT DẺ
3	24/10/2019	STN-001109	PHẠM QUANG VINH - ÔNG GIÀ VÀ CÁI BƯỚU
4	24/10/2019	STN-001110	PHẠM QUANG VINH - CHÀNG THỦY THỦ XIN-BÁT
5	24/10/2019	STN-001111	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
6	24/10/2019	STN-001112	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
7	24/10/2019	STN-001113	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
8	24/10/2019	STN-001114	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
9	24/10/2019	STN-001115	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
10	24/10/2019	STN-001116	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
11	24/10/2019	STN-001117	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
12	24/10/2019	STN-001118	PHẠM QUANG VINH - VƯƠNG QUỐC CẦU VÒNG
13	24/10/2019	STN-001119	PHẠM QUANG VINH - VƯƠNG QUỐC CẦU VÒNG
14	24/10/2019	STN-001120	PHẠM QUANG VINH - VƯƠNG QUỐC CẦU VÒNG
15	24/10/2019	STN-001121	PHẠM QUANG VINH - VƯƠNG QUỐC CẦU VÒNG
16	25/10/2019	STK-001880	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 1
17	25/10/2019	STK-001881	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 1
18	25/10/2019	STK-001882	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 1
19	25/10/2019	STK-001883	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 2
20	25/10/2019	STK-001884	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 2
21	25/10/2019	STK-001885	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 2
22	25/10/2019	STK-001886	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 3
23	25/10/2019	STK-001887	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 3
24	25/10/2019	STK-001888	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 4
25	25/10/2019	STK-001889	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/10/2019	STK-001890	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 4
2	25/10/2019	STK-001891	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
3	25/10/2019	STK-001892	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
4	25/10/2019	STK-001893	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
5	25/10/2019	STK-001894	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
6	25/10/2019	STK-001895	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 5
7	25/10/2019	STK-001896	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 6
8	25/10/2019	STK-001897	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 6
9	25/10/2019	STK-001898	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
10	25/10/2019	STK-001899	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
11	25/10/2019	STK-001900	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
12	25/10/2019	STK-001901	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 7
13	25/10/2019	STK-001902	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 8
14	25/10/2019	STK-001903	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 8
15	25/10/2019	STK-001904	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 8
16	25/10/2019	STK-001905	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 8
17	25/10/2019	STK-001906	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
18	25/10/2019	STK-001907	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
19	25/10/2019	STK-001908	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
20	25/10/2019	STK-001909	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 9
21	25/10/2019	STK-001910	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 10
22	25/10/2019	STK-001911	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 10
23	25/10/2019	STK-001912	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 10
24	25/10/2019	STK-001913	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 10
25	25/10/2019	STK-001914	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 11

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/10/2019	STK-001915	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 11
2	25/10/2019	STK-001916	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 11
3	25/10/2019	STK-001917	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 12
4	25/10/2019	STK-001918	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 12
5	25/10/2019	STK-001919	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 12
6	25/10/2019	STK-001920	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 13
7	25/10/2019	STK-001921	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 13
8	25/10/2019	STK-001922	NGUYỄN HẠNH - NHỮNG TRÒ CHƠI KHÉO TAY VÀ SÁNG TẠO TẬP 13
9	25/10/2019	STK-001923	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 2
10	25/10/2019	STK-001924	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 3
11	25/10/2019	STK-001925	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 4
12	25/10/2019	STK-001926	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 4
13	25/10/2019	STK-001927	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 5
14	25/10/2019	STK-001928	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 5
15	25/10/2019	STK-001930	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 8
16	25/10/2019	STK-001931	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 9
17	25/10/2019	STK-001932	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 2
18	25/10/2019	STK-001933	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 2
19	25/10/2019	STK-001934	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 2
20	25/10/2019	STK-001935	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 3
21	25/10/2019	STK-001936	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 4
22	25/10/2019	STK-001937	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 4
23	25/10/2019	STK-001938	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 4
24	25/10/2019	STK-001939	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 5
25	25/10/2019	STK-001940	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2005	9,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Trẻ	HN	2015	25,000	7	2							
Trẻ	HN	2015	25,000	7	2							
Trẻ	HN	2015	25,000	7	2							
Trẻ	HN	2015	20,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	24,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	24,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	24,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	25,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	25,000	7	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/10/2019	STK-001941	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 5
2	25/10/2019	STK-001942	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 6
3	25/10/2019	STK-001943	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 6
4	25/10/2019	STK-001944	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 6
5	25/10/2019	STK-001945	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 7
6	25/10/2019	STK-001946	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 7
7	25/10/2019	STK-001947	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 8
8	25/10/2019	STK-001948	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 8
9	25/10/2019	STK-001949	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 9
10	25/10/2019	STK-001950	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 9
11	25/10/2019	STK-001951	NGUYỄN HẠNH - ẢO THUẬT VUI TẬP 9
12	25/10/2019	STK-005275	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 8
13	28/10/2019	STK-001952	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
14	28/10/2019	STK-001953	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
15	28/10/2019	STK-001954	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
16	28/10/2019	STK-001955	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
17	28/10/2019	STK-001956	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
18	28/10/2019	STK-001957	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
19	28/10/2019	STK-001958	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
20	28/10/2019	STK-001959	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
21	28/10/2019	STK-001960	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
22	28/10/2019	STK-001961	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
23	28/10/2019	STK-001962	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
24	28/10/2019	STK-001963	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
25	28/10/2019	STK-001964	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	HN	2014	25,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	22,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	22,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	22,000	7	2							
Trẻ	HN	2013	35,000	7	2							
Trẻ	HN	2013	35,000	7	2							
Trẻ	HN	2013	35,000	7	2							
Trẻ	HN	2013	35,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	30,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	30,000	7	2							
Trẻ	HN	2014	30,000	7	2							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2019	STK-001965	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
2	28/10/2019	STK-001966	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
3	28/10/2019	STK-001967	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
4	28/10/2019	STK-001968	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
5	28/10/2019	STK-001969	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
6	28/10/2019	STK-001970	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
7	28/10/2019	STK-001971	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
8	28/10/2019	STK-001972	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
9	28/10/2019	STK-001973	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
10	28/10/2019	STK-001974	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
11	28/10/2019	STK-001975	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
12	28/10/2019	STK-001976	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
13	28/10/2019	STK-001977	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
14	28/10/2019	STK-001978	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
15	28/10/2019	STK-001979	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
16	28/10/2019	STK-001980	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
17	28/10/2019	STK-001981	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
18	28/10/2019	STK-001982	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
19	28/10/2019	STK-001983	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
20	28/10/2019	STK-001984	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
21	28/10/2019	STK-001985	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
22	28/10/2019	STK-001986	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
23	28/10/2019	STK-001987	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
24	28/10/2019	STK-001988	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
25	28/10/2019	STK-001989	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2019	STK-001990	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
2	28/10/2019	STK-001991	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
3	28/10/2019	STK-001992	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
4	28/10/2019	STK-001993	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
5	28/10/2019	STK-001994	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
6	28/10/2019	STK-001995	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
7	28/10/2019	STK-001996	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
8	28/10/2019	STK-001997	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
9	28/10/2019	STK-001998	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
10	28/10/2019	STK-001999	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
11	28/10/2019	STK-002000	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
12	28/10/2019	STK-002001	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
13	28/10/2019	STK-002002	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
14	28/10/2019	STK-002003	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
15	28/10/2019	STK-002004	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
16	28/10/2019	STK-002005	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
17	28/10/2019	STK-002006	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
18	28/10/2019	STK-002007	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
19	28/10/2019	STK-002008	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
20	28/10/2019	STK-002009	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
21	28/10/2019	STK-002010	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
22	28/10/2019	STK-002011	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
23	28/10/2019	STK-002012	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
24	28/10/2019	STK-002013	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
25	28/10/2019	STK-002014	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2019	STK-002015	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
2	28/10/2019	STK-002016	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
3	28/10/2019	STK-002017	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
4	28/10/2019	STK-002018	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
5	28/10/2019	STK-002019	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
6	28/10/2019	STK-002020	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
7	28/10/2019	STK-002021	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
8	28/10/2019	STK-002022	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
9	28/10/2019	STK-002023	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
10	28/10/2019	STK-002024	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
11	28/10/2019	STK-002025	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
12	28/10/2019	STK-002026	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
13	28/10/2019	STK-002027	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
14	28/10/2019	STK-002028	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
15	28/10/2019	STK-002029	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
16	28/10/2019	STK-002030	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
17	28/10/2019	STK-002031	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
18	28/10/2019	STK-002032	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
19	28/10/2019	STK-002033	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
20	28/10/2019	STK-002034	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
21	28/10/2019	STK-002035	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
22	28/10/2019	STK-002036	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
23	28/10/2019	STK-002037	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
24	28/10/2019	STK-002038	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
25	28/10/2019	STK-002039	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2019	STK-002040	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
2	28/10/2019	STK-002041	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
3	28/10/2019	STK-002042	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
4	28/10/2019	STK-002043	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
5	28/10/2019	STK-002044	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
6	28/10/2019	STK-002045	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
7	28/10/2019	STK-002046	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
8	28/10/2019	STK-002047	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
9	28/10/2019	STK-002048	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
10	28/10/2019	STK-002049	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
11	28/10/2019	STK-002050	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
12	28/10/2019	STK-002051	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
13	28/10/2019	STK-002052	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
14	28/10/2019	STK-002053	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
15	28/10/2019	STK-002054	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
16	28/10/2019	STK-002055	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
17	28/10/2019	STK-002056	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
18	28/10/2019	STK-002057	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
19	28/10/2019	STK-002058	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
20	28/10/2019	STK-002059	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
21	28/10/2019	STK-002060	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
22	28/10/2019	STK-002061	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
23	28/10/2019	STK-002062	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
24	28/10/2019	STK-002063	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
25	28/10/2019	STK-002064	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2019	STK-002065	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
2	28/10/2019	STK-002066	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
3	28/10/2019	STK-002067	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
4	28/10/2019	STK-002068	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
5	28/10/2019	STK-002069	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
6	28/10/2019	STK-002070	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
7	28/10/2019	STK-002071	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
8	28/10/2019	STK-002072	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
9	28/10/2019	STK-002073	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
10	28/10/2019	STK-002074	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
11	28/10/2019	STK-002075	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
12	28/10/2019	STK-002076	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
13	28/10/2019	STK-002077	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
14	28/10/2019	STK-002078	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
15	28/10/2019	STK-002079	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
16	28/10/2019	STK-002080	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
17	28/10/2019	STK-002081	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
18	28/10/2019	STK-002082	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
19	28/10/2019	STK-002083	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
20	28/10/2019	STK-002084	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
21	28/10/2019	STK-002085	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
22	28/10/2019	STK-002086	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
23	28/10/2019	STK-002087	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
24	28/10/2019	STK-002088	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
25	28/10/2019	STK-002089	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	7,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2019	STK-002090	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
2	28/10/2019	STK-002091	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
3	28/10/2019	STK-002092	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
4	28/10/2019	STK-002093	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
5	28/10/2019	STK-002094	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
6	28/10/2019	STK-002095	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
7	28/10/2019	STK-002096	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
8	28/10/2019	STK-002097	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
9	28/10/2019	STK-002098	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
10	28/10/2019	STK-002099	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
11	28/10/2019	STK-002100	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
12	28/10/2019	STK-002101	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
13	28/10/2019	STK-002102	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
14	28/10/2019	STK-002103	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
15	28/10/2019	STK-002104	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
16	28/10/2019	STK-002105	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
17	28/10/2019	STK-002106	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
18	28/10/2019	STK-002107	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
19	28/10/2019	STK-002108	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
20	28/10/2019	STK-002109	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
21	28/10/2019	STK-002110	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
22	28/10/2019	STK-002111	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
23	28/10/2019	STK-002112	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
24	28/10/2019	STK-002113	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
25	28/10/2019	STK-002114	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2008	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2019	STK-002115	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
2	28/10/2019	STK-002116	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
3	28/10/2019	STK-002117	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
4	28/10/2019	STK-002118	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
5	28/10/2019	STK-002119	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
6	28/10/2019	STK-002120	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
7	28/10/2019	STK-002121	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
8	28/10/2019	STK-002122	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
9	28/10/2019	STK-002123	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
10	28/10/2019	STK-002124	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
11	28/10/2019	STK-002125	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
12	28/10/2019	STK-002126	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
13	28/10/2019	STK-002127	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
14	28/10/2019	STK-002128	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
15	28/10/2019	STK-002129	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
16	29/10/2019	STK-002130	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
17	29/10/2019	STK-002131	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
18	29/10/2019	STK-002132	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
19	29/10/2019	STK-002133	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
20	29/10/2019	STK-002134	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
21	29/10/2019	STK-002135	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
22	29/10/2019	STK-002136	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
23	29/10/2019	STK-002137	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
24	29/10/2019	STK-002138	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
25	29/10/2019	STK-002139	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/10/2019	STK-002140	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
2	29/10/2019	STK-002141	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
3	29/10/2019	STK-002142	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
4	29/10/2019	STK-002143	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
5	29/10/2019	STK-002144	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
6	29/10/2019	STK-002145	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
7	30/10/2019	STK-002146	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
8	30/10/2019	STK-002147	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
9	30/10/2019	STK-002148	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
10	30/10/2019	STK-002149	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
11	30/10/2019	STK-002150	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
12	30/10/2019	STK-002151	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
13	30/10/2019	STK-002152	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
14	30/10/2019	STK-002153	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
15	30/10/2019	STK-002154	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
16	30/10/2019	STK-002155	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
17	30/10/2019	STK-002156	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
18	30/10/2019	STK-002157	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
19	30/10/2019	STK-002158	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
20	30/10/2019	STK-002159	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
21	30/10/2019	STK-002160	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
22	30/10/2019	STK-002161	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
23	30/10/2019	STK-002162	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
24	30/10/2019	STK-002163	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
25	30/10/2019	STK-002164	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2005	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	6,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	17,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002165	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
2	30/10/2019	STK-002166	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
3	30/10/2019	STK-002167	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
4	30/10/2019	STK-002168	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
5	30/10/2019	STK-002169	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
6	30/10/2019	STK-002170	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
7	30/10/2019	STK-002171	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
8	30/10/2019	STK-002172	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
9	30/10/2019	STK-002173	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
10	30/10/2019	STK-002174	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
11	30/10/2019	STK-002175	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
12	30/10/2019	STK-002176	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
13	30/10/2019	STK-002177	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
14	30/10/2019	STK-002178	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
15	30/10/2019	STK-002179	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
16	30/10/2019	STK-002180	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
17	30/10/2019	STK-002181	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
18	30/10/2019	STK-002182	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
19	30/10/2019	STK-002183	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
20	30/10/2019	STK-002184	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
21	30/10/2019	STK-002185	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
22	30/10/2019	STK-002186	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
23	30/10/2019	STK-002187	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
24	30/10/2019	STK-002188	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
25	30/10/2019	STK-002189	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002190	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
2	30/10/2019	STK-002191	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
3	30/10/2019	STK-002192	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
4	30/10/2019	STK-002193	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
5	30/10/2019	STK-002194	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
6	30/10/2019	STK-002195	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
7	30/10/2019	STK-002196	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
8	30/10/2019	STK-002197	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
9	30/10/2019	STK-002198	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
10	30/10/2019	STK-002199	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
11	30/10/2019	STK-002200	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
12	30/10/2019	STK-002201	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
13	30/10/2019	STK-002202	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
14	30/10/2019	STK-002203	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
15	30/10/2019	STK-002204	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
16	30/10/2019	STK-002205	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
17	30/10/2019	STK-002206	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
18	30/10/2019	STK-002207	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
19	30/10/2019	STK-002208	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
20	30/10/2019	STK-002209	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
21	30/10/2019	STK-002210	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
22	30/10/2019	STK-002211	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
23	30/10/2019	STK-002212	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
24	30/10/2019	STK-002213	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
25	30/10/2019	STK-002214	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	17,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002215	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
2	30/10/2019	STK-002216	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
3	30/10/2019	STK-002217	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
4	30/10/2019	STK-002218	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
5	30/10/2019	STK-002219	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
6	30/10/2019	STK-002220	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
7	30/10/2019	STK-002221	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
8	30/10/2019	STK-002222	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
9	30/10/2019	STK-002223	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
10	30/10/2019	STK-002224	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
11	30/10/2019	STK-002225	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
12	30/10/2019	STK-002226	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
13	30/10/2019	STK-002227	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
14	30/10/2019	STK-002228	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
15	30/10/2019	STK-002229	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
16	30/10/2019	STK-002230	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
17	30/10/2019	STK-002231	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
18	30/10/2019	STK-002232	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
19	30/10/2019	STK-002233	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
20	30/10/2019	STK-002234	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
21	30/10/2019	STK-002235	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
22	30/10/2019	STK-002236	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
23	30/10/2019	STK-002237	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
24	30/10/2019	STK-002238	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
25	30/10/2019	STK-002239	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002240	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
2	30/10/2019	STK-002241	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
3	30/10/2019	STK-002242	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
4	30/10/2019	STK-002243	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
5	30/10/2019	STK-002244	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
6	30/10/2019	STK-002245	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
7	30/10/2019	STK-002246	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
8	30/10/2019	STK-002247	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
9	30/10/2019	STK-002248	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
10	30/10/2019	STK-002249	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
11	30/10/2019	STK-002250	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
12	30/10/2019	STK-002251	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
13	30/10/2019	STK-002252	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
14	30/10/2019	STK-002253	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
15	30/10/2019	STK-002254	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
16	30/10/2019	STK-002255	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
17	30/10/2019	STK-002256	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
18	30/10/2019	STK-002257	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
19	30/10/2019	STK-002258	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
20	30/10/2019	STK-002259	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
21	30/10/2019	STK-002260	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
22	30/10/2019	STK-002261	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
23	30/10/2019	STK-002262	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
24	30/10/2019	STK-002263	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
25	30/10/2019	STK-002264	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	13,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002265	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
2	30/10/2019	STK-002266	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
3	30/10/2019	STK-002267	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
4	30/10/2019	STK-002268	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
5	30/10/2019	STK-002269	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
6	30/10/2019	STK-002270	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
7	30/10/2019	STK-002271	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
8	30/10/2019	STK-002272	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
9	30/10/2019	STK-002273	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
10	30/10/2019	STK-002274	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
11	30/10/2019	STK-002275	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
12	30/10/2019	STK-002276	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
13	30/10/2019	STK-002277	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
14	30/10/2019	STK-002278	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
15	30/10/2019	STK-002279	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
16	30/10/2019	STK-002280	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
17	30/10/2019	STK-002281	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
18	30/10/2019	STK-002282	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
19	30/10/2019	STK-002283	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
20	30/10/2019	STK-002284	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
21	30/10/2019	STK-002285	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
22	30/10/2019	STK-002286	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
23	30/10/2019	STK-002287	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
24	30/10/2019	STK-002288	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
25	30/10/2019	STK-002289	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2004	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002290	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
2	30/10/2019	STK-002291	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
3	30/10/2019	STK-002292	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
4	30/10/2019	STK-002293	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
5	30/10/2019	STK-002294	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
6	30/10/2019	STK-002295	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
7	30/10/2019	STK-002296	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
8	30/10/2019	STK-002297	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
9	30/10/2019	STK-002298	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
10	30/10/2019	STK-002299	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
11	30/10/2019	STK-002300	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
12	30/10/2019	STK-002301	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
13	30/10/2019	STK-002302	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
14	30/10/2019	STK-002303	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
15	30/10/2019	STK-002304	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
16	30/10/2019	STK-002305	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
17	30/10/2019	STK-002306	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
18	30/10/2019	STK-002307	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
19	30/10/2019	STK-002308	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
20	30/10/2019	STK-002309	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
21	30/10/2019	STK-002310	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
22	30/10/2019	STK-002311	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
23	30/10/2019	STK-002312	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
24	30/10/2019	STK-002313	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 38
25	30/10/2019	STK-002314	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 38

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002315	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 38
2	30/10/2019	STK-002316	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 38
3	30/10/2019	STK-002317	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 38
4	30/10/2019	STK-002318	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
5	30/10/2019	STK-002319	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
6	30/10/2019	STK-002320	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
7	30/10/2019	STK-002321	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
8	30/10/2019	STK-002322	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
9	30/10/2019	STK-002323	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
10	30/10/2019	STK-002324	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
11	30/10/2019	STK-002325	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
12	30/10/2019	STK-002326	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
13	30/10/2019	STK-002327	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
14	30/10/2019	STK-002328	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
15	30/10/2019	STK-002329	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
16	30/10/2019	STK-002330	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
17	30/10/2019	STK-002331	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
18	30/10/2019	STK-002332	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
19	30/10/2019	STK-002333	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
20	30/10/2019	STK-002334	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
21	30/10/2019	STK-002335	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
22	30/10/2019	STK-002336	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
23	30/10/2019	STK-002337	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
24	30/10/2019	STK-002338	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
25	30/10/2019	STK-002339	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2008	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/10/2019	STK-002340	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
2	30/10/2019	STK-002341	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
3	30/10/2019	STK-002342	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
4	30/10/2019	STK-002343	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
5	30/10/2019	STK-002344	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
6	30/10/2019	STK-002345	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
7	30/10/2019	STK-002346	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
8	30/10/2019	STK-002347	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
9	30/10/2019	STK-002348	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
10	30/10/2019	STK-002349	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
11	30/10/2019	STK-002350	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
12	30/10/2019	STK-002351	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
13	30/10/2019	STK-002352	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
14	30/10/2019	STK-002353	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
15	30/10/2019	STK-002354	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
16	30/10/2019	STK-002355	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
17	30/10/2019	STK-002356	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
18	30/10/2019	STK-002357	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
19	30/10/2019	STK-002358	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
20	30/10/2019	STK-002359	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
21	30/10/2019	STK-002360	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
22	31/10/2019	STK-002361	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
23	31/10/2019	STK-002362	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
24	31/10/2019	STK-002363	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 1
25	31/10/2019	STK-002364	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	13,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2010	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	14,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	15,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/10/2019	STK-002365	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 2
2	31/10/2019	STK-002366	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
3	31/10/2019	STK-002367	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 3
4	31/10/2019	STK-002368	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
5	31/10/2019	STK-002369	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 4
6	31/10/2019	STK-002370	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
7	31/10/2019	STK-002371	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
8	31/10/2019	STK-002372	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 5
9	31/10/2019	STK-002373	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
10	31/10/2019	STK-002374	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 6
11	31/10/2019	STK-002375	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 7
12	31/10/2019	STK-002376	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
13	31/10/2019	STK-002377	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
14	31/10/2019	STK-002378	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 8
15	31/10/2019	STK-002379	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
16	31/10/2019	STK-002380	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
17	31/10/2019	STK-002381	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 9
18	31/10/2019	STK-002382	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
19	31/10/2019	STK-002383	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 10
20	31/10/2019	STK-002384	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
21	31/10/2019	STK-002385	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
22	31/10/2019	STK-002386	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 11
23	31/10/2019	STK-002387	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
24	31/10/2019	STK-002388	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12
25	31/10/2019	STK-002389	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 12

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	27,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	27,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	27,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/10/2019	STK-002390	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
2	31/10/2019	STK-002391	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
3	31/10/2019	STK-002392	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 13
4	31/10/2019	STK-002393	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
5	31/10/2019	STK-002394	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 14
6	31/10/2019	STK-002395	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
7	31/10/2019	STK-002396	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
8	31/10/2019	STK-002397	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 15
9	31/10/2019	STK-002398	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
10	31/10/2019	STK-002399	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
11	31/10/2019	STK-002400	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 16
12	31/10/2019	STK-002401	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
13	31/10/2019	STK-002402	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
14	31/10/2019	STK-002403	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 17
15	31/10/2019	STK-002404	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
16	31/10/2019	STK-002405	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
17	31/10/2019	STK-002406	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 18
18	31/10/2019	STK-002407	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
19	31/10/2019	STK-002408	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
20	31/10/2019	STK-002409	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 19
21	31/10/2019	STK-002410	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
22	31/10/2019	STK-002411	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
23	31/10/2019	STK-002412	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 20
24	31/10/2019	STK-002413	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
25	31/10/2019	STK-002414	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/10/2019	STK-002415	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 21
2	31/10/2019	STK-002416	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
3	31/10/2019	STK-002417	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
4	31/10/2019	STK-002418	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 22
5	31/10/2019	STK-002419	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
6	31/10/2019	STK-002420	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
7	31/10/2019	STK-002421	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 23
8	31/10/2019	STK-002422	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
9	31/10/2019	STK-002423	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
10	31/10/2019	STK-002424	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 24
11	31/10/2019	STK-002425	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
12	31/10/2019	STK-002426	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 25
13	31/10/2019	STK-002427	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
14	31/10/2019	STK-002428	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
15	31/10/2019	STK-002429	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 26
16	31/10/2019	STK-002430	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
17	31/10/2019	STK-002431	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
18	31/10/2019	STK-002432	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 27
19	31/10/2019	STK-002433	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
20	31/10/2019	STK-002434	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
21	31/10/2019	STK-002435	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 28
22	31/10/2019	STK-002436	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
23	31/10/2019	STK-002437	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
24	31/10/2019	STK-002438	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
25	31/10/2019	STK-002439	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2012	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	28,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/10/2019	STK-002440	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
2	31/10/2019	STK-002441	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
3	31/10/2019	STK-002442	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
4	31/10/2019	STK-002443	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
5	31/10/2019	STK-002444	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
6	31/10/2019	STK-002445	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 29
7	31/10/2019	STK-002446	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
8	31/10/2019	STK-002447	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
9	31/10/2019	STK-002448	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 30
10	31/10/2019	STK-002449	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
11	31/10/2019	STK-002450	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
12	31/10/2019	STK-002451	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 31
13	31/10/2019	STK-002452	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
14	31/10/2019	STK-002453	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
15	31/10/2019	STK-002454	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 32
16	31/10/2019	STK-002455	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
17	31/10/2019	STK-002456	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
18	31/10/2019	STK-002457	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 33
19	31/10/2019	STK-002458	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
20	31/10/2019	STK-002459	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
21	31/10/2019	STK-002460	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
22	31/10/2019	STK-002461	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
23	31/10/2019	STK-002462	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
24	31/10/2019	STK-002463	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
25	31/10/2019	STK-002464	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	25,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/10/2019	STK-002465	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
2	31/10/2019	STK-002466	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
3	31/10/2019	STK-002467	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
4	31/10/2019	STK-002468	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
5	31/10/2019	STK-002469	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
6	31/10/2019	STK-002470	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
7	31/10/2019	STK-002471	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 34
8	31/10/2019	STK-002472	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
9	31/10/2019	STK-002473	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
10	31/10/2019	STK-002474	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 35
11	31/10/2019	STK-002475	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
12	31/10/2019	STK-002476	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 36
13	31/10/2019	STK-002477	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
14	31/10/2019	STK-002478	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
15	31/10/2019	STK-002479	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 37
16	31/10/2019	STK-002480	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 38
17	31/10/2019	STK-002481	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 38
18	31/10/2019	STK-002482	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
19	31/10/2019	STK-002483	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 39
20	31/10/2019	STK-002484	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
21	31/10/2019	STK-002485	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
22	31/10/2019	STK-002486	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 40
23	31/10/2019	STK-002487	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 41
24	31/10/2019	STK-002488	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 41
25	31/10/2019	STK-002489	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 41

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	16,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	26,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/10/2019	STK-002490	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
2	31/10/2019	STK-002491	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
3	31/10/2019	STK-002492	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 42
4	31/10/2019	STK-002493	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
5	31/10/2019	STK-002494	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
6	31/10/2019	STK-002495	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 43
7	31/10/2019	STK-002496	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 44
8	31/10/2019	STK-002497	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 44
9	31/10/2019	STK-002498	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 44
10	31/10/2019	STK-002499	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 45
11	31/10/2019	STK-002500	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 45
12	31/10/2019	STK-002501	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 45
13	31/10/2019	STK-002502	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 46
14	31/10/2019	STK-002503	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 46
15	31/10/2019	STK-002504	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 46
16	31/10/2019	STK-002505	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 47
17	31/10/2019	STK-002506	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 47
18	31/10/2019	STK-002507	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 48
19	31/10/2019	STK-002508	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 48
20	31/10/2019	STK-002509	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 48
21	31/10/2019	STK-002510	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 49
22	31/10/2019	STK-002511	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 49
23	31/10/2019	STK-002512	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 49
24	31/10/2019	STK-002513	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 50
25	31/10/2019	STK-002514	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 50

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	22,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2013	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	23,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	24,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2012	24,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/10/2019	STK-002515	TRẦN BẠCH ĐẰNG - LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH TẬP 50
2	05/11/2019	STN-001122	ALAIN JOST - MÈO CON
3	05/11/2019	STN-001123	ALAIN JOST - MÈO CON
4	05/11/2019	STN-001124	ALAIN JOST - MÈO CON
5	05/11/2019	STN-001125	ALAIN JOST - MÈO CON
6	05/11/2019	STN-001126	ALAIN JOST - MÈO CON
7	05/11/2019	STN-001127	ALAIN JOST - MÈO CON
8	05/11/2019	STN-001128	ALAIN JOST - MÈO CON
9	05/11/2019	STN-001129	MARIE DUVAL - SÓC CON
10	05/11/2019	STN-001130	MARIE DUVAL - SÓC CON
11	05/11/2019	STN-001131	MARIE DUVAL - SÓC CON
12	05/11/2019	STN-001132	MARIE DUVAL - SÓC CON
13	05/11/2019	STN-001133	MARIE DUVAL - SÓC CON
14	05/11/2019	STN-001134	MARIE DUVAL - SÓC CON
15	05/11/2019	STN-001135	MARIE DUVAL - SÓC CON
16	05/11/2019	STN-001136	MARIE DUVAL - SÓC CON
17	05/11/2019	STN-001137	MARIE DUVAL - SÓC CON
18	05/11/2019	STN-001138	MARIE DUVAL - SÓC CON
19	05/11/2019	STN-001139	ALAIN JOST - DÊ CON
20	05/11/2019	STN-001140	ALAIN JOST - DÊ CON
21	05/11/2019	STN-001141	ALAIN JOST - DÊ CON
22	05/11/2019	STN-001142	ALAIN JOST - DÊ CON
23	05/11/2019	STN-001143	ALAIN JOST - DÊ CON
24	05/11/2019	STN-001144	ALAIN JOST - DÊ CON
25	05/11/2019	STN-001145	MARIE DUVAL - HƯƠU CON

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2012	24,000	9(V)	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/11/2019	STN-001146	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
2	05/11/2019	STN-001147	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
3	05/11/2019	STN-001148	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
4	05/11/2019	STN-001149	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
5	05/11/2019	STN-001150	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
6	05/11/2019	STN-001151	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
7	05/11/2019	STN-001152	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
8	05/11/2019	STN-001153	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
9	05/11/2019	STN-001154	MARIE DUVAL - SÓI CON
10	05/11/2019	STN-001155	MARIE DUVAL - SÓI CON
11	05/11/2019	STN-001156	MARIE DUVAL - SÓI CON
12	05/11/2019	STN-001157	MARIE DUVAL - SÓI CON
13	05/11/2019	STN-001158	MARIE DUVAL - SÓI CON
14	05/11/2019	STN-001159	MARIE DUVAL - SÓI CON
15	05/11/2019	STN-001160	MARIE DUVAL - CÁO CON
16	05/11/2019	STN-001161	MARIE DUVAL - CÁO CON
17	05/11/2019	STN-001162	MARIE DUVAL - CÁO CON
18	05/11/2019	STN-001163	MARIE DUVAL - CÁO CON
19	05/11/2019	STN-001164	MARIE DUVAL - CÁO CON
20	05/11/2019	STN-001165	MARIE DUVAL - CÁO CON
21	05/11/2019	STN-001166	MARIE DUVAL - CÁO CON
22	05/11/2019	STN-001167	MARIE DUVAL - CÁO CON
23	05/11/2019	STN-001168	ALAIN JOST - CHÓ CON
24	05/11/2019	STN-001169	ALAIN JOST - CHÓ CON
25	05/11/2019	STN-001170	ALAIN JOST - CHÓ CON

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/11/2019	STN-001171	ALAIN JOST - VOI CON
2	05/11/2019	STN-001172	ALAIN JOST - VOI CON
3	05/11/2019	STN-001173	ALAIN JOST - VOI CON
4	05/11/2019	STN-001174	ALAIN JOST - VOI CON
5	05/11/2019	STN-001175	ALAIN JOST - VOI CON
6	05/11/2019	STN-001176	ALAIN JOST - VOI CON
7	05/11/2019	STN-001177	MARIE DUVAL - NGỰA CON
8	05/11/2019	STN-001178	MARIE DUVAL - NGỰA CON
9	05/11/2019	STN-001179	MARIE DUVAL - NGỰA CON
10	05/11/2019	STN-001180	MARIE DUVAL - NGỰA CON
11	05/11/2019	STN-001181	MARIE DUVAL - NGỰA CON
12	05/11/2019	STN-001182	MARIE DUVAL - NGỰA CON
13	05/11/2019	STN-001183	MARIE DUVAL - NGỰA CON
14	05/11/2019	STN-001184	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
15	05/11/2019	STN-001185	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
16	05/11/2019	STN-001186	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
17	05/11/2019	STN-001187	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
18	05/11/2019	STN-001188	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
19	05/11/2019	STN-001189	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
20	05/11/2019	STN-001190	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
21	05/11/2019	STN-001191	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
22	05/11/2019	STN-001192	MARIE DUVAL - SƯ TỬ BÉ
23	05/11/2019	STN-001193	MARIE DUVAL - THỎ BÉ
24	05/11/2019	STN-001194	MARIE DUVAL - THỎ BÉ
25	05/11/2019	STN-001195	MARIE DUVAL - THỎ BÉ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/11/2019	STN-001196	MARIE DUVAL - THỎ BÉ
2	05/11/2019	STN-001197	MARIE DUVAL - THỎ BÉ
3	05/11/2019	STN-001198	MARIE DUVAL - THỎ BÉ
4	05/11/2019	STN-001199	MARIE DUVAL - GẤU CON
5	05/11/2019	STN-001200	MARIE DUVAL - GẤU CON
6	05/11/2019	STN-001201	MARIE DUVAL - GẤU CON
7	05/11/2019	STN-001202	MARIE DUVAL - GẤU CON
8	05/11/2019	STN-001203	MARIE DUVAL - GẤU CON
9	05/11/2019	STN-001204	MARIE DUVAL - GẤU CON
10	05/11/2019	STN-001205	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ BÁC SĨ NHI KHOA
11	05/11/2019	STN-001206	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI THỢ SỬA XE ĐẠP
12	05/11/2019	STN-001207	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGƯỜI THỢ SỬA XE ĐẠP
13	05/11/2019	STN-001208	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ GIÁO LỚP EM
14	05/11/2019	STN-001209	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ GIÁO LỚP EM
15	05/11/2019	STN-001210	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC TRỒNG RAU
16	05/11/2019	STN-001211	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC TRỒNG RAU
17	05/11/2019	STN-001212	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC TRỒNG RAU
18	05/11/2019	STN-001213	TRẦN HÀ - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
19	05/11/2019	STN-001214	TRẦN HÀ - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
20	05/11/2019	STN-001215	TRẦN HÀ - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
21	05/11/2019	STN-001216	TRẦN HÀ - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
22	05/11/2019	STN-001217	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
23	05/11/2019	STN-001218	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
24	05/11/2019	STN-001219	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
25	05/11/2019	STN-001220	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/11/2019	STN-001221	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
2	05/11/2019	STN-001222	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
3	05/11/2019	STN-001223	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
4	05/11/2019	STN-001224	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
5	05/11/2019	STN-001225	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
6	05/11/2019	STN-001226	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
7	05/11/2019	STN-001227	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
8	05/11/2019	STN-001228	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
9	05/11/2019	STN-001229	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
10	05/11/2019	STN-001230	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
11	05/11/2019	STN-001231	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
12	05/11/2019	STN-001232	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
13	05/11/2019	STN-001233	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
14	05/11/2019	STN-001234	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
15	05/11/2019	STN-001235	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
16	05/11/2019	STN-001236	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
17	05/11/2019	STN-001237	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
18	05/11/2019	STN-001238	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
19	05/11/2019	STN-001239	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
20	05/11/2019	STN-001240	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
21	05/11/2019	STN-001241	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
22	05/11/2019	STN-001242	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
23	05/11/2019	STN-001243	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
24	05/11/2019	STN-001244	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
25	05/11/2019	STN-001245	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/11/2019	STN-001246	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
2	05/11/2019	STN-001247	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
3	05/11/2019	STN-001248	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
4	05/11/2019	STN-001249	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
5	05/11/2019	STN-001250	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
6	05/11/2019	STN-001251	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
7	05/11/2019	STN-001252	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
8	05/11/2019	STN-001253	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
9	05/11/2019	STN-001254	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
10	05/11/2019	STN-001255	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
11	05/11/2019	STN-001256	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
12	05/11/2019	STN-001257	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
13	05/11/2019	STN-001258	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
14	05/11/2019	STN-001259	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
15	05/11/2019	STN-001260	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
16	05/11/2019	STN-001261	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
17	05/11/2019	STN-001262	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
18	05/11/2019	STN-001263	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
19	05/11/2019	STN-001264	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
20	05/11/2019	STN-001265	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
21	05/11/2019	STN-001266	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
22	05/11/2019	STN-001267	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
23	05/11/2019	STN-001268	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
24	05/11/2019	STN-001269	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
25	05/11/2019	STN-001270	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/11/2019	STN-001271	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
2	05/11/2019	STN-001272	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
3	05/11/2019	STN-001273	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
4	05/11/2019	STN-001274	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
5	05/11/2019	STN-001275	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
6	05/11/2019	STN-001276	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
7	05/11/2019	STN-001277	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
8	06/11/2019	STK-002516	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
9	06/11/2019	STK-002517	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
10	06/11/2019	STK-002518	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
11	06/11/2019	STK-002519	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
12	06/11/2019	STK-002520	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
13	06/11/2019	STK-002521	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
14	06/11/2019	STK-002522	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
15	06/11/2019	STK-002523	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
16	06/11/2019	STK-002524	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
17	06/11/2019	STK-002525	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
18	06/11/2019	STK-002526	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
19	06/11/2019	STK-002527	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC TRIỂN LÃM HỘI CHỢ
20	06/11/2019	STK-002528	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC TRIỂN LÃM HỘI CHỢ
21	06/11/2019	STK-002537	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
22	06/11/2019	STK-002538	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
23	06/11/2019	STK-002539	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
24	06/11/2019	STK-002540	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
25	06/11/2019	STK-002541	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/11/2019	STK-002542	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
2	06/11/2019	STK-002543	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
3	06/11/2019	STK-002544	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
4	06/11/2019	STK-002545	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
5	06/11/2019	STK-002546	PHẠM QUANG VINH - SYDEY-ĐIỂM SÁNG NAM BÁN CẦU
6	06/11/2019	STK-002547	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
7	06/11/2019	STK-002548	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
8	06/11/2019	STK-002549	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
9	06/11/2019	STK-002550	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
10	06/11/2019	STK-002551	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
11	06/11/2019	STK-002552	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
12	06/11/2019	STK-002553	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
13	06/11/2019	STK-002554	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
14	06/11/2019	STK-002555	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
15	06/11/2019	STK-002556	PHẠM QUANG VINH - LUÂN ĐÔN CỔ KÍNH VÀ HIỆN ĐẠI
16	06/11/2019	STK-002568	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
17	06/11/2019	STK-002569	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
18	06/11/2019	STK-002570	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
19	06/11/2019	STK-002571	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
20	06/11/2019	STK-002572	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
21	06/11/2019	STK-002573	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
22	06/11/2019	STK-002574	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
23	06/11/2019	STK-002575	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
24	06/11/2019	STK-002576	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH
25	06/11/2019	STK-002577	PHẠM QUANG VINH - DISNEYLAND THIÊN ĐƯỜNG CỔ TÍCH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/11/2019	STN-001278	HOÀNG LAM - NƯỚC TA CUỐI THỜI TRẦN
2	06/11/2019	STN-001279	HOÀNG LAM - NƯỚC TA CUỐI THỜI TRẦN
3	06/11/2019	STN-001280	HOÀNG LAM - NƯỚC TA CUỐI THỜI TRẦN
4	06/11/2019	STN-001281	HOÀNG LAM - TRƯỜNG TRUNG HỌC THỜI HẬU LÊ
5	06/11/2019	STN-001282	HOÀNG LAM - TRƯỜNG TRUNG HỌC THỜI HẬU LÊ
6	06/11/2019	STN-001283	HOÀNG LAM - TRƯỜNG TRUNG HỌC THỜI HẬU LÊ
7	06/11/2019	STN-001284	HOÀNG LAM - TRƯỜNG TRUNG HỌC THỜI HẬU LÊ
8	06/11/2019	STN-001285	HOÀNG LAM - NHÀ LÝ
9	06/11/2019	STN-001286	HOÀNG LAM - NHÀ LÝ
10	06/11/2019	STN-001287	HOÀNG LAM - NHÀ LÝ
11	06/11/2019	STN-001288	HOÀNG LAM - NHÀ TRẦN VÀ VIỆC ĐẮP ĐÊ
12	06/11/2019	STN-001289	HOÀNG LAM - NHÀ TRẦN VÀ VIỆC ĐẮP ĐÊ
13	06/11/2019	STN-001290	HOÀNG LAM - NHÀ TRẦN VÀ VIỆC ĐẮP ĐÊ
14	06/11/2019	STN-001291	HOÀNG LAM - NHÀ TRẦN VÀ VIỆC ĐẮP ĐÊ
15	06/11/2019	STN-001292	HOÀNG LAM - NHÀ HẬU LÊ VÀ VIỆC TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẤT NƯỚC
16	06/11/2019	STN-001293	HOÀNG LAM - NHÀ HẬU LÊ VÀ VIỆC TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẤT NƯỚC
17	06/11/2019	STN-001294	HOÀNG LAM - NHÀ HẬU LÊ VÀ VIỆC TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẤT NƯỚC
18	06/11/2019	STN-001295	HOÀNG LAM - CHIẾN THẮNG CHI LĂNG
19	06/11/2019	STN-001296	HOÀNG LAM - CHIẾN THẮNG CHI LĂNG
20	06/11/2019	STN-001297	HOÀNG LAM - CHIẾN THẮNG CHI LĂNG
21	06/11/2019	STN-001298	HOÀNG LAM - HAI BÀ TRƯNG KHỞI NGHĨA
22	06/11/2019	STN-001299	HOÀNG LAM - HAI BÀ TRƯNG KHỞI NGHĨA
23	06/11/2019	STN-001300	HOÀNG LAM - HAI BÀ TRƯNG KHỞI NGHĨA
24	06/11/2019	STN-001301	HOÀNG LAM - HAI BÀ TRƯNG KHỞI NGHĨA
25	06/11/2019	STN-001302	HOÀNG LAM - NHÀ TRẦN THÀNH LẬP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/11/2019	STN-001303	HOÀNG LAM - NHÀ TRẦN THÀNH LẬP
2	06/11/2019	STN-001304	HOÀNG LAM - NƯỚC ÂU LẠC
3	06/11/2019	STN-001305	HOÀNG LAM - NƯỚC ÂU LẠC
4	06/11/2019	STN-001306	HOÀNG LAM - NƯỚC ÂU LẠC
5	06/11/2019	STN-001307	HOÀNG LAM - ĐINH BỘ LĨNH DẸP LOẠN 12 SỨ QUÂN
6	06/11/2019	STN-001308	HOÀNG LAM - ĐINH BỘ LĨNH DẸP LOẠN 12 SỨ QUÂN
7	06/11/2019	STN-001309	HOÀNG LAM - ĐINH BỘ LĨNH DẸP LOẠN 12 SỨ QUÂN
8	06/11/2019	STN-001310	HOÀNG LAM - CUỘC KHẨN HOANG Ở ĐÀNG TRONG
9	06/11/2019	STN-001311	HOÀNG LAM - CUỘC KHẨN HOANG Ở ĐÀNG TRONG
10	06/11/2019	STN-001312	HOÀNG LAM - CUỘC KHẨN HOANG Ở ĐÀNG TRONG
11	06/11/2019	STN-001313	HOÀNG LAM - CUỘC KHẨN HOANG Ở ĐÀNG TRONG
12	06/11/2019	STN-001314	HOÀNG LAM - CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG
13	06/11/2019	STN-001315	HOÀNG LAM - CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG
14	06/11/2019	STN-001316	HOÀNG LAM - CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG
15	06/11/2019	STN-001317	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN
16	06/11/2019	STN-001318	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN
17	06/11/2019	STN-001319	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN
18	06/11/2019	STN-001320	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN
19	06/11/2019	STN-001321	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC LẦN 2
20	06/11/2019	STN-001322	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC LẦN 2
21	06/11/2019	STN-001323	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC
22	06/11/2019	STN-001324	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC
23	06/11/2019	STN-001325	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC
24	06/11/2019	STN-001326	HOÀNG LAM - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC
25	06/11/2019	STN-001327	HOÀNG LAM - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ MONG MUỐN CANH TÂN ĐẤT NƯỚC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/11/2019	STN-001328	HOÀNG LAM - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ MONG MUỐN CANH TÂN ĐẤT NƯỚC
2	06/11/2019	STN-001329	HOÀNG LAM - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ MONG MUỐN CANH TÂN ĐẤT NƯỚC
3	06/11/2019	STN-001330	HOÀNG LAM - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ MONG MUỐN CANH TÂN ĐẤT NƯỚC
4	06/11/2019	STN-001331	HOÀNG LAM - TRƯƠNG ĐỊNH
5	06/11/2019	STN-001332	HOÀNG LAM - TRƯƠNG ĐỊNH
6	06/11/2019	STN-001333	HOÀNG LAM - TRƯƠNG ĐỊNH
7	06/11/2019	STN-001334	HOÀNG LAM - TRƯƠNG ĐỊNH
8	06/11/2019	STN-001335	HOÀNG LAM - CUỘC PHẢN CÔNG Ở KINH THÀNH HUẾ
9	06/11/2019	STN-001336	HOÀNG LAM - CUỘC PHẢN CÔNG Ở KINH THÀNH HUẾ
10	06/11/2019	STN-001337	HOÀNG LAM - CUỘC PHẢN CÔNG Ở KINH THÀNH HUẾ
11	06/11/2019	STN-001338	HOÀNG LAM - NƯỚC TA DƯỚI ÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC
12	06/11/2019	STN-001339	HOÀNG LAM - NƯỚC TA DƯỚI ÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC
13	06/11/2019	STN-001340	HOÀNG LAM - NƯỚC TA DƯỚI ÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC
14	06/11/2019	STN-001341	HOÀNG LAM - NƯỚC TA DƯỚI ÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC
15	06/11/2019	STN-001342	HOÀNG LAM - XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH
16	06/11/2019	STN-001343	HOÀNG LAM - XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH
17	06/11/2019	STN-001344	HOÀNG LAM - XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH
18	06/11/2019	STN-001345	HOÀNG LAM - XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH
19	06/11/2019	STN-001346	HOÀNG LAM - TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH
20	06/11/2019	STN-001347	HOÀNG LAM - TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH
21	06/11/2019	STN-001348	HOÀNG LAM - TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH
22	06/11/2019	STN-001349	HOÀNG LAM - TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH
23	06/11/2019	STN-001350	HOÀNG LAM - ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI
24	06/11/2019	STN-001351	HOÀNG LAM - ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI
25	06/11/2019	STN-001352	HOÀNG LAM - ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/11/2019	STN-001353	HOÀNG LAM - PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU
2	06/11/2019	STN-001354	HOÀNG LAM - PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU
3	06/11/2019	STN-001355	HOÀNG LAM - PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU
4	06/11/2019	STN-001356	HOÀNG LAM - PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU
5	06/11/2019	STN-001357	HOÀNG LAM - XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX-ĐẦU THẾ KỶ XX
6	06/11/2019	STN-001358	HOÀNG LAM - XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX-ĐẦU THẾ KỶ XX
7	06/11/2019	STN-001359	HOÀNG LAM - XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX-ĐẦU THẾ KỶ XX
8	06/11/2019	STN-001360	HOÀNG LAM - XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX-ĐẦU THẾ KỶ XX
9	06/11/2019	STN-001361	HOÀNG LAM - NƯỚC VĂN LANG
10	06/11/2019	STN-001362	HOÀNG LAM - NƯỚC VĂN LANG
11	06/11/2019	STN-001363	HOÀNG LAM - NƯỚC VĂN LANG
12	07/11/2019	STK-002580	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC VÀ CẢNH QUAN ĐÀ NẴNG
13	07/11/2019	STK-002581	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
14	07/11/2019	STK-002582	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
15	07/11/2019	STK-002583	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
16	07/11/2019	STK-002584	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
17	07/11/2019	STK-002585	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
18	07/11/2019	STK-002586	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
19	07/11/2019	STK-002587	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
20	07/11/2019	STK-002588	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
21	07/11/2019	STK-002589	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
22	07/11/2019	STK-002590	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
23	07/11/2019	STK-002591	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
24	07/11/2019	STK-002592	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
25	07/11/2019	STK-002593	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/11/2019	STK-002594	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
2	07/11/2019	STK-002595	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
3	07/11/2019	STK-002596	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
4	07/11/2019	STK-002597	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
5	07/11/2019	STK-002598	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
6	07/11/2019	STK-002599	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
7	07/11/2019	STK-002600	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
8	07/11/2019	STK-002601	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
9	07/11/2019	STK-002602	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
10	07/11/2019	STK-002603	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
11	07/11/2019	STK-002604	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
12	07/11/2019	STK-002605	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
13	07/11/2019	STK-002606	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
14	07/11/2019	STK-002607	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
15	07/11/2019	STK-002608	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
16	07/11/2019	STK-002609	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
17	07/11/2019	STK-002610	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
18	07/11/2019	STK-002611	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
19	07/11/2019	STK-002612	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
20	07/11/2019	STK-002613	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
21	07/11/2019	STK-002614	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
22	07/11/2019	STK-002615	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
23	07/11/2019	STK-002616	PHẠM QUANG VINH - CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC HẠ LONG
24	07/11/2019	STK-002617	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
25	07/11/2019	STK-002618	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/11/2019	STK-002619	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
2	07/11/2019	STK-002620	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
3	07/11/2019	STK-002621	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
4	07/11/2019	STK-002622	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
5	07/11/2019	STK-002623	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
6	07/11/2019	STK-002624	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
7	07/11/2019	STK-002625	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
8	07/11/2019	STK-002626	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
9	07/11/2019	STK-002627	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
10	07/11/2019	STK-002628	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
11	07/11/2019	STK-002629	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
12	07/11/2019	STK-002630	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
13	07/11/2019	STK-002631	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
14	07/11/2019	STK-002632	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
15	07/11/2019	STK-002633	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
16	07/11/2019	STK-002634	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
17	07/11/2019	STK-002635	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
18	07/11/2019	STK-002636	PHẠM QUANG VINH - TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO
19	07/11/2019	STN-001364	HOÀNG ANH - MAI THÚC LOAN
20	07/11/2019	STN-001365	HOÀNG ANH - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VƯỢT LÊN SỐ PHẬN
21	07/11/2019	STN-001366	HOÀNG ANH - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VƯỢT LÊN SỐ PHẬN
22	07/11/2019	STN-001367	HOÀNG ANH - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VƯỢT LÊN SỐ PHẬN
23	07/11/2019	STN-001368	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ
24	07/11/2019	STN-001369	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ
25	07/11/2019	STN-001370	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	72	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/11/2019	STN-001371	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ
2	07/11/2019	STN-001372	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ
3	07/11/2019	STN-001373	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ
4	07/11/2019	STN-001374	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ
5	07/11/2019	STN-001375	HOÀNG ANH - TÁM MƯƠI HAI TUỔI VẪN LỀU CHÕNG ĐI THI
6	07/11/2019	STN-001376	HOÀNG ANH - TÁM MƯƠI HAI TUỔI VẪN LỀU CHÕNG ĐI THI
7	07/11/2019	STN-001377	HOÀNG ANH - TÁM MƯƠI HAI TUỔI VẪN LỀU CHÕNG ĐI THI
8	07/11/2019	STN-001378	HOÀNG ANH - TÁM MƯƠI HAI TUỔI VẪN LỀU CHÕNG ĐI THI
9	07/11/2019	STN-001379	HOÀNG ANH - TÁM MƯƠI HAI TUỔI VẪN LỀU CHÕNG ĐI THI
10	07/11/2019	STN-001380	HOÀNG ANH - TÁM MƯƠI HAI TUỔI VẪN LỀU CHÕNG ĐI THI
11	07/11/2019	STN-001381	HOÀNG ANH - CHA GIÀ DẠY CON THI ĐỖ TIẾN SĨ
12	07/11/2019	STN-001382	HOÀNG ANH - CHA GIÀ DẠY CON THI ĐỖ TIẾN SĨ
13	07/11/2019	STN-001383	HOÀNG ANH - CHA GIÀ DẠY CON THI ĐỖ TIẾN SĨ
14	07/11/2019	STN-001384	HOÀNG ANH - ĐI CHĂN TRÂU THI ĐỖ TIẾN SĨ
15	07/11/2019	STN-001385	HOÀNG ANH - ĐI CHĂN TRÂU THI ĐỖ TIẾN SĨ
16	07/11/2019	STN-001386	HOÀNG ANH - ĐI CHĂN TRÂU THI ĐỖ TIẾN SĨ
17	07/11/2019	STN-001387	HOÀNG ANH - THẦN ĐỒNG ĐẤT HƯNG HÀ
18	07/11/2019	STN-001388	HOÀNG ANH - THẦN ĐỒNG ĐẤT HƯNG HÀ
19	07/11/2019	STN-001389	HOÀNG ANH - THẦN ĐỒNG ĐẤT HƯNG HÀ
20	07/11/2019	STN-001390	HOÀNG ANH - THẦN ĐỒNG ĐẤT HƯNG HÀ
21	07/11/2019	STN-001391	HOÀNG ANH - THẦN ĐỒNG ĐẤT HƯNG HÀ
22	07/11/2019	STN-001392	HOÀNG ANH - THẦN ĐỒNG ĐẤT HƯNG HÀ
23	07/11/2019	STN-001393	HOÀNG ANH - THẦN ĐỒNG ĐẤT HƯNG HÀ
24	07/11/2019	STN-001394	CAO XUÂN SƠN - HỎI LÁ HỎI HOA
25	07/11/2019	STN-001395	PHẠM HỔ - NHỮNG BÀI THƠ NHO NHỎ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV11	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/11/2019	STN-001396	PHẠM HỔ - NHỮNG BÀI THƠ NHO NHỎ
2	07/11/2019	STN-001397	TRẦN ĐĂNG KHOA - GÓC SÂN VÀ KHOẢNG TRỜI
3	07/11/2019	STN-001398	TRẦN ĐĂNG KHOA - GÓC SÂN VÀ KHOẢNG TRỜI
4	07/11/2019	STN-001399	PHẠM TỰ DO - BẢN HỢP CA CỦA RỪNG XANH
5	07/11/2019	STN-001400	PHẠM TỰ DO - BẢN HỢP CA CỦA RỪNG XANH
6	07/11/2019	STN-001401	TRẦN HÀ - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
7	07/11/2019	STN-001402	TRẦN HÀ - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
8	07/11/2019	STN-001403	TRẦN HÀ - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
9	07/11/2019	STN-001404	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
10	07/11/2019	STN-001405	TRẦN HÀ - CÂY ĐÈN BIỂN
11	07/11/2019	STN-001406	TRẦN HÀ - BẮP CẢI XANH
12	07/11/2019	STN-001407	TRẦN HÀ - BÓNG MÂY
13	07/11/2019	STN-001408	TRẦN HÀ - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
14	07/11/2019	STN-001409	TRẦN HÀ - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
15	07/11/2019	STN-001410	TRẦN HÀ - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
16	07/11/2019	STN-001411	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
17	07/11/2019	STN-001412	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
18	07/11/2019	STN-001413	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
19	07/11/2019	STN-001414	TRẦN HÀ - CÁI CHỔI RƠM
20	07/11/2019	STN-001415	PHƯƠNG THẢO - TUỔI THANH XUÂN CỦA DANH TƯỚNG TRỊNH KHẢ
21	07/11/2019	STN-001416	MẠNH TÂM - VŨ TUẤN CHIÊU NHỜ VỢ MÀ ĐỖ TRẠNG NGUYÊN
22	07/11/2019	STN-001417	MẠNH TÂM - VŨ TUẤN CHIÊU NHỜ VỢ MÀ ĐỖ TRẠNG NGUYÊN
23	07/11/2019	STN-001418	MẠNH TÂM - LÒNG CƯƠNG TRỰC VÀ ĐỨC THANH LIÊM CỦA PHẠM HỮU KINH
24	07/11/2019	STN-001419	MẠNH TÂM - LỜI CỦA QUAN TIỀN DOANH THỐNG CHẾ NGUYỄN VĂN TRÍ
25	07/11/2019	STN-001420	MẠNH TÂM - CHUYỆN XÉT ÁN CỦA HOÀNG GIÁP NGUYỄN MẠI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/11/2019	STN-001421	PHƯƠNG THẢO - CHUYỆN LY KỲ VỀ KIẾP TRƯỚC CỦA VUA LÝ NHÂN TÔNG
2	07/11/2019	STN-001422	MẠNH TÂM - CHUYỆN CHA CON ĐỖ ĐỐC ĐÀO QUANG NHIÊU
3	07/11/2019	STN-001423	MẠNH TÂM - CHUYỆN CHA CON ĐỖ ĐỐC ĐÀO QUANG NHIÊU
4	07/11/2019	STN-001424	MẠNH TÂM - GIAI THOẠI VỀ TÀI LÀM CÂU ĐỐI TẾT CỦA VUA LÊ THÁNH TÔNG
5	07/11/2019	STN-001425	MẠNH TÂM - TÀI VÀ ĐỨC CỦA TRẠNG NGUYÊN NGUYỄN QUỐC TRINH
6	07/11/2019	STN-001426	MẠNH TÂM - TÀI VÀ ĐỨC CỦA TRẠNG NGUYÊN NGUYỄN QUỐC TRINH
7	07/11/2019	STN-001427	MẠNH TÂM - TÀI VÀ ĐỨC CỦA TRẠNG NGUYÊN NGUYỄN QUỐC TRINH
8	07/11/2019	STN-001428	MẠNH TÂM - TÀI VÀ ĐỨC CỦA TRẠNG NGUYÊN NGUYỄN QUỐC TRINH
9	07/11/2019	STN-001429	MẠNH TÂM - THỜI ĐI HỌC CỦA TRẠNG NGUYÊN VŨ DUỆ
10	07/11/2019	STN-001430	MẠNH TÂM - THỜI ĐI HỌC CỦA TRẠNG NGUYÊN VŨ DUỆ
11	07/11/2019	STN-001431	MẠNH TÂM - THỜI ĐI HỌC CỦA TRẠNG NGUYÊN VŨ DUỆ
12	07/11/2019	STN-001432	MẠNH TÂM - THỜI ĐI HỌC CỦA TRẠNG NGUYÊN VŨ DUỆ
13	07/11/2019	STN-001433	MẠNH TÂM - TRẠNG NGUYÊN LƯƠNG THẾ VINH LÀM PHU KHIÊNG KIỆU NHƯ THẾ NÀO
14	07/11/2019	STN-001434	MẠNH TÂM - TRẠNG NGUYÊN LƯƠNG THẾ VINH LÀM PHU KHIÊNG KIỆU NHƯ THẾ NÀO
15	07/11/2019	STN-001435	PHƯƠNG THẢO - NGỌC HOA CÔNG CHÚA NỮ ĐIỆP VIÊN TRẺ TUỔI XUẤT SẮC THỜI LÝ
16	07/11/2019	STN-001436	PHƯƠNG THẢO - NGỌC HOA CÔNG CHÚA NỮ ĐIỆP VIÊN TRẺ TUỔI XUẤT SẮC THỜI LÝ
17	07/11/2019	STN-001437	PHƯƠNG THẢO - NGỌC HOA CÔNG CHÚA NỮ ĐIỆP VIÊN TRẺ TUỔI XUẤT SẮC THỜI LÝ
18	07/11/2019	STN-001438	MẠNH TÂM - TÀI ỨNG ĐỐI CỦA MẠC ĐĨNH CHI
19	07/11/2019	STN-001439	MẠNH TÂM - VÌ SAO DÒNG HỌ NGUYỄN Ở HUYỆN ĐÔNG NGÀN ĐẠI PHÁT DANH NHO
20	07/11/2019	STN-001440	MẠNH TÂM - VÌ SAO DÒNG HỌ NGUYỄN Ở HUYỆN ĐÔNG NGÀN ĐẠI PHÁT DANH NHO
21	07/11/2019	STN-001441	THI THI - QUẠ MUỐN LÀM CÔNG
22	07/11/2019	STN-001442	THANH LOAN - CHÚ TÊ GIÁC KIÊU NGẠO
23	07/11/2019	STN-001443	THANH LOAN - CHÚ RÙA TINH KHÔN
24	07/11/2019	STN-001444	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
25	07/11/2019	STN-001445	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/11/2019	STN-001446	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
2	07/11/2019	STN-001447	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
3	07/11/2019	STN-001448	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
4	07/11/2019	STN-001449	THANH LOAN - NĂM ĐẢO VÀNG CỦA HẢI CẦU
5	07/11/2019	STN-001450	THANH LOAN - NĂM ĐẢO VÀNG CỦA HẢI CẦU
6	07/11/2019	STN-001451	THANH LOAN - NĂM ĐẢO VÀNG CỦA HẢI CẦU
7	07/11/2019	STN-001452	THANH LOAN - NĂM ĐẢO VÀNG CỦA HẢI CẦU
8	07/11/2019	STN-001453	THANH LOAN - HÀ MÃ ĐI THI
9	07/11/2019	STN-001454	THANH LOAN - HÀ MÃ ĐI THI
10	07/11/2019	STN-001455	THANH LOAN - HÀ MÃ ĐI THI
11	07/11/2019	STN-001456	THANH LOAN - HÀ MÃ ĐI THI
12	07/11/2019	STN-001457	THANH LOAN - VỤ KIẾN CHÂU CHẤU
13	07/11/2019	STN-001458	THANH LOAN - VỤ KIẾN CHÂU CHẤU
14	07/11/2019	STN-001459	THANH LOAN - VỤ KIẾN CHÂU CHẤU
15	07/11/2019	STN-001460	THANH LOAN - VỤ KIẾN CHÂU CHẤU
16	07/11/2019	STN-001461	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
17	07/11/2019	STN-001462	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
18	07/11/2019	STN-001463	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
19	07/11/2019	STN-001464	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
20	07/11/2019	STN-001465	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
21	07/11/2019	STN-001466	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
22	07/11/2019	STN-001467	ALAIN JOST - CHÓ CON
23	07/11/2019	STN-001468	MARIE DUVAL - CÁO CON
24	07/11/2019	STN-001469	MARIE DUVAL - THỎ BÉ
25	29/11/2019	STN-001470	FIONA MACDONALD - NGƯỜI LA MÃ THÍCH TẮM CHUNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ LA MÃ CỔ ĐẠI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/11/2019	STN-001471	BRENDA WALPOLE - MẶT TRỜI MỌC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THỜI GIAN VÀ CÁC MÙA
2	29/11/2019	STN-001472	BRENDA WALPOLE - MẶT TRỜI MỌC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THỜI GIAN VÀ CÁC MÙA
3	29/11/2019	STN-001473	BRENDA WALPOLE - MẶT TRỜI MỌC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THỜI GIAN VÀ CÁC MÙA
4	29/11/2019	STN-001474	PAT JACOBS - CHIM CÁNH CỤT KHÔNG BIẾT BAY VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ VÙNG CỰC
5	29/11/2019	STN-001475	PAT JACOBS - CHIM CÁNH CỤT KHÔNG BIẾT BAY VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ VÙNG CỰC
6	29/11/2019	STN-001476	ANDREW CHARMAN - LÁ CÂY ĐỔI MÀU
7	29/11/2019	STN-001477	ANDREW CHARMAN - LÁ CÂY ĐỔI MÀU
8	29/11/2019	STN-001478	ANDREW CHARMAN - LÁ CÂY ĐỔI MÀU
9	29/11/2019	STN-001479	ANDREW CHARMAN - LÁ CÂY ĐỔI MÀU
10	29/11/2019	STN-001480	ANITA GANERI - NƯỚC BIỂN CÓ VỊ MẶN VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG
11	29/11/2019	STN-001481	ANITA GANERI - NƯỚC BIỂN CÓ VỊ MẶN VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG
12	29/11/2019	STN-001482	ANITA GANERI - NƯỚC BIỂN CÓ VỊ MẶN VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG
13	29/11/2019	STN-001483	ANITA GANERI - NƯỚC BIỂN CÓ VỊ MẶN VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG
14	29/11/2019	STN-001484	PHILIP STEELE - NGƯỜI AI CẬP XÂY KIM TỰ THÁP VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ AI CẬP CỔ ĐẠI
15	29/11/2019	STN-001485	PHILIP STEELE - NGƯỜI AI CẬP XÂY KIM TỰ THÁP VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ AI CẬP CỔ ĐẠI
16	29/11/2019	STN-001486	PHILIP STEELE - NGƯỜI AI CẬP XÂY KIM TỰ THÁP VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ AI CẬP CỔ ĐẠI
17	29/11/2019	STN-001487	ROD THEODOROU - KHỦNG LONG TUYỆT CHỦNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ KHỦNG LONG
18	29/11/2019	STN-001488	ANITA GANERI - LẠC ĐÀ CÓ BƯỚU VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐỘNG VẬT
19	29/11/2019	STN-001489	ANITA GANERI - LẠC ĐÀ CÓ BƯỚU VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐỘNG VẬT
20	29/11/2019	STN-001490	ANITA GANERI - LẠC ĐÀ CÓ BƯỚU VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐỘNG VẬT
21	29/11/2019	STN-001491	JACKIE GAFF - SA MẠC SAHARA LẠNH VỀ ĐÊM VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HOANG MẠC
22	29/11/2019	STN-001492	JENNY WOOD - KANGAROO CÓ TÚI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CON NON
23	29/11/2019	STN-001493	JENNY WOOD - KANGAROO CÓ TÚI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CON NON
24	29/11/2019	STN-001494	PAT JACOBS - CƯỚP BIỂN XỎ KHUYÊN TAI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƯỚP BIỂN
25	29/11/2019	STN-001495	PAT JACOBS - CƯỚP BIỂN XỎ KHUYÊN TAI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƯỚP BIỂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/11/2019	STN-001496	PAT JACOBS - CƯỚP BIỂN XỎ KHUYÊN TAI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƯỚP BIỂN
2	29/11/2019	STN-001497	PAT JACOBS - CƯỚP BIỂN XỎ KHUYÊN TAI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƯỚP BIỂN
3	29/11/2019	STN-001498	BRIGID AVISON - BỤNG EM SÔI ÙNG ỤC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƠ THỂ NGƯỜI
4	29/11/2019	STN-001499	BRIGID AVISON - BỤNG EM SÔI ÙNG ỤC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƠ THỂ NGƯỜI
5	29/11/2019	STN-001500	CAROLE STOTT - CÁC NGÔI SAO NHẤP NHÁY
6	29/11/2019	STN-001501	CAROLE STOTT - CÁC NGÔI SAO NHẤP NHÁY
7	29/11/2019	STN-001502	CAROLE STOTT - CÁC NGÔI SAO NHẤP NHÁY
8	29/11/2019	STN-001503	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
9	29/11/2019	STN-001504	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
10	29/11/2019	STN-001505	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI?
11	29/11/2019	STN-001506	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI?
12	29/11/2019	STN-001507	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ
13	29/11/2019	STN-001508	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ
14	29/11/2019	STN-001509	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ
15	29/11/2019	STN-001510	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ
16	29/11/2019	STN-001511	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI
17	29/11/2019	STN-001512	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI
18	29/11/2019	STN-001513	THU NGÂN - THIÊN NHIÊN TRONG VƯỜN THÚ
19	29/11/2019	STN-001514	THU NGÂN - THIÊN NHIÊN TRONG VƯỜN THÚ
20	29/11/2019	STN-001515	THU NGÂN - THIÊN NHIÊN TRONG VƯỜN THÚ
21	29/11/2019	STN-001516	NHỮ NGUYÊN - CÁI ĐUÔI KHÔNG CHỈ ĐUỔI RUỒI
22	29/11/2019	STN-001517	NHỮ NGUYÊN - ĐỒNG HỒ TÍCH TẮC
23	29/11/2019	STN-001518	NHỮ NGUYÊN - GIỌT NƯỚC LẠ KỲ
24	29/11/2019	STN-001519	NHỮ NGUYÊN - KHÔNG CHỈ BẰNG CHÂN
25	29/11/2019	STN-001520	NHỮ NGUYÊN - KHÔNG CHỈ BẰNG CHÂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/11/2019	STN-001521	NHỮ NGUYÊN - CHUYỆN LÍ THÚ VỀ CÁI ĐẦU
2	29/11/2019	STN-001522	HOÀNG XUÂN VINH - CHUYỆN NHỮNG CHIẾC RĂNG
3	29/11/2019	STN-001523	VIỆT THẮNG - LIỀU THUỐC THÔNG MINH
4	29/11/2019	STN-001524	VIỆT THẮNG - LIỀU THUỐC THÔNG MINH
5	29/11/2019	STN-001525	THU NGÂN - ĐỘNG VẬT CHÀO ĐỜI
6	29/11/2019	STN-001526	LISA MAGLOFF - CHÓ CON
7	29/11/2019	STN-001527	NGUYỄN HOÀNG - CÁO, THỎ, GÀ TRỐNG
8	29/11/2019	STN-001528	NGUYỄN HOÀNG - CÁO, THỎ, GÀ TRỐNG
9	29/11/2019	STN-001529	NGUYỄN HOÀNG - CÁO, THỎ, GÀ TRỐNG
10	29/11/2019	STN-001530	NHẬT TÂN - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
11	29/11/2019	STN-001531	NHẬT TÂN - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
12	29/11/2019	STN-001532	NHẬT TÂN - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
13	29/11/2019	STN-001533	NHẬT TÂN - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
14	29/11/2019	STN-001534	NGUYỄN HOÀNG - SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
15	29/11/2019	STN-001535	NGUYỄN HOÀNG - SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
16	29/11/2019	STN-001536	NGUYỄN HOÀNG - SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
17	29/11/2019	STN-001537	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
18	29/11/2019	STN-001538	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
19	29/11/2019	STN-001539	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
20	29/11/2019	STN-001540	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
21	29/11/2019	STN-001541	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
22	29/11/2019	STN-001542	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
23	29/11/2019	STN-001543	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
24	29/11/2019	STN-001544	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
25	29/11/2019	STN-001545	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN19	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,800	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/11/2019	STN-001546	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO CÓ ĐƯỢC NÚI CAO
2	29/11/2019	STN-001547	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO CÓ ĐƯỢC NÚI CAO
3	29/11/2019	STN-001548	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO CÓ ĐƯỢC NÚI CAO
4	29/11/2019	STN-001549	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO CÓ ĐƯỢC NÚI CAO
5	29/11/2019	STN-001550	THANH HƯƠNG - BU BU LÀM HỌA SĨ
6	29/11/2019	STN-001551	NHẬT TÂN - BÁC THỎ TỐT BỤNG
7	29/11/2019	STN-001552	NHẬT TÂN - BÁC THỎ TỐT BỤNG
8	29/11/2019	STN-001553	THANH HƯƠNG - BU BU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
9	29/11/2019	STN-001554	MẠNH TÂM - TUỔI TRẺ CỦA LÝ THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ
10	29/11/2019	STN-001555	NGÔ MINH VÂN - CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ
11	29/11/2019	STN-001556	NGÔ MINH VÂN - CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ
12	29/11/2019	STN-001557	NGÔ MINH VÂN - CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ
13	29/11/2019	STN-001558	NGÔ MINH VÂN - CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ
14	29/11/2019	STN-001559	NGÔ MINH VÂN - CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ
15	29/11/2019	STN-001560	HÙNG LÂN - NGƯỜI BẠN MỚI
16	29/11/2019	STN-001561	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
17	29/11/2019	STN-001562	TRẦN HÀ - HOA TRONG VƯỜN
18	29/11/2019	STN-001563	THANH LOAN - CHÚ TÊ GIÁC KIÊU NGẠO
19	29/11/2019	STN-001564	TIỂU VI THANH - CHUYẾN ĐI XA CỦA CHÚ CHUỘT NHỎ
20	29/11/2019	STN-001565	TIỂU VI THANH - CHUYẾN ĐI XA CỦA CHÚ CHUỘT NHỎ
21	29/11/2019	STN-001566	NGUYỄN THỦY - BẦY CHIM THIÊN NGA
22	29/11/2019	STN-001567	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LUẬT GIAO THÔNG
23	29/11/2019	STN-001568	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
24	29/11/2019	STN-001569	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
25	29/11/2019	STN-001570	NGUYỄN HOÀNG SƠN - SỰ TÍCH RƯỚC ĐÈN TRUNG THU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2004	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2014	8,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2014	8,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2014	8,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2014	8,000	ĐV18	2							
Thanh niên	HN	2014	8,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2011	12,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	3,600	ĐV11	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/11/2019	STN-001571	THẢO QUYÊN - ÔNG TƯỚNG CANH ĐỀN
2	29/11/2019	STN-001572	HÙNG LÂN - THẠCH SANH LÝ THÔNG
3	29/11/2019	STN-001573	NGUYỄN THỦY - ALIBABA VÀ BỐN MƯƠI TÊN CƯỚP
4	29/11/2019	STN-001574	HOÀNG LAM - CHIẾN THẮNG CHI LĂNG
5	29/11/2019	STN-001575	ARFAN ALFAYYAD - CHIM CÁNH CỤT- NHỮNG CƯ DÂN ĐỊA CỰC NGỘ NGHĨNH
6	29/11/2019	STN-001576	THANH HƯƠNG - RAU CỦ TRONG VƯỜN
7	29/11/2019	STN-001577	TIỀU VI THANH - QUÀ SINH NHẬT
8	29/11/2019	STN-001578	NHẬT TÂN - MÓN QUÀ QUÝ NHẤT
9	29/11/2019	STN-001579	NHẬT TÂN - MÓN QUÀ QUÝ NHẤT
10	29/11/2019	STN-001580	LÊ VĂN VỌNG - NHIỆM VỤ ĐẶC BIỆT
11	29/11/2019	STN-001581	LÊ VĂN VỌNG - NHIỆM VỤ ĐẶC BIỆT
12	29/11/2019	STN-001582	LÊ VĂN VỌNG - NHIỆM VỤ ĐẶC BIỆT
13	29/11/2019	STN-001583	LÊ VĂN VỌNG - NHIỆM VỤ ĐẶC BIỆT
14	29/11/2019	STN-001584	LÊ VĂN VỌNG - NHIỆM VỤ ĐẶC BIỆT
15	29/11/2019	STN-001585	LÊ VĂN VỌNG - NHIỆM VỤ ĐẶC BIỆT
16	29/11/2019	STN-001586	NHIÊN HÀ - CẬU BÉ TÍCH CHU
17	29/11/2019	STN-001587	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
18	29/11/2019	STN-001588	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
19	29/11/2019	STN-001589	THANH HƯƠNG - BUBU ÍCH KỶ
20	29/11/2019	STN-001590	THANH HƯƠNG - BUBU ÍCH KỶ
21	29/11/2019	STN-001591	THANH HƯƠNG - BUBU ÍCH KỶ
22	29/11/2019	STN-001592	THANH HƯƠNG - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
23	29/11/2019	STN-001593	THANH HƯƠNG - BUBU THÍCH KHỦNG LONG
24	29/11/2019	STN-001594	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
25	29/11/2019	STN-001595	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	2							
Đồng Nai	ĐN	2005	9,500	ĐV17	2							
Mỹ thuật	HN	2011	12,500	ĐV18	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	6,000	ĐV29	2							
Thanh niên	HN	2017	15,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV29	2							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV29	2							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV29	2							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV29	2							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV29	2							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV29	2							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2013	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/11/2019	STN-001596	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
2	29/11/2019	STN-001597	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
3	29/11/2019	STN-001598	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
4	29/11/2019	STN-001599	HOÀNG LAM - LÊ LỢI
5	29/11/2019	STN-001600	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LỄ GIÁO
6	29/11/2019	STN-001601	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO TRỜI MƯA
7	29/11/2019	STN-001602	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO TRỜI MƯA
8	29/11/2019	STN-001603	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO TRỜI MƯA
9	29/11/2019	STN-001604	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO TRỜI MƯA
10	29/11/2019	STN-001605	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO TRỜI MƯA
11	29/11/2019	STN-001606	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ, QUẠ
12	29/11/2019	STN-001607	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐỘI MŨ BẢO HIỂM
13	29/11/2019	STN-001608	THANH HƯƠNG - BUBU TRUNG THỰC
14	29/11/2019	STN-001609	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐẾN TRƯỜNG
15	29/11/2019	STN-001610	TIỂU VI THANH - BUBU MỪNG SINH NHẬT
16	29/11/2019	STN-001611	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU DŨNG CẢM
17	29/11/2019	STN-001612	THANH HƯƠNG - BUBU ĐẾN TRƯỜNG
18	29/11/2019	STN-001613	THANH HƯƠNG - BUBU BỊ BỆNH
19	29/11/2019	STN-001614	THANH HƯƠNG - BUBU BỊ BỆNH
20	29/11/2019	STN-001615	TIỂU VI THANH - BUBU GIÚP MẸ
21	29/11/2019	STN-001616	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG CẨN THẬN
22	29/11/2019	STN-001617	TIỂU VI THANH - BUBU ĐI XE ĐẠP
23	29/11/2019	STN-001618	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH ĂN KẸO
24	29/11/2019	STN-001619	QUỐC VIỆT - GÀ TƠ ĐI HỌC
25	29/11/2019	STN-001620	QUỐC VIỆT - GÀ TƠ ĐI HỌC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	2							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	2							
Trẻ	TPHCM	2005	3,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2002	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2002	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2002	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2002	4,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2002	4,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	4,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/11/2019	STN-001621	TRẦN HÀ - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
2	29/11/2019	STN-001622	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM - ANH ẤM SÀNH SỨT VÒI
3	29/11/2019	STN-001623	MARIE DUVAL - THỎ BÉ
4	29/11/2019	STN-001624	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH NÚI VÀNG
5	29/11/2019	STN-001625	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VẼ TRANH
6	29/11/2019	STN-001626	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
7	29/11/2019	STN-001627	THANH LOAN - NĂM ĐẢO VÀNG CỦA HẢI CẦU
8	29/11/2019	STN-001628	THANH HƯƠNG - QUẢ NGỌT TRONG VƯỜN
9	05/12/2019	STK-002637	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 1
10	05/12/2019	STK-002638	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 1
11	05/12/2019	STK-002639	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 2
12	05/12/2019	STK-002640	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 2
13	05/12/2019	STK-002641	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 2
14	05/12/2019	STK-002642	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 3
15	05/12/2019	STK-002643	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 3
16	05/12/2019	STK-002644	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 3
17	05/12/2019	STK-002645	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 4
18	05/12/2019	STK-002646	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 4
19	05/12/2019	STK-002647	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 4
20	05/12/2019	STK-002648	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 5
21	05/12/2019	STK-002649	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 5
22	05/12/2019	STK-002650	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 6
23	05/12/2019	STK-002651	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 6
24	05/12/2019	STK-002652	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 6
25	05/12/2019	STK-002653	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 7

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	ĐV18	2							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	2							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	2							
Trẻ	TPHCM	2008	38,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	38,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	35,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	35,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	35,500	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	208	46,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	208	46,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	208	46,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	50,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	50,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	50,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	47,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2007	47,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	53,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	53,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	53,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	61,000	9(V)	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	05/12/2019	STK-002654	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 7
2	05/12/2019	STK-002655	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 7
3	05/12/2019	STK-002656	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 8
4	05/12/2019	STK-002657	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 8
5	05/12/2019	STK-002658	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 8
6	05/12/2019	STK-002659	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 9
7	05/12/2019	STK-002660	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 9
8	05/12/2019	STK-002661	TRẦN NAM TIẾN - HỎI ĐÁP LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 9
9	05/12/2019	STK-002662	LÊ HUY HÒA - CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH NGÀY 2 THÁNG 9 NĂM 1945
10	05/12/2019	STK-002663	LÊ HUY HÒA - HIỆP ĐỊNH GIO7NEVO VÀ GIẢI PHÓNG THỦ ĐÔ 10/10/1954
11	05/12/2019	STK-002664	LÊ HUY HÒA - TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN
12	05/12/2019	STK-002665	LÊ HUY HÒA - CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ 1954
13	05/12/2019	STK-002666	LÊ HUY HÒA - CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968
14	05/12/2019	STK-002667	LÊ HUY HÒA - ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975
15	05/12/2019	STK-002668	LÊ HUY HÒA - ĐƯỜNG MÒN HỒ CHÍ MINH
16	05/12/2019	STK-002669	LÊ HUY HÒA - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM
17	05/12/2019	STK-002670	LÊ HUY HÒA - ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ 2 CỦA MỸ Ở MIỀN BẮC, NĂM 1972 VÀ HIỆP ĐỊNH PARI NĂM 1973 VỀ CHẤM DỨT
18	05/12/2019	STK-002671	LÊ HUY HÒA - CÁC CHIẾN DỊCH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP
19	24/12/2019	STN-001629	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THÁM TỬ NGHIỆP DƯ 3
20	24/12/2019	STN-001630	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THÁM TỬ NGHIỆP DƯ 3
21	24/12/2019	STN-001631	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THÁM TỬ NGHIỆP DƯ 3
22	24/12/2019	STN-001632	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THÁM TỬ NGHIỆP DƯ 3
23	24/12/2019	STN-001633	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THÁM TỬ NGHIỆP DƯ 3
24	24/12/2019	STN-001634	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NGƯỜI BẠN LẠ LÙNG 6
25	24/12/2019	STN-001635	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NGƯỜI BẠN LẠ LÙNG 6

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2008	61,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	61,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	64,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	64,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2008	64,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	65,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	65,000	9(V)	2							
Trẻ	TPHCM	2009	65,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Lao động	HN	2009	60,000	9(V)	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2019	STN-001636	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NGƯỜI BẠN LẠ LÙNG 6
2	24/12/2019	STN-001637	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NGƯỜI BẠN LẠ LÙNG 6
3	24/12/2019	STN-001638	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NGƯỜI BẠN LẠ LÙNG 6
4	24/12/2019	STN-001639	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÍ MẬT KẺ TRỘM 7
5	24/12/2019	STN-001640	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÍ MẬT KẺ TRỘM 7
6	24/12/2019	STN-001641	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÍ MẬT KẺ TRỘM 7
7	24/12/2019	STN-001642	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÍ MẬT KẺ TRỘM 7
8	24/12/2019	STN-001643	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÍ MẬT KẺ TRỘM 7
9	24/12/2019	STN-001644	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BẮT ĐỀN HOA SỨ 8
10	24/12/2019	STN-001645	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BẮT ĐỀN HOA SỨ 8
11	24/12/2019	STN-001646	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BẮT ĐỀN HOA SỨ 8
12	24/12/2019	STN-001647	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BẮT ĐỀN HOA SỨ 8
13	24/12/2019	STN-001648	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BẮT ĐỀN HOA SỨ 8
14	24/12/2019	STN-001649	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÔ GIÁO TRINH 10
15	24/12/2019	STN-001650	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÔ GIÁO TRINH 10
16	24/12/2019	STN-001651	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÔ GIÁO TRINH 10
17	24/12/2019	STN-001652	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÔ GIÁO TRINH 10
18	24/12/2019	STN-001653	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÔ GIÁO TRINH 10
19	24/12/2019	STN-001654	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THEO DẤU CHIM ƯNG 11
20	24/12/2019	STN-001655	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THEO DẤU CHIM ƯNG 11
21	24/12/2019	STN-001656	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THEO DẤU CHIM ƯNG 11
22	24/12/2019	STN-001657	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THEO DẤU CHIM ƯNG 11
23	24/12/2019	STN-001658	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THEO DẤU CHIM ƯNG 11
24	24/12/2019	STN-001659	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIỀN CHUỘC 12
25	24/12/2019	STN-001660	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIỀN CHUỘC 12

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2019	STN-001661	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIỀN CHUỘC 12
2	24/12/2019	STN-001662	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIỀN CHUỘC 12
3	24/12/2019	STN-001663	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIỀN CHUỘC 12
4	24/12/2019	STN-001664	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHU VƯỜN TRÊN MÁI NHÀ 13
5	24/12/2019	STN-001665	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHU VƯỜN TRÊN MÁI NHÀ 13
6	24/12/2019	STN-001666	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHU VƯỜN TRÊN MÁI NHÀ 13
7	24/12/2019	STN-001667	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHU VƯỜN TRÊN MÁI NHÀ 13
8	24/12/2019	STN-001668	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHU VƯỜN TRÊN MÁI NHÀ 13
9	24/12/2019	STN-001669	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THỦ MÔN BỊ TỪ CHỐI 14
10	24/12/2019	STN-001670	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THỦ MÔN BỊ TỪ CHỐI 14
11	24/12/2019	STN-001671	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THỦ MÔN BỊ TỪ CHỐI 14
12	24/12/2019	STN-001672	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THỦ MÔN BỊ TỪ CHỐI 14
13	24/12/2019	STN-001673	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THỦ MÔN BỊ TỪ CHỐI 14
14	24/12/2019	STN-001674	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THI SĨ HẠNG RUỒI 15
15	24/12/2019	STN-001675	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THI SĨ HẠNG RUỒI 15
16	24/12/2019	STN-001676	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THI SĨ HẠNG RUỒI 15
17	24/12/2019	STN-001677	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THI SĨ HẠNG RUỒI 15
18	24/12/2019	STN-001678	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BA LÔ MÀU XANH 16
19	24/12/2019	STN-001679	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BA LÔ MÀU XANH 16
20	24/12/2019	STN-001680	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BA LÔ MÀU XANH 16
21	24/12/2019	STN-001681	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BA LÔ MÀU XANH 16
22	24/12/2019	STN-001682	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BA LÔ MÀU XANH 16
23	24/12/2019	STN-001683	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỌ THUỐC TÀNG HÌNH 17
24	24/12/2019	STN-001684	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỌ THUỐC TÀNG HÌNH 17
25	24/12/2019	STN-001685	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỌ THUỐC TÀNG HÌNH 17

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2019	STN-001686	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỌ THUỐC TÀNG HÌNH 17
2	24/12/2019	STN-001687	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỌ THUỐC TÀNG HÌNH 17
3	24/12/2019	STN-001688	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CUỘC SO TÀI VẤT VẢ 18
4	24/12/2019	STN-001689	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CUỘC SO TÀI VẤT VẢ 18
5	24/12/2019	STN-001690	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CUỘC SO TÀI VẤT VẢ 18
6	24/12/2019	STN-001691	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CUỘC SO TÀI VẤT VẢ 18
7	24/12/2019	STN-001692	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CUỘC SO TÀI VẤT VẢ 18
8	24/12/2019	STN-001693	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÚ NHẢY KINH HOÀNG 19
9	24/12/2019	STN-001694	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÚ NHẢY KINH HOÀNG 19
10	24/12/2019	STN-001695	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÚ NHẢY KINH HOÀNG 19
11	24/12/2019	STN-001696	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÚ NHẢY KINH HOÀNG 19
12	24/12/2019	STN-001697	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÚ NHẢY KINH HOÀNG 19
13	24/12/2019	STN-001698	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ANH VÀ EM 20
14	24/12/2019	STN-001699	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ANH VÀ EM 20
15	24/12/2019	STN-001700	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ANH VÀ EM 20
16	24/12/2019	STN-001701	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ANH VÀ EM 20
17	24/12/2019	STN-001702	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ANH VÀ EM 20
18	24/12/2019	STN-001703	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TƯỚNG QUÂN 21
19	24/12/2019	STN-001704	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TƯỚNG QUÂN 21
20	24/12/2019	STN-001705	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TƯỚNG QUÂN 21
21	24/12/2019	STN-001706	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TƯỚNG QUÂN 21
22	24/12/2019	STN-001707	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TƯỚNG QUÂN 21
23	24/12/2019	STN-001708	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TẤM HUY CHƯƠNG 22
24	24/12/2019	STN-001709	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TẤM HUY CHƯƠNG 22
25	24/12/2019	STN-001710	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TẤM HUY CHƯƠNG 22

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2019	STN-001711	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TẤM HUY CHƯƠNG 22
2	24/12/2019	STN-001712	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TẤM HUY CHƯƠNG 22
3	24/12/2019	STN-001713	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỖ XE NGỰA KỲ BÍ 23
4	24/12/2019	STN-001714	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỖ XE NGỰA KỲ BÍ 23
5	24/12/2019	STN-001715	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỖ XE NGỰA KỲ BÍ 23
6	24/12/2019	STN-001716	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỖ XE NGỰA KỲ BÍ 23
7	24/12/2019	STN-001717	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỖ XE NGỰA KỲ BÍ 23
8	24/12/2019	STN-001718	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIẢI THƯỞNG LỚN 24
9	24/12/2019	STN-001719	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIẢI THƯỞNG LỚN 24
10	24/12/2019	STN-001720	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIẢI THƯỞNG LỚN 24
11	24/12/2019	STN-001721	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIẢI THƯỞNG LỚN 24
12	24/12/2019	STN-001722	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIẢI THƯỞNG LỚN 24
13	24/12/2019	STN-001723	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HIỆP SĨ NGỦ NGÀY 25
14	24/12/2019	STN-001724	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HIỆP SĨ NGỦ NGÀY 25
15	24/12/2019	STN-001725	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HIỆP SĨ NGỦ NGÀY 25
16	24/12/2019	STN-001726	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HIỆP SĨ NGỦ NGÀY 25
17	24/12/2019	STN-001727	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HIỆP SĨ NGỦ NGÀY 25
18	24/12/2019	STN-001728	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIẾT MỤC BẤT NGỜ 26
19	24/12/2019	STN-001729	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIẾT MỤC BẤT NGỜ 26
20	24/12/2019	STN-001730	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIẾT MỤC BẤT NGỜ 26
21	24/12/2019	STN-001731	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIẾT MỤC BẤT NGỜ 26
22	24/12/2019	STN-001732	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TIẾT MỤC BẤT NGỜ 26
23	24/12/2019	STN-001733	NGUYỄN NHẬT ÁNH - PHÙ THỦY 27
24	24/12/2019	STN-001734	NGUYỄN NHẬT ÁNH - PHÙ THỦY 27
25	24/12/2019	STN-001735	NGUYỄN NHẬT ÁNH - PHÙ THỦY 27

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2019	STN-001736	NGUYỄN NHẬT ÁNH - PHÙ THỦY 27
2	24/12/2019	STN-001737	NGUYỄN NHẬT ÁNH - PHÙ THỦY 27
3	24/12/2019	STN-001738	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MÙA HÈ BẬN RỘN 28
4	24/12/2019	STN-001739	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MÙA HÈ BẬN RỘN 28
5	24/12/2019	STN-001740	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MÙA HÈ BẬN RỘN 28
6	24/12/2019	STN-001741	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MÙA HÈ BẬN RỘN 28
7	24/12/2019	STN-001742	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MÙA HÈ BẬN RỘN 28
8	24/12/2019	STN-001743	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HOA TỈ MUỘI 29
9	24/12/2019	STN-001744	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HOA TỈ MUỘI 29
10	24/12/2019	STN-001745	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HOA TỈ MUỘI 29
11	24/12/2019	STN-001746	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HOA TỈ MUỘI 29
12	24/12/2019	STN-001747	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HOA TỈ MUỘI 29
13	24/12/2019	STN-001748	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN KEM 30
14	24/12/2019	STN-001749	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN KEM 30
15	24/12/2019	STN-001750	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN KEM 30
16	24/12/2019	STN-001751	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN KEM 30
17	24/12/2019	STN-001752	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN KEM 30
18	24/12/2019	STN-001753	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG THỎ ĐẾ 31
19	24/12/2019	STN-001754	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG THỎ ĐẾ 31
20	24/12/2019	STN-001755	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG THỎ ĐẾ 31
21	24/12/2019	STN-001756	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG THỎ ĐẾ 31
22	24/12/2019	STN-001757	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG THỎ ĐẾ 31
23	24/12/2019	STN-001758	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÊN NGOÀI CỬA LỚP 32
24	24/12/2019	STN-001759	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÊN NGOÀI CỬA LỚP 32
25	24/12/2019	STN-001760	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÊN NGOÀI CỬA LỚP 32

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2019	STN-001761	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÊN NGOÀI CỬA LỚP 32
2	24/12/2019	STN-001762	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÊN NGOÀI CỬA LỚP 32
3	24/12/2019	STN-001763	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HỌA MI MỘT MÌNH 33
4	24/12/2019	STN-001764	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HỌA MI MỘT MÌNH 33
5	24/12/2019	STN-001765	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HỌA MI MỘT MÌNH 33
6	24/12/2019	STN-001766	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HỌA MI MỘT MÌNH 33
7	24/12/2019	STN-001767	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HỌA MI MỘT MÌNH 33
8	24/12/2019	STN-001768	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÁU CỦA BÀ 34
9	24/12/2019	STN-001769	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÁU CỦA BÀ 34
10	24/12/2019	STN-001770	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÁU CỦA BÀ 34
11	24/12/2019	STN-001771	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÁU CỦA BÀ 34
12	24/12/2019	STN-001772	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÁU CỦA BÀ 34
13	24/12/2019	STN-001773	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC 35
14	24/12/2019	STN-001774	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC 35
15	24/12/2019	STN-001775	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC 35
16	24/12/2019	STN-001776	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC 35
17	24/12/2019	STN-001777	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC 35
18	24/12/2019	STN-001778	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỚP PHÓ TRẬT TỰ 37
19	24/12/2019	STN-001779	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỚP PHÓ TRẬT TỰ 37
20	24/12/2019	STN-001780	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỚP PHÓ TRẬT TỰ 37
21	24/12/2019	STN-001781	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỚP PHÓ TRẬT TỰ 37
22	24/12/2019	STN-001782	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LỚP PHÓ TRẬT TỰ 37
23	24/12/2019	STN-001783	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MẸ VẮNG NHÀ 38
24	24/12/2019	STN-001784	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MẸ VẮNG NHÀ 38
25	24/12/2019	STN-001785	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MẸ VẮNG NHÀ 38

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/12/2019	STN-001786	NGUYỄN NHẬT ÁNH - MẸ VẮNG NHÀ 38
2	24/12/2019	STN-001787	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ĐOÀN KỊCH TỈNH LẺ 39
3	24/12/2019	STN-001788	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ĐOÀN KỊCH TỈNH LẺ 39
4	24/12/2019	STN-001789	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ĐOÀN KỊCH TỈNH LẺ 39
5	24/12/2019	STN-001790	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ĐOÀN KỊCH TỈNH LẺ 39
6	24/12/2019	STN-001791	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ĐOÀN KỊCH TỈNH LẺ 39
7	24/12/2019	STN-001792	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIA SƯ 42
8	24/12/2019	STN-001793	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIA SƯ 42
9	24/12/2019	STN-001794	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIA SƯ 42
10	24/12/2019	STN-001795	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIA SƯ 42
11	24/12/2019	STN-001796	NGUYỄN NHẬT ÁNH - GIA SƯ 42
12	24/12/2019	STN-001797	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHÁCH SẠN HOA HỒNG 43
13	24/12/2019	STN-001798	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHÁCH SẠN HOA HỒNG 43
14	24/12/2019	STN-001799	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHÁCH SẠN HOA HỒNG 43
15	24/12/2019	STN-001800	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHÁCH SẠN HOA HỒNG 43
16	24/12/2019	STN-001801	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KHÁCH SẠN HOA HỒNG 43
17	24/12/2019	STN-001802	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÀ TẶNG BA LẦN 44
18	24/12/2019	STN-001803	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÀ TẶNG BA LẦN 44
19	24/12/2019	STN-001804	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỬA HÀNG BÁNH KẸO 50
20	24/12/2019	STN-001805	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỬA HÀNG BÁNH KẸO 50
21	24/12/2019	STN-001806	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỬA HÀNG BÁNH KẸO 50
22	24/12/2019	STN-001807	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỬA HÀNG BÁNH KẸO 50
23	24/12/2019	STN-001808	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CỬA HÀNG BÁNH KẸO 50
24	26/12/2019	STN-001809	HOÀNG VĂN BỔN - TƯỚNG LÂM KỲ ĐẠT
25	26/12/2019	STN-001810	HOÀNG VĂN BỔN - TƯỚNG LÂM KỲ ĐẠT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Thanh niên	HN	2008	12,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/12/2019	STN-001811	HOÀNG VĂN BỔN - TƯỚNG LÂM KỲ ĐẠT
2	26/12/2019	STN-001812	LÊ VÂN - BÓNG NGƯỜI ÁO XANH
3	26/12/2019	STN-001813	LÊ VÂN - BÓNG NGƯỜI ÁO XANH
4	26/12/2019	STN-001814	LÊ VÂN - BÓNG NGƯỜI ÁO XANH
5	26/12/2019	STN-001815	NGHIÊM ĐA VĂN - SỪNG RƯỢU THỀ 1
6	26/12/2019	STN-001816	NGHIÊM ĐA VĂN - SỪNG RƯỢU THỀ 1
7	26/12/2019	STN-001817	NGHIÊM ĐA VĂN - SỪNG RƯỢU THỀ 2
8	26/12/2019	STN-001818	SƠN TÙNG - BÚP SEN XANH 1
9	26/12/2019	STN-001819	SƠN TÙNG - BÚP SEN XANH 1
10	26/12/2019	STN-001820	SƠN TÙNG - BÚP SEN XANH 2
11	26/12/2019	STN-001821	VI HỒNG - ĐƯỜNG VỀ VỚI MẸ CHỮ
12	26/12/2019	STN-001822	VI HỒNG - ĐƯỜNG VỀ VỚI MẸ CHỮ
13	26/12/2019	STN-001823	TRẦN QUỐC TOÀN - CÂY ME NƯỚC ĐEO VÒNG CẨM THẠCH
14	26/12/2019	STN-001824	TRẦN QUỐC TOÀN - CÂY ME NƯỚC ĐEO VÒNG CẨM THẠCH
15	26/12/2019	STN-001825	TRẦN QUỐC TOÀN - CÂY ME NƯỚC ĐEO VÒNG CẨM THẠCH
16	26/12/2019	STN-001826	VŨ BẰNG - THƯƠNG NHỚ MƯỜI HAI
17	26/12/2019	STN-001827	VŨ BẰNG - THƯƠNG NHỚ MƯỜI HAI
18	26/12/2019	STN-001828	VŨ BẰNG - THƯƠNG NHỚ MƯỜI HAI
19	26/12/2019	STN-001829	VĂN TRỌNG - BÍ MẬT Ở MIẾU BA CÔ
20	26/12/2019	STN-001830	VĂN TRỌNG - BÍ MẬT Ở MIẾU BA CÔ
21	26/12/2019	STN-001831	VĂN TRỌNG - BÍ MẬT Ở MIẾU BA CÔ
22	26/12/2019	STN-001832	HÀ ÂN - TRĂNG NƯỚC CHƯƠNG DƯƠNG
23	26/12/2019	STN-001833	HÀ ÂN - TRĂNG NƯỚC CHƯƠNG DƯƠNG
24	26/12/2019	STN-001834	NGUYỄN HUY TƯỞNG - SỐNG MÃI VỚI THỦ ĐÔ 1
25	26/12/2019	STN-001835	NGUYỄN HUY TƯỞNG - SỐNG MÃI VỚI THỦ ĐÔ 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2000	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2000	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2000	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/12/2019	STN-001836	NGUYỄN HUY TƯỞNG - SỐNG MÃI VỚI THỦ ĐÔ 3
2	26/12/2019	STN-001837	VĂN BIỂN - CÔ BÉ 20
3	26/12/2019	STN-001838	VĂN BIỂN - CÔ BÉ 20
4	26/12/2019	STN-001839	VĂN BIỂN - CÔ BÉ 20
5	26/12/2019	STN-001840	NGÔ GIA VĂN PHÁI - HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ 1
6	26/12/2019	STN-001841	NGÔ GIA VĂN PHÁI - HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ 2
7	26/12/2019	STN-001842	NGÔ GIA VĂN PHÁI - HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ 3
8	26/12/2019	STN-001843	NGUYỄN CÔNG HOAN - BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG 1
9	26/12/2019	STN-001844	NGUYỄN CÔNG HOAN - BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG 1
10	26/12/2019	STN-001845	NGUYỄN CÔNG HOAN - BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG 2
11	26/12/2019	STN-001846	VÕ QUẢNG - QUÊ NỘI 1
12	26/12/2019	STN-001847	VÕ QUẢNG - QUÊ NỘI 2
13	26/12/2019	STN-001848	VÕ QUẢNG - QUÊ NỘI 3
14	26/12/2019	STN-001849	RAXUN GAMZATOP - ĐAGHEXTAN CỦA TÔI 1
15	26/12/2019	STN-001850	RAXUN GAMZATOP - ĐAGHEXTAN CỦA TÔI 2
16	26/12/2019	STN-001851	RAXUN GAMZATOP - ĐAGHEXTAN CỦA TÔI 2
17	26/12/2019	STN-001852	JULES VERNE - HAI VẠN DẶM DƯỚI BIỂN 1
18	26/12/2019	STN-001853	JULES VERNE - HAI VẠN DẶM DƯỚI BIỂN 2
19	26/12/2019	STN-001854	JULES VERNE - HAI VẠN DẶM DƯỚI BIỂN 3
20	26/12/2019	STN-001855	R.L.XTI-VEN-XƠN - ĐẢO GIẤU VÀNG
21	26/12/2019	STN-001856	R.L.XTI-VEN-XƠN - ĐẢO GIẤU VÀNG
22	26/12/2019	STN-001857	R.L.XTI-VEN-XƠN - ĐẢO GIẤU VÀNG
23	26/12/2019	STN-001858	LOUISA MAY ALCOTT - BỐN CÔ CON GÁI NHÀ BÁC SĨ MARCH 1
24	26/12/2019	STN-001859	LOUISA MAY ALCOTT - BỐN CÔ CON GÁI NHÀ BÁC SĨ MARCH 2
25	26/12/2019	STN-001860	LOUISA MAY ALCOTT - BỐN CÔ CON GÁI NHÀ BÁC SĨ MARCH 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐV13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	1998	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐN13	2							
Kim Đồng	HN	2001	10,000	ĐN13	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/12/2019	STN-001861	JACKIE GAFF - SA MẠC SAHARA LẠNH VỀ ĐÊM VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HOANG MẠC
2	26/12/2019	STN-001862	JACKIE GAFF - SA MẠC SAHARA LẠNH VỀ ĐÊM VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HOANG MẠC
3	26/12/2019	STN-001863	FIONA MACDONALD - NGƯỜI LA MÃ THÍCH TẮM CHUNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ LA MÃ CỔ ĐẠI
4	26/12/2019	STN-001864	PHILIP STEELE - NGƯỜI AI CẬP XÂY KIM TỰ THÁP VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ AI CẬP CỔ ĐẠI
5	26/12/2019	STN-001865	PHILIP STEELE - NGƯỜI AI CẬP XÂY KIM TỰ THÁP VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ AI CẬP CỔ ĐẠI
6	26/12/2019	STN-001866	ANITA GANERI - NƯỚC BIỂN CÓ VỊ MẶN VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ ĐẠI DƯƠNG
7	26/12/2019	STN-001867	PAT JACOBS - CHIM CÁNH CỤT KHÔNG BIẾT BAY VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ VÙNG CỰC
8	26/12/2019	STN-001868	PAT JACOBS - CHIM CÁNH CỤT KHÔNG BIẾT BAY VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ VÙNG CỰC
9	26/12/2019	STN-001869	PAT JACOBS - CHIM CÁNH CỤT KHÔNG BIẾT BAY VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ VÙNG CỰC
10	26/12/2019	STN-001870	ROD THEODOROU - KHỦNG LONG TUYỆT CHỦNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ KHỦNG LONG
11	26/12/2019	STN-001871	ROD THEODOROU - KHỦNG LONG TUYỆT CHỦNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ KHỦNG LONG
12	26/12/2019	STN-001872	ROD THEODOROU - KHỦNG LONG TUYỆT CHỦNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ KHỦNG LONG
13	26/12/2019	STN-001873	ROD THEODOROU - KHỦNG LONG TUYỆT CHỦNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ KHỦNG LONG
14	26/12/2019	STN-001874	BRENDA WALPOLE - MẶT TRỜI MỌC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THỜI GIAN VÀ CÁC MÙA
15	26/12/2019	STN-001875	BRENDA WALPOLE - MẶT TRỜI MỌC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THỜI GIAN VÀ CÁC MÙA
16	26/12/2019	STN-001876	CAROLE STOTT - CÁC NGÔI SAO NHẤP NHÁY
17	26/12/2019	STN-001877	CAROLE STOTT - CÁC NGÔI SAO NHẤP NHÁY
18	26/12/2019	STN-001878	BRIGID AVISON - BỤNG EM SÔI ÙNG ỤC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƠ THỂ NGƯỜI
19	26/12/2019	STN-001879	BRIGID AVISON - BỤNG EM SÔI ÙNG ỤC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƠ THỂ NGƯỜI
20	26/12/2019	STN-001880	BRIGID AVISON - BỤNG EM SÔI ÙNG ỤC VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CƠ THỂ NGƯỜI
21	26/12/2019	STN-001881	JENNY WOOD - KANGAROO CÓ TÚI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CON NON
22	26/12/2019	STN-001882	JENNY WOOD - KANGAROO CÓ TÚI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CON NON
23	26/12/2019	STN-001883	PHILIP STEELE - CÁC NƯỚC CÓ QUỐC KÌ VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC DÂN TỘC VÀ XỨ SỞ
24	26/12/2019	STN-001884	PHILIP STEELE - CÁC NƯỚC CÓ QUỐC KÌ VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC DÂN TỘC VÀ XỨ SỞ
25	26/12/2019	STN-001885	PHILIP STEELE - CÁC NƯỚC CÓ QUỐC KÌ VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC DÂN TỘC VÀ XỨ SỞ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/12/2019	STN-001886	PHILIP STEELE - CÁC NƯỚC CÓ QUỐC KÌ VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC DÂN TỘC VÀ XỨ SỞ
2	26/12/2019	STN-001887	PHILIP STEELE - CÁC NƯỚC CÓ QUỐC KÌ VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC DÂN TỘC VÀ XỨ SỞ
3	26/12/2019	STN-001888	RODSIE GREENWOOD - NÚI LỬA PHUN TRÀO VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THẢM HỌA TỰ NHIÊN
4	26/12/2019	STN-001889	RODSIE GREENWOOD - NÚI LỬA PHUN TRÀO VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THẢM HỌA TỰ NHIÊN
5	26/12/2019	STN-001890	RODSIE GREENWOOD - NÚI LỬA PHUN TRÀO VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THẢM HỌA TỰ NHIÊN
6	26/12/2019	STN-001891	RODSIE GREENWOOD - NÚI LỬA PHUN TRÀO VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THẢM HỌA TỰ NHIÊN
7	26/12/2019	STN-001892	RODSIE GREENWOOD - NÚI LỬA PHUN TRÀO VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ THẢM HỌA TỰ NHIÊN
8	26/12/2019	STN-001893	AMANDA O'NEILL - RẮN LỘT DA VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ LOÀI BÒ SÁT
9	26/12/2019	STN-001894	AMANDA O'NEILL - RẮN LỘT DA VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ LOÀI BÒ SÁT
10	26/12/2019	STN-001895	AMANDA O'NEILL - RẮN LỘT DA VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ LOÀI BÒ SÁT
11	26/12/2019	STN-001896	AMANDA O'NEILL - RẮN LỘT DA VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ LOÀI BÒ SÁT
12	26/12/2019	STN-001897	RODSIE GREENWOOD - COLOMBUS VƯỢT ĐẠI DƯƠNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC NHÀ THÁM HIỂM
13	26/12/2019	STN-001898	RODSIE GREENWOOD - COLOMBUS VƯỢT ĐẠI DƯƠNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC NHÀ THÁM HIỂM
14	26/12/2019	STN-001899	RODSIE GREENWOOD - COLOMBUS VƯỢT ĐẠI DƯƠNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC NHÀ THÁM HIỂM
15	26/12/2019	STN-001900	RODSIE GREENWOOD - COLOMBUS VƯỢT ĐẠI DƯƠNG VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC NHÀ THÁM HIỂM
16	26/12/2019	STN-001901	ANITA GANERI - GIÓ THỔI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA
17	26/12/2019	STN-001902	ANITA GANERI - GIÓ THỔI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA
18	26/12/2019	STN-001903	ANITA GANERI - GIÓ THỔI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA
19	26/12/2019	STN-001904	ANITA GANERI - GIÓ THỔI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA
20	26/12/2019	STN-001905	ANITA GANERI - GIÓ THỔI VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HÀNH TINH CỦA CHÚNG TA
21	26/12/2019	STN-001906	BELINDA WEBER - SÂU BƯỚM ĂN NHIỀU VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ SỰ SỐNG
22	26/12/2019	STN-001907	BELINDA WEBER - SÂU BƯỚM ĂN NHIỀU VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ SỰ SỐNG
23	26/12/2019	STN-001908	BELINDA WEBER - SÂU BƯỚM ĂN NHIỀU VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ SỰ SỐNG
24	26/12/2019	STN-001909	BELINDA WEBER - SÂU BƯỚM ĂN NHIỀU VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ SỰ SỐNG
25	26/12/2019	STN-001910	CHRISTOPHER MAYNARD - MÁY BAY CÓ CÁNH VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/12/2019	STN-001911	CHRISTOPHER MAYNARD - MÁY BAY CÓ CÁNH VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN
2	26/12/2019	STN-001912	CHRISTOPHER MAYNARD - MÁY BAY CÓ CÁNH VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN
3	26/12/2019	STN-001913	CHRISTOPHER MAYNARD - MÁY BAY CÓ CÁNH VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN
4	27/12/2019	STN-001914	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ TRÂU KIÊU NGẠO
5	27/12/2019	STN-001915	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ TRÂU KIÊU NGẠO
6	27/12/2019	STN-001916	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ TRÂU KIÊU NGẠO
7	27/12/2019	STN-001917	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ TRÂU KIÊU NGẠO
8	27/12/2019	STN-001918	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ TRÂU KIÊU NGẠO
9	27/12/2019	STN-001919	TÀO BĂNG BÂN - CÔ CHÓ HẠNH PHÚC
10	27/12/2019	STN-001920	TÀO BĂNG BÂN - CÔ CHÓ HẠNH PHÚC
11	27/12/2019	STN-001921	TÀO BĂNG BÂN - CÔ CHÓ HẠNH PHÚC
12	27/12/2019	STN-001922	TÀO BĂNG BÂN - CÔ CHÓ HẠNH PHÚC
13	27/12/2019	STN-001923	TÀO BĂNG BÂN - CÔ CHÓ HẠNH PHÚC
14	27/12/2019	STN-001924	TÀO BĂNG BÂN - GÀ CON BIẾT BAY
15	27/12/2019	STN-001925	TÀO BĂNG BÂN - GÀ CON BIẾT BAY
16	27/12/2019	STN-001926	TÀO BĂNG BÂN - GÀ CON BIẾT BAY
17	27/12/2019	STN-001927	TÀO BĂNG BÂN - GÀ CON BIẾT BAY
18	27/12/2019	STN-001928	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ CHUỘT PHIÊU LƯU
19	27/12/2019	STN-001929	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ CHUỘT PHIÊU LƯU
20	27/12/2019	STN-001930	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ RỒNG VUI VẺ
21	27/12/2019	STN-001931	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ RỒNG VUI VẺ
22	27/12/2019	STN-001932	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ RỒNG VUI VẺ
23	27/12/2019	STN-001933	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ RỒNG VUI VẺ
24	27/12/2019	STN-001934	TÀO BĂNG BÂN - HỔ CON XINH ĐẸP
25	27/12/2019	STN-001935	TÀO BĂNG BÂN - HỔ CON XINH ĐẸP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2014	30,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/12/2019	STN-001936	TÀO BĂNG BÂN - HỔ CON XINH ĐẸP
2	27/12/2019	STN-001937	TÀO BĂNG BÂN - HỔ CON XINH ĐẸP
3	27/12/2019	STN-001938	TÀO BĂNG BÂN - HỔ CON XINH ĐẸP
4	27/12/2019	STN-001939	TÀO BĂNG BÂN - DÊ CON NGHĨA HIỆP
5	27/12/2019	STN-001940	TÀO BĂNG BÂN - DÊ CON NGHĨA HIỆP
6	27/12/2019	STN-001941	TÀO BĂNG BÂN - DÊ CON NGHĨA HIỆP
7	27/12/2019	STN-001942	TÀO BĂNG BÂN - DÊ CON NGHĨA HIỆP
8	27/12/2019	STN-001943	TÀO BĂNG BÂN - DÊ CON NGHĨA HIỆP
9	27/12/2019	STN-001944	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ NGỰA VẠN DẶM
10	27/12/2019	STN-001945	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ NGỰA VẠN DẶM
11	27/12/2019	STN-001946	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ NGỰA VẠN DẶM
12	27/12/2019	STN-001947	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ NGỰA VẠN DẶM
13	27/12/2019	STN-001948	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ NGỰA VẠN DẶM
14	27/12/2019	STN-001949	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ THƯỜNG NGÀY
15	27/12/2019	STN-001950	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ THƯỜNG NGÀY
16	27/12/2019	STN-001951	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ THƯỜNG NGÀY
17	27/12/2019	STN-001952	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI ĂN UỐNG
18	27/12/2019	STN-001953	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI ĂN UỐNG
19	27/12/2019	STN-001954	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI ĂN UỐNG
20	27/12/2019	STN-001955	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI RA NGOÀI
21	27/12/2019	STN-001956	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI RA NGOÀI
22	27/12/2019	STN-001957	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI RA NGOÀI
23	27/12/2019	STN-001958	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI GIAO TIẾP
24	27/12/2019	STN-001959	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI GIAO TIẾP
25	27/12/2019	STN-001960	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ KHI GIAO TIẾP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/12/2019	STN-001961	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ TRONG LỄ HỘI, SỰ KIỆN MỖI NĂM
2	27/12/2019	STN-001962	MINEMURA RYOKO - PHÉP ỨNG XỬ TRONG LỄ HỘI, SỰ KIỆN MỖI NĂM
3	27/12/2019	STN-001963	LE LOMBARD - CÔNG NƯƠNG D'OLPHINE
4	27/12/2019	STN-001964	LE LOMBARD - CÔNG NƯƠNG D'OLPHINE
5	27/12/2019	STN-001965	LE LOMBARD - CÔNG NƯƠNG D'OLPHINE
6	27/12/2019	STN-001966	LE LOMBARD - ĐẢO BẤT HÒA
7	27/12/2019	STN-001967	LE LOMBARD - ĐẢO BẤT HÒA
8	27/12/2019	STN-001968	LE LOMBARD - ĐẢO BẤT HÒA
9	27/12/2019	STN-001969	LE LOMBARD - ĐẢO BẤT HÒA
10	27/12/2019	STN-001970	LE LOMBARD - VẬT THẦN
11	27/12/2019	STN-001971	LE LOMBARD - VẬT THẦN
12	27/12/2019	STN-001972	LE LOMBARD - VẬT THẦN
13	27/12/2019	STN-001973	LE LOMBARD - VẬT THẦN
14	27/12/2019	STN-001974	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ TRÂU KIÊU NGẠO
15	27/12/2019	STN-001975	HOÀNG PHƯƠNG THÚY - YOGA CHO TRẺ EM
16	27/12/2019	STN-001976	HOÀNG PHƯƠNG THÚY - YOGA CHO TRẺ EM
17	27/12/2019	STN-001977	HOÀNG PHƯƠNG THÚY - YOGA CHO TRẺ EM
18	27/12/2019	STN-001978	HOÀNG PHƯƠNG THÚY - YOGA CHO TRẺ EM
19	27/12/2019	STN-001979	HOÀNG PHƯƠNG THÚY - YOGA CHO TRẺ EM
20	27/12/2019	STN-001980	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
21	27/12/2019	STN-001981	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
22	27/12/2019	STN-001982	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
23	27/12/2019	STN-001983	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
24	27/12/2019	STN-001984	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
25	27/12/2019	STN-001985	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Khoa học xã hội	HN	2016	54,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	19,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	19,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	19,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	17,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	17,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	17,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2005	17,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	19,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	19,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	19,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2004	19,000	ĐN18	2							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	48,000	ĐV27	2							
Kim Đồng	HN	2017	48,000	ĐV27	2							
Kim Đồng	HN	2017	48,000	ĐV27	2							
Kim Đồng	HN	2017	48,000	ĐV27	2							
Kim Đồng	HN	2017	48,000	ĐV27	2							
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/12/2019	STN-001986	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
2	27/12/2019	STN-001987	TÔ HOÀI - DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÝ
3	27/12/2019	STN-001988	CARRON BROWN - TRÊN MÁY BAY
4	27/12/2019	STN-001989	CARRON BROWN - TRÊN MÁY BAY
5	27/12/2019	STN-001990	CARRON BROWN - TRÊN MÁY BAY
6	27/12/2019	STN-001991	CARRON BROWN - TRÊN MÁY BAY
7	27/12/2019	STN-001992	CARRON BROWN - TRÊN MÁY BAY
8	27/12/2019	STN-001993	CARRON BROWN - TRÊN TRẠM VŨ TRỤ
9	27/12/2019	STN-001994	CARRON BROWN - TRÊN TRẠM VŨ TRỤ
10	27/12/2019	STN-001995	CARRON BROWN - TRÊN TRẠM VŨ TRỤ
11	27/12/2019	STN-001996	CARRON BROWN - TRÊN TRẠM VŨ TRỤ
12	27/12/2019	STN-001997	CARRON BROWN - TRÊN TRẠM VŨ TRỤ
13	27/12/2019	STN-001998	CARRON BROWN - TRÊN TÀU HỎA
14	27/12/2019	STN-001999	CARRON BROWN - TRÊN TÀU HỎA
15	27/12/2019	STN-002000	CARRON BROWN - TRÊN TÀU HỎA
16	27/12/2019	STN-002001	CARRON BROWN - TRÊN TÀU HỎA
17	27/12/2019	STN-002002	CARRON BROWN - TRÊN TÀU HỎA
18	27/12/2019	STN-002003	CARRON BROWN - NGOÀI CÔNG TRƯỜNG
19	27/12/2019	STN-002004	CARRON BROWN - NGOÀI CÔNG TRƯỜNG
20	27/12/2019	STN-002005	CARRON BROWN - NGOÀI CÔNG TRƯỜNG
21	27/12/2019	STN-002006	CARRON BROWN - NGOÀI CÔNG TRƯỜNG
22	27/12/2019	STN-002007	CARRON BROWN - NGOÀI CÔNG TRƯỜNG
23	27/12/2019	STN-002008	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA MÙA ĐÔNG
24	27/12/2019	STN-002009	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA MÙA ĐÔNG
25	27/12/2019	STN-002010	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA MÙA ĐÔNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	25,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/12/2019	STN-002011	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA MÙA ĐÔNG
2	27/12/2019	STN-002012	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA MÙA ĐÔNG
3	27/12/2019	STN-002013	CARRON BROWN - BÍ MẬT NGOÀI BÃI BIỂN
4	27/12/2019	STN-002014	CARRON BROWN - BÍ MẬT NGOÀI BÃI BIỂN
5	27/12/2019	STN-002015	CARRON BROWN - BÍ MẬT NGOÀI BÃI BIỂN
6	27/12/2019	STN-002016	CARRON BROWN - BÍ MẬT NGOÀI BÃI BIỂN
7	27/12/2019	STN-002017	CARRON BROWN - BÍ MẬT NGOÀI BÃI BIỂN
8	27/12/2019	STN-002018	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA CÂY TÁO
9	27/12/2019	STN-002019	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA CÂY TÁO
10	27/12/2019	STN-002020	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA CÂY TÁO
11	27/12/2019	STN-002021	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA CÂY TÁO
12	27/12/2019	STN-002022	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA CÂY TÁO
13	27/12/2019	STN-002023	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA VƯỜN RAU
14	27/12/2019	STN-002024	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA VƯỜN RAU
15	27/12/2019	STN-002025	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA VƯỜN RAU
16	27/12/2019	STN-002026	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA VƯỜN RAU
17	27/12/2019	STN-002027	CARRON BROWN - BÍ MẬT CỦA VƯỜN RAU
18	27/12/2019	STN-002028	XUÂN NGUYỄN - BÁCH KHOA THƯ THIẾU NHI
19	27/12/2019	STN-002029	XUÂN NGUYỄN - BÁCH KHOA THƯ THIẾU NHI
20	27/12/2019	STN-002030	XUÂN NGUYỄN - BÁCH KHOA THƯ THIẾU NHI
21	27/12/2019	STN-002031	XUÂN NGUYỄN - BÁCH KHOA THƯ THIẾU NHI
22	30/12/2019	STN-002032	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
23	30/12/2019	STN-002033	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
24	30/12/2019	STN-002034	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
25	30/12/2019	STN-002035	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2017	45,000	ĐN18	2							
Trẻ	TPHCM	2006	27,000	ĐV21	2							
Trẻ	TPHCM	2006	27,000	ĐV21	2							
Trẻ	TPHCM	2006	27,000	ĐV21	2							
Trẻ	TPHCM	2006	27,000	ĐV21	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/12/2019	STN-002036	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
2	30/12/2019	STN-002037	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
3	30/12/2019	STN-002038	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
4	30/12/2019	STN-002039	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
5	30/12/2019	STN-002040	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
6	30/12/2019	STN-002041	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
7	30/12/2019	STN-002042	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
8	30/12/2019	STN-002043	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
9	30/12/2019	STN-002044	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
10	30/12/2019	STN-002045	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
11	30/12/2019	STN-002046	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
12	30/12/2019	STN-002047	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
13	30/12/2019	STN-002048	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
14	30/12/2019	STN-002049	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
15	30/12/2019	STN-002050	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
16	30/12/2019	STN-002051	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
17	30/12/2019	STN-002052	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
18	30/12/2019	STN-002053	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
19	30/12/2019	STN-002054	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
20	30/12/2019	STN-002055	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
21	30/12/2019	STN-002056	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
22	30/12/2019	STN-002057	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
23	30/12/2019	STN-002058	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
24	30/12/2019	STN-002059	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
25	30/12/2019	STN-002060	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/12/2019	STN-002061	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
2	30/12/2019	STN-002062	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
3	30/12/2019	STN-002063	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
4	30/12/2019	STN-002064	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
5	30/12/2019	STN-002065	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
6	30/12/2019	STN-002066	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
7	30/12/2019	STN-002067	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE`
8	30/12/2019	STN-002068	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
9	30/12/2019	STN-002069	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
10	30/12/2019	STN-002070	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
11	30/12/2019	STN-002071	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
12	30/12/2019	STN-002072	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
13	30/12/2019	STN-002073	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
14	30/12/2019	STN-002074	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
15	30/12/2019	STN-002075	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
16	30/12/2019	STN-002076	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
17	30/12/2019	STN-002077	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
18	30/12/2019	STN-002078	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
19	30/12/2019	STN-002079	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
20	30/12/2019	STN-002080	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
21	30/12/2019	STN-002081	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
22	30/12/2019	STN-002082	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
23	30/12/2019	STN-002083	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
24	30/12/2019	STN-002084	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
25	30/12/2019	STN-002085	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/12/2019	STN-002086	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
2	30/12/2019	STN-002087	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
3	30/12/2019	STN-002088	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
4	30/12/2019	STN-002089	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
5	30/12/2019	STN-002090	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
6	30/12/2019	STN-002091	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
7	30/12/2019	STN-002092	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
8	30/12/2019	STN-002093	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
9	30/12/2019	STN-002094	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
10	30/12/2019	STN-002095	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
11	30/12/2019	STN-002096	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
12	30/12/2019	STN-002097	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
13	30/12/2019	STN-002098	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
14	30/12/2019	STN-002099	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
15	30/12/2019	STN-002100	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
16	30/12/2019	STN-002101	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
17	30/12/2019	STN-002102	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
18	30/12/2019	STN-002103	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
19	30/12/2019	STN-002104	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
20	30/12/2019	STN-002105	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
21	30/12/2019	STN-002106	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
22	30/12/2019	STN-002107	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
23	30/12/2019	STN-002108	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
24	30/12/2019	STN-002109	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
25	30/12/2019	STN-002110	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/12/2019	STN-002111	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
2	30/12/2019	STN-002112	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
3	30/12/2019	STN-002113	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
4	30/12/2019	STN-002114	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
5	30/12/2019	STN-002115	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
6	30/12/2019	STN-002116	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
7	30/12/2019	STN-002117	LISA MAGLOFF - VỊT CON
8	30/12/2019	STN-002118	LISA MAGLOFF - VẬT NUÔI ĐỒNG QUÊ
9	30/12/2019	STN-002119	LISA MAGLOFF - VẬT NUÔI ĐỒNG QUÊ
10	30/12/2019	STN-002120	LISA MAGLOFF - VẬT NUÔI ĐỒNG QUÊ
11	30/12/2019	STN-002121	LISA MAGLOFF - GẤU CON
12	30/12/2019	STN-002122	LISA MAGLOFF - GẤU CON
13	30/12/2019	STN-002123	LISA MAGLOFF - GẤU CON
14	30/12/2019	STN-002124	LISA MAGLOFF - GẤU CON
15	30/12/2019	STN-002125	LISA MAGLOFF - GẤU CON
16	30/12/2019	STN-002126	LISA MAGLOFF - GẤU CON
17	30/12/2019	STN-002127	LISA MAGLOFF - GẤU CON
18	30/12/2019	STN-002128	LISA MAGLOFF - GẤU CON
19	30/12/2019	STN-002129	LISA MAGLOFF - GẤU CON
20	30/12/2019	STN-002130	LISA MAGLOFF - GẤU CON
21	30/12/2019	STN-002131	LISA MAGLOFF - GẤU CON
22	30/12/2019	STN-002132	LISA MAGLOFF - GẤU CON
23	30/12/2019	STN-002133	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
24	30/12/2019	STN-002134	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
25	30/12/2019	STN-002135	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/12/2019	STN-002136	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
2	30/12/2019	STN-002137	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
3	30/12/2019	STN-002138	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
4	30/12/2019	STN-002139	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
5	30/12/2019	STN-002140	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
6	30/12/2019	STN-002141	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
7	30/12/2019	STN-002142	LISA MAGLOFF - CHIM CÁNH CỤT
8	30/12/2019	STN-002143	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
9	30/12/2019	STN-002144	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
10	30/12/2019	STN-002145	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
11	30/12/2019	STN-002146	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
12	30/12/2019	STN-002147	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
13	30/12/2019	STN-002148	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
14	30/12/2019	STN-002149	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
15	30/12/2019	STN-002150	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
16	30/12/2019	STN-002151	LISA MAGLOFF - RÙA BIỂN
17	30/12/2019	STN-002152	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
18	30/12/2019	STN-002153	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
19	30/12/2019	STN-002154	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
20	30/12/2019	STN-002155	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
21	30/12/2019	STN-002156	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
22	30/12/2019	STN-002157	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
23	30/12/2019	STN-002158	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
24	30/12/2019	STN-002159	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
25	30/12/2019	STN-002160	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/12/2019	STN-002161	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
2	30/12/2019	STN-002162	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
3	30/12/2019	STN-002163	LISA MAGLOFF - THỎ CON
4	30/12/2019	STN-002164	LISA MAGLOFF - THỎ CON
5	30/12/2019	STN-002165	LISA MAGLOFF - THỎ CON
6	30/12/2019	STN-002166	LISA MAGLOFF - ẾCH
7	30/12/2019	STN-002167	LISA MAGLOFF - ẾCH
8	30/12/2019	STN-002168	LISA MAGLOFF - ẾCH
9	30/12/2019	STN-002169	LISA MAGLOFF - BƯỚM
10	30/12/2019	STN-002170	LISA MAGLOFF - BƯỚM
11	30/12/2019	STN-002171	LISA MAGLOFF - BƯỚM
12	30/12/2019	STN-002172	LISA MAGLOFF - BƯỚM
13	30/12/2019	STN-002173	LISA MAGLOFF - BƯỚM
14	30/12/2019	STN-002174	LISA MAGLOFF - BƯỚM
15	30/12/2019	STN-002175	LISA MAGLOFF - BƯỚM
16	30/12/2019	STN-002176	LISA MAGLOFF - BƯỚM
17	30/12/2019	STN-002177	LISA MAGLOFF - BƯỚM
18	30/12/2019	STN-002178	LISA MAGLOFF - BƯỚM
19	30/12/2019	STN-002179	LISA MAGLOFF - BƯỚM
20	30/12/2019	STN-002180	LISA MAGLOFF - BƯỚM
21	06/02/2020	STK-002672	NGUYỄN DUY HỨA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TOÁN 5
22	06/02/2020	STK-002673	NGUYỄN DUY HỨA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TOÁN 5
23	06/02/2020	STK-002674	NGUYỄN DUY HỨA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TOÁN 5
24	06/02/2020	STK-002675	NGUYỄN DUY HỨA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TOÁN 5
25	06/02/2020	STK-002676	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	2							
Giáo dục	HN	2015	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/02/2020	STK-002677	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 5
2	06/02/2020	STK-002678	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 5
3	06/02/2020	STK-002679	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 5
4	06/02/2020	STK-002680	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ HÌNH HỌC LỚP 5
5	06/02/2020	STK-002681	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ HÌNH HỌC LỚP 5
6	06/02/2020	STK-002682	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ HÌNH HỌC LỚP 5
7	06/02/2020	STK-002683	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ HÌNH HỌC LỚP 5
8	06/02/2020	STK-002684	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ SỐ TỰ NHIÊN
9	06/02/2020	STK-002685	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ SỐ TỰ NHIÊN
10	06/02/2020	STK-002686	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ PHÂN SỐ VÀ HỖN SỐ
11	06/02/2020	STK-002687	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ PHÂN SỐ VÀ HỖN SỐ
12	06/02/2020	STK-002688	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ SỬ DỤNG SƠ ĐỒ ĐOẠN THẲNG TRONG GIẢI TOÁN
13	06/02/2020	STK-002689	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ SỬ DỤNG SƠ ĐỒ ĐOẠN THẲNG TRONG GIẢI TOÁN
14	06/02/2020	STK-002690	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ SỬ DỤNG SƠ ĐỒ ĐOẠN THẲNG TRONG GIẢI TOÁN
15	06/02/2020	STK-002691	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ SỬ DỤNG SƠ ĐỒ ĐOẠN THẲNG TRONG GIẢI TOÁN
16	06/02/2020	STK-002692	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ SỐ
17	06/02/2020	STK-002693	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ PHÂN TÍCH SỐ VÀ DÃY PHÉP TÍNH
18	06/02/2020	STK-002694	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ PHÂN TÍCH SỐ VÀ DÃY PHÉP TÍNH
19	06/02/2020	STK-002695	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN VỀ HÌNH THOI, HÌNH THANG, HÌNH TRÒN, HÌNH HỘP CHỮ NHẬT
20	06/02/2020	STK-002696	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN VỀ HÌNH THOI, HÌNH THANG, HÌNH TRÒN, HÌNH HỘP CHỮ NHẬT
21	06/02/2020	STK-002697	TẠ THẬP - CHUYÊN ĐỀ SỐ ĐO THỜI GIAN VÀ TOÁN CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU 5
22	06/02/2020	STK-002698	TẠ THẬP - CHUYÊN ĐỀ SỐ ĐO THỜI GIAN VÀ TOÁN CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU 5
23	06/02/2020	STK-002699	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊ ĐỀ SỐ THẬP PHÂN 5
24	06/02/2020	STK-002700	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊ ĐỀ SỐ THẬP PHÂN 5
25	06/02/2020	STK-002701	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊ ĐỀ SỐ THẬP PHÂN 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	13,500	51	3							
Giáo dục	HN	2007	13,500	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/02/2020	STK-002702	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN CHUYỂN ĐỘNG
2	06/02/2020	STK-002703	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN CHUYỂN ĐỘNG
3	06/02/2020	STK-002704	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN VỀ HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT VÀ HÌNH TAM GIÁC
4	06/02/2020	STK-002705	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN VỀ HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT VÀ HÌNH TAM GIÁC
5	06/02/2020	STK-002706	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN VỀ HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT VÀ HÌNH TAM GIÁC
6	06/02/2020	STK-002707	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN VỀ HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT VÀ HÌNH TAM GIÁC
7	06/02/2020	STK-002708	ĐÀO THÁI LAI - NÂNG CAO VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 5
8	06/02/2020	STK-002709	ĐÀO THÁI LAI - NÂNG CAO VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 5
9	06/02/2020	STK-002710	ĐÀO THÁI LAI - NÂNG CAO VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 5
10	06/02/2020	STK-002711	ĐÀO THÁI LAI - NÂNG CAO VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 5
11	06/02/2020	STK-002712	ĐÀO THÁI LAI - NÂNG CAO VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 5
12	06/02/2020	STK-002713	NGUYỄN THIỆP - GIÚP EM HỌC TOÁN 5
13	06/02/2020	STK-002714	NGUYỄN THIỆP - GIÚP EM HỌC TOÁN 5
14	06/02/2020	STK-002715	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
15	06/02/2020	STK-002716	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
16	06/02/2020	STK-002717	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
17	06/02/2020	STK-002718	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
18	06/02/2020	STK-002719	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
19	06/02/2020	STK-002720	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
20	06/02/2020	STK-002721	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
21	06/02/2020	STK-002722	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
22	06/02/2020	STK-002723	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
23	06/02/2020	STK-002724	PHẠM ĐÌNH THỰC - BỘ ĐỀ TOÁN LỚP 5
24	06/02/2020	STK-002725	PHẠM ĐÌNH THỰC - BỘ ĐỀ TOÁN LỚP 5
25	06/02/2020	STK-002726	PHẠM ĐÌNH THỰC - BỘ ĐỀ TOÁN LỚP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2008	21,500	51	3							
Giáo dục	HN	2008	21,500	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2013	22,000	51	3							
Giáo dục	HN	2013	22,000	51	3							
Giáo dục	HN	2013	22,000	51	3							
Giáo dục	HN	2013	22,000	51	3							
Giáo dục	HN	2013	22,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	27,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/02/2020	STK-002727	PHẠM ĐÌNH THỰC - EM MUỐN GIỎI TOÁN 5
2	06/02/2020	STK-002728	PHẠM ĐÌNH THỰC - EM MUỐN GIỎI TOÁN 5
3	06/02/2020	STK-002729	VŨ DƯƠNG THỤY - CÁC DẠNG TOÁN CƠ BẢN Ở TIỂU HỌC DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
4	06/02/2020	STK-002730	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TUỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 5/2
5	06/02/2020	STK-002731	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TUỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 5/2
6	10/02/2020	STK-002732	NGUYỄN PHÚ AN - TRUYỆN THẦN TIÊN TRUNG QUỐC TẬP 1
7	10/02/2020	STK-002733	NGUYỄN PHÚ AN - TRUYỆN THẦN TIÊN TRUNG QUỐC TẬP 1
8	10/02/2020	STK-002734	NGUYỄN PHÚ AN - TRUYỆN THẦN TIÊN TRUNG QUỐC TẬP 2
9	10/02/2020	STK-002735	NGUYỄN PHÚ AN - TRUYỆN THẦN TIÊN TRUNG QUỐC TẬP 2
10	10/02/2020	STK-002736	NGUYỄN PHÚ AN - TRUYỆN THẦN TIÊN TRUNG QUỐC TẬP 3
11	10/02/2020	STK-002737	NGUYỄN PHÚ AN - TRUYỆN THẦN TIÊN TRUNG QUỐC TẬP 3
12	10/02/2020	STK-002738	NGUYỄN TRUNG TRI - TRUYỆN ĐỒNG THOẠI TRUNG HOA
13	10/02/2020	STK-002739	NGUYỄN TRUNG TRI - TRUYỆN ĐỒNG THOẠI TRUNG HOA
14	10/02/2020	STK-002740	KIM THỨC - TẦN THỦY HOÀNG DIỄN NGHĨA
15	10/02/2020	STK-002741	HỒNG VÂN - HOÀNG TỬ CASPIAN
16	10/02/2020	STK-002742	HỒNG VÂN - TRẬN CHIẾN CUỐI CÙNG
17	10/02/2020	STK-002743	HỒNG VÂN - CHIẾC GHẾ BẠC
18	10/02/2020	STK-002744	HỒNG VÂN - CON NGỰA VÀ CẬU BÉ
19	10/02/2020	STK-002745	HỒNG VÂN - TRÊN CON TÀU HƯỚNG TỚI BÌNH MINH
20	10/02/2020	STK-002746	BỒ TÙNG LINH - TUYỂN TẬP LIÊU TRAI CHÍ DỊ
21	10/02/2020	STK-002747	ANGTOAN GALANG - NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM TẬP 1
22	10/02/2020	STK-002748	ANGTOAN GALANG - NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM TẬP 2
23	10/02/2020	STK-002749	LA QUÁN TRUNG - TAM QUỐC DIỄN NGHĨA 1
24	10/02/2020	STK-002750	LA QUÁN TRUNG - TAM QUỐC DIỄN NGHĨA 2
25	10/02/2020	STK-002751	LA QUÁN TRUNG - TAM QUỐC DIỄN NGHĨA 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Kim Đồng	HN	2006	30,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	30,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	40,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	40,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	30,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	30,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	45,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	45,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	95,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	18,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	17,500	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	20,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	19,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	21,000	VN	3							
Văn học	HN	2003	100,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2004	50,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2009	90,000	VN	3							
Văn học	HN	2004	60,000	VN	3							
Văn học	HN	2004	55,000	VN	3							
Văn học	HN	2004	60,000	VN	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/02/2020	STK-002752	LA QUÁN TRUNG - TAM QUỐC CHÍ TẬP 1
2	10/02/2020	STK-002753	LA QUÁN TRUNG - TAM QUỐC CHÍ TẬP 2
3	10/02/2020	STK-002754	LA QUÁN TRUNG - TAM QUỐC CHÍ TẬP 3
4	10/02/2020	STK-002755	COMTESSE DE SEGUR - KÝ ỨC CỦA MỘT CON LỪA
5	10/02/2020	STK-002756	ĐÀO VĂN PHÚC - TRUYỆN KỂ VỀ CÁC NHÀ BÁC HỌC VẬT LÍ
6	10/02/2020	STK-002757	SỸ CHÂN - TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC
7	10/02/2020	STK-002758	HÀ PHẠM PHÚ - TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI TRUNG QUỐC
8	10/02/2020	STK-002759	TÔ CHUẨN - PHONG KIẾM XUÂN THU TẬP 1
9	10/02/2020	STK-002760	TÔ CHUẨN - PHONG KIẾM XUÂN THU TẬP 2
10	10/02/2020	STK-002761	NGUYỄN MINH HẢI - TRUYỆN CỔ ANĐECXEN
11	10/02/2020	STK-002762	NGUYỄN MINH HẢI - TRUYỆN CỔ ANĐECXEN
12	10/02/2020	STK-002763	COLLEEN MC CULLOUGH - TIẾNG CHIM HÓT TRONG BỤI MẬN GAI
13	10/02/2020	STK-002764	COLLEEN MC CULLOUGH - TIẾNG CHIM HÓT TRONG BỤI MẬN GAI
14	10/02/2020	STK-002765	S.MAUGHAM - TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI TẬP 2
15	10/02/2020	STK-002766	LEMONY SNICKET - NHÀ NUÔI RẮN XẤU SỐ TẬP 2
16	18/02/2020	SNV-000649	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/1
17	18/02/2020	SNV-000650	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
18	18/02/2020	SNV-000651	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
19	18/02/2020	SNV-000652	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
20	18/02/2020	SNV-000653	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
21	18/02/2020	SNV-000654	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
22	18/02/2020	SNV-000655	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
23	18/02/2020	SNV-000656	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
24	18/02/2020	SNV-000657	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
25	18/02/2020	SNV-000658	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn học	HN	1995	40,000	VN	3							
Văn học	HN	1995	40,000	VN	3							
Văn học	HN	1995	40,000	VN	3							
Hà Nội	HN	1997	25,300	VN	3							
Giáo dục	HN	1998	40,000	VN	3							
Thanh Hóa	HN	1997	26,400	VN	3							
Hội nhà văn	HN	1997	26,000	VN	3							
Đồng Tháp	TPHCM	1997	43,000	VN	3							
Đồng Tháp	TPHCM	1997	43,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2008	75,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2008	75,000	VN	3							
Văn học	HN	2012	189,000	VN	3							
Văn học	HN	2012	175,000	VN	3							
Hội nhà văn	HN	1998	41,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2009	25,000	VN	3							
Giáo dục	HN	2003	35,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	6,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/02/2020	SNV-000659	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
2	18/02/2020	SNV-000660	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
3	18/02/2020	SNV-000661	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
4	18/02/2020	SNV-000662	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
5	18/02/2020	SNV-000663	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
6	18/02/2020	SNV-000664	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
7	18/02/2020	SNV-000665	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
8	18/02/2020	SNV-000666	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
9	18/02/2020	SNV-000667	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
10	18/02/2020	SNV-000668	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
11	18/02/2020	SNV-000669	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
12	18/02/2020	SNV-000670	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
13	18/02/2020	SNV-000671	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
14	18/02/2020	SNV-000672	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
15	18/02/2020	SNV-000673	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
16	18/02/2020	SNV-000674	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
17	18/02/2020	SNV-000675	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
18	04/03/2020	STK-002767	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ TINH THẦN LẠC QUAN
19	04/03/2020	STK-002768	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ Ý CHÍ VÀ NGHỊ LỰC
20	04/03/2020	STK-002769	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ LÒNG BAO DUNG
21	04/03/2020	STK-002770	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ TÍNH TỰ LẬP
22	04/03/2020	STK-002771	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ NHỮNG TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
23	04/03/2020	STK-002772	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ LÒNG CAO THƯỢNG
24	04/03/2020	STK-002773	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ ĐỨC TÍNH KHIÊM TỐN
25	04/03/2020	STK-002774	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ LÒNG TỰ TIN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,400	4(V)(07)	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	52,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	52,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STK-002775	DƯƠNG PHONG - TRUYỆN KỂ VỀ NHÂN CÁCH
2	04/03/2020	STK-002776	HOÀNG THÚY - TRUYỆN KỂ VỀ ĐẠO LÝ LỚN TRONG NHỮNG CÂU CHUYỆN NHỎ
3	04/03/2020	STK-002777	HOÀNG THÚY - TRUYỆN KỂ VỀ NHỮNG THÓI QUEN TỐT
4	04/03/2020	STK-002778	HOÀNG THÚY - TRUYỆN KỂ VỀ LÒNG DŨNG CẢM
5	04/03/2020	STK-002779	HOÀI THƯƠNG - TRUYỆN KỂ VỀ PHẨM CHẤT TỐT
6	04/03/2020	STK-002780	HOÀI THƯƠNG - TRUYỆN KỂ VỀ GƯƠNG HIẾU THẢO
7	04/03/2020	STK-002781	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ VỀ GƯƠNG HIẾU HỌC
8	04/03/2020	STK-002782	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ VỀ LÒNG YÊU THƯƠNG
9	04/03/2020	STK-002783	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ VỀ LÒNG VỊ THA
10	04/03/2020	STK-002784	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ VỀ CÁC LOÀI HOA
11	04/03/2020	STK-002785	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ VỀ LÒNG QUAN TÂM
12	04/03/2020	STK-002786	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ VỀ SỰ CÔNG BẰNG
13	04/03/2020	STK-002787	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ VỀ ƯỚC MƠ, KHÁT VỌNG
14	04/03/2020	STK-002788	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ DANH NHÂN VIỆT NAM
15	04/03/2020	STK-002789	QUANG LÂN - TRUYỆN KỂ CÁC TRANG VIỆT NAM
16	04/03/2020	STN-002181	LÊ LINH - MIẾU THẦN MẤT THIÊN
17	04/03/2020	STN-002182	LÊ LINH - MIẾU THẦN MẤT THIÊN
18	04/03/2020	STN-002183	LÊ LINH - MIẾU THẦN MẤT THIÊN
19	04/03/2020	STN-002184	LÊ LINH - MIẾU THẦN MẤT THIÊN
20	04/03/2020	STN-002185	LÊ LINH - MIẾU THẦN MẤT THIÊN
21	04/03/2020	STN-002186	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
22	04/03/2020	STN-002187	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
23	04/03/2020	STN-002188	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
24	04/03/2020	STN-002189	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
25	04/03/2020	STN-002190	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	66,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	68,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	72,000	V	3							
Hồng Đức	HN	2019	66,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	62,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	62,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	62,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	68,000	V	3							
Dân Trí	HN	2019	62,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	62,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	62,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	62,000	V	3							
Dân Trí	HN	2018	62,000	V	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002191	LÊ LINH - LÂU ĐÀI GIỮA TRỜI
2	04/03/2020	STN-002192	LÊ LINH - LÂU ĐÀI GIỮA TRỜI
3	04/03/2020	STN-002193	LÊ LINH - LÂU ĐÀI GIỮA TRỜI
4	04/03/2020	STN-002194	LÊ LINH - LÂU ĐÀI GIỮA TRỜI
5	04/03/2020	STN-002195	LÊ LINH - LÂU ĐÀI GIỮA TRỜI
6	04/03/2020	STN-002196	LÊ LINH - LIỀU THUỐC GIẢM BÉO
7	04/03/2020	STN-002197	LÊ LINH - LIỀU THUỐC GIẢM BÉO
8	04/03/2020	STN-002198	LÊ LINH - LIỀU THUỐC GIẢM BÉO
9	04/03/2020	STN-002199	LÊ LINH - LIỀU THUỐC GIẢM BÉO
10	04/03/2020	STN-002200	LÊ LINH - LIỀU THUỐC GIẢM BÉO
11	04/03/2020	STN-002201	LÊ LINH - CÂY ĐA NHÂN CHỨNG
12	04/03/2020	STN-002202	LÊ LINH - CÂY ĐA NHÂN CHỨNG
13	04/03/2020	STN-002203	LÊ LINH - CÂY ĐA NHÂN CHỨNG
14	04/03/2020	STN-002204	LÊ LINH - CÂY ĐA NHÂN CHỨNG
15	04/03/2020	STN-002205	LÊ LINH - CÂY ĐA NHÂN CHỨNG
16	04/03/2020	STN-002206	LÊ LINH - NỐT RUỒI BẠC VẬN
17	04/03/2020	STN-002207	LÊ LINH - NỐT RUỒI BẠC VẬN
18	04/03/2020	STN-002208	LÊ LINH - NỐT RUỒI BẠC VẬN
19	04/03/2020	STN-002209	LÊ LINH - NỐT RUỒI BẠC VẬN
20	04/03/2020	STN-002210	LÊ LINH - NỐT RUỒI BẠC VẬN
21	04/03/2020	STN-002211	LÊ LINH - THÁNH CHỈ BẰNG ĐÁ
22	04/03/2020	STN-002212	LÊ LINH - THÁNH CHỈ BẰNG ĐÁ
23	04/03/2020	STN-002213	LÊ LINH - THÁNH CHỈ BẰNG ĐÁ
24	04/03/2020	STN-002214	LÊ LINH - THÁNH CHỈ BẰNG ĐÁ
25	04/03/2020	STN-002215	LÊ LINH - THÁNH CHỈ BẰNG ĐÁ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002216	LÊ LINH - BỨC HỌA VĨ NHÂN
2	04/03/2020	STN-002217	LÊ LINH - BỨC HỌA VĨ NHÂN
3	04/03/2020	STN-002218	LÊ LINH - BỨC HỌA VĨ NHÂN
4	04/03/2020	STN-002219	LÊ LINH - BỨC HỌA VĨ NHÂN
5	04/03/2020	STN-002220	LÊ LINH - BỨC HỌA VĨ NHÂN
6	04/03/2020	STN-002221	LÊ LINH - ĐỘC CHIẾM MINH TRIỀU
7	04/03/2020	STN-002222	LÊ LINH - ĐỘC CHIẾM MINH TRIỀU
8	04/03/2020	STN-002223	LÊ LINH - ĐỘC CHIẾM MINH TRIỀU
9	04/03/2020	STN-002224	LÊ LINH - ĐỘC CHIẾM MINH TRIỀU
10	04/03/2020	STN-002225	LÊ LINH - ĐỘC CHIẾM MINH TRIỀU
11	04/03/2020	STN-002226	LÊ LINH - TRANH TÀI VÕ TRẠNG
12	04/03/2020	STN-002227	LÊ LINH - TRANH TÀI VÕ TRẠNG
13	04/03/2020	STN-002228	LÊ LINH - TRANH TÀI VÕ TRẠNG
14	04/03/2020	STN-002229	LÊ LINH - TRANH TÀI VÕ TRẠNG
15	04/03/2020	STN-002230	LÊ LINH - TRANH TÀI VÕ TRẠNG
16	04/03/2020	STN-002231	LÊ LINH - THẦY ĐỒ MẮC NẠN
17	04/03/2020	STN-002232	LÊ LINH - THẦY ĐỒ MẮC NẠN
18	04/03/2020	STN-002233	LÊ LINH - THẦY ĐỒ MẮC NẠN
19	04/03/2020	STN-002234	LÊ LINH - THẦY ĐỒ MẮC NẠN
20	04/03/2020	STN-002235	LÊ LINH - THẦY ĐỒ MẮC NẠN
21	04/03/2020	STN-002236	LÊ LINH - HẠ GỤC THẦY ĐỒ
22	04/03/2020	STN-002237	LÊ LINH - HẠ GỤC THẦY ĐỒ
23	04/03/2020	STN-002238	LÊ LINH - HẠ GỤC THẦY ĐỒ
24	04/03/2020	STN-002239	LÊ LINH - HẠ GỤC THẦY ĐỒ
25	04/03/2020	STN-002240	LÊ LINH - HẠ GỤC THẦY ĐỒ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002241	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
2	04/03/2020	STN-002242	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
3	04/03/2020	STN-002243	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
4	04/03/2020	STN-002244	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
5	04/03/2020	STN-002245	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
6	04/03/2020	STN-002246	LÊ LINH - MÓN ĂN THƯỢNG PHÚC
7	04/03/2020	STN-002247	LÊ LINH - MÓN ĂN THƯỢNG PHÚC
8	04/03/2020	STN-002248	LÊ LINH - MÓN ĂN THƯỢNG PHÚC
9	04/03/2020	STN-002249	LÊ LINH - MÓN ĂN THƯỢNG PHÚC
10	04/03/2020	STN-002250	LÊ LINH - MÓN ĂN THƯỢNG PHÚC
11	04/03/2020	STN-002251	LÊ LINH - CON NGỰA BA CHÂN
12	04/03/2020	STN-002252	LÊ LINH - CON NGỰA BA CHÂN
13	04/03/2020	STN-002253	LÊ LINH - CON NGỰA BA CHÂN
14	04/03/2020	STN-002254	LÊ LINH - CON NGỰA BA CHÂN
15	04/03/2020	STN-002255	LÊ LINH - CON NGỰA BA CHÂN
16	04/03/2020	STN-002256	LÊ LINH - DẤU TAY XÓA NỢ
17	04/03/2020	STN-002257	LÊ LINH - DẤU TAY XÓA NỢ
18	04/03/2020	STN-002258	LÊ LINH - DẤU TAY XÓA NỢ
19	04/03/2020	STN-002259	LÊ LINH - DẤU TAY XÓA NỢ
20	04/03/2020	STN-002260	LÊ LINH - DẤU TAY XÓA NỢ
21	04/03/2020	STN-002261	LÊ LINH - CƠN LỐC NGOẠI XÂM
22	04/03/2020	STN-002262	LÊ LINH - CƠN LỐC NGOẠI XÂM
23	04/03/2020	STN-002263	LÊ LINH - CƠN LỐC NGOẠI XÂM
24	04/03/2020	STN-002264	LÊ LINH - CƠN LỐC NGOẠI XÂM
25	04/03/2020	STN-002265	LÊ LINH - CƠN LỐC NGOẠI XÂM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002266	HOÀNG LÊ - CÂY MÍT PHẢN CHỦ
2	04/03/2020	STN-002267	HOÀNG LÊ - CÂY MÍT PHẢN CHỦ
3	04/03/2020	STN-002268	HOÀNG LÊ - CÂY MÍT PHẢN CHỦ
4	04/03/2020	STN-002269	HOÀNG LÊ - CÂY MÍT PHẢN CHỦ
5	04/03/2020	STN-002270	HOÀNG LÊ - CÂY MÍT PHẢN CHỦ
6	04/03/2020	STN-002271	LẠC AN - CON NGỖNG MẤT TÍCH
7	04/03/2020	STN-002272	LẠC AN - CON NGỖNG MẤT TÍCH
8	04/03/2020	STN-002273	LẠC AN - CON NGỖNG MẤT TÍCH
9	04/03/2020	STN-002274	LẠC AN - CON NGỖNG MẤT TÍCH
10	04/03/2020	STN-002275	LẠC AN - CON NGỖNG MẤT TÍCH
11	04/03/2020	STN-002276	LẠC AN - CÔNG PHU XÃ BẠC
12	04/03/2020	STN-002277	LẠC AN - CÔNG PHU XÃ BẠC
13	04/03/2020	STN-002278	LẠC AN - CÔNG PHU XÃ BẠC
14	04/03/2020	STN-002279	HOÀNG LÊ - GIẢI OAN SƯ CỤ
15	04/03/2020	STN-002280	HOÀNG LÊ - GIẢI OAN SƯ CỤ
16	04/03/2020	STN-002281	HOÀNG LÊ - GIẢI OAN SƯ CỤ
17	04/03/2020	STN-002282	HOÀNG LÊ - GIẢI OAN SƯ CỤ
18	04/03/2020	STN-002283	HOÀNG LÊ - GIẢI OAN SƯ CỤ
19	04/03/2020	STN-002284	LẠC AN - TỂ TƯỚNG VỀ LÀNG
20	04/03/2020	STN-002285	LẠC AN - TỂ TƯỚNG VỀ LÀNG
21	04/03/2020	STN-002286	LẠC AN - TỂ TƯỚNG VỀ LÀNG
22	04/03/2020	STN-002287	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
23	04/03/2020	STN-002288	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
24	04/03/2020	STN-002289	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
25	04/03/2020	STN-002290	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002291	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
2	04/03/2020	STN-002292	ĐẶNG NHÃ - THỪA THIẾU ĐỀU CHẾT
3	04/03/2020	STN-002293	ĐẶNG NHÃ - THỪA THIẾU ĐỀU CHẾT
4	04/03/2020	STN-002294	ĐẶNG NHÃ - THỪA THIẾU ĐỀU CHẾT
5	04/03/2020	STN-002295	ĐẶNG NHÃ - THỪA THIẾU ĐỀU CHẾT
6	04/03/2020	STN-002296	ĐẶNG NHÃ - THỪA THIẾU ĐỀU CHẾT
7	04/03/2020	STN-002297	MỸ KHÁNH - THƠ TRẦN TRÊN LÁ
8	04/03/2020	STN-002298	MỸ KHÁNH - THƠ TRẦN TRÊN LÁ
9	04/03/2020	STN-002299	MỸ KHÁNH - THƠ TRẦN TRÊN LÁ
10	04/03/2020	STN-002300	THU LINH - CỖ LỚN KHAO LÀNG
11	04/03/2020	STN-002301	THU LINH - CỖ LỚN KHAO LÀNG
12	04/03/2020	STN-002302	THU LINH - CỖ LỚN KHAO LÀNG
13	04/03/2020	STN-002303	ĐẶNG NHÃ - CUNG NỮ CÓ RÂU
14	04/03/2020	STN-002304	ĐẶNG NHÃ - CUNG NỮ CÓ RÂU
15	04/03/2020	STN-002305	ĐẶNG NHÃ - CUNG NỮ CÓ RÂU
16	04/03/2020	STN-002306	ĐẶNG NHÃ - HÁM NGOẠI HẠI THÂN
17	04/03/2020	STN-002307	ĐẶNG NHÃ - HÁM NGOẠI HẠI THÂN
18	04/03/2020	STN-002308	ĐẶNG NHÃ - HÁM NGOẠI HẠI THÂN
19	04/03/2020	STN-002309	ĐẶNG NHÃ - HÁM NGOẠI HẠI THÂN
20	04/03/2020	STN-002310	ĐẶNG NHÃ - HÁM NGOẠI HẠI THÂN
21	04/03/2020	STN-002311	THU LINH - MỸ VIỆN LANG PHẾ
22	04/03/2020	STN-002312	THU LINH - MỸ VIỆN LANG PHẾ
23	04/03/2020	STN-002313	THU LINH - MỸ VIỆN LANG PHẾ
24	04/03/2020	STN-002314	THU LINH - MỸ VIỆN LANG PHẾ
25	04/03/2020	STN-002315	THU LINH - MỸ VIỆN LANG PHẾ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002316	MỸ KHÁNH - ÁN TRÂU NĂM SỬU
2	04/03/2020	STN-002317	MỸ KHÁNH - ÁN TRÂU NĂM SỬU
3	04/03/2020	STN-002318	MỸ KHÁNH - ÁN TRÂU NĂM SỬU
4	04/03/2020	STN-002319	MỸ KHÁNH - ÁN TRÂU NĂM SỬU
5	04/03/2020	STN-002320	MỸ KHÁNH - ÁN TRÂU NĂM SỬU
6	04/03/2020	STN-002321	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
7	04/03/2020	STN-002322	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
8	04/03/2020	STN-002323	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
9	04/03/2020	STN-002324	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
10	04/03/2020	STN-002325	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
11	04/03/2020	STN-002326	UYÊN NHÃ - NHÀ HÀNG ĐẠI CHIẾN
12	04/03/2020	STN-002327	UYÊN NHÃ - NHÀ HÀNG ĐẠI CHIẾN
13	04/03/2020	STN-002328	UYÊN NHÃ - NHÀ HÀNG ĐẠI CHIẾN
14	04/03/2020	STN-002329	UYÊN NHÃ - NHÀ HÀNG ĐẠI CHIẾN
15	04/03/2020	STN-002330	UYÊN NHÃ - NHÀ HÀNG ĐẠI CHIẾN
16	04/03/2020	STN-002331	KIM KHÁNH - SỪNG TÊ GIÁC
17	04/03/2020	STN-002332	KIM KHÁNH - SỪNG TÊ GIÁC
18	04/03/2020	STN-002333	KIM KHÁNH - SỪNG TÊ GIÁC
19	04/03/2020	STN-002334	KIM KHÁNH - SỪNG TÊ GIÁC
20	04/03/2020	STN-002335	KIM KHÁNH - SỪNG TÊ GIÁC
21	04/03/2020	STN-002336	KIM KHÁNH - MỜI LỘN THẦY
22	04/03/2020	STN-002337	KIM KHÁNH - MỜI LỘN THẦY
23	04/03/2020	STN-002338	KIM KHÁNH - MỜI LỘN THẦY
24	04/03/2020	STN-002339	KIM KHÁNH - MỜI LỘN THẦY
25	04/03/2020	STN-002340	KIM KHÁNH - MỜI LỘN THẦY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2014	10,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2014	10,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2014	10,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2014	10,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2014	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002341	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHẾT TRỞ VỀ
2	04/03/2020	STN-002342	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHẾT TRỞ VỀ
3	04/03/2020	STN-002343	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHẾT TRỞ VỀ
4	04/03/2020	STN-002344	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHẾT TRỞ VỀ
5	04/03/2020	STN-002345	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHẾT TRỞ VỀ
6	04/03/2020	STN-002346	KIM KHÁNH - HỌC TRÒ GIÀ
7	04/03/2020	STN-002347	KIM KHÁNH - HỌC TRÒ GIÀ
8	04/03/2020	STN-002348	KIM KHÁNH - HỌC TRÒ GIÀ
9	04/03/2020	STN-002349	KIM KHÁNH - HỌC TRÒ GIÀ
10	04/03/2020	STN-002350	KIM KHÁNH - HỌC TRÒ GIÀ
11	04/03/2020	STN-002351	KIM KHÁNH - HẢO TÂM HẢO TIẾNG
12	04/03/2020	STN-002352	KIM KHÁNH - HẢO TÂM HẢO TIẾNG
13	04/03/2020	STN-002353	KIM KHÁNH - HẢO TÂM HẢO TIẾNG
14	04/03/2020	STN-002354	KIM KHÁNH - HẢO TÂM HẢO TIẾNG
15	04/03/2020	STN-002355	KIM KHÁNH - HẢO TÂM HẢO TIẾNG
16	04/03/2020	STN-002356	KIM KHÁNH - TRỌC PHÚ
17	04/03/2020	STN-002357	KIM KHÁNH - TRỌC PHÚ
18	04/03/2020	STN-002358	KIM KHÁNH - TRỌC PHÚ
19	04/03/2020	STN-002359	KIM KHÁNH - TRỌC PHÚ
20	04/03/2020	STN-002360	KIM KHÁNH - TRỌC PHÚ
21	04/03/2020	STN-002361	KIM KHÁNH - NHÀ THƯƠNG
22	04/03/2020	STN-002362	KIM KHÁNH - NHÀ THƯƠNG
23	04/03/2020	STN-002363	KIM KHÁNH - NHÀ THƯƠNG
24	04/03/2020	STN-002364	KIM KHÁNH - NHÀ THƯƠNG
25	04/03/2020	STN-002365	KIM KHÁNH - NHÀ THƯƠNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002366	KIM KHÁNH - TIÊN GIÁNG TRẦN
2	04/03/2020	STN-002367	KIM KHÁNH - TIÊN GIÁNG TRẦN
3	04/03/2020	STN-002368	KIM KHÁNH - TIÊN GIÁNG TRẦN
4	04/03/2020	STN-002369	KIM KHÁNH - TIÊN GIÁNG TRẦN
5	04/03/2020	STN-002370	KIM KHÁNH - TIÊN GIÁNG TRẦN
6	04/03/2020	STN-002371	KIM KHÁNH - MUA MÓNG TRÂU
7	04/03/2020	STN-002372	KIM KHÁNH - MUA MÓNG TRÂU
8	04/03/2020	STN-002373	KIM KHÁNH - MUA MÓNG TRÂU
9	04/03/2020	STN-002374	KIM KHÁNH - MUA MÓNG TRÂU
10	04/03/2020	STN-002375	KIM KHÁNH - MUA MÓNG TRÂU
11	04/03/2020	STN-002376	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
12	04/03/2020	STN-002377	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
13	04/03/2020	STN-002378	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
14	04/03/2020	STN-002379	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
15	04/03/2020	STN-002380	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
16	04/03/2020	STN-002381	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
17	04/03/2020	STN-002382	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
18	04/03/2020	STN-002383	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
19	04/03/2020	STN-002384	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
20	04/03/2020	STN-002385	KIM KHÁNH - QUAN LỚN
21	04/03/2020	STN-002386	KIM KHÁNH - NỔ THẦN
22	04/03/2020	STN-002387	KIM KHÁNH - NỔ THẦN
23	04/03/2020	STN-002388	KIM KHÁNH - NỔ THẦN
24	04/03/2020	STN-002389	KIM KHÁNH - NỔ THẦN
25	04/03/2020	STN-002390	KIM KHÁNH - NỔ THẦN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002391	KIM KHÁNH - QUAN GIỎI TIẾNG TÂY
2	04/03/2020	STN-002392	KIM KHÁNH - QUAN GIỎI TIẾNG TÂY
3	04/03/2020	STN-002393	KIM KHÁNH - QUAN GIỎI TIẾNG TÂY
4	04/03/2020	STN-002394	KIM KHÁNH - QUAN GIỎI TIẾNG TÂY
5	04/03/2020	STN-002395	KIM KHÁNH - QUAN GIỎI TIẾNG TÂY
6	04/03/2020	STN-002396	KIM KHÁNH - ANH HÙNG RƠM
7	04/03/2020	STN-002397	KIM KHÁNH - ANH HÙNG RƠM
8	04/03/2020	STN-002398	KIM KHÁNH - ANH HÙNG RƠM
9	04/03/2020	STN-002399	KIM KHÁNH - ANH HÙNG RƠM
10	04/03/2020	STN-002400	KIM KHÁNH - ANH HÙNG RƠM
11	04/03/2020	STN-002401	KIM KHÁNH - THẦN Y
12	04/03/2020	STN-002402	KIM KHÁNH - THẦN Y
13	04/03/2020	STN-002403	KIM KHÁNH - THẦN Y
14	04/03/2020	STN-002404	KIM KHÁNH - THẦN Y
15	04/03/2020	STN-002405	KIM KHÁNH - THẦN Y
16	04/03/2020	STN-002406	KIM KHÁNH - MAY MÀ GẶP QUỶNH
17	04/03/2020	STN-002407	KIM KHÁNH - MAY MÀ GẶP QUỶNH
18	04/03/2020	STN-002408	KIM KHÁNH - MAY MÀ GẶP QUỶNH
19	04/03/2020	STN-002409	KIM KHÁNH - MAY MÀ GẶP QUỶNH
20	04/03/2020	STN-002410	KIM KHÁNH - MAY MÀ GẶP QUỶNH
21	04/03/2020	STN-002411	KIM KHÁNH - TẠI CÂY DÙ
22	04/03/2020	STN-002412	KIM KHÁNH - TẠI CÂY DÙ
23	04/03/2020	STN-002413	KIM KHÁNH - TẠI CÂY DÙ
24	04/03/2020	STN-002414	KIM KHÁNH - TẠI CÂY DÙ
25	04/03/2020	STN-002415	KIM KHÁNH - TẠI CÂY DÙ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002416	KIM KHÁNH - ĐIỀU KHIỂN ÂM BINH
2	04/03/2020	STN-002417	KIM KHÁNH - ĐIỀU KHIỂN ÂM BINH
3	04/03/2020	STN-002418	KIM KHÁNH - ĐIỀU KHIỂN ÂM BINH
4	04/03/2020	STN-002419	KIM KHÁNH - ĐIỀU KHIỂN ÂM BINH
5	04/03/2020	STN-002420	KIM KHÁNH - ĐIỀU KHIỂN ÂM BINH
6	04/03/2020	STN-002421	KIM KHÁNH - GIA TÀI CỦA CHA
7	04/03/2020	STN-002422	KIM KHÁNH - GIA TÀI CỦA CHA
8	04/03/2020	STN-002423	KIM KHÁNH - GIA TÀI CỦA CHA
9	04/03/2020	STN-002424	KIM KHÁNH - GIA TÀI CỦA CHA
10	04/03/2020	STN-002425	KIM KHÁNH - GIA TÀI CỦA CHA
11	04/03/2020	STN-002426	KIM KHÁNH - KHÔNG THẤY THƯ VỀ
12	04/03/2020	STN-002427	KIM KHÁNH - KHÔNG THẤY THƯ VỀ
13	04/03/2020	STN-002428	KIM KHÁNH - KHÔNG THẤY THƯ VỀ
14	04/03/2020	STN-002429	KIM KHÁNH - KHÔNG THẤY THƯ VỀ
15	04/03/2020	STN-002430	KIM KHÁNH - KHÔNG THẤY THƯ VỀ
16	04/03/2020	STN-002431	KIM KHÁNH - ĐI CỌP
17	04/03/2020	STN-002432	KIM KHÁNH - ĐI CỌP
18	04/03/2020	STN-002433	KIM KHÁNH - ĐI CỌP
19	04/03/2020	STN-002434	KIM KHÁNH - ĐI CỌP
20	04/03/2020	STN-002435	KIM KHÁNH - ĐI CỌP
21	04/03/2020	STN-002436	KIM KHÁNH - GÁNH XIẾC BA NGƯỜI
22	04/03/2020	STN-002437	KIM KHÁNH - GÁNH XIẾC BA NGƯỜI
23	04/03/2020	STN-002438	KIM KHÁNH - GÁNH XIẾC BA NGƯỜI
24	04/03/2020	STN-002439	KIM KHÁNH - GÁNH XIẾC BA NGƯỜI
25	04/03/2020	STN-002440	KIM KHÁNH - GÁNH XIẾC BA NGƯỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002441	KIM KHÁNH - CỨU TINH
2	04/03/2020	STN-002442	KIM KHÁNH - CỨU TINH
3	04/03/2020	STN-002443	KIM KHÁNH - CỨU TINH
4	04/03/2020	STN-002444	KIM KHÁNH - CỨU TINH
5	04/03/2020	STN-002445	KIM KHÁNH - CỨU TINH
6	04/03/2020	STN-002446	KIM KHÁNH - VÌ PHẢI ĐỀN ƠN
7	04/03/2020	STN-002447	KIM KHÁNH - VÌ PHẢI ĐỀN ƠN
8	04/03/2020	STN-002448	KIM KHÁNH - VÌ PHẢI ĐỀN ƠN
9	04/03/2020	STN-002449	KIM KHÁNH - VÌ PHẢI ĐỀN ƠN
10	04/03/2020	STN-002450	KIM KHÁNH - VÌ PHẢI ĐỀN ƠN
11	04/03/2020	STN-002451	KIM KHÁNH - BÚT SA GÀ CHẾT
12	04/03/2020	STN-002452	KIM KHÁNH - BÚT SA GÀ CHẾT
13	04/03/2020	STN-002453	KIM KHÁNH - BÚT SA GÀ CHẾT
14	04/03/2020	STN-002454	KIM KHÁNH - BÚT SA GÀ CHẾT
15	04/03/2020	STN-002455	KIM KHÁNH - BÚT SA GÀ CHẾT
16	04/03/2020	STN-002456	KIM KHÁNH - CHÀNG RỂ HAY CHỮ
17	04/03/2020	STN-002457	KIM KHÁNH - CHÀNG RỂ HAY CHỮ
18	04/03/2020	STN-002458	KIM KHÁNH - CHÀNG RỂ HAY CHỮ
19	04/03/2020	STN-002459	KIM KHÁNH - CHÀNG RỂ HAY CHỮ
20	04/03/2020	STN-002460	KIM KHÁNH - CHÀNG RỂ HAY CHỮ
21	04/03/2020	STN-002461	KIM KHÁNH - CON NUÔI QUAN HUYỆN
22	04/03/2020	STN-002462	KIM KHÁNH - CON NUÔI QUAN HUYỆN
23	04/03/2020	STN-002463	KIM KHÁNH - CON NUÔI QUAN HUYỆN
24	04/03/2020	STN-002464	KIM KHÁNH - CON NUÔI QUAN HUYỆN
25	04/03/2020	STN-002465	KIM KHÁNH - CON NUÔI QUAN HUYỆN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002466	KIM KHÁNH - CA SĨ
2	04/03/2020	STN-002467	KIM KHÁNH - CA SĨ
3	04/03/2020	STN-002468	KIM KHÁNH - CA SĨ
4	04/03/2020	STN-002469	KIM KHÁNH - CA SĨ
5	04/03/2020	STN-002470	KIM KHÁNH - CA SĨ
6	04/03/2020	STN-002471	KIM KHÁNH - THẦN PHÁ CỬA
7	04/03/2020	STN-002472	KIM KHÁNH - THẦN PHÁ CỬA
8	04/03/2020	STN-002473	KIM KHÁNH - THẦN PHÁ CỬA
9	04/03/2020	STN-002474	KIM KHÁNH - THẦN PHÁ CỬA
10	04/03/2020	STN-002475	KIM KHÁNH - THẦN PHÁ CỬA
11	04/03/2020	STN-002476	KIM KHÁNH - NỮ TƯỚNG VỀ HƯU
12	04/03/2020	STN-002477	KIM KHÁNH - NỮ TƯỚNG VỀ HƯU
13	04/03/2020	STN-002478	KIM KHÁNH - NỮ TƯỚNG VỀ HƯU
14	04/03/2020	STN-002479	KIM KHÁNH - NỮ TƯỚNG VỀ HƯU
15	04/03/2020	STN-002480	KIM KHÁNH - NỮ TƯỚNG VỀ HƯU
16	04/03/2020	STN-002481	KIM KHÁNH - QUÀ GÂY RẮC RỐI
17	04/03/2020	STN-002482	KIM KHÁNH - QUÀ GÂY RẮC RỐI
18	04/03/2020	STN-002483	KIM KHÁNH - QUÀ GÂY RẮC RỐI
19	04/03/2020	STN-002484	KIM KHÁNH - QUÀ GÂY RẮC RỐI
20	04/03/2020	STN-002485	KIM KHÁNH - QUÀ GÂY RẮC RỐI
21	04/03/2020	STN-002486	KIM KHÁNH - TỘI KHINH NGƯỜI
22	04/03/2020	STN-002487	KIM KHÁNH - TỘI KHINH NGƯỜI
23	04/03/2020	STN-002488	KIM KHÁNH - TỘI KHINH NGƯỜI
24	04/03/2020	STN-002489	KIM KHÁNH - TỘI KHINH NGƯỜI
25	04/03/2020	STN-002490	KIM KHÁNH - TỘI KHINH NGƯỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002491	KIM KHÁNH - HAM TIỀN BỎ BẠN
2	04/03/2020	STN-002492	KIM KHÁNH - HAM TIỀN BỎ BẠN
3	04/03/2020	STN-002493	KIM KHÁNH - HAM TIỀN BỎ BẠN
4	04/03/2020	STN-002494	KIM KHÁNH - HAM TIỀN BỎ BẠN
5	04/03/2020	STN-002495	KIM KHÁNH - HAM TIỀN BỎ BẠN
6	04/03/2020	STN-002496	KIM KHÁNH - CỦA TRỜI KHÔNG CHO
7	04/03/2020	STN-002497	KIM KHÁNH - CỦA TRỜI KHÔNG CHO
8	04/03/2020	STN-002498	KIM KHÁNH - CỦA TRỜI KHÔNG CHO
9	04/03/2020	STN-002499	KIM KHÁNH - CỦA TRỜI KHÔNG CHO
10	04/03/2020	STN-002500	KIM KHÁNH - CỦA TRỜI KHÔNG CHO
11	04/03/2020	STN-002501	KIM KHÁNH - CON TRAI CỦA THÁI GIÁM
12	04/03/2020	STN-002502	KIM KHÁNH - CON TRAI CỦA THÁI GIÁM
13	04/03/2020	STN-002503	KIM KHÁNH - CON TRAI CỦA THÁI GIÁM
14	04/03/2020	STN-002504	KIM KHÁNH - CON TRAI CỦA THÁI GIÁM
15	04/03/2020	STN-002505	KIM KHÁNH - CON TRAI CỦA THÁI GIÁM
16	04/03/2020	STN-002506	KIM KHÁNH - VỢ HẠI CHÚ LU
17	04/03/2020	STN-002507	KIM KHÁNH - VỢ HẠI CHÚ LU
18	04/03/2020	STN-002508	KIM KHÁNH - VỢ HẠI CHÚ LU
19	04/03/2020	STN-002509	KIM KHÁNH - VỢ HẠI CHÚ LU
20	04/03/2020	STN-002510	KIM KHÁNH - VỢ HẠI CHÚ LU
21	04/03/2020	STN-002511	KIM KHÁNH - GIA TÀI HỌ QUÁCH
22	04/03/2020	STN-002512	KIM KHÁNH - GIA TÀI HỌ QUÁCH
23	04/03/2020	STN-002513	KIM KHÁNH - GIA TÀI HỌ QUÁCH
24	04/03/2020	STN-002514	KIM KHÁNH - GIA TÀI HỌ QUÁCH
25	04/03/2020	STN-002515	KIM KHÁNH - GIA TÀI HỌ QUÁCH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2015	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2020	STN-002516	KIM KHÁNH - TRẠNG NGUYÊN TRẠNG MẺ
2	04/03/2020	STN-002517	KIM KHÁNH - TRẠNG NGUYÊN TRẠNG MẺ
3	04/03/2020	STN-002518	KIM KHÁNH - TRẠNG NGUYÊN TRẠNG MẺ
4	04/03/2020	STN-002519	KIM KHÁNH - TRẠNG NGUYÊN TRẠNG MẺ
5	04/03/2020	STN-002520	KIM KHÁNH - TRẠNG NGUYÊN TRẠNG MẺ
6	04/03/2020	STN-002521	KIM KHÁNH - CƯỚP GẶP TRỘM
7	04/03/2020	STN-002522	KIM KHÁNH - CƯỚP GẶP TRỘM
8	04/03/2020	STN-002523	KIM KHÁNH - CƯỚP GẶP TRỘM
9	04/03/2020	STN-002524	KIM KHÁNH - CƯỚP GẶP TRỘM
10	04/03/2020	STN-002525	KIM KHÁNH - CƯỚP GẶP TRỘM
11	04/03/2020	STN-002526	KIM KHÁNH - TRẬN CHIẾN VỚI THIÊN LÔI
12	04/03/2020	STN-002527	KIM KHÁNH - TRẬN CHIẾN VỚI THIÊN LÔI
13	04/03/2020	STN-002528	KIM KHÁNH - TRẬN CHIẾN VỚI THIÊN LÔI
14	04/03/2020	STN-002529	KIM KHÁNH - TRẬN CHIẾN VỚI THIÊN LÔI
15	04/03/2020	STN-002530	KIM KHÁNH - TRẬN CHIẾN VỚI THIÊN LÔI
16	30/03/2020	STK-002790	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
17	30/03/2020	STK-002791	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
18	30/03/2020	STK-002792	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
19	30/03/2020	STK-002793	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
20	30/03/2020	STK-002794	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
21	30/03/2020	STK-002795	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
22	30/03/2020	STK-002796	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/2
23	30/03/2020	STK-002797	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/2
24	30/03/2020	STK-002798	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/2
25	30/03/2020	STK-002799	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/03/2020	STK-002800	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/2
2	30/03/2020	STK-002801	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
3	30/03/2020	STK-002802	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
4	30/03/2020	STK-002803	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
5	30/03/2020	STK-002804	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
6	30/03/2020	STK-002805	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
7	30/03/2020	STK-002806	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
8	30/03/2020	STK-002807	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
9	30/03/2020	STK-002808	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
10	30/03/2020	STK-002809	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
11	30/03/2020	STK-002810	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
12	30/03/2020	STK-002811	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
13	30/03/2020	STK-002812	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
14	30/03/2020	STK-002813	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
15	30/03/2020	STK-002814	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
16	30/03/2020	STK-002815	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/1
17	30/03/2020	STK-002816	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/1
18	30/03/2020	STK-002817	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/1
19	30/03/2020	STK-002818	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/1
20	30/03/2020	STK-002819	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/1
21	30/03/2020	STK-002820	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/2
22	30/03/2020	STK-002821	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/2
23	30/03/2020	STK-002822	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/2
24	30/03/2020	STK-002823	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/2
25	30/03/2020	STK-002824	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/03/2020	STK-002825	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 3/2
2	30/03/2020	STK-002826	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
3	30/03/2020	STK-002827	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
4	30/03/2020	STK-002828	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
5	30/03/2020	STK-002829	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
6	30/03/2020	STK-002830	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
7	30/03/2020	STK-002831	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
8	30/03/2020	STK-002832	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
9	30/03/2020	STK-002833	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
10	30/03/2020	STK-002834	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
11	30/03/2020	STK-002835	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
12	30/03/2020	STK-002836	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
13	30/03/2020	STK-002837	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
14	30/03/2020	STK-002838	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/1
15	30/03/2020	STK-002839	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
16	30/03/2020	STK-002840	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
17	30/03/2020	STK-002841	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
18	30/03/2020	STK-002842	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
19	30/03/2020	STK-002843	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
20	30/03/2020	STK-002844	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
21	30/03/2020	STK-002845	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
22	30/03/2020	STK-002846	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
23	30/03/2020	STK-002847	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
24	30/03/2020	STK-002848	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
25	30/03/2020	STK-002849	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/03/2020	STK-002850	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
2	30/03/2020	STK-002851	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
3	30/03/2020	STK-002852	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
4	30/03/2020	STK-002853	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
5	30/03/2020	STK-002854	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
6	30/03/2020	STK-002855	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
7	30/03/2020	STK-002856	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
8	30/03/2020	STK-002857	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
9	30/03/2020	STK-002858	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
10	30/03/2020	STK-002859	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
11	30/03/2020	STK-002860	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
12	30/03/2020	STK-002861	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
13	30/03/2020	STK-002862	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
14	30/03/2020	STK-002863	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
15	30/03/2020	STK-002864	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
16	30/03/2020	STK-002865	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
17	30/03/2020	STK-002866	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
18	30/03/2020	STK-002867	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
19	30/03/2020	STK-002868	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
20	30/03/2020	STK-002869	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
21	30/03/2020	STK-002870	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
22	30/03/2020	STK-002871	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
23	30/03/2020	STK-002872	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
24	30/03/2020	STK-002873	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
25	30/03/2020	STK-002874	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	30/03/2020	STK-002875	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
2	30/03/2020	STK-002876	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
3	01/04/2020	STK-002877	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 2/1
4	01/04/2020	STK-002878	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 2/1
5	01/04/2020	STK-002879	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 2/1
6	01/04/2020	STK-002880	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 2/2
7	01/04/2020	STK-002881	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 2/2
8	01/04/2020	STK-002882	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 2/2
9	01/04/2020	STK-002883	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 2/2
10	01/04/2020	STK-002884	NGUYỄN ÁNG - BA MƯƠI LĂM 35 ĐỀ ÔN LUYỆN VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 2
11	01/04/2020	STK-002885	NGUYỄN ÁNG - BA MƯƠI LĂM 35 ĐỀ ÔN LUYỆN VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 2
12	01/04/2020	STK-002886	NGUYỄN ÁNG - BA MƯƠI LĂM 35 ĐỀ ÔN LUYỆN VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 2
13	01/04/2020	STK-002887	NGUYỄN ÁNG - BA MƯƠI LĂM 35 ĐỀ ÔN LUYỆN VÀ PHÁT TRIỂN TOÁN 2
14	01/04/2020	STK-002888	NGUYỄN THIỆP - GIÚP EM HỌC TOÁN 2
15	01/04/2020	STK-002889	NGUYỄN THIỆP - GIÚP EM HỌC TOÁN 2
16	01/04/2020	STK-002890	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
17	01/04/2020	STK-002891	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
18	01/04/2020	STK-002892	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
19	01/04/2020	STK-002893	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
20	01/04/2020	STK-002894	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
21	01/04/2020	STK-002895	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
22	01/04/2020	STK-002896	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
23	01/04/2020	STK-002897	ĐỖ ĐÌNH HOAN - HỎI ĐÁP VỀ DẠY HỌC TOÁN 2
24	01/04/2020	STK-002898	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 2
25	01/04/2020	STK-002899	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	18,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	18,500	51	3							
Giáo dục	HN	2010	18,500	51	3							
Giáo dục	HN	2010	18,500	51	3							
Giáo dục	HN	2010	18,500	51	3							
Giáo dục	HN	2015	26,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	26,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	26,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	26,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-002900	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 2
2	01/04/2020	STK-002901	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 2
3	01/04/2020	STK-002902	NGUYỄN ĐỨC TẤN - TOÁN NÂNG CAO 2
4	01/04/2020	STK-002903	NGUYỄN ĐỨC TẤN - TOÁN NÂNG CAO 2
5	01/04/2020	STK-002904	TÔ HOÀI PHONG - CÁC DẠNG TOÁN THÔNG MINH 2
6	01/04/2020	STK-002905	TÔ HOÀI PHONG - CÁC DẠNG TOÁN THÔNG MINH 2
7	01/04/2020	STK-002906	TÔ HOÀI PHONG - CÁC DẠNG TOÁN THÔNG MINH 2
8	01/04/2020	STK-002907	TÔ HOÀI PHONG - CÁC DẠNG TOÁN THÔNG MINH 2
9	01/04/2020	STK-002908	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
10	01/04/2020	STK-002909	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
11	01/04/2020	STK-002910	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
12	01/04/2020	STK-002911	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
13	01/04/2020	STK-002912	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
14	01/04/2020	STK-002913	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
15	01/04/2020	STK-002914	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
16	01/04/2020	STK-002915	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
17	01/04/2020	STK-002916	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
18	01/04/2020	STK-002917	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 2
19	01/04/2020	STK-002918	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 2/1
20	01/04/2020	STK-002919	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 2/1
21	01/04/2020	STK-002920	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 2/1
22	01/04/2020	STK-002921	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 2/2
23	01/04/2020	STK-002922	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 2/2
24	01/04/2020	STK-002923	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 2/2
25	01/04/2020	STK-002924	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN 2/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	13,000	51	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2011	14,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-002925	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN 2/2
2	01/04/2020	STK-002926	TRẦN NGỌC LAN - GIÚP EM GIỎI TOÁN 2
3	01/04/2020	STK-002927	TRẦN NGỌC LAN - GIÚP EM GIỎI TOÁN 2
4	01/04/2020	STK-002928	TRẦN NGỌC LAN - GIÚP EM GIỎI TOÁN 2
5	01/04/2020	STK-002929	TRẦN NGỌC LAN - GIÚP EM GIỎI TOÁN 2
6	01/04/2020	STK-002930	TRẦN THỊ THANH NHÀN - CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH TOÁN 2
7	01/04/2020	STK-002931	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 2
8	01/04/2020	STK-002932	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 2
9	01/04/2020	STK-002933	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 2
10	01/04/2020	STK-002934	HUỲNH BẢO CHÂU - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 2
11	01/04/2020	STK-002935	HUỲNH BẢO CHÂU - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 2
12	01/04/2020	STK-002936	HUỲNH BẢO CHÂU - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 2
13	01/04/2020	STK-002937	HUỲNH BẢO CHÂU - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 2
14	01/04/2020	STK-002938	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 2
15	01/04/2020	STK-002939	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 2
16	01/04/2020	STK-002940	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 2
17	01/04/2020	STK-002941	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN TRẮC NGHIỆM SỐ HỌC-ĐO LƯỜNG-HÌNH HỌC 2
18	01/04/2020	STK-002942	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN TRẮC NGHIỆM SỐ HỌC-ĐO LƯỜNG-HÌNH HỌC 2
19	01/04/2020	STK-002943	PHẠM ĐÌNH THỰC - ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 2
20	01/04/2020	STK-002944	PHẠM ĐÌNH THỰC - ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 2
21	01/04/2020	STK-002945	PHẠM ĐÌNH THỰC - ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 2
22	01/04/2020	STK-002946	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 2
23	01/04/2020	STK-002947	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 2
24	01/04/2020	STK-002948	HUỲNH BẢO CHÂU - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 3
25	01/04/2020	STK-002949	ĐỖ SỸ HÓA - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2011	14,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2008	20,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2008	20,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2008	20,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2008	20,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	13,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	13,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	13,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	20,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	20,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	20,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2003	11,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2003	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	17,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	26,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-002950	ĐỖ SỸ HÓA - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 2
2	01/04/2020	STK-002951	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 3
3	01/04/2020	STK-002952	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 3
4	01/04/2020	STK-002953	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 3
5	01/04/2020	STK-002954	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 3
6	01/04/2020	STK-002955	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 3/1
7	01/04/2020	STK-002956	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 3/1
8	01/04/2020	STK-002957	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 3/1
9	01/04/2020	STK-002958	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN 3/1
10	01/04/2020	STK-002959	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN 3/1
11	01/04/2020	STK-002960	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN 3/2
12	01/04/2020	STK-002961	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 3/1
13	01/04/2020	STK-002962	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 3/1
14	01/04/2020	STK-002963	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 3/1
15	01/04/2020	STK-002964	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 3/2
16	01/04/2020	STK-002965	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 3/2
17	01/04/2020	STK-002966	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 3/2
18	01/04/2020	STK-002967	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 3/2
19	01/04/2020	STK-002968	NGUYỄN DUY - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3/1
20	01/04/2020	STK-002969	NGUYỄN DUY - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3/1
21	01/04/2020	STK-002970	NGUYỄN DUY - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3/1
22	01/04/2020	STK-002971	NGUYỄN DUY - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3/2
23	01/04/2020	STK-002972	NGUYỄN DUY - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3/2
24	01/04/2020	STK-002973	NGUYỄN DUY - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3/2
25	01/04/2020	STK-002974	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2010	26,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2012	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2012	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2011	13,500	51	3							
Giáo dục	HN	2015	25,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	25,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	25,000	51	3							
Giáo dục	HN	2016	21,500	51	3							
Giáo dục	HN	2016	21,500	51	3							
Giáo dục	HN	2016	21,500	51	3							
Giáo dục	HN	2016	21,500	51	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	17,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-002975	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 3
2	01/04/2020	STK-002976	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 3
3	01/04/2020	STK-002977	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 3
4	01/04/2020	STK-002978	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU 3
5	01/04/2020	STK-002979	HUỲNH BẢO CHÂU - EM HỌC GIỎI TOÁN 3
6	01/04/2020	STK-002980	HUỲNH BẢO CHÂU - EM HỌC GIỎI TOÁN 3
7	01/04/2020	STK-002981	HUỲNH BẢO CHÂU - EM HỌC GIỎI TOÁN 3
8	01/04/2020	STK-002982	HUỲNH BẢO CHÂU - EM HỌC GIỎI TOÁN 3
9	01/04/2020	STK-002983	HUỲNH BẢO CHÂU - EM HỌC GIỎI TOÁN 3
10	01/04/2020	STK-002984	NGÔ LONG HẬU - ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 3
11	01/04/2020	STK-002985	NGÔ LONG HẬU - ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 3
12	01/04/2020	STK-002986	NGÔ LONG HẬU - ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 3
13	01/04/2020	STK-002987	LÊ LƯƠNG - PHÁT TRIỂN TOÁN NĂNG KHIẾU VỀ TOÁN 3
14	01/04/2020	STK-002988	LÊ LƯƠNG - PHÁT TRIỂN TOÁN NĂNG KHIẾU VỀ TOÁN 3
15	01/04/2020	STK-002989	LÊ LƯƠNG - PHÁT TRIỂN TOÁN NĂNG KHIẾU VỀ TOÁN 3
16	01/04/2020	STK-002990	LÊ LƯƠNG - PHÁT TRIỂN TOÁN NĂNG KHIẾU VỀ TOÁN 3
17	01/04/2020	STK-002991	LÊ LƯƠNG - PHÁT TRIỂN TOÁN NĂNG KHIẾU VỀ TOÁN 3
18	01/04/2020	STK-002992	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN - HAI TRĂM BẢY MƯƠI 270 BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 3
19	01/04/2020	STK-002993	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN - HAI TRĂM BẢY MƯƠI 270 BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 3
20	01/04/2020	STK-002994	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN - HAI TRĂM BẢY MƯƠI 270 BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 3
21	01/04/2020	STK-002995	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN - HAI TRĂM BẢY MƯƠI 270 BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 3
22	01/04/2020	STK-002996	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 3/1
23	01/04/2020	STK-002997	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 3/1
24	01/04/2020	STK-002998	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 3/2
25	01/04/2020	STK-002999	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	17,000	51	3							
Hải phòng	HN	2009	18,000	51	3							
Hải phòng	HN	2009	18,000	51	3							
Hải phòng	HN	2009	18,000	51	3							
Hải phòng	HN	2009	18,000	51	3							
Hải phòng	HN	2009	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2004	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2004	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2004	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	26,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	26,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	26,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	26,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	26,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	12,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	12,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	12,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	12,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003000	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3
2	01/04/2020	STK-003001	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3
3	01/04/2020	STK-003002	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 3
4	01/04/2020	STK-003003	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 3
5	01/04/2020	STK-003004	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 3
6	01/04/2020	STK-003005	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 3
7	01/04/2020	STK-003006	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 3
8	01/04/2020	STK-003007	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 3
9	01/04/2020	STK-003008	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 3
10	01/04/2020	STK-003009	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 3
11	01/04/2020	STK-003010	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 3
12	01/04/2020	STK-003011	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 3
13	01/04/2020	STK-003012	TÔ HOÀI PHONG - TUYỂN CHỌN 400 BÀI TẬP TOÁN 3
14	01/04/2020	STK-003013	TÔ HOÀI PHONG - CÁC BÀI TOÁN THÔNG MINH 3
15	01/04/2020	STK-003014	TÔ HOÀI PHONG - CÁC BÀI TOÁN THÔNG MINH 3
16	01/04/2020	STK-003015	TÔ HOÀI PHONG - CÁC BÀI TOÁN THÔNG MINH 3
17	01/04/2020	STK-003016	TÔ HOÀI PHONG - CÁC BÀI TOÁN THÔNG MINH 3
18	01/04/2020	STK-003017	TÔ HOÀI PHONG - CÁC BÀI TOÁN THÔNG MINH 3
19	01/04/2020	STK-003018	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 3/1
20	01/04/2020	STK-003019	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 3/1
21	01/04/2020	STK-003020	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 3/1
22	01/04/2020	STK-003021	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 3/2
23	01/04/2020	STK-003022	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 3/2
24	01/04/2020	STK-003023	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 3/2
25	01/04/2020	STK-003024	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2007	14,500	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003025	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 3
2	01/04/2020	STK-003026	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 3
3	01/04/2020	STK-003027	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 3
4	01/04/2020	STK-003028	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 3
5	01/04/2020	STK-003029	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 3
6	01/04/2020	STK-003030	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 4/1
7	01/04/2020	STK-003031	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 4/1
8	01/04/2020	STK-003032	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 4/2
9	01/04/2020	STK-003033	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 4/2
10	01/04/2020	STK-003034	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 4
11	01/04/2020	STK-003035	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 4
12	01/04/2020	STK-003036	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 4
13	01/04/2020	STK-003037	ĐẬU THẾ CẤP - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 4
14	01/04/2020	STK-003038	ĐẬU THẾ CẤP - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 4
15	01/04/2020	STK-003039	ĐẬU THẾ CẤP - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 4
16	01/04/2020	STK-003040	ĐẬU THẾ CẤP - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 4
17	01/04/2020	STK-003041	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 4/1
18	01/04/2020	STK-003042	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 4/1
19	01/04/2020	STK-003043	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 4/1
20	01/04/2020	STK-003044	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 4/2
21	01/04/2020	STK-003045	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 4/2
22	01/04/2020	STK-003046	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 4/2
23	01/04/2020	STK-003047	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/2
24	01/04/2020	STK-003048	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/2
25	01/04/2020	STK-003049	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	22,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	22,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2007	19,000	51	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2007	19,000	51	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2007	19,000	51	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2007	19,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	17,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	17,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	17,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	16,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003050	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/2
2	01/04/2020	STK-003051	NGUYỄN TÀI ĐỨC - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC 4
3	01/04/2020	STK-003052	NGUYỄN TÀI ĐỨC - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC 4
4	01/04/2020	STK-003053	NGUYỄN TÀI ĐỨC - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC 4
5	01/04/2020	STK-003054	NGUYỄN TÀI ĐỨC - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC 4
6	01/04/2020	STK-003055	NGUYỄN TÀI ĐỨC - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC 4
7	01/04/2020	STK-003056	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 4
8	01/04/2020	STK-003057	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 4
9	01/04/2020	STK-003058	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 4
10	01/04/2020	STK-003059	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 4
11	01/04/2020	STK-003060	TÔ HOÀI PHONG - CÁC BÀI TOÁN THÔNG MINH 4
12	01/04/2020	STK-003061	HUỲNH BẢO CHÂU - EM HỌC GIỎI TOÁN 4
13	01/04/2020	STK-003062	NGUYỄN ĐỨC TẤN - 500 BÀI TẬP TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 4
14	01/04/2020	STK-003063	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4
15	01/04/2020	STK-003064	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4
16	01/04/2020	STK-003065	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4
17	01/04/2020	STK-003066	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4
18	01/04/2020	STK-003067	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4
19	01/04/2020	STK-003068	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4
20	01/04/2020	STK-003069	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4
21	01/04/2020	STK-003070	VŨ DƯƠNG THỤY - CÁC DẠNG TOÁN CƠ BẢN Ở TIỂU HỌC 4
22	01/04/2020	STK-003071	VŨ DƯƠNG THỤY - CÁC DẠNG TOÁN CƠ BẢN Ở TIỂU HỌC 4
23	01/04/2020	STK-003072	VŨ DƯƠNG THỤY - CÁC DẠNG TOÁN CƠ BẢN Ở TIỂU HỌC 4
24	01/04/2020	STK-003073	VŨ DƯƠNG THỤY - CÁC DẠNG TOÁN CƠ BẢN Ở TIỂU HỌC 4
25	01/04/2020	STK-003074	NGUYỄN DANH NINH - CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	22,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	14,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	23,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	12,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	12,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2006	19,500	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003075	NGUYỄN DANH NINH - CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 4
2	01/04/2020	STK-003076	NGUYỄN DANH NINH - CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 4
3	01/04/2020	STK-003077	NGUYỄN DANH NINH - CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA TOÁN 4
4	01/04/2020	STK-003078	NGUYỄN THIỆP - GIÚP EM HỌC TOÁN 4
5	01/04/2020	STK-003079	NGUYỄN ÁNG - 123 BÀI TOÁN SỐ VÀ CHỮ SỐ LỚP 4-5
6	01/04/2020	STK-003080	NGUYỄN ÁNG - 123 BÀI TOÁN SỐ VÀ CHỮ SỐ LỚP 4-5
7	01/04/2020	STK-003081	NGUYỄN ÁNG - 123 BÀI TOÁN SỐ VÀ CHỮ SỐ LỚP 4-5
8	01/04/2020	STK-003082	NGUYỄN ÁNG - 123 BÀI TOÁN SỐ VÀ CHỮ SỐ LỚP 4-5
9	01/04/2020	STK-003083	NGUYỄN ÁNG - 123 BÀI TOÁN SỐ VÀ CHỮ SỐ LỚP 4-5
10	01/04/2020	STK-003084	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG LỚP 4-5
11	01/04/2020	STK-003085	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG LỚP 4-5
12	01/04/2020	STK-003086	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG LỚP 4-5
13	01/04/2020	STK-003087	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG LỚP 4-5
14	01/04/2020	STK-003088	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG LỚP 4-5
15	01/04/2020	STK-003089	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊN ĐỀ PHÂN SỐ - TỈ SỐ 4-5
16	01/04/2020	STK-003090	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊN ĐỀ PHÂN SỐ - TỈ SỐ 4-5
17	01/04/2020	STK-003091	HUỲNH BẢO CHÂU - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4-5
18	01/04/2020	STK-003092	HUỲNH BẢO CHÂU - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4-5
19	01/04/2020	STK-003093	HUỲNH BẢO CHÂU - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4-5
20	01/04/2020	STK-003094	HUỲNH BẢO CHÂU - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4-5
21	01/04/2020	STK-003095	PHẠM ĐÌNH THỰC - MỘT SỐ THỦ THUẬT GIẢI TOÁN LỚP 4-5
22	01/04/2020	STK-003096	VŨ QUỐC CHUNG - TOÁN NÂNG CAO 4
23	01/04/2020	STK-003097	VŨ QUỐC CHUNG - TOÁN NÂNG CAO 4
24	01/04/2020	STK-003098	VŨ QUỐC CHUNG - TOÁN NÂNG CAO 4
25	01/04/2020	STK-003099	VŨ QUỐC CHUNG - TOÁN NÂNG CAO 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	19,500	51	3							
Giáo dục	HN	2006	19,500	51	3							
Giáo dục	HN	2006	19,500	51	3							
Giáo dục	HN	2012	27,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,500	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2005	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	15,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003100	VŨ QUỐC CHUNG - TOÁN NÂNG CAO 4
2	01/04/2020	STK-003101	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/1
3	01/04/2020	STK-003102	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/1
4	01/04/2020	STK-003103	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/1
5	01/04/2020	STK-003104	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/1
6	01/04/2020	STK-003105	PHẠM ĐÌNH THỰC - HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP TOÁN 4/1
7	01/04/2020	STK-003106	VŨ DƯƠNG THỤY - TOÁN NÂNG CAO 4
8	01/04/2020	STK-003107	VŨ DƯƠNG THỤY - TOÁN NÂNG CAO 4
9	01/04/2020	STK-003108	VŨ DƯƠNG THỤY - TOÁN NÂNG CAO 4
10	01/04/2020	STK-003109	VŨ DƯƠNG THỤY - TOÁN NÂNG CAO 4
11	01/04/2020	STK-003110	VŨ DƯƠNG THỤY - TOÁN NÂNG CAO 4
12	01/04/2020	STK-003111	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU TIỂU HỌC 4
13	01/04/2020	STK-003112	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU TIỂU HỌC 4
14	01/04/2020	STK-003113	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU TIỂU HỌC 4
15	01/04/2020	STK-003114	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU TIỂU HỌC 4
16	01/04/2020	STK-003115	NGUYỄN TIẾN - TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU TIỂU HỌC 4
17	01/04/2020	STK-003116	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỈ SỐ
18	01/04/2020	STK-003117	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊN ĐỀ SỐ THẬP PHÂN 5
19	01/04/2020	STK-003118	TẠ THẬP - CHUYÊN ĐỀ SỐ ĐO THỜI GIAN VÀ TOÁN CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU 5
20	01/04/2020	STK-003119	TẠ THẬP - CHUYÊN ĐỀ SỐ ĐO THỜI GIAN VÀ TOÁN CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU 5
21	01/04/2020	STK-003120	NGUYỄN ĐỨC TẤN - HỌC TỐT TOÁN 4
22	01/04/2020	STK-003121	NGUYỄN ĐỨC TẤN - HỌC TỐT TOÁN 4
23	01/04/2020	STK-003122	NGUYỄN ĐỨC TẤN - HỌC TỐT TOÁN 4
24	01/04/2020	STK-003123	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 4/1
25	01/04/2020	STK-003124	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 4/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	21,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	21,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	21,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	21,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	21,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	17,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	17,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	17,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	17,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	16,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003125	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
2	01/04/2020	STK-003126	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
3	01/04/2020	STK-003127	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
4	01/04/2020	STK-003128	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
5	01/04/2020	STK-003129	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
6	01/04/2020	STK-003130	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
7	01/04/2020	STK-003131	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
8	01/04/2020	STK-003132	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
9	01/04/2020	STK-003133	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
10	01/04/2020	STK-003134	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
11	01/04/2020	STK-003135	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
12	01/04/2020	STK-003136	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
13	01/04/2020	STK-003137	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
14	01/04/2020	STK-003138	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
15	01/04/2020	STK-003139	PHẠM ĐÌNH THỰC - PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP TOÁN 5
16	01/04/2020	STK-003140	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP NÂNG CAO TOÁN 5
17	01/04/2020	STK-003141	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP NÂNG CAO TOÁN 5
18	01/04/2020	STK-003142	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP NÂNG CAO TOÁN 5
19	01/04/2020	STK-003143	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP NÂNG CAO TOÁN 5
20	01/04/2020	STK-003144	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 5/1
21	01/04/2020	STK-003145	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 5/2
22	01/04/2020	STK-003146	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/1
23	01/04/2020	STK-003147	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/1
24	01/04/2020	STK-003148	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/1
25	01/04/2020	STK-003149	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003150	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/2
2	01/04/2020	STK-003151	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/2
3	01/04/2020	STK-003152	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/2
4	01/04/2020	STK-003153	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/2
5	01/04/2020	STK-003154	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 5/2
6	01/04/2020	STK-003155	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/1
7	01/04/2020	STK-003156	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/1
8	01/04/2020	STK-003157	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/1
9	01/04/2020	STK-003158	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/1
10	01/04/2020	STK-003159	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/1
11	01/04/2020	STK-003160	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/2
12	01/04/2020	STK-003161	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/2
13	01/04/2020	STK-003162	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/2
14	01/04/2020	STK-003163	NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ - TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO LỚP 5/2
15	01/04/2020	STK-003164	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
16	01/04/2020	STK-003165	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
17	01/04/2020	STK-003166	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
18	01/04/2020	STK-003167	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
19	01/04/2020	STK-003168	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
20	01/04/2020	STK-003169	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CÁC BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO HÌNH HỌC 5
21	01/04/2020	STK-003170	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CÁC BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO HÌNH HỌC 5
22	01/04/2020	STK-003171	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CÁC BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO HÌNH HỌC 5
23	01/04/2020	STK-003172	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CÁC BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO HÌNH HỌC 5
24	01/04/2020	STK-003173	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CÁC BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO HÌNH HỌC 5
25	01/04/2020	STK-003174	ĐẬU THẾ CẤP - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	24,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,500	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,500	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,500	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,500	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,500	51	3							
Giáo dục	HN	2014	16,500	51	3							
Giáo dục	HN	2014	16,500	51	3							
Giáo dục	HN	2014	16,500	51	3							
Giáo dục	HN	2014	16,500	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	20,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/04/2020	STK-003175	ĐẬU THẾ CẤP - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 5
2	03/04/2020	STK-003176	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
3	03/04/2020	STK-003177	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
4	03/04/2020	STK-003178	PHẠM ĐÌNH THỰC - BỘ ĐỀ TOÁN LỚP 5
5	03/04/2020	STK-003179	NGUYỄN ĐỨC TẤN - TUYỂN CHỌN 405 BÀI TẬP TOÁN 5
6	03/04/2020	STK-003180	NGUYỄN ĐỨC TẤN - TUYỂN CHỌN 405 BÀI TẬP TOÁN 5
7	03/04/2020	STK-003181	NGUYỄN ĐỨC TẤN - TUYỂN CHỌN 405 BÀI TẬP TOÁN 5
8	03/04/2020	STK-003182	NGUYỄN ĐỨC TẤN - TUYỂN CHỌN 405 BÀI TẬP TOÁN 5
9	03/04/2020	STK-003183	NGUYỄN ĐỨC TẤN - TUYỂN CHỌN 405 BÀI TẬP TOÁN 5
10	03/04/2020	STK-003184	NGUYỄN VĂN NHO - CÁC DẠNG TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH TIỂU HỌC 5
11	03/04/2020	STK-003185	NGUYỄN VĂN NHO - CÁC DẠNG TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH TIỂU HỌC 5
12	03/04/2020	STK-003186	NGUYỄN VĂN NHO - CÁC DẠNG TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH TIỂU HỌC 5
13	03/04/2020	STK-003187	NGUYỄN VĂN NHO - CÁC DẠNG TOÁN BỒI DƯỠNG HỌC SINH TIỂU HỌC 5
14	03/04/2020	STK-003188	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN
15	03/04/2020	STK-003189	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN
16	03/04/2020	STK-003190	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
17	03/04/2020	STK-003191	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
18	03/04/2020	STK-003192	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
19	03/04/2020	STK-003193	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
20	03/04/2020	STK-003194	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
21	03/04/2020	STK-003195	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
22	03/04/2020	STK-003196	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
23	03/04/2020	STK-003197	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
24	03/04/2020	STK-003198	HUỲNH QUỐC HÙNG - TUYỂN CHỌN CÁC BÀI TOÁN ĐỐ NÂNG CAO 5
25	03/04/2020	STK-003199	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	20,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	12,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	22,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003200	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 5
2	03/04/2020	STK-003201	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 5/1
3	03/04/2020	STK-003202	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 5/1
4	03/04/2020	STK-003203	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 5/1
5	03/04/2020	STK-003204	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 5/2
6	03/04/2020	STK-003205	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 5/2
7	03/04/2020	STK-003206	PHẠM ĐÌNH THỰC - NĂM TRĂM LINH MỘT 501 BÀI TOÁN ĐỐ LỚP 5
8	03/04/2020	STK-003207	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 5/1
9	03/04/2020	STK-003208	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 5/2
10	03/04/2020	STK-003209	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 5/2
11	03/04/2020	STK-003210	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 5/2
12	03/04/2020	STK-003211	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN LỚP 5/2
13	03/04/2020	STK-003212	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN LỚP 5/2
14	03/04/2020	STK-003213	VŨ DƯƠNG THỤY - VỞ Ô LI BÀI TẬP TOÁN LỚP 5/2
15	03/04/2020	STK-003214	PHẠM ĐÌNH THỰC - EM MUỐN GIỎI TOÁN 5
16	03/04/2020	STK-003215	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
17	03/04/2020	STK-003216	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
18	03/04/2020	STK-003217	ĐÀO THÁI LAI - EM HỌC GIỎI TOÁN TIỂU HỌC 5
19	03/04/2020	STK-003218	NGÔ LONG HẬU - ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO TOÁN TIỂU HỌC 5
20	03/04/2020	STK-003219	NGÔ LONG HẬU - ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO TOÁN TIỂU HỌC 5
21	03/04/2020	STK-003220	NGÔ LONG HẬU - ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO TOÁN TIỂU HỌC 5
22	03/04/2020	STK-003221	LÊ HẢI CHÂU - BỒI DƯỠNG TOÁN TIỂU HỌC 5
23	03/04/2020	STK-003222	LÊ HẢI CHÂU - BỒI DƯỠNG TOÁN TIỂU HỌC 5
24	03/04/2020	STK-003223	LÊ HẢI CHÂU - BỒI DƯỠNG TOÁN TIỂU HỌC 5
25	03/04/2020	STK-003224	LÊ HẢI CHÂU - BỒI DƯỠNG TOÁN TIỂU HỌC 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	13,500	51	3							
Giáo dục	HN	2007	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2011	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2011	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2011	16,000	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,500	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	18,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003225	LÊ HẢI CHÂU - BỒI DƯỠNG TOÁN TIỂU HỌC 5
2	03/04/2020	STK-003226	NGÔ LONG HẬU - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC TIỂU HỌC 5
3	03/04/2020	STK-003227	NGÔ LONG HẬU - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC TIỂU HỌC 5
4	03/04/2020	STK-003228	NGÔ LONG HẬU - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC TIỂU HỌC 5
5	03/04/2020	STK-003229	NGÔ LONG HẬU - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC TIỂU HỌC 5
6	03/04/2020	STK-003230	ĐẬU THẾ CẤP - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CHỌN LỌC 5
7	03/04/2020	STK-003231	ĐỖ SỸ HÓA - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
8	03/04/2020	STK-003232	ĐỖ SỸ HÓA - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
9	03/04/2020	STK-003233	ĐỖ SỸ HÓA - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
10	03/04/2020	STK-003234	ĐỖ SỸ HÓA - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
11	03/04/2020	STK-003235	ĐỖ SỸ HÓA - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
12	03/04/2020	STK-003236	VÕ THỊ HOÀI TÂM - PHÁT TRIỂN TƯ DUY HỌC TOÁN 1
13	03/04/2020	STK-003237	VÕ THỊ HOÀI TÂM - PHÁT TRIỂN TƯ DUY HỌC TOÁN 1
14	03/04/2020	STK-003238	VÕ THỊ HOÀI TÂM - PHÁT TRIỂN TƯ DUY HỌC TOÁN 1
15	03/04/2020	STK-003239	HUỲNH BẢO CHÂU - GIÚP EM GIẢI BÀI TẬP TOÁN 1/2
16	03/04/2020	STK-003240	HUỲNH BẢO CHÂU - GIÚP EM GIẢI BÀI TẬP TOÁN 1/2
17	03/04/2020	STK-003241	HUỲNH BẢO CHÂU - GIÚP EM GIẢI BÀI TẬP TOÁN 1/2
18	03/04/2020	STK-003242	HUỲNH BẢO CHÂU - GIÚP EM GIẢI BÀI TẬP TOÁN 1/2
19	03/04/2020	STK-003243	HUỲNH BẢO CHÂU - GIÚP EM GIẢI BÀI TẬP TOÁN 1/2
20	03/04/2020	STK-003244	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - EM MUỐN GIỎI TOÁN 1/2
21	03/04/2020	STK-003245	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - EM MUỐN GIỎI TOÁN 1/2
22	03/04/2020	STK-003246	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - EM MUỐN GIỎI TOÁN 1/2
23	03/04/2020	STK-003247	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - EM MUỐN GIỎI TOÁN 1/2
24	03/04/2020	STK-003248	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - EM MUỐN GIỎI TOÁN 1/2
25	03/04/2020	STK-003249	TRẦN THỊ THU THỦY - THỰC HÀNH TOÁN 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2006	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2005	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2005	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2005	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2005	18,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	20,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	26,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	26,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	26,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	26,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	26,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	29,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	29,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	29,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2009	16,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2003	20,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2003	20,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2003	20,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2003	20,000	51	3							
Đà Nẵng	ĐN	2003	20,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	12,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003250	TRẦN THỊ THU THỦY - THỰC HÀNH TOÁN 1
2	03/04/2020	STK-003251	TRẦN THỊ THU THỦY - THỰC HÀNH TOÁN 1
3	03/04/2020	STK-003252	TRẦN THỊ THU THỦY - THỰC HÀNH TOÁN 1
4	03/04/2020	STK-003253	TRẦN THỊ THU THỦY - THỰC HÀNH TOÁN 1
5	03/04/2020	STK-003254	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC DẠNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
6	03/04/2020	STK-003255	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC DẠNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
7	03/04/2020	STK-003256	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC DẠNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
8	03/04/2020	STK-003257	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC DẠNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
9	03/04/2020	STK-003258	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC DẠNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TOÁN 1
10	03/04/2020	STK-003259	TÔ HOÀI PHONG - TOÁN NÂNG CAO 1
11	03/04/2020	STK-003260	TÔ HOÀI PHONG - TOÁN NÂNG CAO 1
12	03/04/2020	STK-003261	TÔ HOÀI PHONG - TOÁN NÂNG CAO 1
13	03/04/2020	STK-003262	TÔ HOÀI PHONG - TOÁN NÂNG CAO 1
14	03/04/2020	STK-003263	TÔ HOÀI PHONG - TOÁN NÂNG CAO 1
15	03/04/2020	STK-003264	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
16	03/04/2020	STK-003265	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
17	03/04/2020	STK-003266	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
18	03/04/2020	STK-003267	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
19	03/04/2020	STK-003268	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
20	03/04/2020	STK-003269	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
21	03/04/2020	STK-003270	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
22	03/04/2020	STK-003271	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 1
23	03/04/2020	STK-003272	NGUYỄN DANH NINH - TOÁN NÂNG CAO LỚP 1
24	03/04/2020	STK-003273	NGUYỄN DANH NINH - TOÁN NÂNG CAO LỚP 1
25	03/04/2020	STK-003274	NGUYỄN DANH NINH - TOÁN NÂNG CAO LỚP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2008	12,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	12,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	12,000	51	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	11,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	8,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003275	NGUYỄN DANH NINH - TOÁN NÂNG CAO LỚP 1
2	03/04/2020	STK-003276	NGUYỄN DANH NINH - TOÁN NÂNG CAO LỚP 1
3	03/04/2020	STK-003277	HOÀNG LONG - TOÁN NĂNG KHIẾU 1
4	03/04/2020	STK-003278	HOÀNG LONG - TOÁN NĂNG KHIẾU 1
5	03/04/2020	STK-003279	HOÀNG LONG - TOÁN NĂNG KHIẾU 1
6	03/04/2020	STK-003280	HOÀNG LONG - TOÁN NĂNG KHIẾU 1
7	03/04/2020	STK-003281	HOÀNG LONG - TOÁN NĂNG KHIẾU 1
8	03/04/2020	STK-003282	PHẠM ĐÌNH THỰC - GIÚP EM GIỎI TOÁN 1
9	03/04/2020	STK-003283	PHẠM ĐÌNH THỰC - GIÚP EM GIỎI TOÁN 1
10	03/04/2020	STK-003284	PHẠM ĐÌNH THỰC - GIÚP EM GIỎI TOÁN 1
11	03/04/2020	STK-003285	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/1
12	03/04/2020	STK-003286	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/1
13	03/04/2020	STK-003287	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/1
14	03/04/2020	STK-003288	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/1
15	03/04/2020	STK-003289	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/1
16	03/04/2020	STK-003290	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/2
17	03/04/2020	STK-003291	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/2
18	03/04/2020	STK-003292	ĐỖ TRUNG HIỆU - VỞ LUYỆN TOÁN 1/2
19	03/04/2020	STK-003293	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 1/1
20	03/04/2020	STK-003294	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 1/1
21	03/04/2020	STK-003295	VŨ DƯƠNG THỤY - BA MƯƠI SÁU 36 ĐỀ ÔN LUYỆN TOÁN 1/1
22	03/04/2020	STK-003296	HOÀNG LONG - HỌC GIỎI TOÁN 1
23	03/04/2020	STK-003297	HOÀNG LONG - HỌC GIỎI TOÁN 1
24	03/04/2020	STK-003298	HOÀNG LONG - HỌC GIỎI TOÁN 1
25	03/04/2020	STK-003299	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 1/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	8,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	8,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	9,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	9,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	9,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	9,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	9,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	12,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	12,000	51	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	17,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	17,000	51	3							
Trẻ	TPHCM	2002	10,000	51	3							
Trẻ	TPHCM	2002	10,000	51	3							
Trẻ	TPHCM	2002	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003300	PHẠM NGỌC ĐỊNH - TỰ LUYỆN VIOLYMPIC TOÁN 1/1
2	03/04/2020	STK-003301	NGUYỄN DUY HỨA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TOÁN 1
3	03/04/2020	STK-003302	NGUYỄN DUY HỨA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TOÁN 1
4	03/04/2020	STK-003303	NGUYỄN DUY HỨA - ĐỀ ÔN LUYỆN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ TOÁN 1
5	03/04/2020	STK-003304	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 1
6	03/04/2020	STK-003305	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 1
7	03/04/2020	STK-003306	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 1
8	03/04/2020	STK-003307	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 1
9	03/04/2020	STK-003308	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 1
10	03/04/2020	STK-003309	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 1
11	03/04/2020	STK-003310	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 1
12	03/04/2020	STK-003311	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 1
13	03/04/2020	STK-003312	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM 500 BÀI TẬP TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 1
14	03/04/2020	STK-003313	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 1/1
15	03/04/2020	STK-003314	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 1/1
16	03/04/2020	STK-003315	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 1/2
17	03/04/2020	STK-003316	KHÚC THÀNH CHÍNH - BÀI TẬP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TOÁN CHO HỌC SINH LỚP 1/2
18	03/04/2020	STK-003317	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN 2
19	03/04/2020	STK-003318	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN 2
20	03/04/2020	STK-003319	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN 2
21	03/04/2020	STK-003320	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN 2
22	03/04/2020	STK-003321	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN 2
23	03/04/2020	STK-003322	HOÀNG ĐỨC HUY - NĂM MƯƠI 50 BÀI VĂN ỨNG DỤNG 2
24	03/04/2020	STK-003323	HOÀNG ĐỨC HUY - NĂM MƯƠI 50 BÀI VĂN ỨNG DỤNG 2
25	03/04/2020	STK-003324	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	10,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	10,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	10,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	10,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	10,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	10,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	10,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	10,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	8(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003325	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 2
2	03/04/2020	STK-003326	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 2
3	03/04/2020	STK-003327	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 2
4	03/04/2020	STK-003328	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 2
5	03/04/2020	STK-003329	LÊ PHƯƠNG LIÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 2/1
6	03/04/2020	STK-003330	LÊ PHƯƠNG LIÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 2/1
7	03/04/2020	STK-003331	LÊ PHƯƠNG LIÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 2/1
8	03/04/2020	STK-003332	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 2
9	03/04/2020	STK-003333	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 2
10	03/04/2020	STK-003334	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 2
11	03/04/2020	STK-003335	THÁI QUANG VINH - MỘT TRĂM 100 BÀI LÀM VĂN HAY 2
12	03/04/2020	STK-003336	THÁI QUANG VINH - MỘT TRĂM 100 BÀI LÀM VĂN HAY 2
13	03/04/2020	STK-003337	THÁI QUANG VINH - MỘT TRĂM 100 BÀI LÀM VĂN HAY 2
14	03/04/2020	STK-003338	THÁI QUANG VINH - MỘT TRĂM 100 BÀI LÀM VĂN HAY 2
15	03/04/2020	STK-003339	LÊ PHƯƠNG LIÊN - DÀN BÀI TẬP LÀM VĂN 2
16	03/04/2020	STK-003340	LÊ PHƯƠNG LIÊN - DÀN BÀI TẬP LÀM VĂN 2
17	03/04/2020	STK-003341	LÊ PHƯƠNG LIÊN - DÀN BÀI TẬP LÀM VĂN 2
18	03/04/2020	STK-003342	LÊ LƯƠNG TÂM - BỒI DƯỠNG VĂN NĂNG KHIẾU 3
19	03/04/2020	STK-003343	LÊ LƯƠNG TÂM - BỒI DƯỠNG VĂN NĂNG KHIẾU 3
20	03/04/2020	STK-003344	LÊ LƯƠNG TÂM - BỒI DƯỠNG VĂN NĂNG KHIẾU 3
21	03/04/2020	STK-003345	THÁI QUANG VINH - MỘT TRĂM 100 BÀI LÀM VĂN MẪU 3
22	03/04/2020	STK-003346	THÁI QUANG VINH - MỘT TRĂM 100 BÀI LÀM VĂN MẪU 3
23	03/04/2020	STK-003347	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 3/1
24	03/04/2020	STK-003348	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 3
25	03/04/2020	STK-003349	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	12,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	27,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	27,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	27,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	13,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	13,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	13,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	12,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	12,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	12,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	12,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2015	25,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2015	25,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2015	25,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2008	20,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2008	20,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2008	20,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2007	13,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2007	13,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	17,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	13,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	13,000	8(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003350	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 3
2	03/04/2020	STK-003351	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI CHÍN 169 BÀI TẬP LÀM VĂN CHỌN LỌC 3
3	03/04/2020	STK-003352	LÊ PHƯƠNG LIÊN - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI CHÍN 169 BÀI TẬP LÀM VĂN CHỌN LỌC 3
4	03/04/2020	STK-003353	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - NHỮNG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN 3
5	03/04/2020	STK-003354	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - NHỮNG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN 3
6	03/04/2020	STK-003355	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - NHỮNG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN 3
7	03/04/2020	STK-003356	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - NHỮNG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN 3
8	03/04/2020	STK-003357	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 3
9	03/04/2020	STK-003358	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 3
10	03/04/2020	STK-003359	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 3
11	03/04/2020	STK-003360	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 3
12	03/04/2020	STK-003361	LÊ ANH XUÂN - RÈN KĨ NĂNG KỂ CHUYỆN 3
13	03/04/2020	STK-003362	LÊ ANH XUÂN - RÈN KĨ NĂNG KỂ CHUYỆN 3
14	03/04/2020	STK-003363	LÊ ANH XUÂN - RÈN KĨ NĂNG KỂ CHUYỆN 3
15	03/04/2020	STK-003364	TRẦN ĐỨC NIỀM - HAI TRĂM LINH BẢY 207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 4
16	03/04/2020	STK-003365	TRẦN ĐỨC NIỀM - HAI TRĂM LINH BẢY 207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 4
17	03/04/2020	STK-003366	TRẦN ĐỨC NIỀM - HAI TRĂM LINH BẢY 207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 4
18	03/04/2020	STK-003367	TRẦN ĐỨC NIỀM - HAI TRĂM LINH BẢY 207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 4
19	03/04/2020	STK-003368	TRẦN ĐỨC NIỀM - HAI TRĂM LINH BẢY 207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 4
20	03/04/2020	STK-003369	VŨ KHẮC TUÂN - CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4
21	03/04/2020	STK-003370	VŨ KHẮC TUÂN - CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4
22	03/04/2020	STK-003371	VŨ KHẮC TUÂN - CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4
23	03/04/2020	STK-003372	VŨ KHẮC TUÂN - CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4
24	03/04/2020	STK-003373	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 4
25	03/04/2020	STK-003374	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2006	13,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	27,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	27,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	18,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	18,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	18,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	23,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	23,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	23,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	23,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	8(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003375	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 4
2	03/04/2020	STK-003376	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 4
3	03/04/2020	STK-003377	PHẠM NGỌC THẮM - ĐẾN VỚI VĂN TIÊU BIỂU 4
4	03/04/2020	STK-003378	PHẠM NGỌC THẮM - ĐẾN VỚI VĂN TIÊU BIỂU 4
5	03/04/2020	STK-003379	PHẠM NGỌC THẮM - ĐẾN VỚI VĂN TIÊU BIỂU 4
6	03/04/2020	STK-003380	PHẠM NGỌC THẮM - ĐẾN VỚI VĂN TIÊU BIỂU 4
7	03/04/2020	STK-003381	PHẠM NGỌC THẮM - ĐẾN VỚI VĂN TIÊU BIỂU 4
8	03/04/2020	STK-003382	LÊ PHƯƠNG LIÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 4/1
9	03/04/2020	STK-003383	LÊ PHƯƠNG LIÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 4/1
10	03/04/2020	STK-003384	LÊ PHƯƠNG LIÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 4/2
11	03/04/2020	STK-003385	LÊ PHƯƠNG LIÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 4/2
12	03/04/2020	STK-003386	VŨ KHẮC TUÂN - RÈN KỸ NĂNG TẬP LÀM VĂN 4
13	03/04/2020	STK-003387	VŨ KHẮC TUÂN - RÈN KỸ NĂNG TẬP LÀM VĂN 4
14	03/04/2020	STK-003388	VŨ KHẮC TUÂN - RÈN KỸ NĂNG TẬP LÀM VĂN 4
15	03/04/2020	STK-003389	LÊ ANH XUÂN - MỘT TRĂM CHÍN MƯƠI CHÍN 199 BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY 4
16	03/04/2020	STK-003390	LÊ ANH XUÂN - MỘT TRĂM CHÍN MƯƠI CHÍN 199 BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY 4
17	03/04/2020	STK-003391	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4/1
18	03/04/2020	STK-003392	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4/1
19	03/04/2020	STK-003393	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4/2
20	03/04/2020	STK-003394	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - BỒI DƯỠNG VĂN-TIẾNG VIỆT 4/2
21	03/04/2020	STK-003395	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 4
22	03/04/2020	STK-003396	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 4
23	03/04/2020	STK-003397	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - TẬP LÀM VĂN 4
24	03/04/2020	STK-003398	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - TẬP LÀM VĂN 4
25	03/04/2020	STK-003399	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - TẬP LÀM VĂN 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	54,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	54,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	54,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	54,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2008	54,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	30,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	30,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	27,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	27,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	22,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	22,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	22,000	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	14,400	8(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	14,400	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,500	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,500	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,500	8(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003400	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - TẬP LÀM VĂN 4
2	03/04/2020	STK-003401	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - TẬP LÀM VĂN 4
3	03/04/2020	STK-003402	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 1
4	03/04/2020	STK-003403	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 1
5	03/04/2020	STK-003404	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 1
6	03/04/2020	STK-003405	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 1
7	03/04/2020	STK-003406	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 2
8	03/04/2020	STK-003407	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 2
9	03/04/2020	STK-003408	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 2
10	03/04/2020	STK-003409	VŨ KHẮC TUÂN - BÀI TẬP LUYỆN VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN Ở TIỂU HỌC TẬP 2
11	03/04/2020	STK-003410	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY CHỌN LỌC LỚP 4-5
12	03/04/2020	STK-003411	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY CHỌN LỌC LỚP 4-5
13	03/04/2020	STK-003412	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY CHỌN LỌC LỚP 4-5
14	03/04/2020	STK-003413	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY CHỌN LỌC LỚP 4-5
15	03/04/2020	STK-003414	LÊ THỊ NGUYÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 4
16	03/04/2020	STK-003415	LÊ THỊ NGUYÊN - THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 4
17	03/04/2020	STK-003416	PHAN PHƯƠNG DUNG - HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP LÀM VĂN 4
18	03/04/2020	STK-003417	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 5
19	03/04/2020	STK-003418	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 5
20	03/04/2020	STK-003419	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 5
21	03/04/2020	STK-003420	THÁI QUANG VINH - TUYỂN TẬP 150 BÀI VĂN HAY 5
22	03/04/2020	STK-003421	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 BÀI LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 5
23	03/04/2020	STK-003422	TRẦN ĐỨC NIỀM - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU 166 BÀI LÀM VĂN TIẾNG VIỆT 5
24	03/04/2020	STK-003423	NGUYỄN NGỌC DŨNG - NHỮNG BÀI VĂN MẪU LỚP 5
25	03/04/2020	STK-003424	NGUYỄN NGỌC DŨNG - NHỮNG BÀI VĂN MẪU LỚP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	13,500	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,500	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	12,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	12,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	12,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	12,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	17,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	17,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	17,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	17,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	8(V)	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	14,000	8(V)	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	12,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	25,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	19,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	19,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	19,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	19,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	13,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	13,000	8(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/04/2020	STK-003425	NGUYỄN NGỌC DŨNG - NHỮNG BÀI VĂN MẪU LỚP 5
2	03/04/2020	STK-003426	NGUYỄN NGỌC DŨNG - NHỮNG BÀI VĂN MẪU LỚP 5
3	03/04/2020	STK-003427	TẠ THANH SƠN - VĂN KỂ CHUYỆN LỚP 5
4	03/04/2020	STK-003428	TẠ THANH SƠN - VĂN KỂ CHUYỆN LỚP 5
5	03/04/2020	STK-003429	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT GIẢI TỈNH, THÀNH PHỐ, TOÀN QUỐC 5
6	03/04/2020	STK-003430	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT GIẢI TỈNH, THÀNH PHỐ, TOÀN QUỐC 5
7	03/04/2020	STK-003431	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT GIẢI TỈNH, THÀNH PHỐ, TOÀN QUỐC 5
8	03/04/2020	STK-003432	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT GIẢI TỈNH, THÀNH PHỐ, TOÀN QUỐC 5
9	03/04/2020	STK-003433	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT GIẢI TỈNH, THÀNH PHỐ, TOÀN QUỐC 5
10	03/04/2020	STK-003434	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT GIẢI TỈNH, THÀNH PHỐ, TOÀN QUỐC 5
11	03/04/2020	STK-003435	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT GIẢI TỈNH, THÀNH PHỐ, TOÀN QUỐC 5
12	03/04/2020	STK-003436	LÊ PHƯƠNG LIÊN - DÀN BÀI TẬP LÀM VĂN 5
13	06/04/2020	STK-003437	VŨ KHẮC TUÂN - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI HAI 162 BÀI VĂN CHỌN LỌC 5
14	06/04/2020	STK-003438	VŨ KHẮC TUÂN - MỘT TRĂM SÁU MƯƠI HAI 162 BÀI VĂN CHỌN LỌC 5
15	06/04/2020	STK-003439	VŨ KHẮC TUÂN - RÈN KỸ NĂNG TẬP LÀM VĂN 5
16	06/04/2020	STK-003440	VŨ KHẮC TUÂN - RÈN KỸ NĂNG TẬP LÀM VĂN 5
17	06/04/2020	STK-003441	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TẬP LÀM VĂN 5
18	06/04/2020	STK-003442	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TẬP LÀM VĂN 5
19	06/04/2020	STK-003443	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TẬP LÀM VĂN 5
20	06/04/2020	STK-003444	ĐẶNG MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TẬP LÀM VĂN 5
21	06/04/2020	STK-003445	ĐOÀN THỊ KIM NHUNG - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
22	06/04/2020	STK-003446	ĐOÀN THỊ KIM NHUNG - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
23	06/04/2020	STK-003447	ĐOÀN THỊ KIM NHUNG - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
24	06/04/2020	STK-003448	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY LỚP 5
25	06/04/2020	STK-003449	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY LỚP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	13,000	8(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	13,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	17,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2011	17,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2015	35,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	16,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	16,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	16,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2007	16,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	22,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	22,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	22,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	8(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/04/2020	STK-003450	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY LỚP 5
2	06/04/2020	STK-003451	TRẦN ĐỨC NIỀM - NHỮNG BÀI VĂN HAY LỚP 5
3	06/04/2020	STK-003452	ĐỖ KIM HẢO - NHỮNG BÀI VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ LỚP 5
4	06/04/2020	STK-003453	ĐỖ KIM HẢO - NHỮNG BÀI VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ LỚP 5
5	06/04/2020	STK-003454	ĐỖ KIM HẢO - NHỮNG BÀI VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ LỚP 5
6	06/04/2020	STK-003455	ĐỖ KIM HẢO - NHỮNG BÀI VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ 5
7	06/04/2020	STK-003456	ĐỖ KIM HẢO - NHỮNG BÀI VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ 5
8	06/04/2020	STK-003457	ĐỖ KIM HẢO - NHỮNG BÀI VĂN TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ 5
9	06/04/2020	STK-003458	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
10	06/04/2020	STK-003459	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
11	06/04/2020	STK-003460	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
12	06/04/2020	STK-003461	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
13	06/04/2020	STK-003462	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
14	06/04/2020	STK-003463	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
15	06/04/2020	STK-003464	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
16	06/04/2020	STK-003465	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
17	06/04/2020	STK-003466	NGUYỄN TRÍ - RÈN KĨ NĂNG CẢM THỤ THƠ VĂN CHO HỌC SINH LỚP 5
18	06/04/2020	STK-003467	TRẦN ĐỨC NIỀM - HAI TRĂM LINH BẢY 207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 5
19	06/04/2020	STK-003468	TRẦN ĐỨC NIỀM - HAI TRĂM LINH BẢY 207 ĐỀ VÀ BÀI VĂN 5
20	06/04/2020	STK-003469	LÊ THỊ NGUYÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
21	06/04/2020	STK-003470	LÊ THỊ NGUYÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
22	06/04/2020	STK-003471	LÊ THỊ NGUYÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
23	06/04/2020	STK-003472	LÊ THỊ NGUYÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
24	06/04/2020	STK-003473	LÊ THỊ NGUYÊN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 5
25	06/04/2020	STK-003474	GIANG HÀ VỊ - YẾT KIÊU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	15,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	21,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	21,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	21,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,500	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	23,000	8(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	23,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	18,000	8(V)	3							
Thanh niên	HN	2005	38,000	9	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/04/2020	STK-003475	GIANG HÀ VỊ - TƯỚNG QUÂN LÝ THƯỜNG KIỆT
2	06/04/2020	STK-003476	GIANG HÀ VỊ - BẮC BÌNH VƯƠNG NGUYỄN HUỆ
3	06/04/2020	STK-003477	NHIỀU TÁC GIẢ - MỘT NGHÌN 1000 CÂU HỎI ĐÁP VỀ LỊCH SỬ VIỆT NAM VÀ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
4	06/04/2020	STK-003478	LÊ BÁ ƯỚC - MỘT THỜI RỪNG SÁC
5	06/04/2020	STK-003479	LÊ BÁ ƯỚC - MỘT THỜI RỪNG SÁC
6	06/04/2020	STK-003480	VÕ NGUYÊN GIÁP - ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ
7	06/04/2020	STK-003481	VÕ NGUYÊN GIÁP - ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ
8	06/04/2020	STK-003482	VÕ NGUYÊN GIÁP - ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ
9	06/04/2020	STK-003483	VÕ NGUYÊN GIÁP - ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐIỂM HẸN LỊCH SỬ
10	06/04/2020	STK-003484	TRẦN ĐÌNH BA - LỊCH SỬ VIỆT NAM QUA Ô CHỮ
11	06/04/2020	STK-003485	TRẦN ĐÌNH BA - LỊCH SỬ VIỆT NAM QUA Ô CHỮ
12	06/04/2020	STK-003486	PHẠM ĐỨC KIÊN - HỎI VÀ ĐÁP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
13	06/04/2020	STK-003487	UYỂN THANH - TRÊN NHỮNG NẺO ĐƯỜNG KHÁNG CHIẾN
14	06/04/2020	STK-003488	LƯƠNG NINH - LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI
15	06/04/2020	STK-003489	NGUYỄN ANH THÁI - LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
16	06/04/2020	STK-003490	NGUYỄN THỊ THU HÀ - KỶ YẾU HOÀNG SA
17	06/04/2020	STK-003491	NGUYỄN ĐÌNH ĐẦU - VIỆT NAM QUỐC HIỆU VÀ CƯƠNG VỰC HOÀNG SA-TRƯỜNG SA
18	06/04/2020	STK-003492	NGUYỄN HỮU ĐẠO - VIỆT NAM NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ (1975-2000)
19	06/04/2020	STK-003493	NGUYỄN HỮU ĐẠO - VIỆT NAM NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ (1858-1918)
20	06/04/2020	STK-003494	NGUYỄN HỮU ĐẠO - VIỆT NAM NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ (1945-1975)
21	06/04/2020	STK-003495	PHẠM ĐÌNH THỰC - CÁC BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN 5
22	06/04/2020	STK-003496	ĐỖ MẠNH THƯỜNG - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 5
23	06/04/2020	STK-003497	VŨ NĂNG AN - VIỆT NAM 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG 1945-1975
24	06/04/2020	STK-003498	SONG HỒNG - NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ NỔI TIẾNG THẾ KỶ 20
25	06/04/2020	STK-003499	HUỲNH NGỌC TRẢNG - SÀI GÒN GIA ĐỊNH XƯA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2005	25,000	9	3							
Thanh niên	HN	2005	43,000	9	3							
Trẻ	TPHCM	2007	30,000	9	3							
Đồng Nai	TPHCM	2007	30,000	9	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	30,000	9	3							
Kim Đồng	HN	2009	50,000	9	3							
Kim Đồng	HN	2009	50,000	9	3							
Kim Đồng	HN	2009	50,000	9	3							
Kim Đồng	HN	2009	50,000	9	3							
Quân đội nhân dân	HN	2009	31,000	9	3							
Quân đội nhân dân	HN	2009	31,000	9	3							
Lý luận chính trị	HN	2016	42,000	9	3							
Trẻ	TPHCM	2004	37,000	9	3							
Giáo dục	HN	1999	18,500	9	3							
Giáo dục	HN	2007	42,000	9	3							
Thanh niên	HN	2014	50,000	9	3							
Trẻ	TPHCM	2013	155,000	9	3							
Giáo dục	HN	2008	125,000	9	3							
Giáo dục	HN	1999	32,200	9	3							
Giáo dục	HN	2006	59,400	9	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Giáo dục	HN	2007	15,000	4(V)	3							
Thông tấn	HN	2004	295,000	9(V)	3							
Văn học	HN	1996	40,000	9(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1997	20,000	9(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/04/2020	STK-003500	VÕ AN KHÁNH - ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NƠI CHIẾN TRANH ĐI QUA
2	06/04/2020	STK-003501	SƠN NAM - SÀI GÒN LỤC TỈNH XƯA
3	06/04/2020	STK-003502	NGUYỄN QUỐC THẮNG - TỪ ĐIỂN NHÂN VẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM
4	06/04/2020	STK-003503	NGUYỄN QUỐC THẮNG - TỪ ĐIỂN NHÂN VẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM
5	06/04/2020	STK-003504	VŨ DƯƠNG NINH - LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
6	06/04/2020	STK-003505	NGUYỄN CẢNH MINH - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỶ X
7	06/04/2020	STK-003506	NGUYỄN CẢNH MINH - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỶ X
8	06/04/2020	STK-003507	NGUYỄN CẢNH MINH - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỶ X
9	06/04/2020	STK-003508	NGUYỄN CẢNH MINH - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỶ X
10	06/04/2020	STK-003509	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG VẤN ĐỀ LỊCH SỬ VIỆT NAM
11	06/04/2020	STK-003510	TRẦN BÁ ĐỆ - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY
12	06/04/2020	STK-003511	TRẦN BÁ ĐỆ - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY
13	06/04/2020	STK-003512	TRẦN BÁ ĐỆ - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY
14	06/04/2020	STK-003513	TRẦN BÁ ĐỆ - LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY
15	06/04/2020	STK-003514	ĐINH XUÂN LÂM - ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VIỆT NAM TẬP 2
16	06/04/2020	STK-003515	ĐỒNG QUANG TIẾN - ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975
17	06/04/2020	STK-003516	VĂN HÒA - NHỮNG NHÂN VẬT NỔI TIẾNG THẾ GIỚI
18	06/04/2020	STK-003517	VĂN HÒA - NHỮNG NHÂN VẬT NỔI TIẾNG THẾ GIỚI
19	06/04/2020	STK-003518	THĂNG LONG - ĐỒNG ĐÔ LA TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC
20	06/04/2020	STK-003519	NGUYỄN THIỆU LÂU - QUỐC SỬ TẠP LỤC
21	06/04/2020	STK-003520	NGUYỄN KHẮC THUẦN - SÁU MƯƠI CHÍN 69 GIAI THOẠI THẾ KỈ XVIII
22	06/04/2020	STK-003521	TRẦN THÁI BÌNH - TÌM HIỂU LỊCH SỬ VIỆT NAM
23	06/04/2020	STK-003522	ĐINH LỤC - LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC 1954-1975
24	06/04/2020	STK-003523	HOÀNG MINH THẢO - QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
25	06/04/2020	STK-003524	PHẠM GIA ĐỨC - ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP VỚI CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2003	30,000	9(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1998	80,000	9(V)	3							
Văn học	HN	1997	110,000	9(V)	3							
Văn học	HN	1993	65,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	37,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	6,700	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	6,700	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	6,700	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	6,700	9(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2001	36,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	14,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	14,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	14,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	14,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	25,800	9(V)	3							
Thông tấn	HN	2005	290,000	9(V)	3							
Văn học	HN	1997	145,000	9(V)	3							
Văn học	HN	1997	145,000	9(V)	3							
Trẻ	TPHCM	1997	55,000	9(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	1994	40,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1997	9,800	9(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2001	47,000	9(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	44,000	9(V)	3							
Lao động	HN	2005	285,000	9(V)	3							
Quân đội nhân dân	HN	2004	275,000	9(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/04/2020	STK-003525	NGUYỄN VĂN KHANG - CÁC NỀN VĂN MINH VĨ ĐẠI TRÊN THẾ GIỚI
2	06/04/2020	STK-003526	BÙI ĐỨC TỊNH - LỊCH SỬ THẾ GIỚI
3	06/04/2020	STK-003527	TRẦN QUỐC HÙNG - NĂM MƯƠI 50 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ
4	06/04/2020	STK-003528	NGUYỄN VĂN BÌNH - HỒ SƠ 60 NĂM 1945-2005
5	06/04/2020	STK-003529	NGUYỄN THỊ SÚY - CON ĐƯỜNG MÁU LỬA VỀ ĐƯỜNG MÒN HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH
6	06/04/2020	STK-003530	LÊ HẢI TRIỀU - CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
7	06/04/2020	STK-003531	HỒ PHƯƠNG LAN - BẢN HÙNG CA THẾ KỶ XX
8	06/04/2020	STK-003532	NGUYỄN VĂN BÌNH - HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM CUỘC ĐẤU CHIẾN LƯỢC
9	06/04/2020	STK-003533	NGUYỄN QUÝ - LỊCH SỬ BIÊN NIÊN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG-VĂN HÓA CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1976-2004)
10	06/04/2020	STK-003534	NGUYỄN QUÝ - LỊCH SỬ BIÊN NIÊN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG-VĂN HÓA CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1955-1975)
11	06/04/2020	STK-003535	NGUYỄN QUÝ - LỊCH SỬ BIÊN NIÊN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG-VĂN HÓA CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1925-1954)
12	06/04/2020	STK-003536	NGUYỄN PHƯƠNG TÂN - MẬU THÂN 1968 CUỘC ĐỐI CHIẾN LỊCH SỬ
13	06/04/2020	STK-003537	NGUYỄN ĐÌNH THỐNG - NHÀ TÙ CÔN ĐẢO NHÀ LAO PHÚ QUỐC
14	06/04/2020	STK-003538	PHẠM QUANG ĐỊNH - ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 CHIẾN THẮNG CỦA SỨC MẠNH VIỆT NAM
15	06/04/2020	STK-003539	NGUYỄN VĂN TÂN - TỪ ĐIỂN ĐỊA DANH LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM
16	06/04/2020	STK-003540	NGUYỄN QUỐC THẮNG - TỪ ĐIỂN NHÂN VẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM
17	06/04/2020	STK-003541	LƯƠNG NINH - LỊCH SỬ VIỆT NAM GIẢN YẾU
18	06/04/2020	STK-003542	NGUYỄN GIA PHU - LỊCH SỬ THẾ GIỚI
19	06/04/2020	STK-003543	NGUYỄN VINH PHÚC - MỘT NGHÌN 1000 NĂM THĂNG LONG HÀ NỘI
20	06/04/2020	STK-003544	DƯ QUAN ANH - LỊCH SỬ VĂN HỌC TRUNG QUỐC
21	06/04/2020	STK-003545	NGUYỄN GIA PHU - LỊCH SỬ TRUNG QUỐC
22	07/04/2020	STK-003546	HOÀNG CHÍ DŨNG - TỪ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH
23	07/04/2020	STK-003547	CHÂU NHIÊN KHANH - TỤC NGỮ VIỆT NAM
24	07/04/2020	STK-003548	NEW ERA - TỪ ĐIỂN VIỆT-ANH
25	07/04/2020	STK-003549	NGUYỄN NHƯ Ý - TỪ ĐIỂN THÀNH NGỮ VIỆT NAM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn học	HN	1998	128,000	9(V)	3							
Văn học	HN	1996	90,000	9(V)	3							
Văn nghệ	TPHCM	2004	300,000	9(V)	3							
Lao động	HN	2005	285,000	9(V)	3							
Lao động	HN	2007	290,000	9(V)	3							
Quân đội nhân dân	HN	2005	280,000	9(V)	3							
Lao động	HN	2006	275,000	9(V)	3							
Lao động	HN	2005	285,000	9(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	127,000	9(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	78,000	9(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	83,000	9(V)	3							
Lao động	HN	2007	290,000	9(V)	3							
Lao động	HN	2005	295,000	9(V)	3							
Quân đội nhân dân	HN	2005	285,000	9(V)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	1998	160,000	9(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	295,000	9(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	208,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1998	36,000	9(T)	3							
Trẻ	TPHCM	2010	272,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	1997	40,000	9(T)	3							
Giáo dục	HN	2001	34,000	9(T)	3							
Hồng Đức	HN	2008	60,000	4(V)(03)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2000	16,000	4(V)	3							
Hồng Đức	HN	2009	8,000	4(V)(03)	3							
Văn học	HN	1993	50,000	4(V)(03)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/04/2020	STK-003550	HOÀNG PHÊ - TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
2	07/04/2020	STK-003551	NGUYỄN NHƯ Ý - TỪ ĐIỂN GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT
3	07/04/2020	STK-003552	ĐẶNG CHẤN LIÊU - TỪ ĐIỂN VIỆT-ANH
4	07/04/2020	STK-003553	ĐẶNG CÔNG TOẠI - THƯ MỤC NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
5	07/04/2020	STK-003554	ĐẶNG CÔNG TOẠI - THƯ MỤC NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
6	07/04/2020	STK-003555	NGUYỄN KHUÊ - TỪ ĐIỂN HÁN-VIỆT
7	07/04/2020	STK-003556	HOÀNG VĂN HOÀNH - TỪ ĐIỂN TỪ LÁY TIẾNG VIỆT
8	07/04/2020	STK-003557	TẠ ĐỨC HIỀN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 3
9	07/04/2020	STK-003558	HOÀNG ĐỨC HUY - BỐN MƯƠI LĂM 45 ĐỀ TRẮC NGHIỆM NGỮ VĂN-TIẾNG VIỆT 3
10	07/04/2020	STK-003559	HOÀNG ĐỨC HUY - BỐN MƯƠI LĂM 45 ĐỀ TRẮC NGHIỆM NGỮ VĂN-TIẾNG VIỆT 3
11	07/04/2020	STK-003560	LÊ THỊ NGUYÊN - TIẾNG VIỆT NÂNG CAO 3
12	07/04/2020	STK-003561	TRẦN ĐỨC NIỀM - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TỪ VÀ CÂU 3
13	07/04/2020	STK-003562	NGUYỄN QUANG NINH - MỘT TRĂM NĂM MƯƠI 150 BÀI TẬP RÈN LUYỆN TIẾNG VIỆT LÀM VĂN LỚP 4
14	07/04/2020	STK-003563	THÁI QUANG VINH - TIẾNG VIỆT NÂNG CAO 4
15	07/04/2020	STK-003564	NGUYỄN THỊ LY KHA - THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT 4/2
16	07/04/2020	STK-003565	HOÀNG CAO CƯƠNG - BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 4/2
17	07/04/2020	STK-003566	TẠ THANH SƠN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 5
18	07/04/2020	STK-003567	TẠ THANH SƠN - NÂNG CAO TIẾNG VIỆT 5
19	07/04/2020	STK-003568	VŨ KHẮC TUÂN - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 5
20	07/04/2020	STK-003569	VŨ KHẮC TUÂN - LUYỆN TỪ VÀ CÂU 5
21	07/04/2020	STK-003570	LÊ PHƯƠNG NGA - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỪ VÀ CÂU 5
22	07/04/2020	STK-003571	LÊ PHƯƠNG NGA - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỪ VÀ CÂU 5
23	07/04/2020	STK-003572	LÊ PHƯƠNG LIÊN - LUYỆN TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 5
24	07/04/2020	STK-003573	TRẦN MẠNH HƯỞNG - BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI TIẾNG VIỆT 5
25	07/04/2020	STK-003574	LÊ A - BỒI DƯỠNG TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đà Nẵng	ĐN	2001	125,000	4(V)(03)	3							
Giáo dục	HN	1995	18,000	4(V)(03)	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2006	150,000	4(V)(03)	3							
Văn học	HN	1994	75,000	4(V)	3							
Văn học	HN	1994	75,000	4(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1991	7,500	4(V)(03)	3							
Giáo dục	HN	1995	40,000	4(V)(03)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	16,000	4(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2009	24,000	4(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2009	24,000	4(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	4(V)	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	9,000	4(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2008	27,000	4(V)	3							
Đà Nẵng	ĐN	2005	14,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,400	4(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2007	8,800	4(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	31,000	4(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	31,000	4(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	4(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	4(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	17,000	4(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	17,000	4(V)	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	13,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2006	13,400	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	26,000	4(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/04/2020	STK-003575	ĐINH TRỌNG LẠC - VẺ ĐẸP CỦA NGÔN NGỮ VĂN HỌC QUA CÁC BÀI TẬP ĐỌC LỚP 4-5
2	07/04/2020	STK-003576	HOÀNG PHỦ NGỌC PHAN - TIẾNG NÓI TRI ÂN
3	07/04/2020	STK-003577	TRẦN PHƯƠNG HỒ - TỪ MỘ ĐẠM TIÊN ĐẾN SÔNG TIỀN ĐƯỜNG
4	07/04/2020	STK-003578	QUÁCH THU NGUYỆT - QUÀ TẶNG DÂNG LÊN THẦY CÔ
5	07/04/2020	STK-003579	QUÁCH THU NGUYỆT - QUÀ TẶNG DÂNG LÊN THẦY CÔ
6	07/04/2020	STK-003580	THU GIANG - CÁI DŨNG CỦA THÁNH NHÂN
7	07/04/2020	STK-003581	THU GIANG - CÁI CƯỜI CỦA THÁNH NHÂN
8	07/04/2020	STK-003582	VŨ TIẾN QUỲNH - LÝ BẠCH ĐỖ PHỦ BẠCH CƯ DỊ THÔI HIỆU
9	07/04/2020	STK-003583	VŨ NGỌC KHÁNH - GIAI THOẠI VĂN HỌC TRUNG QUỐC
10	07/04/2020	STK-003584	TRẦN THỊ THÌN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 2/2
11	07/04/2020	STK-003585	TRẦN THỊ THÌN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 2/2
12	07/04/2020	STK-003586	TRẦN THỊ THÌN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 2/2
13	07/04/2020	STK-003587	TRẦN THỊ THÌN - NHỮNG BÀI LÀM VĂN MẪU 2/2
14	07/04/2020	STK-003588	TRẦN MẠNH HƯỞNG - THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 2
15	07/04/2020	STK-003589	TRẦN MẠNH HƯỞNG - THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 2
16	07/04/2020	STK-003590	TRẦN MẠNH HƯỞNG - THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 2
17	07/04/2020	STK-003591	TRẦN MẠNH HƯỞNG - THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 2
18	07/04/2020	STK-003592	TRẦN MẠNH HƯỞNG - THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 2
19	07/04/2020	STK-003593	TRẦN MẠNH HƯỞNG - THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN 2
20	07/04/2020	STK-003594	NGUYỄN THỊ LY KHA - LUYỆN CHỮ ĐẸP YÊU THƠ VĂN LỚP 5/1
21	07/04/2020	STK-003595	NGUYỄN THỊ LY KHA - LUYỆN CHỮ ĐẸP YÊU THƠ VĂN LỚP 5/1
22	07/04/2020	STK-003596	NGUYỄN THỊ LY KHA - LUYỆN CHỮ ĐẸP YÊU THƠ VĂN LỚP 5/1
23	07/04/2020	STK-003597	NGUYỄN THỊ LY KHA - LUYỆN CHỮ ĐẸP YÊU THƠ VĂN LỚP 5/2
24	07/04/2020	STK-003598	NGUYỄN THỊ LY KHA - LUYỆN CHỮ ĐẸP YÊU THƠ VĂN LỚP 5/2
25	07/04/2020	STK-003599	NGUYỄN THỊ LY KHA - LUYỆN CHỮ ĐẸP YÊU THƠ VĂN LỚP 5/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	1998	4,400	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	1994	18,000	8(V)	3							
Văn hóa dân tộc	HN	1997	22,500	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2009	41,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2009	41,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2016	30,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2016	67,000	8(V)	3							
Văn nghệ	TPHCM	1998	14,000	8(V)	3							
Văn học	HN	1998	11,000	8(N)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	22,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	22,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	22,000	8(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	22,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	2003	8,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2014	14,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2014	14,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2014	14,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2014	14,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2014	14,000	8(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2014	14,000	8(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/04/2020	STK-003600	HÀ MINH ĐỨC - NHÀ VĂN NÓI VỀ TÁC PHẨM
2	07/04/2020	STK-003601	ĐỖ KIM HỒI - NGHĨ TỪ CÔNG VIỆC DẠY VĂN
3	07/04/2020	STK-003602	LÊ BÁ HÁN - TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ VĂN HỌC
4	07/04/2020	STK-003603	LÊ VĂN ĐÌNH - GIAI THOẠI VĂN HỌC ĐƯỜNG
5	07/04/2020	STK-003604	TRẦN HỮU TÁ - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2008
6	07/04/2020	STK-003605	TRẦN HỮU TÁ - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2008
7	07/04/2020	STK-003606	TRẦN HỮU TÁ - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2007
8	07/04/2020	STK-003607	TRẦN HỮU TÁ - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2007
9	07/04/2020	STK-003608	TRẦN VĂN THẮNG - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2004
10	07/04/2020	STK-003609	TRẦN VĂN THẮNG - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2004
11	07/04/2020	STK-003610	TRẦN VĂN THẮNG - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2004
12	07/04/2020	STK-003611	TRẦN VĂN THẮNG - BÌNH LUẬN VĂN HỌC NIÊN GIÁM 2004
13	07/04/2020	STK-003612	LÊ MINH KHUÊ - GIẢI NHẤT VĂN CHƯƠNG
14	07/04/2020	STK-003613	PHAN TRỌNG THƯỞNG - VĂN CHƯƠNG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN TẬP 1
15	07/04/2020	STK-003614	PHAN TRỌNG THƯỞNG - VĂN CHƯƠNG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN TẬP 2
16	07/04/2020	STK-003615	PHAN TRỌNG THƯỞNG - VĂN CHƯƠNG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN TẬP 3
17	07/04/2020	STK-003616	NGUYỄN THẠCH GIANG - TỪ NGỮ ĐIỂN CỔ VĂN HỌC
18	07/04/2020	STK-003617	TRẦN HỮU TÁ - NHÌN LẠI THƠ MỚI VÀ VĂN XUÔI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN
19	07/04/2020	STK-003618	ĐINH GIA KHÁNH - VĂN HỌC VIỆT NAM (THẾ KỶ X-NỬA ĐẦU THẾ KỶ XVIII)
20	07/04/2020	STK-003619	PHƯƠNG LỰU - LÍ LUẬN VĂN HỌC
21	07/04/2020	STK-003620	LẠI NGUYÊN ÂN - TỪ ĐIỂN VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIX
22	07/04/2020	STK-003621	THÁI DOÃN HIỂU - GIAI THOẠI KẺ SĨ VIỆT NAM
23	07/04/2020	STK-003622	THÁI DOÃN HIỂU - GIAI THOẠI NHÀ VĂN VIỆT NAM
24	07/04/2020	STK-003623	PHAN THU HIỀN - VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI
25	07/04/2020	STK-003624	THÁI DOÃN HIỂU - GIAI THOẠI NHÀ VĂN THẾ GIỚI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn học	HN	1998	40,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1998	7,100	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1992	9,600	8(V)	3							
Thanh Hóa	HN	1997	26,000	8(V)	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	45,000	8(V)	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	45,000	8(V)	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	45,000	8(V)	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	45,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2004	21,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2004	21,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2004	21,000	8(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2004	21,000	8(V)	3							
Hội nhà văn	TPHCM	1997	57,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	110,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	130,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1999	90,000	8(V)	3							
Văn học	HN	1999	125,000	8(V)	3							
Thanh niên	HN	2013	130,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1997	60,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1997	70,000	8(V)	3							
Giáo dục	HN	1997	85,000	8(V)	3							
Văn hóa dân tộc	HN	1997	96,000	8(V)	3							
Khoa học xã hội	HN	1996	80,000	8(V)	3							
Hội nhà văn	HN	1997	25,000	8(N)	3							
Văn hóa dân tộc	HN	1996	92,000	8(N)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/04/2020	STK-003625	TỬ AN - CỔ HỌC TINH HOA
2	07/04/2020	STK-003626	HỒNG CHÂU - HOÀNG SA TRƯỜNG SA TRONG VÒNG TAY TỔ QUỐC TẬP 1
3	07/04/2020	STK-003627	HỒNG CHÂU - HOÀNG SA TRƯỜNG SA TRONG VÒNG TAY TỔ QUỐC TẬP 2
4	07/04/2020	STK-003628	HẦN NGUYÊN NGUYỄN NHÃ - NHỮNG BẰNG CHỨNG VỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA
5	07/04/2020	STK-003629	ĐOÀN KIM - TÌM HIỂU CỜ CÁC QUỐC GIA VÀ CÁC VÙNG LÃNH THỔ VÀ TỔ CHỨC QUỐC TẾ
6	07/04/2020	STK-003630	NGUYỄN THÁI ANH - BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
7	07/04/2020	STK-003631	NGUYỄN MINH TUỆ - CÂU HỎI, BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN ĐỊA LÍ 5
8	07/04/2020	STK-003632	NGUYỄN MINH TUỆ - CÂU HỎI, BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN ĐỊA LÍ 5
9	07/04/2020	STK-003633	NGUYỄN MINH TUỆ - CÂU HỎI, BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN ĐỊA LÍ 5
10	07/04/2020	STK-003634	HOÀNG THIẾU SƠN - VIỆT NAM NON XANH NƯỚC BIẾC
11	07/04/2020	STK-003635	BÙI VIỆT - VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO
12	07/04/2020	STK-003636	TRƯƠNG ĐỨC GIÁP - VUI HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
13	07/04/2020	STK-003637	TRƯƠNG ĐỨC GIÁP - VUI HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
14	07/04/2020	STK-003638	TRƯƠNG ĐỨC GIÁP - VUI HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
15	07/04/2020	STK-003639	NGUYỄN HUY TÚ - TÀI NĂNG QUANG ĐIỂM NHẬN DẠNG VÀ ĐÀO TẠO
16	07/04/2020	STK-003640	NGUYỄN ĐỨC VŨ - SỔ TAY KIẾN THỨC ĐỊA LÍ Ở TIỂU HỌC
17	07/04/2020	STK-003641	HỒNG YẾN - SỔ TAY DU LỊCH 3 MIỀN-MIỀN BẮC
18	07/04/2020	STK-003642	HỒNG YẾN - SỔ TAY DU LỊCH 3 MIỀN-MIỀN NAM
19	07/04/2020	STK-003643	HỒNG YẾN - SỔ TAY DU LỊCH 3 MIỀN-MIỀN TRUNG
20	07/04/2020	STK-003644	NGUYỄN VĂN THANH - KỶ NGUYÊN MỚI TRONG NHIẾP ẢNH
21	07/04/2020	STK-003645	NGUYỄN VĂN THANH - ĐỂ CÓ NHỮNG TẤM ẢNH ĐẸP
22	07/04/2020	STK-003646	NHIỀU TÁC GIẢ - MỘT TRĂM NĂM MƯƠI 150 BÀI HÁT THIẾU NHI THẾ KỶ 20 ĐẦU THIÊN NIÊN KỶ MỚI
23	07/04/2020	STK-003647	NHIỀU TÁC GIẢ - CON CÒ BÉ BÉ
24	07/04/2020	STK-003648	NHIỀU TÁC GIẢ - CÁNH ÉN TUỔI THƠ
25	07/04/2020	STK-003649	NHIỀU TÁC GIẢ - CÁNH ÉN TUỔI THƠ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Tháp	TPHCM	1997	20,000	8(N)	3							
Giáo dục	HN	2014	159,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	169,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	149,000	91(V)	3							
Thanh niên	HN	2007	78,000	91(V)	3							
Thời đại	HN	2011	320,000	91(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	18,000	91(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	18,000	91(V)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2009	18,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	26,500	91(V)	3							
Kim Đồng	HN	2009	10,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2008	10,500	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2008	10,500	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2008	10,500	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	17,000	37	3							
Giáo dục	HN	2008	23,000	91(V)	3							
Lao động	HN	2009	65,000	91(V)	3							
Lao động	HN	2009	52,000	91(V)	3							
Lao động	HN	2009	55,000	91(V)	3							
Đồng Tháp	TPHCM	1995	7,500	7	3							
Đồng Tháp	TPHCM	1997	5,000	7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2004	36,000	7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2011	20,000	7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2010	22,000	7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2010	22,000	7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/04/2020	STK-003650	NHIỀU TÁC GIẢ - MỘT TRĂM MƯỜI 110 CA KHÚC HAY DÀNH CHO THIẾU NHI
2	07/04/2020	STK-003651	NHIỀU TÁC GIẢ - BAY CAO TIẾNG HÁT ƯỚC MƠ
3	07/04/2020	STK-003652	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
4	07/04/2020	STK-003653	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
5	07/04/2020	STK-003654	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
6	07/04/2020	STK-003655	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
7	07/04/2020	STK-003656	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
8	07/04/2020	STK-003657	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
9	07/04/2020	STK-003658	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
10	07/04/2020	STK-003659	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
11	07/04/2020	STK-003660	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
12	07/04/2020	STK-003661	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
13	07/04/2020	STK-003662	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
14	07/04/2020	STK-003663	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
15	07/04/2020	STK-003664	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
16	07/04/2020	STK-003665	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
17	07/04/2020	STK-003666	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
18	07/04/2020	STK-003667	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
19	07/04/2020	STK-003668	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
20	07/04/2020	STK-003669	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
21	07/04/2020	STK-003670	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
22	07/04/2020	STK-003671	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC CỔ BẮC KINH
23	07/04/2020	STK-003672	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
24	07/04/2020	STK-003673	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
25	07/04/2020	STK-003674	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	HN	2009	27,000	7	3							
Âm nhạc	HN	2006	34,000	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/04/2020	STK-003675	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
2	07/04/2020	STK-003676	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
3	07/04/2020	STK-003677	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
4	07/04/2020	STK-003678	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
5	07/04/2020	STK-003679	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
6	07/04/2020	STK-003680	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
7	07/04/2020	STK-003681	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
8	07/04/2020	STK-003682	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
9	07/04/2020	STK-003683	PHẠM QUANG VINH - VŨNG TÀU THÀNH PHỐ BA MẶT BIỂN
10	07/04/2020	STK-003684	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
11	07/04/2020	STK-003685	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
12	07/04/2020	STK-003686	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
13	07/04/2020	STK-003687	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
14	07/04/2020	STK-003688	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
15	07/04/2020	STK-003689	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
16	07/04/2020	STK-003690	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
17	07/04/2020	STK-003691	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
18	07/04/2020	STK-003692	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
19	07/04/2020	STK-003693	PHẠM QUANG VINH - SA PA THÀNH PHỐ TRONG MÂY
20	07/04/2020	STK-003694	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
21	07/04/2020	STK-003695	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
22	07/04/2020	STK-003696	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
23	07/04/2020	STK-003697	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
24	07/04/2020	STK-003698	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
25	07/04/2020	STK-003699	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/04/2020	STK-003700	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
2	07/04/2020	STK-003701	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
3	07/04/2020	STK-003702	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
4	07/04/2020	STK-003703	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
5	07/04/2020	STK-003704	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
6	07/04/2020	STK-003705	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
7	07/04/2020	STK-003706	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
8	07/04/2020	STK-003707	PHẠM QUANG VINH - NHA TRANG THÀNH PHỐ LỘNG GIÓ BIỂN
9	07/04/2020	STK-003708	PHẠM QUANG VINH - THƯỢNG HẢI-VẺ ĐẸP PHƯƠNG ĐÔNG
10	07/04/2020	STK-003709	PHẠM QUANG VINH - CỔ KÍNH AMSTERDAM
11	07/04/2020	STK-003710	PHẠM QUANG VINH - CỔ KÍNH AMSTERDAM
12	07/04/2020	STK-003711	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
13	07/04/2020	STK-003712	PHẠM QUANG VINH - KIẾN TRÚC SƯ RICHARD ROGERS
14	08/04/2020	STK-003713	THẾ SAN - CẨM NANG NHIẾP ẢNH
15	08/04/2020	STK-003714	HOÀNG VĂN QUANG - NỮ CÔNG THỰC HÀNH HOA GIẤY
16	08/04/2020	STK-003715	NHIỀU TÁC GIẢ - HUYỀN THOẠI MẸ
17	08/04/2020	STK-003716	LÊ THU HƯƠNG - TUYỂN CHỌN TRÒ CHƠI, BÀI HÁT, THƠ CA, TRUYỆN, CÂU ĐỐ
18	08/04/2020	STK-003717	LÊ THU HƯƠNG - TUYỂN CHỌN TRÒ CHƠI, BÀI HÁT, THƠ CA, TRUYỆN, CÂU ĐỐ
19	08/04/2020	STK-003718	HUY DU - MỘT TRĂM NĂM MƯƠI 150 CA KHÚC DÙNG TRONG SINH HOẠT TẬP THỂ
20	08/04/2020	STK-003719	BÙI ANH TÔN - EM YÊU THÀNH PHỐ CỦA EM
21	08/04/2020	STK-003720	BÙI ANH TÔN - EM YÊU THÀNH PHỐ CỦA EM
22	08/04/2020	STK-003721	BÙI ANH TÔN - EM YÊU THÀNH PHỐ CỦA EM
23	08/04/2020	STK-003722	BÙI ANH TÔN - EM YÊU THÀNH PHỐ CỦA EM
24	08/04/2020	STK-003723	BÙI ANH TÔN - EM YÊU THÀNH PHỐ CỦA EM
25	08/04/2020	STK-003724	NHIỀU TÁC GIẢ - TUYỂN TẬP NHỮNG CA KHÚC ĐƯỢC YÊU THÍCH TRÊN LÀN SÓNG XANH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	7	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	7	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	7	3							
Đồng Nai	TPHCM	1997	78,000	7	3							
Phụ Nữ	HN	1999	32,000	7	3							
Thanh niên	HN	2004	20,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	38,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	38,000	7	3							
Lao động	HN	2003	50,000	7	3							
Giáo dục	HN	2015	30,000	7	3							
Giáo dục	HN	2015	30,000	7	3							
Giáo dục	HN	2015	30,000	7	3							
Giáo dục	HN	2015	30,000	7	3							
Giáo dục	HN	2015	30,000	7	3							
Phương Đông	TPHCM	2011	38,000	7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/04/2020	STK-003725	PHAN THỊ DIỆU - NGHỆ THUẬT KẾT PHA LÊ NÂNG CAO 1
2	08/04/2020	STK-003726	PHAN THỊ DIỆU - NGHỆ THUẬT KẾT PHA LÊ NÂNG CAO 1
3	08/04/2020	STK-003727	PHAN THỊ DIỆU - NGHỆ THUẬT KẾT PHA LÊ
4	08/04/2020	STK-003728	PHAN THỊ DIỆU - NGHỆ THUẬT KẾT PHA LÊ
5	08/04/2020	STK-003729	NHIỀU TÁC GIẢ - MẸ TÔI
6	08/04/2020	STK-003730	TRẦN THỊ ANH OANH - VẼ NĂM MƯƠI 50 LOÀI CHIM
7	08/04/2020	STK-003731	TRẦN THỊ ANH OANH - VẼ NĂM MƯƠI 50 LOÀI CHIM
8	08/04/2020	STK-003732	TRẦN THỊ ANH OANH - VẼ NĂM MƯƠI 50 LOÀI CHIM
9	08/04/2020	STK-003733	NHIỀU TÁC GIẢ - NHƯ ĐÃ DẤU YÊU
10	08/04/2020	STK-003734	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐÓN XUÂN
11	08/04/2020	STK-003735	HOÀNG ANH - HAI NGHÌN SÁU TRĂM 2600 HÌNH ẢNH CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT
12	08/04/2020	STK-003736	HOÀNG ANH - HAI NGHÌN BỐN TRĂM 2400 HÌNH ẢNH CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT
13	08/04/2020	STK-003737	HOÀNG LONG - HÌNH ELIP LÀM KHUNG VẼ ĐẦU NGƯỜI
14	08/04/2020	STK-003738	HOÀNG LONG - HÌNH ELIP LÀM KHUNG VẼ CÁC CON VẬT
15	08/04/2020	STK-003739	HOÀNG LONG - TƯ THẾ ĐỘNG TÁC CỦA NGƯỜI
16	08/04/2020	STK-003740	HOÀNG LONG - CẢM XÚC CỦA ĐỘNG VẬT
17	08/04/2020	STK-003741	HOÀNG LONG - CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT SỐNG TRÊN CẠN
18	08/04/2020	STK-003742	HOÀNG LONG - CÁC LOÀI SINH VẬT SỐNG DƯỚI NƯỚC
19	08/04/2020	STK-003743	HOÀNG LONG - CÁC LOÀI CHIM VÀ CÔN TRÙNG
20	08/04/2020	STK-003744	HOÀNG LONG - CÁC LOẠI RAU CỦ, THỰC PHẨM VÀ HÌNH BIẾN DẠNG
21	08/04/2020	STK-003745	HOÀNG LONG - TẬP VIẾT CHỮ HOA
22	08/04/2020	STK-003746	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH TRÒN
23	08/04/2020	STK-003747	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH TRÒN
24	08/04/2020	STK-003748	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH TRÒN
25	08/04/2020	STK-003749	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH VUÔNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thời đại	HN	2012	57,000	7	3							
Thời đại	HN	2012	57,000	7	3							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2011	42,000	7	3							
Văn hóa - Thông tin	TPHCM	2011	42,000	7	3							
Phương Đông	TPHCM	2011	35,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	19,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	19,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2005	19,000	7	3							
Phương Đông	TPHCM	2011	50,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	35,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	22,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	7	3							
Trẻ	TPHCM	2003	5,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/04/2020	STK-003750	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH VUÔNG
2	08/04/2020	STK-003751	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH VUÔNG
3	08/04/2020	STK-003752	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH CHỮ NHẬT
4	08/04/2020	STK-003753	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH CHỮ NHẬT
5	08/04/2020	STK-003754	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ HÌNH CHỮ NHẬT
6	08/04/2020	STK-003755	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ ĐƯỜNG DIỀM
7	08/04/2020	STK-003756	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ ĐƯỜNG DIỀM
8	08/04/2020	STK-003757	NGÔ TÚY PHƯỢNG - NHỮNG BÀI MẪU TRANG TRÍ ĐƯỜNG DIỀM
9	08/04/2020	STK-003758	THU HƯƠNG - TUYỂN TẬP NHỮNG CA KHÚC TIẾNG ANH BẤT HỦ TẬP 1
10	08/04/2020	STK-003759	TRANG UYÊN - TUYỂN TẬP NHỮNG CA KHÚC TIẾNG ANH BẤT HỦ TẬP 2
11	08/04/2020	STK-003761	LÊ ANH TUẤN - KỂ CHUYỆN ÂM NHẠC
12	08/04/2020	STK-003762	HẢI PHONG - HỌC CHƠI CẦU LÔNG
13	08/04/2020	STK-003763	HẢI PHONG - HỌC CHƠI CẦU LÔNG
14	08/04/2020	STK-003764	PHẠM VĨNH THÔNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI THỂ DỤC BUỔI SÁNG, GIỮA GIỜ VÀ VÕ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
15	08/04/2020	STK-003765	HUỲNH TẤN PHƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ LỚP 5/1
16	08/04/2020	STK-003766	HOÀNG THIẾU SƠN - VIỆT NAM NON XANH NƯỚC BIẾC
17	08/04/2020	STK-003767	NGUYỄN TẤN SỸ - SỔ TAY DU LỊCH CHO NGƯỜI LỮ HÀNH
18	10/04/2020	STK-003768	TRÍ TUỆ - HAI MƯƠI 20 BÀI THỰC HÀNH LUYỆN NGÓN BÀN PHÍM
19	10/04/2020	STK-003769	TRÍ TUỆ - HAI MƯƠI 20 BÀI THỰC HÀNH LUYỆN NGÓN BÀN PHÍM
20	10/04/2020	STK-003770	TRÍ TUỆ - HAI MƯƠI 20 BÀI THỰC HÀNH LUYỆN NGÓN BÀN PHÍM
21	10/04/2020	STK-003771	QUANG HÂN - CÁC KỸ XẢO TRÊN COREL DRAW TẬP 1
22	10/04/2020	STK-003772	NGUYỄN KHẢ - TIN HỌC PHỔ THÔNG
23	10/04/2020	STK-003773	PHẠM THANH MINH - TIN HỌC VĂN PHÒNG TRÊN WINDOWS TẬP 1
24	10/04/2020	STK-003774	PHẠM THANH MINH - TIN HỌC VĂN PHÒNG TRÊN WINDOWS TẬP 2
25	10/04/2020	STK-003775	NGUYỄN HẠNH - THIẾT KẾ NỘI THẤT TRÊN MÁY VI TÍNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	26,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	26,000	7	3							
Giáo dục	HN	2006	13,700	7	3							
Hà Nội	HN	2009	27,000	7A	3							
Hà Nội	HN	2009	27,000	7A	3							
Giáo dục	HN	2016	17,000	37	3							
Đại học sư phạm	HN	2011	24,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	26,500	91(V)	3							
Trẻ	TPHCM	1998	21,000	37	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2008	19,000	6T7	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2008	19,000	6T7	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2008	19,000	6T7	3							
Thống kê	HN	1997	28,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	1996	14,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	1996	14,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	1996	11,500	6T7	3							
Trẻ	TPHCM	1996	19,000	6T7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/04/2020	STK-003776	THIỆN MINH - TỰ HỌC NHANH CÁCH LÀM CHỦ TRÊN GOOGLE VÀ YAHOO
2	10/04/2020	STK-003777	THIỆN MINH - TỰ HỌC NHANH CÁCH LÀM CHỦ TRÊN GOOGLE VÀ YAHOO
3	10/04/2020	STK-003778	ĐẬU QUANG TUẤN - HƯỚNG DẪN TỰ HỌC THI TIN HỌC BẰNG A VÀ TIN HỌC VĂN PHÒNG
4	10/04/2020	STK-003779	ĐẬU QUANG TUẤN - HƯỚNG DẪN TỰ HỌC THI TIN HỌC BẰNG A VÀ TIN HỌC VĂN PHÒNG
5	10/04/2020	STK-003780	LÊ MINH TRUNG - COREIDRAW!5 CHO NGƯỜI BẮT ĐẦU HỌC
6	10/04/2020	STK-003781	NGUYỄN TIẾN - HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MICROSOFT EXCEL 97 TOÀN TẬP
7	10/04/2020	STK-003782	HUỲNH TẤN DŨNG - CẨM NANG TRA CỨU EXCEL 4.0 & 5.0 HÀM VÀ MACRO
8	10/04/2020	STK-003783	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC GIÁO VIÊN QUYỂN 3
9	10/04/2020	STK-003784	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC GIÁO VIÊN QUYỂN 3
10	10/04/2020	STK-003785	BÙI VĂN THANH - THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1
11	10/04/2020	STK-003786	BÙI VĂN THANH - THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1
12	10/04/2020	STK-003787	BÙI VĂN THANH - THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2
13	10/04/2020	STK-003788	BÙI VĂN THANH - THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2
14	10/04/2020	STK-003789	BÙI VĂN THANH - THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3
15	10/04/2020	STK-003790	BÙI VĂN THANH - THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3
16	10/04/2020	STK-003791	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1
17	10/04/2020	STK-003792	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1
18	10/04/2020	STK-003793	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1
19	10/04/2020	STK-003794	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2
20	10/04/2020	STK-003795	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2
21	10/04/2020	STK-003796	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2
22	10/04/2020	STK-003797	NGUYỄN XUÂN HUY - CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3
23	10/04/2020	STK-003798	LÊ THỊ HỒNG LOAN - BÀI TẬP TIN HỌC 5
24	10/04/2020	STK-003799	LÊ THỊ HỒNG LOAN - BÀI TẬP TIN HỌC 5
25	10/04/2020	STK-003800	LÊ THỊ HỒNG LOAN - BÀI TẬP TIN HỌC 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2010	30,000	6T7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2010	30,000	6T7	3							
Giao thông vận tải	HN	2008	45,000	6T7	3							
Giao thông vận tải	HN	2008	45,000	6T7	3							
Thống kê	HN	1996	57,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	1997	110,000	6T7	3							
Thống kê	HN	1996	50,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2008	27,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2008	27,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	16,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	16,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	10,500	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	10,500	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	10,500	6T7	3							
Giáo dục	HN	2008	11,500	6T7	3							
Giáo dục	HN	2008	11,500	6T7	3							
Giáo dục	HN	2008	11,500	6T7	3							
Giáo dục	HN	2009	19,400	6T7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2009	24,000	6T7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2009	24,000	6T7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2009	24,000	6T7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/04/2020	STK-003801	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 1
2	10/04/2020	STK-003802	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 2/1
3	10/04/2020	STK-003803	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 2/2
4	10/04/2020	STK-003804	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 3/1
5	10/04/2020	STK-003805	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 4/1
6	10/04/2020	STK-003806	NGUYỄN MINH THIÊN HOÀNG - LUYỆN TẬP TIN HỌC 5/1
7	10/04/2020	STK-003807	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/1
8	10/04/2020	STK-003808	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/1
9	10/04/2020	STK-003809	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/1
10	10/04/2020	STK-003810	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/1
11	10/04/2020	STK-003811	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/2
12	10/04/2020	STK-003812	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/2
13	10/04/2020	STK-003813	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/2
14	10/04/2020	STK-003814	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 1/2
15	10/04/2020	STK-003815	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/1
16	10/04/2020	STK-003816	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/1
17	10/04/2020	STK-003817	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/1
18	10/04/2020	STK-003818	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/1
19	10/04/2020	STK-003819	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/2
20	10/04/2020	STK-003820	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/2
21	10/04/2020	STK-003821	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/2
22	10/04/2020	STK-003822	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 2/2
23	10/04/2020	STK-003823	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/1
24	10/04/2020	STK-003824	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/1
25	10/04/2020	STK-003825	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	25,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2016	25,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2017	25,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	6T7	3							
Giáo dục	HN	2019	30,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/04/2020	STK-003826	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/1
2	10/04/2020	STK-003827	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/2
3	10/04/2020	STK-003828	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/2
4	10/04/2020	STK-003829	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/2
5	10/04/2020	STK-003830	TRẦN VINH - BÀI TẬP THỰC HÀNH CÙNG HỌC TIN HỌC QUYỂN 3/2
6	10/04/2020	STK-003831	NGUYỄN VÕ KỲ ANH - CẨM NANG NƯỚC SẠCH, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VỆ SINH TRƯỜNG HỌC
7	10/04/2020	STK-003832	NGUYỄN VÕ KỲ ANH - CẨM NANG NƯỚC SẠCH, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VỆ SINH TRƯỜNG HỌC
8	10/04/2020	STK-003833	NGUYỄN VÕ KỲ ANH - CẨM NANG NƯỚC SẠCH, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VỆ SINH TRƯỜNG HỌC
9	10/04/2020	STK-003834	TRẦN KIM KHÁNH - HƯỚNG DẪN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
10	10/04/2020	STK-003835	TRẦN KIM KHÁNH - HƯỚNG DẪN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
11	10/04/2020	STK-003836	TRẦN KIM KHÁNH - HƯỚNG DẪN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
12	10/04/2020	STK-003837	LÊ THỊ MINH HÀ - HƯỚNG DẪN TÌNH HUỐNG THOÁT NẠN, THOÁT HIỂM, SƠ CẤP CỨU VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG NHÀ
13	10/04/2020	STK-003838	LÊ THỊ MINH HÀ - HƯỚNG DẪN TÌNH HUỐNG THOÁT NẠN, THOÁT HIỂM, SƠ CẤP CỨU VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG NHÀ
14	10/04/2020	STK-003839	LÊ THỊ MINH HÀ - HƯỚNG DẪN TÌNH HUỐNG THOÁT NẠN, THOÁT HIỂM, SƠ CẤP CỨU VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG NHÀ
15	10/04/2020	STK-003840	LÊ THỊ MINH HÀ - HƯỚNG DẪN TÌNH HUỐNG THOÁT NẠN, THOÁT HIỂM, SƠ CẤP CỨU VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG NHÀ
16	10/04/2020	STK-003841	LÊ THỊ MINH HÀ - HƯỚNG DẪN TÌNH HUỐNG THOÁT NẠN, THOÁT HIỂM, SƠ CẤP CỨU VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG NHÀ
17	10/04/2020	STK-003842	THÁI PHƯƠNG - HƯỚNG DẪN PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
18	10/04/2020	STK-003843	THÁI PHƯƠNG - HƯỚNG DẪN PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
19	10/04/2020	STK-003844	THÁI PHƯƠNG - HƯỚNG DẪN PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
20	10/04/2020	STK-003845	THÁI PHƯƠNG - HƯỚNG DẪN PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
21	10/04/2020	STK-003846	THÁI PHƯƠNG - HƯỚNG DẪN PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
22	10/04/2020	STK-003847	NHIỀU TÁC GIẢ - HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TỔN THƯƠNG DO TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ PHÒNG TRÁNH 650
23	10/04/2020	STK-003848	NHIỀU TÁC GIẢ - HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TỔN THƯƠNG DO TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ PHÒNG TRÁNH 650
24	10/04/2020	STK-003849	NHIỀU TÁC GIẢ - HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TỔN THƯƠNG DO TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ PHÒNG TRÁNH 650
25	10/04/2020	STK-003850	NHIỀU TÁC GIẢ - HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TỔN THƯƠNG DO TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ PHÒNG TRÁNH 650

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2010	10,000	6T7	3							
Đại học sư phạm	HN	2015	85,000	613	3							
Đại học sư phạm	HN	2015	85,000	613	3							
Đại học sư phạm	HN	2015	85,000	613	3							
Giáo dục	HN	2015	55,000	6X	3							
Giáo dục	HN	2015	55,000	6X	3							
Giáo dục	HN	2015	55,000	6X	3							
Thống kê	HN	2015	65,000	6X	3							
Thống kê	HN	2015	65,000	6X	3							
Thống kê	HN	2015	65,000	6X	3							
Thống kê	HN	2015	65,000	6X	3							
Thống kê	HN	2015	65,000	6X	3							
Dân Trí	HN	2017	18,000	7	3							
Dân Trí	HN	2017	18,000	7	3							
Dân Trí	HN	2017	18,000	7	3							
Dân Trí	HN	2017	18,000	7	3							
Dân Trí	HN	2017	18,000	7	3							
Hồng Đức	HN	2014	295,000	61	3							
Hồng Đức	HN	2014	295,000	61	3							
Hồng Đức	HN	2014	295,000	61	3							
Hồng Đức	HN	2014	295,000	61	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/04/2020	STK-003851	NHIỀU TÁC GIẢ - HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU CÁC TỔN THƯƠNG DO TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ PHÒNG TRÁNH 650
2	10/04/2020	STK-003852	ĐÀO THÁI LAI - CÁC TRÒ CHƠI LẮP GHÉP HÌNH Ở TIỂU HỌC
3	10/04/2020	STK-003853	ĐÀO THÁI LAI - CÁC TRÒ CHƠI LẮP GHÉP HÌNH Ở TIỂU HỌC
4	10/04/2020	STK-003854	ĐÀO THÁI LAI - CÁC TRÒ CHƠI LẮP GHÉP HÌNH Ở TIỂU HỌC
5	10/04/2020	STK-003855	ĐÀO THÁI LAI - CÁC TRÒ CHƠI LẮP GHÉP HÌNH Ở TIỂU HỌC
6	10/04/2020	STK-003856	ĐÀO THÁI LAI - CÁC TRÒ CHƠI LẮP GHÉP HÌNH Ở TIỂU HỌC
7	10/04/2020	STK-003857	NHIỀU TÁC GIẢ - HAI NGHÌN 2000 MẪU THIẾT KẾ: PHÒNG ĂN-PHÒNG NGỦ-GÓC THƯ GIÃN
8	10/04/2020	STK-003858	NHIỀU TÁC GIẢ - HAI NGHÌN 2000 MẪU THIẾT KẾ: TRẦN NHÀ-MẶT SÀN
9	10/04/2020	STK-003859	NHIỀU TÁC GIẢ - HAI NGHÌN 2000 MẪU THIẾT KẾ: NỀN TƯỜNG
10	10/04/2020	STK-003860	CẨM VÂN - CẨM NANG CẮT MAY THỰC HÀNH THỜI TRANG MỚI
11	10/04/2020	STK-003861	QUỐC LINH - PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC LÀM HOA VẢI VÀ HOA GIẤY
12	10/04/2020	STK-003862	ĐỖ THANH TUYẾN - CẨM NANG XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC AN TOÀN PHÒNG TRÁNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH
13	10/04/2020	STK-003863	NGUYỄN TRÍ ĐOÀN - ĐỂ CON ĐƯỢC ỐM
14	10/04/2020	STK-003864	TÂN NGHĨA - BỆNH DẠ DÀY VÀ THỰC ĐƠN PHÒNG CHỮA TRỊ
15	10/04/2020	STK-003865	TÂN NGHĨA - BỆNH GAN VÀ THỰC ĐƠN PHÒNG CHỮA TRỊ
16	10/04/2020	STK-003866	TÂN NGHĨA - BỆNH TIỂU ĐƯỜNG
17	10/04/2020	STK-003867	LÂM TRINH - MỘT TRĂM 100 PHƯƠNG CÁCH PHÒNG CHỐNG STRESS
18	10/04/2020	STK-003868	TRIỆU THỊ CHƠI - THỨC ĂN VIỆT NAM
19	10/04/2020	STK-003869	NGUYỄN TRÚC CHI - CÁC MÓN LẨU THÔNG DỤNG
20	10/04/2020	STK-003870	HUỲNH HỒNG ANH - BẢY MƯƠI 70 MÓN CHAY ĐẶC SẮC
21	10/04/2020	STK-003871	HUỲNH HỒNG ANH - BẢY MƯƠI 70 MÓN CHAY ĐẶC SẮC
22	10/04/2020	STK-003872	BÙI THỊ THANH XUÂN - KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN NGON TỪ GIA CẦM
23	10/04/2020	STK-003873	BÙI THỊ THANH XUÂN - KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN NGON: CƠM, XÔI, CHÈ, KEM
24	10/04/2020	STK-003874	MAI ANH - MỘT TRĂM 100 MÓN NGON NGÀY LỄ TẾT
25	10/04/2020	STK-003875	TÂN THÁI - NHỮNG BÀI THUỐC HAY TỪ TRÁI CÂY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2014	295,000	61	3							
Giáo dục	HN	2008	15,000	6	3							
Giáo dục	HN	2008	15,000	6	3							
Giáo dục	HN	2008	15,000	6	3							
Giáo dục	HN	2008	15,000	6	3							
Giáo dục	HN	2008	15,000	6	3							
Mỹ thuật	HN	2012	80,000	6	3							
Mỹ thuật	HN	2012	80,000	6	3							
Mỹ thuật	HN	2012	80,000	6	3							
Mỹ thuật	HN	1997	14,000	6	3							
Phụ Nữ	HN	1989	7,600	6	3							
Hồng Đức	HN	2017	325,000	6	3							
Thế Giới	HN	2016	80,000	61	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2008	28,000	61	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2008	28,000	61	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2008	28,000	61	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2008	22,000	61	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	165,000	6C8	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	29,000	6C8	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2010	22,000	6C8	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2010	22,000	6C8	3							
Thanh niên	HN	2008	19,500	6C8	3							
Thanh niên	HN	2008	18,000	6C8	3							
Thanh niên	HN	2008	18,000	6C8	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2008	25,000	6C8	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/04/2020	STK-003876	KIM BÌNH - NĂM MƯƠI 50 THỰC ĐƠN NGON DỄ LÀM
2	10/04/2020	STK-003877	NGỌC KHÁNH - MÓN CANH BỐN MÙA MÙA THU
3	10/04/2020	STK-003878	NGỌC KHÁNH - MÓN CANH BỐN MÙA MÙA HẠ
4	10/04/2020	STK-003879	NGỌC KHÁNH - MÓN CANH BỐN MÙA MÙA XUÂN
5	10/04/2020	STK-003880	NGỌC KHÁNH - MÓN CANH BỐN MÙA MÙA ĐÔNG
6	13/04/2020	STN-002531	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
7	13/04/2020	STN-002532	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
8	13/04/2020	STN-002533	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
9	13/04/2020	STN-002534	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
10	13/04/2020	STN-002535	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
11	13/04/2020	STN-002536	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
12	13/04/2020	STN-002537	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
13	13/04/2020	STN-002538	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
14	13/04/2020	STN-002539	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
15	13/04/2020	STN-002540	LÊ MINH QUỐC - NHÂN HUỆ VƯƠNG TRẦN KHÁNH DƯ
16	13/04/2020	STN-002541	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
17	13/04/2020	STN-002542	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
18	13/04/2020	STN-002543	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
19	13/04/2020	STN-002544	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
20	13/04/2020	STN-002545	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
21	13/04/2020	STN-002546	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
22	13/04/2020	STN-002547	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
23	13/04/2020	STN-002548	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
24	13/04/2020	STN-002549	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG
25	13/04/2020	STN-002550	LÊ MINH QUỐC - BẢO NGHĨA VƯƠNG TRẦN BÌNH TRỌNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2008	65,000	6C8	3							
Dân Trí	HN	2011	45,000	6C8	3							
Dân Trí	HN	2011	45,000	6C8	3							
Dân Trí	HN	2011	45,000	6C8	3							
Dân Trí	HN	2011	45,000	6C8	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002551	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
2	13/04/2020	STN-002552	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
3	13/04/2020	STN-002553	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
4	13/04/2020	STN-002554	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
5	13/04/2020	STN-002555	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
6	13/04/2020	STN-002556	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
7	13/04/2020	STN-002557	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
8	13/04/2020	STN-002558	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
9	13/04/2020	STN-002559	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
10	13/04/2020	STN-002560	LÊ MINH QUỐC - HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA
11	13/04/2020	STN-002561	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
12	13/04/2020	STN-002562	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
13	13/04/2020	STN-002563	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
14	13/04/2020	STN-002564	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
15	13/04/2020	STN-002565	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
16	13/04/2020	STN-002566	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
17	13/04/2020	STN-002567	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
18	13/04/2020	STN-002568	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
19	13/04/2020	STN-002569	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
20	13/04/2020	STN-002570	LÊ MINH QUỐC - THƯỢNG TƯỚNG TRẦN KHÁT CHÂN
21	13/04/2020	STN-002571	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
22	13/04/2020	STN-002572	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
23	13/04/2020	STN-002573	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
24	13/04/2020	STN-002574	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
25	13/04/2020	STN-002575	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002576	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
2	13/04/2020	STN-002577	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
3	13/04/2020	STN-002578	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
4	13/04/2020	STN-002579	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
5	13/04/2020	STN-002580	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT
6	13/04/2020	STN-002581	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
7	13/04/2020	STN-002582	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
8	13/04/2020	STN-002583	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
9	13/04/2020	STN-002584	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
10	13/04/2020	STN-002585	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
11	13/04/2020	STN-002586	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
12	13/04/2020	STN-002587	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
13	13/04/2020	STN-002588	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
14	13/04/2020	STN-002589	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
15	13/04/2020	STN-002590	LÊ MINH QUỐC - PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG
16	13/04/2020	STN-002591	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
17	13/04/2020	STN-002592	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
18	13/04/2020	STN-002593	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
19	13/04/2020	STN-002594	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
20	13/04/2020	STN-002595	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
21	13/04/2020	STN-002596	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
22	13/04/2020	STN-002597	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
23	13/04/2020	STN-002598	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
24	13/04/2020	STN-002599	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
25	13/04/2020	STN-002600	LÊ MINH QUỐC - HƯNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002601	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
2	13/04/2020	STN-002602	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
3	13/04/2020	STN-002603	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
4	13/04/2020	STN-002604	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
5	13/04/2020	STN-002605	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
6	13/04/2020	STN-002606	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
7	13/04/2020	STN-002607	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
8	13/04/2020	STN-002608	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
9	13/04/2020	STN-002609	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
10	13/04/2020	STN-002610	LÊ MINH QUỐC - HOÀI VĂN HẦU TRẦN QUỐC TOẢN
11	13/04/2020	STN-002611	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
12	13/04/2020	STN-002612	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
13	13/04/2020	STN-002613	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
14	13/04/2020	STN-002614	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
15	13/04/2020	STN-002615	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
16	13/04/2020	STN-002616	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
17	13/04/2020	STN-002617	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
18	13/04/2020	STN-002618	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
19	13/04/2020	STN-002619	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
20	13/04/2020	STN-002620	LÊ MINH QUỐC - CHIÊU MINH VƯƠNG TRẦN QUANG KHẢI
21	13/04/2020	STN-002621	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
22	13/04/2020	STN-002622	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
23	13/04/2020	STN-002623	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
24	13/04/2020	STN-002624	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
25	13/04/2020	STN-002625	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002626	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
2	13/04/2020	STN-002627	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
3	13/04/2020	STN-002628	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
4	13/04/2020	STN-002629	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
5	13/04/2020	STN-002630	NGUYỄN DANH LAM - THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ
6	13/04/2020	STN-002631	DIÊN VỸ - BÀI HỌC QUÝ
7	13/04/2020	STN-002632	DIÊN VỸ - BÀI HỌC QUÝ
8	13/04/2020	STN-002633	DIÊN VỸ - BÀI HỌC QUÝ
9	13/04/2020	STN-002634	DIÊN VỸ - BÀI HỌC QUÝ
10	13/04/2020	STN-002635	DIÊN VỸ - BÀI HỌC QUÝ
11	13/04/2020	STN-002636	NGUYỄN THỊ TUYẾT - KỶ NIỆM TUỔI THƠ
12	13/04/2020	STN-002637	NGUYỄN THỊ TUYẾT - KỶ NIỆM TUỔI THƠ
13	13/04/2020	STN-002638	NGUYỄN THỊ TUYẾT - KỶ NIỆM TUỔI THƠ
14	13/04/2020	STN-002639	QUẢNG TRẠCH - CĂN PHÒNG Ổ CHUỘT
15	13/04/2020	STN-002640	QUẢNG TRẠCH - CĂN PHÒNG Ổ CHUỘT
16	13/04/2020	STN-002641	QUẢNG TRẠCH - CĂN PHÒNG Ổ CHUỘT
17	13/04/2020	STN-002642	QUẢNG TRẠCH - CĂN PHÒNG Ổ CHUỘT
18	13/04/2020	STN-002643	QUẢNG TRẠCH - CĂN PHÒNG Ổ CHUỘT
19	13/04/2020	STN-002644	DUNG QUANG - LINH RÒM DŨNG CẢM
20	13/04/2020	STN-002645	DUNG QUANG - LINH RÒM DŨNG CẢM
21	13/04/2020	STN-002646	DUNG QUANG - LINH RÒM DŨNG CẢM
22	13/04/2020	STN-002647	DUNG QUANG - LINH RÒM DŨNG CẢM
23	13/04/2020	STN-002648	NGUYỄN TẤN HUY - LẠC VÀO THẾ GIỚI LOÀI SÂU
24	13/04/2020	STN-002649	NGUYỄN TẤN HUY - LẠC VÀO THẾ GIỚI LOÀI SÂU
25	13/04/2020	STN-002650	NGUYỄN TẤN HUY - LẠC VÀO THẾ GIỚI LOÀI SÂU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Tri thức	HN	2014	12,000	ĐV29	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002651	NGUYỄN TẤN HUY - LẠC VÀO THẾ GIỚI LOÀI SÂU
2	13/04/2020	STN-002652	NGUYỄN TẤN HUY - LẠC VÀO THẾ GIỚI LOÀI SÂU
3	13/04/2020	STN-002653	THU HIỀN - HƠI ẤM GIA ĐÌNH
4	13/04/2020	STN-002654	THU HIỀN - HƠI ẤM GIA ĐÌNH
5	13/04/2020	STN-002655	THU HIỀN - HƠI ẤM GIA ĐÌNH
6	13/04/2020	STN-002656	THU HIỀN - HƠI ẤM GIA ĐÌNH
7	13/04/2020	STN-002657	THU HIỀN - HƠI ẤM GIA ĐÌNH
8	13/04/2020	STN-002658	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
9	13/04/2020	STN-002659	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
10	13/04/2020	STN-002660	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
11	13/04/2020	STN-002661	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
12	13/04/2020	STN-002662	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
13	13/04/2020	STN-002663	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
14	13/04/2020	STN-002664	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
15	13/04/2020	STN-002665	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
16	13/04/2020	STN-002666	MAI KHANG - THẰNG TÍ BÁNH CAM
17	13/04/2020	STN-002667	MAI KHANG - THẰNG TÍ BÁNH CAM
18	13/04/2020	STN-002668	MAI KHANG - THẰNG TÍ BÁNH CAM
19	13/04/2020	STN-002669	MAI KHANG - THẰNG TÍ BÁNH CAM
20	13/04/2020	STN-002670	MAI KHANG - THẰNG TÍ BÁNH CAM
21	13/04/2020	STN-002671	VÕ HOÀNG MINH - TRẺ ĐƯỜNG PHỐ
22	13/04/2020	STN-002672	VÕ HOÀNG MINH - TRẺ ĐƯỜNG PHỐ
23	13/04/2020	STN-002673	VÕ HOÀNG MINH - TRẺ ĐƯỜNG PHỐ
24	13/04/2020	STN-002674	VÕ HOÀNG MINH - TRẺ ĐƯỜNG PHỐ
25	13/04/2020	STN-002675	VÕ HOÀNG MINH - TRẺ ĐƯỜNG PHỐ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002676	NGUYỄN THẢO VY - MỘT SỐ PHẬN
2	13/04/2020	STN-002677	NGUYỄN THẢO VY - MỘT SỐ PHẬN
3	13/04/2020	STN-002678	NGUYỄN THẢO VY - MỘT SỐ PHẬN
4	13/04/2020	STN-002679	NGUYỄN THẢO VY - MỘT SỐ PHẬN
5	13/04/2020	STN-002680	NGUYỄN THẢO VY - MỘT SỐ PHẬN
6	13/04/2020	STN-002681	THANH THẢO - CÔ BÉ DŨNG CẢM
7	13/04/2020	STN-002682	THANH THẢO - CÔ BÉ DŨNG CẢM
8	13/04/2020	STN-002683	THANH THẢO - CÔ BÉ DŨNG CẢM
9	13/04/2020	STN-002684	THANH THẢO - CÔ BÉ DŨNG CẢM
10	13/04/2020	STN-002685	THANH THẢO - CÔ BÉ DŨNG CẢM
11	13/04/2020	STN-002686	THIỆN VĂN - PHÒNG ĐỌC SÁCH TUỔI THƠ
12	13/04/2020	STN-002687	THIỆN VĂN - PHÒNG ĐỌC SÁCH TUỔI THƠ
13	13/04/2020	STN-002688	THIỆN VĂN - PHÒNG ĐỌC SÁCH TUỔI THƠ
14	13/04/2020	STN-002689	THIỆN VĂN - PHÒNG ĐỌC SÁCH TUỔI THƠ
15	13/04/2020	STN-002690	THIỆN VĂN - PHÒNG ĐỌC SÁCH TUỔI THƠ
16	13/04/2020	STN-002691	KIM KHÁNH - LÁNG GIỀNG
17	13/04/2020	STN-002692	KIM KHÁNH - LÁNG GIỀNG
18	13/04/2020	STN-002693	KIM KHÁNH - LÁNG GIỀNG
19	13/04/2020	STN-002694	KIM HOA - NHỮNG ĐỨA TRẺ LÀNG HOA
20	13/04/2020	STN-002695	KIM HOA - NHỮNG ĐỨA TRẺ LÀNG HOA
21	13/04/2020	STN-002696	KIM HOA - NHỮNG ĐỨA TRẺ LÀNG HOA
22	13/04/2020	STN-002697	KIM KHÁNH - HAI THẰNG HẢI
23	13/04/2020	STN-002698	KIM KHÁNH - HAI THẰNG HẢI
24	13/04/2020	STN-002699	KIM KHÁNH - HAI THẰNG HẢI
25	13/04/2020	STN-002700	KIM KHÁNH - HAI THẰNG HẢI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	5,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	5,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	5,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	5,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	5,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002701	KIM KHÁNH - HAI THẰNG HẢI
2	13/04/2020	STN-002702	NGUYỄN THỊ YÊN - HŨ GẠO TIẾT KIỆM
3	13/04/2020	STN-002703	NGUYỄN THỊ YÊN - HŨ GẠO TIẾT KIỆM
4	13/04/2020	STN-002704	NGUYỄN THỊ YÊN - HŨ GẠO TIẾT KIỆM
5	13/04/2020	STN-002705	NGUYỄN THỊ YÊN - HŨ GẠO TIẾT KIỆM
6	13/04/2020	STN-002706	NGUYỄN THỊ YÊN - HŨ GẠO TIẾT KIỆM
7	13/04/2020	STN-002707	KIM KHÁNH - GANH TỴ
8	13/04/2020	STN-002708	KIM KHÁNH - GANH TỴ
9	13/04/2020	STN-002709	KIM KHÁNH - GANH TỴ
10	13/04/2020	STN-002710	KIM KHÁNH - GANH TỴ
11	13/04/2020	STN-002711	KIM KHÁNH - GANH TỴ
12	13/04/2020	STN-002712	KIM KHÁNH - HẠI BẠN
13	13/04/2020	STN-002713	KIM KHÁNH - HẠI BẠN
14	13/04/2020	STN-002714	KIM KHÁNH - HẠI BẠN
15	13/04/2020	STN-002715	KIM KHÁNH - HẠI BẠN
16	13/04/2020	STN-002716	KIM KHÁNH - HẠI BẠN
17	13/04/2020	STN-002717	THÔNG HIỀN - HOA RAU MUỐNG
18	13/04/2020	STN-002718	THÔNG HIỀN - HOA RAU MUỐNG
19	13/04/2020	STN-002719	THÔNG HIỀN - HOA RAU MUỐNG
20	13/04/2020	STN-002720	THÔNG HIỀN - HOA RAU MUỐNG
21	13/04/2020	STN-002721	THÔNG HIỀN - HOA RAU MUỐNG
22	13/04/2020	STN-002722	KIM KHÁNH - ÔNG GIÀ BÁN ĐẬU PHỘNG
23	13/04/2020	STN-002723	KIM KHÁNH - ÔNG GIÀ BÁN ĐẬU PHỘNG
24	13/04/2020	STN-002724	KIM KHÁNH - ÔNG GIÀ BÁN ĐẬU PHỘNG
25	13/04/2020	STN-002725	KIM KHÁNH - ÔNG GIÀ BÁN ĐẬU PHỘNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002726	KIM KHÁNH - ÔNG GIÀ BÁN ĐẬU PHỘNG
2	13/04/2020	STN-002727	KIM KHÁNH - QUAN HUYỆN HIẾU THẢO
3	13/04/2020	STN-002728	KIM KHÁNH - QUAN HUYỆN HIẾU THẢO
4	13/04/2020	STN-002729	KIM KHÁNH - QUAN HUYỆN HIẾU THẢO
5	13/04/2020	STN-002730	KIM KHÁNH - QUAN HUYỆN HIẾU THẢO
6	13/04/2020	STN-002731	KIM KHÁNH - ĐÔI GIÀY MỚI
7	13/04/2020	STN-002732	KIM KHÁNH - ĐÔI GIÀY MỚI
8	13/04/2020	STN-002733	KIM KHÁNH - ĐÔI GIÀY MỚI
9	13/04/2020	STN-002734	KIM KHÁNH - CHIẾC XE ĐẠP
10	13/04/2020	STN-002735	KIM KHÁNH - CHIẾC XE ĐẠP
11	13/04/2020	STN-002736	KIM KHÁNH - CHIẾC XE ĐẠP
12	13/04/2020	STN-002737	KIM KHÁNH - CHIẾC XE ĐẠP
13	13/04/2020	STN-002738	KIM KHÁNH - THUỐC TIÊN TRÊN HOANG ĐẢO
14	13/04/2020	STN-002739	KIM KHÁNH - THUỐC TIÊN TRÊN HOANG ĐẢO
15	13/04/2020	STN-002740	KIM KHÁNH - THUỐC TIÊN TRÊN HOANG ĐẢO
16	13/04/2020	STN-002741	KIM KHÁNH - THUỐC TIÊN TRÊN HOANG ĐẢO
17	13/04/2020	STN-002742	KIM KHÁNH - QUAN TRƯỜNG THỊ
18	13/04/2020	STN-002743	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHỊ CẢ
19	13/04/2020	STN-002744	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHỊ CẢ
20	13/04/2020	STN-002745	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHỊ CẢ
21	13/04/2020	STN-002746	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHỊ CẢ
22	13/04/2020	STN-002747	KIM KHÁNH - NGƯỜI CHỊ CẢ
23	13/04/2020	STN-002748	KIM KHÁNH - TAY KHÔNG ĐÁNH CỌP
24	13/04/2020	STN-002749	KIM KHÁNH - TAY KHÔNG ĐÁNH CỌP
25	13/04/2020	STN-002750	KIM KHÁNH - TAY KHÔNG ĐÁNH CỌP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002751	KIM KHÁNH - TAY KHÔNG ĐÁNH CỌP
2	13/04/2020	STN-002752	KIM KHÁNH - TAY KHÔNG ĐÁNH CỌP
3	13/04/2020	STN-002753	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
4	13/04/2020	STN-002754	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
5	13/04/2020	STN-002755	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
6	13/04/2020	STN-002756	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
7	13/04/2020	STN-002757	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
8	13/04/2020	STN-002758	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
9	13/04/2020	STN-002759	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
10	13/04/2020	STN-002760	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
11	13/04/2020	STN-002761	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
12	13/04/2020	STN-002762	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
13	13/04/2020	STN-002763	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
14	13/04/2020	STN-002764	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
15	13/04/2020	STN-002765	HÙNG LÂN - ĐÒN CHƠI XẤU
16	13/04/2020	STN-002766	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
17	13/04/2020	STN-002767	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
18	13/04/2020	STN-002768	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
19	13/04/2020	STN-002769	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
20	13/04/2020	STN-002770	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
21	13/04/2020	STN-002771	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
22	13/04/2020	STN-002772	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
23	13/04/2020	STN-002773	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU MƠ ƯỚC
24	13/04/2020	STN-002774	HÙNG LÂN - CÔ BÉ XẤU XÍ
25	13/04/2020	STN-002775	HÙNG LÂN - CÔ BÉ XẤU XÍ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002776	HÙNG LÂN - CÔ BÉ XẤU XÍ
2	13/04/2020	STN-002777	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
3	13/04/2020	STN-002778	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
4	13/04/2020	STN-002779	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
5	13/04/2020	STN-002780	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
6	13/04/2020	STN-002781	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
7	13/04/2020	STN-002782	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
8	13/04/2020	STN-002783	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
9	13/04/2020	STN-002784	HÙNG LÂN - NGƯỜI BẠN MỚI
10	13/04/2020	STN-002785	HÙNG LÂN - NGƯỜI BẠN MỚI
11	13/04/2020	STN-002786	HÙNG LÂN - NGƯỜI BẠN MỚI
12	13/04/2020	STN-002787	HÙNG LÂN - NGƯỜI BẠN MỚI
13	13/04/2020	STN-002788	HÙNG LÂN - NGƯỜI BẠN MỚI
14	13/04/2020	STN-002789	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
15	13/04/2020	STN-002790	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
16	13/04/2020	STN-002791	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
17	13/04/2020	STN-002792	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
18	13/04/2020	STN-002793	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
19	13/04/2020	STN-002794	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
20	13/04/2020	STN-002795	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
21	13/04/2020	STN-002796	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
22	13/04/2020	STN-002797	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
23	13/04/2020	STN-002798	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
24	13/04/2020	STN-002799	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM
25	13/04/2020	STN-002800	HÙNG LÂN - TRÁI CÓC GIẦM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002801	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
2	13/04/2020	STN-002802	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
3	13/04/2020	STN-002803	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
4	13/04/2020	STN-002804	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
5	13/04/2020	STN-002805	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
6	13/04/2020	STN-002806	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
7	13/04/2020	STN-002807	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
8	13/04/2020	STN-002808	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
9	13/04/2020	STN-002809	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VẼ TRANH
10	13/04/2020	STN-002810	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VẼ TRANH
11	13/04/2020	STN-002811	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VẼ TRANH
12	13/04/2020	STN-002812	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỰC MÌNH
13	13/04/2020	STN-002813	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỰC MÌNH
14	13/04/2020	STN-002814	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỰC MÌNH
15	13/04/2020	STN-002815	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỰC MÌNH
16	13/04/2020	STN-002816	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÒ MÒ
17	13/04/2020	STN-002817	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÒ MÒ
18	13/04/2020	STN-002818	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÒ MÒ
19	13/04/2020	STN-002819	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÒ MÒ
20	13/04/2020	STN-002820	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU DŨNG CẢM
21	13/04/2020	STN-002821	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU DŨNG CẢM
22	13/04/2020	STN-002822	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU DŨNG CẢM
23	13/04/2020	STN-002823	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU DŨNG CẢM
24	13/04/2020	STN-002824	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XIN LỖI
25	13/04/2020	STN-002825	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XIN LỖI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002826	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XIN LỖI
2	13/04/2020	STN-002827	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XIN LỖI
3	13/04/2020	STN-002828	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHẬM CHẠP
4	13/04/2020	STN-002829	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHẬM CHẠP
5	13/04/2020	STN-002830	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHẬM CHẠP
6	13/04/2020	STN-002831	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHẬM CHẠP
7	13/04/2020	STN-002832	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ MÈO CON
8	13/04/2020	STN-002833	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ MÈO CON
9	13/04/2020	STN-002834	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ MÈO CON
10	13/04/2020	STN-002835	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ MÈO CON
11	13/04/2020	STN-002836	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NÓI DỐI
12	13/04/2020	STN-002837	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NÓI DỐI
13	13/04/2020	STN-002838	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NÓI DỐI
14	13/04/2020	STN-002839	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NÓI DỐI
15	13/04/2020	STN-002840	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐỘI MŨ BẢO HIỂM
16	13/04/2020	STN-002841	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐỘI MŨ BẢO HIỂM
17	13/04/2020	STN-002842	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐỘI MŨ BẢO HIỂM
18	13/04/2020	STN-002843	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐỘI MŨ BẢO HIỂM
19	13/04/2020	STN-002844	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐÁ BÓNG
20	13/04/2020	STN-002845	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐÁ BÓNG
21	13/04/2020	STN-002846	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐÁ BÓNG
22	13/04/2020	STN-002847	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐÁ BÓNG
23	13/04/2020	STN-002848	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁI GỐI GHIỀN
24	13/04/2020	STN-002849	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁI GỐI GHIỀN
25	13/04/2020	STN-002850	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁI GỐI GHIỀN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002851	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NẰM MƠ
2	13/04/2020	STN-002852	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NẰM MƠ
3	13/04/2020	STN-002853	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NẰM MƠ
4	13/04/2020	STN-002854	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NẰM MƠ
5	13/04/2020	STN-002855	NHIỀU TÁC GIẢ - LỚP HỌC CỦA BUBU
6	13/04/2020	STN-002856	NHIỀU TÁC GIẢ - LỚP HỌC CỦA BUBU
7	13/04/2020	STN-002857	NHIỀU TÁC GIẢ - LỚP HỌC CỦA BUBU
8	13/04/2020	STN-002858	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM THÁM TỬ
9	13/04/2020	STN-002859	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM THÁM TỬ
10	13/04/2020	STN-002860	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM THÁM TỬ
11	13/04/2020	STN-002861	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM THÁM TỬ
12	13/04/2020	STN-002862	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH LÀM NGƯỜI LỚN
13	13/04/2020	STN-002863	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH LÀM NGƯỜI LỚN
14	13/04/2020	STN-002864	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH LÀM NGƯỜI LỚN
15	13/04/2020	STN-002865	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH LÀM NGƯỜI LỚN
16	13/04/2020	STN-002866	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NGĂN NẮP
17	13/04/2020	STN-002867	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NGĂN NẮP
18	13/04/2020	STN-002868	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NGĂN NẮP
19	13/04/2020	STN-002869	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NGĂN NẮP
20	13/04/2020	STN-002870	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TIA CHỚP
21	13/04/2020	STN-002871	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TIA CHỚP
22	13/04/2020	STN-002872	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TIA CHỚP
23	13/04/2020	STN-002873	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TIA CHỚP
24	13/04/2020	STN-002874	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HAM CHƠI
25	13/04/2020	STN-002875	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HAM CHƠI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002876	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HAM CHƠI
2	13/04/2020	STN-002877	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HAM CHƠI
3	13/04/2020	STN-002878	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THƯƠNG EM
4	13/04/2020	STN-002879	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THƯƠNG EM
5	13/04/2020	STN-002880	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THƯƠNG EM
6	13/04/2020	STN-002881	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THƯƠNG EM
7	13/04/2020	STN-002882	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CÓ EM
8	13/04/2020	STN-002883	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CÓ EM
9	13/04/2020	STN-002884	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CÓ EM
10	13/04/2020	STN-002885	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CÓ EM
11	13/04/2020	STN-002886	NHIỀU TÁC GIẢ - BU BU ĐI LẠC
12	13/04/2020	STN-002887	NHIỀU TÁC GIẢ - BU BU ĐI LẠC
13	13/04/2020	STN-002888	NHIỀU TÁC GIẢ - BU BU ĐI LẠC
14	13/04/2020	STN-002889	NHIỀU TÁC GIẢ - BU BU ĐI LẠC
15	13/04/2020	STN-002890	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐAU RĂNG
16	13/04/2020	STN-002891	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐAU RĂNG
17	13/04/2020	STN-002892	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐAU RĂNG
18	13/04/2020	STN-002893	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐAU RĂNG
19	13/04/2020	STN-002894	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CẨN THẬN
20	13/04/2020	STN-002895	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CẨN THẬN
21	13/04/2020	STN-002896	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CẨN THẬN
22	13/04/2020	STN-002897	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CẨN THẬN
23	13/04/2020	STN-002898	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI VỚI LỬA
24	13/04/2020	STN-002899	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI VỚI LỬA
25	13/04/2020	STN-002900	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI VỚI LỬA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002901	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI VỚI LỬA
2	13/04/2020	STN-002902	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THAM ĂN
3	13/04/2020	STN-002903	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THAM ĂN
4	13/04/2020	STN-002904	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THAM ĂN
5	13/04/2020	STN-002905	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THAM ĂN
6	13/04/2020	STN-002906	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐẾN TRƯỜNG
7	13/04/2020	STN-002907	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐẾN TRƯỜNG
8	13/04/2020	STN-002908	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐẾN TRƯỜNG
9	13/04/2020	STN-002909	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐẾN TRƯỜNG
10	13/04/2020	STN-002910	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM HỌA SĨ
11	13/04/2020	STN-002911	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM HỌA SĨ
12	13/04/2020	STN-002912	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ÍCH KỶ
13	13/04/2020	STN-002913	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ÍCH KỶ
14	13/04/2020	STN-002914	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XẢ RÁC
15	13/04/2020	STN-002915	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XẢ RÁC
16	13/04/2020	STN-002916	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NHẬN LỖI
17	13/04/2020	STN-002917	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NHẬN LỖI
18	13/04/2020	STN-002918	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU NHẬN LỖI
19	13/04/2020	STN-002919	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
20	13/04/2020	STN-002920	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
21	13/04/2020	STN-002921	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
22	13/04/2020	STN-002922	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
23	13/04/2020	STN-002923	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TRUNG THỰC
24	13/04/2020	STN-002924	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TRUNG THỰC
25	13/04/2020	STN-002925	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/04/2020	STN-002926	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
2	13/04/2020	STN-002927	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ BỆNH
3	14/04/2020	STN-002928	JULIET CLUTTON-BROCK - MÈO
4	14/04/2020	STN-002929	JULIET CLUTTON-BROCK - MÈO
5	14/04/2020	STN-002930	ANDREW NAHUM - MÁY BAY
6	14/04/2020	STN-002931	ANDREW NAHUM - MÁY BAY
7	14/04/2020	STN-002932	JAMES PUTNAM - KIM TỰ THÁP
8	14/04/2020	STN-002933	YVONNE AYO - CHÂU PHI
9	14/04/2020	STN-002934	YVONNE AYO - CHÂU PHI
10	14/04/2020	STN-002935	JACK CHALLONER - BÃO VÀ LỐC XOÁY
11	14/04/2020	STN-002936	JACK CHALLONER - BÃO VÀ LỐC XOÁY
12	14/04/2020	STN-002937	JACK CHALLONER - BÃO VÀ LỐC XOÁY
13	14/04/2020	STN-002938	SIMON JAMES - LA MÃ CỔ ĐẠI
14	14/04/2020	STN-002939	SIMON JAMES - LA MÃ CỔ ĐẠI
15	14/04/2020	STN-002940	SIMON JAMES - LA MÃ CỔ ĐẠI
16	14/04/2020	STN-002941	DAVID NORMAN - KHỦNG LONG
17	14/04/2020	STN-002942	DAVID NORMAN - KHỦNG LONG
18	14/04/2020	STN-002943	ANNE PEARSON - HY LẠP CỔ ĐẠI
19	14/04/2020	STN-002944	ANNE PEARSON - HY LẠP CỔ ĐẠI
20	14/04/2020	STN-002945	ANNE PEARSON - HY LẠP CỔ ĐẠI
21	14/04/2020	STN-002946	THERESA GREENAWAY - RỪNG NHIỆT ĐỚI
22	14/04/2020	STN-002947	DOUGLAS HILL - PHÙ THỦY VÀ PHÁP SƯ
23	14/04/2020	STN-002948	DOUGLAS HILL - PHÙ THỦY VÀ PHÁP SƯ
24	14/04/2020	STN-002949	DOUGLAS HILL - PHÙ THỦY VÀ PHÁP SƯ
25	14/04/2020	STN-002950	RICHARD SUTTON - Ô TÔ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN25	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN25	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/04/2020	STN-002951	RICHARD SUTTON - Ô TÔ
2	14/04/2020	STN-002952	SUSANNA VAN ROSE - NÚI LỬA VÀ ĐỘNG ĐẤT
3	14/04/2020	STN-002953	SUSANNA VAN ROSE - NÚI LỬA VÀ ĐỘNG ĐẤT
4	14/04/2020	STN-002954	SUSANNA VAN ROSE - NÚI LỬA VÀ ĐỘNG ĐẤT
5	14/04/2020	STN-002955	DAVID MURDOCH - NGƯỜI DA ĐỎ BẮC MỸ
6	14/04/2020	STN-002956	DAVID MURDOCH - NGƯỜI DA ĐỎ BẮC MỸ
7	14/04/2020	STN-002957	DAVID MURDOCH - NGƯỜI DA ĐỎ BẮC MỸ
8	14/04/2020	STN-002958	JULIET CLUTTON-BROCK - NGỰA
9	14/04/2020	STN-002959	JULIET CLUTTON-BROCK - NGỰA
10	14/04/2020	STN-002960	IAN REDMOND - VƯỢN GORILA
11	14/04/2020	STN-002961	IAN REDMOND - VƯỢN GORILA
12	14/04/2020	STN-002962	IAN REDMOND - VOI
13	14/04/2020	STN-002963	IAN REDMOND - VOI
14	14/04/2020	STN-002964	ARTHUR COTTERELL - TRUNG HOA CỔ ĐẠI
15	14/04/2020	STN-002965	ARTHUR COTTERELL - TRUNG HOA CỔ ĐẠI
16	14/04/2020	STN-002966	ARTHUR COTTERELL - TRUNG HOA CỔ ĐẠI
17	14/04/2020	STN-002967	SIMON ADAMS - TITANIC
18	14/04/2020	STN-002968	SIMON ADAMS - TITANIC
19	14/04/2020	STN-002969	ERIC KENTLEY - TÀU THUYỀN
20	14/04/2020	STN-002970	ERIC KENTLEY - TÀU THUYỀN
21	14/04/2020	STN-002971	ERIC KENTLEY - TÀU THUYỀN
22	14/04/2020	STN-002972	JOHN COILEY - TÀU HỎA
23	14/04/2020	STN-002973	WILLIAM LINDSAY - SỰ SỐNG THỜI TIỀN SỬ
24	14/04/2020	STN-002974	WILLIAM LINDSAY - SỰ SỐNG THỜI TIỀN SỬ
25	14/04/2020	STN-002975	WILLIAM LINDSAY - SỰ SỐNG THỜI TIỀN SỬ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/04/2020	STN-002976	JEMIMA PARPY-JONES - ĐẠI BÀNG
2	14/04/2020	STN-002977	JEMIMA PARPY-JONES - ĐẠI BÀNG
3	14/04/2020	STN-002978	JULIET CLUTTON-BROCK - CHÓ
4	14/04/2020	STN-002979	JULIET CLUTTON-BROCK - CHÓ
5	14/04/2020	STN-002980	DAVID BURNIE - CHIM
6	14/04/2020	STN-002981	DAVID BURNIE - CHIM
7	14/04/2020	STN-002982	COLIN MC CARTHY - BÒ SÁT
8	14/04/2020	STN-002983	STEVE PARKER - CÁ
9	14/04/2020	STN-002984	GEORGE HART - AI CẬP CỔ ĐẠI
10	14/04/2020	STN-002985	GEORGE HART - AI CẬP CỔ ĐẠI
11	14/04/2020	STN-002986	GEORGE HART - AI CẬP CỔ ĐẠI
12	14/04/2020	STN-002987	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/1
13	14/04/2020	STN-002988	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/1
14	14/04/2020	STN-002989	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/1
15	14/04/2020	STN-002990	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/1
16	14/04/2020	STN-002991	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/1
17	14/04/2020	STN-002992	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/2
18	14/04/2020	STN-002993	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/2
19	14/04/2020	STN-002994	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/2
20	14/04/2020	STN-002995	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/2
21	14/04/2020	STN-002996	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 1/2
22	14/04/2020	STN-002997	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/1
23	14/04/2020	STN-002998	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/1
24	14/04/2020	STN-002999	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/1
25	14/04/2020	STN-003000	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/04/2020	STN-003001	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/1
2	14/04/2020	STN-003002	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/2
3	14/04/2020	STN-003003	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/2
4	14/04/2020	STN-003004	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/2
5	14/04/2020	STN-003005	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/2
6	14/04/2020	STN-003006	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 2/2
7	14/04/2020	STN-003007	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/1
8	14/04/2020	STN-003008	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/1
9	14/04/2020	STN-003009	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/1
10	14/04/2020	STN-003010	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/1
11	14/04/2020	STN-003011	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/1
12	14/04/2020	STN-003012	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/2
13	14/04/2020	STN-003013	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/2
14	14/04/2020	STN-003014	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/2
15	14/04/2020	STN-003015	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/2
16	14/04/2020	STN-003016	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 3/2
17	14/04/2020	STN-003017	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/1
18	14/04/2020	STN-003018	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/1
19	14/04/2020	STN-003019	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/1
20	14/04/2020	STN-003020	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/1
21	14/04/2020	STN-003021	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/1
22	14/04/2020	STN-003022	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/2
23	14/04/2020	STN-003023	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/2
24	14/04/2020	STN-003024	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/2
25	14/04/2020	STN-003025	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/04/2020	STN-003026	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 4/2
2	14/04/2020	STN-003027	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/1
3	14/04/2020	STN-003028	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/1
4	14/04/2020	STN-003029	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/1
5	14/04/2020	STN-003030	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/1
6	14/04/2020	STN-003031	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/1
7	14/04/2020	STN-003032	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/2
8	14/04/2020	STN-003033	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/2
9	14/04/2020	STN-003034	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/2
10	14/04/2020	STN-003035	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/2
11	14/04/2020	STN-003036	THIÊN ÂN - KỂ CHUYỆN THEO TRANH LỚP 5/2
12	14/04/2020	STN-003037	HỒNG OANH - TIẾNG ĐÀN DƯỚI ÁNH TRĂNG
13	14/04/2020	STN-003038	HỒNG OANH - TIẾNG ĐÀN DƯỚI ÁNH TRĂNG
14	14/04/2020	STN-003039	HỒNG OANH - HOA TẦM XUÂN
15	14/04/2020	STN-003040	HỒNG OANH - HOA TẦM XUÂN
16	14/04/2020	STN-003041	HỒNG OANH - GIẤC MƠ CỦA CHUỘT CON
17	14/04/2020	STN-003042	HỒNG OANH - GIẤC MƠ CỦA CHUỘT CON
18	14/04/2020	STN-003043	HỒNG OANH - GÀ TRỐNG VÀ KIẾN VÀNG
19	14/04/2020	STN-003044	HỒNG OANH - GÀ TRỐNG VÀ KIẾN VÀNG
20	14/04/2020	STN-003045	HỒNG OANH - AI QUAN TRỌNG HƠN
21	14/04/2020	STN-003046	HỒNG OANH - AI QUAN TRỌNG HƠN
22	15/04/2020	STN-003047	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 3
23	15/04/2020	STN-003048	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 3
24	15/04/2020	STN-003049	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 4
25	15/04/2020	STN-003050	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2009	7,000	ĐV	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	25,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003051	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 5
2	15/04/2020	STN-003052	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 5
3	15/04/2020	STN-003053	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 5
4	15/04/2020	STN-003054	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 6
5	15/04/2020	STN-003055	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 6
6	15/04/2020	STN-003056	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 6
7	15/04/2020	STN-003057	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 7
8	15/04/2020	STN-003058	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 7
9	15/04/2020	STN-003059	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 7
10	15/04/2020	STN-003060	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 8
11	15/04/2020	STN-003061	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 8
12	15/04/2020	STN-003062	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 8
13	15/04/2020	STN-003063	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 9
14	15/04/2020	STN-003064	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 9
15	15/04/2020	STN-003065	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 9
16	15/04/2020	STN-003066	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 10
17	15/04/2020	STN-003067	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 10
18	15/04/2020	STN-003068	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 10
19	15/04/2020	STN-003069	THU NHI - BÌNH THỦY TINH RƠI KHÔNG VỠ
20	15/04/2020	STN-003070	THU NHI - BÌNH THỦY TINH RƠI KHÔNG VỠ
21	15/04/2020	STN-003071	THU NHI - BÌNH THỦY TINH RƠI KHÔNG VỠ
22	15/04/2020	STN-003072	THU NHI - CÔN TRÙNG THAY ÁO
23	15/04/2020	STN-003073	THU NHI - CÔN TRÙNG THAY ÁO
24	15/04/2020	STN-003074	THU NHI - CÔN TRÙNG THAY ÁO
25	15/04/2020	STN-003075	THU NHI - CHIM MUÔNG VỖ CÁNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	18,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	18,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	18,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	ĐV25	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003076	THU NHI - CHIM MUÔNG VỖ CÁNH
2	15/04/2020	STN-003077	THU NHI - CHIM ƯNG ĐI MÁY BAY
3	15/04/2020	STN-003078	THU NHI - CHIM ƯNG ĐI MÁY BAY
4	15/04/2020	STN-003079	THU NHI - CHIM ƯNG ĐI MÁY BAY
5	15/04/2020	STN-003080	THU NHI - NƯỚC MẮT BƯƠM BƯỚM
6	15/04/2020	STN-003081	THU NHI - VƯƠNG QUỐC ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
7	15/04/2020	STN-003082	THU NHI - GẤU CON GÁNH NƯỚC
8	15/04/2020	STN-003083	THU NHI - GẤU CON GÁNH NƯỚC
9	15/04/2020	STN-003084	THU NHI - GẤU CON GÁNH NƯỚC
10	15/04/2020	STN-003085	THU NHI - CỎ CÂY MUÔN SẮC
11	15/04/2020	STN-003086	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ TỰ NHIÊN
12	15/04/2020	STN-003087	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ VŨ TRỤ, THIÊN VĂN…
13	15/04/2020	STN-003088	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ VŨ TRỤ, THIÊN VĂN…
14	15/04/2020	STN-003089	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ THỰC VẬT
15	15/04/2020	STN-003090	PHI PHONG - TRI THỨC BÁCH KHOA VỀ THỰC VẬT
16	15/04/2020	STN-003091	THANH HƯƠNG - LI LI ƠI, ĐỪNG ĂN NGẬM!
17	15/04/2020	STN-003092	THANH HƯƠNG - LI LI ƠI, ĐỪNG ĂN NGẬM!
18	15/04/2020	STN-003093	THANH HƯƠNG - LI LI ƠI, ĐỪNG ĂN NGẬM!
19	15/04/2020	STN-003094	THANH HƯƠNG - SA SA LƯỜI ĐÁNH RĂNG
20	15/04/2020	STN-003095	THANH HƯƠNG - SA SA LƯỜI ĐÁNH RĂNG
21	15/04/2020	STN-003096	THANH HƯƠNG - SA SA ÍCH KỶ
22	15/04/2020	STN-003097	THANH HƯƠNG - SA SA ÍCH KỶ
23	15/04/2020	STN-003098	THANH HƯƠNG - ĐI VỆ SINH ĐÚNG NƠI
24	15/04/2020	STN-003099	THANH HƯƠNG - ĐI VỆ SINH ĐÚNG NƠI
25	15/04/2020	STN-003100	THANH HƯƠNG - CHÚNG MÌNH SẼ GIÚP BẠN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2005	18,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2005	18,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2005	18,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2005	17,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	18,500	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	18,500	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2006	18,500	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2005	17,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	30,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003101	THANH HƯƠNG - CHÚNG MÌNH SẼ GIÚP BẠN
2	15/04/2020	STN-003102	THANH HƯƠNG - CHÚNG MÌNH SẼ GIÚP BẠN
3	15/04/2020	STN-003103	THANH HƯƠNG - ĐỪNG DÁN MẮT VÀO TI VI
4	15/04/2020	STN-003104	THANH HƯƠNG - ĐỪNG DÁN MẮT VÀO TI VI
5	15/04/2020	STN-003105	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
6	15/04/2020	STN-003106	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
7	15/04/2020	STN-003107	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
8	15/04/2020	STN-003108	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
9	15/04/2020	STN-003109	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
10	15/04/2020	STN-003110	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
11	15/04/2020	STN-003111	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
12	15/04/2020	STN-003112	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
13	15/04/2020	STN-003113	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
14	15/04/2020	STN-003114	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
15	15/04/2020	STN-003115	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
16	15/04/2020	STN-003116	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
17	15/04/2020	STN-003117	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
18	15/04/2020	STN-003118	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
19	15/04/2020	STN-003119	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
20	15/04/2020	STN-003120	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
21	15/04/2020	STN-003121	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
22	15/04/2020	STN-003122	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
23	15/04/2020	STN-003123	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
24	15/04/2020	STN-003124	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
25	15/04/2020	STN-003125	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003126	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
2	15/04/2020	STN-003127	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
3	15/04/2020	STN-003128	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
4	15/04/2020	STN-003129	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
5	15/04/2020	STN-003130	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
6	15/04/2020	STN-003131	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
7	15/04/2020	STN-003132	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
8	15/04/2020	STN-003133	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
9	15/04/2020	STN-003134	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
10	15/04/2020	STN-003135	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
11	15/04/2020	STN-003136	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
12	15/04/2020	STN-003137	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
13	15/04/2020	STN-003138	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
14	15/04/2020	STN-003139	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
15	15/04/2020	STN-003140	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
16	15/04/2020	STN-003141	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
17	15/04/2020	STN-003142	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
18	15/04/2020	STN-003143	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
19	15/04/2020	STN-003144	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
20	15/04/2020	STN-003145	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
21	15/04/2020	STN-003146	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
22	15/04/2020	STN-003147	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
23	15/04/2020	STN-003148	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
24	15/04/2020	STN-003149	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
25	15/04/2020	STN-003150	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003151	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
2	15/04/2020	STN-003152	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
3	15/04/2020	STN-003153	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
4	15/04/2020	STN-003154	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
5	15/04/2020	STN-003155	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
6	15/04/2020	STN-003156	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
7	15/04/2020	STN-003157	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
8	15/04/2020	STN-003158	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
9	15/04/2020	STN-003159	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
10	15/04/2020	STN-003160	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
11	15/04/2020	STN-003161	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
12	15/04/2020	STN-003162	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
13	15/04/2020	STN-003163	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
14	15/04/2020	STN-003164	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
15	15/04/2020	STN-003165	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
16	15/04/2020	STN-003166	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
17	15/04/2020	STN-003167	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
18	15/04/2020	STN-003168	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
19	15/04/2020	STN-003169	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
20	15/04/2020	STN-003170	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
21	15/04/2020	STN-003171	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
22	15/04/2020	STN-003172	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
23	15/04/2020	STN-003173	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
24	15/04/2020	STN-003174	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
25	15/04/2020	STN-003175	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003176	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
2	15/04/2020	STN-003177	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
3	15/04/2020	STN-003178	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
4	15/04/2020	STN-003179	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
5	15/04/2020	STN-003180	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
6	15/04/2020	STN-003181	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
7	15/04/2020	STN-003182	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
8	15/04/2020	STN-003183	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
9	15/04/2020	STN-003184	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
10	15/04/2020	STN-003185	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
11	15/04/2020	STN-003186	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
12	15/04/2020	STN-003187	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
13	15/04/2020	STN-003188	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
14	15/04/2020	STN-003189	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
15	15/04/2020	STN-003190	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
16	15/04/2020	STN-003191	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
17	15/04/2020	STN-003192	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
18	15/04/2020	STN-003193	PHẠM QUANG VINH - CÁI ỐNG NGHE ĐỨT DÂY
19	15/04/2020	STN-003194	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
20	15/04/2020	STN-003195	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
21	15/04/2020	STN-003196	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
22	15/04/2020	STN-003197	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
23	15/04/2020	STN-003198	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
24	15/04/2020	STN-003199	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
25	15/04/2020	STN-003200	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003201	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
2	15/04/2020	STN-003202	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
3	15/04/2020	STN-003203	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
4	15/04/2020	STN-003204	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
5	15/04/2020	STN-003205	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
6	15/04/2020	STN-003206	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
7	15/04/2020	STN-003207	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
8	15/04/2020	STN-003208	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
9	15/04/2020	STN-003209	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
10	15/04/2020	STN-003210	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
11	15/04/2020	STN-003211	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
12	15/04/2020	STN-003212	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
13	15/04/2020	STN-003213	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
14	15/04/2020	STN-003214	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
15	15/04/2020	STN-003215	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
16	15/04/2020	STN-003216	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
17	15/04/2020	STN-003217	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
18	15/04/2020	STN-003218	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
19	15/04/2020	STN-003219	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
20	15/04/2020	STN-003220	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
21	15/04/2020	STN-003221	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
22	15/04/2020	STN-003222	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
23	15/04/2020	STN-003223	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
24	15/04/2020	STN-003224	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
25	15/04/2020	STN-003225	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003226	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
2	15/04/2020	STN-003227	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
3	15/04/2020	STN-003228	NHẬT TRÂM - TRÁI TIM CỦA KHỈ
4	15/04/2020	STN-003229	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
5	15/04/2020	STN-003230	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
6	15/04/2020	STN-003231	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
7	15/04/2020	STN-003232	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
8	15/04/2020	STN-003233	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
9	15/04/2020	STN-003234	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
10	15/04/2020	STN-003235	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
11	15/04/2020	STN-003236	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
12	15/04/2020	STN-003237	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
13	15/04/2020	STN-003238	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
14	15/04/2020	STN-003239	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
15	15/04/2020	STN-003240	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
16	15/04/2020	STN-003241	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
17	15/04/2020	STN-003242	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
18	15/04/2020	STN-003243	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
19	15/04/2020	STN-003244	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
20	15/04/2020	STN-003245	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
21	15/04/2020	STN-003246	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
22	15/04/2020	STN-003247	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
23	15/04/2020	STN-003248	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
24	15/04/2020	STN-003249	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
25	15/04/2020	STN-003250	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003251	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
2	15/04/2020	STN-003252	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
3	15/04/2020	STN-003253	NGUYỄN ĐỨC PHÁT - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
4	15/04/2020	STN-003254	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
5	15/04/2020	STN-003255	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
6	15/04/2020	STN-003256	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
7	15/04/2020	STN-003257	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
8	15/04/2020	STN-003258	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
9	15/04/2020	STN-003259	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
10	15/04/2020	STN-003260	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
11	15/04/2020	STN-003261	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
12	15/04/2020	STN-003262	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
13	15/04/2020	STN-003263	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
14	15/04/2020	STN-003264	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
15	15/04/2020	STN-003265	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
16	15/04/2020	STN-003266	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
17	15/04/2020	STN-003267	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
18	15/04/2020	STN-003268	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
19	15/04/2020	STN-003269	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
20	15/04/2020	STN-003270	PHẠM THU TRANG - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
21	15/04/2020	STN-003271	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 1
22	15/04/2020	STN-003272	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 1
23	15/04/2020	STN-003273	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 1
24	15/04/2020	STN-003274	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 2
25	15/04/2020	STN-003275	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003276	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 2
2	15/04/2020	STN-003277	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 3
3	15/04/2020	STN-003278	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 3
4	15/04/2020	STN-003279	TOMISLAV SENCANSKI - NHỮNG THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN BẠN CÓ THỂ LÀM TẠI NHÀ 3
5	15/04/2020	STN-003280	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
6	15/04/2020	STN-003281	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
7	15/04/2020	STN-003282	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
8	15/04/2020	STN-003283	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
9	15/04/2020	STN-003284	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
10	15/04/2020	STN-003285	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
11	15/04/2020	STN-003286	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
12	15/04/2020	STN-003287	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
13	15/04/2020	STN-003288	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
14	15/04/2020	STN-003289	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
15	15/04/2020	STN-003290	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
16	15/04/2020	STN-003291	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
17	15/04/2020	STN-003292	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
18	15/04/2020	STN-003293	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
19	15/04/2020	STN-003294	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
20	15/04/2020	STN-003295	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
21	15/04/2020	STN-003296	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
22	15/04/2020	STN-003297	THANH LOAN - CHÚ RÙA TINH KHÔN
23	15/04/2020	STN-003298	THANH LOAN - CHÚ RÙA TINH KHÔN
24	15/04/2020	STN-003299	THANH LOAN - HÀ MÃ ĐI THI
25	15/04/2020	STN-003300	THANH LOAN - VỤ KIỆN CHÂU CHẤU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	16,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003301	THANH LOAN - MẠNH DÙNG SỨC, YẾU DÙNG MƯU
2	15/04/2020	STN-003302	THANH LOAN - MẠNH DÙNG SỨC, YẾU DÙNG MƯU
3	15/04/2020	STN-003303	THANH LOAN - MẠNH DÙNG SỨC, YẾU DÙNG MƯU
4	15/04/2020	STN-003304	THANH LOAN - MẠNH DÙNG SỨC, YẾU DÙNG MƯU
5	15/04/2020	STN-003305	THANH LOAN - BÀI HỌC TỪ CHIẾC KIM KHÂU
6	15/04/2020	STN-003306	THANH LOAN - BÀI HỌC TỪ CHIẾC KIM KHÂU
7	15/04/2020	STN-003307	THANH LOAN - BÀI HỌC TỪ CHIẾC KIM KHÂU
8	15/04/2020	STN-003308	THANH LOAN - BÀI HỌC TỪ CHIẾC KIM KHÂU
9	15/04/2020	STN-003309	THANH LOAN - BÀI HỌC TỪ CHIẾC KIM KHÂU
10	15/04/2020	STN-003310	THANH LOAN - KỲ ĐÀ CẢN MŨI
11	15/04/2020	STN-003311	THANH LOAN - KỲ ĐÀ CẢN MŨI
12	15/04/2020	STN-003312	THANH LOAN - KỲ ĐÀ CẢN MŨI
13	15/04/2020	STN-003313	THANH LOAN - KỲ ĐÀ CẢN MŨI
14	15/04/2020	STN-003314	THANH LOAN - KỲ ĐÀ CẢN MŨI
15	15/04/2020	STN-003315	THANH LOAN - CUỘC THI TÀI CỦA NGỰA VẰN VÀ NGỰA ĐUA
16	15/04/2020	STN-003316	THANH LOAN - CUỘC THI TÀI CỦA NGỰA VẰN VÀ NGỰA ĐUA
17	15/04/2020	STN-003317	THANH LOAN - CUỘC THI TÀI CỦA NGỰA VẰN VÀ NGỰA ĐUA
18	15/04/2020	STN-003318	THANH LOAN - CUỘC THI TÀI CỦA NGỰA VẰN VÀ NGỰA ĐUA
19	15/04/2020	STN-003319	THANH LOAN - CUỘC THI TÀI CỦA NGỰA VẰN VÀ NGỰA ĐUA
20	15/04/2020	STN-003320	THANH LOAN - ĐỪNG TRANH ĂN
21	15/04/2020	STN-003321	THANH LOAN - ĐỪNG TRANH ĂN
22	15/04/2020	STN-003322	THANH LOAN - ĐỪNG TRANH ĂN
23	15/04/2020	STN-003323	THANH LOAN - ĐỪNG TRANH ĂN
24	15/04/2020	STN-003324	THANH LOAN - ĐỪNG TRANH ĂN
25	15/04/2020	STN-003325	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003326	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
2	15/04/2020	STN-003327	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
3	15/04/2020	STN-003328	THANH LOAN - BẠCH TUỘC ĐI TÌM THẦN DƯỢC
4	15/04/2020	STN-003329	THANH LOAN - BA CHÚ HEO CON
5	15/04/2020	STN-003330	THANH LOAN - BA CHÚ HEO CON
6	15/04/2020	STN-003331	THANH LOAN - BA CHÚ HEO CON
7	15/04/2020	STN-003332	THANH LOAN - BA CHÚ HEO CON
8	15/04/2020	STN-003333	THANH LOAN - BA CHÚ HEO CON
9	15/04/2020	STN-003334	THANH LOAN - TÔM HÙM VÀ CUA
10	15/04/2020	STN-003335	THANH LOAN - TÔM HÙM VÀ CUA
11	15/04/2020	STN-003336	THANH LOAN - TÔM HÙM VÀ CUA
12	15/04/2020	STN-003337	THANH LOAN - TÔM HÙM VÀ CUA
13	15/04/2020	STN-003338	THANH LOAN - TÔM HÙM VÀ CUA
14	15/04/2020	STN-003339	THANH LOAN - CHÚ NAI MÙ
15	15/04/2020	STN-003340	THANH LOAN - CHÚ NAI MÙ
16	15/04/2020	STN-003341	THANH LOAN - CHÚ NAI MÙ
17	15/04/2020	STN-003342	THANH LOAN - CHÚ NAI MÙ
18	15/04/2020	STN-003343	THANH LOAN - CHÚ NAI MÙ
19	15/04/2020	STN-003344	THANH LOAN - CHA TA ĐÂU, CHA TA ĐÂU
20	15/04/2020	STN-003345	THANH LOAN - CHA TA ĐÂU, CHA TA ĐÂU
21	15/04/2020	STN-003346	THANH LOAN - CHA TA ĐÂU, CHA TA ĐÂU
22	15/04/2020	STN-003347	THANH LOAN - CHA TA ĐÂU, CHA TA ĐÂU
23	15/04/2020	STN-003348	THANH LOAN - CHA TA ĐÂU, CHA TA ĐÂU
24	15/04/2020	STN-003349	THANH LOAN - BÁO GẤM VÀ NGƯỜI ĐỐT THAN
25	15/04/2020	STN-003350	THANH LOAN - BÁO GẤM VÀ NGƯỜI ĐỐT THAN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003351	THANH LOAN - BÁO GẤM VÀ NGƯỜI ĐỐT THAN
2	15/04/2020	STN-003352	THANH LOAN - BÁO GẤM VÀ NGƯỜI ĐỐT THAN
3	15/04/2020	STN-003353	THANH LOAN - BÁO GẤM VÀ NGƯỜI ĐỐT THAN
4	15/04/2020	STN-003354	THANH LOAN - CHÚ TÊ GIÁC KIÊU NGẠO
5	15/04/2020	STN-003355	THANH LOAN - CHÚ TÊ GIÁC KIÊU NGẠO
6	15/04/2020	STN-003356	THANH LOAN - CHÚ TÊ GIÁC KIÊU NGẠO
7	15/04/2020	STN-003357	THANH LOAN - CẢ NHÀ RÁI CÁ
8	15/04/2020	STN-003358	THANH LOAN - CẢ NHÀ RÁI CÁ
9	15/04/2020	STN-003359	THANH LOAN - CẢ NHÀ RÁI CÁ
10	15/04/2020	STN-003360	THANH LOAN - CẢ NHÀ RÁI CÁ
11	15/04/2020	STN-003361	THANH LOAN - CẢ NHÀ RÁI CÁ
12	15/04/2020	STN-003362	THANH LOAN - ỐC MƯỢN HỒN DU HÍ
13	15/04/2020	STN-003363	THANH LOAN - ỐC MƯỢN HỒN DU HÍ
14	15/04/2020	STN-003364	THANH LOAN - ỐC MƯỢN HỒN DU HÍ
15	15/04/2020	STN-003365	THANH LOAN - ỐC MƯỢN HỒN DU HÍ
16	15/04/2020	STN-003366	THANH LOAN - ỐC MƯỢN HỒN DU HÍ
17	15/04/2020	STN-003367	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
18	15/04/2020	STN-003368	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
19	15/04/2020	STN-003369	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
20	15/04/2020	STN-003370	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
21	15/04/2020	STN-003371	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
22	15/04/2020	STN-003372	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
23	15/04/2020	STN-003373	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
24	15/04/2020	STN-003374	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
25	15/04/2020	STN-003375	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003376	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
2	15/04/2020	STN-003377	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
3	15/04/2020	STN-003378	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
4	15/04/2020	STN-003379	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
5	15/04/2020	STN-003380	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
6	15/04/2020	STN-003381	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
7	15/04/2020	STN-003382	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
8	15/04/2020	STN-003383	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
9	15/04/2020	STN-003384	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
10	15/04/2020	STN-003385	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
11	15/04/2020	STN-003386	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
12	15/04/2020	STN-003387	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
13	15/04/2020	STN-003388	PHẠM QUANG VINH - CÂY ĐÈN BIỂN
14	15/04/2020	STN-003389	PHẠM QUANG VINH - CÂY ĐÈN BIỂN
15	15/04/2020	STN-003390	PHẠM QUANG VINH - CÂY ĐÈN BIỂN
16	15/04/2020	STN-003391	PHẠM QUANG VINH - CÁI CHỔI RƠM
17	15/04/2020	STN-003392	PHẠM QUANG VINH - CÁI CHỔI RƠM
18	15/04/2020	STN-003393	PHẠM QUANG VINH - CÁI CHỔI RƠM
19	15/04/2020	STN-003394	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
20	15/04/2020	STN-003395	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
21	15/04/2020	STN-003396	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
22	15/04/2020	STN-003397	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
23	15/04/2020	STN-003398	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
24	15/04/2020	STN-003399	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
25	15/04/2020	STN-003400	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003401	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
2	15/04/2020	STN-003402	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
3	15/04/2020	STN-003403	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
4	15/04/2020	STN-003404	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
5	15/04/2020	STN-003405	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
6	15/04/2020	STN-003406	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
7	15/04/2020	STN-003407	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
8	15/04/2020	STN-003408	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
9	15/04/2020	STN-003409	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
10	15/04/2020	STN-003410	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
11	15/04/2020	STN-003411	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
12	15/04/2020	STN-003412	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
13	15/04/2020	STN-003413	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
14	15/04/2020	STN-003414	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
15	15/04/2020	STN-003415	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
16	15/04/2020	STN-003416	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
17	15/04/2020	STN-003417	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
18	15/04/2020	STN-003418	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
19	15/04/2020	STN-003419	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
20	15/04/2020	STN-003420	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
21	15/04/2020	STN-003421	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
22	15/04/2020	STN-003422	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
23	15/04/2020	STN-003423	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
24	15/04/2020	STN-003424	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
25	15/04/2020	STN-003425	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003426	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
2	15/04/2020	STN-003427	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
3	15/04/2020	STN-003428	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
4	15/04/2020	STN-003429	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
5	15/04/2020	STN-003430	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
6	15/04/2020	STN-003431	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
7	15/04/2020	STN-003432	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
8	15/04/2020	STN-003433	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
9	15/04/2020	STN-003434	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
10	15/04/2020	STN-003435	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
11	15/04/2020	STN-003436	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
12	15/04/2020	STN-003437	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
13	15/04/2020	STN-003438	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
14	15/04/2020	STN-003439	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
15	15/04/2020	STN-003440	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
16	15/04/2020	STN-003441	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
17	15/04/2020	STN-003442	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
18	15/04/2020	STN-003443	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
19	15/04/2020	STN-003444	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
20	15/04/2020	STN-003445	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
21	15/04/2020	STN-003446	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
22	15/04/2020	STN-003447	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
23	15/04/2020	STN-003448	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN
24	15/04/2020	STN-003449	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN
25	15/04/2020	STN-003450	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/04/2020	STN-003451	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN
2	15/04/2020	STN-003452	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN
3	15/04/2020	STN-003453	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN
4	15/04/2020	STN-003454	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN
5	15/04/2020	STN-003455	PHẠM QUANG VINH - HOA TRONG VƯỜN
6	15/04/2020	STN-003456	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
7	15/04/2020	STN-003457	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
8	15/04/2020	STN-003458	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
9	15/04/2020	STN-003459	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
10	15/04/2020	STN-003460	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
11	15/04/2020	STN-003461	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
12	15/04/2020	STN-003462	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
13	15/04/2020	STN-003463	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
14	15/04/2020	STN-003464	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
15	15/04/2020	STN-003465	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
16	15/04/2020	STN-003466	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
17	15/04/2020	STN-003467	PHẠM QUANG VINH - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
18	15/04/2020	STN-003468	PHẠM QUANG VINH - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
19	15/04/2020	STN-003469	PHẠM QUANG VINH - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
20	15/04/2020	STN-003470	PHẠM QUANG VINH - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
21	15/04/2020	STN-003471	PHẠM QUANG VINH - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
22	15/04/2020	STN-003472	PHẠM QUANG VINH - BÓNG MÂY
23	15/04/2020	STN-003473	PHẠM QUANG VINH - BÓNG MÂY
24	15/04/2020	STN-003474	PHẠM QUANG VINH - BÓNG MÂY
25	16/04/2020	STN-003475	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	2,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003476	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
2	16/04/2020	STN-003477	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
3	16/04/2020	STN-003478	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
4	16/04/2020	STN-003479	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
5	16/04/2020	STN-003480	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
6	16/04/2020	STN-003481	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
7	16/04/2020	STN-003482	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
8	16/04/2020	STN-003483	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
9	16/04/2020	STN-003484	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
10	16/04/2020	STN-003485	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
11	16/04/2020	STN-003486	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
12	16/04/2020	STN-003487	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
13	16/04/2020	STN-003488	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
14	16/04/2020	STN-003489	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
15	16/04/2020	STN-003490	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
16	16/04/2020	STN-003491	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
17	16/04/2020	STN-003492	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
18	16/04/2020	STN-003493	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
19	16/04/2020	STN-003494	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
20	16/04/2020	STN-003495	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
21	16/04/2020	STN-003496	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
22	16/04/2020	STN-003497	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
23	16/04/2020	STN-003498	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
24	16/04/2020	STN-003499	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
25	16/04/2020	STN-003500	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003501	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
2	16/04/2020	STN-003502	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
3	16/04/2020	STN-003503	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
4	16/04/2020	STN-003504	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
5	16/04/2020	STN-003505	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
6	16/04/2020	STN-003506	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
7	16/04/2020	STN-003507	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
8	16/04/2020	STN-003508	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
9	16/04/2020	STN-003509	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
10	16/04/2020	STN-003510	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
11	16/04/2020	STN-003511	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
12	16/04/2020	STN-003512	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
13	16/04/2020	STN-003513	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
14	16/04/2020	STN-003514	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
15	16/04/2020	STN-003515	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
16	16/04/2020	STN-003516	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
17	16/04/2020	STN-003517	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
18	16/04/2020	STN-003518	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
19	16/04/2020	STN-003519	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
20	16/04/2020	STN-003520	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
21	16/04/2020	STN-003521	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
22	16/04/2020	STN-003522	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
23	16/04/2020	STN-003523	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
24	16/04/2020	STN-003524	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
25	16/04/2020	STN-003525	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003526	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
2	16/04/2020	STN-003527	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
3	16/04/2020	STN-003528	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
4	16/04/2020	STN-003529	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
5	16/04/2020	STN-003530	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
6	16/04/2020	STN-003531	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
7	16/04/2020	STN-003532	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
8	16/04/2020	STN-003533	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
9	16/04/2020	STN-003534	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
10	16/04/2020	STN-003535	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
11	16/04/2020	STN-003536	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
12	16/04/2020	STN-003537	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
13	16/04/2020	STN-003538	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
14	16/04/2020	STN-003539	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
15	16/04/2020	STN-003540	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
16	16/04/2020	STN-003541	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
17	16/04/2020	STN-003542	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
18	16/04/2020	STN-003543	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
19	16/04/2020	STN-003544	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
20	16/04/2020	STN-003545	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
21	16/04/2020	STN-003546	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
22	16/04/2020	STN-003547	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
23	16/04/2020	STN-003548	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
24	16/04/2020	STN-003549	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
25	16/04/2020	STN-003550	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003551	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
2	16/04/2020	STN-003552	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
3	16/04/2020	STN-003553	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
4	16/04/2020	STN-003554	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
5	16/04/2020	STN-003555	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
6	16/04/2020	STN-003556	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
7	16/04/2020	STN-003557	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
8	16/04/2020	STN-003558	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
9	16/04/2020	STN-003559	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
10	16/04/2020	STN-003560	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
11	16/04/2020	STN-003561	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
12	16/04/2020	STN-003562	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
13	16/04/2020	STN-003563	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
14	16/04/2020	STN-003564	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
15	16/04/2020	STN-003565	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
16	16/04/2020	STN-003566	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
17	16/04/2020	STN-003567	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
18	16/04/2020	STN-003568	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
19	16/04/2020	STN-003569	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
20	16/04/2020	STN-003570	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
21	16/04/2020	STN-003571	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
22	16/04/2020	STN-003572	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
23	16/04/2020	STN-003573	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
24	16/04/2020	STN-003574	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
25	16/04/2020	STN-003575	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003576	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
2	16/04/2020	STN-003577	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
3	16/04/2020	STN-003578	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
4	16/04/2020	STN-003579	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
5	16/04/2020	STN-003580	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
6	16/04/2020	STN-003581	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
7	16/04/2020	STN-003582	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
8	16/04/2020	STN-003583	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
9	16/04/2020	STN-003584	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
10	16/04/2020	STN-003585	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
11	16/04/2020	STN-003586	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
12	16/04/2020	STN-003587	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
13	16/04/2020	STN-003588	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
14	16/04/2020	STN-003589	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
15	16/04/2020	STN-003590	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
16	16/04/2020	STN-003591	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
17	16/04/2020	STN-003592	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
18	16/04/2020	STN-003593	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
19	16/04/2020	STN-003594	HỮU THỈNH - MẸ VÀ CÔ
20	16/04/2020	STN-003595	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
21	16/04/2020	STN-003596	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
22	16/04/2020	STN-003597	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
23	16/04/2020	STN-003598	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
24	16/04/2020	STN-003599	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
25	16/04/2020	STN-003600	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003601	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
2	16/04/2020	STN-003602	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
3	16/04/2020	STN-003603	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
4	16/04/2020	STN-003604	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
5	16/04/2020	STN-003605	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
6	16/04/2020	STN-003606	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
7	16/04/2020	STN-003607	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
8	16/04/2020	STN-003608	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
9	16/04/2020	STN-003609	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
10	16/04/2020	STN-003610	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
11	16/04/2020	STN-003611	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
12	16/04/2020	STN-003612	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
13	16/04/2020	STN-003613	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
14	16/04/2020	STN-003614	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
15	16/04/2020	STN-003615	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
16	16/04/2020	STN-003616	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
17	16/04/2020	STN-003617	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
18	16/04/2020	STN-003618	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
19	16/04/2020	STN-003619	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
20	16/04/2020	STN-003620	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
21	16/04/2020	STN-003621	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
22	16/04/2020	STN-003622	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
23	16/04/2020	STN-003623	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
24	16/04/2020	STN-003624	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
25	16/04/2020	STN-003625	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003626	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
2	16/04/2020	STN-003627	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
3	16/04/2020	STN-003628	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
4	16/04/2020	STN-003629	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
5	16/04/2020	STN-003630	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
6	16/04/2020	STN-003631	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
7	16/04/2020	STN-003632	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
8	16/04/2020	STN-003633	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
9	16/04/2020	STN-003634	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
10	16/04/2020	STN-003635	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
11	16/04/2020	STN-003636	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
12	16/04/2020	STN-003637	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
13	16/04/2020	STN-003638	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
14	16/04/2020	STN-003639	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
15	16/04/2020	STN-003640	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
16	16/04/2020	STN-003641	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
17	16/04/2020	STN-003642	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
18	16/04/2020	STN-003643	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
19	16/04/2020	STN-003644	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
20	16/04/2020	STN-003645	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
21	16/04/2020	STN-003646	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
22	16/04/2020	STN-003647	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
23	16/04/2020	STN-003648	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
24	16/04/2020	STN-003649	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
25	16/04/2020	STN-003650	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003651	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
2	16/04/2020	STN-003652	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
3	16/04/2020	STN-003653	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
4	16/04/2020	STN-003654	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
5	16/04/2020	STN-003655	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
6	16/04/2020	STN-003656	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
7	16/04/2020	STN-003657	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
8	16/04/2020	STN-003658	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
9	16/04/2020	STN-003659	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
10	16/04/2020	STN-003660	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
11	16/04/2020	STN-003661	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
12	16/04/2020	STN-003662	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
13	16/04/2020	STN-003663	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
14	16/04/2020	STN-003664	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
15	16/04/2020	STN-003665	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
16	16/04/2020	STN-003666	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
17	16/04/2020	STN-003667	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
18	16/04/2020	STN-003668	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
19	16/04/2020	STN-003669	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
20	16/04/2020	STN-003670	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
21	16/04/2020	STN-003671	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
22	16/04/2020	STN-003672	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
23	16/04/2020	STN-003673	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
24	16/04/2020	STN-003674	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
25	16/04/2020	STN-003675	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003676	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
2	16/04/2020	STN-003677	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
3	16/04/2020	STN-003678	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
4	16/04/2020	STN-003679	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
5	16/04/2020	STN-003680	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
6	16/04/2020	STN-003681	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
7	16/04/2020	STN-003682	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
8	16/04/2020	STN-003683	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
9	16/04/2020	STN-003684	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
10	16/04/2020	STN-003685	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
11	16/04/2020	STN-003686	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
12	16/04/2020	STN-003687	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
13	16/04/2020	STN-003688	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
14	16/04/2020	STN-003689	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
15	16/04/2020	STN-003690	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
16	16/04/2020	STN-003691	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
17	16/04/2020	STN-003692	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
18	16/04/2020	STN-003693	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
19	16/04/2020	STN-003694	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
20	16/04/2020	STN-003695	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
21	16/04/2020	STN-003696	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
22	16/04/2020	STN-003697	HỮU THỈNH - HƯƠNG ỔI
23	16/04/2020	STN-003698	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
24	16/04/2020	STN-003699	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
25	16/04/2020	STN-003700	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003701	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
2	16/04/2020	STN-003702	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
3	16/04/2020	STN-003703	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
4	16/04/2020	STN-003704	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
5	16/04/2020	STN-003705	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
6	16/04/2020	STN-003706	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
7	16/04/2020	STN-003707	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
8	16/04/2020	STN-003708	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
9	16/04/2020	STN-003709	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
10	16/04/2020	STN-003710	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
11	16/04/2020	STN-003711	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
12	16/04/2020	STN-003712	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
13	16/04/2020	STN-003713	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
14	16/04/2020	STN-003714	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
15	16/04/2020	STN-003715	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
16	16/04/2020	STN-003716	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
17	16/04/2020	STN-003717	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
18	16/04/2020	STN-003718	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
19	16/04/2020	STN-003719	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
20	16/04/2020	STN-003720	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
21	16/04/2020	STN-003721	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
22	16/04/2020	STN-003722	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
23	16/04/2020	STN-003723	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
24	16/04/2020	STN-003724	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
25	16/04/2020	STN-003725	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	16/04/2020	STN-003726	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
2	16/04/2020	STN-003727	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
3	16/04/2020	STN-003728	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
4	16/04/2020	STN-003729	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
5	16/04/2020	STN-003730	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
6	16/04/2020	STN-003731	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
7	17/04/2020	STN-003732	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
8	17/04/2020	STN-003733	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
9	17/04/2020	STN-003734	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
10	17/04/2020	STN-003735	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI CHƠI
11	17/04/2020	STN-003736	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI CHƠI
12	17/04/2020	STN-003737	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI CHƠI
13	17/04/2020	STN-003738	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI CHƠI
14	17/04/2020	STN-003739	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI XE ĐẠP
15	17/04/2020	STN-003740	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI XE ĐẠP
16	17/04/2020	STN-003741	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI XE ĐẠP
17	17/04/2020	STN-003742	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI XE ĐẠP
18	17/04/2020	STN-003743	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG GIÁNG SINH
19	17/04/2020	STN-003744	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG GIÁNG SINH
20	17/04/2020	STN-003745	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG GIÁNG SINH
21	17/04/2020	STN-003746	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG GIÁNG SINH
22	17/04/2020	STN-003747	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIẬN HỜN
23	17/04/2020	STN-003748	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIẬN HỜN
24	17/04/2020	STN-003749	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIẬN HỜN
25	17/04/2020	STN-003750	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIẬN HỜN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003751	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ BỆNH
2	17/04/2020	STN-003752	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ BỆNH
3	17/04/2020	STN-003753	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ BỆNH
4	17/04/2020	STN-003754	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI BƠI
5	17/04/2020	STN-003755	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI BƠI
6	17/04/2020	STN-003756	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI BƠI
7	17/04/2020	STN-003757	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI BƠI
8	17/04/2020	STN-003758	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG SẠCH SẼ
9	17/04/2020	STN-003759	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG SẠCH SẼ
10	17/04/2020	STN-003760	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG SẠCH SẼ
11	17/04/2020	STN-003761	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG SẠCH SẼ
12	17/04/2020	STN-003762	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI TRỐN TÌM
13	17/04/2020	STN-003763	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI TRỐN TÌM
14	17/04/2020	STN-003764	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI TRỐN TÌM
15	17/04/2020	STN-003765	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI TRỐN TÌM
16	17/04/2020	STN-003766	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG SINH NHẬT
17	17/04/2020	STN-003767	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG SINH NHẬT
18	17/04/2020	STN-003768	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG SINH NHẬT
19	17/04/2020	STN-003769	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU MỪNG SINH NHẬT
20	17/04/2020	STN-003770	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THA THỨ
21	17/04/2020	STN-003771	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THA THỨ
22	17/04/2020	STN-003772	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THA THỨ
23	17/04/2020	STN-003773	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THA THỨ
24	17/04/2020	STN-003774	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG Ý TỨ
25	17/04/2020	STN-003775	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG Ý TỨ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003776	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG Ý TỨ
2	17/04/2020	STN-003777	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU KHÔNG Ý TỨ
3	17/04/2020	STN-003778	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGHỈ MÁT
4	17/04/2020	STN-003779	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGHỈ MÁT
5	17/04/2020	STN-003780	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGHỈ MÁT
6	17/04/2020	STN-003781	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGHỈ MÁT
7	17/04/2020	STN-003782	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GANH TỴ
8	17/04/2020	STN-003783	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GANH TỴ
9	17/04/2020	STN-003784	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GANH TỴ
10	17/04/2020	STN-003785	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GANH TỴ
11	17/04/2020	STN-003786	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI TỰU TRƯỜNG
12	17/04/2020	STN-003787	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI TỰU TRƯỜNG
13	17/04/2020	STN-003788	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI TỰU TRƯỜNG
14	17/04/2020	STN-003789	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGỦ
15	17/04/2020	STN-003790	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGỦ
16	17/04/2020	STN-003791	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGỦ
17	17/04/2020	STN-003792	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NGỦ
18	17/04/2020	STN-003793	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM BÁNH
19	17/04/2020	STN-003794	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM BÁNH
20	17/04/2020	STN-003795	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM BÁNH
21	17/04/2020	STN-003796	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM BÁNH
22	17/04/2020	STN-003797	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU LÀM BÁNH
23	17/04/2020	STN-003798	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁC BẠN
24	17/04/2020	STN-003799	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁC BẠN
25	17/04/2020	STN-003800	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁC BẠN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003801	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ CÁC BẠN
2	17/04/2020	STN-003802	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH GIÀY MỚI
3	17/04/2020	STN-003803	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH GIÀY MỚI
4	17/04/2020	STN-003804	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH GIÀY MỚI
5	17/04/2020	STN-003805	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH GIÀY MỚI
6	17/04/2020	STN-003806	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VỀ QUÊ
7	17/04/2020	STN-003807	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VỀ QUÊ
8	17/04/2020	STN-003808	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VỀ QUÊ
9	17/04/2020	STN-003809	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VỀ QUÊ
10	17/04/2020	STN-003810	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VỀ QUÊ
11	17/04/2020	STN-003811	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI SỞ THÚ
12	17/04/2020	STN-003812	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI SỞ THÚ
13	17/04/2020	STN-003813	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI SỞ THÚ
14	17/04/2020	STN-003814	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH ĂN KẸO
15	17/04/2020	STN-003815	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH ĂN KẸO
16	17/04/2020	STN-003816	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH ĂN KẸO
17	17/04/2020	STN-003817	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THÍCH ĂN KẸO
18	17/04/2020	STN-003818	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ CẢM
19	17/04/2020	STN-003819	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ CẢM
20	17/04/2020	STN-003820	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ CẢM
21	17/04/2020	STN-003821	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU BỊ CẢM
22	17/04/2020	STN-003822	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NHỔ RĂNG
23	17/04/2020	STN-003823	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NHỔ RĂNG
24	17/04/2020	STN-003824	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NHỔ RĂNG
25	17/04/2020	STN-003825	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NHỔ RĂNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003826	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIÚP EM
2	17/04/2020	STN-003827	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIÚP EM
3	17/04/2020	STN-003828	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIÚP EM
4	17/04/2020	STN-003829	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU GIÚP EM
5	17/04/2020	STN-003830	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN
6	17/04/2020	STN-003831	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN
7	17/04/2020	STN-003832	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HỌC ĐÀN
8	17/04/2020	STN-003833	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
9	17/04/2020	STN-003834	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
10	17/04/2020	STN-003835	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
11	17/04/2020	STN-003836	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
12	17/04/2020	STN-003837	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
13	17/04/2020	STN-003838	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
14	17/04/2020	STN-003839	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
15	17/04/2020	STN-003840	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
16	17/04/2020	STN-003841	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
17	17/04/2020	STN-003842	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
18	17/04/2020	STN-003843	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
19	17/04/2020	STN-003844	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
20	17/04/2020	STN-003845	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
21	17/04/2020	STN-003846	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGHỆ SĨ XIẾC
22	17/04/2020	STN-003847	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ GIÁO LỚP EM
23	17/04/2020	STN-003848	HIẾU MINH - ÔNG TRẠNG QUÉT
24	17/04/2020	STN-003849	HIẾU MINH - ÔNG TRẠNG QUÉT
25	17/04/2020	STN-003850	HIẾU MINH - ÔNG TRẠNG QUÉT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003851	HIẾU MINH - ÔNG TRẠNG QUÉT
2	17/04/2020	STN-003852	LÊ THANH NGA - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
3	17/04/2020	STN-003853	LÊ THANH NGA - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
4	17/04/2020	STN-003854	LÊ THANH NGA - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
5	17/04/2020	STN-003855	BÙI LÂM BẰNG - ĐI Ở HỌC THÀNH TÀI
6	17/04/2020	STN-003856	BÙI LÂM BẰNG - ĐI Ở HỌC THÀNH TÀI
7	17/04/2020	STN-003857	MINH TRANG - CÔ BÉ MỒ CÔI
8	17/04/2020	STN-003858	MINH TRANG - CÔ BÉ MỒ CÔI
9	17/04/2020	STN-003859	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
10	17/04/2020	STN-003860	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
11	17/04/2020	STN-003861	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
12	17/04/2020	STN-003862	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
13	17/04/2020	STN-003863	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
14	17/04/2020	STN-003864	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
15	17/04/2020	STN-003865	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
16	17/04/2020	STN-003866	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
17	17/04/2020	STN-003867	HỒNG HÀ - THẠCH SANH
18	17/04/2020	STN-003868	HỒNG HÀ - DIỆT MÃNG XÀ
19	17/04/2020	STN-003869	HỒNG HÀ - DIỆT MÃNG XÀ
20	17/04/2020	STN-003870	HỒNG HÀ - DIỆT MÃNG XÀ
21	17/04/2020	STN-003871	HỒNG HÀ - CÔNG CHÚA THỦY TỀ
22	17/04/2020	STN-003872	HỒNG HÀ - CÔNG CHÚA THỦY TỀ
23	17/04/2020	STN-003873	HỒNG HÀ - CÔNG CHÚA THỦY TỀ
24	17/04/2020	STN-003874	HỒNG HÀ - VUA HEO
25	17/04/2020	STN-003875	HỒNG HÀ - VUA HEO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003876	HỒNG HÀ - VUA HEO
2	17/04/2020	STN-003877	HỒNG HÀ - NGƯU LANG CHỨC NỮ
3	17/04/2020	STN-003878	HỒNG HÀ - NGƯU LANG CHỨC NỮ
4	17/04/2020	STN-003879	HỒNG HÀ - NGƯU LANG CHỨC NỮ
5	17/04/2020	STN-003880	HỒNG HÀ - NGƯỜI CON NUÔI HIẾU THẢO
6	17/04/2020	STN-003881	HỒNG HÀ - NGƯỜI CON NUÔI HIẾU THẢO
7	17/04/2020	STN-003882	HỒNG HÀ - NGƯỜI CON NUÔI HIẾU THẢO
8	17/04/2020	STN-003883	HỒNG HÀ - ĐIỀU ƯỚC CUỐI CÙNG
9	17/04/2020	STN-003884	HỒNG HÀ - ĐIỀU ƯỚC CUỐI CÙNG
10	17/04/2020	STN-003885	HỒNG HÀ - VIÊN NGỌC ƯỚC
11	17/04/2020	STN-003886	HỒNG HÀ - VIÊN NGỌC ƯỚC
12	17/04/2020	STN-003887	HỒNG HÀ - VIÊN NGỌC ƯỚC
13	17/04/2020	STN-003888	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ GÃ BỢM
14	17/04/2020	STN-003889	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ GÃ BỢM
15	17/04/2020	STN-003890	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ GÃ BỢM
16	17/04/2020	STN-003891	TÔ CHIÊM - BÀ CHÚA THƯỢNG NGÀN
17	17/04/2020	STN-003892	TÔ CHIÊM - BÀ CHÚA THƯỢNG NGÀN
18	17/04/2020	STN-003893	TÔ CHIÊM - BÀ CHÚA THƯỢNG NGÀN
19	17/04/2020	STN-003894	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
20	17/04/2020	STN-003895	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
21	17/04/2020	STN-003896	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
22	17/04/2020	STN-003897	HỒNG HÀ - BÓ CỦI BIẾT BAY
23	17/04/2020	STN-003898	HỒNG HÀ - BÓ CỦI BIẾT BAY
24	17/04/2020	STN-003899	HỒNG HÀ - BÓ CỦI BIẾT BAY
25	17/04/2020	STN-003900	HỒNG HÀ - NGƯỜI CHA VÀ BA CON TRAI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003901	HỒNG HÀ - NGƯỜI CHA VÀ BA CON TRAI
2	17/04/2020	STN-003902	HỒNG HÀ - NÀNG CÔNG CHÚA BÁN THAN
3	17/04/2020	STN-003903	HỒNG HÀ - NÀNG CÔNG CHÚA BÁN THAN
4	17/04/2020	STN-003904	HỒNG HÀ - NÀNG CÔNG CHÚA BÁN THAN
5	17/04/2020	STN-003905	HỒNG HÀ - CHA MẸ NUÔI CON BẰNG TRỜI BẰNG BỂ
6	17/04/2020	STN-003906	HỒNG HÀ - CHA MẸ NUÔI CON BẰNG TRỜI BẰNG BỂ
7	17/04/2020	STN-003907	LÊ THANH NGA - NÀNG TIÊN HỒ
8	17/04/2020	STN-003908	LÊ THANH NGA - NÀNG TIÊN HỒ
9	17/04/2020	STN-003909	HIẾU MINH - NGƯỜI MẸ KẾ VÀ HAI CON TRAI
10	17/04/2020	STN-003910	HIẾU MINH - NGƯỜI MẸ KẾ VÀ HAI CON TRAI
11	17/04/2020	STN-003911	HIẾU MINH - NGƯỜI MẸ KẾ VÀ HAI CON TRAI
12	17/04/2020	STN-003912	LÊ THANH NGA - SỰ TÍCH PHẬT BÀ QUAN ÂM
13	17/04/2020	STN-003913	LÊ THANH NGA - SỰ TÍCH PHẬT BÀ QUAN ÂM
14	17/04/2020	STN-003914	LÊ THANH NGA - SỰ TÍCH PHẬT BÀ QUAN ÂM
15	17/04/2020	STN-003915	THỤY ANH - CÁI TRỐNG BIẾT NÓI
16	17/04/2020	STN-003916	THỤY ANH - CÁI TRỐNG BIẾT NÓI
17	17/04/2020	STN-003917	THỤY ANH - CÁI TRỐNG BIẾT NÓI
18	17/04/2020	STN-003918	THẢO HƯƠNG - CON CHIM KHÁCH MẦU NHIỆM
19	17/04/2020	STN-003919	THẢO HƯƠNG - CON CHIM KHÁCH MẦU NHIỆM
20	17/04/2020	STN-003920	THẢO HƯƠNG - CON CHIM KHÁCH MẦU NHIỆM
21	17/04/2020	STN-003921	TRẦN NGỌC - NGƯỜI VỢ THÔNG MINH
22	17/04/2020	STN-003922	TRẦN NGỌC - NGƯỜI VỢ THÔNG MINH
23	17/04/2020	STN-003923	TRẦN NGỌC - NGƯỜI VỢ THÔNG MINH
24	17/04/2020	STN-003924	NGUYỄN HUY TƯỞNG - AN DƯƠNG VƯƠNG XÂY THÀNH ỐC
25	17/04/2020	STN-003925	NGUYỄN HUY TƯỞNG - AN DƯƠNG VƯƠNG XÂY THÀNH ỐC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003926	TÔ HOÀI - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
2	17/04/2020	STN-003927	TÔ HOÀI - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
3	17/04/2020	STN-003928	TÔ HOÀI - CHUYỆN ÔNG GIÓNG
4	17/04/2020	STN-003929	THỤY ANH - TIẾNG SÁO THẦN KÌ
5	17/04/2020	STN-003930	THỤY ANH - TIẾNG SÁO THẦN KÌ
6	17/04/2020	STN-003931	THỤY ANH - HẠT LÚA THẦN
7	17/04/2020	STN-003932	THỤY ANH - HẠT LÚA THẦN
8	17/04/2020	STN-003933	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
9	17/04/2020	STN-003934	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
10	17/04/2020	STN-003935	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
11	17/04/2020	STN-003936	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
12	17/04/2020	STN-003937	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
13	17/04/2020	STN-003938	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
14	17/04/2020	STN-003939	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
15	17/04/2020	STN-003940	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CÂY THUỐC THẦN
16	17/04/2020	STN-003941	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
17	17/04/2020	STN-003942	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
18	17/04/2020	STN-003943	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
19	17/04/2020	STN-003944	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
20	17/04/2020	STN-003945	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
21	17/04/2020	STN-003946	HỒNG HÀ - BẢY ĐIỀU ƯỚC
22	17/04/2020	STN-003947	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ CON CHÓ ĐÁ
23	17/04/2020	STN-003948	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ CON CHÓ ĐÁ
24	17/04/2020	STN-003949	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC VÀ CON CHÓ ĐÁ
25	17/04/2020	STN-003950	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2012	15,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003951	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN
2	17/04/2020	STN-003952	HỒNG HÀ - CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN
3	17/04/2020	STN-003953	LÊ THANH NGA - ÔNG QUAN THÔNG MINH
4	17/04/2020	STN-003954	LÊ THANH NGA - ÔNG QUAN THÔNG MINH
5	17/04/2020	STN-003955	LÊ THANH NGA - ÔNG QUAN THÔNG MINH
6	17/04/2020	STN-003956	HIẾU MINH - SỰ TÍCH HOA ĐÀO, HOA MAI
7	17/04/2020	STN-003957	HIẾU MINH - SỰ TÍCH HOA ĐÀO, HOA MAI
8	17/04/2020	STN-003958	HỒNG HÀ - NGÔI ĐỀN GIỮA BIỂN
9	17/04/2020	STN-003959	HỒNG HÀ - NGÔI ĐỀN GIỮA BIỂN
10	17/04/2020	STN-003960	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
11	17/04/2020	STN-003961	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH ÔNG BA MƯƠI
12	17/04/2020	STN-003962	HỒNG HÀ - SỰ TÍCH ÔNG BA MƯƠI
13	17/04/2020	STN-003963	HIẾU MINH - NGƯỜI BÁN TRỐNG VÀ LŨ QUỶ
14	17/04/2020	STN-003964	HIẾU MINH - NGƯỜI BÁN TRỐNG VÀ LŨ QUỶ
15	17/04/2020	STN-003965	HIẾU MINH - NGƯỜI BÁN TRỐNG VÀ LŨ QUỶ
16	17/04/2020	STN-003966	HIẾU MINH - SINH CON RỒI MỚI SINH CHA
17	17/04/2020	STN-003967	HIẾU MINH - SINH CON RỒI MỚI SINH CHA
18	17/04/2020	STN-003968	HIẾU MINH - SINH CON RỒI MỚI SINH CHA
19	17/04/2020	STN-003969	HỒNG HÀ - NÀNG TIÊN CUA
20	17/04/2020	STN-003970	HỒNG HÀ - NÀNG TIÊN CUA
21	17/04/2020	STN-003971	HỒNG HÀ - NÀNG TIÊN CUA
22	17/04/2020	STN-003972	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
23	17/04/2020	STN-003973	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
24	17/04/2020	STN-003974	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
25	17/04/2020	STN-003975	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2012	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2012	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-003976	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
2	17/04/2020	STN-003977	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
3	17/04/2020	STN-003978	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
4	17/04/2020	STN-003979	HỒNG HÀ - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
5	17/04/2020	STN-003980	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CON YÊU TINH
6	17/04/2020	STN-003981	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CON YÊU TINH
7	17/04/2020	STN-003982	HỒNG HÀ - HAI ANH EM VÀ CON YÊU TINH
8	17/04/2020	STN-003983	MINH QUỐC - TỪ THỨC GẶP TIÊN
9	17/04/2020	STN-003984	DIÊM ĐIỀN - SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG
10	17/04/2020	STN-003985	MINH QUỐC - AI MUA HÀNH TÔI
11	17/04/2020	STN-003986	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
12	17/04/2020	STN-003987	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
13	17/04/2020	STN-003988	TRẦN QUỐC - SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT
14	17/04/2020	STN-003989	THẢO QUYÊN - ÔNG TƯỚNG CANH ĐỀN
15	17/04/2020	STN-003990	THẢO QUYÊN - ÔNG TƯỚNG CANH ĐỀN
16	17/04/2020	STN-003991	THẢO QUYÊN - ÔNG TƯỚNG CANH ĐỀN
17	17/04/2020	STN-003992	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TỔNG ĐÀI VIÊN
18	17/04/2020	STN-003993	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TỔNG ĐÀI VIÊN
19	17/04/2020	STN-003994	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ TỔNG ĐÀI VIÊN
20	17/04/2020	STN-003995	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ÔNG THỢ CẮT TÓC
21	17/04/2020	STN-003996	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - ANH ĐỔ RÁC XÓM EM
22	17/04/2020	STN-003997	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NGHỆ SĨ XIẾC
23	17/04/2020	STN-003998	THANH HƯƠNG - ĐỪNG DÁN MẮT VÀO TIVI
24	17/04/2020	STN-003999	RICHARD SUTTON - Ô TÔ
25	17/04/2020	STN-004000	THERESA GREENAWAY - RỪNG NHIỆT ĐỚI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	18,000	ĐN19	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	17/04/2020	STN-004001	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
2	17/04/2020	STN-004002	PHẠM QUANG VINH - TRỞ VỀ THỜI KỲ BĂNG GIÁ
3	17/04/2020	STN-004003	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
4	17/04/2020	STN-004004	PHẠM QUANG VINH - THĂM VƯỜN BÁCH THÚ
5	17/04/2020	STN-004005	PHẠM QUANG VINH - MỘT CUỘC ĐI CHƠI
6	17/04/2020	STN-004006	PHẠM QUANG VINH - ĐẾN HÀNH TINH TAP TAP
7	17/04/2020	STN-004007	PHẠM QUANG VINH - CUỘC PHIÊU LƯU KỲ LẠ
8	20/04/2020	STN-004008	TRUNG VÕ - BỮA TIỆC ĐÃI BẠN
9	20/04/2020	STN-004009	TRUNG VÕ - BỮA TIỆC ĐÃI BẠN
10	20/04/2020	STN-004010	TRUNG VÕ - BỮA TIỆC ĐÃI BẠN
11	20/04/2020	STN-004011	TRUNG VÕ - BỮA TIỆC ĐÃI BẠN
12	20/04/2020	STN-004012	TRUNG VÕ - BỮA TIỆC ĐÃI BẠN
13	20/04/2020	STN-004013	TRUNG VÕ - VUA HEO
14	20/04/2020	STN-004014	TRUNG VÕ - VUA HEO
15	20/04/2020	STN-004015	TRUNG VÕ - VUA HEO
16	20/04/2020	STN-004016	TRUNG VÕ - VUA HEO
17	20/04/2020	STN-004017	TRUNG VÕ - VUA HEO
18	20/04/2020	STN-004018	TRUNG VÕ - TRẠNG ĂN LÊ NHƯ HỔ
19	20/04/2020	STN-004019	TRUNG VÕ - TRẠNG ĂN LÊ NHƯ HỔ
20	20/04/2020	STN-004020	TRUNG VÕ - TRẠNG ĂN LÊ NHƯ HỔ
21	20/04/2020	STN-004021	TRUNG VÕ - TRẠNG ĂN LÊ NHƯ HỔ
22	20/04/2020	STN-004022	TRUNG VÕ - TRẠNG ĂN LÊ NHƯ HỔ
23	20/04/2020	STN-004023	TRUNG VÕ - BÀI HỌC CHO CÁO
24	20/04/2020	STN-004024	TRUNG VÕ - BÀI HỌC CHO CÁO
25	20/04/2020	STN-004025	TRUNG VÕ - BÀI HỌC CHO CÁO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004026	TRUNG VÕ - BÀI HỌC CHO CÁO
2	20/04/2020	STN-004027	TRUNG VÕ - BÀI HỌC CHO CÁO
3	20/04/2020	STN-004028	TIỂU GIÀU - THẠCH SANH-LÝ THÔNG
4	20/04/2020	STN-004029	TIỂU GIÀU - THẠCH SANH-LÝ THÔNG
5	20/04/2020	STN-004030	TIỂU GIÀU - THẠCH SANH-LÝ THÔNG
6	20/04/2020	STN-004031	TIỂU GIÀU - THẠCH SANH-LÝ THÔNG
7	20/04/2020	STN-004032	TIỂU GIÀU - THẠCH SANH-LÝ THÔNG
8	20/04/2020	STN-004033	TIỂU GIÀU - HỒ BA BỂ
9	20/04/2020	STN-004034	TIỂU GIÀU - HỒ BA BỂ
10	20/04/2020	STN-004035	TIỂU GIÀU - HỒ BA BỂ
11	20/04/2020	STN-004036	TIỂU GIÀU - HỒ BA BỂ
12	20/04/2020	STN-004037	TIỂU GIÀU - HỒ BA BỂ
13	20/04/2020	STN-004038	TIỂU GIÀU - NÀNG ÚT TRONG ỐNG TRE
14	20/04/2020	STN-004039	TIỂU GIÀU - NÀNG ÚT TRONG ỐNG TRE
15	20/04/2020	STN-004040	TIỂU GIÀU - NÀNG ÚT TRONG ỐNG TRE
16	20/04/2020	STN-004041	TIỂU GIÀU - NÀNG ÚT TRONG ỐNG TRE
17	20/04/2020	STN-004042	TIỂU GIÀU - NÀNG ÚT TRONG ỐNG TRE
18	20/04/2020	STN-004043	TIỂU GIÀU - SƠN TINH-THỦY TINH
19	20/04/2020	STN-004044	TIỂU GIÀU - SƠN TINH-THỦY TINH
20	20/04/2020	STN-004045	TIỂU GIÀU - SƠN TINH-THỦY TINH
21	20/04/2020	STN-004046	TIỂU GIÀU - SƠN TINH-THỦY TINH
22	20/04/2020	STN-004047	TIỂU GIÀU - SƠN TINH-THỦY TINH
23	20/04/2020	STN-004048	TIỂU GIÀU - TRỌNG THỦY-MỊ CHÂU
24	20/04/2020	STN-004049	TIỂU GIÀU - TRỌNG THỦY-MỊ CHÂU
25	20/04/2020	STN-004050	TIỂU GIÀU - TRỌNG THỦY-MỊ CHÂU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004051	TIỂU GIÀU - TRỌNG THỦY-MỊ CHÂU
2	20/04/2020	STN-004052	TIỂU GIÀU - TRỌNG THỦY-MỊ CHÂU
3	20/04/2020	STN-004053	TIỂU GIÀU - SỌ DỪA
4	20/04/2020	STN-004054	TIỂU GIÀU - SỌ DỪA
5	20/04/2020	STN-004055	TIỂU GIÀU - SỌ DỪA
6	20/04/2020	STN-004056	TIỂU GIÀU - SỌ DỪA
7	20/04/2020	STN-004057	TIỂU GIÀU - SỌ DỪA
8	20/04/2020	STN-004058	TIỂU GIÀU - TRÍ KHÔN CỦA TA ĐÂY
9	20/04/2020	STN-004059	TIỂU GIÀU - TRÍ KHÔN CỦA TA ĐÂY
10	20/04/2020	STN-004060	TIỂU GIÀU - TRÍ KHÔN CỦA TA ĐÂY
11	20/04/2020	STN-004061	TIỂU GIÀU - TRÍ KHÔN CỦA TA ĐÂY
12	20/04/2020	STN-004062	TIỂU GIÀU - TRÍ KHÔN CỦA TA ĐÂY
13	20/04/2020	STN-004063	TIỂU GIÀU - TRẠNG LƯỜNG CÂN VOI
14	20/04/2020	STN-004064	TIỂU GIÀU - TRẠNG LƯỜNG CÂN VOI
15	20/04/2020	STN-004065	TIỂU GIÀU - TRẠNG LƯỜNG CÂN VOI
16	20/04/2020	STN-004066	TIỂU GIÀU - TRẠNG LƯỜNG CÂN VOI
17	20/04/2020	STN-004067	TIỂU GIÀU - TRẠNG LƯỜNG CÂN VOI
18	20/04/2020	STN-004068	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
19	20/04/2020	STN-004069	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
20	20/04/2020	STN-004070	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
21	20/04/2020	STN-004071	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
22	20/04/2020	STN-004072	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
23	20/04/2020	STN-004073	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
24	20/04/2020	STN-004074	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
25	20/04/2020	STN-004075	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Đại học sư phạm	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Văn nghệ	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Văn nghệ	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Văn nghệ	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Văn nghệ	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Văn nghệ	TPHCM	2012	15,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004076	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
2	20/04/2020	STN-004077	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
3	20/04/2020	STN-004078	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
4	20/04/2020	STN-004079	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
5	20/04/2020	STN-004080	ĐỖ BIÊN THÙY - NGUYỄN TRUNG TRỰC LỬA HỒNG NHẬT TẢO
6	20/04/2020	STN-004081	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
7	20/04/2020	STN-004082	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
8	20/04/2020	STN-004083	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
9	20/04/2020	STN-004084	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
10	20/04/2020	STN-004085	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
11	20/04/2020	STN-004086	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
12	20/04/2020	STN-004087	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
13	20/04/2020	STN-004088	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
14	20/04/2020	STN-004089	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
15	20/04/2020	STN-004090	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
16	20/04/2020	STN-004091	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
17	20/04/2020	STN-004092	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
18	20/04/2020	STN-004093	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
19	20/04/2020	STN-004094	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
20	20/04/2020	STN-004095	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN QUỐC TOẢN TUỔI TRẺ ANH HÙNG
21	20/04/2020	STN-004096	ĐỖ BIÊN THÙY - THÁNH GIÓNG NGỰA SẮT TUNG HOÀNH
22	20/04/2020	STN-004097	ĐỖ BIÊN THÙY - THÁNH GIÓNG NGỰA SẮT TUNG HOÀNH
23	20/04/2020	STN-004098	ĐỖ BIÊN THÙY - THÁNH GIÓNG NGỰA SẮT TUNG HOÀNH
24	20/04/2020	STN-004099	ĐỖ BIÊN THÙY - THÁNH GIÓNG NGỰA SẮT TUNG HOÀNH
25	20/04/2020	STN-004100	ĐỖ BIÊN THÙY - THÁNH GIÓNG NGỰA SẮT TUNG HOÀNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004101	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
2	20/04/2020	STN-004102	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
3	20/04/2020	STN-004103	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
4	20/04/2020	STN-004104	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
5	20/04/2020	STN-004105	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
6	20/04/2020	STN-004106	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
7	20/04/2020	STN-004107	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
8	20/04/2020	STN-004108	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
9	20/04/2020	STN-004109	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
10	20/04/2020	STN-004110	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
11	20/04/2020	STN-004111	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
12	20/04/2020	STN-004112	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
13	20/04/2020	STN-004113	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
14	20/04/2020	STN-004114	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
15	20/04/2020	STN-004115	ĐỖ BIÊN THÙY - QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH
16	20/04/2020	STN-004116	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
17	20/04/2020	STN-004117	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
18	20/04/2020	STN-004118	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
19	20/04/2020	STN-004119	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
20	20/04/2020	STN-004120	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
21	20/04/2020	STN-004121	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
22	20/04/2020	STN-004122	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
23	20/04/2020	STN-004123	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
24	20/04/2020	STN-004124	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
25	20/04/2020	STN-004125	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004126	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
2	20/04/2020	STN-004127	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
3	20/04/2020	STN-004128	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
4	20/04/2020	STN-004129	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
5	20/04/2020	STN-004130	ĐỖ BIÊN THÙY - HAI BÀ TRƯNG LỬA CHÁY THÀNH LUY LÂU
6	20/04/2020	STN-004131	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
7	20/04/2020	STN-004132	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
8	20/04/2020	STN-004133	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
9	20/04/2020	STN-004134	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
10	20/04/2020	STN-004135	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
11	20/04/2020	STN-004136	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
12	20/04/2020	STN-004137	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
13	20/04/2020	STN-004138	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
14	20/04/2020	STN-004139	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
15	20/04/2020	STN-004140	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
16	20/04/2020	STN-004141	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
17	20/04/2020	STN-004142	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
18	20/04/2020	STN-004143	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
19	20/04/2020	STN-004144	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
20	20/04/2020	STN-004145	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
21	20/04/2020	STN-004146	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
22	20/04/2020	STN-004147	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
23	20/04/2020	STN-004148	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
24	20/04/2020	STN-004149	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
25	20/04/2020	STN-004150	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2008	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004151	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
2	20/04/2020	STN-004152	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
3	20/04/2020	STN-004153	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
4	20/04/2020	STN-004154	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
5	20/04/2020	STN-004155	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
6	20/04/2020	STN-004156	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
7	20/04/2020	STN-004157	ĐỖ BIÊN THÙY - TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI CHIẾN BẠCH ĐẰNG
8	20/04/2020	STN-004158	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
9	20/04/2020	STN-004159	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
10	20/04/2020	STN-004160	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
11	20/04/2020	STN-004161	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
12	20/04/2020	STN-004162	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
13	20/04/2020	STN-004163	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
14	20/04/2020	STN-004164	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
15	20/04/2020	STN-004165	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
16	20/04/2020	STN-004166	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ NAM ĐẾ
17	20/04/2020	STN-004167	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ NAM ĐẾ
18	20/04/2020	STN-004168	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ NAM ĐẾ
19	20/04/2020	STN-004169	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ NAM ĐẾ
20	20/04/2020	STN-004170	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ NAM ĐẾ
21	20/04/2020	STN-004171	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN MAI HẮC ĐẾ
22	20/04/2020	STN-004172	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN MAI HẮC ĐẾ
23	20/04/2020	STN-004173	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN MAI HẮC ĐẾ
24	20/04/2020	STN-004174	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN MAI HẮC ĐẾ
25	20/04/2020	STN-004175	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN MAI HẮC ĐẾ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004176	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ THÁI TỔ
2	20/04/2020	STN-004177	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ THÁI TỔ
3	20/04/2020	STN-004178	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ THÁI TỔ
4	20/04/2020	STN-004179	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ THÁI TỔ
5	20/04/2020	STN-004180	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN LÝ THÁI TỔ
6	20/04/2020	STN-004181	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN AN DƯƠNG VƯƠNG
7	20/04/2020	STN-004182	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN AN DƯƠNG VƯƠNG
8	20/04/2020	STN-004183	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN AN DƯƠNG VƯƠNG
9	20/04/2020	STN-004184	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN AN DƯƠNG VƯƠNG
10	20/04/2020	STN-004185	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN AN DƯƠNG VƯƠNG
11	20/04/2020	STN-004186	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN NGÔ VƯƠNG QUYỀN
12	20/04/2020	STN-004187	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN NGÔ VƯƠNG QUYỀN
13	20/04/2020	STN-004188	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN NGÔ VƯƠNG QUYỀN
14	20/04/2020	STN-004189	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN NGÔ VƯƠNG QUYỀN
15	20/04/2020	STN-004190	NGUYỄN VIỆT HÀ - CÁC VỊ VUA HIỀN NGÔ VƯƠNG QUYỀN
16	20/04/2020	STN-004191	PHẠM QUANG VINH - MAI THÚC LOAN KHỞI NGHĨA HOAN CHÂU
17	20/04/2020	STN-004192	PHẠM QUANG VINH - MAI THÚC LOAN KHỞI NGHĨA HOAN CHÂU
18	20/04/2020	STN-004193	PHẠM QUANG VINH - MAI THÚC LOAN KHỞI NGHĨA HOAN CHÂU
19	20/04/2020	STN-004194	PHẠM QUANG VINH - MAI THÚC LOAN KHỞI NGHĨA HOAN CHÂU
20	20/04/2020	STN-004195	PHẠM QUANG VINH - MAI THÚC LOAN KHỞI NGHĨA HOAN CHÂU
21	20/04/2020	STN-004196	PHẠM QUANG VINH - LƯƠNG THẾ VINH ÔNG TRẠNG TOÁN KÌ TÀI
22	20/04/2020	STN-004197	PHẠM QUANG VINH - LƯƠNG THẾ VINH ÔNG TRẠNG TOÁN KÌ TÀI
23	20/04/2020	STN-004198	PHẠM QUANG VINH - LƯƠNG THẾ VINH ÔNG TRẠNG TOÁN KÌ TÀI
24	20/04/2020	STN-004199	PHẠM QUANG VINH - LƯƠNG THẾ VINH ÔNG TRẠNG TOÁN KÌ TÀI
25	20/04/2020	STN-004200	PHẠM QUANG VINH - LƯƠNG THẾ VINH ÔNG TRẠNG TOÁN KÌ TÀI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004201	PHẠM QUANG VINH - LÊ LAI LIỀU MÌNH CỨU CHÚA
2	20/04/2020	STN-004202	PHẠM QUANG VINH - LÊ LAI LIỀU MÌNH CỨU CHÚA
3	20/04/2020	STN-004203	PHẠM QUANG VINH - LÊ LAI LIỀU MÌNH CỨU CHÚA
4	20/04/2020	STN-004204	PHẠM QUANG VINH - LÊ LAI LIỀU MÌNH CỨU CHÚA
5	20/04/2020	STN-004205	PHẠM QUANG VINH - LÊ LAI LIỀU MÌNH CỨU CHÚA
6	20/04/2020	STN-004206	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
7	20/04/2020	STN-004207	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
8	20/04/2020	STN-004208	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
9	20/04/2020	STN-004209	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
10	20/04/2020	STN-004210	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
11	20/04/2020	STN-004211	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
12	20/04/2020	STN-004212	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
13	20/04/2020	STN-004213	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
14	20/04/2020	STN-004214	AN CƯƠNG - BÀ TRIỆU
15	20/04/2020	STN-004215	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
16	20/04/2020	STN-004216	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
17	20/04/2020	STN-004217	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
18	20/04/2020	STN-004218	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
19	20/04/2020	STN-004219	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
20	20/04/2020	STN-004220	NAM VIỆT - LÝ CÔNG UẨN
21	20/04/2020	STN-004221	NAM VIỆT - LÝ CÔNG UẨN
22	20/04/2020	STN-004222	NAM VIỆT - LÝ CÔNG UẨN
23	20/04/2020	STN-004223	NAM VIỆT - LÝ CÔNG UẨN
24	20/04/2020	STN-004224	NAM VIỆT - LÝ CÔNG UẨN
25	20/04/2020	STN-004225	NAM VIỆT - ĐINH BỘ LĨNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2014	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004226	NAM VIỆT - ĐINH BỘ LĨNH
2	20/04/2020	STN-004227	NAM VIỆT - ĐINH BỘ LĨNH
3	20/04/2020	STN-004228	NAM VIỆT - ĐINH BỘ LĨNH
4	20/04/2020	STN-004229	NAM VIỆT - ĐINH BỘ LĨNH
5	20/04/2020	STN-004230	HOÀNG LAM - LÊ LỢI
6	20/04/2020	STN-004231	HOÀNG LAM - LÊ LỢI
7	20/04/2020	STN-004232	HOÀNG LAM - NHỤY KIỀU TƯỚNG QUÂN BÀ TRIỆU
8	20/04/2020	STN-004233	HOÀNG LAM - NHỤY KIỀU TƯỚNG QUÂN BÀ TRIỆU
9	20/04/2020	STN-004234	HOÀNG LAM - TRẦN BÌNH TRỌNG
10	20/04/2020	STN-004235	HOÀNG LAM - TRẦN BÌNH TRỌNG
11	20/04/2020	STN-004236	HOÀNG LAM - TRẦN BÌNH TRỌNG
12	20/04/2020	STN-004237	HOÀNG LAM - LÊ QUÝ ĐÔN
13	20/04/2020	STN-004238	HOÀNG LAM - LÊ QUÝ ĐÔN
14	20/04/2020	STN-004239	HOÀNG LAM - NGUYỄN HUỆ
15	20/04/2020	STN-004240	HOÀNG LAM - NGUYỄN HUỆ
16	20/04/2020	STN-004241	HOÀNG LAM - NGUYỄN HUỆ
17	20/04/2020	STN-004242	HOÀNG LAM - NGUYỄN HUỆ
18	20/04/2020	STN-004243	HOÀNG LAM - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
19	20/04/2020	STN-004244	HOÀNG LAM - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
20	20/04/2020	STN-004245	HOÀNG LAM - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
21	20/04/2020	STN-004246	HOÀNG LAM - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
22	20/04/2020	STN-004247	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
23	20/04/2020	STN-004248	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
24	20/04/2020	STN-004249	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
25	20/04/2020	STN-004250	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/04/2020	STN-004251	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
2	20/04/2020	STN-004252	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
3	20/04/2020	STN-004253	HOÀNG LAM - NGÔ QUYỀN ĐẠI PHÁ QUÂN NAM HÁN
4	20/04/2020	STN-004254	HOÀNG LAM - NGÔ QUYỀN ĐẠI PHÁ QUÂN NAM HÁN
5	20/04/2020	STN-004255	HOÀNG LAM - TRẦN HƯNG ĐẠO BẠCH ĐẰNG GIANG NỔI SỐNG
6	21/04/2020	STN-004256	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
7	21/04/2020	STN-004257	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
8	21/04/2020	STN-004258	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
9	21/04/2020	STN-004259	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
10	21/04/2020	STN-004260	NHỮ NGUYÊN - KHÔNG CHỈ BẰNG CHÂN
11	21/04/2020	STN-004261	NHỮ NGUYÊN - KHÔNG CHỈ BẰNG CHÂN
12	21/04/2020	STN-004262	NHỮ NGUYÊN - KHÔNG CHỈ BẰNG CHÂN
13	21/04/2020	STN-004263	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI
14	21/04/2020	STN-004264	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI
15	21/04/2020	STN-004265	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI
16	21/04/2020	STN-004266	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI
17	21/04/2020	STN-004267	VIỆT THẮNG - LIỀU THUỐC THÔNG MINH
18	21/04/2020	STN-004268	VIỆT THẮNG - LIỀU THUỐC THÔNG MINH
19	21/04/2020	STN-004269	VIỆT THẮNG - LIỀU THUỐC THÔNG MINH
20	21/04/2020	STN-004270	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ
21	21/04/2020	STN-004271	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ
22	21/04/2020	STN-004272	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI
23	21/04/2020	STN-004273	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI
24	21/04/2020	STN-004274	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI
25	21/04/2020	STN-004275	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/04/2020	STN-004276	THU NGÂN - THIÊN NHIÊN TRONG VƯỜN THÚ
2	21/04/2020	STN-004277	NGUYỄN NHƯ MAI - KỂ CHUYỆN CON MẮT
3	21/04/2020	STN-004278	NGUYỄN NHƯ MAI - KỂ CHUYỆN CON MẮT
4	21/04/2020	STN-004279	NGUYỄN NHƯ MAI - KỂ CHUYỆN CON MẮT
5	21/04/2020	STN-004280	PHƯƠNG TRANG - BẢN NHẠC CỦA THỎ TRẮNG
6	21/04/2020	STN-004281	PHƯƠNG TRANG - BẢN NHẠC CỦA THỎ TRẮNG
7	21/04/2020	STN-004282	PHƯƠNG TRANG - BẢN NHẠC CỦA THỎ TRẮNG
8	21/04/2020	STN-004283	PHƯƠNG TRANG - BẢN NHẠC CỦA THỎ TRẮNG
9	21/04/2020	STN-004284	PHƯƠNG TRANG - BẢN NHẠC CỦA THỎ TRẮNG
10	21/04/2020	STN-004285	TRƯƠNG QUA - ẾCH CON KHOÁC LÁC
11	21/04/2020	STN-004286	TRƯƠNG QUA - ẾCH CON KHOÁC LÁC
12	21/04/2020	STN-004287	TRƯƠNG QUA - ẾCH CON KHOÁC LÁC
13	21/04/2020	STN-004288	TRƯƠNG QUA - ẾCH CON KHOÁC LÁC
14	21/04/2020	STN-004289	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
15	21/04/2020	STN-004290	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
16	21/04/2020	STN-004291	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
17	21/04/2020	STN-004292	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
18	21/04/2020	STN-004293	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
19	21/04/2020	STN-004294	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
20	21/04/2020	STN-004295	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
21	21/04/2020	STN-004296	SONG HÀ - BA CHÚ KHỈ CON
22	21/04/2020	STN-004297	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
23	21/04/2020	STN-004298	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
24	21/04/2020	STN-004299	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
25	21/04/2020	STN-004300	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/04/2020	STN-004301	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
2	21/04/2020	STN-004302	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
3	21/04/2020	STN-004303	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
4	21/04/2020	STN-004304	DIÊM ĐIỀN - SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG
5	21/04/2020	STN-004305	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
6	21/04/2020	STN-004306	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
7	21/04/2020	STN-004307	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
8	21/04/2020	STN-004308	KIM KHÁNH - QUAN HUYỆN HIẾU THẢO
9	21/04/2020	STN-004309	KIM KHÁNH - ĐÔI GIÀY MỚI
10	21/04/2020	STN-004310	DUNG QUANG - LINH RÒM DŨNG CẢM
11	21/04/2020	STN-004311	KIM KHÁNH - CHIẾC XE ĐẠP
12	21/04/2020	STN-004312	KIM KHÁNH - LÁNG GIỀNG
13	21/04/2020	STN-004313	KIM KHÁNH - LÁNG GIỀNG
14	21/04/2020	STN-004314	KIM HOA - NHỮNG ĐỨA TRẺ LÀNG HOA
15	21/04/2020	STN-004315	KIM HOA - NHỮNG ĐỨA TRẺ LÀNG HOA
16	21/04/2020	STN-004316	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
17	21/04/2020	STN-004317	LÊ TRƯỜNG - CÔ BÉ NHÂN HẬU
18	21/04/2020	STN-004318	NGUYỄN THỊ TUYẾT - KỶ NIỆM TUỔI THƠ
19	21/04/2020	STN-004319	NGUYỄN THỊ TUYẾT - KỶ NIỆM TUỔI THƠ
20	21/04/2020	STN-004320	LISA MAGLOFF - BƯỚM
21	21/04/2020	STN-004321	LISA MAGLOFF - VƯỢN KHÔNG ĐUÔI
22	21/04/2020	STN-004322	LISA MAGLOFF - CHÓ CON
23	21/04/2020	STN-004323	LISA MAGLOFF - MÈO CON
24	21/04/2020	STN-004324	ALAIN JOST - DÊ CON
25	21/04/2020	STN-004325	ALAIN JOST - DÊ CON

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2012	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2011	5,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Đồng Nai	TPHCM	2011	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/04/2020	STN-004326	MARIE DUVAL - SÓI CON
2	21/04/2020	STN-004327	MARIE DUVAL - SÓI CON
3	21/04/2020	STN-004328	ALAIN JOST - VOI CON
4	21/04/2020	STN-004329	MARIE DUVAL - HƯƠU CON
5	21/04/2020	STN-004330	MARIE DUVAL - NGỰA CON
6	21/04/2020	STN-004331	MARIE DUVAL - NGỰA CON
7	21/04/2020	STN-004332	ALAIN JOST - CHÓ CON
8	21/04/2020	STN-004333	ALAIN JOST - CHÓ CON
9	21/04/2020	STN-004334	MARIE DUVAL - GẤU CON
10	21/04/2020	STN-004335	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
11	21/04/2020	STN-004336	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
12	21/04/2020	STN-004337	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
13	21/04/2020	STN-004338	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
14	21/04/2020	STN-004339	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
15	21/04/2020	STN-004340	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
16	21/04/2020	STN-004341	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
17	21/04/2020	STN-004342	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
18	21/04/2020	STN-004343	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
19	21/04/2020	STN-004344	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
20	21/04/2020	STN-004345	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
21	21/04/2020	STN-004346	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
22	21/04/2020	STN-004347	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
23	21/04/2020	STN-004348	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
24	21/04/2020	STN-004349	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
25	21/04/2020	STN-004350	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/04/2020	STN-004351	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
2	21/04/2020	STN-004352	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
3	21/04/2020	STN-004353	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
4	21/04/2020	STN-004354	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
5	21/04/2020	STN-004355	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
6	21/04/2020	STN-004356	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
7	21/04/2020	STN-004357	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
8	21/04/2020	STN-004358	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
9	21/04/2020	STN-004359	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
10	21/04/2020	STN-004360	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
11	21/04/2020	STN-004361	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
12	21/04/2020	STN-004362	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
13	21/04/2020	STN-004363	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
14	21/04/2020	STN-004364	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
15	21/04/2020	STN-004365	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
16	21/04/2020	STN-004366	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
17	21/04/2020	STN-004367	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
18	21/04/2020	STN-004368	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
19	21/04/2020	STN-004369	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
20	21/04/2020	STN-004370	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
21	21/04/2020	STN-004371	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
22	21/04/2020	STN-004372	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
23	21/04/2020	STN-004373	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
24	21/04/2020	STN-004374	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
25	21/04/2020	STN-004375	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/04/2020	STN-004376	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
2	21/04/2020	STN-004377	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
3	21/04/2020	STN-004378	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
4	21/04/2020	STN-004379	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
5	21/04/2020	STN-004380	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
6	21/04/2020	STN-004381	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
7	21/04/2020	STN-004382	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
8	21/04/2020	STN-004383	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
9	21/04/2020	STN-004384	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
10	21/04/2020	STN-004385	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
11	21/04/2020	STN-004386	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
12	21/04/2020	STN-004387	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
13	21/04/2020	STN-004388	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
14	21/04/2020	STN-004389	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
15	21/04/2020	STN-004390	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
16	21/04/2020	STN-004391	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
17	21/04/2020	STN-004392	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
18	21/04/2020	STN-004393	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
19	21/04/2020	STN-004394	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
20	21/04/2020	STN-004395	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
21	21/04/2020	STN-004396	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
22	21/04/2020	STN-004397	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
23	21/04/2020	STN-004398	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
24	21/04/2020	STN-004399	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
25	21/04/2020	STN-004400	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/04/2020	STN-004401	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
2	21/04/2020	STN-004402	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
3	21/04/2020	STN-004403	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
4	21/04/2020	STN-004404	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
5	21/04/2020	STN-004405	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
6	21/04/2020	STN-004406	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
7	21/04/2020	STN-004407	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
8	21/04/2020	STN-004408	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
9	21/04/2020	STN-004409	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
10	21/04/2020	STN-004410	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
11	21/04/2020	STN-004411	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
12	21/04/2020	STN-004412	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
13	21/04/2020	STN-004413	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ - CẬU BÉ THÔNG MINH
14	21/04/2020	STN-004414	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
15	21/04/2020	STN-004415	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
16	21/04/2020	STN-004416	PHƯƠNG TRANG - BẢN NHẠC CỦA THỎ TRẮNG
17	21/04/2020	STN-004417	NHẬT TÂN - CẢM ƠN AI
18	21/04/2020	STN-004418	NGUYỄN TRÍ CÔNG - CHÚ BÉ BỊ PHÙ PHÉP
19	21/04/2020	STN-004419	NGUYỄN TRÍ CÔNG - CHÚ BÉ BỊ PHÙ PHÉP
20	21/04/2020	STN-004420	NGUYỄN TRÍ CÔNG - CHÚ BÉ BỊ PHÙ PHÉP
21	21/04/2020	STN-004421	DUY DŨNG - HOA LỬA
22	21/04/2020	STN-004422	NHIÊN HÀ - CẬU BÉ TÍCH CHU
23	21/04/2020	STN-004423	NHIÊN HÀ - CẬU BÉ TÍCH CHU
24	21/04/2020	STN-004424	NHIÊN HÀ - CẬU BÉ TÍCH CHU
25	21/04/2020	STN-004425	NHIÊN HÀ - CẬU BÉ TÍCH CHU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	12,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/04/2020	STN-004426	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
2	21/04/2020	STN-004427	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - THỎ VÀ NHÍM
3	21/04/2020	STN-004428	NGUYỄN THỊ THANH THỦY - ĐỎ VÀ XANH
4	21/04/2020	STN-004429	NGUYỄN THỊ THANH THỦY - ĐỎ VÀ XANH
5	21/04/2020	STN-004430	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - ĐÔI BẠN HẠC VÀ CÁO
6	21/04/2020	STN-004431	PHƯƠNG THẢO - CHUYỆN LY KỲ VỀ KIẾP TRƯỚC CỦA VUA LÝ NHÂN TÔNG
7	21/04/2020	STN-004432	MẠNH TÂM - TRẠNG NGUYÊN LƯƠNG THẾ VINH LÀM PHU KHIÊNG KIỆU NHƯ THẾ NÀO
8	21/04/2020	STN-004433	PHƯƠNG THẢO - TUỔI THANH XUÂN CỦA DANH TƯỚNG TRỊNH KHẢ
9	21/04/2020	STN-004434	MẠNH TÂM - CHUYỆN XÉT ÁN CỦA HOÀNG GIÁP NGUYỄN MẠI
10	21/04/2020	STN-004435	PHƯƠNG THẢO - KÍNH THAY LÝ ĐẠO TÁI
11	21/04/2020	STN-004436	PHƯƠNG THẢO - KÍNH THAY LÝ ĐẠO TÁI
12	21/04/2020	STN-004437	PHƯƠNG THẢO - KÍNH THAY LÝ ĐẠO TÁI
13	21/04/2020	STN-004438	PHƯƠNG THẢO - KÍNH THAY LÝ ĐẠO TÁI
14	22/04/2020	STK-003881	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA-HA-BA-RA-TA
15	22/04/2020	STK-003882	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA-HA-BA-RA-TA
16	22/04/2020	STK-003883	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA-HA-BA-RA-TA
17	22/04/2020	STK-003884	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA-HA-BA-RA-TA
18	22/04/2020	STK-003885	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ RU-MA-NI
19	22/04/2020	STK-003886	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ RU-MA-NI
20	22/04/2020	STK-003887	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ RU-MA-NI
21	22/04/2020	STK-003888	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ RU-MA-NI
22	22/04/2020	STK-003889	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ DI-GAN
23	22/04/2020	STK-003890	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ DI-GAN
24	22/04/2020	STK-003891	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ DI-GAN
25	22/04/2020	STK-003892	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ DI-GAN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV29	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV29	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV29	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STK-003893	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ BÔ-HÊ-MI-A
2	22/04/2020	STK-003894	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ BÔ-HÊ-MI-A
3	22/04/2020	STK-003895	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ BÔ-HÊ-MI-A
4	22/04/2020	STK-003896	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ BÔ-HÊ-MI-A
5	22/04/2020	STK-003897	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA RỐC
6	22/04/2020	STK-003898	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA RỐC
7	22/04/2020	STK-003899	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA RỐC
8	22/04/2020	STK-003900	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ MA RỐC
9	22/04/2020	STK-003901	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ TÂY TẠNG
10	22/04/2020	STK-003902	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ TÂY TẠNG
11	22/04/2020	STK-003903	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ TÂY TẠNG
12	22/04/2020	STK-003904	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ TÂY TẠNG
13	22/04/2020	STK-003905	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ TRIỀU TIÊN
14	22/04/2020	STK-003906	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ TRIỀU TIÊN
15	22/04/2020	STK-003907	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ TRIỀU TIÊN
16	22/04/2020	STK-003908	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ XI-BIA
17	22/04/2020	STK-003909	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ XI-BIA
18	22/04/2020	STK-003910	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ XI-BIA
19	22/04/2020	STK-003911	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ XI-BIA
20	22/04/2020	STK-003912	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ ÉT-KI-MÔ
21	22/04/2020	STK-003913	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ ÉT-KI-MÔ
22	22/04/2020	STK-003914	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ ÉT-KI-MÔ
23	22/04/2020	STK-003915	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ ÉT-KI-MÔ
24	22/04/2020	STK-003916	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ CHÂU PHI
25	22/04/2020	STK-003917	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ CHÂU PHI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STK-003918	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ CHÂU PHI
2	22/04/2020	STK-003919	LÊ THANH LỘC - TRUYỆN CỔ CHÂU PHI
3	22/04/2020	STK-003920	SONG MAI - NHÀ VẬT LÝ ANH-XTANH
4	22/04/2020	STK-003921	SONG MAI - NHÀ VẬT LÝ ANH-XTANH
5	22/04/2020	STK-003922	SONG MAI - NHÀ HÓA HỌC MA-RI-QUI-RI
6	22/04/2020	STK-003923	SONG MAI - NHÀ HÓA HỌC MA-RI-QUI-RI
7	22/04/2020	STK-003924	SONG MAI - NHÀ TOÁN HỌC LEONA-Ơ-LE
8	22/04/2020	STK-003925	SONG MAI - NHÀ TOÁN HỌC LEONA-Ơ-LE
9	22/04/2020	STK-003926	SONG MAI - NHÀ TOÁN HỌC LEONA-Ơ-LE
10	22/04/2020	STK-003927	SONG MAI - NHÀ BÁC HỌC NÔ-BEN
11	22/04/2020	STK-003928	SONG MAI - NHÀ BÁC HỌC NÔ-BEN
12	22/04/2020	STK-003929	SONG MAI - NHÀ BÁC HỌC NÔ-BEN
13	22/04/2020	STK-003930	SONG MAI - CÁC NHÀ BÁC HỌC LU-I-PAXTO & RÔ-BE-CÔC
14	22/04/2020	STK-003931	SONG MAI - CÁC NHÀ BÁC HỌC LU-I-PAXTO & RÔ-BE-CÔC
15	22/04/2020	STK-003932	SONG MAI - CÁC NHÀ BÁC HỌC LU-I-PAXTO & RÔ-BE-CÔC
16	22/04/2020	STK-003933	SONG MAI - NHÀ VĂN AN-ĐEC-XEN
17	22/04/2020	STK-003934	SONG MAI - NHÀ VĂN AN-ĐEC-XEN
18	22/04/2020	STK-003935	SONG MAI - NHÀ VĂN AN-ĐEC-XEN
19	22/04/2020	STK-003936	SONG MAI - NHÀ VẬT LÝ NIU-TƠN & PÔPOP
20	22/04/2020	STK-003937	SONG MAI - NHÀ VẬT LÝ NIU-TƠN & PÔPOP
21	22/04/2020	STK-003938	SONG MAI - NHÀ VẬT LÝ NIU-TƠN & PÔPOP
22	22/04/2020	STK-003939	SONG MAI - DANH HỌA LÊ-Ô-NA-ĐỜ-VANH-XI
23	22/04/2020	STK-003940	SONG MAI - DANH HỌA LÊ-Ô-NA-ĐỜ-VANH-XI
24	22/04/2020	STK-003941	SONG MAI - DANH HỌA LÊ-Ô-NA-ĐỜ-VANH-XI
25	22/04/2020	STK-003942	SONG MAI - CÁC NHÀ VĂN ĐÍCH-KEN & VIC-TO-HUY-GO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	27,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	12,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	12,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	12,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	12,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	12,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	12,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	12,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	20,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	20,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	20,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	20,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	20,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	20,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STK-003943	SONG MAI - CÁC NHÀ VĂN ĐÍCH-KEN & VIC-TO-HUY-GO
2	22/04/2020	STK-003944	SONG MAI - CÁC NHÀ VĂN ĐÍCH-KEN & VIC-TO-HUY-GO
3	22/04/2020	STK-003945	SONG MAI - NHÀ TOÁN HỌC EVARIT-GA-LOA
4	22/04/2020	STK-003946	SONG MAI - NHÀ TOÁN HỌC EVARIT-GA-LOA
5	22/04/2020	STK-003947	SONG MAI - NHÀ TOÁN HỌC EVARIT-GA-LOA
6	22/04/2020	STK-003948	SONG MAI - NHÀ PHÁT MINH Ê-ĐI-XƠN
7	22/04/2020	STK-003949	SONG MAI - NHÀ PHÁT MINH Ê-ĐI-XƠN
8	22/04/2020	STK-003950	SONG MAI - NHÀ PHÁT MINH Ê-ĐI-XƠN
9	22/04/2020	STK-003951	SONG MAI - NHẠC SĨ BET-TÔ-VEN
10	22/04/2020	STK-003952	SONG MAI - NHẠC SĨ BET-TÔ-VEN
11	22/04/2020	STK-003953	SONG MAI - NHẠC SĨ BET-TÔ-VEN
12	22/04/2020	STK-003954	NHIỀU TÁC GIẢ - TRÁI TIM NGƯỜI MẸ
13	22/04/2020	STK-003955	NHIỀU TÁC GIẢ - TRÁI TIM NGƯỜI MẸ
14	22/04/2020	STK-003956	NHIỀU TÁC GIẢ - TRÁI TIM CÓ ĐIỀU KỲ DIỆU
15	22/04/2020	STK-003957	NHIỀU TÁC GIẢ - TRÁI TIM CÓ ĐIỀU KỲ DIỆU
16	22/04/2020	STK-003958	NHIỀU TÁC GIẢ - TRÁI TIM CÓ ĐIỀU KỲ DIỆU
17	22/04/2020	STK-003959	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG VÒNG TAY ÂU YẾM
18	22/04/2020	STK-003960	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG VÒNG TAY ÂU YẾM
19	22/04/2020	STK-003961	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG VÒNG TAY ÂU YẾM
20	22/04/2020	STK-003962	HƯƠNG LAN - ĐÔI TAY CỦA MẸ
21	22/04/2020	STK-003963	HOA ĐÀO - NIỀM KỲ VỌNG CỦA MẸ
22	22/04/2020	STK-003964	HOA ĐÀO - NIỀM KỲ VỌNG CỦA MẸ
23	22/04/2020	STK-003965	NHIỀU TÁC GIẢ - QUÀ TẶNG CỦA CUỘC SỐNG
24	22/04/2020	STK-003966	NHIỀU TÁC GIẢ - QUÀ TẶNG CỦA CUỘC SỐNG
25	22/04/2020	STK-003967	THY HUYÊN - ĐÔI CÁNH THIÊN THẦN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	19,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	19,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	19,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	16,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	16,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	16,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,500	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,500	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2005	14,500	VN	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STK-003968	THY HUYÊN - ĐÔI CÁNH THIÊN THẦN
2	22/04/2020	STK-003969	TRẦN TIẾN CAO ĐĂNG - TRÁI TIM NGƯỜI THẦY
3	22/04/2020	STK-003970	TRẦN TIẾN CAO ĐĂNG - TRÁI TIM NGƯỜI THẦY
4	22/04/2020	STK-003971	NHIỀU TÁC GIẢ - TẤM LÒNG NGƯỜI CHA
5	22/04/2020	STK-003972	NGUYỄN KHẮC THUẦN - BỐN MƯƠI 40 GIAI THOẠI TỪ THỜI HÙNG VƯƠNG ĐẾN HẾT THẾ KỈ X
6	22/04/2020	STK-003973	NGUYỄN KHẮC THUẦN - NĂM MƯƠI MỐT 51 GIAI THOẠI THỜI LÝ
7	22/04/2020	STK-003974	NGUYỄN KHẮC THUẦN - BẢY MƯƠI MỐT 71 GIAI THOẠI THỜI TRẦN
8	22/04/2020	STK-003975	NGUYỄN KHẮC THUẦN - BA MƯƠI SÁU 36 GIAI THOẠI THỜI HỒ VÀ THỜI THUỘC MINH
9	22/04/2020	STK-003976	NGUYỄN KHẮC THUẦN - SÁU MƯƠI HAI 62 GIAI THOẠI THỜI LÊ SƠ
10	22/04/2020	STK-003977	NGUYỄN KHẮC THUẦN - SÁU MƯƠI LĂM 65 GIAI THOẠI THẾ KỈ XVI-XVII
11	22/04/2020	STK-003978	NGUYỄN KHẮC THUẦN - SÁU MƯƠI CHÍN 69 GIAI THOẠI THẾ KỈ XVIII
12	22/04/2020	STK-003979	NGUYỄN KHẮC THUẦN - BỐN MƯƠI LĂM 45 GIAI THOẠI THẾ KỈ XIX
13	22/04/2020	STK-003980	NGUYỄN KHẮC THUẦN - DANH TƯỚNG LAM SƠN
14	22/04/2020	STK-003981	ĐINH CÔNG TÂM - KỂ CHUYỆN LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ
15	22/04/2020	STK-003982	ĐINH CÔNG TÂM - KỂ CHUYỆN LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ
16	22/04/2020	STK-003983	ĐINH CÔNG TÂM - KỂ CHUYỆN LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ
17	22/04/2020	STK-003984	ĐINH CÔNG TÂM - KỂ CHUYỆN LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ
18	22/04/2020	STK-003985	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN I
19	22/04/2020	STK-003986	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN I
20	22/04/2020	STK-003987	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN II
21	22/04/2020	STK-003988	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN II
22	22/04/2020	STK-003989	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN III
23	22/04/2020	STK-003990	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN III
24	22/04/2020	STK-003991	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN IV
25	22/04/2020	STK-003992	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN IV

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	14,500	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,500	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,500	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	15,500	VN	3							
Giáo dục	HN	2005	7,200	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	5,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,200	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	7,400	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	9,200	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	9,800	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,600	9(V)	3							
Giáo dục	HN	2004	13,200	9(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,500	9(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,500	9(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,500	9(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,500	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	10,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	10,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	9,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	9,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	12,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	12,000	9(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STK-003993	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN V
2	22/04/2020	STK-003994	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN V
3	22/04/2020	STK-003995	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN VI
4	22/04/2020	STK-003996	TRẦN QUỐC VƯỢNG - NGHÌN XƯA VĂN HIẾN VI
5	22/04/2020	STK-003997	HÀ BÌNH NHƯỠNG - TẦM CAO LÒNG MẸ
6	22/04/2020	STK-003998	HÀ BÌNH NHƯỠNG - TẦM CAO LÒNG MẸ
7	22/04/2020	STK-003999	HÀ BÌNH NHƯỠNG - TẦM CAO LÒNG MẸ
8	22/04/2020	STK-004000	HÀ BÌNH NHƯỠNG - TẦM CAO LÒNG MẸ
9	22/04/2020	STN-004439	NGUYỄN VĂN CỪ - SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
10	22/04/2020	STN-004440	NGUYỄN VĂN CỪ - SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
11	22/04/2020	STN-004441	NGUYỄN VĂN CỪ - SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
12	22/04/2020	STN-004442	ĐẶNG THỊ BÍCH NGÂN - LẠC LONG QUÂN VÀ ÂU CƠ
13	22/04/2020	STN-004443	ĐẶNG THỊ BÍCH NGÂN - LẠC LONG QUÂN VÀ ÂU CƠ
14	22/04/2020	STN-004444	ĐẶNG THỊ BÍCH NGÂN - BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
15	22/04/2020	STN-004445	ĐẶNG THỊ BÍCH NGÂN - BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
16	22/04/2020	STN-004446	NGUYỄN VĂN CỪ - THẠCH SANH
17	22/04/2020	STN-004447	NGUYỄN VĂN CỪ - THẠCH SANH
18	22/04/2020	STN-004448	NGUYỄN VĂN CỪ - SỰ TÍCH TRẦU CAU
19	22/04/2020	STN-004449	ĐẶNG THỊ BÍCH NGÂN - CÂY TRE TRĂM ĐỐT
20	22/04/2020	STN-004450	ĐẶNG THỊ BÍCH NGÂN - CÂY TRE TRĂM ĐỐT
21	22/04/2020	STN-004451	ĐẶNG THỊ BÍCH NGÂN - THÁNH GIÓNG
22	22/04/2020	STN-004452	VŨ KIM DŨNG - SỌ DỪA
23	22/04/2020	STN-004453	VŨ KIM DŨNG - SỌ DỪA
24	22/04/2020	STN-004454	VŨ KIM DŨNG - SỌ DỪA
25	22/04/2020	STN-004455	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	11,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,500	9(V)	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,500	9(V)	3							
Trẻ	TPHCM	1997	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	30,000	V23	3							
Văn học	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Văn học	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Văn học	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Mỹ thuật	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Mỹ thuật	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Mỹ thuật	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Mỹ thuật	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Văn học	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Văn học	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Văn học	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Mỹ thuật	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Mỹ thuật	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Mỹ thuật	HN	2010	16,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004456	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
2	22/04/2020	STN-004457	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
3	22/04/2020	STN-004458	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
4	22/04/2020	STN-004459	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
5	22/04/2020	STN-004460	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
6	22/04/2020	STN-004461	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
7	22/04/2020	STN-004462	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
8	22/04/2020	STN-004463	VŨ KIM DŨNG - ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH
9	22/04/2020	STN-004464	VŨ KIM DŨNG - TẤM CÁM
10	22/04/2020	STN-004465	VŨ KIM DŨNG - TẤM CÁM
11	22/04/2020	STN-004466	PHẠM QUANG VINH - NGƯỜI THÔI SÁO
12	22/04/2020	STN-004467	PHẠM QUANG VINH - NHỮNG NHẠC SĨ THÀNH BREM
13	22/04/2020	STN-004468	PHẠM QUANG VINH - NHỮNG NHẠC SĨ THÀNH BREM
14	22/04/2020	STN-004469	PHẠM QUANG VINH - NHỮNG NHẠC SĨ THÀNH BREM
15	22/04/2020	STN-004470	PHẠM QUANG VINH - NHỮNG NHẠC SĨ THÀNH BREM
16	22/04/2020	STN-004471	PHẠM QUANG VINH - NHỮNG NHẠC SĨ THÀNH BREM
17	22/04/2020	STN-004472	PHẠM QUANG VINH - CHÚ LÍNH CHÌ DŨNG CẢM
18	22/04/2020	STN-004473	PHẠM QUANG VINH - ÔNG GIÀ VÀ CÁI BƯỚU
19	22/04/2020	STN-004474	PHẠM QUANG VINH - BỘ QUẦN ÁO MỚI CỦA NHÀ VUA
20	22/04/2020	STN-004475	PHẠM QUANG VINH - TÌNH BẠN
21	22/04/2020	STN-004476	PHẠM QUANG VINH - TÌNH BẠN
22	22/04/2020	STN-004477	PHẠM QUANG VINH - TÌNH BẠN
23	22/04/2020	STN-004478	PHẠM QUANG VINH - HÊN-XEN VÀ GRE-TEN
24	22/04/2020	STN-004479	PHẠM QUANG VINH - HÊN-XEN VÀ GRE-TEN
25	22/04/2020	STN-004480	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Dân Trí	HN	2011	12,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004481	PHẠM QUANG VINH - GIẮC VÀ CÂY ĐẬU THẦN
2	22/04/2020	STN-004482	PHẠM QUANG VINH - NGƯỜI CON HIẾU THẢO
3	22/04/2020	STN-004483	PHẠM QUANG VINH - NGƯỜI CON HIẾU THẢO
4	22/04/2020	STN-004484	PHẠM QUANG VINH - NGƯỜI CON HIẾU THẢO
5	22/04/2020	STN-004485	TRẦN QUỐC - SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT
6	22/04/2020	STN-004486	HỒNG HÀ - BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
7	22/04/2020	STN-004487	HỒNG HÀ - BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
8	22/04/2020	STN-004488	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
9	22/04/2020	STN-004489	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
10	22/04/2020	STN-004490	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
11	22/04/2020	STN-004491	MINH QUỐC - TỪ THỨC GẶP TIÊN
12	22/04/2020	STN-004492	NGUYỄN HUY TƯỞNG - CON CÓC LÀ CẬU ÔNG GIỜI
13	22/04/2020	STN-004493	NGUYỄN HUY TƯỞNG - CON CÓC LÀ CẬU ÔNG GIỜI
14	22/04/2020	STN-004494	NGUYỄN HUY TƯỞNG - CON CÓC LÀ CẬU ÔNG GIỜI
15	22/04/2020	STN-004495	DIÊM ĐIỀN - SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG
16	22/04/2020	STN-004496	KIM KHÁNH - THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MẺ KHO
17	22/04/2020	STN-004497	KIM KHÁNH - THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MẺ KHO
18	22/04/2020	STN-004498	KIM KHÁNH - THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MẺ KHO
19	22/04/2020	STN-004499	KIM KHÁNH - THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MẺ KHO
20	22/04/2020	STN-004500	HÙNG LÂN - THIẾU PHỤ NAM XƯƠNG
21	22/04/2020	STN-004501	HÙNG LÂN - THIẾU PHỤ NAM XƯƠNG
22	22/04/2020	STN-004502	HÙNG LÂN - THIẾU PHỤ NAM XƯƠNG
23	22/04/2020	STN-004503	HÙNG LÂN - THIẾU PHỤ NAM XƯƠNG
24	22/04/2020	STN-004504	HÙNG LÂN - SỰ TÍCH TRẦU CAU
25	22/04/2020	STN-004505	HÙNG LÂN - TÊN BỊP BỢM HAI VỢ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004506	HÙNG LÂN - TÊN BỊP BỢM HAI VỢ
2	22/04/2020	STN-004507	HÙNG LÂN - THẠCH SANH LÝ THÔNG
3	22/04/2020	STN-004508	HÙNG LÂN - THẠCH SANH LÝ THÔNG
4	22/04/2020	STN-004509	HÙNG LÂN - THẦN GIỮ CỬA
5	22/04/2020	STN-004510	HÙNG LÂN - THẦN GIỮ CỬA
6	22/04/2020	STN-004511	HÙNG LÂN - THẦN GIỮ CỬA
7	22/04/2020	STN-004512	HÙNG LÂN - SỰ TÍCH CÁ HE
8	22/04/2020	STN-004513	KIM KHÁNH - SỰ TÍCH CON SAM
9	22/04/2020	STN-004514	KIM KHÁNH - SỰ TÍCH CON SAM
10	22/04/2020	STN-004515	KIM KHÁNH - SỰ TÍCH CON SAM
11	22/04/2020	STN-004516	KIM KHÁNH - SỰ TÍCH CON KHỈ
12	22/04/2020	STN-004517	KIM KHÁNH - THẦY PHÁP BẤT ĐẮC DĨ
13	22/04/2020	STN-004518	KIM KHÁNH - THẦY PHÁP BẤT ĐẮC DĨ
14	22/04/2020	STN-004519	KIM KHÁNH - SƠN TINH-THỦY TINH
15	22/04/2020	STN-004520	PHẠM QUANG VINH - CHÀNG TRAI NGHÈO VÀ NÀNG CÔNG CHÚA
16	22/04/2020	STN-004521	PHẠM QUANG VINH - HÒN TRỐNG MÁI
17	22/04/2020	STN-004522	PHẠM QUANG VINH - XỬ KIỆN
18	22/04/2020	STN-004523	PHẠM QUANG VINH - NHỮNG CHÀNG TRAI KỲ TÀI
19	22/04/2020	STN-004524	PHẠM QUANG VINH - SỰ TÍCH CÂY KIM GIAO
20	22/04/2020	STN-004525	PHẠM QUANG VINH - CHIM CHÍCH VÀ CÂY CẢI
21	22/04/2020	STN-004526	PHẠM QUANG VINH - CHIM CHÍCH VÀ CÂY CẢI
22	22/04/2020	STN-004527	PHẠM QUANG VINH - PHÂN XỬ TÀI TÌNH
23	22/04/2020	STN-004528	NHÂN VĂN - MỘT CUỘC THI TÀI
24	22/04/2020	STN-004529	NHÂN VĂN - MỘT CUỘC THI TÀI
25	22/04/2020	STN-004530	NHÂN VĂN - QUAN LỚN MUA VÀNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	ĐN	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	ĐN	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2005	9,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004531	NHÂN VĂN - QUAN LỚN MUA VÀNG
2	22/04/2020	STN-004532	NHÂN VĂN - QUAN LỚN MUA VÀNG
3	22/04/2020	STN-004533	NHÂN VĂN - BA ANH EM
4	22/04/2020	STN-004534	NHÂN VĂN - BA ANH EM
5	22/04/2020	STN-004535	NHÂN VĂN - BA ANH EM
6	22/04/2020	STN-004536	NHÂN VĂN - BA ANH EM
7	22/04/2020	STN-004537	NHÂN VĂN - TẠI ÔNG KHÔNG HỎI
8	22/04/2020	STN-004538	NHÂN VĂN - BẢY CON QUẠ
9	22/04/2020	STN-004539	NHÂN VĂN - CHÀNG NGỐC ĐỐT RẪY
10	22/04/2020	STN-004540	NHÂN VĂN - CHÀNG NGỐC ĐỐT RẪY
11	22/04/2020	STN-004541	NHÂN VĂN - CHÀNG NGỐC ĐỐT RẪY
12	22/04/2020	STN-004542	NHÂN VĂN - CHIM THẦN BUNBULIT
13	22/04/2020	STN-004543	NHÂN VĂN - CHIM THẦN BUNBULIT
14	22/04/2020	STN-004544	NHÂN VĂN - CHÚ BÉ PI-LIP-CA
15	22/04/2020	STN-004545	NHÂN VĂN - CHÚ BÉ PI-LIP-CA
16	22/04/2020	STN-004546	NHÂN VĂN - BẮM QUAN Ạ
17	22/04/2020	STN-004547	NHÂN VĂN - KIẾM RỀ LƯỜI
18	22/04/2020	STN-004548	NHÂN VĂN - KIẾM RỀ LƯỜI
19	22/04/2020	STN-004549	NHÂN VĂN - DUYÊN NỢ TÁI SINH
20	22/04/2020	STN-004550	NHÂN VĂN - DUYÊN NỢ TÁI SINH
21	22/04/2020	STN-004551	NHÂN VĂN - DUYÊN NỢ TÁI SINH
22	22/04/2020	STN-004552	NHÂN VĂN - CON NGỰA THẦN
23	22/04/2020	STN-004553	NHÂN VĂN - CON NGỰA THẦN
24	22/04/2020	STN-004554	NHÂN VĂN - CHÚ LÍNH CHÌ DŨNG CẢM
25	22/04/2020	STN-004555	NHÂN VĂN - CHÚ BÉ TÍ HON

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004556	NHÂN VĂN - CHÚ BÉ TÍ HON
2	22/04/2020	STN-004557	NHÂN VĂN - CHÚ BÉ TÍ HON
3	22/04/2020	STN-004558	NHÂN VĂN - BA ĐIỀU ƯỚC
4	22/04/2020	STN-004559	PHƯƠNG THẢO - SỰ TÍCH CHIM TU HÚ
5	22/04/2020	STN-004560	PHƯƠNG THẢO - SỰ TÍCH THẦN GIỮ CỬA
6	22/04/2020	STN-004561	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
7	22/04/2020	STN-004562	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG TRONG SINH HOẠT THƯỜNG NGÀY
8	22/04/2020	STN-004563	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG TRONG SINH HOẠT THƯỜNG NGÀY
9	22/04/2020	STN-004564	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG KHI ĂN UỐNG
10	22/04/2020	STN-004565	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG KHI ĂN UỐNG
11	22/04/2020	STN-004566	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG ĐI RA NGOÀI
12	22/04/2020	STN-004567	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG ĐI RA NGOÀI
13	22/04/2020	STN-004568	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG ĐI RA NGOÀI
14	22/04/2020	STN-004569	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG ĐI RA NGOÀI
15	22/04/2020	STN-004570	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG GIAO TIẾP
16	22/04/2020	STN-004571	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG GIAO TIẾP
17	22/04/2020	STN-004572	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG GIAO TIẾP
18	22/04/2020	STN-004573	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG GIAO TIẾP
19	22/04/2020	STN-004574	VALERIE VIDEAU - RỪNG
20	22/04/2020	STN-004575	VALERIE VIDEAU - RỪNG
21	22/04/2020	STN-004576	VALERIE VIDEAU - RỪNG
22	22/04/2020	STN-004577	VALERIE VIDEAU - RỪNG
23	22/04/2020	STN-004578	VALERIE VIDEAU - RỪNG
24	22/04/2020	STN-004579	VALERIE VIDEAU - RỪNG
25	22/04/2020	STN-004580	VALERIE VIDEAU - RỪNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004581	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
2	22/04/2020	STN-004582	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
3	22/04/2020	STN-004583	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
4	22/04/2020	STN-004584	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
5	22/04/2020	STN-004585	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
6	22/04/2020	STN-004586	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
7	22/04/2020	STN-004587	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
8	22/04/2020	STN-004588	LAURENT BESSOL - VƯỜN THÚ
9	22/04/2020	STN-004589	VALERIE VIDEAU - SÔNG
10	22/04/2020	STN-004590	VALERIE VIDEAU - SÔNG
11	22/04/2020	STN-004591	VALERIE VIDEAU - SÔNG
12	22/04/2020	STN-004592	VALERIE VIDEAU - SÔNG
13	22/04/2020	STN-004593	VALERIE VIDEAU - SÔNG
14	22/04/2020	STN-004594	VALERIE VIDEAU - SÔNG
15	22/04/2020	STN-004595	DANIELE SCHULTHESS - XIẾC
16	22/04/2020	STN-004596	DANIELE SCHULTHESS - XIẾC
17	22/04/2020	STN-004597	DANIELE SCHULTHESS - XIẾC
18	22/04/2020	STN-004598	DANIELE SCHULTHESS - XIẾC
19	22/04/2020	STN-004599	DANIELE SCHULTHESS - XIẾC
20	22/04/2020	STN-004600	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN
21	22/04/2020	STN-004601	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN
22	22/04/2020	STN-004602	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN
23	22/04/2020	STN-004603	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN
24	22/04/2020	STN-004604	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN
25	22/04/2020	STN-004605	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004606	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN
2	22/04/2020	STN-004607	AGNES VANDEWIELE - BỜ BIỂN
3	22/04/2020	STN-004608	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
4	22/04/2020	STN-004609	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
5	22/04/2020	STN-004610	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
6	22/04/2020	STN-004611	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
7	22/04/2020	STN-004612	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
8	22/04/2020	STN-004613	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
9	22/04/2020	STN-004614	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
10	22/04/2020	STN-004615	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
11	22/04/2020	STN-004616	AGNES VANDEWIELE - NƯỚC, ĐẤT, KHÔNG KHÍ VÀ LỬA
12	22/04/2020	STN-004617	JEN GREEN - CON VẪN QUAN TRỌNG MÀ MẸ
13	22/04/2020	STN-004618	JEN GREEN - CON VẪN QUAN TRỌNG MÀ MẸ
14	22/04/2020	STN-004619	JEN GREEN - CON VẪN QUAN TRỌNG MÀ MẸ
15	22/04/2020	STN-004620	JEN GREEN - CON VẪN QUAN TRỌNG MÀ MẸ
16	22/04/2020	STN-004621	JEN GREEN - CON VẪN QUAN TRỌNG MÀ MẸ
17	22/04/2020	STN-004622	JEN GREEN - CHỖ MÓC ÁO CỦA TỚ Ở ĐÂU
18	22/04/2020	STN-004623	JEN GREEN - CHỖ MÓC ÁO CỦA TỚ Ở ĐÂU
19	22/04/2020	STN-004624	JEN GREEN - CHỖ MÓC ÁO CỦA TỚ Ở ĐÂU
20	22/04/2020	STN-004625	JEN GREEN - CHỖ MÓC ÁO CỦA TỚ Ở ĐÂU
21	22/04/2020	STN-004626	JEN GREEN - CHỖ MÓC ÁO CỦA TỚ Ở ĐÂU
22	22/04/2020	STN-004627	JEN GREEN - CON MUỐN CĂN PHÒNG ĐÓ CƠ
23	22/04/2020	STN-004628	JEN GREEN - CON MUỐN CĂN PHÒNG ĐÓ CƠ
24	22/04/2020	STN-004629	JEN GREEN - CON MUỐN CĂN PHÒNG ĐÓ CƠ
25	22/04/2020	STN-004630	JEN GREEN - CON MUỐN CĂN PHÒNG ĐÓ CƠ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐN19	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004631	JEN GREEN - CON MUỐN CĂN PHÒNG ĐÓ CƠ
2	22/04/2020	STN-004632	JEN GREEN - QUÀ CỦA TỚ ĐÂU
3	22/04/2020	STN-004633	JEN GREEN - QUÀ CỦA TỚ ĐÂU
4	22/04/2020	STN-004634	JEN GREEN - QUÀ CỦA TỚ ĐÂU
5	22/04/2020	STN-004635	JEN GREEN - QUÀ CỦA TỚ ĐÂU
6	22/04/2020	STN-004636	JEN GREEN - QUÀ CỦA TỚ ĐÂU
7	22/04/2020	STN-004637	JEN GREEN - CON CHO NÓ ĂN NHÉ
8	22/04/2020	STN-004638	JEN GREEN - CON CHO NÓ ĂN NHÉ
9	22/04/2020	STN-004639	JEN GREEN - CON CHO NÓ ĂN NHÉ
10	22/04/2020	STN-004640	JEN GREEN - CON CHO NÓ ĂN NHÉ
11	22/04/2020	STN-004641	JEN GREEN - CON CHO NÓ ĂN NHÉ
12	22/04/2020	STN-004642	JEN GREEN - MÌNH ĐẾN NƠI CHƯA MẸ
13	22/04/2020	STN-004643	JEN GREEN - MÌNH ĐẾN NƠI CHƯA MẸ
14	22/04/2020	STN-004644	JEN GREEN - MÌNH ĐẾN NƠI CHƯA MẸ
15	22/04/2020	STN-004645	JEN GREEN - MÌNH ĐẾN NƠI CHƯA MẸ
16	22/04/2020	STN-004646	JEN GREEN - MÌNH ĐẾN NƠI CHƯA MẸ
17	22/04/2020	STN-004647	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI ĐI CHƠI CÔNG VIÊN
18	22/04/2020	STN-004648	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI ĐI CHƠI CÔNG VIÊN
19	22/04/2020	STN-004649	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI ĐI XE TRƯỜNG
20	22/04/2020	STN-004650	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI ĐI XE TRƯỜNG
21	22/04/2020	STN-004651	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI ĐI XE TRƯỜNG
22	22/04/2020	STN-004652	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI NÓI CHUYỆN ĐIỆN THOẠI
23	22/04/2020	STN-004653	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI NÓI CHUYỆN ĐIỆN THOẠI
24	22/04/2020	STN-004654	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ TRONG PHÒNG ĂN TRƯA
25	22/04/2020	STN-004655	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ TRONG PHÒNG ĂN TRƯA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004656	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI MƯỢN VÀ ĐỌC SÁCH THƯ VIỆN
2	22/04/2020	STN-004657	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI MƯỢN VÀ ĐỌC SÁCH THƯ VIỆN
3	22/04/2020	STN-004658	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI MƯỢN VÀ ĐỌC SÁCH THƯ VIỆN
4	22/04/2020	STN-004659	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ TRONG THƯ VIỆN
5	22/04/2020	STN-004660	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ TRONG THƯ VIỆN
6	22/04/2020	STN-004661	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI RA NGOÀI
7	22/04/2020	STN-004662	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI RA NGOÀI
8	22/04/2020	STN-004663	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI RA NGOÀI
9	22/04/2020	STN-004664	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI Ở NHÀ
10	22/04/2020	STN-004665	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI Ở NHÀ
11	22/04/2020	STN-004666	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI Ở NHÀ
12	22/04/2020	STN-004667	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI Ở NHÀ
13	22/04/2020	STN-004668	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
14	22/04/2020	STN-004669	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
15	22/04/2020	STN-004670	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
16	22/04/2020	STN-004671	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
17	22/04/2020	STN-004672	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
18	22/04/2020	STN-004673	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
19	22/04/2020	STN-004674	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
20	22/04/2020	STN-004675	MARIE DUVAL - CÂY THÔNG KỲ DIỆU
21	22/04/2020	STN-004676	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
22	22/04/2020	STN-004677	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
23	22/04/2020	STN-004678	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
24	22/04/2020	STN-004679	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
25	22/04/2020	STN-004680	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004681	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
2	22/04/2020	STN-004682	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
3	22/04/2020	STN-004683	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
4	22/04/2020	STN-004684	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
5	22/04/2020	STN-004685	MARIE DUVAL - LÁ THƯ CỦA CÁC CHÚ LÙN
6	22/04/2020	STN-004686	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
7	22/04/2020	STN-004687	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
8	22/04/2020	STN-004688	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
9	22/04/2020	STN-004689	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
10	22/04/2020	STN-004690	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
11	22/04/2020	STN-004691	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
12	22/04/2020	STN-004692	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
13	22/04/2020	STN-004693	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
14	22/04/2020	STN-004694	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
15	22/04/2020	STN-004695	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CÁC CON VẬT
16	22/04/2020	STN-004696	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
17	22/04/2020	STN-004697	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
18	22/04/2020	STN-004698	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
19	22/04/2020	STN-004699	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
20	22/04/2020	STN-004700	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
21	22/04/2020	STN-004701	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
22	22/04/2020	STN-004702	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
23	22/04/2020	STN-004703	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
24	22/04/2020	STN-004704	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ
25	22/04/2020	STN-004705	MARIE DUVAL - GIÁNG SINH CỦA CHA XỨ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2011	15,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004706	LAURA DRISCOLL - PHẢI LÀM GÌ KHI CÓ XUNG ĐỘT
2	22/04/2020	STN-004707	LAURA DRISCOLL - PHẢI LÀM GÌ KHI CÓ XUNG ĐỘT
3	22/04/2020	STN-004708	LAURA DRISCOLL - PHẢI LÀM GÌ KHI CÓ XUNG ĐỘT
4	22/04/2020	STN-004709	LAURA DRISCOLL - PHẢI LÀM GÌ KHI CÓ XUNG ĐỘT
5	22/04/2020	STN-004710	LAURA DRISCOLL - PHẢI LÀM GÌ KHI CÓ XUNG ĐỘT
6	22/04/2020	STN-004711	LAURA DRISCOLL - HỌC CÁCH TIẾT KIỆM
7	22/04/2020	STN-004712	LAURA DRISCOLL - HỌC CÁCH TIẾT KIỆM
8	22/04/2020	STN-004713	TENNANT REDBANK - CÁCH SỬ DỤNG BẢN ĐỒ
9	22/04/2020	STN-004714	TENNANT REDBANK - CÁCH SỬ DỤNG BẢN ĐỒ
10	22/04/2020	STN-004715	TENNANT REDBANK - CÁCH SỬ DỤNG BẢN ĐỒ
11	22/04/2020	STN-004716	TENNANT REDBANK - CÁCH SỬ DỤNG BẢN ĐỒ
12	22/04/2020	STN-004717	TENNANT REDBANK - CÁCH SỬ DỤNG BẢN ĐỒ
13	22/04/2020	STN-004718	NAN WALKER - BLOGGER GIẤU MẶT
14	22/04/2020	STN-004719	NAN WALKER - BLOGGER GIẤU MẶT
15	22/04/2020	STN-004720	NAN WALKER - BLOGGER GIẤU MẶT
16	22/04/2020	STN-004721	NAN WALKER - BLOGGER GIẤU MẶT
17	22/04/2020	STN-004722	NAN WALKER - BLOGGER GIẤU MẶT
18	22/04/2020	STN-004723	VĨNH AN - CHIẾN DỊCH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
19	22/04/2020	STN-004724	VĨNH AN - CHIẾN DỊCH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
20	22/04/2020	STN-004725	VĨNH AN - CHIẾN DỊCH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
21	22/04/2020	STN-004726	LUCIENNE MESTRES - LO56GIC THẬT LÀ ĐƠN GIẢN
22	22/04/2020	STN-004727	LUCIENNE MESTRES - LO56GIC THẬT LÀ ĐƠN GIẢN
23	22/04/2020	STN-004728	LUCIENNE MESTRES - LO56GIC THẬT LÀ ĐƠN GIẢN
24	22/04/2020	STN-004729	LUCIENNE MESTRES - TRÒ CHƠI VỚI CÁI CHUNG
25	22/04/2020	STN-004730	LUCIENNE MESTRES - TRÒ CHƠI VỚI CÁI CHUNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004731	LUCIENNE MESTRES - TÌM SỰ KHÁC NHAU
2	22/04/2020	STN-004732	LUCIENNE MESTRES - TÌM SỰ KHÁC NHAU
3	22/04/2020	STN-004733	LUCIENNE MESTRES - TRÒ CHƠI VỚI CÁI RIÊNG
4	22/04/2020	STN-004734	LUCIENNE MESTRES - TRÒ CHƠI VỚI CÁI RIÊNG
5	22/04/2020	STN-004735	LUCIENNE MESTRES - TRÒ CHƠI VỚI CÁI RIÊNG
6	22/04/2020	STN-004736	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO A RÈN LUYỆN IQ
7	22/04/2020	STN-004737	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO A RÈN LUYỆN IQ
8	22/04/2020	STN-004738	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO A RÈN LUYỆN IQ
9	22/04/2020	STN-004739	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN IQ
10	22/04/2020	STN-004740	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN IQ
11	22/04/2020	STN-004741	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN IQ
12	22/04/2020	STN-004742	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN IQ
13	22/04/2020	STN-004743	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN EQ
14	22/04/2020	STN-004744	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN EQ
15	22/04/2020	STN-004745	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN EQ
16	22/04/2020	STN-004746	BÙI THỊ HƯƠNG - BÉ YÊU ĐI MẪU GIÁO B RÈN LUYỆN EQ
17	22/04/2020	STN-004747	BÙI THỊ HƯƠNG - PHÉP TÍNH CỘNG TRỪ
18	22/04/2020	STN-004748	BÙI THỊ HƯƠNG - PHÉP TÍNH CỘNG TRỪ
19	22/04/2020	STN-004749	BÙI THỊ HƯƠNG - PHÉP TÍNH CỘNG TRỪ
20	22/04/2020	STN-004750	BÙI THỊ HƯƠNG - HỌC XEM GIỜ
21	22/04/2020	STN-004751	BÙI THỊ HƯƠNG - HỌC XEM GIỜ
22	22/04/2020	STN-004752	BÙI THỊ HƯƠNG - HỌC XEM GIỜ
23	22/04/2020	STN-004753	BÙI THỊ HƯƠNG - HỌC XEM GIỜ
24	22/04/2020	STN-004754	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 100
25	22/04/2020	STN-004755	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 100

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	18,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2011	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2011	27,000	ĐV25	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004756	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 100
2	22/04/2020	STN-004757	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 100
3	22/04/2020	STN-004758	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 50
4	22/04/2020	STN-004759	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 50
5	22/04/2020	STN-004760	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 50
6	22/04/2020	STN-004761	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 20
7	22/04/2020	STN-004762	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 20
8	22/04/2020	STN-004763	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 20
9	22/04/2020	STN-004764	BÙI THỊ HƯƠNG - LÀM QUEN VỚI CÁC SỐ 1 ĐẾN 20
10	22/04/2020	STN-004765	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - TAI HỌA TỪ SÚNG ĐỒ CHƠI
11	22/04/2020	STN-004766	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - TAI HỌA TỪ SÚNG ĐỒ CHƠI
12	22/04/2020	STN-004767	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - TAI HỌA TỪ SÚNG ĐỒ CHƠI
13	22/04/2020	STN-004768	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - TAI HỌA TỪ SÚNG ĐỒ CHƠI
14	22/04/2020	STN-004769	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - TAI HỌA TỪ SÚNG ĐỒ CHƠI
15	22/04/2020	STN-004770	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - THIÊN TAI
16	22/04/2020	STN-004771	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - THIÊN TAI
17	22/04/2020	STN-004772	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - THIÊN TAI
18	22/04/2020	STN-004773	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - THIÊN TAI
19	22/04/2020	STN-004774	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - THIÊN TAI
20	22/04/2020	STN-004775	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - ÁM HIỆU BÍ MẬT CỦA NHÀ EM
21	22/04/2020	STN-004776	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - ÁM HIỆU BÍ MẬT CỦA NHÀ EM
22	22/04/2020	STN-004777	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - ÁM HIỆU BÍ MẬT CỦA NHÀ EM
23	22/04/2020	STN-004778	HẠNH NGUYÊN - CÀI ĐẶT YÊU THƯƠNG
24	22/04/2020	STN-004779	HẠNH NGUYÊN - CÀI ĐẶT YÊU THƯƠNG
25	22/04/2020	STN-004780	NHIỀU TÁC GIẢ - KẾT BẠN DỄ HAY KHÓ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Dân Trí	HN	2011	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2011	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Dân Trí	HN	2014	27,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2010	48,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/04/2020	STN-004781	NHIỀU TÁC GIẢ - KẾT BẠN DỄ HAY KHÓ
2	22/04/2020	STN-004782	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐỨNG DẬY ĐI TIẾP
3	22/04/2020	STN-004783	HẠNH NGUYÊN - CẬU LÀM ĐƯỢC MÀ
4	22/04/2020	STN-004784	HẠNH NGUYÊN - CẬU LÀM ĐƯỢC MÀ
5	22/04/2020	STN-004785	HẠNH NGUYÊN - QUÀ TẶNG TẶNG QUÀ
6	22/04/2020	STN-004786	HẠNH NGUYÊN - QUÀ TẶNG TẶNG QUÀ
7	22/04/2020	STN-004787	HẠNH NGUYÊN - QUÀ TẶNG TẶNG QUÀ
8	22/04/2020	STN-004788	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 3
9	22/04/2020	STN-004789	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 3
10	22/04/2020	STN-004790	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 4
11	22/04/2020	STN-004791	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 4
12	22/04/2020	STN-004792	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 4
13	22/04/2020	STN-004793	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 4
14	22/04/2020	STN-004794	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 5
15	22/04/2020	STN-004795	THANH THU - NHỮNG ĐIỀU EM MUỐN BIẾT 5
16	23/04/2020	STN-004796	THANH BÌNH - NHỮNG KỲ QUAN NỔI TIẾNG
17	23/04/2020	STN-004797	THANH BÌNH - NHỮNG KỲ QUAN NỔI TIẾNG
18	23/04/2020	STN-004798	KIM NAM KIN - LINCON
19	23/04/2020	STN-004799	KIM NAM KIN - LINCON
20	23/04/2020	STN-004800	HAN KIÊN - EDIXON
21	23/04/2020	STN-004801	HAN KIÊN - EDIXON
22	23/04/2020	STN-004802	LY SƠN MI - NIUTON
23	23/04/2020	STN-004803	LY SƠN MI - NIUTON
24	23/04/2020	STN-004804	THÁI QUANG SA - SỨC KHỎE VÀ NHỮNG CHUYỆN THƯỜNG NGÀY
25	23/04/2020	STN-004805	VŨ BỘI TUYỀN - THOÁT HIỂM KHI BỊ THƯƠNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2014	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2014	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2014	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2009	20,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	ĐV2	3							
Trẻ	TPHCM	2010	17,500	ĐV2	3							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	15,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2020	STN-004806	THÁI QUANG SA - BỆNH VÀO QUA MỒM VÀ SỨC KHỎE TUỔI ĐI HỌC
2	23/04/2020	STN-004807	VŨ BỘI TUYỀN - AN TOÀN TRONG TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT
3	23/04/2020	STN-004808	VŨ BỘI TUYỀN - AN TOÀN KHI RA ĐƯỜNG
4	23/04/2020	STN-004809	THÁI QUANG SA - VỆ SINH ĂN UỐNG VÀ GIẤC NGỦ
5	23/04/2020	STN-004810	THÁI QUANG SA - VỆ SINH ĂN UỐNG VÀ GIẤC NGỦ
6	23/04/2020	STN-004811	THÁI QUANG SA - VẬN ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE BỐN MÙA
7	23/04/2020	STN-004812	THÁI QUANG SA - VẬN ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE BỐN MÙA
8	23/04/2020	STN-004813	VŨ BỘI TUYỀN - THOÁT HIỂM TRONG TÌNH HUỐNG BẤT NGỜ
9	23/04/2020	STN-004814	VŨ BỘI TUYỀN - THOÁT HIỂM TRONG TÌNH HUỐNG BẤT NGỜ
10	23/04/2020	STN-004815	VŨ BỘI TUYỀN - THOÁT HIỂM TRONG TÌNH HUỐNG BẤT NGỜ
11	23/04/2020	STN-004816	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI TIẾP NHẬN
12	23/04/2020	STN-004817	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI TIẾP NHẬN
13	23/04/2020	STN-004818	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI TIẾP NHẬN
14	23/04/2020	STN-004819	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI KHEN NGỢI
15	23/04/2020	STN-004820	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI KHEN NGỢI
16	23/04/2020	STN-004821	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI KHEN NGỢI
17	23/04/2020	STN-004822	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI YÊU MẾN
18	23/04/2020	STN-004823	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI YÊU MẾN
19	23/04/2020	STN-004824	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM ĐƯỢC MỌI NGƯỜI YÊU MẾN
20	23/04/2020	STN-004825	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH
21	23/04/2020	STN-004826	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH
22	23/04/2020	STN-004827	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC
23	23/04/2020	STN-004828	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC
24	23/04/2020	STN-004829	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ ĐỘNG-THỰC VẬT
25	23/04/2020	STN-004830	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ ĐỘNG-THỰC VẬT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2020	STN-004831	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ NGHỀ NGHIỆP
2	23/04/2020	STN-004832	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ TRƯỜNG MẦM NON
3	23/04/2020	STN-004833	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN
4	23/04/2020	STN-004834	NGUYÊN ANH - THƠ DÀNH CHO TRẺ MẦM NON CHỦ ĐỀ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN
5	23/04/2020	STN-004835	THANH HƯƠNG - NHỮNG CON VẬT NUÔI TRONG NHÀ
6	23/04/2020	STN-004836	THANH HƯƠNG - NHỮNG CON VẬT NUÔI TRONG NHÀ
7	23/04/2020	STN-004837	THANH HƯƠNG - NHỮNG CON VẬT NUÔI TRONG NHÀ
8	23/04/2020	STN-004838	THANH HƯƠNG - RAU CỦ TRONG VƯỜN
9	23/04/2020	STN-004839	THANH HƯƠNG - RAU CỦ TRONG VƯỜN
10	23/04/2020	STN-004840	THANH HƯƠNG - RAU CỦ TRONG VƯỜN
11	23/04/2020	STN-004841	THANH HƯƠNG - QUẢ NGỌT TRONG VƯỜN
12	23/04/2020	STN-004842	THANH HƯƠNG - QUẢ NGỌT TRONG VƯỜN
13	23/04/2020	STN-004843	MIKE VENEZIA - MARC CHAGALL
14	23/04/2020	STN-004844	MIKE VENEZIA - MARC CHAGALL
15	23/04/2020	STN-004845	MIKE VENEZIA - MARC CHAGALL
16	23/04/2020	STN-004846	MIKE VENEZIA - MARC CHAGALL
17	23/04/2020	STN-004847	MIKE VENEZIA - PABLO PICASSO
18	23/04/2020	STN-004848	MIKE VENEZIA - PABLO PICASSO
19	23/04/2020	STN-004849	MIKE VENEZIA - PABLO PICASSO
20	23/04/2020	STN-004850	MIKE VENEZIA - PABLO PICASSO
21	23/04/2020	STN-004851	MIKE VENEZIA - HENRI MATISSE
22	23/04/2020	STN-004852	MIKE VENEZIA - HENRI MATISSE
23	23/04/2020	STN-004853	MIKE VENEZIA - HENRI MATISSE
24	23/04/2020	STN-004854	MIKE VENEZIA - HENRI MATISSE
25	23/04/2020	STN-004855	MIKE VENEZIA - LEONARDO DA VINCI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,500	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2020	STN-004856	MIKE VENEZIA - LEONARDO DA VINCI
2	23/04/2020	STN-004857	MIKE VENEZIA - LEONARDO DA VINCI
3	23/04/2020	STN-004858	MIKE VENEZIA - LEONARDO DA VINCI
4	23/04/2020	STN-004859	MIKE VENEZIA - SALVADOR DALI
5	23/04/2020	STN-004860	MIKE VENEZIA - SALVADOR DALI
6	23/04/2020	STN-004861	MIKE VENEZIA - SALVADOR DALI
7	23/04/2020	STN-004862	MIKE VENEZIA - SALVADOR DALI
8	23/04/2020	STN-004863	NGUYỄN QUỲNH - NÀNG TIÊN NGỌC TRAI
9	23/04/2020	STN-004864	NGUYỄN QUỲNH - NÀNG TIÊN NGỌC TRAI
10	23/04/2020	STN-004865	NGUYỄN QUỲNH - NÀNG TIÊN NGỌC TRAI
11	23/04/2020	STN-004866	NGUYỄN QUỲNH - NÀNG TIÊN NGỌC TRAI
12	23/04/2020	STN-004867	NGUYỄN QUỲNH - NÀNG TIÊN NGỌC TRAI
13	23/04/2020	STN-004868	NGUYỄN QUỲNH - NÀNG TIÊN NGỌC TRAI
14	23/04/2020	STN-004869	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG XOAY ĐINH VÍT
15	23/04/2020	STN-004870	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG XOAY ĐINH VÍT
16	23/04/2020	STN-004871	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG XOAY ĐINH VÍT
17	23/04/2020	STN-004872	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG TRƯỢT
18	23/04/2020	STN-004873	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG TRƯỢT
19	23/04/2020	STN-004874	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG TRƯỢT
20	23/04/2020	STN-004875	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG TÁCH
21	23/04/2020	STN-004876	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG TÁCH
22	23/04/2020	STN-004877	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG TÁCH
23	23/04/2020	STN-004878	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG LĂN BÁNH XE VÀ TRỤC
24	23/04/2020	STN-004879	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG BẨY ĐÒN BẨY
25	23/04/2020	STN-004880	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG KÉO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,500	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2020	STN-004881	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
2	23/04/2020	STN-004882	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
3	23/04/2020	STN-004883	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
4	23/04/2020	STN-004884	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
5	23/04/2020	STN-004885	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
6	23/04/2020	STN-004886	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
7	23/04/2020	STN-004887	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
8	23/04/2020	STN-004888	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
9	23/04/2020	STN-004889	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
10	23/04/2020	STN-004890	HẰNG NGA - VÌ SAO TỚ KHÔNG NÊN ĐÁNH LỘN
11	23/04/2020	STN-004891	HẰNG NGA - VÌ SAO TỚ KHÔNG NÊN ĐÁNH LỘN
12	23/04/2020	STN-004892	QUỲNH LIÊN - VÌ SAO TỚ KHÔNG NÊN CHƠI ĂN GIAN
13	23/04/2020	STN-004893	VŨ THỊ NGỌC MINH - VÌ SAO GÀ TRỐNG BIẾT GÁY
14	23/04/2020	STN-004894	VŨ THỊ NGỌC MINH - VÌ SAO GÀ TRỐNG BIẾT GÁY
15	23/04/2020	STN-004895	VŨ THỊ NGỌC MINH - VÌ SAO GÀ TRỐNG BIẾT GÁY
16	23/04/2020	STN-004896	VŨ THỊ NGỌC MINH - VÌ SAO GÀ TRỐNG BIẾT GÁY
17	23/04/2020	STN-004897	VŨ THỊ NGỌC MINH - VÌ SAO GÀ TRỐNG BIẾT GÁY
18	23/04/2020	STN-004898	NGUYỄN THỊ NGA - VÌ SAO VOI CÓ VÒI DÀI
19	23/04/2020	STN-004899	NGUYỄN THỊ NGA - VÌ SAO VOI CÓ VÒI DÀI
20	23/04/2020	STN-004900	NGUYỄN THỊ NGA - VÌ SAO VOI CÓ VÒI DÀI
21	23/04/2020	STN-004901	NGUYỄN THỊ NGA - VÌ SAO VOI CÓ VÒI DÀI
22	23/04/2020	STN-004902	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO MÈO CON BUỒN
23	23/04/2020	STN-004903	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO MÈO CON BUỒN
24	23/04/2020	STN-004904	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO MÈO CON BUỒN
25	23/04/2020	STN-004905	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO MÈO CON BUỒN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2020	STN-004906	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO MÈO CON BUỒN
2	23/04/2020	STN-004907	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO VỊT CON KHÔNG BIẾT HÁT
3	23/04/2020	STN-004908	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO VỊT CON KHÔNG BIẾT HÁT
4	23/04/2020	STN-004909	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO VỊT CON KHÔNG BIẾT HÁT
5	23/04/2020	STN-004910	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO VỊT CON KHÔNG BIẾT HÁT
6	23/04/2020	STN-004911	PHÙNG THỊ TƯỜNG - VÌ SAO VỊT CON KHÔNG BIẾT HÁT
7	23/04/2020	STN-004912	THANH HƯƠNG - LỜI ĐỒNG Ý
8	23/04/2020	STN-004913	THANH HƯƠNG - LỜI ĐỒNG Ý
9	23/04/2020	STN-004914	THANH HƯƠNG - LỜI ĐỒNG Ý
10	23/04/2020	STN-004915	THANH HƯƠNG - LỜI ĐỒNG Ý
11	23/04/2020	STN-004916	THANH HƯƠNG - LỜI TẠM BIỆT
12	23/04/2020	STN-004917	THANH HƯƠNG - LỜI TẠM BIỆT
13	23/04/2020	STN-004918	THANH HƯƠNG - LỜI TẠM BIỆT
14	23/04/2020	STN-004919	THANH HƯƠNG - LỜI TẠM BIỆT
15	23/04/2020	STN-004920	THANH HƯƠNG - LỜI XIN LỖI
16	23/04/2020	STN-004921	THANH HƯƠNG - LỜI XIN LỖI
17	23/04/2020	STN-004922	THANH HƯƠNG - LỜI XIN LỖI
18	23/04/2020	STN-004923	THANH HƯƠNG - LỜI XIN LỖI
19	23/04/2020	STN-004924	LƯU DÂN - EQ-IQ PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ Ở TRẺ TỪ 6-7 TUỔI
20	23/04/2020	STN-004925	LƯU DÂN - EQ-IQ PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ Ở TRẺ TỪ 6-7 TUỔI
21	23/04/2020	STN-004926	NGUYỄN THỦY - THỎ CON NGOAN NGOÃN
22	23/04/2020	STN-004927	NGUYỄN THỦY - THỎ VÀ RÙA
23	23/04/2020	STN-004928	NGUYỄN THỦY - THỎ VÀ RÙA
24	23/04/2020	STN-004929	NGUYỄN THỦY - THỎ VÀ RÙA
25	23/04/2020	STN-004930	NGUYỄN THỦY - BỘ QUẦN ÁO MỚI CỦA HOÀNG ĐẾ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2009	30,000	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2009	30,000	ĐV18	3							
Hồng Đức	HN	2011	12,500	ĐV18	3							
Hồng Đức	HN	2011	12,500	ĐV18	3							
Hồng Đức	HN	2011	12,500	ĐV18	3							
Hồng Đức	HN	2011	12,500	ĐV18	3							
Hồng Đức	HN	2011	12,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2020	STN-004931	NGUYỄN THỦY - SÓI XÁM VÀ BẢY CHÚ CỪU NON
2	23/04/2020	STN-004932	NGUYỄN THỦY - ALIBABA VÀ BỐN MƯƠI TÊN CƯỚP
3	23/04/2020	STN-004933	THANH HƯƠNG - MÈO CON ĐÁNH RĂNG
4	23/04/2020	STN-004934	THANH HƯƠNG - MÈO CON ĐÁNH RĂNG
5	23/04/2020	STN-004935	THANH HƯƠNG - SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
6	23/04/2020	STN-004936	THANH HƯƠNG - SỰ TÍCH BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
7	23/04/2020	STN-004937	TIỀU VI THANH - QUÀ SINH NHẬT
8	23/04/2020	STN-004938	THANH HƯƠNG - CÁI ÁO CỦA THỎ CON
9	23/04/2020	STN-004939	THANH HƯƠNG - QUẢ BẦU TIÊN
10	23/04/2020	STN-004940	NHẬT TÂN - CHUỘT NHẮT LƯỜI HỌC
11	23/04/2020	STN-004941	THANH HƯƠNG - BÀN TAY NGOAN
12	23/04/2020	STN-004942	THANH HƯƠNG - BÀN TAY NGOAN
13	23/04/2020	STN-004943	THANH HƯƠNG - BÁC THỎ TỐT BỤNG
14	23/04/2020	STN-004944	NGUYỄN HOÀNG - SỰ TÍCH HỒ GƯƠM
15	23/04/2020	STN-004945	PHAN HOÀNG LỆ THỦY - CHUYỆN NGỤ NGÔN VỀ PHO MÁT
16	23/04/2020	STN-004946	KIM THANH - TỪ ĐIỂN BẰNG TRANH CỦA BÉ
17	23/04/2020	STN-004947	KIM THANH - TỪ ĐIỂN BẰNG TRANH CỦA BÉ
18	23/04/2020	STN-004948	CARMEN GIL - TẠI SAO CHÚNG TA LẠI CÓ MÀU DA KHÁC NHAU
19	23/04/2020	STN-004949	CARMEN GIL - TẠI SAO CHÚNG TA LẠI CÓ MÀU DA KHÁC NHAU
20	23/04/2020	STN-004950	CARMEN GIL - TẠI SAO CHÚNG TA LẠI ĐỎ MẶT NHƯ CÀ CHUA
21	23/04/2020	STN-004951	CARMEN GIL - TẠI SAO ANH EM SINH ĐÔI LẠI GIỐNG NHAU
22	23/04/2020	STN-004952	EMILIE BEAUMONT - NHỮNG CON SỐ
23	23/04/2020	STN-004953	EMILIE BEAUMONT - NHỮNG CON SỐ
24	23/04/2020	STN-004954	EMILIE BEAUMONT - NHỮNG CON SỐ
25	23/04/2020	STN-004955	EMILIE BEAUMONT - KHÁC NHAU VÀ ĐỐI NHAU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2011	12,500	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2011	12,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	10,500	ĐN18	3							
Giáo dục	HN	2008	18,000	ĐV21	3							
Giáo dục	HN	2008	18,000	ĐV21	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	5,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	5,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	5,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	5,000	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/04/2020	STN-004956	HÒA BÌNH - LÀM QUEN VÀ NHẬN BIẾT NGHỀ NGHIỆP
2	23/04/2020	STN-004957	NGÔ MINH VÂN - KỈ LUẬT VÀ NỀ NẾP
3	23/04/2020	STN-004958	NGÔ MINH VÂN - KỈ LUẬT VÀ NỀ NẾP
4	23/04/2020	STN-004959	NGÔ MINH VÂN - KỈ LUẬT VÀ NỀ NẾP
5	23/04/2020	STN-004960	BÙI THỊ HƯƠNG - TỪ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC CON VẬT
6	23/04/2020	STN-004961	BÙI THỊ HƯƠNG - TỪ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC CON VẬT
7	23/04/2020	STN-004962	TÀO BĂNG BÂN - CHÚ RỒNG VUI VẺ
8	23/04/2020	STN-004963	TÀO BĂNG BÂN - GÀ CON BIẾT BAY
9	23/04/2020	STN-004964	JENNY ACKLAND - VUI CÙNG HÌNH KHỐI VÀ KÍCH THƯỚC
10	24/04/2020	STN-004965	HÒA BÌNH - LÀM QUEN VÀ NHẬN BIẾT NGHỀ NGHIỆP
11	24/04/2020	STN-004966	HÒA BÌNH - LÀM QUEN VÀ NHẬN BIẾT NGHỀ NGHIỆP
12	24/04/2020	STN-004967	HÒA BÌNH - LÀM QUEN VÀ NHẬN BIẾT NGHỀ NGHIỆP
13	24/04/2020	STN-004968	HÒA BÌNH - LÀM QUEN VÀ NHẬN BIẾT NGHỀ NGHIỆP
14	24/04/2020	STN-004969	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - PHÙ THỦY PHÙ THỦY
15	24/04/2020	STN-004970	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - PHÙ THỦY PHÙ THỦY
16	24/04/2020	STN-004971	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - THẦN DƯỢC CỦA GEORGE
17	24/04/2020	STN-004972	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - THẦN DƯỢC CỦA GEORGE
18	24/04/2020	STN-004973	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHARLIE VÀ CHIẾC THANH MÁY BẰNG KÍNH
19	24/04/2020	STN-004974	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHARLIE VÀ CHIẾC THANH MÁY BẰNG KÍNH
20	24/04/2020	STN-004975	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - HƯƠU CAO CỔ, CHIM BỒ NÔNG VÀ TÔI
21	24/04/2020	STN-004976	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - HƯƠU CAO CỔ, CHIM BỒ NÔNG VÀ TÔI
22	24/04/2020	STN-004977	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NHỮNG NGÀY XƯA YÊU DẤU
23	24/04/2020	STN-004978	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - NHỮNG NGÀY XƯA YÊU DẤU
24	24/04/2020	STN-004979	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ RÙA ALFIE
25	24/04/2020	STN-004980	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CHÚ RÙA ALFIE

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thời đại	HN	2009	12,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2014	39,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2014	39,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2014	39,000	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2010	30,000	ĐV21	3							
Dân Trí	HN	2010	30,000	ĐV21	3							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2010	29,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2008	12,000	ĐN18	3							
Thời đại	HN	2009	12,000	ĐV18	3							
Thời đại	HN	2009	12,000	ĐV18	3							
Thời đại	HN	2009	12,000	ĐV18	3							
Thời đại	HN	2009	12,000	ĐV18	3							
Thời đại	HN	2009	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	17,500	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	17,500	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	9,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	9,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	15,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	15,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	15,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	15,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐN13	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/04/2020	STN-004981	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ BÉ MATILDA
2	24/04/2020	STN-004982	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ BÉ MATILDA
3	24/04/2020	STN-004983	NGUYỄN VŨ HỒNG KHANH - NGÓN TAY THẦN KỲ
4	24/04/2020	STN-004984	NGUYỄN VŨ HỒNG KHANH - NGÓN TAY THẦN KỲ
5	24/04/2020	STN-004985	ĐỖ VĂN TÂM - BÁC FOX TUYỆT VỜI
6	24/04/2020	STN-004986	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - VỢ CHỒNG LÃO TWIT
7	24/04/2020	STN-004987	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - VỢ CHỒNG LÃO TWIT
8	24/04/2020	STN-004988	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - JAMES VÀ QUẢ ĐÀO KHỔNG LỒ
9	24/04/2020	STN-004989	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - JAMES VÀ QUẢ ĐÀO KHỔNG LỒ
10	24/04/2020	STN-004990	FRANCESCA SIMON - HENRY QUÁI QUỶ VÀ LỜI NGUYỀN XÁC ƯỚP
11	24/04/2020	STN-004991	MICHEL AMELIN - BA TRĂM SÁU MƯƠI LĂM 365 CHUYỆN KỂ MỖI NGÀY
12	24/04/2020	STN-004992	HOÀNG QUÂN - TÌNH BẠN
13	24/04/2020	STN-004993	HOÀNG QUÂN - TÌNH BẠN
14	24/04/2020	STN-004994	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - CÔ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH
15	24/04/2020	STN-004995	QUANG TOÀN - CỨU LẤY CHIẾC NỎ THẦN
16	24/04/2020	STN-004996	QUANG TOÀN - CỨU LẤY CHIẾC NỎ THẦN
17	24/04/2020	STN-004997	QUANG TOÀN - DIỄN VIÊN XIẾC BẤT ĐẮC DĨ
18	24/04/2020	STN-004998	QUANG TOÀN - DIỄN VIÊN XIẾC BẤT ĐẮC DĨ
19	24/04/2020	STN-004999	QUANG TOÀN - BO VÀ NGƯỜI BẠN KỲ DIỆU
20	24/04/2020	STN-005000	DUY DŨNG - HOA LỬA
21	24/04/2020	STN-005001	NGUYỄN TRÍ CÔNG - CHÚ BÉ BỊ PHÙ PHÉP
22	24/04/2020	STN-005002	TRẦN ĐĂNG KHOA - THƠ VỚI TUỔI THƠ
23	24/04/2020	STN-005003	TRẦN ĐĂNG KHOA - THƠ VỚI TUỔI THƠ
24	24/04/2020	STN-005004	VŨ BỘI TUYỀN - HAI TRĂM BA MƯƠI LĂM 235 TRÒ CHƠI RÈN LUYỆN SỨC KHỎE VÀ TRÍ TUỆ CHO TRẺ
25	24/04/2020	STN-005005	NGUYÊN ANH - NĂM MƯƠI ĐIỀU CẦN THIẾT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	18,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	18,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	9,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	14,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2005	14,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2007	9,000	ĐN13	3							
Dân Trí	HN	2011	120,000	ĐN13	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,200	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,200	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	15,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	60,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2007	60,000	ĐV11	3							
Dân Trí	HN	2012	45,000	ĐV27	3							
Dân Trí	HN	2012	25,000	ĐV25	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/04/2020	STN-005006	LÊ ANH SƠN - MƯỜI VẠN CÂU HỎI VÌ SAO
2	24/04/2020	STN-005007	ONO ERIKO - MIKO CÔ BÉ NHÍ NHẢNH 17
3	24/04/2020	STN-005008	ONO ERIKO - MIKO CÔ BÉ NHÍ NHẢNH 10
4	24/04/2020	STN-005009	LA HÀN - BỘ MẶT THẬT CỦA CHUỐI BỰ
5	24/04/2020	STN-005010	MINH TÂM - ĐỀ CAN CHỊU ĐÒN THAY
6	24/04/2020	STN-005011	PHẠM QUANG VINH - CON NGỖNG KỲ LẠ
7	24/04/2020	STN-005012	PHẠM QUANG VINH - CON NGỖNG KỲ LẠ
8	24/04/2020	STN-005013	PHẠM QUANG VINH - ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG
9	24/04/2020	STN-005014	PHẠM QUANG VINH - ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG
10	24/04/2020	STN-005015	PHẠM QUANG VINH - CHÀNG NGỐC GẶP MAY
11	24/04/2020	STN-005016	PHẠM QUANG VINH - CHÀNG NGỐC GẶP MAY
12	24/04/2020	STN-005017	PHẠM QUANG VINH - NÓI DỐI NHƯ CUỘI
13	24/04/2020	STN-005018	PHẠM QUANG VINH - NÓI DỐI NHƯ CUỘI
14	24/04/2020	STN-005019	PHẠM QUANG VINH - HỒN TRƯƠNG BA DA HÀNG THỊT
15	24/04/2020	STN-005020	PHẠM QUANG VINH - HỒN TRƯƠNG BA DA HÀNG THỊT
16	24/04/2020	STN-005021	PHẠM QUANG VINH - HÒN TRỐNG MÁI
17	24/04/2020	STN-005022	PHẠM QUANG VINH - CHÀNG TRAI NGHÈO VÀ NÀNG CÔNG CHÚA
18	24/04/2020	STN-005023	PHẠM QUANG VINH - PHÂN XỬ TÀI TÌNH
19	24/04/2020	STN-005024	PHẠM QUANG VINH - ANH EM MỒ CÔI
20	24/04/2020	STN-005025	PHẠM QUANG VINH - NHỮNG CHÀNG TRAI KỲ TÀI
21	24/04/2020	STN-005026	PHẠM QUANG VINH - SỰ TÍCH CÂY KIM GIAO
22	24/04/2020	STN-005027	PHẠM QUANG VINH - XỬ KIỆN
23	24/04/2020	STN-005028	PHẠM QUANG VINH - TRÍ KHÔN
24	24/04/2020	STN-005029	PHẠM QUANG VINH - RAU LANG RAU MUỐNG
25	24/04/2020	STN-005030	PHẠM QUANG VINH - RAU LANG RAU MUỐNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Lao động	HN	2012	72,000	ĐV21	3							
Trẻ	TPHCM	2015	18,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	18,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2011	25,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/04/2020	STN-005031	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
2	24/04/2020	STN-005032	PHẠM QUANG VINH - CÂY BÀNG MÙA ĐÔNG
3	24/04/2020	STN-005033	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
4	24/04/2020	STN-005034	PHẠM QUANG VINH - TRÁI NGỌT TRÁI THƠM
5	24/04/2020	STN-005035	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
6	24/04/2020	STN-005036	PHẠM QUANG VINH - NGÀY HỘI RỪNG XANH
7	24/04/2020	STN-005037	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
8	24/04/2020	STN-005038	PHẠM QUANG VINH - HOA GẠO
9	24/04/2020	STN-005039	PHẠM QUANG VINH - CÂY ĐÈN BIỂN
10	24/04/2020	STN-005040	PHẠM QUANG VINH - CÂY ĐÈN BIỂN
11	24/04/2020	STN-005041	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
12	24/04/2020	STN-005042	PHẠM QUANG VINH - BỐN MÙA QUANH EM
13	24/04/2020	STN-005043	PHẠM QUANG VINH - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
14	24/04/2020	STN-005044	PHẠM QUANG VINH - GÀ MẸ ẤP TRỨNG
15	24/04/2020	STN-005045	TRẦN NGỌC - NGƯỜI VỢ THÔNG MINH
16	24/04/2020	STN-005046	TRẦN NGỌC - NGƯỜI VỢ THÔNG MINH
17	24/04/2020	STN-005047	DIÊM ĐIỀN - SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG
18	24/04/2020	STN-005048	THỤY ANH - SỰ TÍCH CÁI CHỔI
19	24/04/2020	STN-005049	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
20	24/04/2020	STN-005050	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
21	24/04/2020	STN-005051	MINH QUỐC - TỪ THỨC GẶP TIÊN
22	24/04/2020	STN-005052	NGÔ HÀ ANH - NÀNG TIÊN HỒ
23	24/04/2020	STN-005053	NGÔ HÀ ANH - NÀNG TIÊN HỒ
24	24/04/2020	STN-005054	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ
25	24/04/2020	STN-005055	SÔNG TRÀ - SỰ TÍCH CÁ ĐUÔI CỜ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/04/2020	STN-005056	PHÚC THÀNH - CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA
2	24/04/2020	STN-005057	NGUYỄN HUY TƯỞNG - TÌM MẸ
3	24/04/2020	STN-005058	TRẦN QUỐC - SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT
4	24/04/2020	STN-005059	HỒNG HÀ - DŨNG SĨ ĐAM DÔNG
5	24/04/2020	STN-005060	VŨ TÚ NAM - CHUYỆN RÙA VÀNG
6	24/04/2020	STN-005061	PHẠM QUANG VINH - CÔ ONG NHỎ
7	24/04/2020	STN-005062	PHẠM QUANG VINH - THỎ VÀ CHỒN
8	24/04/2020	STN-005063	PHẠM QUANG VINH - ÔNG GIÀ LÀM HOA NỞ
9	24/04/2020	STN-005064	PHẠM QUANG VINH - NGƯỜI CON HIẾU THẢO
10	24/04/2020	STN-005065	PHẠM QUANG VINH - CHÚ MÈO ĐI HIA
11	24/04/2020	STN-005066	PHẠM QUANG VINH - HOÀNG TỬ VÀ CHIM ÉN
12	24/04/2020	STN-005067	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG KÉO
13	24/04/2020	STN-005068	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG LĂN BÁNH XE VÀ TRỤC
14	24/04/2020	STN-005069	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG LĂN BÁNH XE VÀ TRỤC
15	24/04/2020	STN-005070	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG BẨY ĐÒN BẨY
16	24/04/2020	STN-005071	HẠNH NGUYÊN - CẬU LÀM ĐƯỢC MÀ
17	24/04/2020	STN-005072	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐỨNG DẬY ĐI TIẾP
18	24/04/2020	STN-005073	NHIỀU TÁC GIẢ - KẾT BẠN DỄ HAY KHÓ
19	24/04/2020	STN-005074	HẠNH NGUYÊN - CÀI ĐẶT YÊU THƯƠNG
20	24/04/2020	STN-005075	EMILIE BEAUMONT - KHÁC NHAU VÀ ĐỐI NHAU
21	24/04/2020	STN-005076	LUCIENNE MESTRES - TÌM SỰ KHÁC NHAU
22	24/04/2020	STN-005077	LUCIENNE MESTRES - TRÒ CHƠI VỚI CÁI CHUNG
23	24/04/2020	STN-005078	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI
24	24/04/2020	STN-005079	HUY TOÀN - RƠI HAY KHÔNG RƠI
25	24/04/2020	STN-005080	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2013	34,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2007	5,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/04/2020	STN-005081	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
2	24/04/2020	STN-005082	NHỮ NGUYÊN - KHÔNG CHỈ BẰNG CHÂN
3	24/04/2020	STN-005083	VIỆT THẮNG - LIỀU THUỐC THÔNG MINH
4	24/04/2020	STN-005084	THU NGÂN - THIÊN NHIÊN TRONG VƯỜN THÚ
5	24/04/2020	STN-005085	NGUYỄN NHƯ MAI - KỂ CHUYỆN CON MẮT
6	24/04/2020	STN-005086	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI
7	24/04/2020	STN-005087	NGUYỄN NHƯ MAI - XÒE BÀN TAY ĐẾM NGÓN TAY
8	24/04/2020	STN-005088	NGUYỄN NHƯ MAI - XÒE BÀN TAY ĐẾM NGÓN TAY
9	24/04/2020	STN-005089	NHỮ NGUYÊN - GIỌT NƯỚC LẠ KỲ
10	24/04/2020	STN-005090	NHỮ NGUYÊN - CÁI ĐUÔI KHÔNG CHỈ ĐUỔI RUỒI
11	24/04/2020	STN-005091	VŨ KIM DŨNG - CHUYỆN LÝ THÚ VỀ LOÀI CÂY
12	24/04/2020	STN-005092	THU NGÂN - ĐỘNG VẬT CHÀO ĐỜI
13	24/04/2020	STN-005093	NHỮ NGUYÊN - ĐỒNG HỒ TÍCH TẮC
14	24/04/2020	STN-005094	HOÀNG XUÂN VINH - CHUYỆN NHỮNG CHIẾC RĂNG
15	24/04/2020	STN-005095	VŨ KIM DŨNG - CHUYỆN LÝ THÚ VỀ CÁI ĐẦU
16	24/04/2020	STN-005096	PHƯƠNG TRANG - BẢN NHẠC CỦA THỎ TRẮNG
17	24/04/2020	STN-005097	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
18	24/04/2020	STN-005098	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
19	24/04/2020	STN-005099	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM - BÀN TAY CÓ NỤ HÔN
20	24/04/2020	STN-005100	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM - BÀN TAY CÓ NỤ HÔN
21	24/04/2020	STN-005101	PHẠM HỔ - ÔNG CHÁU VÀ TÚP LỀU
22	24/04/2020	STN-005102	TRƯƠNG QUA - ẾCH CON KHOÁC LÁC
23	24/04/2020	STN-005103	TRƯƠNG QUA - ẾCH CON KHOÁC LÁC
24	24/04/2020	STN-005104	LÊ BÁ THI - SỰ TÍCH CON CÒ LỬA
25	24/04/2020	STN-005105	HOÀNG QUẾ CHI - TIẾNG HÓT DIỆU KỲ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/04/2020	STN-005106	HOÀNG QUẾ CHI - TIẾNG HÓT DIỆU KỲ
2	24/04/2020	STN-005107	NGÂN HÀ - CON CHIM XANH
3	24/04/2020	STN-005108	TRẦN ĐĂNG KHOA - KỂ CHO BÉ NGHE
4	24/04/2020	STN-005109	THANH HƯƠNG - CẢM ƠN AI
5	24/04/2020	STN-005110	THANH HƯƠNG - CHÚ THỎ LẠC ĐƯỜNG
6	24/04/2020	STN-005111	THANH HƯƠNG - CHÚ THỎ LẠC ĐƯỜNG
7	24/04/2020	STN-005112	THANH HƯƠNG - CHÚ THỎ LẠC ĐƯỜNG
8	24/04/2020	STN-005113	HOÀNG QUÂN - CHÚ GẤU THAM ĂN
9	24/04/2020	STN-005114	THẢO QUYÊN - ÔNG TƯỚNG CANH ĐỀN
10	24/04/2020	STN-005115	HOÀNG ANH - TRỘM VỊT
11	24/04/2020	STN-005116	HOÀNG ANH - TRỘM VỊT
12	24/04/2020	STN-005117	HUỲNH THANH VÂN - SAO TRỜI SAO BIỂN
13	24/04/2020	STN-005118	PHƯƠNG THẢO - MÈO CON KHÔNG BIẾT VÂNG LỜI
14	24/04/2020	STN-005119	NHÂN VĂN - BÀN TAY ĐEN KỲ LẠ
15	24/04/2020	STN-005120	ANH PHƯƠNG - CHÀNG NGỐC HỌC KHÔN
16	24/04/2020	STN-005121	ANH PHƯƠNG - CHÀNG NGỐC HỌC KHÔN
17	24/04/2020	STN-005122	ANH PHƯƠNG - BA ANH ĐẦY TỚ
18	24/04/2020	STN-005123	ANH PHƯƠNG - BA ANH ĐẦY TỚ
19	24/04/2020	STN-005124	HÀ ÂN - CÁI CHUM VÀNG
20	24/04/2020	STN-005125	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÓ CON DŨNG CẢM
21	24/04/2020	STN-005126	NGUYỄN QUANG - TIỂU HỒ PHIÊU LƯU
22	24/04/2020	STN-005127	NGUYỄN QUANG - TIỂU HỒ PHIÊU LƯU
23	24/04/2020	STN-005128	TRẦN HOÀNG VY - MƯA NẮM MỐI
24	24/04/2020	STN-005129	HỒ ANH TUẤN - CHÀNG DŨNG SĨ DƯỚI ĐÁY BIỂN
25	24/04/2020	STN-005130	HỒ ANH TUẤN - CHÀNG DŨNG SĨ DƯỚI ĐÁY BIỂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,200	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV13	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Thanh niên	HN	2006	7,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2004	3,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV13	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/04/2020	STN-005131	TRẦN KIM TRẮC - ĐÔI BẠN
2	24/04/2020	STN-005132	TRẦN KIM TRẮC - ĐÔI BẠN
3	24/04/2020	STN-005133	NGHIÊM ĐA VĂN - CỎ BỒ ĐỀ
4	24/04/2020	STN-005134	W.G.VANDEHULST - BÁNH NHO BIẾU BÀ
5	24/04/2020	STN-005135	W.G.VANDEHULST - ÔNG GIÀ SỨ
6	24/04/2020	STN-005136	NGUYỄN GIAO CƯ - NGƯỜI ĐẸP TRONG TRANH
7	24/04/2020	STN-005137	NGUYỄN GIAO CƯ - HỌC CHỮ TRÊN BÙN
8	24/04/2020	STN-005138	NGUYỄN GIAO CƯ - HIẾU TỬ DIỆT HỔ
9	24/04/2020	STN-005139	NGUYỄN GIAO CƯ - DUYÊN NỢ TÁI SINH
10	24/04/2020	STN-005140	NGUYỄN GIAO CƯ - MẸ GÀ CON VỊT
11	24/04/2020	STN-005141	NGUYỄN GIAO CƯ - CON KIẾN VÀNG
12	24/04/2020	STN-005142	NGUYỄN GIAO CƯ - BA CHÀNG ĐẠI LỰC SĨ
13	28/04/2020	STN-005143	PHƯƠNG LINH - AN TOÀN KHI RA ĐƯỜNG
14	28/04/2020	STN-005144	PHẠM QUANG VINH - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
15	28/04/2020	STN-005145	PHẠM QUANG VINH - SÓI VÀ BÁC SĨ GÕ KIẾN
16	28/04/2020	STN-005146	PHẠM QUANG VINH - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
17	28/04/2020	STN-005147	PHẠM QUANG VINH - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
18	28/04/2020	STN-005148	PHẠM QUANG VINH - CÁO, CÚ VÀ QUẠ
19	28/04/2020	STN-005149	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ THÔNG MINH
20	28/04/2020	STN-005150	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ THÔNG MINH
21	28/04/2020	STN-005151	VŨ BỘI TUYỀN - AN TOÀN TRONG TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT
22	28/04/2020	STN-005152	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM LÀ ĐỨA TRẺ ĐÁNG YÊU
23	28/04/2020	STN-005153	VŨ BỘI TUYỀN - ĐỂ EM LÀ ĐỨA TRẺ ĐÁNG YÊU
24	28/04/2020	STN-005154	THANH HƯƠNG - MÈO CON ĐÁNH RĂNG
25	28/04/2020	STN-005155	ALAIN JOST - VOI CON

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	4,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,500	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2004	4,000	ĐN13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	19,000	ĐV13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	19,000	ĐV13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	19,000	ĐV13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	19,000	ĐV13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	19,000	ĐV13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	19,000	ĐV13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2004	19,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2016	36,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	3							
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/04/2020	STN-005156	MARIE DUVAL - GẤU CON
2	28/04/2020	STN-005157	QUỲNH LIÊN - VÌ SAO TỚ KHÔNG NÊN CHƠI ĂN GIAN
3	28/04/2020	STN-005158	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO CÓ ĐƯỢC NÚI CAO
4	28/04/2020	STN-005159	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU XIN LỖI
5	28/04/2020	STN-005160	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI NÓI CHUYỆN ĐIỆN THOẠI
6	28/04/2020	STN-005161	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
7	28/04/2020	STN-005162	HỮU THỈNH - NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG
8	28/04/2020	STN-005163	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
9	28/04/2020	STN-005164	HỮU THỈNH - MƯA BÓNG MÂY
10	28/04/2020	STN-005165	HỮU THỈNH - CẢ NHÀ THƯƠNG NHAU
11	28/04/2020	STN-005166	HỮU THỈNH - CẢ NHÀ THƯƠNG NHAU
12	28/04/2020	STN-005167	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
13	28/04/2020	STN-005168	HỮU THỈNH - BƯỚC MÙA XUÂN
14	28/04/2020	STN-005169	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
15	28/04/2020	STN-005170	HỮU THỈNH - RÙA CON ĐI CHỢ
16	28/04/2020	STN-005171	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
17	28/04/2020	STN-005172	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
18	28/04/2020	STN-005173	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
19	28/04/2020	STN-005174	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
20	28/04/2020	STN-005175	HỮU THỈNH - MÈO CON ĐI HỌC
21	28/04/2020	STN-005176	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
22	28/04/2020	STN-005177	HỮU THỈNH - CÁI NẮNG NGHỊCH
23	28/04/2020	STN-005178	HỮU THỈNH - TRĂNG CỦA MỖI NGƯỜI
24	28/04/2020	STN-005179	HỮU THỈNH - TRĂNG CỦA MỖI NGƯỜI
25	28/04/2020	STN-005180	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/04/2020	STN-005181	HỮU THỈNH - CHỒNG NỤ CHỒNG HOA
2	28/04/2020	STN-005182	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
3	28/04/2020	STN-005183	HỮU THỈNH - DÀN NHẠC VE
4	28/04/2020	STN-005184	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
5	28/04/2020	STN-005185	HỮU THỈNH - SỐ 0 TINH NGHỊCH
6	28/04/2020	STN-005186	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
7	28/04/2020	STN-005187	HỮU THỈNH - KHI BÉ HOA RA ĐỜI
8	28/04/2020	STN-005188	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
9	28/04/2020	STN-005189	HỮU THỈNH - LỜI RU CỦA MẸ
10	28/04/2020	STN-005190	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
11	28/04/2020	STN-005191	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
12	28/04/2020	STN-005192	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
13	28/04/2020	STN-005193	HỮU THỈNH - CÁI SÂN CHƠI BIẾT ĐI
14	28/04/2020	STN-005194	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
15	28/04/2020	STN-005195	HỮU THỈNH - CÁNH CỬA NHỚ BÀ
16	28/04/2020	STN-005196	PHAN HOÀNG LỆ THỦY - CHUYỆN NGỤ NGÔN VỀ MIẾNG PHO MÁT
17	28/04/2020	STN-005197	THÁI QUANG SA - VẬN ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE BỐN MÙA
18	28/04/2020	STN-005198	NGUYỄN THỊ NGA - VÌ SAO VOI CÓ VÒI DÀI
19	28/04/2020	STN-005199	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
20	28/04/2020	STN-005200	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 1
21	28/04/2020	STN-005201	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 2
22	28/04/2020	STN-005202	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
23	28/04/2020	STN-005203	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 3
24	28/04/2020	STN-005204	THANH HƯƠNG - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
25	28/04/2020	STN-005205	THANH HƯƠNG - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	8,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	11,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/04/2020	STN-005206	THANH HƯƠNG - BUBU THAM ĂN
2	28/04/2020	STN-005207	THANH HƯƠNG - BUBU THAM ĂN
3	28/04/2020	STN-005208	THANH HƯƠNG - BUBU THAM ĂN
4	28/04/2020	STN-005209	TIỂU VI THANH - BUBU ĐI CHƠI
5	28/04/2020	STN-005210	TIỂU VI THANH - BUBU ĐI CHƠI
6	28/04/2020	STN-005211	THANH HƯƠNG - BUBU GIẬN HỜN
7	28/04/2020	STN-005212	THANH HƯƠNG - BUBU BỊ BỆNH
8	28/04/2020	STN-005213	THANH HƯƠNG - BUBU BỊ BỆNH
9	28/04/2020	STN-005214	THANH HƯƠNG - BUBU CÓ EM
10	28/04/2020	STN-005215	THANH HƯƠNG - BUBU CÓ EM
11	28/04/2020	STN-005216	THANH HƯƠNG - BUBU KHÔNG CẨN THẬN
12	28/04/2020	STN-005217	THANH HƯƠNG - BUBU CHƠI VỚI LỬA
13	28/04/2020	STN-005218	THANH HƯƠNG - BUBU ĐẾN TRƯỜNG
14	28/04/2020	STN-005219	THANH HƯƠNG - BUBU LÀM HỌA SĨ
15	28/04/2020	STN-005220	THANH HƯƠNG - BUBU LÀM HỌA SĨ
16	28/04/2020	STN-005221	THANH HƯƠNG - BUBU TRUNG THỰC
17	28/04/2020	STN-005222	THANH HƯƠNG - BUBU TRUNG THỰC
18	28/04/2020	STN-005223	THANH HƯƠNG - BUBU ĐI LẠC
19	28/04/2020	STN-005224	THANH HƯƠNG - BUBU ĐI LẠC
20	28/04/2020	STN-005225	THANH HƯƠNG - BUBU ÍCH KỶ
21	28/04/2020	STN-005226	THANH HƯƠNG - BUBU ÍCH KỶ
22	28/04/2020	STN-005227	THANH HƯƠNG - BUBU NHẬN LỖI
23	28/04/2020	STN-005228	TIỂU VI THANH - BUBU THÍCH KHỦNG LONG
24	28/04/2020	STN-005229	TIỂU VI THANH - BUBU THÍCH KHỦNG LONG
25	28/04/2020	STN-005230	QUỐC VIỆT - GÀ TƠ ĐI HỌC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/04/2020	STN-005231	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU HAM CHƠI
2	28/04/2020	STN-005232	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LỄ GIÁO
3	28/04/2020	STN-005233	MINH ANH - VĨ CẦM BẰNG QUẢ LÊ
4	28/04/2020	STN-005234	MINH ANH - VĨ CẦM BẰNG QUẢ LÊ
5	28/04/2020	STN-005235	MINH ANH - VĨ CẦM BẰNG QUẢ LÊ
6	28/04/2020	STN-005236	MINH ANH - VĨ CẦM BẰNG QUẢ LÊ
7	28/04/2020	STN-005237	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU CHƠI TRỐN TÌM
8	28/04/2020	STN-005238	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TÌM THẤY QUẢ BANH ĐỎ
9	28/04/2020	STN-005239	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU VÀ MÈO CON
10	28/04/2020	STN-005240	AMANDA DOERINH - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ TRONG PHÒNG ĂN TRƯA
11	28/04/2020	STN-005241	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ TRONG THƯ VIỆN
12	28/04/2020	STN-005242	CARRIE FINN - BÉ TẬP ỨNG XỬ LỊCH SỰ KHI ĐI CHƠI CÔNG VIÊN
13	28/04/2020	STN-005243	NHẬT TÂN - MÃ VẠCH LÀ GÌ
14	28/04/2020	STN-005244	NHẬT TÂN - MÃ VẠCH LÀ GÌ
15	28/04/2020	STN-005245	NGUYỄN THỦY - BỘ QUẦN ÁO MỚI CỦA HOÀNG ĐẾ
16	28/04/2020	STN-005246	NGÔ MINH VÂN - CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ
17	28/04/2020	STN-005247	NGỌC DUNG - BÀN TAY NGOAN
18	28/04/2020	STN-005248	NGỌC DUNG - BÀN TAY NGOAN
19	28/04/2020	STN-005249	NGỌC DUNG - BÀN TAY NGOAN
20	28/04/2020	STN-005250	NGỌC DUNG - BÀN TAY NGOAN
21	28/04/2020	STN-005251	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
22	28/04/2020	STN-005252	MINH QUỐC - CHÚ ẾCH XANH
23	28/04/2020	STN-005253	VĨNH AN - CHIẾN DỊCH TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG
24	29/04/2020	STN-005254	TIỂU VI THANH - BUBU THÍCH KHỦNG LONG
25	29/04/2020	STN-005255	LISA MAGLOFF - GẤU CON

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2014	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2015	9,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2002	4,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2002	4,000	ĐN18	3							
Hồng Đức	HN	2011	12,500	ĐV18	3							
Dân Trí	HN	2014	8,000	ĐN17	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	19,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/04/2020	STN-005256	LISA MAGLOFF - VỊT CON
2	29/04/2020	STN-005257	TẤN CHI - BÁCH KHOA THƯ THIẾU NHI
3	29/04/2020	STN-005258	LE LOMBARD - VỤ CƯỚP TRONG PHIM
4	29/04/2020	STN-005259	MINH HIẾU - LÝ THƯỜNG KIỆT
5	29/04/2020	STN-005260	LÊ VÂN - TRẦN HƯNG ĐẠO
6	29/04/2020	STN-005261	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
7	29/04/2020	STN-005262	VIỆT QUỲNH - TÔ HIẾN THÀNH
8	29/04/2020	STN-005263	HOÀNG LAM - NGÔ QUYỀN ĐẠI PHÁ QUÂN NAM HÁN
9	29/04/2020	STN-005264	HOÀNG LAM - LÊ QUÝ ĐÔN
10	29/04/2020	STN-005265	HOÀNG LAM - LÊ QUÝ ĐÔN
11	29/04/2020	STN-005266	JACKIE GAFF - SA MẠC SAHARA LẠNH VỀ ĐÊM VÀ NHỮNG CÂU HỎI KHÁC VỀ HOANG MẠC
12	29/04/2020	STN-005267	NGỌC HÀ - HẠNH PHÚC Ở ĐÂU
13	29/04/2020	STN-005268	MITSUE ALLEN-TAMAI - HẠT CÂY MA THUẬT
14	29/04/2020	STN-005269	MITSUE ALLEN-TAMAI - HẠT CÂY MA THUẬT
15	29/04/2020	STN-005270	MITSUE ALLEN-TAMAI - HẠT CÂY MA THUẬT
16	29/04/2020	STN-005271	MITSUE ALLEN-TAMAI - HẠT CÂY MA THUẬT
17	29/04/2020	STN-005272	MITSUE ALLEN-TAMAI - CUỐN SÁCH ĐỘNG VẬT SỐNG
18	29/04/2020	STN-005273	THANH HƯƠNG - NHỮNG CON VẬT NUÔI TRONG NHÀ
19	29/04/2020	STN-005274	PHẠM QUANG VINH - BE HE NỔI LOẠN
20	29/04/2020	STN-005275	PHẠM QUANG VINH - BE HE NỔI LOẠN
21	29/04/2020	STN-005276	PHẠM QUANG VINH - XUẤT CHIÊU DIỆT QUÁI
22	29/04/2020	STN-005277	PHẠM QUANG VINH - XUẤT CHIÊU DIỆT QUÁI
23	29/04/2020	STN-005278	PHẠM QUANG VINH - XUẤT CHIÊU DIỆT QUÁI
24	29/04/2020	STN-005279	PHẠM QUANG VINH - XUẤT CHIÊU DIỆT QUÁI
25	29/04/2020	STN-005280	PHẠM QUANG VINH - XUẤT CHIÊU DIỆT QUÁI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	3							
Dân Trí	HN	2012	235,000	ĐN19	3							
Trẻ	TPHCM	2005	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Dân Trí	HN	2013	30,000	ĐN18	3							
Phụ Nữ	TPHCM	2004	10,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	17,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/04/2020	STN-005281	PHẠM QUANG VINH - XUẤT CHIÊU DIỆT QUÁI
2	29/04/2020	STN-005282	PHẠM QUANG VINH - XỨNG ĐÔI VỪA LỨA
3	29/04/2020	STN-005283	PHẠM QUANG VINH - XỨNG ĐÔI VỪA LỨA
4	29/04/2020	STN-005284	PHẠM QUANG VINH - SÍNH LỄ THẦN TIÊN
5	29/04/2020	STN-005285	PHẠM QUANG VINH - ÂM MƯU TRIỆT QUỐC
6	29/04/2020	STN-005286	PHẠM QUANG VINH - ÂM MƯU TRIỆT QUỐC
7	29/04/2020	STN-005287	PHẠM QUANG VINH - ÂM MƯU TRIỆT QUỐC
8	29/04/2020	STN-005288	PHẠM QUANG VINH - ÂM MƯU TRIỆT QUỐC
9	29/04/2020	STN-005289	PHẠM QUANG VINH - ÂM MƯU TRIỆT QUỐC
10	29/04/2020	STN-005290	PHẠM QUANG VINH - MÓN QUÀ BẤT NGỜ
11	29/04/2020	STN-005291	PHẠM QUANG VINH - MÓN QUÀ BẤT NGỜ
12	29/04/2020	STN-005292	PHẠM QUANG VINH - KẾ SÁCH KHÔNG THÀNH
13	29/04/2020	STN-005293	PHẠM QUANG VINH - KẾ SÁCH KHÔNG THÀNH
14	29/04/2020	STN-005294	PHẠM QUANG VINH - KẾ SÁCH KHÔNG THÀNH
15	29/04/2020	STN-005295	PHẠM QUANG VINH - KẾ SÁCH KHÔNG THÀNH
16	29/04/2020	STN-005296	PHẠM QUANG VINH - KHẾ ƯỚC CUỐI CÙNG
17	29/04/2020	STN-005297	PHẠM QUANG VINH - KHẾ ƯỚC CUỐI CÙNG
18	29/04/2020	STN-005298	PHẠM QUANG VINH - KHẾ ƯỚC CUỐI CÙNG
19	29/04/2020	STN-005299	RYU TAEK HEE - PHƯỢNG HOÀNG KIM
20	29/04/2020	STN-005300	RYU TAEK HEE - PHƯỢNG HOÀNG KIM
21	29/04/2020	STN-005301	HÂU-UỐT PAI - RÔ-BIN-HUT
22	29/04/2020	STN-005302	HÂU-UỐT PAI - RÔ-BIN-HUT
23	29/04/2020	STN-005303	MÔ-RÍT LƠ-BLANG - LUY-PANH
24	29/04/2020	STN-005304	U-I-ĐA - CHÚ CHÓ VÙNG PHƠ-LAN-ĐƠ
25	29/04/2020	STN-005305	RÔ-BỚT XTI-VEN-XƠN - ĐẢO GIẤU VÀNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/04/2020	STN-005306	RÔ-BỚT XTI-VEN-XƠN - ĐẢO GIẤU VÀNG
2	29/04/2020	STN-005307	VICH-TO HUY-GÔ - NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ
3	29/04/2020	STN-005308	CÁC-LÔ CÔ-LO-ĐI - PI-NÔ-KI-Ô
4	29/04/2020	STN-005309	UY-LI-AM SẾCH-XPIA - NGƯỜI LÁI BUÔN THÀNH VƠ-NI-DƠ
5	29/04/2020	STN-005310	GIUYN VÉC-NƠ - TÁM MƯƠI 80 NGÀY VÒNG QUANH THẾ GIỚI
6	29/04/2020	STN-005311	GIUYN VÉC-NƠ - TÁM MƯƠI 80 NGÀY VÒNG QUANH THẾ GIỚI
7	29/04/2020	STN-005312	THANH BÌNH - NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỌC TRƯỚC KHI ĐI NGỦ
8	29/04/2020	STN-005313	THANH BÌNH - NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỌC TRƯỚC KHI ĐI NGỦ
9	29/04/2020	STN-005314	HÀ GIANG - CHÒM SAO TRÊN BẦU TRỜI
10	29/04/2020	STN-005315	HÙNG LÂN - CÁNH DIỀU ƯỚC MƠ
11	29/04/2020	STN-005316	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
12	29/04/2020	STN-005317	HÙNG LÂN - BÀI HỌC ĐẮT GIÁ
13	29/04/2020	STN-005318	HOÀNG ANH - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU VƯỢT LÊN SỐ PHẬN
14	29/04/2020	STN-005319	HOÀNG ANH - CHA GIÀ DẠY CON THI ĐỖ TIẾN SĨ
15	29/04/2020	STN-005320	PHAN THỊ - TRẢ ÂN TRẢ OÁN
16	29/04/2020	STN-005321	PHAN THỊ - TRỔ TÀI ĐÒI NỢ
17	29/04/2020	STN-005322	PHAN THỊ - ANH HÙNG ĐAM DÔNG
18	29/04/2020	STN-005323	PHAN THỊ - THÂN CỌ CÓ GAI
19	29/04/2020	STN-005324	PHAN THỊ - THÂN CỌ CÓ GAI
20	29/04/2020	STN-005325	PHAN THỊ - TƯỢNG ĐÁ NÓI CƯỜI
21	29/04/2020	STN-005326	PHAN THỊ - AI MUA HÀNH TÔI
22	29/04/2020	STN-005327	KIM KHÁNH - VUA HEO
23	29/04/2020	STN-005328	KIM KHÁNH - SƠN TINH-THỦY TINH
24	29/04/2020	STN-005329	KIM KHÁNH - SỰ TÍCH CON CHUỘT VÀ CON MÈO
25	29/04/2020	STN-005330	PHẠM QUANG VINH - THỎ CON THÔNG MINH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	ĐN18	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	58,000	ĐN13	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	58,000	ĐN13	3							
Trẻ	TPHCM	2004	3,500	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	9,500	ĐV17	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	9,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/04/2020	STN-005331	PHẠM THU YẾN - TRUYỆN CỔ TÍCH VỀ CÁC LOÀI VẬT
2	29/04/2020	STN-005332	CHALES CARNEY - PHÉP THUẬT TRONG LÂU ĐÀI
3	29/04/2020	STN-005333	KUSUMI HUE - KĨ NĂNG ĐI RA NGOÀI
4	29/04/2020	STN-005334	ELIZABETH RAUM - CÂU CHUYỆN PHÍA SAU THỜI GIAN
5	29/04/2020	STN-005335	CHALES CARNEY - MÈO TOM PHUN LỬA
6	29/04/2020	STN-005336	CHALES CARNEY - HÒN ĐẢO LỬA
7	29/04/2020	STN-005337	LÊ LINH - LÂU ĐÀI GIỮA TRỜI
8	29/04/2020	STN-005338	LÊ LINH - ĐỨA CON THẤT LẠC
9	29/04/2020	STN-005339	LÊ LINH - NÁO LOẠN KINH THÀNH
10	29/04/2020	STN-005340	PHẠM QUANG VINH - CẬU BÉ ĐẦU BỰ 1
11	29/04/2020	STN-005341	NGUYỄN AN TRƯỜNG NHỰT - CHUYỆN CỦA CHIM SẺ
12	29/04/2020	STN-005342	NGUYỄN ĐÌNH THI - CÁI TẾT CỦA MÈO CON
13	29/04/2020	STN-005343	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - TRONG THẾ GIỚI HOẠT HÌNH
14	29/04/2020	STN-005344	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - TRONG THẾ GIỚI HOẠT HÌNH
15	29/04/2020	STN-005345	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - TRONG THẾ GIỚI HOẠT HÌNH
16	29/04/2020	STN-005346	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - TRONG THẾ GIỚI HOẠT HÌNH
17	29/04/2020	STN-005347	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - TRONG THẾ GIỚI HOẠT HÌNH
18	29/04/2020	STN-005348	NGUYỄN NGỌC - NHỮNG CÂU ĐỐ VUI CHO TRẺ EM
19	29/04/2020	STN-005349	BÙI CHÍ VINH - HẢI ĐẠI BÀNG
20	29/04/2020	STN-005350	BÙI CHÍ VINH - HẢI ĐẠI BÀNG
21	29/04/2020	STN-005351	PHÙNG THỊ TƯỜNG - CHỦ ĐỀ GIAO THÔNG
22	29/04/2020	STN-005352	PHÙNG THỊ TƯỜNG - CHỦ ĐỀ GIAO THÔNG
23	29/04/2020	STN-005353	PHÙNG THỊ TƯỜNG - CHỦ ĐỀ GIAO THÔNG
24	29/04/2020	STN-005354	PHÙNG THỊ TƯỜNG - CHỦ ĐỀ GIAO THÔNG
25	29/04/2020	STN-005355	PHÙNG THỊ TƯỜNG - CHỦ ĐỀ GIAO THÔNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2014	9,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2014	32,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2013	32,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	8,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	8,000	ĐV18	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	8,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2014	21,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2009	12,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2009	12,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2009	12,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2009	12,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2009	12,000	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2010	15,500	ĐV19	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/04/2020	STN-005356	LƯƠNG THỊ BÌNH - CHỦ ĐỀ NGHỀ NGHIỆP
2	29/04/2020	STN-005357	LƯƠNG THỊ BÌNH - CHỦ ĐỀ NGHỀ NGHIỆP
3	29/04/2020	STN-005358	LƯƠNG THỊ BÌNH - CHỦ ĐỀ NGHỀ NGHIỆP
4	29/04/2020	STN-005359	BÙI KIM TUYẾN - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH
5	29/04/2020	STN-005360	BÙI KIM TUYẾN - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH
6	29/04/2020	STN-005361	BÙI KIM TUYẾN - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH
7	29/04/2020	STN-005362	BÙI KIM TUYẾN - CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH
8	29/04/2020	STN-005363	LÊ THU HƯƠNG - CHỦ ĐỀ BẢN THÂN
9	29/04/2020	STN-005364	LÊ THU HƯƠNG - CHỦ ĐỀ BẢN THÂN
10	29/04/2020	STN-005365	LÊ THU HƯƠNG - CHỦ ĐỀ BẢN THÂN
11	29/04/2020	STN-005366	LÊ THU HƯƠNG - CHỦ ĐỀ BẢN THÂN
12	29/04/2020	STN-005367	LÊ THU HƯƠNG - CHỦ ĐỀ BẢN THÂN
13	29/04/2020	STN-005368	NGUYỄN NGỌC HẢI - NHỮNG LOÀI CHIM ĐÁNG YÊU
14	04/05/2020	STK-004001	LƯƠNG HÙNG - CON TRAI VÀ CON GÁI
15	04/05/2020	STK-004002	LƯƠNG HÙNG - SỰ KHÁC BIỆT
16	04/05/2020	STK-004003	LƯƠNG HÙNG - Ở TRƯỜNG
17	04/05/2020	STK-004004	BÍCH NGA - LỊCH SỰ, TẾ NHỊ TRONG GIAO TIẾP
18	04/05/2020	STK-004005	LƯƠNG HÙNG - TRONG GIA ĐÌNH
19	04/05/2020	STK-004006	LƯƠNG HÙNG - TRONG GIA ĐÌNH
20	04/05/2020	STK-004007	LƯƠNG HÙNG - TRONG GIA ĐÌNH
21	04/05/2020	STK-004008	LƯƠNG HÙNG - TRONG GIA ĐÌNH
22	04/05/2020	STK-004009	LƯƠNG HÙNG - TRONG GIA ĐÌNH
23	04/05/2020	STK-004010	LƯƠNG HÙNG - TÌNH YÊU TỰ DO VÀ HÒA BÌNH
24	04/05/2020	STK-004011	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
25	04/05/2020	STK-004012	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	6,500	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	6,500	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	6,500	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	8,100	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	8,100	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	8,100	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	8,100	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Giáo dục	HN	2009	7,300	ĐV19	3							
Kim Đồng	HN	2003	6,000	ĐV25	3							
Trẻ	TPHCM	2004	5,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	4,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	4,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	10,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2003	6,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/05/2020	STK-004013	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
2	04/05/2020	STK-004014	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
3	04/05/2020	STK-004015	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
4	04/05/2020	STK-004016	NHIỀU TÁC GIẢ - KHÁT VỌNG VÀ ƯỚC MƠ
5	04/05/2020	STK-004017	NHIỀU TÁC GIẢ - KHÁT VỌNG VÀ ƯỚC MƠ
6	04/05/2020	STK-004018	NHIỀU TÁC GIẢ - KHÁT VỌNG VÀ ƯỚC MƠ
7	04/05/2020	STK-004019	LƯƠNG HÙNG - LÒNG BIẾT ƠN
8	04/05/2020	STK-004020	LƯƠNG HÙNG - LÒNG BIẾT ƠN
9	04/05/2020	STK-004021	LƯƠNG HÙNG - LÒNG BIẾT ƠN
10	04/05/2020	STK-004022	LƯƠNG HÙNG - LÒNG BIẾT ƠN
11	04/05/2020	STK-004023	NGUYỄN HẠNH - GIA ĐÌNH
12	04/05/2020	STK-004024	NGUYỄN HẠNH - GIA ĐÌNH
13	04/05/2020	STK-004025	NGUYỄN HẠNH - GIA ĐÌNH
14	04/05/2020	STK-004026	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THÂN ÁI
15	04/05/2020	STK-004027	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THÂN ÁI
16	04/05/2020	STK-004028	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THÂN ÁI
17	04/05/2020	STK-004029	NGUYỄN HẠNH - TÌNH CHA
18	04/05/2020	STK-004030	NGUYỄN HẠNH - TÌNH CHA
19	04/05/2020	STK-004031	NGUYỄN HẠNH - TÌNH CHA
20	04/05/2020	STK-004032	NGUYỄN HẠNH - TÌNH MẪU TỬ
21	04/05/2020	STK-004033	NGUYỄN HẠNH - TÌNH MẪU TỬ
22	04/05/2020	STK-004034	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THẦY TRÒ
23	04/05/2020	STK-004035	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THẦY TRÒ
24	04/05/2020	STK-004036	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THẦY TRÒ
25	04/05/2020	STK-004037	NGUYỄN HẠNH - TÌNH THẦY TRÒ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2006	5,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	5,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	7,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	6,500	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/05/2020	STK-004038	LƯƠNG HÙNG - TÌNH YÊU TỰ DO VÀ HÒA BÌNH
2	04/05/2020	STK-004039	LƯƠNG HÙNG - TÌNH YÊU TỰ DO VÀ HÒA BÌNH
3	04/05/2020	STK-004040	BÍCH NGA - LÒNG NHÂN ÁI
4	04/05/2020	STK-004041	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG BIẾT ƠN
5	04/05/2020	STK-004042	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG BIẾT ƠN
6	04/05/2020	STK-004043	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG BIẾT ƠN
7	04/05/2020	STK-004044	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG BIẾT ƠN
8	04/05/2020	STK-004045	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG TRUNG THỰC
9	04/05/2020	STK-004046	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG TRUNG THỰC
10	04/05/2020	STK-004047	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG TRUNG THỰC
11	04/05/2020	STK-004048	NHIỀU TÁC GIẢ - TÌNH BẠN
12	04/05/2020	STK-004049	NHIỀU TÁC GIẢ - TÌNH BẠN
13	04/05/2020	STK-004050	NHIỀU TÁC GIẢ - TÌNH BẠN
14	04/05/2020	STK-004051	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG YÊU THƯƠNG
15	04/05/2020	STK-004052	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG YÊU THƯƠNG
16	04/05/2020	STK-004053	VÕ NGỌC CHÂU - SIÊNG NĂNG KIÊN TRÌ
17	04/05/2020	STK-004054	VÕ NGỌC CHÂU - SIÊNG NĂNG KIÊN TRÌ
18	04/05/2020	STK-004055	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG VỊ THA
19	04/05/2020	STK-004056	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG VỊ THA
20	04/05/2020	STK-004057	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG VỊ THA
21	04/05/2020	STK-004058	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG VỊ THA
22	04/05/2020	STK-004059	VÕ NGỌC CHÂU - KHIÊM TỐN NHƯỜNG NHỊN
23	04/05/2020	STK-004060	VÕ NGỌC CHÂU - KHIÊM TỐN NHƯỜNG NHỊN
24	04/05/2020	STK-004061	VÕ NGỌC CHÂU - KHIÊM TỐN NHƯỜNG NHỊN
25	04/05/2020	STK-004062	VÕ NGỌC CHÂU - KHIÊM TỐN NHƯỜNG NHỊN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/05/2020	STK-004063	LƯƠNG HÙNG - TÍNH LƯƠNG THIỆN
2	04/05/2020	STK-004064	LƯƠNG HÙNG - TÍNH LƯƠNG THIỆN
3	04/05/2020	STK-004065	LƯƠNG HÙNG - TÍNH LƯƠNG THIỆN
4	04/05/2020	STK-004066	LƯƠNG HÙNG - TÍNH LƯƠNG THIỆN
5	04/05/2020	STK-004067	LƯƠNG HÙNG - TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
6	04/05/2020	STK-004068	LƯƠNG HÙNG - TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
7	04/05/2020	STK-004069	LƯƠNG HÙNG - TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
8	04/05/2020	STK-004070	LƯƠNG HÙNG - TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
9	04/05/2020	STK-004071	LƯƠNG HÙNG - LÒNG QUYẾT TÂM
10	04/05/2020	STK-004072	LƯƠNG HÙNG - LÒNG QUYẾT TÂM
11	04/05/2020	STK-004073	LƯƠNG HÙNG - LÒNG QUYẾT TÂM
12	04/05/2020	STK-004074	LƯƠNG HÙNG - LÒNG QUYẾT TÂM
13	04/05/2020	STK-004075	LƯƠNG HÙNG - LÒNG QUYẾT TÂM
14	04/05/2020	STK-004076	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG DŨNG CẢM
15	04/05/2020	STK-004077	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG DŨNG CẢM
16	04/05/2020	STK-004078	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG DŨNG CẢM
17	04/05/2020	STK-004079	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
18	04/05/2020	STK-004080	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
19	04/05/2020	STK-004081	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
20	04/05/2020	STK-004082	BÍCH NGA - LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
21	04/05/2020	STK-004083	BÍCH NGA - LÒNG CAN ĐẢM
22	04/05/2020	STK-004084	BÍCH NGA - LÒNG CAN ĐẢM
23	04/05/2020	STK-004085	HOÀNG LẠI GIAN - TRƯƠNG VĨNH KÝ BI KỊCH MUÔN ĐỜI
24	04/05/2020	STK-004086	HOÀNG LẠI GIAN - TRƯƠNG VĨNH KÝ BI KỊCH MUÔN ĐỜI
25	04/05/2020	STK-004087	NGUYỆT TÚ - NGUYỄN PHAN CHÁNH ÔNG TỔ TRANH LỤA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2009	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	8,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	25,000	V13	3							
Kim Đồng	HN	2005	25,000	V13	3							
Kim Đồng	HN	2005	15,000	V13	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/05/2020	STK-004088	NGUYỆT TÚ - NGUYỄN PHAN CHÁNH ÔNG TỔ TRANH LỤA
2	04/05/2020	STK-004089	NHIỀU TÁC GIẢ - THẦY TÔI
3	04/05/2020	STK-004090	NHIỀU TÁC GIẢ - THẦY TÔI
4	04/05/2020	STK-004091	NHIỀU TÁC GIẢ - THẦY TÔI
5	04/05/2020	STK-004092	NHIỀU TÁC GIẢ - THẦY TÔI 2
6	04/05/2020	STK-004093	NHIỀU TÁC GIẢ - THẦY TÔI 2
7	04/05/2020	STK-004094	NHIỀU TÁC GIẢ - THẦY TÔI 2
8	04/05/2020	STK-004095	LÊ ANH DŨNG - BÓNG MÁT YÊU THƯƠNG
9	04/05/2020	STK-004096	TRẦN VĂN THẮNG - TÌNH CẢM GIA ĐÌNH QUYỂN 2
10	04/05/2020	STK-004097	LƯU THU THỦY - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH VÀ LÍ THÚ TẬP 1
11	04/05/2020	STK-004098	LƯU THU THỦY - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH VÀ LÍ THÚ TẬP 1
12	04/05/2020	STK-004099	TRẦN HÒA BÌNH - NHỮNG CÂU CHUYỆN BỔ ÍCH VÀ LÍ THÚ TẬP 2
13	04/05/2020	STK-004100	CHU HUY - ÔNG VÀ CHÁU
14	04/05/2020	STK-004101	NGUYỄN LÊ TUẤN - NHỮNG GƯƠNG KIÊN TRÌ HỌC TẬP
15	04/05/2020	STK-004102	NGUYỄN LÊ TUẤN - NHỮNG GƯƠNG KIÊN TRÌ HỌC TẬP
16	04/05/2020	STK-004103	NGUYỄN LÊ TUẤN - NHỮNG GƯƠNG KIÊN TRÌ HỌC TẬP
17	04/05/2020	STK-004104	NGUYỄN LÊ TUẤN - NHỮNG GƯƠNG KIÊN TRÌ HỌC TẬP
18	04/05/2020	STK-004105	NGUYỄN LÊ TUẤN - TRUYỆN VỀ LÒNG HIẾU THẢO VÀ KÍNH TRỌNG NGƯỜI GIÀ
19	04/05/2020	STK-004106	NGUYỄN LÊ TUẤN - TRUYỆN VỀ LÒNG HIẾU THẢO VÀ KÍNH TRỌNG NGƯỜI GIÀ
20	04/05/2020	STK-004107	NGUYỄN LÊ TUẤN - TRUYỆN VỀ LÒNG HIẾU THẢO VÀ KÍNH TRỌNG NGƯỜI GIÀ
21	04/05/2020	STK-004108	VIỄN PHƯƠNG - LÒNG MẸ
22	04/05/2020	STK-004109	VIỄN PHƯƠNG - LÒNG MẸ
23	04/05/2020	STK-004110	NGUYỄN VIỆT HỒNG - THẦY VÀ TRÒ
24	04/05/2020	STK-004111	THANH THANH - TRẦN TỬ NGANG ĐÓNG CỬA CỐ HỌC
25	04/05/2020	STK-004112	THANH THANH - TRẦN TỬ NGANG ĐÓNG CỬA CỐ HỌC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	15,000	V13	3							
Trẻ	TPHCM	2004	13,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	13,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	13,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	17,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	17,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2004	17,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2002	3,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2011	7,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2003	10,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2003	10,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2003	10,700	V23	3							
Giáo dục	HN	2004	7,600	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	9,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	9,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	9,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	9,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	7,200	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	7,200	V23	3							
Lao động	HN	1997	9,000	V23	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	V13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	V13	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/05/2020	STK-004113	THANH THANH - ĐÀO THIÊN HOÀNH ĐẠI HIẾU TỬ
2	04/05/2020	STK-004114	THANH THANH - ĐÀO THIÊN HOÀNH ĐẠI HIẾU TỬ
3	04/05/2020	STK-004115	THANH THANH - ĐÀO THIÊN HOÀNH ĐẠI HIẾU TỬ
4	04/05/2020	STK-004116	THANH THANH - NGÔ KÍNH TỬ SÁU TUỔI THUỘC THƠ
5	04/05/2020	STK-004117	THANH THANH - GƯƠNG SÁNG NGƯỜI XƯA
6	04/05/2020	STK-004118	THANH THANH - GƯƠNG SÁNG NGƯỜI XƯA
7	04/05/2020	STK-004119	NHIỀU TÁC GIẢ - NĂM MƯƠI 50 GƯƠNG HIẾU THỜI NAY
8	04/05/2020	STK-004120	NHIỀU TÁC GIẢ - NĂM MƯƠI 50 GƯƠNG HIẾU THỜI NAY
9	06/05/2020	STK-004121	SỞ GD&ĐT TPHCM - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẬP 1A
10	06/05/2020	STK-004122	SỞ GD&ĐT TPHCM - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẬP 1B
11	06/05/2020	STK-004123	SỞ GD&ĐT TPHCM - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẬP 2
12	06/05/2020	STK-004124	SỞ GD&ĐT TPHCM - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẬP 3
13	06/05/2020	STK-004125	SỞ GD&ĐT TPHCM - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẬP 4
14	06/05/2020	STK-004126	SỞ GD&ĐT TPHCM - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TẬP 5
15	06/05/2020	STK-004127	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM - CHUYÊN ĐỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUYỂN 1
16	06/05/2020	STK-004128	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM - CHUYÊN ĐỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUYỂN 2
17	06/05/2020	STK-004129	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM - CHUYÊN ĐỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUYỂN 3
18	06/05/2020	STK-004130	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM - CHUYÊN ĐỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUYỂN 4
19	06/05/2020	STK-004131	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM - CHUYÊN ĐỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUYỂN 5
20	06/05/2020	STK-004132	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM - CHUYÊN ĐỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUYỂN 6
21	06/05/2020	STK-004133	THÙY LINH - TÌM HIỂU LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGUYÊN TẮC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
22	06/05/2020	STK-004134	PHẠM VIỆT - HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
23	06/05/2020	STK-004135	LÊ HỒNG SƠN - CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUÝ 1/2011
24	06/05/2020	STK-004136	LÊ HỒNG SƠN - CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUÝ 2/2011
25	06/05/2020	STK-004137	LÊ HỒNG SƠN - CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUÝ 3/2011

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	V13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	V13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	V13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	V13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	23,000	V13	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	23,000	V13	3							
Trẻ	TPHCM	2006	12,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	12,500	V23	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	100,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	60,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	200,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	120,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	150,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	200,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	164,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	89,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	119,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	122,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	79,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	114,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2013	325,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1998	50,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	80,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	50,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	100,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/05/2020	STK-004138	LÊ HỒNG SƠN - CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUÝ 4/2011
2	06/05/2020	STK-004139	TRẦN THU THẢO - HỆ THỐNG CÁC ĐIỀU LỆ TRONG NHÀ TRƯỜNG
3	06/05/2020	STK-004140	THU HUYỀN - NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN, CÔNG TÁC NỮ CÔNG Ở CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ, GIẢI ĐÁP THẮC MẮC VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH
4	06/05/2020	STK-004141	PHẠM NGỌC QUYẾT - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
5	06/05/2020	STK-004142	THỦY NGÂN - HỆ THỐNG CÁ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN, CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN
6	06/05/2020	STK-004143	HỒ NGỌC CẨN - TÌM HIỂU NỘI DUNG BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ PHÁP LỆNH THI HÀNH ÁN DÂN SỰ PHÁP LỆNH GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ CÁC
7	06/05/2020	STK-004144	MINH TIẾN - HỆ THỐNG HÓA NHỮNG VĂN BẢN VỀ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VIỆT NAM (ĐẾN
8	06/05/2020	STK-004145	PHƯƠNG NGÂN - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG 2010 HƯỚNG DẪN MỚI NHẤT THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ XỬ LÝ VI
9	06/05/2020	STK-004146	KIM ANH - TÌM HIỂU LUẬT LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI
10	06/05/2020	STK-004147	CAO THỊ THU - CHẾ ĐỘ MỚI VỀ TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN, HỌC SINH, CÁN BỘ
11	06/05/2020	STK-004148	THANH HÀ - HỆ THỐNG HÓA NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI NHẤT VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG PHỤ CẤP, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ
12	06/05/2020	STK-004149	TRẦN QUAN DUNG - TÌM HIỂU BỘ LUẬT LAO ĐỘNG VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
13	06/05/2020	STK-004150	NGUYỄN TRÍ HÒA - HỆ THỐNG HÓA CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG NHÀ Ở VÀ ĐẤT ĐAI
14	06/05/2020	STK-004151	VŨ DUY KHANG - HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HIỆN HÀNH THỰC HIỆN THEO LUẬT XÂY
15	06/05/2020	STK-004152	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
16	06/05/2020	STK-004153	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
17	06/05/2020	STK-004154	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
18	06/05/2020	STK-004155	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
19	06/05/2020	STK-004156	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
20	06/05/2020	STK-004157	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
21	06/05/2020	STK-004158	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
22	06/05/2020	STK-004159	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
23	06/05/2020	STK-004160	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
24	06/05/2020	STK-004161	LÊ HỮU TỈNH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT GIÁO DỤC TIỂU HỌC
25	06/05/2020	STK-004162	ĐÀO THANH HẢI - NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI NHẤT VỀ ĐẤU THẦU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	80,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2008	285,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2010	295,000	34(V)	3							
Tài chính	HN	2006	90,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	145,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2005	285,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2005	280,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2010	180,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2003	165,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2009	298,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2007	280,000	34(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2000	44,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	1998	126,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2004	175,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2004	45,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/05/2020	STK-004163	VŨ DƯƠNG THỤY - NGÀNH GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 2 (KHÓA VIII) VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG
2	06/05/2020	STK-004164	TRẦN THẾ VINH - HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ
3	06/05/2020	STK-004165	CAO THỊ THU - HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT THANH TRA
4	06/05/2020	STK-004166	NGUYỄN HOÀNG CẨM - HƯỚNG DẪN CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH MUA SẮM THIẾT BỊ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỌC
5	06/05/2020	STK-004167	LÊ PHÚ HOÀNH - HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN VỀ MUA SẮM, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, SỬA CHỮA TÀI SẢN NHÀ NƯỚC VÀ CHI TIÊU TRONG CÁC
6	06/05/2020	STK-004168	HUỲNH VĂN HOÀI - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
7	06/05/2020	STK-004169	SỞ GD&ĐT TPHCM - HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP QUI CẢ NHÀ NƯỚC VÀ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG THANH
8	06/05/2020	STK-004170	NGUYỄN NHƯ Ý - CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
9	06/05/2020	STK-004171	SẦM DŨNG - NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ NHÀ, ĐẤT CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ
10	06/05/2020	STK-004172	TRẦN THỊ QUỲNH CHÂU - CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, ĐIỀU CHUYỂN VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC TẠI KHU VỰC HÀNH CHÍNH SỰ
11	06/05/2020	STK-004173	LÊ HUY HÒA - HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI TRANG THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT TRONG NHÀ
12	06/05/2020	STK-004174	NGUYỄN THÀNH LONG - NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC SINH TIỂU HỌC
13	06/05/2020	STK-004175	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
14	06/05/2020	STK-004176	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH VỀ HỘ TỊCH, HỘ KHẨU
15	06/05/2020	STK-004177	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ
16	06/05/2020	STK-004178	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
17	06/05/2020	STK-004179	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
18	06/05/2020	STK-004180	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG - HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
19	06/05/2020	STK-004181	LÊ THỊ THU HUYỀN - CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC (2005-2007)
20	06/05/2020	STK-004182	LÊ THỊ THU HUYỀN - CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC (2005-2007)
21	06/05/2020	STK-004183	TRẦN KHÁNH DŨNG - HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN NĂM 2009 VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THUẾ
22	06/05/2020	STK-004184	PHẠM THANH PHẤN - TÁM MƯƠI MỐT MẪU HỢP ĐỒNG VÀ VĂN BẢN QUẢN LÝ
23	06/05/2020	STK-004185	THANH THẢO - NHÀ Ở, ĐẤT ĐAI VÀ THUẾ NHÀ ĐẤT
24	06/05/2020	STK-004186	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
25	06/05/2020	STK-004187	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2002	26,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1997	108,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	145,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2013	298,000	34(V)	3							
Tài chính	HN	2004	157,000	34(V)	3							
Tài chính	HN	1998	50,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1999	40,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	1996	40,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1998	78,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	1997	20,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2012	240,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2010	60,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2008	20,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2008	20,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2008	20,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2009	20,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2010	20,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2000	40,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2008	16,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2008	16,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2008	70,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	1997	38,000	34	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1997	75,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2007	15,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2007	15,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/05/2020	STK-004188	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
2	06/05/2020	STK-004189	LÊ HUY HÒA - LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
3	06/05/2020	STK-004190	LÊ HUY HÒA - LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
4	06/05/2020	STK-004191	LÊ HUY HÒA - LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
5	06/05/2020	STK-004192	LÊ HUY HÒA - LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
6	06/05/2020	STK-004193	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH
7	06/05/2020	STK-004194	NGUYỄN THÀNH LONG - TÌM HIỂU LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
8	06/05/2020	STK-004195	LÊ HỒNG PHONG - LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
9	06/05/2020	STK-004196	NGUYỄN NGỌC ĐIỆP - NĂM TRĂM NĂM MƯƠI 550 THUẬT NGỮ CHỦ YẾU TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
10	06/05/2020	STK-004197	NGUYỄN VĂN PHẦN - TÌM HIỂU VỀ CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI MỚI
11	06/05/2020	STK-004198	TRẦN NHÂM - VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
12	06/05/2020	STK-004199	KIỀU KIM LOAN - NHỮNG QUY ĐỊNH HƯỚNG DẪN THI HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ
13	06/05/2020	STK-004200	HOÀNG TRUNG TIẾU - TÌM HIỂU NHỮNG VẤN ĐỀ SỬA ĐỔI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
14	06/05/2020	STK-004201	CAO THỊ THU - TÌM HIỂU LUẬT GIÁO DỤC
15	06/05/2020	STK-004202	CAO THỊ THU - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
16	06/05/2020	STK-004203	CAO THỊ THU - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2006 (THỰC HIỆN TỪ 01/7/2007)
17	06/05/2020	STK-004204	NGUYỄN ĐÌNH THIÊM - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
18	06/05/2020	STK-004205	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CÔNG CƯỚC CÔNG DÂN
19	06/05/2020	STK-004206	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
20	06/05/2020	STK-004207	NGUYỄN DUY HÙNG - LUẬT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY NĂM 2001 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2013
21	06/05/2020	STK-004208	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
22	06/05/2020	STK-004209	HÀ TẤT THẮNG - HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
23	06/05/2020	STK-004210	HOÀI VIỆT - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO LUẬT THANH TRA VÀ CÁC VĂN BẢN MỚI HƯỚNG DẪN THI HÀNH
24	06/05/2020	STK-004211	PHẠM VIỆT - LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
25	06/05/2020	STK-004212	PHẠM VIỆT - LUẬT BIỂN VIỆT NAM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Lao động	HN	2007	15,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2009	7,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2009	7,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2009	7,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2009	9,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2009	20,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2010	20,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1999	29,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1997	80,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1995	24,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1995	24,000	34(V)	3							
Công an nhân dân	HN	1998	36,000	34(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	2000	32,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	7,500	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	14,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	13,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	7,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2014	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2014	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	20,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2009	15,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	56,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	6,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/05/2020	STK-004213	PHAN ĐÌNH KHÁNH - TÌM HIỂU LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI
2	06/05/2020	STK-004214	TẠ ĐỊNH - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
3	06/05/2020	STK-004215	THÙY LINH - CHÍNH SÁCH THUẾ 2013 LUẬT QUẢN LÝ THUẾ LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
4	06/05/2020	STK-004216	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 1
5	06/05/2020	STK-004217	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 1
6	06/05/2020	STK-004218	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 2
7	06/05/2020	STK-004219	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 2
8	06/05/2020	STK-004220	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 3
9	06/05/2020	STK-004221	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 3
10	06/05/2020	STK-004222	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 4
11	06/05/2020	STK-004223	ĐỖ VĂN CHIẾN - CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO 5
12	06/05/2020	STK-004224	HOÀNG ANH - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ QUY ĐỊNH MỚI VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
13	06/05/2020	STK-004225	KHUẤT DUY KIM HẢI - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2008 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
14	06/05/2020	STK-004226	KHUẤT DUY KIM HẢI - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2008 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
15	06/05/2020	STK-004227	TRẦN QUỐC KHẢN - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
16	06/05/2020	STK-004228	HUỲNH MINH NHỊ - TÌM HIỂU QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CÁN BỘ CÔNG CHỨC-VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
17	06/05/2020	STK-004229	ĐÀO THANH HẢI - HỆ THỐNG NHỮNG VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG
18	06/05/2020	STK-004230	HOÀNG TRUNG TIẾU - TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH VỀ TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ CHẾ ĐỘ KHÁC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
19	06/05/2020	STK-004231	NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH CẦN BIẾT
20	06/05/2020	STK-004232	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TPHCM - NHỮNG VĂN BẢN CHỦ YẾU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC CHUYÊN
21	06/05/2020	STK-004233	NGUYỄN VĂN NHIỆM - THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ
22	06/05/2020	STK-004234	LAN ANH - HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG
23	06/05/2020	STK-004235	ĐẬU XUÂN LUẬN - DÂN CHỦ VÀ THIẾT CHẾ DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
24	06/05/2020	STK-004236	PHẠM NGỌC CẤP - VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ
25	06/05/2020	STK-004237	TRẦN THẾ VINH - HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH TRONG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	250,000	34(V)	3							
Tài chính	HN	2012	325,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2001	280,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2001	280,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2001	240,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2001	240,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2001	140,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2001	140,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2002	220,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2003	220,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	30,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2009	79,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2009	79,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1998	105,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	2003	199,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2005	285,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	1998	135,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	1997	60,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1996	50,000	34(V)	3							
Tài chính	HN	2004	118,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2013	320,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2006	295,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1998	50,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1998	120,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	06/05/2020	STK-004238	PHAN BÁ ĐẠT - QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CẦN BIẾT DÀNH CHO CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP NĂM 2007-2008
2	06/05/2020	STK-004239	THANH THẢO - HAI TRĂM LỊNH NĂM 205 CÂU HỎI VÀ GIẢI ĐÁP VỀ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ MỚI
3	06/05/2020	STK-004240	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - NHỮNG VĂN BẢN CHỦ YẾU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, DẠY NGHỀ VÀ TRUNG HỌC
4	07/05/2020	STK-004241	PHẠM VIỆT - LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI
5	07/05/2020	STK-004242	PHẠM VIỆT - LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ
6	07/05/2020	STK-004243	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
7	07/05/2020	STK-004244	PHẠM VIỆT - LUẬT BIỂN VIỆT NAM
8	07/05/2020	STK-004245	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM
9	07/05/2020	STK-004246	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ THỪA PHÁT LẠI
10	07/05/2020	STK-004247	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT TỐ CÁO
11	07/05/2020	STK-004248	VÕ VĂN LONG - LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI
12	07/05/2020	STK-004249	NGUYỄN TUẤN VIỆT - HỎI ĐÁP VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
13	07/05/2020	STK-004250	VÕ VĂN LONG - LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
14	07/05/2020	STK-004251	VÕ VĂN LONG - LUẬT KHIẾU NẠI
15	07/05/2020	STK-004252	VÕ VĂN LONG - LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ
16	07/05/2020	STK-004253	VÕ VĂN LONG - HỎI ĐÁP: LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ
17	07/05/2020	STK-004254	TRẦN THỊ THÚY NINH - HƯỚNG DẪN NHẬN BIẾT MỘT SỐ TỆ NẠN VÀ CÁCH PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRONG NHÀ TRƯỜNG
18	07/05/2020	STK-004255	TRẦN THỊ THÚY NINH - HƯỚNG DẪN NHẬN BIẾT MỘT SỐ TỆ NẠN VÀ CÁCH PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRONG NHÀ TRƯỜNG
19	07/05/2020	STK-004256	NHIỀU TÁC GIẢ - TÌM HIỂU LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
20	07/05/2020	STK-004257	NHIỀU TÁC GIẢ - TÌM HIỂU LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
21	07/05/2020	STK-004258	HỒNG THẮM - TÌM HIỂU LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ
22	07/05/2020	STK-004259	HỒNG THẮM - TÌM HIỂU LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ
23	07/05/2020	STK-004260	HÀ TẤT THẮNG - HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
24	07/05/2020	STK-004261	TẠ ĐỊNH - CÔNG CHỨNG NHÀ NƯỚC
25	07/05/2020	STK-004262	BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH BỘ LUẬT LAO ĐỘNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Lao động	HN	2007	280,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2010	180,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2010	180,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2011	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2011	30,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	8,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2014	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	8,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	8,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	20,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2010	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	15,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	15,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2009	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1998	11,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1995	10,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004263	CAO THỊ THU - BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ
2	07/05/2020	STK-004264	PHẠM THẾ VINH - LUẬT LƯU TRỮ
3	07/05/2020	STK-004265	PHẠM THẾ VINH - LUẬT LƯU TRỮ
4	07/05/2020	STK-004266	HỒNG THẮM - LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI
5	07/05/2020	STK-004267	HỒNG THẮM - LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI
6	07/05/2020	STK-004268	HỒNG THẮM - LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
7	07/05/2020	STK-004269	HỒNG THẮM - LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
8	07/05/2020	STK-004270	PHẠM VIỆT - LUẬT THANH NIÊN
9	07/05/2020	STK-004271	PHẠM VIỆT - LUẬT THANH NIÊN
10	07/05/2020	STK-004272	PHẠM VIỆT - LUẬT THANH NIÊN
11	07/05/2020	STK-004273	PHẠM VIỆT - LUẬT THANH NIÊN
12	07/05/2020	STK-004274	PHẠM VIỆT - LUẬT THANH NIÊN
13	07/05/2020	STK-004275	NGUYÊN ANH - TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG VIỆC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, THU HỒI ĐẤT
14	07/05/2020	STK-004276	NGUYÊN ANH - TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG VIỆC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, THU HỒI ĐẤT
15	07/05/2020	STK-004277	NGUYỄN THỊ THÀNH - LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY
16	07/05/2020	STK-004278	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH DÂN SỐ VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
17	07/05/2020	STK-004279	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH DÂN SỐ VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
18	07/05/2020	STK-004280	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH DÂN SỐ VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
19	07/05/2020	STK-004281	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH CÁN BỘ CÔNG CHỨC
20	07/05/2020	STK-004282	PHẠM THẾ VINH - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
21	07/05/2020	STK-004283	PHẠM THẾ VINH - TÌM HIỂU LUẬT KHIẾU NẠI
22	07/05/2020	STK-004284	PHẠM THẾ VINH - TÌM HIỂU LUẬT KHIẾU NẠI
23	07/05/2020	STK-004285	PHẠM THẾ VINH - LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ
24	07/05/2020	STK-004286	PHẠM THẾ VINH - LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ
25	07/05/2020	STK-004287	QUỲNH TRANG - LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Lao động xã hội	HN	2006	23,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	13,500	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	13,500	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	10,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	10,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	12,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2008	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2008	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2008	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2008	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2008	6,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2011	19,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2011	19,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	3,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	6,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	6,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	6,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2006	5,500	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	24,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	15,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	15,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	15,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	15,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	14,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004288	QUỲNH TRANG - LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY
2	07/05/2020	STK-004289	HỒNG THẮM - LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM
3	07/05/2020	STK-004290	HỒNG THẮM - LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM
4	07/05/2020	STK-004291	LÝ BÁ TOÀN - LUẬT PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
5	07/05/2020	STK-004292	LÝ BÁ TOÀN - LUẬT PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
6	07/05/2020	STK-004293	CAO THỊ THU - BỘ LUẬT DÂN SỰ
7	07/05/2020	STK-004294	CAO THỊ THU - TÌM HIỂU LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG
8	07/05/2020	STK-004295	NGUYÊN HẠNH - HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO VĂN BẢN
9	07/05/2020	STK-004296	NGUYỄN HUY THÔNG - PHƯƠNG PHÁP SOẠN THẢO VĂN BẢN
10	07/05/2020	STK-004297	NGUYỄN THỊ QUỲNH - HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG VÀ
11	07/05/2020	STK-004298	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - TÌM HIỂU LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
12	07/05/2020	STK-004299	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AISD) VÀ
13	07/05/2020	STK-004300	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - TÌM HIỂU LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
14	07/05/2020	STK-004301	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - TÌM HIỂU LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NĂM 203
15	07/05/2020	STK-004302	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
16	07/05/2020	STK-004303	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
17	07/05/2020	STK-004304	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
18	07/05/2020	STK-004305	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
19	07/05/2020	STK-004306	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
20	07/05/2020	STK-004307	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
21	07/05/2020	STK-004308	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
22	07/05/2020	STK-004309	PHẠM VIỆT - LUẬT LUẬT SƯ NĂM 2006 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2012
23	07/05/2020	STK-004310	PHẠM VIỆT - LUẬT VIÊN CHỨC
24	07/05/2020	STK-004311	PHẠM VIỆT - LUẬT VIÊN CHỨC
25	07/05/2020	STK-004312	PHẠM VIỆT - LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2012	14,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2011	22,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2011	22,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	18,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	18,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	33,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	6,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	1998	42,000	34(V)	3							
Thống kê	HN	1997	32,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	38,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2006	9,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2008	9,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	4,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	13,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	13,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	30,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004313	PHẠM VIỆT - LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI
2	07/05/2020	STK-004314	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009, 2014
3	07/05/2020	STK-004315	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009, 2014
4	07/05/2020	STK-004316	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009, 2014
5	07/05/2020	STK-004317	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009, 2014
6	07/05/2020	STK-004318	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009, 2014
7	07/05/2020	STK-004319	PHẠM VIỆT - LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN
8	07/05/2020	STK-004320	PHẠM VIỆT - LUẬT CÔNG AN NHÂN DÂN
9	07/05/2020	STK-004321	TẬP THỂ TÁC GIẢ - TÌM HIỂU LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG
10	07/05/2020	STK-004322	TẬP THỂ TÁC GIẢ - TÌM HIỂU LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG
11	07/05/2020	STK-004323	NGUYỄN THỊ THU - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM
12	07/05/2020	STK-004324	NGUYỄN THỊ THU - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM
13	07/05/2020	STK-004325	CAO THỊ THU - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
14	07/05/2020	STK-004326	PHẠM VIỆT - LUẬT KẾ TOÁN
15	07/05/2020	STK-004327	PHẠM VIỆT - LUẬT KẾ TOÁN
16	07/05/2020	STK-004328	PHẠM VIỆT - LUẬT KẾ TOÁN
17	07/05/2020	STK-004329	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT DOANH NGHIỆP
18	07/05/2020	STK-004330	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT DOANH NGHIỆP
19	07/05/2020	STK-004331	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT PHÁ SẢN NĂM 2014 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
20	07/05/2020	STK-004332	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT HỘ TỊCH
21	07/05/2020	STK-004333	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT HỘ TỊCH
22	07/05/2020	STK-004334	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT HỘ TỊCH
23	07/05/2020	STK-004335	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT HỘ TỊCH
24	07/05/2020	STK-004336	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT BÁO CHÍ
25	07/05/2020	STK-004337	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT BÁO CHÍ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	20,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	39,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	39,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	30,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	14,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	14,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	14,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	14,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	20,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004338	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
2	07/05/2020	STK-004339	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TRƯNG CẦU Ý DÂN
3	07/05/2020	STK-004340	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
4	07/05/2020	STK-004341	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
5	07/05/2020	STK-004342	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
6	07/05/2020	STK-004343	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
7	07/05/2020	STK-004344	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
8	07/05/2020	STK-004345	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT ĐẦU TƯ
9	07/05/2020	STK-004346	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT ĐẦU TƯ
10	07/05/2020	STK-004347	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT DƯỢC
11	07/05/2020	STK-004348	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TỔ CHỨC CƠ QUAN ĐIỀU TRA HÌNH SỰ
12	07/05/2020	STK-004349	PHẠM VIÊT - LUẬT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
13	07/05/2020	STK-004350	PHẠM VIÊT - LUẬT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
14	07/05/2020	STK-004351	PHẠM VIÊT - LUẬT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
15	07/05/2020	STK-004352	PHẠM VIÊT - LUẬT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
16	07/05/2020	STK-004353	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU
17	07/05/2020	STK-004354	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU
18	07/05/2020	STK-004355	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT XÂY DỰNG
19	07/05/2020	STK-004356	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
20	07/05/2020	STK-004357	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT THƯƠNG MẠI
21	07/05/2020	STK-004358	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT THƯƠNG MẠI
22	07/05/2020	STK-004359	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
23	07/05/2020	STK-004360	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
24	07/05/2020	STK-004361	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT THI HÀNH TẠM GIỮ, TẠM GIAM
25	07/05/2020	STK-004362	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TRẺ EM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2016	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	11,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	21,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	21,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	27,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	22,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	20,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004363	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TRẺ EM
2	07/05/2020	STK-004364	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TRẺ EM
3	07/05/2020	STK-004365	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN
4	07/05/2020	STK-004366	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN
5	07/05/2020	STK-004367	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN
6	07/05/2020	STK-004368	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
7	07/05/2020	STK-004369	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
8	07/05/2020	STK-004370	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
9	07/05/2020	STK-004371	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
10	07/05/2020	STK-004372	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
11	07/05/2020	STK-004373	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
12	07/05/2020	STK-004374	PHẠM VIÊT - LUẬT AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG
13	07/05/2020	STK-004375	PHẠM VIÊT - LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
14	07/05/2020	STK-004376	PHẠM VIÊT - LUẬT HẢI QUAN
15	07/05/2020	STK-004377	PHẠM VIÊT - LUẬT HẢI QUAN
16	07/05/2020	STK-004378	PHẠM VIÊT - LUẬT HẢI QUAN
17	07/05/2020	STK-004379	PHẠM VIÊT - LUẬT HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM NĂM 2006 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014
18	07/05/2020	STK-004380	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT DÂN SỰ
19	07/05/2020	STK-004381	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT HÌNH SỰ
20	07/05/2020	STK-004382	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT HÌNH SỰ
21	07/05/2020	STK-004383	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ
22	07/05/2020	STK-004384	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬ TỐ TỤNG DÂN SỰ
23	07/05/2020	STK-004385	HOÀNG PHONG HÀ - BỘ LUẬ TỐ TỤNG DÂN SỰ
24	07/05/2020	STK-004386	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2008 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014
25	07/05/2020	STK-004387	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT XÂY DỰNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2016	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	14,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	27,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	52,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	73,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	73,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	67,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	65,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	65,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	45,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	25,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004388	HOÀNG ANH - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
2	07/05/2020	STK-004389	NGUYỄN MINH THU - LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
3	07/05/2020	STK-004390	NGUYỄN NGỌC DŨNG - HỎI VÀ ĐÁP VỀ LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG
4	07/05/2020	STK-004391	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT ĐẤT ĐAI
5	07/05/2020	STK-004392	TRẦN LỆ TRINH - CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO PHÁP LỆNH THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH
6	07/05/2020	STK-004393	TRẦN LỆ TRINH - CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO PHÁP LỆNH THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH
7	07/05/2020	STK-004394	TRẦN LỆ TRINH - CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO PHÁP LỆNH THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH
8	07/05/2020	STK-004395	PHAN ĐÌNH KHÁNH - LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AISD)
9	07/05/2020	STK-004396	PHAN ĐÌNH KHÁNH - LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AISD)
10	07/05/2020	STK-004397	PHAN ĐÌNH KHÁNH - LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AISD)
11	07/05/2020	STK-004398	PHẠM VIÊT - LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
12	07/05/2020	STK-004399	PHẠM VIÊT - LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
13	07/05/2020	STK-004400	PHẠM VIÊT - LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
14	07/05/2020	STK-004401	PHẠM VIÊT - LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM
15	07/05/2020	STK-004402	PHẠM VIÊT - LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM
16	07/05/2020	STK-004403	PHẠM VIÊT - LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM
17	07/05/2020	STK-004404	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
18	07/05/2020	STK-004405	PHẠM VIÊT - LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ NĂM 2005 ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009
19	07/05/2020	STK-004406	PHẠM VIÊT - LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH
20	07/05/2020	STK-004407	PHẠM VIÊT - LUẬT KHIẾU NẠI
21	07/05/2020	STK-004408	PHẠM VIÊT - LUẬT KHIẾU NẠI
22	07/05/2020	STK-004409	PHẠM VIÊT - LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NĂM 2012 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014
23	07/05/2020	STK-004410	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
24	07/05/2020	STK-004411	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM NĂM 2008 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014
25	07/05/2020	STK-004412	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT HỢP TÁC XÃ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2010	30,000	34(V)	3							
Tài chính	HN	2006	40,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	20,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	36,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2007	9,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2007	9,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2007	9,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	5,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	5,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2006	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	6,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	3,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	3,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	3,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	36,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	30,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	19,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2014	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	13,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	13,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004413	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI
2	07/05/2020	STK-004414	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI
3	07/05/2020	STK-004415	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
4	07/05/2020	STK-004416	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CÔNG CHỨNG
5	07/05/2020	STK-004417	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CÔNG CHỨNG
6	07/05/2020	STK-004418	PHẠM CHÍ THÀNH - LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH
7	07/05/2020	STK-004419	PHẠM CHÍ THÀNH - LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH
8	07/05/2020	STK-004420	PHẠM VIÊT - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
9	07/05/2020	STK-004421	QUỐC CƯỜNG - LUẬT VIÊN CHỨC (CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/1/2012) LUẬT CÁN BỘ CÔNG CHỨC
10	07/05/2020	STK-004422	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CẠNH TRANH
11	07/05/2020	STK-004423	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CẠNH TRANH
12	07/05/2020	STK-004424	BÙI VIỆT BẮC - LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 1990, 1994, 2005
13	07/05/2020	STK-004425	BÙI VIỆT BẮC - LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 1990, 1994, 2005
14	07/05/2020	STK-004426	QUỐC CƯỜNG - LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH (CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/7/2011)
15	07/05/2020	STK-004427	QUỐC CƯỜNG - LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH (CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/7/2011)
16	07/05/2020	STK-004428	NGUYỄN KIM TINH - LUẬT GIÁO DỤC (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009)
17	07/05/2020	STK-004429	NGUYỄN KIM TINH - LUẬT GIÁO DỤC (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009)
18	07/05/2020	STK-004430	NGUYỄN VĂN HIỆP - TÌM HIỂU LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG
19	07/05/2020	STK-004431	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI
20	07/05/2020	STK-004432	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI
21	07/05/2020	STK-004433	HOÀI VIỆT - BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ CỦA NƯỚC CHXHCNVN
22	07/05/2020	STK-004434	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - TÌM HIỂU LUẬT THANH TRA CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/10/2004
23	07/05/2020	STK-004435	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - TÌM HIỂU LUẬT THANH TRA CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/10/2004
24	07/05/2020	STK-004436	TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG - TÌM HIỂU LUẬT THANH TRA CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/10/2004
25	07/05/2020	STK-004437	PHẠM VIÊT - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG CỦA NƯỚC CHXHCNVN NĂM 1994 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC NĂM 2002, 2006, 2007)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2016	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	15,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	13,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	13,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	45,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	45,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2010	14,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2011	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	12,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	19,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	19,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2011	27,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2011	27,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2010	12,500	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2010	12,500	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	9,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	30,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	5,500	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	5,500	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2004	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	26,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004438	PHẠM VIÊT - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG CỦA NƯỚC CHXHCNVN NĂM 1994 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC NĂM 2002, 2006, 2007)
2	07/05/2020	STK-004439	TẠ ĐỊNH - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
3	07/05/2020	STK-004440	TRẦN MỘNG LANG - HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCNVN NĂM 1992
4	07/05/2020	STK-004441	TRẦN MỘNG LANG - HIẾN PHÁP NƯỚC CHXHCNVN NĂM 1992
5	07/05/2020	STK-004442	TRẦN MỘNG LANG - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
6	07/05/2020	STK-004443	TRẦN MỘNG LANG - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
7	07/05/2020	STK-004444	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT PHÁ SẢN
8	07/05/2020	STK-004445	BÙI VIỆT BẮC - TÌM HIỂU LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
9	07/05/2020	STK-004446	BÙI VIỆT BẮC - TÌM HIỂU LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
10	07/05/2020	STK-004447	QUỲNH TRANG - LUẬT GIÁO DỤC (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009)
11	07/05/2020	STK-004448	QUỲNH TRANG - LUẬT GIÁO DỤC (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009)
12	07/05/2020	STK-004449	MINH NGỌC - LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ
13	07/05/2020	STK-004450	PHẠM VIỆT - LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
14	07/05/2020	STK-004451	CAO THỊ THU - TÌM HIỂU BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ
15	07/05/2020	STK-004452	NGUYỄN NGỌC DŨNG - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
16	07/05/2020	STK-004453	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT NHÀ Ở
17	07/05/2020	STK-004454	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT NHÀ Ở
18	07/05/2020	STK-004455	VŨ TRỌNG LÂM - LUẬT NHÀ Ở
19	07/05/2020	STK-004456	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
20	07/05/2020	STK-004457	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
21	07/05/2020	STK-004458	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
22	07/05/2020	STK-004459	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
23	07/05/2020	STK-004460	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ
24	07/05/2020	STK-004461	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ
25	07/05/2020	STK-004462	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2007	26,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	18,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2014	23,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2014	23,000	34(V)	3							
Lao động	HN	2011	30,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	6,500	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	26,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	35,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	8,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	8,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	21,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004463	PHẠM THẾ VINH - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN THEO BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
2	07/05/2020	STK-004464	PHẠM THẾ VINH - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN THEO BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
3	07/05/2020	STK-004465	PHẠM THẾ VINH - TÌM HIỂU LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
4	07/05/2020	STK-004466	PHẠM THẾ VINH - TÌM HIỂU LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
5	07/05/2020	STK-004467	HÀ TẤT THẮNG - ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
6	07/05/2020	STK-004468	HÀ TẤT THẮNG - ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
7	07/05/2020	STK-004469	HỒNG THẮM - LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH
8	07/05/2020	STK-004470	HỒNG THẮM - LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH
9	07/05/2020	STK-004471	HÀ TẤT THẮNG - ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH ĐIỀU LỆ
10	07/05/2020	STK-004472	LÝ BÁ TOÀN - LUẬT BIỂN VIỆT NAM VÀ CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN NĂM 1982
11	07/05/2020	STK-004473	VÕ VĂN LONG - LUẬT THANH TRA
12	07/05/2020	STK-004474	LÊ THỊ BÌNH MINH - LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
13	07/05/2020	STK-004475	LÊ THỊ BÌNH MINH - LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
14	07/05/2020	STK-004476	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CỦA NGƯỜI VIỆT NAM
15	07/05/2020	STK-004477	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM NĂM 2008 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014
16	07/05/2020	STK-004478	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
17	07/05/2020	STK-004479	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CÁN BỘ CÔNG CHỨC
18	07/05/2020	STK-004480	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT CÁN BỘ CÔNG CHỨC
19	07/05/2020	STK-004481	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC TOÀ ÁN NHÂN DÂN
20	07/05/2020	STK-004482	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC TOÀ ÁN NHÂN DÂN
21	07/05/2020	STK-004483	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
22	07/05/2020	STK-004484	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
23	07/05/2020	STK-004485	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
24	07/05/2020	STK-004486	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
25	07/05/2020	STK-004487	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2013	50,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	50,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	30,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2013	30,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2009	10,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2009	10,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2012	12,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2009	25,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2014	96,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2011	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	11,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	13,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	25,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	18,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	07/05/2020	STK-004488	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
2	07/05/2020	STK-004489	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
3	07/05/2020	STK-004490	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
4	07/05/2020	STK-004491	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ
5	07/05/2020	STK-004492	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ
6	07/05/2020	STK-004493	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT THÚ Y
7	08/05/2020	STK-004494	PHẠM VIỆT - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG CỦA NƯỚC CHXHCNVN NĂM 1994 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC NĂM 2002, 2006, 2007
8	08/05/2020	STK-004495	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
9	08/05/2020	STK-004496	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
10	08/05/2020	STK-004497	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
11	08/05/2020	STK-004498	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
12	08/05/2020	STK-004499	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
13	08/05/2020	STK-004500	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
14	08/05/2020	STK-004501	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
15	08/05/2020	STK-004502	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
16	08/05/2020	STK-004503	NGUYỄN VŨ THANH THẢO - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
17	08/05/2020	STK-004504	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC
18	08/05/2020	STK-004505	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC
19	08/05/2020	STK-004506	PHẠM VIỆT - LUẬT GIÁO DỤC
20	08/05/2020	STK-004507	PHẠM VIỆT - LUẬT LAO ĐỘNG VÀ PHÁP LỆNH THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP LAO ĐỘNG
21	08/05/2020	STK-004508	HOÀI VIỆT - NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ LUẬT THUẾ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT. LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ. THỦ TỤC CHUYỂN ĐỔI, CHUYỂN
22	08/05/2020	STK-004509	HOÀI VIỆT - NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ LUẬT THUẾ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT. LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ. THỦ TỤC CHUYỂN ĐỔI, CHUYỂN
23	08/05/2020	STK-004510	KIỀU KIM LOAN - NHỮNG QUY ĐỊNH HƯỚNG DẪN THI HÀNH BỘ LUẬT DÂN SỰ
24	08/05/2020	STK-004511	LÊ HOÀI TRUNG - BỘ LUẬT HÌNH SỰ
25	08/05/2020	STK-004512	PHAN ĐÌNH KHÁNH - LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ NHỮNG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	16,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	22,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	26,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2003	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2003	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2003	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1996	33,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2000	7,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2000	7,000	34(V)	3							
Công an nhân dân	HN	1998	25,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2000	20,000	34(V)	3							
Công an nhân dân	HN	1997	40,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STK-004513	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC, HỌC TẬP VÀ KINH DOANH Ở NƯỚC NGOÀI
2	08/05/2020	STK-004514	LÊ THỊ NGÂN GIANG - HỎI - ĐÁP VỀ LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI
3	08/05/2020	STK-004515	LÊ THỊ NGÂN GIANG - HỎI - ĐÁP VỀ LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI
4	08/05/2020	STK-004516	PHẠM VIỆT - LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2005)
5	08/05/2020	STK-004517	PHẠM VIỆT - LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2005)
6	08/05/2020	STK-004518	PHẠM VIỆT - LUẬT THI ĐUA KHEN THƯỞNG (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2005)
7	08/05/2020	STK-004519	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT TỔ CHỨC TOÀ ÁN NHÂN DÂN
8	08/05/2020	STK-004520	LÊ HOÀI TRUNG - BỘ LUẬT HÌNH SỰ CỦA NƯỚC CHXHCNVN (LUẬT SỐ 15/1999QH 10 NGÀY 21/12/1999)
9	08/05/2020	STK-004521	LÊ HOÀI TRUNG - BỘ LUẬT HÌNH SỰ CỦA NƯỚC CHXHCNVN (LUẬT SỐ 15/1999QH 10 NGÀY 21/12/1999)
10	08/05/2020	STK-004522	TRẦN NHÂM - BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ CỦA NƯỚC CHXHCNVN
11	08/05/2020	STK-004523	TRẦN MỘNG LANG - PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
12	08/05/2020	STK-004524	TRẦN MỘNG LANG - PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
13	08/05/2020	STK-004525	TRẦN MỘNG LANG - PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
14	08/05/2020	STK-004526	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
15	08/05/2020	STK-004527	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
16	08/05/2020	STK-004528	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
17	08/05/2020	STK-004529	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
18	08/05/2020	STK-004530	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
19	08/05/2020	STK-004531	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
20	08/05/2020	STK-004532	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
21	08/05/2020	STK-004533	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
22	08/05/2020	STK-004534	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
23	08/05/2020	STK-004535	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
24	08/05/2020	STK-004536	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC
25	08/05/2020	STK-004537	NGUYỄN VŨ THANH HẢO - LUẬT GIÁO DỤC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	1999	40,000	34(V)	3							
Phụ Nữ	HN	2009	29,000	34(V)	3							
Phụ Nữ	HN	2009	29,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	17,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2000	40,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2000	40,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1997	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	2,800	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	2,800	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	2,800	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2001	5,300	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STK-004538	PHẠM NGỌC CẤP - PHÁP LỆNH CHỐNG THAM NHŨNG
2	08/05/2020	STK-004539	HOÀI VIỆT - NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM
3	08/05/2020	STK-004540	PHAN ĐÌNH KHÁNH - QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG CHỨC-VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
4	08/05/2020	STK-004541	NGUYỄN THỊ MAI - HỎI ĐÁP VỀ LUẬT THƯƠNG MẠI
5	08/05/2020	STK-004542	NGUYỄN KIM TINH - LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009)
6	08/05/2020	STK-004543	NGUYỄN KIM TINH - LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009)
7	08/05/2020	STK-004544	HOÀNG ANH - BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ VĂN BẢN MỚI NĂM 2010 HƯỚNG DẪN THI HÀNH
8	08/05/2020	STK-004545	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC (ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2000 VÀ 2003)
9	08/05/2020	STK-004546	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC (ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2000 VÀ 2003)
10	08/05/2020	STK-004547	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC (ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2000 VÀ 2003)
11	08/05/2020	STK-004548	CAO THỊ THU - HỆ THỐNG MỤC LỤC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (ĐÃ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI THEO CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY MỚI NHẤT ĐẾN QUÝ II
12	08/05/2020	STK-004549	CAO THỊ THU - LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
13	08/05/2020	STK-004550	PHẠM VIỆT - CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TẠM GIỮ, TẠM GIAM, CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ GIÁO DỤC, GIÁO DƯỠNG VÀ THI HÀNH ÁN
14	08/05/2020	STK-004551	LÊ MINH NGHĨA - BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
15	08/05/2020	STK-004552	LÊ MINH NGHĨA - BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
16	08/05/2020	STK-004553	NGUYỄN ĐĂNG DUNG - MỘT TRĂM MƯỜI 110 MẪU DÙNG CHO VIỆC SOẠN THẢO VĂN BẢN
17	08/05/2020	STK-004554	PHẠM VIỆT - LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
18	08/05/2020	STK-004555	DƯƠNG TRUNG Ý - HỎI-ĐÁP NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (DÙNG CHO HỆ TRUNG
19	08/05/2020	STK-004556	DƯƠNG TRUNG Ý - HỎI-ĐÁP NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (DÙNG CHO HỆ TRUNG
20	08/05/2020	STK-004557	THÀNH NAM - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (NGHỊ ĐỊNH SỐ 146/2007/NĐ-CP NGÀY 14/9/2007) VÀ VĂN
21	08/05/2020	STK-004558	THÀNH NAM - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (NGHỊ ĐỊNH SỐ 146/2007/NĐ-CP NGÀY 14/9/2007) VÀ VĂN
22	08/05/2020	STK-004559	THÀNH NAM - LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (NGHỊ ĐỊNH SỐ 146/2007/NĐ-CP NGÀY 14/9/2007) VÀ VĂN
23	08/05/2020	STK-004560	NGUYỄN NGỌC ĐIỆP - HỎI ĐÁP VỀ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT CỦA CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO
24	08/05/2020	STK-004561	TRẦN MỘNG LANG - NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH ĐIỀU LỆ BẢO HIỂM Y TẾ
25	08/05/2020	STK-004562	NGUYỄN BÁ PHƯƠNG - ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUY CHẾ ĐẤU THẦU (VĂN BẢN PHÁP QUY MỚI)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	1998	3,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1995	45,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1996	33,000	34(V)	3							
Đà Nẵng	ĐN	2000	25,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2010	21,000	34(V)	3							
Tư pháp	HN	2010	21,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	75,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	5,500	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	35,000	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2007	65,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2002	60,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	33,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2004	39,000	34(V)	3							
Đồng Nai	TPHCM	1998	36,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	6,500	34(V)	3							
Lý luận chính trị	HN	2015	45,000	34(V)	3							
Lý luận chính trị	HN	2015	45,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	15,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	15,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2007	15,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1998	12,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	2,500	34(V)	3							
Xây dựng	HN	1996	25,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STK-004563	VŨ QUỐC CHINH - CÁC VĂN BẢN MỚI NHẤ VỀ NHÀ Ở VÀ ĐẤT Ở
2	08/05/2020	STK-004564	NGUYỄN VĂN THUNG - HỎI VÀ ĐÁP VỀ PHÁP LỆNH VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
3	08/05/2020	STK-004565	NGUYỄN CỘNG HÒA - TÌM HIỂU LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
4	08/05/2020	STK-004566	LÊ MINH NGHĨA - HỎI VÀ ĐÁP VỀ LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM
5	08/05/2020	STK-004567	HOÀI VIỆT - LUẬT SỞ HỮU TRÌ TUỆ VÀ CÁC VĂN BẢN MỚI HƯỚNG DẪN THI HÀNH
6	08/05/2020	STK-004568	ĐÀM VĂN THỌ - TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
7	08/05/2020	STK-004569	ĐÀM VĂN THỌ - TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
8	08/05/2020	STK-004570	TẠ ĐỊNH - NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH (SỐ 83/1998/NĐ-CP NGÀY 10/10/1998)
9	08/05/2020	STK-004571	TẠ ĐỊNH - NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH (SỐ 83/1998/NĐ-CP NGÀY 10/10/1998)
10	08/05/2020	STK-004572	TẠ ĐỊNH - NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH (SỐ 83/1998/NĐ-CP NGÀY 10/10/1998)
11	08/05/2020	STK-004573	TẠ ĐỊNH - NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH (SỐ 83/1998/NĐ-CP NGÀY 10/10/1998)
12	08/05/2020	STK-004574	TẠ ĐỊNH - NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH (SỐ 83/1998/NĐ-CP NGÀY 10/10/1998)
13	08/05/2020	STK-004575	TẠ ĐỊNH - NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH (SỐ 83/1998/NĐ-CP NGÀY 10/10/1998)
14	08/05/2020	STK-004576	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỤ THỂ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN Ở MỖI CẤP
15	08/05/2020	STK-004577	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỤ THỂ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN Ở MỖI CẤP
16	08/05/2020	STK-004578	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỤ THỂ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN Ở MỖI CẤP
17	08/05/2020	STK-004579	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỤ THỂ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN Ở MỖI CẤP
18	08/05/2020	STK-004580	PHẠM VIỆT - PHÁP LỆNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỤ THỂ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN Ở MỖI CẤP
19	08/05/2020	STK-004581	PHẠM VIỆT - BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ CỦA NƯỚC CHXHCNVN
20	08/05/2020	STK-004582	PHẠM VIỆT - BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ CỦA NƯỚC CHXHCNVN
21	08/05/2020	STK-004583	LÊ THỊ BÌNH MINH - BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
22	08/05/2020	STK-004584	QUỐC CƯỜNG - PHÁP LỆNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
23	08/05/2020	STK-004585	QUỐC CƯỜNG - PHÁP LỆNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
24	08/05/2020	STK-004586	LÊ MINH NGHĨA - CÁC QUY ĐỊNH MỚI HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005
25	08/05/2020	STK-004587	LÊ MINH NGHĨA - CÁC QUY ĐỊNH MỚI HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Xây dựng	HN	1996	27,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	33,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2006	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2005	22,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	42,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	7,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	7,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	1999	5,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	5,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2010	30,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2010	30,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2012	20,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	23,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	23,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	35,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	35,000	34(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STK-004588	LÊ MINH NGHĨA - CÁC QUY ĐỊNH MỚI HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005
2	08/05/2020	STK-004589	LÊ THỊ BÌNH MINH - LUẬT BIÊN GIỚI QUỐC GIA VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
3	08/05/2020	STK-004590	TẠ ĐỊNH - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
4	08/05/2020	STK-004591	HOÀNG PHONG HÀ - LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2008 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014
5	08/05/2020	STK-004592	HOÀI VIỆT - BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ CỦA NƯỚC CHXHCNVN
6	08/05/2020	STK-004593	TẠ ĐỊNH - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
7	08/05/2020	STK-004594	TẠ ĐỊNH - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
8	08/05/2020	STK-004595	TẠ ĐỊNH - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
9	08/05/2020	STK-004596	NGUYỄN THỊ THÀNH - LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY
10	08/05/2020	STK-004597	NGUYỄN THỊ THU - TÌM HIỂU LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM
11	08/05/2020	STK-004598	LÊ HOÀI TRUNG - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, LUẬT SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI. LUẬT GIÁO DỤC. PHÁP LỆNH VỀ TỔ
12	08/05/2020	STK-004599	LÊ HOÀI TRUNG - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, LUẬT SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI. LUẬT GIÁO DỤC. PHÁP LỆNH VỀ TỔ
13	08/05/2020	STK-004600	LÊ HOÀI TRUNG - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, LUẬT SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI. LUẬT GIÁO DỤC. PHÁP LỆNH VỀ TỔ
14	08/05/2020	STK-004601	LÊ HOÀI TRUNG - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, LUẬT SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI. LUẬT GIÁO DỤC. PHÁP LỆNH VỀ TỔ
15	08/05/2020	STK-004602	LÊ HOÀI TRUNG - LUẬT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, LUẬT SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI. LUẬT GIÁO DỤC. PHÁP LỆNH VỀ TỔ
16	08/05/2020	STK-004603	NGUYỄN THỊ THÀNH - ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
17	08/05/2020	STK-004604	NGUYỄN THỊ THÀNH - ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
18	08/05/2020	STK-004605	NGUYỄN THỊ THÀNH - ĐIỀU LỆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
19	08/05/2020	STK-004606	CHU THỊ THÚY ANH - PHÁP LUẬT NƠI CÔNG CỘNG
20	08/05/2020	STK-004607	HỒNG HẠNH - PHÁP LUẬT KHI THAM GIA GIAO THÔNG
21	08/05/2020	STK-004608	HỒNG HẠNH - PHÁP LUẬT VỚI CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI
22	08/05/2020	STN-005369	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
23	08/05/2020	STN-005370	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
24	08/05/2020	STN-005371	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
25	08/05/2020	STN-005372	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chính trị Quốc gia	HN	2007	35,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2013	40,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2000	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2016	45,000	34(V)	3							
Hồng Đức	HN	2010	30,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	4,500	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2007	3,500	34(V)	3							
Lao động xã hội	HN	2006	4,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1999	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1999	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1999	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1999	10,000	34(V)	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	1999	10,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	7,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	7,000	34(V)	3							
Chính trị Quốc gia	HN	2015	7,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	8,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2011	7,000	34(V)	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	34(V)	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STN-005373	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
2	08/05/2020	STN-005374	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
3	08/05/2020	STN-005375	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
4	08/05/2020	STN-005376	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
5	08/05/2020	STN-005377	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
6	08/05/2020	STN-005378	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
7	08/05/2020	STN-005379	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
8	08/05/2020	STN-005380	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
9	08/05/2020	STN-005381	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
10	08/05/2020	STN-005382	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI TỐI
11	08/05/2020	STN-005383	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
12	08/05/2020	STN-005384	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
13	08/05/2020	STN-005385	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
14	08/05/2020	STN-005386	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
15	08/05/2020	STN-005387	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
16	08/05/2020	STN-005388	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
17	08/05/2020	STN-005389	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
18	08/05/2020	STN-005390	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
19	08/05/2020	STN-005391	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
20	08/05/2020	STN-005392	TÂM HÀ - LỜI CẢM ƠN
21	08/05/2020	STN-005393	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
22	08/05/2020	STN-005394	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
23	08/05/2020	STN-005395	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
24	08/05/2020	STN-005396	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
25	08/05/2020	STN-005397	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STN-005398	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
2	08/05/2020	STN-005399	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
3	08/05/2020	STN-005400	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
4	08/05/2020	STN-005401	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
5	08/05/2020	STN-005402	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
6	08/05/2020	STN-005403	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
7	08/05/2020	STN-005404	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
8	08/05/2020	STN-005405	TÂM HÀ - LỜI CHÀO BUỔI SÁNG
9	08/05/2020	STN-005406	NGUYỄN TRÍ CÔNG - NHÀ VĂN NHÍ NĂM 2009
10	08/05/2020	STN-005407	NGUYỄN TRÍ CÔNG - NHÀ VĂN NHÍ NĂM 2009
11	08/05/2020	STN-005408	NGUYỄN TRÍ CÔNG - NHÀ VĂN NHÍ NĂM 2009
12	08/05/2020	STN-005409	NGÔ MINH VÂN - BRAIN QUEST PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ
13	08/05/2020	STN-005410	NGÔ MINH VÂN - BRAIN QUEST PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ
14	08/05/2020	STN-005411	NGÔ MINH VÂN - BRAIN QUEST PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ
15	08/05/2020	STN-005412	NGÔ MINH VÂN - BRAIN QUEST PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ
16	08/05/2020	STN-005413	NGÔ MINH VÂN - PICTURE PUZZLES TRANH ĐỐ VUI
17	08/05/2020	STN-005414	NGÔ MINH VÂN - PICTURE PUZZLES TRANH ĐỐ VUI
18	08/05/2020	STN-005415	NGÔ MINH VÂN - PICTURE PUZZLES TRANH ĐỐ VUI
19	08/05/2020	STN-005416	NGÔ MINH VÂN - PICTURE PUZZLES TRANH ĐỐ VUI
20	08/05/2020	STN-005417	NGÔ MINH VÂN - MOTOR VEHICLES CÁC LOẠI XE
21	08/05/2020	STN-005418	NGÔ MINH VÂN - MOTOR VEHICLES CÁC LOẠI XE
22	08/05/2020	STN-005419	NGÔ MINH VÂN - MOTOR VEHICLES CÁC LOẠI XE
23	08/05/2020	STN-005420	NGÔ MINH VÂN - IDENTIFY THINGS NHẬN BIẾT ĐỒ VẬT
24	08/05/2020	STN-005421	NGÔ MINH VÂN - IDENTIFY THINGS NHẬN BIẾT ĐỒ VẬT
25	08/05/2020	STN-005422	NGÔ MINH VÂN - IDENTIFY THINGS NHẬN BIẾT ĐỒ VẬT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2000	5,000	ĐV19	3							
Trẻ	TPHCM	2000	5,000	ĐV19	3							
Trẻ	TPHCM	2000	5,000	ĐV19	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							
Dân Trí	HN	2013	55,000	ĐN2	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STN-005423	TRẦN HÀ - NHỮNG CON VẬT NUÔI QUANH EM
2	08/05/2020	STN-005424	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
3	08/05/2020	STN-005425	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
4	08/05/2020	STN-005426	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
5	08/05/2020	STN-005427	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
6	08/05/2020	STN-005428	ĐỖ BIÊN THÙY - CAO THẮNG ANH HÙNG CHẾ SÚNG
7	08/05/2020	STN-005429	ĐỖ BIÊN THÙY - LÝ THƯỜNG KIỆT BÃO TÁP TRÊN CHIẾN LŨY
8	08/05/2020	STN-005430	AN CƯƠNG - HAI BÀ TRƯNG
9	08/05/2020	STN-005431	NGUYỄN THU HẰNG - CON XIN LỖI MẸ
10	08/05/2020	STN-005432	NGUYỄN THU HẰNG - CON XIN LỖI MẸ
11	08/05/2020	STN-005433	NGUYỄN THU HẰNG - Ở TRƯỜNG CÔ DẠY EM THẾ
12	08/05/2020	STN-005434	NGUYỄN THU HẰNG - Ở TRƯỜNG CÔ DẠY EM THẾ
13	08/05/2020	STN-005435	NGUYỄN THU HẰNG - Ở TRƯỜNG CÔ DẠY EM THẾ
14	08/05/2020	STN-005436	NGUYỄN THU HẰNG - CÁNH CÒ BAY LẢ BAY LA
15	08/05/2020	STN-005437	NGUYỄN THU HẰNG - CÁNH CÒ BAY LẢ BAY LA
16	08/05/2020	STN-005438	NGUYỄN THU HẰNG - CÁNH CÒ BAY LẢ BAY LA
17	08/05/2020	STN-005439	NGUYỄN THU HẰNG - TẤM LÒNG THƠM THẢO
18	08/05/2020	STN-005440	NGUYỄN THU HẰNG - TẤM LÒNG THƠM THẢO
19	08/05/2020	STN-005441	NGUYỄN THU HẰNG - THẾ GIỚI TRONG QUẢ TRỨNG HỒNG
20	08/05/2020	STN-005442	NGUYỄN THU HẰNG - THẾ GIỚI TRONG QUẢ TRỨNG HỒNG
21	08/05/2020	STN-005443	VIỄN PHƯƠNG - NGÔI SAO XANH
22	08/05/2020	STN-005444	VIỄN PHƯƠNG - NGÔI SAO XANH
23	08/05/2020	STN-005445	VIỄN PHƯƠNG - NGÔI SAO XANH
24	08/05/2020	STN-005446	VIỄN PHƯƠNG - NGÔI SAO XANH
25	08/05/2020	STN-005447	VŨ DUY THÔNG - CUỘC PHIÊU LƯU CỦA ONG VÀNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	8,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Trẻ	TPHCM	2009	9,000	ĐV29	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2011	15,500	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2009	12,000	ĐV13	3							
Giáo dục	HN	2009	12,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2003	7,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2003	7,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2003	7,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2003	7,000	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2005	9,500	ĐV13	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STN-005448	VŨ DUY THÔNG - CUỘC PHIÊU LƯU CỦA ONG VÀNG
2	08/05/2020	STN-005449	VŨ DUY THÔNG - CUỘC PHIÊU LƯU CỦA ONG VÀNG
3	08/05/2020	STN-005450	MINH THU - SỰ TÍCH CÂY ĐU ĐỦ
4	08/05/2020	STN-005451	MINH THU - SỰ TÍCH CÂY ĐU ĐỦ
5	08/05/2020	STN-005452	MINH THU - SỰ TÍCH CÂY ĐU ĐỦ
6	08/05/2020	STN-005453	MINH THU - SỰ TÍCH CÂY ĐU ĐỦ
7	08/05/2020	STN-005454	PHONG SƠN - HAI CON THIÊN NGA VÀ CHÚ ẾCH BA HOA
8	08/05/2020	STN-005455	PHONG SƠN - HAI CON THIÊN NGA VÀ CHÚ ẾCH BA HOA
9	08/05/2020	STN-005456	PHONG SƠN - HAI CON THIÊN NGA VÀ CHÚ ẾCH BA HOA
10	08/05/2020	STN-005457	PHONG SƠN - HAI CON THIÊN NGA VÀ CHÚ ẾCH BA HOA
11	08/05/2020	STN-005458	PHONG SƠN - HAI CON THIÊN NGA VÀ CHÚ ẾCH BA HOA
12	08/05/2020	STN-005459	SƯU TẦM - ĂN KHẾ TRẢ VÀNG
13	08/05/2020	STN-005460	SƯU TẦM - ĂN KHẾ TRẢ VÀNG
14	08/05/2020	STN-005461	TRIO - SỰ TÍCH CON KHỈ
15	08/05/2020	STN-005462	TRIO - SỰ TÍCH CON KHỈ
16	08/05/2020	STN-005463	TRIO - SỰ TÍCH CON KHỈ
17	08/05/2020	STN-005464	TRIO - SỰ TÍCH CON KHỈ
18	08/05/2020	STN-005465	TRIO - SỰ TÍCH CON KHỈ
19	08/05/2020	STN-005466	THANH VIỆT - ĐỐT CHÁY THÔN CỪU
20	08/05/2020	STN-005467	THANH VIỆT - BÚA TƯƠNG PHẢN
21	08/05/2020	STN-005468	THANH VIỆT - XỨNG DANH CỪU LƯỜI BIẾNG
22	08/05/2020	STN-005469	THANH VIỆT - LỰC SĨ CỪU SÔI NỔI
23	08/05/2020	STN-005470	THANH VIỆT - TẤM DA CỪU TIÊN TRI
24	08/05/2020	STN-005471	THANH VIỆT - NIJIA SÓI XÁM
25	08/05/2020	STN-005472	THANH VIỆT - KHÓA RU-BIC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	9,500	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2005	9,500	ĐV13	3							
Trẻ	TPHCM	2012	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2012	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2007	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2007	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2007	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2007	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2007	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	HN	2007	6,000	ĐV17	3							
Thanh Hóa	HN	2007	6,000	ĐV17	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV17	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV17	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV17	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV17	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/05/2020	STN-005473	THANH VIỆT - CHÓ RÔ BỐT CANH CỔNG
2	08/05/2020	STN-005474	THANH VIỆT - VÕ CÔNG CỦA CHUỘT
3	08/05/2020	STN-005475	THANH VIỆT - CỎ MƠ MÀNG
4	08/05/2020	STN-005476	THANH VIỆT - CỎ MƠ MÀNG
5	08/05/2020	STN-005477	THANH VIỆT - THUỐC CẢI LÃO HOÀN ĐỒNG
6	11/05/2020	STK-004609	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004610	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004611	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004612	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004613	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004614	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004615	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004616	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004617	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004618	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004619	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004620	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004621	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004622	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004623	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004624	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004625	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004626	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004627	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004628	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2012	25,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004629	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004630	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004631	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004632	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004633	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004634	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004635	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004636	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004637	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004638	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004639	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004640	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004641	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004642	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004643	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004644	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004645	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004646	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004647	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004648	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004649	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004650	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004651	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004652	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004653	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004654	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004655	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004656	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004657	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004658	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004659	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004660	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004661	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004662	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004663	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004664	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004665	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004666	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004667	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004668	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004669	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004670	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004671	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004672	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004673	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004674	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004675	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004676	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004677	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004678	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004679	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004680	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004681	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004682	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004683	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004684	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004685	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004686	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004687	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004688	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004689	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004690	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004691	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004692	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004693	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004694	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004695	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004696	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004697	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004698	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004699	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004700	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004701	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004702	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004703	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004704	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004705	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004706	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004707	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004708	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004709	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004710	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004711	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004712	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004713	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004714	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004715	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004716	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004717	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004718	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004719	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004720	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004721	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004722	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004723	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004724	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004725	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004726	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004727	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004728	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004729	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004730	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004731	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004732	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004733	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004734	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004735	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004736	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004737	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004738	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004739	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004740	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004741	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004742	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004743	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004744	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004745	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004746	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004747	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004748	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004749	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004750	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004751	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004752	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004753	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004754	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004755	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004756	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004757	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004758	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004759	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004760	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004761	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004762	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004763	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004764	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004765	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004766	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004767	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004768	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004769	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004770	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004771	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004772	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004773	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004774	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004775	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004776	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004777	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004778	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004779	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004780	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004781	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004782	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004783	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004784	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004785	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004786	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004787	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004788	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004789	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004790	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004791	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004792	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004793	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004794	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004795	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004796	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004797	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004798	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004799	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004800	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004801	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004802	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004803	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004804	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004805	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004806	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004807	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004808	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004809	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004810	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004811	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004812	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004813	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004814	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004815	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004816	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004817	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004818	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004819	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004820	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004821	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004822	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004823	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004824	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004825	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004826	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
24	11/05/2020	STK-004827	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
25	11/05/2020	STK-004828	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004829	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
2	11/05/2020	STK-004830	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
3	11/05/2020	STK-004831	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
4	11/05/2020	STK-004832	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
5	11/05/2020	STK-004833	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
6	11/05/2020	STK-004834	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
7	11/05/2020	STK-004835	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
8	11/05/2020	STK-004836	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
9	11/05/2020	STK-004837	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
10	11/05/2020	STK-004838	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
11	11/05/2020	STK-004839	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
12	11/05/2020	STK-004840	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
13	11/05/2020	STK-004841	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
14	11/05/2020	STK-004842	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
15	11/05/2020	STK-004843	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
16	11/05/2020	STK-004844	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
17	11/05/2020	STK-004845	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
18	11/05/2020	STK-004846	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
19	11/05/2020	STK-004847	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
20	11/05/2020	STK-004848	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
21	11/05/2020	STK-004849	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
22	11/05/2020	STK-004850	NGUYỄN TUYẾT NGA - BIỂN ĐẢO VỚI CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TA
23	11/05/2020	STK-004851	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
24	11/05/2020	STK-004852	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
25	11/05/2020	STK-004853	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004854	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
2	11/05/2020	STK-004855	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
3	11/05/2020	STK-004856	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
4	11/05/2020	STK-004857	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
5	11/05/2020	STK-004858	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
6	11/05/2020	STK-004859	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
7	11/05/2020	STK-004860	LÊ THÔNG - TƯ LIỆU BIỂN ĐẢO VIỆT NAM
8	11/05/2020	STK-004861	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
9	11/05/2020	STK-004862	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
10	11/05/2020	STK-004863	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
11	11/05/2020	STK-004864	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
12	11/05/2020	STK-004865	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
13	11/05/2020	STK-004866	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
14	11/05/2020	STK-004867	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
15	11/05/2020	STK-004868	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
16	11/05/2020	STK-004869	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
17	11/05/2020	STK-004870	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN BẮC
18	11/05/2020	STK-004871	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
19	11/05/2020	STK-004872	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
20	11/05/2020	STK-004873	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
21	11/05/2020	STK-004874	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
22	11/05/2020	STK-004875	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
23	11/05/2020	STK-004876	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
24	11/05/2020	STK-004877	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
25	11/05/2020	STK-004878	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	45,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004879	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
2	11/05/2020	STK-004880	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN TRUNG
3	11/05/2020	STK-004881	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
4	11/05/2020	STK-004882	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
5	11/05/2020	STK-004883	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
6	11/05/2020	STK-004884	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
7	11/05/2020	STK-004885	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
8	11/05/2020	STK-004886	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
9	11/05/2020	STK-004887	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
10	11/05/2020	STK-004888	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
11	11/05/2020	STK-004889	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
12	11/05/2020	STK-004890	LÊ THÔNG - CÁC HUYỆN ĐẢO Ở MIỀN NAM
13	11/05/2020	STK-004891	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
14	11/05/2020	STK-004892	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
15	11/05/2020	STK-004893	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
16	11/05/2020	STK-004894	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
17	11/05/2020	STK-004895	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
18	11/05/2020	STK-004896	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
19	11/05/2020	STK-004897	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
20	11/05/2020	STK-004898	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
21	11/05/2020	STK-004899	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
22	11/05/2020	STK-004900	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
23	11/05/2020	STK-004901	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
24	11/05/2020	STK-004902	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
25	11/05/2020	STK-004903	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	55,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2014	39,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004904	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
2	11/05/2020	STK-004905	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
3	11/05/2020	STK-004906	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
4	11/05/2020	STK-004907	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
5	11/05/2020	STK-004908	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
6	11/05/2020	STK-004909	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
7	11/05/2020	STK-004910	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
8	11/05/2020	STK-004911	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
9	11/05/2020	STK-004912	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
10	11/05/2020	STK-004913	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
11	11/05/2020	STK-004914	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
12	11/05/2020	STK-004915	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
13	11/05/2020	STK-004916	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
14	11/05/2020	STK-004917	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
15	11/05/2020	STK-004918	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
16	11/05/2020	STK-004919	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
17	11/05/2020	STK-004920	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
18	11/05/2020	STK-004921	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
19	11/05/2020	STK-004922	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
20	11/05/2020	STK-004923	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
21	11/05/2020	STK-004924	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
22	11/05/2020	STK-004925	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
23	11/05/2020	STK-004926	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
24	11/05/2020	STK-004927	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
25	11/05/2020	STK-004928	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/05/2020	STK-004929	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
2	11/05/2020	STK-004930	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
3	11/05/2020	STK-004931	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
4	11/05/2020	STK-004932	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
5	11/05/2020	STK-004933	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
6	11/05/2020	STK-004934	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
7	11/05/2020	STK-004935	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
8	11/05/2020	STK-004936	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
9	11/05/2020	STK-004937	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
10	11/05/2020	STK-004938	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
11	11/05/2020	STK-004939	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
12	11/05/2020	STK-004940	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
13	11/05/2020	STK-004941	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
14	11/05/2020	STK-004942	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
15	11/05/2020	STK-004943	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
16	11/05/2020	STK-004944	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
17	11/05/2020	STK-004945	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
18	11/05/2020	STK-004946	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
19	11/05/2020	STK-004947	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
20	11/05/2020	STK-004948	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
21	11/05/2020	STK-004949	NGUYỄN TUYẾT NGA - GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM QUA HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP
22	13/05/2020	STK-004950	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NỮ SINH
23	13/05/2020	STK-004951	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NỮ SINH
24	13/05/2020	STK-004952	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NỮ SINH
25	13/05/2020	STK-004953	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BỒ CÂU KHÔNG ĐƯA THƯ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Giáo dục	HN	2013	35,000	91(V)	3							
Trẻ	TPHCM	2005	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	17,400	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/05/2020	STK-004954	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BỒ CÂU KHÔNG ĐƯA THƯ
2	13/05/2020	STK-004955	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BỒ CÂU KHÔNG ĐƯA THƯ
3	13/05/2020	STK-004956	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NHỮNG CÔ EM GÁI
4	13/05/2020	STK-004957	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NHỮNG CÔ EM GÁI
5	13/05/2020	STK-004958	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NHỮNG CÔ EM GÁI
6	13/05/2020	STK-004959	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NHỮNG CHÀNG TRAI XẤU TÍNH
7	13/05/2020	STK-004960	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NHỮNG CHÀNG TRAI XẤU TÍNH
8	13/05/2020	STK-004961	NGUYỄN NHẬT ÁNH - NHỮNG CHÀNG TRAI XẤU TÍNH
9	13/05/2020	STK-004962	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THIÊN THẦN NHỎ CỦA TÔI
10	13/05/2020	STK-004963	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THIÊN THẦN NHỎ CỦA TÔI
11	13/05/2020	STK-004964	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THIÊN THẦN NHỎ CỦA TÔI
12	13/05/2020	STK-004965	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CÔ GÁI ĐẾN TỪ HÔM QUA
13	13/05/2020	STK-004966	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG QUỶ NHỎ
14	13/05/2020	STK-004967	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG QUỶ NHỎ
15	13/05/2020	STK-004968	NGUYỄN NHẬT ÁNH - THẰNG QUỶ NHỎ
16	13/05/2020	STK-004969	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRƯỚC VÒNG CHUNG KẾT
17	13/05/2020	STK-004970	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRƯỚC VÒNG CHUNG KẾT
18	13/05/2020	STK-004971	NGUYỄN NHẬT ÁNH - TRƯỚC VÒNG CHUNG KẾT
19	13/05/2020	STK-004972	NGUYỄN NHẬT ÁNH - PHÒNG TRỌ BA NGƯỜI
20	13/05/2020	STK-004973	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÀN CÓ NĂM CHỖ NGỒI
21	13/05/2020	STK-004974	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BÀN CÓ NĂM CHỖ NGỒI
22	13/05/2020	STK-004975	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÚ BÉ RẮC RỐI
23	13/05/2020	STK-004976	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÚ BÉ RẮC RỐI
24	13/05/2020	STK-004977	NGUYỄN NHẬT ÁNH - CHÚ BÉ RẮC RỐI
25	13/05/2020	STK-004978	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN GÒ ĐI LÊN

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	17,400	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	17,400	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	12,600	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	12,600	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	12,600	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	15,600	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	21,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	21,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	21,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	24,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	24,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	24,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	22,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	17,400	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	17,400	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	16,800	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	16,800	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	16,800	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	23,400	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/05/2020	STK-004979	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN GÒ ĐI LÊN
2	13/05/2020	STK-004980	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BUỔI CHIỀU WINDOWS
3	13/05/2020	STK-004981	NGUYỄN NHẬT ÁNH - BUỔI CHIỀU WINDOWS
4	13/05/2020	STK-004982	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HẠ ĐỎ
5	13/05/2020	STK-004983	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HẠ ĐỎ
6	13/05/2020	STK-004984	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HẠ ĐỎ
7	13/05/2020	STK-004985	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ÚT QUYÊN VÀ TÔI
8	13/05/2020	STK-004986	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ĐI QUA HOA CÚC
9	13/05/2020	STK-004987	NGUYỄN NHẬT ÁNH - ĐI QUA HOA CÚC
10	13/05/2020	STK-004988	NGUYỄN QUANG THIỀU - BÍ MẬT HỒ CÁ THẦN
11	13/05/2020	STK-004989	NGUYỄN QUANG THIỀU - BÍ MẬT HỒ CÁ THẦN
12	13/05/2020	STK-004990	NGHIÊM ĐA VĂN - SỪNG RƯỢU THỀ
13	13/05/2020	STK-004991	NGHIÊM ĐA VĂN - SỪNG RƯỢU THỀ
14	13/05/2020	STK-004992	NGUYỄN HUY TƯỞNG - TÌM MẸ
15	13/05/2020	STK-004993	NGUYỄN HUY TƯỞNG - TÌM MẸ
16	13/05/2020	STK-004994	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
17	13/05/2020	STK-004995	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
18	13/05/2020	STK-004996	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
19	13/05/2020	STK-004997	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
20	13/05/2020	STK-004998	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
21	13/05/2020	STK-004999	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
22	13/05/2020	STK-005000	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
23	13/05/2020	STK-005001	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
24	13/05/2020	STK-005002	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
25	13/05/2020	STK-005003	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2005	23,400	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	21,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	21,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	12,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	21,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	21,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	23,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	23,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	54,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	54,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	23,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	23,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/05/2020	STK-005004	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
2	13/05/2020	STK-005005	XUÂN QUỲNH - BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG
3	13/05/2020	STK-005006	ĐỊNH HẢI - BÀI CA TRÁI ĐẤT
4	13/05/2020	STK-005007	ĐỊNH HẢI - BÀI CA TRÁI ĐẤT
5	13/05/2020	STK-005008	HÀ ÂN - TRĂNG NƯỚC CHƯƠNG DƯƠNG
6	13/05/2020	STK-005009	HÀ ÂN - TRĂNG NƯỚC CHƯƠNG DƯƠNG
7	13/05/2020	STK-005010	PHAN THỊ THANH NHÀN - XÓM ĐÊ NGÀY ẤY
8	13/05/2020	STK-005011	ĐOÀN GIỎI - ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM
9	13/05/2020	STK-005012	ĐOÀN GIỎI - ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM
10	13/05/2020	STK-005013	GIUYN VÉC-NƠ - HAI VẠN DẶM DƯỚI BIỂN
11	13/05/2020	STK-005014	TÔ HOÀI - NHÀ CHỬ, ĐẢO HOANG, CHUYỆN NỎ THẦN
12	13/05/2020	STK-005015	TÔ HOÀI - NHÀ CHỬ, ĐẢO HOANG, CHUYỆN NỎ THẦN
13	13/05/2020	STK-005016	TÔ HOÀI - KÉP TƯ BỀN
14	13/05/2020	STK-005017	VÕ QUẢNG - QUÊ NỘI
15	13/05/2020	STK-005018	VÕ QUẢNG - QUÊ NỘI
16	13/05/2020	STK-005019	STEVENSON - ĐẢO GIẤU VÀNG
17	13/05/2020	STK-005020	STEVENSON - ĐẢO GIẤU VÀNG
18	13/05/2020	STK-005021	XANH EXUPERY - QUÊ XỨ CON NGƯỜI
19	13/05/2020	STK-005022	XANH EXUPERY - QUÊ XỨ CON NGƯỜI
20	13/05/2020	STK-005023	THẠCH LAM - DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN
21	13/05/2020	STK-005024	SƠN TÙNG - BÚP SEN XANH
22	13/05/2020	STK-005025	SƠN TÙNG - BÚP SEN XANH
23	13/05/2020	STK-005026	SƠN TÙNG - BÚP SEN XANH
24	13/05/2020	STK-005027	SƠN TÙNG - BÚP SEN XANH
25	13/05/2020	STK-005028	PHÙNG QUÁN - TUỔI THƠ DỮ DỘI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	22,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	22,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	34,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	34,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	21,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	32,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	32,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	40,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	70,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	70,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	30,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	32,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	32,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	16,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	16,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	27,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	27,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	28,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	35,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	35,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	35,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	35,000	V23	3							
Văn học	HN	2013	110,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/05/2020	STK-005029	PHÙNG QUÁN - TUỔI THƠ DỮ DỘI
2	13/05/2020	STK-005030	PHÙNG QUÁN - TUỔI THƠ DỮ DỘI
3	13/05/2020	STK-005031	PHÙNG QUÁN - TUỔI THƠ DỮ DỘI
4	13/05/2020	STK-005032	PHẠM THỊ MINH THƯ - NHỮNG NẺO ĐƯỜNG BÉ THƠ
5	13/05/2020	STK-005033	VĂN TÙNG - ĐỘI THIẾU NIÊN DU KÍCH THÀNH HUẾ
6	13/05/2020	STK-005034	VĂN TÙNG - ĐỘI THIẾU NIÊN DU KÍCH THÀNH HUẾ
7	13/05/2020	STK-005035	VÂN LONG - CHUYỆN NHỎ TRONG RỪNG
8	13/05/2020	STK-005036	THANH QUẾ - THỊ TRẤN EM KẾT NGHĨA
9	13/05/2020	STK-005037	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
10	13/05/2020	STK-005038	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
11	13/05/2020	STK-005039	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
12	13/05/2020	STK-005040	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
13	13/05/2020	STK-005041	HỒ PHƯƠNG - LÁ CỜ CHUẨN ĐỎ THẮM
14	13/05/2020	STK-005042	HỒ PHƯƠNG - LÁ CỜ CHUẨN ĐỎ THẮM
15	13/05/2020	STK-005043	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
16	13/05/2020	STK-005044	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
17	13/05/2020	STK-005045	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
18	13/05/2020	STK-005046	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
19	13/05/2020	STK-005047	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
20	13/05/2020	STK-005048	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
21	13/05/2020	STK-005049	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
22	13/05/2020	STK-005050	TÔ HẢI VÂN - PHÉP MÀU CỦA MÈO CON
23	14/05/2020	STK-005051	MA VĂN KHÁNG - BÀ NGOẠI
24	14/05/2020	STK-005052	MA VĂN KHÁNG - BÀ NGOẠI
25	14/05/2020	STK-005053	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐIỆN BIÊN PHỦ CỦA CHÚNG EM

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn học	HN	2013	110,000	V23	3							
Văn học	HN	2013	110,000	V23	3							
Văn học	HN	2013	110,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	13,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	16,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	16,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	16,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2004	10,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2004	10,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	18,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	19,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	19,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	30,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/05/2020	STK-005054	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐIỆN BIÊN PHỦ CỦA CHÚNG EM
2	14/05/2020	STK-005055	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐIỆN BIÊN PHỦ CỦA CHÚNG EM
3	14/05/2020	STK-005056	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐIỆN BIÊN PHỦ CỦA CHÚNG EM
4	14/05/2020	STK-005057	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐIỆN BIÊN PHỦ CỦA CHÚNG EM
5	14/05/2020	STK-005058	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
6	14/05/2020	STK-005059	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
7	14/05/2020	STK-005060	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
8	14/05/2020	STK-005061	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
9	14/05/2020	STK-005062	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
10	14/05/2020	STK-005063	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
11	14/05/2020	STK-005064	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
12	14/05/2020	STK-005065	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
13	14/05/2020	STK-005066	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
14	14/05/2020	STK-005067	LƯU CẨM VÂN - XIN LÀM CHIẾC LÁ REO
15	14/05/2020	STK-005068	NGỌC LAM - CÔ SẼ GIỮ CHO EM MÙA XUÂN
16	14/05/2020	STK-005069	NGỌC LAM - CÔ SẼ GIỮ CHO EM MÙA XUÂN
17	14/05/2020	STK-005070	NGỌC LAM - CÔ SẼ GIỮ CHO EM MÙA XUÂN
18	14/05/2020	STK-005071	CAO HÒA BÌNH - NƠI BẮT ĐẦU CÓ GIÓ
19	14/05/2020	STK-005072	CAO HÒA BÌNH - NƠI BẮT ĐẦU CÓ GIÓ
20	14/05/2020	STK-005073	CAO HÒA BÌNH - NƠI BẮT ĐẦU CÓ GIÓ
21	14/05/2020	STK-005074	NGUYỄN QUÝ THAO - KHUNG CỬA CHỮ
22	14/05/2020	STK-005075	NGUYỄN QUÝ THAO - KHUNG CỬA CHỮ
23	14/05/2020	STK-005076	TRƯƠNG THỊ BÍCH - MẠNH HƠN 113
24	14/05/2020	STK-005077	TRƯƠNG THỊ BÍCH - MẠNH HƠN 113
25	14/05/2020	STK-005078	TRƯƠNG THỊ BÍCH - MẠNH HƠN 113

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2009	30,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	30,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	30,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	30,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	17,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	17,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	17,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/05/2020	STK-005079	ĐẶNG THÚY HẰNG - NGẨNG ĐẦU LÊN ĐI EM
2	14/05/2020	STK-005080	ĐẶNG THÚY HẰNG - NGẨNG ĐẦU LÊN ĐI EM
3	14/05/2020	STK-005081	ĐẶNG THÚY HẰNG - NGẨNG ĐẦU LÊN ĐI EM
4	14/05/2020	STK-005082	CAO HÒA BÌNH - HOA MẪU ĐƠN
5	14/05/2020	STK-005083	CAO HÒA BÌNH - HOA MẪU ĐƠN
6	14/05/2020	STK-005084	CAO HÒA BÌNH - HOA MẪU ĐƠN
7	14/05/2020	STK-005085	ĐẶNG THÚY HẰNG - MỘT MÌNH CHƠI TRỐN TÌM
8	14/05/2020	STK-005086	ĐẶNG THÚY HẰNG - MỘT MÌNH CHƠI TRỐN TÌM
9	14/05/2020	STK-005087	ĐẶNG THÚY HẰNG - MỘT MÌNH CHƠI TRỐN TÌM
10	14/05/2020	STK-005088	TÔ HẢI VÂN - PHÉP MÀU CỦA MÈO CON
11	14/05/2020	STK-005089	LÊ THANH NGA - NHỮNG NGƯỜI SỐNG CÙNG TÔI
12	14/05/2020	STK-005090	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
13	14/05/2020	STK-005091	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
14	14/05/2020	STK-005092	ĐINH NGỌC HÙNG - CỎ GIANH VÀNG
15	14/05/2020	STK-005093	NGUYỄN NHẬT ÁNH - QUÁN GÒ ĐI LÊN
16	14/05/2020	STK-005094	LÊ THANH NGA - KỂ CHUYỆN ĐIỆN BIÊN PHỦ
17	14/05/2020	STK-005095	LÊ THANH NGA - KỂ CHUYỆN ĐIỆN BIÊN PHỦ
18	14/05/2020	STK-005096	LÊ THANH NGA - KỂ CHUYỆN ĐIỆN BIÊN PHỦ
19	14/05/2020	STK-005097	LÊ THANH NGA - KỂ CHUYỆN ĐIỆN BIÊN PHỦ
20	14/05/2020	STK-005098	LÊ THANH NGA - KỂ CHUYỆN ĐIỆN BIÊN PHỦ
21	14/05/2020	STK-005099	THANH THANH - TRẦN TỬ NGANG ĐÓNG CỬA CỐ HỌC
22	14/05/2020	STK-005100	SONG MAI - NHÀ VẬT LÝ ANH-XTANH
23	14/05/2020	STK-005101	NHIỀU TÁC GIẢ - QUÀ TẶNG CỦA CUỘC SỐNG
24	14/05/2020	STK-005102	NHIỀU TÁC GIẢ - LÒNG DŨNG CẢM
25	14/05/2020	STK-005103	BÍCH NGA - LÒNG NHÂN ÁI

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	21,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	21,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	21,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	18,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	14,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	23,400	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	11,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	11,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	11,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	11,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	11,000	V23	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	15,000	V13	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2015	12,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2016	12,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/05/2020	STK-005104	VŨ NGỌC CHÂU - SIÊNG NĂNG KIÊN TRÌ
2	14/05/2020	STK-005105	LƯƠNG HÙNG - TÍNH LƯƠNG THIỆN
3	14/05/2020	STK-005106	NGUYỄN HẠNH - TÍNH CHỊ EM
4	14/05/2020	STK-005107	ĐINH NGỌC HÙNG - TIẾNG VỌNG ĐỒNG QUÊ
5	14/05/2020	STK-005108	ĐINH NGỌC HÙNG - TIẾNG VỌNG ĐỒNG QUÊ
6	14/05/2020	STK-005109	NGUYỄN HỮU LẬP - CHỮ LẠC
7	14/05/2020	STK-005110	NGUYỄN HỮU LẬP - CHỮ LẠC
8	14/05/2020	STK-005111	TRẦN THU HẰNG - CHÀNG THỢ GỐM
9	14/05/2020	STK-005112	TRẦN THU HẰNG - CHÀNG THỢ GỐM
10	14/05/2020	STK-005113	PHẠM THẮNG - ĐỘI THIẾU NIÊN TÌNH BÁO BÁT SẮT
11	14/05/2020	STK-005114	PHẠM THẮNG - ĐỘI THIẾU NIÊN TÌNH BÁO BÁT SẮT
12	14/05/2020	STK-005115	XUÂN SÁCH - PHẠM NGỌC ĐA
13	14/05/2020	STK-005116	XUÂN SÁCH - PHẠM NGỌC ĐA
14	14/05/2020	STK-005117	TÔ HOÀI - KIM ĐỒNG
15	14/05/2020	STK-005118	TRẦN HOÀI DƯƠNG - GIẤC MƠ TUỔI THẦN TIÊN TẬP 1
16	14/05/2020	STK-005119	TRẦN HOÀI DƯƠNG - GIẤC MƠ TUỔI THẦN TIÊN TẬP 2
17	14/05/2020	STK-005120	TRẦN HOÀI DƯƠNG - GIẤC MƠ TUỔI THẦN TIÊN TẬP 3
18	14/05/2020	STK-005121	VŨ THỊ LAN ANH - MÁI ẤM GIA ĐÌNH TẬP 1
19	14/05/2020	STK-005122	VŨ THỊ LAN ANH - MÁI ẤM GIA ĐÌNH TẬP 2
20	14/05/2020	STK-005123	VŨ THỊ LAN ANH - MÁI ẤM GIA ĐÌNH TẬP 3
21	14/05/2020	STK-005124	VŨ THỊ LAN ANH - MÁI ẤM GIA ĐÌNH TẬP 4
22	14/05/2020	STK-005125	SONG MAI - NHÀ HÓA HỌC MA-RI-QUI-RI
23	14/05/2020	STK-005126	NGUYỄN KIÊN - NHỮNG NGÀY ĐI LƯU ĐỘNG
24	14/05/2020	STK-005127	NGUYỄN KIÊN - NHỮNG NGÀY ĐI LƯU ĐỘNG
25	14/05/2020	STK-005128	TRẦN THỊ MỘNG DẦN - CẦU THỦ KHÔNG SỐ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2015	12,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2015	12,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2015	20,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	12,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	12,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	9,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2011	20,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2011	25,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2011	28,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	32,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	32,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	32,000	V23	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	25,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	10,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/05/2020	STK-005129	TRẦN THỊ MỘNG DẦN - CẦU THỦ KHÔNG SỐ
2	14/05/2020	STK-005130	NGUYỄN THÁI HẢI - THẰNG HEO SỮA
3	14/05/2020	STK-005131	NGUYỄN THÁI HẢI - THẰNG HEO SỮA
4	14/05/2020	STK-005132	BÙI TỰ LỰC - CÁI ỐNG PHỐC VÀ TRÁI BANH CHUỐI
5	14/05/2020	STK-005133	BÙI TỰ LỰC - CÁI ỐNG PHỐC VÀ TRÁI BANH CHUỐI
6	14/05/2020	STK-005134	PHẠM THỊ MINH THƯ - NHỮNG NẺO ĐƯỜNG BÉ THƠ
7	14/05/2020	STK-005135	VĨNH QUYÊN - MÁI NHÀ MƠ ƯỚC
8	14/05/2020	STK-005136	VĨNH QUYÊN - MÁI NHÀ MƠ ƯỚC
9	14/05/2020	STK-005137	ĐỖ THỊ HIỀN HÒA - NGƯỜI CON GÁI SÔNG KINH THẦY
10	14/05/2020	STK-005138	ĐỖ THỊ HIỀN HÒA - NGƯỜI CON GÁI SÔNG KINH THẦY
11	14/05/2020	STK-005139	TUỔI HỒNG - VƯƠNG MIỆN CHO AI
12	14/05/2020	STK-005140	TUỔI HỒNG - VƯƠNG MIỆN CHO AI
13	14/05/2020	STK-005141	NGUYỄN ĐỨC LINH - KIM THẦN KÊ
14	14/05/2020	STK-005142	NGUYỄN QUỲNH - VƯỢN CỘC
15	14/05/2020	STK-005143	NGUYỄN QUỲNH - VƯỢN CỘC
16	14/05/2020	STK-005144	ĐAN THÀNH - ĐỒ ĐỆ CỦA ĐƠN TỬ
17	14/05/2020	STK-005145	ĐAN THÀNH - ĐỒ ĐỆ CỦA ĐƠN TỬ
18	14/05/2020	STK-005146	MAI PHƯƠNG - MÙA CHIM NGÓI BAY VỀ
19	14/05/2020	STK-005147	MAI PHƯƠNG - MÙA CHIM NGÓI BAY VỀ
20	14/05/2020	STK-005148	ĐINH THANH QUANG - TIẾNG GỌI ĐÀN
21	14/05/2020	STK-005149	ĐINH THANH QUANG - TIẾNG GỌI ĐÀN
22	14/05/2020	STK-005150	KHUÊ VIỆT TRƯỜNG - CHIẾC THUYỀN VÀNG
23	14/05/2020	STK-005151	KHUÊ VIỆT TRƯỜNG - CHIẾC THUYỀN VÀNG
24	14/05/2020	STK-005152	TÔ HOÀI - CỎ DẠI
25	14/05/2020	STK-005153	NGUYỄN VĂN - LÀNG XƯA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	5,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	13,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	8,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	12,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	12,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	6,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	6,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1998	10,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	10,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/05/2020	STK-005154	NGUYỄN VĂN - LÀNG XƯA
2	14/05/2020	STK-005155	PHẠM HUY THƠ - DÒNG SÔNG THÁNG BA
3	14/05/2020	STK-005156	PHẠM HUY THƠ - DÒNG SÔNG THÁNG BA
4	14/05/2020	STK-005157	LÊ VĂN NGUYÊN - BỤI ĐỜI
5	15/05/2020	STK-005158	TÔ HOÀI - CỎ DẠI
6	15/05/2020	STK-005159	ĐẶNG VƯƠNG HƯNG - NGUYỄN VĂN THẠC MÃI MÃI TUỔI HAI MƯƠI
7	15/05/2020	STK-005160	ĐẶNG VƯƠNG HƯNG - NGUYỄN VĂN THẠC MÃI MÃI TUỔI HAI MƯƠI
8	15/05/2020	STK-005161	ĐẶNG VƯƠNG HƯNG - NGUYỄN VĂN THẠC MÃI MÃI TUỔI HAI MƯƠI
9	15/05/2020	STK-005162	ĐẶNG VƯƠNG HƯNG - NHẬT KÝ ĐẶNG THÙY TRÂM
10	15/05/2020	STK-005163	ĐẶNG VƯƠNG HƯNG - NHẬT KÝ ĐẶNG THÙY TRÂM
11	15/05/2020	STK-005164	ĐẶNG VƯƠNG HƯNG - NHẬT KÝ ĐẶNG THÙY TRÂM
12	15/05/2020	STK-005165	TÔ HOÀI - NỎ THẦN TRUYỆN CỔ TÍCH
13	15/05/2020	STK-005166	LÊ THANH NGA - TRUYỆN CỔ TÍCH BÂY GIỜ
14	15/05/2020	STK-005167	CHÂU MINH - TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC
15	15/05/2020	STK-005168	TRẦN CHIẾN - ĐƯỜNG ĐUA
16	15/05/2020	STK-005169	NGUYỄN HOÀN - KHÔNG GIẾT HOÀNG HẬU
17	15/05/2020	STK-005170	TRẦN THỊ THẮNG - MÙA HOA BƯỞI
18	15/05/2020	STK-005171	TRUNG HIẾU - MÙA CHUYỂN
19	15/05/2020	STK-005172	NGUYỄN THỊ THIẾU ANH - HOÀI NIỆM
20	15/05/2020	STK-005173	LÝ KHẮC CUNG - GIÓ SANG MÙA
21	15/05/2020	STK-005174	TRẦN KHẢI THANH THỦY - KHÁT SỐNG
22	15/05/2020	STK-005175	TRẦN KHẢI THANH THỦY - KHÁT SỐNG
23	15/05/2020	STK-005176	TĂNG KIM NGÂN - CỔ TÍCH THẦN KỲ NGƯỜI VIỆT
24	15/05/2020	STK-005177	PHÙNG ĐÌNH ẤM - MỘT THỜI ĐỂ NHỚ
25	15/05/2020	STK-005178	ĐẶNG TIẾN HUY - TRĂNG KHUYẾT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2005	10,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	1996	3,600	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1998	10,500	V23	3							
Thanh niên	HN	2005	25,000	V23	3							
Thanh niên	HN	2005	25,000	V23	3							
Thanh niên	HN	2005	25,000	V23	3							
Hội nhà văn	HN	2005	43,000	V23	3							
Hội nhà văn	HN	2005	43,000	V23	3							
Hội nhà văn	HN	2005	43,000	V23	3							
Văn hóa dân tộc	HN	1997	24,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	1997	35,000	V23	3							
Hà Nội	HN	1994	27,000	V23	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	1997	20,000	V23	3							
Đồng Nai	TPHCM	1997	13,000	V23	3							
Hội nhà văn	HN	1996	14,000	V23	3							
Lao động	HN	1998	12,500	V24	3							
Thuận Hóa	HN	1997	20,000	V23	3							
Văn hóa dân tộc	HN	1998	28,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2004	10,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2004	10,500	V23	3							
Giáo dục	HN	1997	25,500	V23	3							
Quân đội nhân dân	HN	2002	28,000	V24	3							
Phụ Nữ	HN	1997	11,500	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/05/2020	STK-005179	TOAN ÁNH - TRUYỆN NGẮN LÀNG QUÊ
2	15/05/2020	STK-005180	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC - NGƯỜI MẪU
3	15/05/2020	STK-005181	NGỌC LINH - NGÔI NHÀ THIẾU ĐÀN BÀ
4	15/05/2020	STK-005182	ĐẶNG HẤN - HOA KỶ NIỆM
5	15/05/2020	STK-005183	LÊ THANH NGA - TRUYỆN CỔ TÍCH MÀU HỒNG
6	15/05/2020	STK-005184	QUÝ THỀ - CHIẾC TÀU TRONG CHAI
7	15/05/2020	STK-005185	NGUYỄN THÁI HẢI - NHỮNG TRÁI SAO XOAY
8	15/05/2020	STK-005186	BÍCH HẰNG - CA DAO VỀ HÀ NỘI
9	15/05/2020	STK-005187	BÍCH HẰNG - CA DAO VỀ HÀ NỘI
10	15/05/2020	STK-005188	TÔ HOÀI - VỪ A DÍNH
11	15/05/2020	STK-005189	QUẾ HƯƠNG - THƯ GỬI THỜI GIAN
12	15/05/2020	STK-005190	NGUYỄN THỊ HỒNG - TRUYỆN NGẮN NỮ
13	15/05/2020	STK-005191	TRẦN THỊ HƯƠNG - BẤT HẠNH KHÔNG CỦA RIÊNG AI
14	15/05/2020	STK-005192	MƯỜNG MÁN - LÁ TƯƠNG TƯ
15	15/05/2020	STK-005193	HOÀNG LAN ANH - ĐỒI HOA VÀNG
16	15/05/2020	STK-005194	TRƯƠNG SỸ HÙNG - THẦN THOẠI VIỆT NAM
17	15/05/2020	STK-005195	ĐÀO BÁ ĐOÀN - MẢNH VỠ
18	15/05/2020	STK-005196	NGUYỄN KIM PHONG - HẠT NẮNG BÉ CON
19	15/05/2020	STK-005197	NGUYỄN KIM PHONG - HẠT NẮNG BÉ CON
20	15/05/2020	STK-005198	NGUYỄN KIM PHONG - HẠT NẮNG BÉ CON
21	15/05/2020	STK-005199	HÀ THANH THỦY - NGHIỆT NGÃ
22	15/05/2020	STK-005200	HOÀNG XUÂN - TRUYỆN TRẠNG LỢN
23	15/05/2020	STK-005201	TRẦN MINH - LỜI TỎ TÌNH LÚC HOÀNG HÔN
24	15/05/2020	STK-005202	THU HÀ - DẠ NGÂN NGUYỄN QUANG THÂN
25	15/05/2020	STK-005203	VƯƠNG THÂN - TRĂM NỖI ÉO LE

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn nghệ	TPHCM	1996	9,000	V	3							
Văn học	HN	1996	12,000	V23	3							
Văn nghệ	TPHCM	1994	10,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	10,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2009	44,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	1996	4,200	V23	3							
Đồng Nai	TPHCM	1995	6,000	V23	3							
Lao động	HN	1998	12,500	V21	3							
Lao động	HN	1998	12,500	V21	3							
Đồng Nai	TPHCM	2006	4,500	V23	3							
Công an nhân dân	HN	1998	18,500	V23	3							
Phụ Nữ	HN	1996	23,500	V23	3							
Lao động	HN	1997	38,000	V21	3							
Đồng Nai	TPHCM	1997	13,000	V23	3							
Văn nghệ	TPHCM	1998	10,500	V23	3							
Văn học	HN	1995	13,000	V23	3							
Hội nhà văn	HN	2011	90,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2002	7,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2008	9,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2008	9,500	V23	3							
Văn hóa dân tộc	HN	1998	14,000	V23	3							
Thanh Hóa	HN	2005	8,000	V23	3							
Đồng Nai	TPHCM	1998	16,000	V23	3							
Phụ Nữ	HN	1997	17,000	V23	3							
Phụ Nữ	HN	1997	6,500	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/05/2020	STK-005204	SƠN NAM - DẠO CHƠI
2	15/05/2020	STK-005205	KHÁNH CHI - CÔ ĐƠN
3	15/05/2020	STK-005206	NGUYỄN TRÂN - MỘT MÙA KHÔ NỮA LẠI QUA ĐI
4	15/05/2020	STK-005207	NGUYỄN NHẬT ÁNH - HẠ ĐỎ
5	15/05/2020	STK-005208	HOÀNG NGỌC TUẤN - CÔ BÉ TREO MÙNG
6	15/05/2020	STK-005210	NGUYỄN THỊ ANH THƯ - NGUYỄN KHẢI KÝ KÝ SỰ VÀ KỊCH
7	15/05/2020	STK-005211	CAO LINH QUÂN - TIẾNG GỌI THIÊN HÀ
8	15/05/2020	STK-005212	DƯƠNG DUY NGỮ - TÍCH THIỆN
9	15/05/2020	STK-005213	NGUYỄN NGỌC TƯ - CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN
10	15/05/2020	STK-005214	NGUYỄN ANH THƯ - NGUYÊN HỒNG TÁC PHẨM CHỌN LỌC
11	15/05/2020	STK-005215	THU PHONG - CHỦ NHẬT BUỒN
12	15/05/2020	STK-005216	ĐINH MẠNH THOẠI - ÂM VANG CUỘC ĐỜI
13	15/05/2020	STK-005217	NGUYÊN HỒNG - NHỮNG NGÀY THƠ ẤU
14	18/05/2020	STK-000587	VŨ HẠNH - NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ
15	18/05/2020	STK-005218	JAMES OLIVER CURWOOD - NHỮNG TẤM LÒNG CAO CẢ
16	18/05/2020	STK-005219	QUỲNH GIAO - THỦY LINH
17	18/05/2020	STK-005220	ANH CÔI - TRUYỆN VUI THẾ GIỚI TẬP 1
18	18/05/2020	STK-005221	ANH CÔI - TRUYỆN VUI THẾ GIỚI TẬP 2
19	18/05/2020	STK-005222	VŨ HẠNH - NGƯỜI VIỆT CAO QUÝ
20	18/05/2020	STK-005223	ANGTOAN GALANG - NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM
21	18/05/2020	STK-005224	LĂNG YÊN - HỌA MI TẮT TIẾNG
22	18/05/2020	STK-005225	DIỆP TÂN - NGHIỆP CHƯỚNG
23	18/05/2020	STK-005226	MINH ANH - TRĂNG SOI ĐÁY NƯỚC
24	18/05/2020	STK-005227	BÉC-ĐƯ KÉC-BA-BA-ÉP - NÊ-BÍT-ĐẮC
25	18/05/2020	STK-005228	G.AMADO - TÊREDA

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	1994	16,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	14,000	V23	3							
Lao động	HN	1998	16,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	13,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1996	11,000	V23	3							
Hội nhà văn	HN	2003	65,000	V23	3							
Thanh niên	HN	1996	13,000	V23	3							
Lao động	HN	1997	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2012	55,000	V23	3							
Hội nhà văn	HN	1997	41,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	10,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1997	7,000	V23	3							
Văn nghệ	TPHCM	1995	5,000	V23	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	1992	5,000	371	3							
Kim Đồng	HN	1993	4,000	VN	3							
Văn nghệ	TPHCM	1998	5,000	VN	3							
Thanh niên	HN	2004	13,000	VN	3							
Thanh niên	HN	2004	9,000	VN	3							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	1992	5,000	371	3							
Thanh niên	HN	2009	90,000	VN	3							
Hội nhà văn	HN	1998	18,000	VN	3							
Thế Giới	HN	1997	50,000	VN	3							
Quân đội nhân dân	HN	1998	42,000	VN	3							
Thanh niên	HN	1983	2,550	VN	3							
Thanh niên	HN	1985	4,500	VN	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/05/2020	STK-005229	MIGHEN ANGHEN AXUTURIAX - MẮT NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KHUẤT
2	18/05/2020	STK-005230	LURI BÔNDAREP - TUYẾT BỎNG
3	18/05/2020	STK-005231	MARIO PUZO - BỐ GIÀ
4	18/05/2020	STK-005232	HOÀI NGUYÊN - TRUYỆN CỔ ĐẤT NƯỚC CHAMPHA
5	18/05/2020	STK-005233	ENXA TORIOLE - HOA HỒNG MUA CHỊU
6	18/05/2020	STK-005234	IVO ANĐRICH - CHIẾC CỜ TRÊN SÔNG ĐỜRINA
7	18/05/2020	STK-005235	PHAN HỒNG TRUNG - KIM CỔ KỲ QUAN TẬP 1
8	18/05/2020	STK-005236	NGÔ THẾ OANH - VAXILI SUCSIN
9	18/05/2020	STK-005237	G.G.MACKET - NGƯỜI CHẾT TRÔI ĐẸP NHẤT TRẦN GIAN
10	18/05/2020	STK-005238	OKENNO ITVAN - TRIỂN LÃM HOA HỒNG
11	18/05/2020	STK-005239	ĐÀO VĂN A - SỐ PHẬN CON NGƯỜI
12	18/05/2020	STK-005240	ERICH MARIA REMARQE - ĐÊM LISBON
13	18/05/2020	STK-005241	VLADIMIA XÔLOVKHIN - MỘT GIỌT SƯƠNG
14	18/05/2020	STK-005242	JAMES OLIVER CURWOOD - NHỮNG NGƯỜI SĂN VÀNG
15	18/05/2020	STK-005243	TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN - BÔNG HOA MÀU VÀNG NÂU
16	18/05/2020	STK-005244	TSINGHIZ AITMATOP - SẾU ĐẦU MÙA
17	18/05/2020	STK-005245	VIẾT LINH - HÀNH TINH KỲ LẠ
18	18/05/2020	STK-005246	NGÔ TỰ LẬP - MỘNG DU VÀ NHỮNG TRUYỆN KHÁC
19	18/05/2020	STK-005247	SUCSIN - MẶT TRỜI, ÔNG GIÀ VÀ CÔ GÁI
20	18/05/2020	STK-005248	JANET DAILEY - CHỊ EM THÙ HẬN
21	18/05/2020	STK-005249	NHI-CA-LAI A-XTO-ROP-XKI - THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐẤY
22	18/05/2020	STK-005250	THANH PHƯƠNG - KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH THẾ GIỚI
23	18/05/2020	STK-005251	J.K.ROWLING - HARRY POTTER VÀ HOÀNG TỬ LAI
24	19/05/2020	STK-001341	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
25	19/05/2020	STK-001342	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn học	HN	1986	2,600	VN	3							
Thanh niên	HN	1988	6,700	VN	3							
Trẻ	TPHCM	1989	4,500	VN	3							
Thuận Hóa	HN	1997	17,500	VN	3							
Hội nhà văn	HN	1985	8,500	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	1986	5,500	VN	3							
Đồng Tháp	TPHCM	1997	5,500	VN	3							
Văn học	ĐN	1984	6,000	VN	3							
Đồng Nai	TPHCM	1987	3,500	VN	3							
Văn học	HN	1985	1,000	VN	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	1985	1,000	VN	3							
Đồng Tháp	TPHCM	1988	6,500	VN	3							
Hội nhà văn	HN	1983	9,000	VN	3							
Kim Đồng	HN	1993	4,000	VN	3							
Văn nghệ	TPHCM	1986	3,000	VN	3							
Văn nghệ	TPHCM	1986	1,200	VN	3							
Đồng Nai	TPHCM	1996	6,500	VN	3							
Văn học	HN	1997	23,000	VN	3							
Hội nhà văn	HN	1987	1,250	VN	3							
Lao động	HN	1998	45,000	VN	3							
Văn học	HN	2009	69,000	VN	3							
Văn hóa dân tộc	HN	2005	90,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2008	98,000	VN	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/05/2020	STK-001343	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
2	19/05/2020	STK-001344	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
3	19/05/2020	STK-001929	TRẦN KHẢI THANH THỦY - TỪ TRONG CỔ TÍCH
4	19/05/2020	STK-003760	PHAN ÁNH TUYẾT - NGHỆ THUẬT LÀM HOA GIẤY
5	19/05/2020	STK-005209	BÙI CHÍ VINH - YẾU ĐIỆU THỤC NỮ
6	19/05/2020	STK-005252	SƠN NAM - BIẾN CỎ MIỀN TÂY
7	19/05/2020	STK-005253	TRẦN NGỌC SINH - TẠP VĂN NGUYỄN NGỌC TƯ
8	19/05/2020	STK-005254	NGUYỄN NHẬT ÁNH - KÍNH VẠN HOA TẬP 3
9	19/05/2020	STK-005255	VÕ HỒNG - THƯƠNG MÁI TRƯỜNG XƯA
10	19/05/2020	STK-005256	PHƯƠNG THANH - TRUYỆN KHÔI HÀI XƯA VÀ NAY
11	19/05/2020	STK-005257	PHƯƠNG THANH - TRUYỆN KHÔI HÀI XƯA VÀ NAY
12	19/05/2020	STK-005258	HỢP PHỐ - LIỀU THUỐC TIÊN
13	19/05/2020	STK-005259	VƯƠNG TRUNG HIẾU - TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM
14	19/05/2020	STK-005260	HỒNG NHẬT - CÁNH MỘNG BAY
15	19/05/2020	STK-005261	TÔ HOÀI - MÙA HẠ ĐẾN MÙA XUÂN ĐI
16	19/05/2020	STK-005262	VƯƠNG HỒNG SỂN - SÀI GÒN TẠP PÍN LÙ
17	19/05/2020	STK-005263	TRẦN THẾ TUYỀN - HAI MƯƠI NĂM SAU
18	19/05/2020	STK-005265	NGUYỄN VIỆN - HẠT CÁT MANG BÓNG ĐÊM
19	19/05/2020	STK-005266	BÙI CHÍ VINH - YẾU ĐIỆU THỤC NỮ
20	19/05/2020	STK-005267	HOÀNG MINH TƯỜNG - CHUYỆN VỀ MỘT NGƯỜI THẦY
21	19/05/2020	STK-005268	LÊ VÂN - DƯƠNG VĂN NỘI
22	19/05/2020	STK-005269	NHƯ HIÊN - MÀU ĐEN ÁM ẢNH
23	19/05/2020	STK-005270	PHƯƠNG VÂN - CHỈ MUỐN CÓ TÌNH YÊU
24	19/05/2020	STK-005271	PHAN CỰ ĐỆ - TUYỂN TẬP NGUYÊN HỒNG TẬP 1
25	19/05/2020	STK-005272	PHẠM CAO HOÀN - TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT THEO THẨM MỸ VÀ PHONG THỦY PHƯƠNG ĐÔNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	V23	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	17,000	7	3							
Kim Đồng	HN	2006	23,000	V23	3							
Văn học	HN	1995	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2011	42,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	75,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	1994	5,500	V23	3							
Thanh niên	HN	2003	15,000	V23	3							
Thanh niên	HN	2004	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1996	5,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1998	10,000	V23	3							
Văn nghệ	TPHCM	1997	12,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1998	10,500	V23	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	1997	25,000	V23	3							
Văn nghệ	TPHCM	1994	12,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	1998	10,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	23,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2007	14,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	11,000	V23	3							
Văn học	HN	1997	22,000	V23	3							
Văn hóa dân tộc	HN	1998	21,500	V23	3							
Văn học	HN	1985	20,000	V23	3							
Mỹ thuật	HN	1997	28,000	7	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/05/2020	STK-005273	TRẦN KIỂM - KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
2	19/05/2020	STK-005274	PHẠM QUỲNH HOA - RÈN LUYỆN KNS CHO HS - SỐNG HÒA HỢP VỚI MÔI TRƯỜNG
3	19/05/2020	STK-005276	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 9
4	19/05/2020	STK-005277	THIÊN KIM - NGHỆ THUẬT KẾT HOA BẰNG VOAN
5	19/05/2020	STK-005278	THIÊN KIM - NGHỆ THUẬT KẾT HOA BẰNG VOAN
6	19/05/2020	STK-005279	PHAN ÁNH TUYẾT - NGHỆ THUẬT LÀM HOA GIẤY
7	19/05/2020	STK-005280	PHAN QUANG ĐỊNH - NHỮNG LOÀI CHIM
8	19/05/2020	STK-005281	NGUYÊN HẠNH - KHOA HỌC THƯỜNG THỨC
9	19/05/2020	STK-005282	NGUYÊN HẠNH - KHOA HỌC THƯỜNG THỨC
10	19/05/2020	STK-005283	NGUYÊN HẠNH - KHOA HỌC THƯỜNG THỨC
11	19/05/2020	STK-005284	NGUYÊN HẠNH - KHOA HỌC THƯỜNG THỨC
12	19/05/2020	STK-005285	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ VŨ TRỤ
13	19/05/2020	STK-005286	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ VŨ TRỤ
14	19/05/2020	STK-005287	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ VŨ TRỤ
15	19/05/2020	STK-005288	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ VŨ TRỤ
16	19/05/2020	STK-005289	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
17	19/05/2020	STK-005290	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
18	19/05/2020	STK-005291	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
19	19/05/2020	STK-005292	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
20	19/05/2020	STK-005293	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
21	19/05/2020	STK-005294	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
22	19/05/2020	STK-005295	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 2
23	19/05/2020	STK-005296	NGUYÊN HẠNH - THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 1
24	19/05/2020	STK-005297	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
25	19/05/2020	STK-005298	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	23,500	37	3							
Giáo dục	HN	2010	20,000	39	3							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	3							
Mỹ thuật	HN	2009	42,000	7	3							
Mỹ thuật	HN	2009	42,000	7	3							
Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	TPHCM	2009	17,000	7	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2003	20,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	001	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/05/2020	STK-005299	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
2	19/05/2020	STK-005300	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
3	19/05/2020	STK-005301	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
4	19/05/2020	STK-005302	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 2
5	19/05/2020	STK-005309	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
6	19/05/2020	STK-005310	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
7	19/05/2020	STK-005311	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
8	19/05/2020	STK-005312	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
9	19/05/2020	STK-005313	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
10	19/05/2020	STK-005314	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 2
11	19/05/2020	STK-005315	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
12	19/05/2020	STK-005316	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
13	19/05/2020	STK-005317	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
14	19/05/2020	STK-005318	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
15	19/05/2020	STK-005319	NGUYÊN HẠNH - ĐẾN VỚI THIÊN NHIÊN 1
16	19/05/2020	STK-005320	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
17	19/05/2020	STK-005321	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
18	19/05/2020	STK-005322	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
19	19/05/2020	STK-005323	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
20	19/05/2020	STK-005324	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
21	19/05/2020	STK-005325	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
22	19/05/2020	STK-005326	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 2
23	19/05/2020	STK-005327	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
24	19/05/2020	STK-005328	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
25	19/05/2020	STK-005329	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	19/05/2020	STK-005330	NGUYÊN HẠNH - CON NGƯỜI VÀ SỰ SỐNG 1
2	19/05/2020	STK-005331	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
3	19/05/2020	STK-005332	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
4	19/05/2020	STK-005333	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
5	19/05/2020	STK-005334	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 2
6	19/05/2020	STK-005335	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
7	19/05/2020	STK-005336	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
8	19/05/2020	STK-005337	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
9	19/05/2020	STK-005338	NGUYÊN HẠNH - KHÁM PHÁ CUỘC SỐNG 1
10	23/05/2020	STK-005339	BÙI TẤT TƯƠM - HOÀNG SA, TRƯỜNG SA KHÁT VỌNG HÒA BÌNH
11	23/05/2020	STK-005340	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
12	23/05/2020	STK-005341	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
13	23/05/2020	STK-005342	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
14	23/05/2020	STK-005343	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
15	23/05/2020	STK-005344	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
16	23/05/2020	STK-005345	NGUYÊN HẠNH - VƯƠNG QUỐC THỰC VẬT 1
17	23/05/2020	STK-005346	VÕ VĂN LONG - LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT
18	23/05/2020	STK-005347	VĂN NGỌC - BA TRĂM SÁU MƯƠI HAI 362 CÂU ĐỐ, TỤC NGỮ, CA DAO
19	23/05/2020	STK-005348	PHAN VĂN AN - SỔ TAY BÍ THƯ CHI ĐOÀN
20	23/05/2020	STK-005349	VŨ BỘI TUYỀN - DANH NHÂN KHOA HỌC KỸ THUẬT THẾ GIỚI
21	23/05/2020	STK-005350	BÙI XUÂN MỸ - MỘT TRĂM 100 CÂU ĐỐ THÔNG MINH
22	23/05/2020	STK-005351	NGUYỄN TIẾN HƯNG - TỪ TÒA BẠCH ỐC ĐẾN DINH ĐỘC LẬP
23	23/05/2020	STK-005352	PHẠM THU YẾN - NĂM TRĂM LINH MỘT 501 CÂU ĐỐ DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
24	23/05/2020	STK-005353	PHẠM THU YẾN - NĂM TRĂM LINH MỘT 501 CÂU ĐỐ DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
25	23/05/2020	STK-005354	PHẠM THU YẾN - NĂM TRĂM LINH MỘT 501 CÂU ĐỐ DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Giáo dục	HN	2014	119,000	91(V)	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Mỹ thuật	HN	2006	6,000	5	3							
Giáo dục	HN	2011	119,000	34(V)	3							
Thanh Hóa	HN	2006	50,000	V21	3							
Trẻ	TPHCM	2009	14,000	373.03	3							
Thanh niên	HN	1997	24,000	001(N)	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	16,000	V21	3							
Trẻ	TPHCM	1996	23,000	V13	3							
Giáo dục	HN	2009	11,000	V21	3							
Giáo dục	HN	2009	11,000	V21	3							
Giáo dục	HN	2009	11,000	V21	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/05/2020	STK-005355	NGUYỄN NGỌC - NHỮNG CÂU ĐỐ DÀNH VUI CHO TRẺ EM
2	23/05/2020	STK-005356	NGUYỄN HUỆ CHI - TRUYỆN TRUYỀN KỲ VIỆT NAM QUYỂN 3
3	23/05/2020	STK-005357	NGUYỄN NHẬT ÁNH - LÁ NẰM TRONG LÁ
4	23/05/2020	STK-005358	NGUYỄN HẠNH - GIA ĐÌNH
5	23/05/2020	STK-005359	NGUYỄN VĂN KHOA - CHUYỆN CƯỜI MÁY TÍNH
6	23/05/2020	STK-005360	NGUYỄN VĂN KHOA - CHUYỆN CƯỜI MÁY TÍNH
7	23/05/2020	STK-005361	CÚC HOA - DẤU CHÂN TRÊN TUYẾT
8	23/05/2020	STK-005362	NGỌC LINH - CUỘC SỐNG MUÔN MÀU 1
9	23/05/2020	STK-005363	NGỌC LINH - CUỘC SỐNG MUÔN MÀU 1
10	23/05/2020	STK-005364	BÍCH NGA - MẸ VÀ CON GÁI
11	23/05/2020	STK-005365	BÍCH NGA - MẸ VÀ CON GÁI
12	23/05/2020	STK-005366	BÍCH NGA - MẸ VÀ CON GÁI
13	23/05/2020	STK-005367	BÍCH NGA - MẸ VÀ CON GÁI
14	23/05/2020	STK-005368	THIÊN THANH - VẼ ĐƠN GIẢN TẬP 8
15	23/05/2020	STK-005369	TRẦN KHẢI THANH THỦY - TỪ TRONG CỔ TÍCH
16	23/05/2020	STK-005370	NGUYỄN HẠNH - TÌNH YÊU THƯƠNG
17	23/05/2020	STK-005371	TRIỆU ANH BA - DẠY TRẺ CÓ CHÍ TIẾN THỦ
18	23/05/2020	STK-005372	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRUYỆN ĐỌC LỚP 2
19	23/05/2020	STK-005373	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRUYỆN ĐỌC LỚP 2
20	23/05/2020	STK-005374	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRUYỆN ĐỌC LỚP 2
21	23/05/2020	STK-005375	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRUYỆN ĐỌC LỚP 3
22	23/05/2020	STK-005376	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRUYỆN ĐỌC LỚP 3
23	23/05/2020	STK-005377	TRẦN MẠNH HƯỞNG - TRUYỆN ĐỌC LỚP 3
24	23/05/2020	STN-005478	VI HỒNG - ĐƯỜNG VỀ VỚI MẸ CHỮ
25	25/05/2020	STK-005378	NGUYỄN QUANG LẬP - TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM THẾ KỶ XX GIAI ĐOẠN 1946-1975 TẬP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	11,000	V21	3							
Giáo dục	HN	1999	43,300	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2011	70,000	V	3							
Trẻ	TPHCM	2016	13,500	V23	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	V23	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	18,500	51	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2013	39,000	5	3							
Trẻ	TPHCM	2006	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	15,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	15,000	V23	3							
Thanh niên	HN	2007	15,000	7	3							
Kim Đồng	HN	2005	11,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2016	13,500	V23	3							
Giáo dục	HN	2011	40,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	18,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	18,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	18,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	21,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	21,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2012	21,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	1999	10,000	ĐV13	3							
Kim Đồng	HN	2002	118,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/05/2020	STK-005379	NGUYỄN QUANG LẬP - TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM THẾ KỶ XX GIAI ĐOẠN 1946-1975 TẬP 2
2	25/05/2020	STK-005380	NGUYỄN QUANG LẬP - TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM THẾ KỶ XX GIAI ĐOẠN 1946-1975 TẬP 3
3	25/05/2020	STK-005381	TÔ HOÀI - VÙ A DÍNH
4	25/05/2020	STK-005382	MAURICE CAREME - HÒN BI THỦY TINH
5	25/05/2020	STK-005383	MAURICE CAREME - HÒN BI THỦY TINH
6	25/05/2020	STK-005384	ĐOÀN THỊ ĐIỂM - CHINH PHỤ NGÂM DIỄN CA
7	27/05/2020	STK-005385	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
8	27/05/2020	STK-005386	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
9	27/05/2020	STK-005387	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
10	27/05/2020	STK-005388	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
11	27/05/2020	STK-005389	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
12	27/05/2020	STK-005390	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
13	27/05/2020	STK-005391	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
14	27/05/2020	STK-005392	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
15	27/05/2020	STK-005393	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
16	27/05/2020	STK-005394	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
17	27/05/2020	STK-005395	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
18	27/05/2020	STK-005396	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
19	27/05/2020	STK-005397	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 1
20	27/05/2020	STK-005398	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
21	27/05/2020	STK-005399	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
22	27/05/2020	STK-005400	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
23	27/05/2020	STK-005401	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
24	27/05/2020	STK-005402	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
25	27/05/2020	STK-005403	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2002	118,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2002	119,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2006	4,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	12,000	V23	3							
Kim Đồng	HN	2005	12,000	V23	3							
Văn học	HN	1987	3,000	V23	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005404	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
2	27/05/2020	STK-005405	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
3	27/05/2020	STK-005406	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
4	27/05/2020	STK-005407	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
5	27/05/2020	STK-005408	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
6	27/05/2020	STK-005409	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
7	27/05/2020	STK-005410	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
8	27/05/2020	STK-005411	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
9	27/05/2020	STK-005412	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
10	27/05/2020	STK-005413	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
11	27/05/2020	STK-005414	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 2
12	27/05/2020	STK-005415	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
13	27/05/2020	STK-005416	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
14	27/05/2020	STK-005417	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
15	27/05/2020	STK-005418	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
16	27/05/2020	STK-005419	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
17	27/05/2020	STK-005420	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
18	27/05/2020	STK-005421	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
19	27/05/2020	STK-005422	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
20	27/05/2020	STK-005423	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
21	27/05/2020	STK-005424	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
22	27/05/2020	STK-005425	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
23	27/05/2020	STK-005426	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
24	27/05/2020	STK-005427	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
25	27/05/2020	STK-005428	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005429	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 3
2	27/05/2020	STK-005430	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
3	27/05/2020	STK-005431	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
4	27/05/2020	STK-005432	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
5	27/05/2020	STK-005433	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
6	27/05/2020	STK-005434	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
7	27/05/2020	STK-005435	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
8	27/05/2020	STK-005436	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
9	27/05/2020	STK-005437	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
10	27/05/2020	STK-005438	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
11	27/05/2020	STK-005439	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
12	27/05/2020	STK-005440	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
13	27/05/2020	STK-005441	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
14	27/05/2020	STK-005442	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
15	27/05/2020	STK-005443	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
16	27/05/2020	STK-005444	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 4
17	27/05/2020	STK-005445	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
18	27/05/2020	STK-005446	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
19	27/05/2020	STK-005447	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
20	27/05/2020	STK-005448	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
21	27/05/2020	STK-005449	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
22	27/05/2020	STK-005450	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
23	27/05/2020	STK-005451	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
24	27/05/2020	STK-005452	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
25	27/05/2020	STK-005453	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005454	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
2	27/05/2020	STK-005455	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
3	27/05/2020	STK-005456	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
4	27/05/2020	STK-005457	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
5	27/05/2020	STK-005458	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
6	27/05/2020	STK-005459	ĐỖ THÀNH TRUNG - GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG LỚP 5
7	27/05/2020	STK-005460	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
8	27/05/2020	STK-005461	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
9	27/05/2020	STK-005462	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
10	27/05/2020	STK-005463	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
11	27/05/2020	STK-005464	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
12	27/05/2020	STK-005465	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
13	27/05/2020	STK-005466	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
14	27/05/2020	STK-005467	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
15	27/05/2020	STK-005468	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
16	27/05/2020	STK-005469	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
17	27/05/2020	STK-005470	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
18	27/05/2020	STK-005471	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
19	27/05/2020	STK-005472	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
20	27/05/2020	STK-005473	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/1
21	27/05/2020	STK-005474	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
22	27/05/2020	STK-005475	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
23	27/05/2020	STK-005476	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
24	27/05/2020	STK-005477	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
25	27/05/2020	STK-005478	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005479	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
2	27/05/2020	STK-005480	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
3	27/05/2020	STK-005481	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
4	27/05/2020	STK-005482	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
5	27/05/2020	STK-005483	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
6	27/05/2020	STK-005484	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
7	27/05/2020	STK-005485	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
8	27/05/2020	STK-005486	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
9	27/05/2020	STK-005487	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 1/2
10	27/05/2020	STK-005488	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
11	27/05/2020	STK-005489	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
12	27/05/2020	STK-005490	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
13	27/05/2020	STK-005491	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
14	27/05/2020	STK-005492	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
15	27/05/2020	STK-005493	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
16	27/05/2020	STK-005494	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
17	27/05/2020	STK-005495	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
18	27/05/2020	STK-005496	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
19	27/05/2020	STK-005497	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
20	27/05/2020	STK-005498	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
21	27/05/2020	STK-005499	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/1
22	27/05/2020	STK-005500	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
23	27/05/2020	STK-005501	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
24	27/05/2020	STK-005502	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
25	27/05/2020	STK-005503	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005504	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
2	27/05/2020	STK-005505	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
3	27/05/2020	STK-005506	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
4	27/05/2020	STK-005507	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
5	27/05/2020	STK-005508	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
6	27/05/2020	STK-005509	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
7	27/05/2020	STK-005510	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
8	27/05/2020	STK-005511	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
9	27/05/2020	STK-005512	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 2/2
10	27/05/2020	STK-005513	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
11	27/05/2020	STK-005514	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
12	27/05/2020	STK-005515	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
13	27/05/2020	STK-005516	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
14	27/05/2020	STK-005517	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
15	27/05/2020	STK-005518	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
16	27/05/2020	STK-005519	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
17	27/05/2020	STK-005520	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
18	27/05/2020	STK-005521	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
19	27/05/2020	STK-005522	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
20	27/05/2020	STK-005523	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
21	27/05/2020	STK-005524	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
22	27/05/2020	STK-005525	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
23	27/05/2020	STK-005526	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
24	27/05/2020	STK-005527	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/1
25	27/05/2020	STK-005528	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005529	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
2	27/05/2020	STK-005530	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
3	27/05/2020	STK-005531	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
4	27/05/2020	STK-005532	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
5	27/05/2020	STK-005533	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
6	27/05/2020	STK-005534	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
7	27/05/2020	STK-005535	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
8	27/05/2020	STK-005536	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
9	27/05/2020	STK-005537	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
10	27/05/2020	STK-005538	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
11	27/05/2020	STK-005539	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
12	27/05/2020	STK-005540	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
13	27/05/2020	STK-005541	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 3/2
14	27/05/2020	STK-005542	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
15	27/05/2020	STK-005543	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
16	27/05/2020	STK-005544	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
17	27/05/2020	STK-005545	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
18	27/05/2020	STK-005546	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
19	27/05/2020	STK-005547	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
20	27/05/2020	STK-005548	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
21	27/05/2020	STK-005549	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
22	27/05/2020	STK-005550	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
23	27/05/2020	STK-005551	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
24	27/05/2020	STK-005552	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
25	27/05/2020	STK-005553	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005554	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
2	27/05/2020	STK-005555	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
3	27/05/2020	STK-005556	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/1
4	27/05/2020	STK-005557	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
5	27/05/2020	STK-005558	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
6	27/05/2020	STK-005559	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
7	27/05/2020	STK-005560	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
8	27/05/2020	STK-005561	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
9	27/05/2020	STK-005562	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
10	27/05/2020	STK-005563	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
11	27/05/2020	STK-005564	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
12	27/05/2020	STK-005565	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
13	27/05/2020	STK-005566	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
14	27/05/2020	STK-005567	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
15	27/05/2020	STK-005568	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
16	27/05/2020	STK-005569	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
17	27/05/2020	STK-005570	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
18	27/05/2020	STK-005571	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 4/2
19	27/05/2020	STK-005572	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
20	27/05/2020	STK-005573	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
21	27/05/2020	STK-005574	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
22	27/05/2020	STK-005575	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
23	27/05/2020	STK-005576	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
24	27/05/2020	STK-005577	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
25	27/05/2020	STK-005578	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	27/05/2020	STK-005579	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
2	27/05/2020	STK-005580	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
3	27/05/2020	STK-005581	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
4	27/05/2020	STK-005582	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
5	27/05/2020	STK-005583	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
6	27/05/2020	STK-005584	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
7	27/05/2020	STK-005585	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
8	27/05/2020	STK-005586	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/1
9	27/05/2020	STK-005587	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
10	27/05/2020	STK-005588	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
11	27/05/2020	STK-005589	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
12	27/05/2020	STK-005590	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
13	27/05/2020	STK-005591	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
14	27/05/2020	STK-005592	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
15	27/05/2020	STK-005593	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
16	27/05/2020	STK-005594	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
17	27/05/2020	STK-005595	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
18	27/05/2020	STK-005596	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
19	27/05/2020	STK-005597	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
20	27/05/2020	STK-005598	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
21	27/05/2020	STK-005599	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
22	27/05/2020	STK-005600	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
23	27/05/2020	STK-005601	TRẦN NGỌC LAN - CÙNG HỌC CÙNG CHƠI LỚP 5/2
24	10/06/2020	SNV-000676	NGUYỄN TRẠI - TKBG TIẾNG VIỆT 3/1
25	10/06/2020	SNV-000677	NGUYỄN TRẠI - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	37	3							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	42,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/06/2020	SNV-000678	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5 (GV)
2	10/06/2020	SNV-000679	PHẠM THỊ THU HÀ - TKBG TIẾNG VIỆT 5/2
3	10/06/2020	STK-005602	NHIỀU TÁC GIẢ - NHỮNG VÒNG TAY ÂU YẾM
4	10/06/2020	STK-005603	NHIỀU TÁC GIẢ - QUÀ TẶNG CỦA CUỘC SỐNG
5	10/06/2020	STK-005604	NHIỀU TÁC GIẢ - TRÁI TIM CÓ ĐIỀU KỲ DIỆU
6	10/06/2020	STK-005605	NHIỀU TÁC GIẢ - TRÁI TIM NGƯỜI MẸ
7	10/06/2020	STK-005606	HOA ĐÀO - NIỀM KỲ VỌNG CỦA MẸ
8	10/06/2020	STK-005607	HƯƠNG LAN - ĐÔI TAY CỦA MẸ
9	10/06/2020	STK-005608	NHIỀU TÁC GIẢ - TẤM LÒNG NGƯỜI CHA
10	10/06/2020	STK-005609	TRẦN TIẾN CAO ĐĂNG - TRÁI TIM NGƯỜI THẦY
11	10/06/2020	STK-005610	NHIỀU TÁC GIẢ - ĐÓA HỒNG TẶNG MẸ
12	10/06/2020	STK-005611	THY HUY - ĐÔI CÁNH THIÊN THẦN
13	11/06/2020	STN-005479	CHALES CARNEY - HÒN ĐẢO LỬA
14	11/06/2020	STN-005480	CHALES CARNEY - THẦN ĐÈN MÈO TOM
15	11/06/2020	STN-005481	CHALES CARNEY - THẦN ĐÈN MÈO TOM
16	11/06/2020	STN-005482	CHALES CARNEY - THẦN ĐÈN MÈO TOM
17	11/06/2020	STN-005483	CHALES CARNEY - MÈO TOM PHUN LỬA
18	11/06/2020	STN-005484	CHALES CARNEY - MÈO TOM HÓA HỔ
19	11/06/2020	STN-005485	HÙNG LÂN - NGƯỜI BẠN MỚI
20	11/06/2020	STN-005486	HÙNG LÂN - HAI NGƯỜI BẠN THÂN
21	11/06/2020	STN-005487	HÙNG LÂN - HAI TIẾNG DIỆU KỲ
22	11/06/2020	STN-005488	MINH ANH - VĨ CẦM BẰNG QUẢ LÊ
23	11/06/2020	STN-005489	MINH ANH - VĨ CẦM BẰNG QUẢ LÊ
24	11/06/2020	STN-005490	MINH QUỐC - AI MUA HÀNH TÔI
25	11/06/2020	STN-005491	NGUYỄN HOÀNG - VÌ SAO CÓ ĐƯỢC NÚI CAO

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	49,000	4(V)(07)	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	14,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,500	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	17,000	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	15,500	VN	3							
Trẻ	TPHCM	2006	13,500	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2006	16,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2005	14,500	V23	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2015	9,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,200	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2006	4,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/06/2020	STN-005492	NHẬT TÂN - VÌ SAO ĐỘNG VẬT NGỦ ĐÔNG
2	11/06/2020	STN-005493	TRẦN TRUNG THÀNH - SẮC MÀU CỦA NHỮNG CON CHỮ 4
3	11/06/2020	STN-005494	HỮU THỈNH - QUÊ HƯƠNG
4	11/06/2020	STN-005495	HỮU THỈNH - TIA NẮNG HẠT MƯA
5	11/06/2020	STN-005496	HỮU THỈNH - TIẾNG CHIM BUỔI SÁNG
6	11/06/2020	STN-005497	TIỂU VI THANH - BUBU THÍCH KHỦNG LONG
7	11/06/2020	STN-005498	THANH HƯƠNG - BUBU TRUNG THỰC
8	11/06/2020	STN-005499	THANH HƯƠNG - BUBU ĐI LẠC
9	11/06/2020	STN-005500	THANH HƯƠNG - BUBU LÀM HỌA SĨ
10	11/06/2020	STN-005501	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU ĐI NHỔ RĂNG
11	11/06/2020	STN-005502	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU THƯƠNG EM
12	11/06/2020	STN-005503	NHIỀU TÁC GIẢ - BUBU TẬP TRỒNG CÂY
13	11/06/2020	STN-005504	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LỄ GIÁO
14	11/06/2020	STN-005505	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LỄ GIÁO
15	11/06/2020	STN-005506	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LUẬT GIAO THÔNG
16	11/06/2020	STN-005507	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LUẬT GIAO THÔNG
17	11/06/2020	STN-005508	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LUẬT GIAO THÔNG
18	11/06/2020	STN-005509	PHƯƠNG NAM - BÉ HỌC LUẬT GIAO THÔNG
19	11/06/2020	STN-005510	QUỐC VIỆT - GÀ TƠ ĐI HỌC
20	11/06/2020	STN-005511	NHẬT TÂN - CÂU CHUYỆN TRONG RỪNG
21	11/06/2020	STN-005512	NGUYỄN NHƯ MAI - KỂ CHUYỆN CON MẮT
22	11/06/2020	STN-005513	NGUYỄN NHƯ MAI - KỂ CHUYỆN CON MẮT
23	11/06/2020	STN-005514	NGUYỄN QUỐC TÍN - KỂ CHUYỆN CÁI MŨI
24	11/06/2020	STN-005515	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ
25	11/06/2020	STN-005516	NGUYỄN NHƯ MAI - TỪ RỄ ĐẾN QUẢ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2006	4,800	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	5,000	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	3,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	3,500	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,500	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2018	10,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2017	10,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2016	10,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	3,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,600	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,600	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,600	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2006	3,600	ĐV11	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,800	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	4,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/06/2020	STN-005517	HUY TOÀN - HÌNH TRÒN KỲ DIỆU
2	11/06/2020	STN-005518	NHỮ NGUYÊN - KHÔNG CHỈ BẰNG CHÂN
3	11/06/2020	STN-005519	EMILIE BEAUMONT - KHÁC NHAU VÀ ĐỐI NHAU
4	11/06/2020	STN-005520	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG KÉO
5	11/06/2020	STN-005521	GERRY BAILEY - NÀO CÙNG BẪY ĐÒN BẨY
6	11/06/2020	STN-005522	MINH QUỐC - TỪ THỨC GẶP TIÊN
7	11/06/2020	STN-005523	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
8	11/06/2020	STN-005524	THỤY ANH - NĂM HŨ VÀNG
9	11/06/2020	STN-005525	DIÊM ĐIỀN - SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG
10	11/06/2020	STN-005526	HỒNG HÀ - DŨNG SĨ ĐAM DÔNG
11	11/06/2020	STN-005527	HỒNG HÀ - DŨNG SĨ ĐAM DÔNG
12	11/06/2020	STN-005528	HỒNG HÀ - DŨNG SĨ ĐAM DÔNG
13	11/06/2020	STN-005529	PHẠM QUANG VINH - CON CÒNG GIÓ
14	11/06/2020	STN-005530	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
15	11/06/2020	STN-005531	PHẠM QUANG VINH - BẮP CẢI XANH
16	11/06/2020	STN-005532	NGUYỄN HUY TƯỞNG - CON CÓC LÀ CẬU ÔNG GIỜI
17	11/06/2020	STN-005533	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
18	11/06/2020	STN-005534	HỒNG HÀ - KIỆN NGÀNH ĐA
19	11/06/2020	STN-005535	HỒNG HÀ - BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY
20	11/06/2020	STN-005536	PHẠM QUANG VINH - BỘ QUẦN ÁO MỚI CỦA NHÀ VUA
21	11/06/2020	STN-005537	PHẠM QUANG VINH - HÊN-XEN VÀ GRE-TEN
22	11/06/2020	STN-005538	PHẠM QUANG VINH - A-LI-XƠ Ở XỨ SỞ THẦN KỲ
23	11/06/2020	STN-005539	PHẠM QUANG VINH - CHÚ CHÓ TRUNG THÀNH
24	11/06/2020	STN-005540	PHẠM QUANG VINH - CHÚ CHÓ TRUNG THÀNH
25	11/06/2020	STN-005541	PHẠM QUANG VINH - VƯƠNG QUỐC CẦU VỒNG

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV25	3							
Kim Đồng	HN	2007	5,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2014	23,000	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2005	2,500	ĐV11	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							
Kim Đồng	HN	2004	7,500	ĐN17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/06/2020	STN-005542	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
2	11/06/2020	STN-005543	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
3	11/06/2020	STN-005544	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
4	11/06/2020	STN-005545	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
5	11/06/2020	STN-005546	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
6	11/06/2020	STN-005547	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
7	11/06/2020	STN-005548	LÝ THU HÀ - TIẾNG NHẠC VE
8	11/06/2020	STN-005549	TRẦN ĐĂNG KHOA - MƯA
9	11/06/2020	STN-005550	QUANG HUY - TỪ QUẢ TRỨNG TRÒN
10	11/06/2020	STN-005551	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - THỎ VÀ NHÍM
11	11/06/2020	STN-005552	NGUYỄN THỊ THANH THỦY - ĐỎ VÀ XANH
12	11/06/2020	STN-005553	NGUYỄN THỊ THANH THỦY - ĐỎ VÀ XANH
13	11/06/2020	STN-005554	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - ĐÔI BẠN HẠC VÀ CÁO
14	11/06/2020	STN-005555	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG - ĐÔI BẠN HẠC VÀ CÁO
15	11/06/2020	STN-005556	NGUYỄN THỤC ANH - BÀI HỌC TỪ ĐÀN VỊT TRỜI
16	11/06/2020	STN-005557	NGUYỄN THANH THỦY - BA CÔ BẠN BƯỚM
17	11/06/2020	STN-005558	NGUYỄN THANH THỦY - BA CÔ BẠN BƯỚM
18	11/06/2020	STN-005559	PHƯƠNG THẢO - CHUYỆN LY KỲ VỀ KIẾP TRƯỚC CỦA VUA LÝ NHÂN TÔNG
19	11/06/2020	STN-005560	MẠNH TÂM - CHUYỆN XÉT ÁN CỦA HOÀNG GIÁP NGUYỄN MẠI
20	11/06/2020	STN-005561	MẠNH TÂM - CHUYỆN XÉT ÁN CỦA HOÀNG GIÁP NGUYỄN MẠI
21	11/06/2020	STN-005562	MẠNH TÂM - VỤ ÁN TRẦN VĂN AN
22	11/06/2020	STN-005563	MẠNH TÂM - LÒNG CƯƠNG TRỰC VÀ ĐỨC THANH LIÊM CỦA PHẠM HỮU KÍNH
23	11/06/2020	STN-005564	PHƯƠNG THẢO - NGỌC HOA CÔNG CHÚA NỮ ĐIỆP VIÊN TRẺ TUỔI XUẤT SẮC THỜI LÝ
24	11/06/2020	STN-005565	MẠNH TÂM - GIAI THOẠI VỀ TÀI LÀM CÂU ĐỐI TẾT CỦA VUA LÊ THÁNH TÔNG
25	11/06/2020	STN-005566	MẠNH TÂM - CHUYỆN CHA CON ĐỐC ĐÀO QUANG NHIÊU

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	5,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2009	10,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2004	5,000	ĐV18	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	11/06/2020	STN-005567	MARIE DUVAL - SÓI CON
2	11/06/2020	STN-005568	HOÀNG LAM - TRẦN HƯNG ĐẠO BẠCH ĐẰNG GIANG NỔI SỐNG
3	11/06/2020	STN-005569	HOÀNG LAM - LÊ LỢI
4	11/06/2020	STN-005570	HOÀNG LAM - TRẦN BÌNH TRỌNG
5	11/06/2020	STN-005571	THANH LOAN - MẠNH DÙNG SỨC, YẾU DÙNG MƯU
6	11/06/2020	STN-005572	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
7	11/06/2020	STN-005573	THANH LOAN - CHUYỆN CHIM SẺ VÀNG
8	15/06/2020	SNV-000680	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 3
9	15/06/2020	SNV-000681	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
10	15/06/2020	SNV-000682	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
11	15/06/2020	SNV-000683	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 4
12	15/06/2020	SNV-000684	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
13	15/06/2020	SNV-000685	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 3
14	15/06/2020	STN-005574	THANH LOAN - CHÚ RÙA TINH KHÔN
15	15/06/2020	STN-005575	THỤY ANH - TIẾNG SÁO THẦN KỲ
16	15/06/2020	STN-005576	NGUYỄN HUY TƯỞNG - AN DƯƠNG VƯƠNG XÂY THÀNH ỐC
17	15/06/2020	STN-005577	BÙI LÂM BẰNG - ĐI Ở HỌC THÀNH TÀI
18	15/06/2020	STN-005578	LISA MAGLOFF - VOI CON
19	15/06/2020	STN-005579	LISA MAGLOFF - CHÓ CON
20	15/06/2020	STN-005580	TRƯƠNG QUA - ẾCH CON KHOÁC LÁC
21	15/06/2020	STN-005581	PHAN HOÀNG LỆ THỦY - CHUYỆN NGỤ NGÔN VỀ MIẾNG PHO MÁT
22	15/06/2020	STN-005582	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA - BÁC THỢ LÀM BÁNH
23	15/06/2020	STN-005583	QUỲNH LIÊN - VÌ SAO TỚ KHÔNG NÊN CẦU THẢ
24	15/06/2020	STN-005584	QUỲNH LIÊN - VÌ SAO TỚ KHÔNG NÊN ÍCH KỈ
25	15/06/2020	STN-005585	THẢO HƯƠNG - CÂY TRE TRĂM ĐỐT

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mỹ thuật	HN	2008	6,500	ĐV18	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2006	7,500	ĐV29	3							
Thanh Hóa	HN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	7	3							
Giáo dục	HN	2010	3,700	7	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7	3							
Thanh Hóa	ĐN	2009	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2015	15,000	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐN19	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2004	10,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2016	15,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2007	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	15/06/2020	STN-005586	THỤY ANH - SỰ TÍCH CON MUỖI
2	15/06/2020	STN-005587	MINH QUỐC - SỰ TÍCH NÚI NGŨ HÀNH
3	15/06/2020	STN-005588	MINH QUỐC - VIÊN NGỌC ƯỚC
4	15/06/2020	STN-005589	THẢO HƯƠNG - CON CHIM KHÁCH MẦU NHIỆM
5	15/06/2020	STN-005590	AN CƯƠNG - LÊ ĐẠI HÀNH
6	15/06/2020	STN-005591	NGÔ MINH VÂN - CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ
7	15/06/2020	STN-005592	THẢO QUYÊN - ÔNG TƯỚNG CANH ĐỀN
8	15/06/2020	STN-005593	THI THI - QUẠ MUỐN LÀM CÔNG
9	15/06/2020	STN-005594	DUY DŨNG - HOA LỬA
10	15/06/2020	STN-005595	HOÀI NAM - AI CẬP
11	15/06/2020	STN-005596	HOÀI NAM - AI CẬP
12	15/06/2020	STN-005597	HOÀI NAM - AI CẬP
13	15/06/2020	STN-005598	HOÀI NAM - TRUNG QUỐC
14	15/06/2020	STN-005599	HOÀI NAM - NIGERIA
15	15/06/2020	STN-005600	HOÀI NAM - NIGERIA
16	15/06/2020	STN-005601	LÝ THU HÀ - BA ĐIỀU MAY MẮN
17	15/06/2020	STN-005602	TRẦN HÀ - SÓC VÀ CÁO
18	15/06/2020	STN-005603	PHẠM HỒ - ANH EM NHÀ TRĂM MẮT
19	15/06/2020	STN-005604	HOÀNG ANH - PHÓ CỐI ĐỀ THƠ
20	15/06/2020	STN-005605	HOÀNG ANH - MAI THÚC LOAN
21	18/06/2020	SGK-000653	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
22	18/06/2020	SGK-000654	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
23	18/06/2020	SGK-000655	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
24	18/06/2020	SGK-000656	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
25	18/06/2020	SGK-000657	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV17	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,500	ĐV18	3							
Thanh niên	HN	2014	8,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	7,000	ĐV18	3							
Văn hóa - Thông tin	HN	2005	6,000	ĐV18	3							
Trẻ	TPHCM	2005	5,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2017	12,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2006	6,000	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	7,500	ĐV18	3							
Kim Đồng	HN	2005	4,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	3							
Đà Nẵng	ĐN	2006	4,000	ĐV18	3							
Giáo dục	HN	2006	10,700	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,700	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/06/2020	SGK-000658	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
2	18/06/2020	SGK-000659	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
3	18/06/2020	SGK-000660	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
4	18/06/2020	SGK-000661	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
5	18/06/2020	SGK-000662	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
6	18/06/2020	SGK-000663	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
7	18/06/2020	SGK-000664	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
8	18/06/2020	SGK-000665	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
9	18/06/2020	SGK-000666	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
10	18/06/2020	SGK-000667	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
11	18/06/2020	SGK-000668	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
12	18/06/2020	SGK-000669	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
13	18/06/2020	SGK-000670	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
14	18/06/2020	SGK-000671	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
15	18/06/2020	SGK-000672	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
16	18/06/2020	SNV-000686	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5 (GV)
17	18/06/2020	SNV-000687	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5 (GV)
18	18/06/2020	SNV-000688	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
19	18/06/2020	SNV-000689	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
20	18/06/2020	SNV-000690	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1 (GV)
21	18/06/2020	SNV-000691	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1 (GV)
22	18/06/2020	SNV-000692	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
23	18/06/2020	SNV-000693	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
24	18/06/2020	SNV-000694	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/1
25	18/06/2020	SNV-000695	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2014	10,000	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	8,200	7	3							
Giáo dục	HN	2006	8,200	7	3							
Giáo dục	HN	2011	4,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2011	4,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	13,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	12,700	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	13,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	13,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/06/2020	SNV-000696	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2
2	18/06/2020	SNV-000697	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5 (GV)
3	18/06/2020	SNV-000698	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5 (GV)
4	18/06/2020	SNV-000699	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1
5	18/06/2020	SNV-000700	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1
6	18/06/2020	SNV-000701	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1
7	18/06/2020	SNV-000702	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
8	18/06/2020	SNV-000703	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
9	18/06/2020	SNV-000704	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
10	18/06/2020	SNV-000705	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
11	18/06/2020	SNV-000706	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
12	18/06/2020	SNV-000707	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
13	18/06/2020	SNV-000708	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
14	18/06/2020	SNV-000709	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
15	18/06/2020	SNV-000710	Hoàng Long - ÂM NHẠC 5 (GV)
16	18/06/2020	SNV-000711	Hoàng Long - ÂM NHẠC 5 (GV)
17	18/06/2020	SNV-000712	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
18	18/06/2020	SNV-000713	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
19	18/06/2020	SNV-000714	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 5 (GV)
20	18/06/2020	SNV-000715	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 5 (GV)
21	18/06/2020	SNV-000716	Nguyễn Huỳnh Liễu - KĨ THUẬT 5 (GV)
22	18/06/2020	SNV-000717	Nguyễn Huỳnh Liễu - KĨ THUẬT 5 (GV)
23	18/06/2020	SNV-000718	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (GV)
24	18/06/2020	SNV-000719	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (GV)
25	18/06/2020	SNV-000720	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	19,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	19,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	21,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	21,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	6,800	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	6,800	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	18/06/2020	SNV-000721	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
2	18/06/2020	SNV-000722	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 5 (GV)
3	18/06/2020	SNV-000723	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 5 (GV)
4	18/06/2020	SNV-000724	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
5	18/06/2020	SNV-000725	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
6	22/06/2020	SGK-000673	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
7	22/06/2020	SGK-000674	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
8	22/06/2020	SGK-000675	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
9	22/06/2020	SGK-000676	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
10	22/06/2020	SGK-000677	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 5
11	22/06/2020	SGK-000678	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
12	22/06/2020	SGK-000679	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
13	22/06/2020	SGK-000680	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
14	22/06/2020	SGK-000681	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
15	22/06/2020	SGK-000682	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
16	22/06/2020	SGK-000683	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/1
17	22/06/2020	SGK-000684	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/1
18	22/06/2020	SGK-000685	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/2
19	22/06/2020	SGK-000686	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
20	22/06/2020	SNV-000726	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5 (GV)
21	22/06/2020	SNV-000727	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
22	22/06/2020	SNV-000728	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1 (GV)
23	22/06/2020	SNV-000729	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
24	22/06/2020	SNV-000730	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/1
25	22/06/2020	SNV-000731	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	8,500	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	8,500	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,700	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,000	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2007	3,800	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	8,200	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	6,400	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,100	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	13,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	13,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	12,700	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	15,600	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/06/2020	SNV-000732	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5 (GV)
2	22/06/2020	SNV-000733	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1
3	22/06/2020	SNV-000734	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
4	22/06/2020	SNV-000735	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
5	22/06/2020	SNV-000736	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
6	22/06/2020	SNV-000737	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5 (GV)
7	22/06/2020	SNV-000738	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
8	22/06/2020	SNV-000739	Nguyễn Huỳnh Liễu - KĨ THUẬT 5 (GV)
9	22/06/2020	SNV-000740	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (GV)
10	22/06/2020	SNV-000741	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
11	22/06/2020	SNV-000742	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 5 (GV)
12	22/06/2020	SNV-000743	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
13	23/06/2020	STK-005612	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊN ĐỀ SỐ THẬP PHÂN 5
14	23/06/2020	STK-005613	NGUYỄN VĂN NHO - BỒI DƯỠNG TOÁN LỚP 5 THEO CHỦ ĐỀ CÁC BÀI TOÁN VỀ HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT VÀ HÌNH TAM GIÁC
15	23/06/2020	STK-005614	PHẠM ĐÌNH THỰC - EM MUỐN GIỎI TOÁN 5
16	23/06/2020	STK-005615	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
17	23/06/2020	STK-005616	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/2
18	23/06/2020	STK-005617	HUỲNH BẢO CHÂU - BÀI TẬP NÂNG CAO TOÁN 5
19	23/06/2020	STK-005618	NGÔ LONG HẬU - NĂM TRĂM 500 BÀI TOÁN CHỌN LỌC TIỂU HỌC 5
20	23/06/2020	STK-005619	NGÔ LONG HẬU - ÔN TẬP VÀ NÂNG CAO TOÁN TIỂU HỌC 5
21	23/06/2020	STK-005620	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 5/1
22	23/06/2020	STK-005621	NGUYỄN ĐỨC TẤN - ÔN LUYỆN VÀ KIỂM TRA TOÁN 5/2
23	23/06/2020	STK-005622	NGUYỄN ĐỨC TẤN - NĂM TRĂM BÀI TOÁN CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO 5
24	23/06/2020	STK-005623	TRẦN HUỲNH THỐNG - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 5
25	23/06/2020	STK-005624	HUỲNH BẢO CHÂU - TUYỂN TẬP CÁC BÀI TOÁN HAY VÀ KHÓ 4&5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	19,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	8,500	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	14,000	51	3							
Giáo dục	HN	2008	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2006	15,500	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	17,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2005	18,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2006	16,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	13,500	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	22,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2007	18,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	19,000	51	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	23/06/2020	STK-005625	PHẠM ĐÌNH THỰC - TOÁN CHUYÊN ĐỀ HÌNH HỌC LỚP 5
2	23/06/2020	STK-005626	NGUYỄN ĐỨC TẤN - CHUYÊN ĐỀ PHÂN SỐ-TỈ SỐ 4&5
3	23/06/2020	STK-005627	PHẠM ĐÌNH THỰC - VỞ BÀI TẬP NÂNG CAO TỰ LUẬN VÀ TRẮC NGHIỆM TOÁN 5/1
4	01/07/2020	SGK-000687	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
5	01/07/2020	SGK-000688	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
6	01/07/2020	SGK-000689	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
7	01/07/2020	SGK-000690	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
8	01/07/2020	SGK-000691	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
9	01/07/2020	SGK-000692	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
10	01/07/2020	SGK-000693	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
11	01/07/2020	SGK-000694	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
12	01/07/2020	SGK-000695	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
13	01/07/2020	SGK-000696	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
14	01/07/2020	SGK-000697	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
15	01/07/2020	SGK-000698	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
16	01/07/2020	SGK-000699	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
17	01/07/2020	SGK-000700	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
18	01/07/2020	SGK-000701	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
19	01/07/2020	SGK-000702	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
20	01/07/2020	SGK-000703	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
21	01/07/2020	SGK-000704	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
22	01/07/2020	SGK-000705	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
23	01/07/2020	SGK-000706	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
24	01/07/2020	SGK-000707	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
25	01/07/2020	SGK-000708	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	15,000	51	3							
Đại học Quốc gia TP Hồ	TPHCM	2006	16,000	51	3							
Đại học sư phạm	HN	2009	16,000	51	3							
Giáo dục	HN	2015	10,800	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2007	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2018	10,800	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	5,700	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	9,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	10,500	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	10,500	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	10,500	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	4,900	6(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/07/2020	SGK-000709	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
2	01/07/2020	SGK-000710	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
3	01/07/2020	SGK-000711	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
4	01/07/2020	SGK-000712	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
5	01/07/2020	SGK-000713	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
6	01/07/2020	SGK-000714	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
7	01/07/2020	SGK-000715	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
8	01/07/2020	SGK-000716	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
9	01/07/2020	SGK-000717	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
10	01/07/2020	SGK-000718	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
11	01/07/2020	SGK-000719	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
12	01/07/2020	SGK-000720	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
13	01/07/2020	SGK-000721	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
14	01/07/2020	SNV-000744	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
15	01/07/2020	SNV-000745	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/1
16	01/07/2020	SNV-000746	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/2
17	01/07/2020	SNV-000747	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/1
18	01/07/2020	SNV-000748	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
19	01/07/2020	SNV-000749	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
20	01/07/2020	SNV-000750	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
21	01/07/2020	SNV-000751	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 3
22	01/07/2020	SNV-000752	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
23	01/07/2020	SNV-000753	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
24	01/07/2020	SNV-000754	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
25	01/07/2020	SNV-000755	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	10,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	13,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2003	6,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	45,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	38,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	30,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	14,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	45,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	11,000	51(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/07/2020	SNV-000756	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)
2	01/07/2020	SNV-000757	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1
3	01/07/2020	SNV-000758	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/2
4	01/07/2020	SNV-000759	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
5	01/07/2020	SNV-000760	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
6	01/07/2020	SNV-000761	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
7	01/07/2020	SNV-000762	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
8	01/07/2020	SNV-000763	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
9	01/07/2020	SNV-000764	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
10	01/07/2020	SNV-000765	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
11	01/07/2020	SNV-000766	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
12	01/07/2020	SNV-000767	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/2
13	01/07/2020	SNV-000768	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 4
14	01/07/2020	SNV-000769	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
15	01/07/2020	SNV-000770	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4
16	01/07/2020	SNV-000771	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
17	01/07/2020	SNV-000772	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
18	01/07/2020	SNV-000773	Nguyễn Thị Cẩm Hường - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
19	01/07/2020	SNV-000774	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
20	01/07/2020	SNV-000775	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
21	01/07/2020	SNV-000776	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
22	01/07/2020	SNV-000777	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (GV)
23	01/07/2020	SNV-000778	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (GV)
24	01/07/2020	SNV-000779	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (GV)
25	01/07/2020	SNV-000780	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	45,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	47,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	47,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	22,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	14,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	7,600	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	7,600	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	12,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	4,500	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	3,400	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	10,000	5(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/07/2020	SNV-000781	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4 (GV)
2	01/07/2020	SNV-000782	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4 (GV)
3	01/07/2020	SNV-000783	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
4	01/07/2020	SNV-000784	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
5	01/07/2020	SNV-000785	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
6	01/07/2020	SNV-000786	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
7	01/07/2020	SNV-000787	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
8	01/07/2020	SNV-000788	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
9	01/07/2020	SNV-000789	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
10	01/07/2020	SNV-000790	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
11	01/07/2020	SNV-000791	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
12	01/07/2020	SNV-000792	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
13	01/07/2020	SNV-000793	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4 (GV)
14	01/07/2020	SNV-000794	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4 (GV)
15	01/07/2020	SNV-000795	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4 (GV)
16	01/07/2020	SNV-000796	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4 (GV)
17	28/07/2020	SNV-000797	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
18	28/07/2020	SNV-000798	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
19	28/07/2020	SNV-000799	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
20	28/07/2020	SNV-000800	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/1
21	28/07/2020	SNV-000801	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/1
22	28/07/2020	SNV-000802	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/1
23	28/07/2020	SNV-000803	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/2
24	28/07/2020	SNV-000804	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/2
25	28/07/2020	SNV-000805	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	10,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	10,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	12,300	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	12,300	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	20,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	11,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,100	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,100	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,100	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,000	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	7,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	7,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	7,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	35,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	35,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	35,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	38,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	38,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	38,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/07/2020	SNV-000806	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/1
2	28/07/2020	SNV-000807	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/1
3	28/07/2020	SNV-000808	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
4	28/07/2020	SNV-000809	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
5	28/07/2020	SNV-000810	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
6	28/07/2020	SNV-000811	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
7	28/07/2020	SNV-000812	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
8	28/07/2020	SNV-000813	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
9	28/07/2020	SNV-000814	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
10	28/07/2020	SNV-000815	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
11	28/07/2020	SNV-000816	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/1
12	28/07/2020	SNV-000817	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
13	28/07/2020	SNV-000818	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
14	28/07/2020	SNV-000819	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 3
15	28/07/2020	SNV-000820	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 3
16	28/07/2020	SNV-000821	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
17	28/07/2020	SNV-000822	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
18	28/07/2020	SNV-000823	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
19	28/07/2020	SNV-000824	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
20	28/07/2020	SNV-000825	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
21	28/07/2020	SNV-000826	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
22	28/07/2020	SNV-000827	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
23	28/07/2020	SNV-000828	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
24	28/07/2020	SNV-000829	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)
25	28/07/2020	SNV-000830	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	29,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	29,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	29,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	29,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	14,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	14,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	29,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	8,800	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	8,800	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	42,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	42,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/07/2020	SNV-000831	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)
2	28/07/2020	SNV-000832	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1
3	28/07/2020	SNV-000833	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1
4	28/07/2020	SNV-000834	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1
5	28/07/2020	SNV-000835	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/2
6	28/07/2020	SNV-000836	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
7	28/07/2020	SNV-000837	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
8	28/07/2020	SNV-000838	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
9	28/07/2020	SNV-000839	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
10	28/07/2020	SNV-000840	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
11	28/07/2020	SNV-000841	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
12	28/07/2020	SNV-000842	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
13	28/07/2020	SNV-000843	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
14	28/07/2020	SNV-000844	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
15	28/07/2020	SNV-000845	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
16	28/07/2020	SNV-000846	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
17	28/07/2020	SNV-000847	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
18	28/07/2020	SNV-000848	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
19	28/07/2020	SNV-000849	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
20	28/07/2020	SNV-000850	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
21	28/07/2020	SNV-000851	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
22	28/07/2020	SNV-000852	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
23	28/07/2020	SNV-000853	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
24	28/07/2020	SNV-000854	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/2
25	28/07/2020	SNV-000855	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	47,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	47,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	47,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	43,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	43,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	43,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	43,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	43,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	43,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/07/2020	SNV-000856	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4
2	28/07/2020	SNV-000857	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4
3	28/07/2020	SNV-000858	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4
4	28/07/2020	SNV-000859	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 4
5	28/07/2020	SNV-000860	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
6	28/07/2020	SNV-000861	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
7	28/07/2020	SNV-000862	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
8	28/07/2020	SNV-000863	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
9	28/07/2020	SNV-000864	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
10	28/07/2020	SNV-000865	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
11	28/07/2020	SNV-000866	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
12	28/07/2020	SNV-000867	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4 (GV)
13	28/07/2020	SNV-000868	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4 (GV)
14	28/07/2020	SNV-000869	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4 (GV)
15	28/07/2020	SNV-000870	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4 (GV)
16	28/07/2020	SNV-000871	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4 (GV)
17	28/07/2020	SNV-000872	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 4 (GV)
18	28/07/2020	SNV-000873	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
19	28/07/2020	SNV-000874	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
20	28/07/2020	SNV-000875	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
21	28/07/2020	SNV-000876	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
22	28/07/2020	SNV-000877	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
23	28/07/2020	SNV-000878	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
24	28/07/2020	SNV-000879	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (GV)
25	28/07/2020	SNV-000880	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	18,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	6,900	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	6,900	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	6,900	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	10,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	10,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	10,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	12,300	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	12,300	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	12,300	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,100	9(07)+91(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/07/2020	SNV-000881	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
2	28/07/2020	SNV-000882	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
3	28/07/2020	SNV-000883	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
4	28/07/2020	SNV-000884	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
5	28/07/2020	SNV-000885	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
6	28/07/2020	SNV-000886	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
7	28/07/2020	SNV-000887	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
8	28/07/2020	SNV-000888	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
9	28/07/2020	SNV-000889	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
10	28/07/2020	SNV-000890	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
11	28/07/2020	SNV-000891	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
12	28/07/2020	SNV-000892	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
13	28/07/2020	SNV-000893	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
14	28/07/2020	SNV-000894	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
15	28/07/2020	SNV-000895	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
16	28/07/2020	SNV-000896	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
17	28/07/2020	SNV-000897	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
18	28/07/2020	SNV-000898	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
19	28/07/2020	SNV-000899	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
20	29/07/2020	SNV-000900	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1 (GV)
21	29/07/2020	SNV-000901	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1 (GV)
22	29/07/2020	SNV-000902	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
23	29/07/2020	SNV-000903	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
24	29/07/2020	SNV-000904	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (GV)
25	29/07/2020	SNV-000905	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	13,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	15,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	6,500	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	6,500	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	6,500	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	13,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	13,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	5,900	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/07/2020	SNV-000906	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2
2	29/07/2020	SNV-000907	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/2
3	29/07/2020	SNV-000908	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5 (GV)
4	29/07/2020	SNV-000909	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
5	29/07/2020	SNV-000910	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/2
6	29/07/2020	SNV-000911	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
7	29/07/2020	SNV-000912	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 5 (GV)
8	29/07/2020	SNV-000913	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
9	29/07/2020	SNV-000914	Nguyễn Huỳnh Liễu - KĨ THUẬT 5 (GV)
10	29/07/2020	SNV-000915	Hoàng Long - ÂM NHẠC 5 (GV)
11	29/07/2020	SNV-000916	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 5 (GV)
12	29/07/2020	SNV-000917	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
13	29/07/2020	SNV-000918	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
14	29/07/2020	SNV-000919	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
15	29/07/2020	SNV-000920	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
16	29/07/2020	SNV-000921	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
17	29/07/2020	SNV-000922	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
18	29/07/2020	SNV-000923	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
19	29/07/2020	SNV-000924	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/1 (GV)
20	29/07/2020	SNV-000925	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/1 (GV)
21	29/07/2020	SNV-000926	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/1 (GV)
22	29/07/2020	SNV-000927	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
23	29/07/2020	SNV-000928	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2 (GV)
24	29/07/2020	SNV-000929	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2 (GV)
25	29/07/2020	SNV-000930	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	48,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	10,900	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	8,500	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	6,800	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	12,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	12,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	12,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	11,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,600	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,600	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	29/07/2020	SNV-000931	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
2	29/07/2020	SNV-000932	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
3	29/07/2020	SNV-000933	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
4	29/07/2020	SNV-000934	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
5	29/07/2020	SNV-000935	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
6	29/07/2020	SNV-000936	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
7	29/07/2020	SNV-000937	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
8	29/07/2020	SNV-000938	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
9	29/07/2020	SNV-000939	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
10	29/07/2020	SNV-000940	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
11	29/07/2020	SNV-000941	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
12	29/07/2020	SNV-000942	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
13	29/07/2020	SNV-000943	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
14	29/07/2020	SNV-000944	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
15	29/07/2020	SNV-000945	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
16	29/07/2020	SNV-000946	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
17	30/07/2020	SNV-000947	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
18	30/07/2020	SNV-000948	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
19	30/07/2020	SNV-000949	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2 (GV)
20	30/07/2020	SNV-000950	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
21	30/07/2020	SNV-000951	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
22	30/07/2020	SNV-000952	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/1
23	30/07/2020	SNV-000953	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/2
24	30/07/2020	SNV-000954	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/1
25	30/07/2020	SNV-000955	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	14,000	5(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	4,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	11,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,600	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	6,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	35,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	48,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	6,500	371.011(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/07/2020	SNV-000956	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
2	31/07/2020	SNV-000957	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
3	31/07/2020	SNV-000958	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
4	31/07/2020	SNV-000959	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
5	31/07/2020	SNV-000960	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
6	31/07/2020	SNV-000961	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
7	31/07/2020	SNV-000962	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
8	31/07/2020	SNV-000963	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)
9	31/07/2020	SNV-000964	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)
10	31/07/2020	SNV-000965	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)
11	31/07/2020	SNV-000966	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)
12	31/07/2020	SNV-000967	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)
13	31/07/2020	SNV-000968	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
14	31/07/2020	SNV-000969	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
15	31/07/2020	SNV-000970	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
16	31/07/2020	SNV-000971	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
17	31/07/2020	SNV-000972	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
18	31/07/2020	SNV-000973	NGUYỄN TRẠI - TKBG TIẾNG VIỆT 3/1
19	31/07/2020	SNV-000974	NGUYỄN TRẠI - TKBG TIẾNG VIỆT 3/1
20	31/07/2020	SNV-000975	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
21	31/07/2020	SNV-000976	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
22	31/07/2020	SNV-000977	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 3/2
23	31/07/2020	SNV-000978	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
24	31/07/2020	SNV-000979	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 3/2
25	31/07/2020	SNV-000980	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	6,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	12,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	11,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	11,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	11,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,200	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,200	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	14,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	14,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	14,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	42,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	42,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	42,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	28,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	16,000	5(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	31/07/2020	SNV-000981	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/2
2	31/07/2020	SNV-000982	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3/2
3	31/07/2020	SNV-000983	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 3
4	31/07/2020	SNV-000984	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 3
5	31/07/2020	SNV-000985	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
6	31/07/2020	SNV-000986	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
7	31/07/2020	SNV-000987	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
8	31/07/2020	SNV-000988	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4 (GV)
9	31/07/2020	SNV-000989	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
10	31/07/2020	SNV-000990	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
11	31/07/2020	SNV-000991	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
12	31/07/2020	SNV-000992	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (GV)
13	31/07/2020	SNV-000993	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4 (GV)
14	31/07/2020	SNV-000994	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/1
15	31/07/2020	SNV-000995	Nguyễn Huyền Trang - TKBG TIẾNG VIỆT 4/2
16	31/07/2020	SNV-000996	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/1
17	31/07/2020	SNV-000997	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
18	31/07/2020	SNV-000998	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 4/2
19	31/07/2020	SNV-000999	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
20	31/07/2020	SNV-001000	Lê Anh Tuấn - TKBG ÂM NHẠC 4
21	31/07/2020	SNV-001001	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐỊA LÍ 4
22	31/07/2020	SNV-001002	Nguyễn Trại - TKBG LỊCH SỬ 4
23	31/07/2020	SNV-001003	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/1
24	31/07/2020	SNV-001004	Phạm Thu Hà - TKBG KHOA HỌC 4/2
25	03/08/2020	SGK-000722	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2007	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	14,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	14,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	20,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	18,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	6,900	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	7,500	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	45,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	47,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	37,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	18,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	16,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	18,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,700	51(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/08/2020	SGK-000723	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
2	03/08/2020	SGK-000724	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
3	03/08/2020	SGK-000725	Nguyễn Anh Dũng - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
4	03/08/2020	SGK-000726	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 5
5	03/08/2020	SGK-000727	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
6	03/08/2020	SGK-000728	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5
7	03/08/2020	SGK-000729	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1
8	03/08/2020	SGK-000730	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
9	03/08/2020	SGK-000731	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
10	03/08/2020	SGK-000732	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
11	03/08/2020	SGK-000733	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
12	03/08/2020	SGK-000734	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
13	03/08/2020	SGK-000735	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
14	03/08/2020	SGK-000736	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
15	03/08/2020	SGK-000737	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
16	03/08/2020	SGK-000738	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
17	03/08/2020	SGK-000739	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
18	03/08/2020	SGK-000740	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1
19	03/08/2020	SGK-000741	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/2
20	03/08/2020	SGK-000742	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/2
21	03/08/2020	SGK-000743	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/2
22	03/08/2020	SGK-000744	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/2
23	03/08/2020	SGK-000745	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/2
24	03/08/2020	SGK-000746	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2
25	03/08/2020	SGK-000747	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	10,700	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	8,600	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	7,800	9(075)	3							
Giáo dục	HN	2018	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	7,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,400	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2018	13,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	9,900	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,200	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	2,900	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,800	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	8,500	51(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/08/2020	SGK-000748	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2
2	03/08/2020	SGK-000749	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2
3	03/08/2020	SGK-000750	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2
4	03/08/2020	SGK-000751	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2
5	03/08/2020	SGK-000752	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
6	03/08/2020	SGK-000753	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
7	03/08/2020	SGK-000754	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
8	03/08/2020	SGK-000755	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
9	03/08/2020	SGK-000756	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
10	03/08/2020	SGK-000757	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
11	03/08/2020	SGK-000758	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
12	03/08/2020	SGK-000759	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
13	03/08/2020	SGK-000760	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
14	03/08/2020	SGK-000761	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
15	03/08/2020	SGK-000762	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
16	03/08/2020	SGK-000763	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
17	03/08/2020	SGK-000764	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
18	03/08/2020	SGK-000765	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
19	03/08/2020	SGK-000766	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
20	03/08/2020	SGK-000767	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
21	03/08/2020	SGK-000768	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
22	03/08/2020	SGK-000769	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
23	03/08/2020	SGK-000770	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
24	03/08/2020	SGK-000771	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
25	03/08/2020	SGK-000772	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,500	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/08/2020	SGK-000773	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
2	03/08/2020	SGK-000774	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
3	03/08/2020	SGK-000775	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
4	03/08/2020	SGK-000776	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
5	03/08/2020	SGK-000777	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
6	03/08/2020	SGK-000778	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
7	03/08/2020	SGK-000779	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
8	03/08/2020	SGK-000780	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
9	03/08/2020	SGK-000781	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
10	03/08/2020	SGK-000782	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
11	03/08/2020	SGK-000783	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
12	03/08/2020	SGK-000784	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
13	03/08/2020	SGK-000785	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
14	03/08/2020	SGK-000786	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
15	03/08/2020	SGK-000787	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
16	03/08/2020	SGK-000788	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
17	03/08/2020	SGK-000789	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
18	03/08/2020	SGK-000790	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
19	03/08/2020	SGK-000791	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
20	03/08/2020	SGK-000792	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
21	03/08/2020	SGK-000793	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
22	03/08/2020	SGK-000794	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
23	03/08/2020	SGK-000795	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
24	03/08/2020	SGK-000796	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
25	03/08/2020	SGK-000797	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	9,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	9,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	9,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	9,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	9,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	9,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/08/2020	SGK-000798	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
2	03/08/2020	SGK-000799	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
3	03/08/2020	SGK-000800	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 4
4	03/08/2020	SGK-000801	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 4
5	03/08/2020	SGK-000802	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 4
6	03/08/2020	SGK-000803	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
7	03/08/2020	SGK-000804	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
8	03/08/2020	SGK-000805	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
9	03/08/2020	SGK-000806	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
10	03/08/2020	SGK-000807	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
11	03/08/2020	SGK-000808	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
12	03/08/2020	SGK-000809	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
13	03/08/2020	SGK-000810	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
14	03/08/2020	SGK-000811	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
15	03/08/2020	SGK-000812	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
16	03/08/2020	SGK-000813	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
17	03/08/2020	SGK-000814	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 4
18	03/08/2020	SGK-000815	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 4
19	03/08/2020	SGK-000816	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 4
20	03/08/2020	SGK-000817	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 4
21	03/08/2020	SGK-000818	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
22	03/08/2020	SGK-000819	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
23	03/08/2020	SGK-000820	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
24	03/08/2020	SGK-000821	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4
25	03/08/2020	SGK-000822	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2014	13,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2014	13,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2014	13,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2014	13,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2014	13,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	8,000	5(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	03/08/2020	SGK-000823	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
2	03/08/2020	SGK-000824	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
3	03/08/2020	SGK-000825	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
4	03/08/2020	SGK-000826	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
5	03/08/2020	SGK-000827	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
6	03/08/2020	SGK-000828	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4
7	03/08/2020	SGK-000829	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4
8	03/08/2020	SGK-000830	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4
9	03/08/2020	SGK-000831	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4
10	03/08/2020	SGK-000832	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4
11	03/08/2020	SGK-000833	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4
12	03/08/2020	SGK-000834	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4
13	03/08/2020	SGK-000835	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4
14	03/08/2020	SGK-000836	Nguyễn Quốc Toản - MĨ THUẬT 4
15	03/08/2020	SGK-000837	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4
16	03/08/2020	SGK-000838	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4
17	03/08/2020	SGK-000839	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4
18	03/08/2020	SGK-000840	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4
19	04/08/2020	SNV-001005	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
20	04/08/2020	SNV-001006	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
21	04/08/2020	SNV-001007	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
22	04/08/2020	SNV-001008	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2
23	04/08/2020	SNV-001009	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/1
24	04/08/2020	SNV-001010	Nguyễn Trại - TKBG TIẾNG VIỆT 2/2
25	04/08/2020	SNV-001011	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	11,600	9(075)+91(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	2,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	2,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	2,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	2,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	2,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	6,500	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	11,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	11,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	45,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	38,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	23,000	51(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/08/2020	SNV-001012	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
2	04/08/2020	SNV-001013	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/2
3	04/08/2020	SNV-001014	Đinh Nguyễn Trang Thu - TKBG ĐẠO ĐỨC 4
4	04/08/2020	SNV-001015	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
5	04/08/2020	SNV-001016	Nguyễn Trại - TKBG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
6	04/08/2020	SNV-001017	NGUYỄN HỮU HẠNH - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MĨ THUẬT 2
7	04/08/2020	SNV-001018	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
8	04/08/2020	SNV-001019	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2
9	04/08/2020	SNV-001020	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
10	12/08/2020	STK-005628	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2
11	12/08/2020	STK-005629	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2
12	12/08/2020	STK-005630	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2
13	12/08/2020	STK-005631	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2
14	12/08/2020	STK-005632	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2
15	12/08/2020	STK-005633	PHẠM KIM CHUNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3
16	12/08/2020	STK-005634	PHẠM KIM CHUNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3
17	12/08/2020	STK-005635	PHẠM KIM CHUNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3
18	12/08/2020	STK-005636	PHẠM KIM CHUNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3
19	12/08/2020	STK-005637	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4
20	12/08/2020	STK-005638	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4
21	12/08/2020	STK-005639	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4
22	12/08/2020	STK-005640	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4
23	12/08/2020	STK-005641	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4
24	12/08/2020	STK-005642	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4
25	12/08/2020	STK-005643	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	6,500	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	29,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	9,300	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	14,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	15,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	11,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	15,400	51(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	15,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	16,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	16,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	16,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	16,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	12/08/2020	STK-005644	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 4
2	12/08/2020	STK-005645	TRỊNH ĐÌNH DỰNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 5
3	12/08/2020	STK-005646	TRỊNH ĐÌNH DỰNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 5
4	12/08/2020	STK-005647	TRỊNH ĐÌNH DỰNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 5
5	12/08/2020	STK-005648	TRỊNH ĐÌNH DỰNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 5
6	12/08/2020	STK-005649	TRỊNH ĐÌNH DỰNG - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 5
7	12/08/2020	STK-005650	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
8	12/08/2020	STK-005651	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
9	12/08/2020	STK-005652	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
10	12/08/2020	STK-005653	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
11	12/08/2020	STK-005654	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
12	12/08/2020	STK-005655	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
13	12/08/2020	STK-005656	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
14	12/08/2020	STK-005657	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
15	12/08/2020	STK-005658	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
16	13/08/2020	SGK-000841	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
17	13/08/2020	SGK-000842	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
18	13/08/2020	SGK-000843	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5
19	13/08/2020	SGK-000844	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
20	13/08/2020	SGK-000845	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 5
21	13/08/2020	SGK-000846	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 5
22	13/08/2020	SGK-000847	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 5
23	13/08/2020	SGK-000848	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
24	13/08/2020	SGK-000849	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5
25	13/08/2020	SGK-000850	HOÀNG LONG - ÂM NHẠC 5

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2009	19,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	37	3							
Giáo dục	HN	2009	18,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	87,000	37	3							
Giáo dục	HN	2015	10,700	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,700	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	10,700	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	11,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,900	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	8,200	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	8,200	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	4,000	78(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/08/2020	SGK-000851	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/1
2	13/08/2020	SGK-000852	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 5/1
3	13/08/2020	SGK-000853	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
4	13/08/2020	SGK-000854	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 5
5	13/08/2020	SGK-000855	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2
6	13/08/2020	SGK-000856	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4
7	13/08/2020	SGK-000857	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4
8	13/08/2020	SGK-000858	ĐOÀN CHI - KĨ THUẬT 4
9	13/08/2020	SGK-000859	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/1
10	13/08/2020	SGK-000860	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 4/2
11	13/08/2020	SGK-000861	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4
12	13/08/2020	SNV-001021	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5 (GV)
13	13/08/2020	SNV-001022	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 5 (GV)
14	13/08/2020	SNV-001023	NGUYỄN THỊ CẨM HƯỜNG - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 5
15	13/08/2020	SNV-001024	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
16	13/08/2020	SNV-001025	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/2 (GV)
17	13/08/2020	SNV-001026	PHẠM THỊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TIẾNG VIỆT 5/1
18	13/08/2020	SNV-001027	NGUYỄN TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TOÁN 5/1
19	13/08/2020	SNV-001028	LÊ THU HÀ - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ 5
20	13/08/2020	SNV-001029	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/1
21	13/08/2020	SNV-001030	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG KHOA HỌC 5/2
22	13/08/2020	SNV-001031	Hoàng Long - ÂM NHẠC 5 (GV)
23	13/08/2020	SNV-001032	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 5
24	13/08/2020	SNV-001033	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (GV)
25	13/08/2020	SNV-001034	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	13,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	13,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2007	9,900	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	10,900	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	5,100	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2008	4,200	6(075)	3							
Giáo dục	HN	2005	10,300	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	12,600	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2007	2,900	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,600	371.011(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2006	13,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	11,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	49,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	35,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	24,000	91(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	18,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	19,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	3,300	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	15,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	8,800	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	8,800	9(07)+91(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	13/08/2020	SNV-001035	NGUYỄN TRẠI - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG LỊCH SỬ 5
2	13/08/2020	SNV-001036	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5 (GV)
3	13/08/2020	SNV-001037	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 5 (GV)
4	13/08/2020	SNV-001038	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
5	13/08/2020	SNV-001039	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
6	13/08/2020	SNV-001040	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
7	13/08/2020	SNV-001041	Bùi Phương Nga - KHOA HỌC 5 (GV)
8	13/08/2020	SNV-001042	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1 (GV)
9	13/08/2020	SNV-001043	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 5 (GV)
10	13/08/2020	SNV-001044	Nguyễn Huỳnh Liễu - KĨ THUẬT 5 (GV)
11	13/08/2020	SNV-001045	TRẦN ĐỒNG LÂM - THỂ DỤC 5 (GV)
12	13/08/2020	SNV-001046	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/1 (GV)
13	13/08/2020	SNV-001047	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
14	13/08/2020	SNV-001048	LƯU THU THỦY - ĐẠO ĐỨC 4 (GV)
15	13/08/2020	SNV-001049	NGUYỄN QUỐC TOẢN - MĨ THUẬT 4 (GV)
16	13/08/2020	SNV-001050	Đoàn Chi - KĨ THUẬT 4 (GV)
17	13/08/2020	SNV-001051	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
18	13/08/2020	SNV-001052	Hoàng Long - ÂM NHẠC 4 (GV)
19	13/08/2020	SNV-001053	NGUYỄN ANH DŨNG - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (GV)
20	13/08/2020	SNV-001054	BÙI PHƯƠNG NGA - KHOA HỌC 4 (GV)
21	13/08/2020	SNV-001055	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 4/2 (GV)
22	13/08/2020	SNV-001056	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 4 (GV)
23	13/08/2020	SNV-001057	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 4 (GV)
24	14/08/2020	SGK-000862	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 2
25	14/08/2020	SGK-000863	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2006	18,000	9(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	12,400	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	12,400	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	10,500	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	19,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	15,900	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	4,800	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	8,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	20,400	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	12,300	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	10,000	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	3,400	6(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	7,600	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	4,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	7,500	9(07)+91(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	14,700	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	16,500	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	18,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2005	6,500	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	2,500	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2003	9,200	4(V)(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/08/2020	SGK-000864	Đặng Thị Lanh - TIẾNG VIỆT 2/2
2	14/08/2020	SGK-000865	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 2
3	14/08/2020	SGK-000866	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
4	14/08/2020	SGK-000867	Hoàng Long - TẬP BÀI HÁT 2
5	14/08/2020	SGK-000868	Lưu Thu Thủy - VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 3
6	14/08/2020	SGK-000869	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1
7	14/08/2020	SGK-000870	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2
8	14/08/2020	SGK-000871	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 3
9	14/08/2020	SGK-000872	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3
10	14/08/2020	SGK-000873	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 3
11	14/08/2020	SNV-001058	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
12	14/08/2020	SNV-001059	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
13	14/08/2020	SNV-001060	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
14	14/08/2020	SNV-001061	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
15	14/08/2020	SNV-001062	HOÀNG LONG - NGHỆ THUẬT 2
16	14/08/2020	SNV-001063	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/1 (GV)
17	14/08/2020	SNV-001064	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
18	14/08/2020	SNV-001065	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 2 (GV)
19	14/08/2020	SNV-001066	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
20	14/08/2020	SNV-001067	Trần Đồng Lâm - THỂ DỤC 3 (GV)
21	14/08/2020	SNV-001068	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 3 (GV)
22	14/08/2020	SNV-001069	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/1 (GV)
23	14/08/2020	SNV-001070	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 3/2 (GV)
24	14/08/2020	SNV-001071	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)
25	14/08/2020	SNV-001072	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2015	11,200	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2012	10,800	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2009	4,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2011	2,900	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,400	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	9,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,700	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	8,500	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	7,900	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2004	2,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	5,800	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	15,900	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	4,500	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	14,700	7(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	18,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	6,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	6,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	9,300	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	9,300	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	8,800	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	18,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2004	10,800	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	15,900	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2010	9,000	5(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	14/08/2020	SNV-001073	Hoàng Long - NGHỆ THUẬT 3 (GV)
2	~~20/08/2020~~	~~SGK-000874~~	~~Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/1~~
3	~~20/08/2020~~	~~SGK-000875~~	~~Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/1~~
4	~~20/08/2020~~	~~SGK-000876~~	~~Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/1~~
5	~~20/08/2020~~	~~SGK-000877~~	~~Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/2~~
6	~~20/08/2020~~	~~SGK-000878~~	~~Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/2~~
7	20/08/2020	SGK-000879	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/1
8	20/08/2020	SGK-000880	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/1
9	20/08/2020	SGK-000881	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
10	20/08/2020	SGK-000882	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
11	20/08/2020	SGK-000883	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
12	20/08/2020	SGK-000884	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
13	20/08/2020	SGK-000885	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
14	20/08/2020	SGK-000886	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
15	20/08/2020	SGK-000887	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
16	20/08/2020	SGK-000888	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
17	20/08/2020	SGK-000889	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
18	20/08/2020	SGK-000890	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
19	20/08/2020	SGK-000891	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
20	20/08/2020	SGK-000892	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
21	20/08/2020	SGK-000893	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
22	20/08/2020	SGK-000894	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
23	20/08/2020	SGK-000895	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
24	20/08/2020	SGK-000896	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
25	20/08/2020	SGK-000897	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2004	10,000	7(07)	3							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2019~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2019~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2019~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2019~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2019~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/08/2020	SGK-000898	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
2	20/08/2020	SGK-000899	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
3	20/08/2020	SGK-000900	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
4	20/08/2020	SGK-000901	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
5	20/08/2020	SGK-000902	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
6	20/08/2020	SGK-000903	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
7	20/08/2020	SGK-000904	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
8	20/08/2020	SGK-000905	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
9	20/08/2020	SGK-000906	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
10	20/08/2020	SGK-000907	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
11	20/08/2020	SGK-000908	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
12	20/08/2020	SGK-000909	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
13	20/08/2020	SGK-000910	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
14	20/08/2020	SGK-000911	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
15	20/08/2020	SGK-000912	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
16	20/08/2020	SGK-000913	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/2
17	20/08/2020	SGK-000914	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
18	20/08/2020	SGK-000915	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
19	20/08/2020	SGK-000916	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
20	20/08/2020	SGK-000917	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
21	20/08/2020	SGK-000918	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
22	20/08/2020	SGK-000919	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
23	20/08/2020	SGK-000920	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
24	20/08/2020	SGK-000921	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
25	20/08/2020	SGK-000922	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2019	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/08/2020	SGK-000923	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
2	20/08/2020	SGK-000924	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
3	20/08/2020	SGK-000925	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
4	20/08/2020	SGK-000926	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
5	20/08/2020	SGK-000927	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
6	20/08/2020	SGK-000928	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
7	20/08/2020	SGK-000929	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
8	20/08/2020	SGK-000930	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
9	20/08/2020	SGK-000931	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
10	20/08/2020	SGK-000932	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
11	20/08/2020	SGK-000933	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
12	20/08/2020	SGK-000934	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
13	20/08/2020	SGK-000935	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
14	20/08/2020	STK-005659	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/2
15	20/08/2020	STK-005660	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
16	20/08/2020	STK-005661	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
17	20/08/2020	STK-005662	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/1
18	20/08/2020	STK-005663	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 2/2
19	20/08/2020	STK-005664	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 4/2
20	20/08/2020	STK-005665	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/1
21	20/08/2020	STK-005666	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 5/2
22	20/08/2020	STK-005667	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 2
23	20/08/2020	STK-005668	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
24	20/08/2020	STK-005669	HOÀNG HÒA BÌNH - GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CÁC MÔN HỌC LỚP 3
25	20/08/2020	STK-005670	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2013	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2013	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2011	27,000	371	3							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2010	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/08/2020	STK-005671	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
2	20/08/2020	STK-005672	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
3	20/08/2020	STK-005673	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
4	20/08/2020	STK-005674	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
5	20/08/2020	STK-005675	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
6	20/08/2020	STK-005676	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2
7	20/08/2020	STK-005677	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
8	20/08/2020	STK-005678	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
9	20/08/2020	STK-005679	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
10	20/08/2020	STK-005680	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
11	20/08/2020	STK-005681	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
12	20/08/2020	STK-005682	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
13	20/08/2020	STK-005683	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3
14	20/08/2020	STK-005684	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
15	20/08/2020	STK-005685	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
16	20/08/2020	STK-005686	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
17	20/08/2020	STK-005687	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4
18	20/08/2020	STK-005688	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
19	20/08/2020	STK-005689	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
20	20/08/2020	STK-005690	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
21	20/08/2020	STK-005691	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
22	20/08/2020	STK-005692	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5
23	20/08/2020	STK-005693	NGUYỄN QUÝ THAO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
24	20/08/2020	STK-005694	NGUYỄN QUÝ THAO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 1
25	20/08/2020	STK-005695	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2015	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2015	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	25,000	371	3							
Giáo dục	HN	2008	12,500	371	3							
Giáo dục	HN	2008	12,500	371	3							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/08/2020	STK-005696	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 2
2	20/08/2020	STK-005697	HUỲNH THỊ KIM TRANG - ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 2
3	20/08/2020	STK-005698	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
4	20/08/2020	STK-005699	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
5	20/08/2020	STK-005700	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
6	20/08/2020	STK-005701	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
7	20/08/2020	STK-005702	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/2
8	20/08/2020	STK-005703	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
9	20/08/2020	STK-005704	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
10	20/08/2020	STK-005705	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
11	20/08/2020	STK-005706	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
12	20/08/2020	STK-005707	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
13	20/08/2020	STK-005708	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
14	20/08/2020	STK-005709	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
15	20/08/2020	STK-005710	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
16	20/08/2020	STK-005711	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
17	20/08/2020	STK-005712	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
18	20/08/2020	STK-005713	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
19	20/08/2020	STK-005714	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
20	20/08/2020	STK-005715	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
21	20/08/2020	STK-005716	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
22	20/08/2020	STK-005717	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
23	20/08/2020	STK-005718	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
24	20/08/2020	STK-005719	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
25	20/08/2020	STK-005720	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2014	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/08/2020	STK-005721	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
2	20/08/2020	STK-005722	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
3	20/08/2020	STK-005723	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
4	20/08/2020	STK-005724	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
5	~~21/08/2020~~	~~SGK-000936~~	~~Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/1~~
6	~~21/08/2020~~	~~SGK-000937~~	~~Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/1~~
7	~~21/08/2020~~	~~SGK-000938~~	~~Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/2~~
8	~~21/08/2020~~	~~SGK-000939~~	~~Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 1/2~~
9	21/08/2020	SGK-000940	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
10	21/08/2020	SGK-000941	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
11	21/08/2020	SGK-000942	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
12	21/08/2020	SGK-000943	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/1
13	21/08/2020	SGK-000944	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
14	21/08/2020	SGK-000945	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
15	21/08/2020	SGK-000946	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
16	21/08/2020	SGK-000947	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
17	21/08/2020	SGK-000948	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
18	21/08/2020	SGK-000949	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 3/2
19	21/08/2020	SGK-000950	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/1
20	21/08/2020	SGK-000951	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
21	21/08/2020	SGK-000952	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 4/2
22	21/08/2020	SGK-000953	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
23	21/08/2020	SGK-000954	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
24	21/08/2020	SGK-000955	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1
25	21/08/2020	SGK-000956	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2017~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2017~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2017~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
~~Giáo dục~~	~~HN~~	~~2017~~	~~19,000~~	~~75(075)~~	~~3~~							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/08/2020	SGK-000957	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
2	21/08/2020	SGK-000958	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
3	21/08/2020	SGK-000959	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 5/2
4	21/08/2020	STK-005725	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
5	21/08/2020	STK-005726	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
6	21/08/2020	STK-005727	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/1
7	21/08/2020	STK-005728	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
8	21/08/2020	STK-005729	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
9	21/08/2020	STK-005730	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
10	21/08/2020	STK-005731	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
11	21/08/2020	STK-005732	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
12	21/08/2020	STK-005733	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 3/2
13	21/08/2020	STK-005734	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/1
14	21/08/2020	STK-005735	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
15	21/08/2020	STK-005736	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 4/2
16	21/08/2020	STK-005737	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
17	21/08/2020	STK-005738	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
18	21/08/2020	STK-005739	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
19	21/08/2020	STK-005740	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/1
20	21/08/2020	STK-005741	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
21	21/08/2020	STK-005742	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
22	21/08/2020	STK-005743	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
23	21/08/2020	STK-005744	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 5/2
24	24/08/2020	STK-000798	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
25	24/08/2020	STK-000799	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/08/2020	STK-000800	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
2	24/08/2020	STK-005745	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
3	24/08/2020	STK-005746	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
4	24/08/2020	STK-005747	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
5	24/08/2020	STK-005748	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
6	24/08/2020	STK-005749	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
7	24/08/2020	STK-005750	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
8	24/08/2020	STK-005751	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
9	24/08/2020	STK-005752	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
10	24/08/2020	STK-005753	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
11	24/08/2020	STK-005754	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
12	24/08/2020	STK-005755	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
13	24/08/2020	STK-005756	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 1
14	24/08/2020	STK-005757	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
15	24/08/2020	STK-005758	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
16	24/08/2020	STK-005759	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
17	24/08/2020	STK-005760	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
18	24/08/2020	STK-005761	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
19	24/08/2020	STK-005762	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
20	24/08/2020	STK-005763	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
21	24/08/2020	STK-005764	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
22	24/08/2020	STK-005765	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
23	24/08/2020	STK-005766	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
24	24/08/2020	STK-005767	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 4 TẬP 2
25	24/08/2020	STK-005769	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2017	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	24/08/2020	STK-005770	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 1
2	24/08/2020	STK-005771	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 1
3	24/08/2020	STK-005772	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 1
4	24/08/2020	STK-005773	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 1
5	24/08/2020	STK-005774	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 1
6	24/08/2020	STK-005775	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 1
7	24/08/2020	STK-005776	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
8	24/08/2020	STK-005777	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
9	24/08/2020	STK-005778	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
10	24/08/2020	STK-005779	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
11	24/08/2020	STK-005780	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
12	24/08/2020	STK-005781	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
13	24/08/2020	STK-005782	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
14	24/08/2020	STK-005783	LÊ NGỌC ĐIỆP - RÈN KĨ NĂNG TẬP LÀM VĂN LỚP 5 TẬP 2
15	28/08/2020	SGK-000960	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
16	28/08/2020	SGK-000961	HOÀNG LONG - TẬP BÀI HÁT 2
17	28/08/2020	SGK-000962	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/1
18	28/08/2020	SGK-000963	Hoàng Trường Giang - LUYỆN TẬP MĨ THUẬT 2/2
19	28/08/2020	SNV-001074	BÙI PHƯƠNG NGA - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2 (GV)
20	28/08/2020	SNV-001075	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/2 (GV)
21	28/08/2020	SNV-001076	Lưu Thu Thủy - ĐẠO ĐỨC 2 (GV)
22	28/08/2020	SNV-001077	Nguyễn Minh Thuyết - TIẾNG VIỆT 2/1 (GV)
23	28/08/2020	SNV-001078	ĐỖ ĐÌNH HOAN - TOÁN 2 (GV)
24	28/08/2020	SNV-001079	ĐINH NGUYỄN TRANG THU - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐẠO ĐỨC 2
25	28/08/2020	SNV-001080	LÊ ANH TUẤN - THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ÂM NHẠC 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2016	30,000	8	3							
Giáo dục	HN	2015	5,700	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2015	3,800	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2017	19,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2003	4,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	11,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	4,500	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2011	18,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2003	10,600	51(07)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2003	10,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2008	20,000	7(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/08/2020	SNV-001081	Nguyễn Tuấn - TKBG TOÁN 2/1
2	28/08/2020	SNV-001082	Đỗ Đình Hoan - TOÁN 3 (GV)
3	28/08/2020	SNV-001083	Bùi Phương Nga - TỰ NHIÊN XÃ HỘI 3 (GV)
4	28/08/2020	SNV-001084	NGUYỄN MINH THUYẾT - TIẾNG VIỆT 5/1 (GV)
5	07/09/2020	STK-005784	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/1
6	07/09/2020	STK-005785	Hoàng Trường Giang - LUYỆN VIẾT TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC-VUI CÙNG CHỮ VIẾT 2/2
7	07/09/2020	STK-005786	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 2
8	07/09/2020	STK-005787	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
9	07/09/2020	STK-005788	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC CẤP TIỂU HỌC
10	07/09/2020	STK-005789	NGUYỄN QUÝ THAO - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 2
11	07/09/2020	STK-005790	VŨ VĂN DƯƠNG - ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ CẤP TIỂU HỌC LỚP 3
12	07/09/2020	STK-005791	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
13	07/09/2020	STK-005792	PHAN QUỐC VIỆT - THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1
14	07/09/2020	STK-005793	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
15	07/09/2020	STK-005794	HUỲNH THỊ KIM TRANG - LUYỆN TẬP TOÁN LỚP 1/1
16	07/09/2020	STK-005795	ĐÀO TIẾN THI - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG CÁC MÔN HỌC Ở TIỂU HỌC LỚP 3
17	22/10/2020	SGK-000964	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-000965	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-000966	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-000967	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-000968	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-000969	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-000970	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-000971	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-000972	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2010	30,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	11,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2007	6,200	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2006	13,200	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2018	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2017	16,000	4(V)	3							
Giáo dục	HN	2016	22,000	37	3							
Giáo dục	HN	2011	8,700	37	3							
Giáo dục	HN	2011	8,700	37	3							
Giáo dục	HN	2015	15,000	371	3							
Giáo dục	HN	2013	12,500	37	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2014	23,000	371	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2012	20,000	51	3							
Giáo dục	HN	2016	22,000	37	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-000973	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-000974	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-000975	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-000976	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-000977	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-000978	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-000979	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-000980	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-000981	Vũ Quang Tuyên - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-000982	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-000983	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-000984	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-000985	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-000986	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-000987	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
16	22/10/2020	SGK-000988	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
17	22/10/2020	SGK-000989	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-000990	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-000991	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-000992	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-000993	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-000994	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-000995	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-000996	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-000997	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	37(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-000998	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-000999	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 1 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-001000	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-001001	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-001002	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-001003	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-001004	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-001005	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-001006	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-001007	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-001008	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-001009	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-001010	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-001011	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-001012	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
16	22/10/2020	SGK-001013	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
17	22/10/2020	SGK-001014	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-001015	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-001016	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-001017	Nguyễn Xuân Tiên - Vở bài tập Mĩ thuật 1 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-001018	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-001019	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-001020	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-001021	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-001022	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	5(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	75(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001023	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-001024	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-001025	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-001026	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-001027	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-001028	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-001029	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-001030	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-001031	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-001032	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-001033	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-001034	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-001035	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 1 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-001036	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-001037	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
16	22/10/2020	SGK-001038	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
17	22/10/2020	SGK-001039	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-001040	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-001041	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-001042	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-001043	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-001044	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-001045	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-001046	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-001047	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	78(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001048	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-001049	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-001050	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-001051	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-001052	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-001053	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 1 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-001054	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-001055	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-001056	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-001057	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-001058	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-001059	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-001060	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-001061	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-001062	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
16	22/10/2020	SGK-001063	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
17	22/10/2020	SGK-001064	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-001065	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-001066	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-001067	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-001068	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-001069	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-001070	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-001071	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-001072	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	10,000	371.011(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	9,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001073	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-001074	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-001075	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-001076	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-001077	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-001078	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-001079	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-001080	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-001081	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-001082	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-001083	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-001084	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-001085	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-001086	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-001087	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
16	22/10/2020	SGK-001088	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
17	22/10/2020	SGK-001089	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-001090	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-001091	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-001092	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-001093	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-001094	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-001095	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-001096	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-001097	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	7,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001098	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-001099	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-001100	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-001101	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-001102	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-001103	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-001104	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-001105	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-001106	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-001107	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-001108	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-001109	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-001110	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-001111	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-001112	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
16	22/10/2020	SGK-001113	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
17	22/10/2020	SGK-001114	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-001115	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-001116	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-001117	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-001118	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-001119	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-001120	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-001121	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-001122	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001123	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-001124	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-001125	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-001126	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-001127	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-001128	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-001129	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-001130	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-001131	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-001132	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-001133	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-001134	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-001135	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-001136	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-001137	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
16	22/10/2020	SGK-001138	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
17	22/10/2020	SGK-001139	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
18	22/10/2020	SGK-001140	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
19	22/10/2020	SGK-001141	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
20	22/10/2020	SGK-001142	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
21	22/10/2020	SGK-001143	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
22	22/10/2020	SGK-001144	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
23	22/10/2020	SGK-001145	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
24	22/10/2020	SGK-001146	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
25	22/10/2020	SGK-001147	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	4(V)(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001148	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
2	22/10/2020	SGK-001149	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
3	22/10/2020	SGK-001150	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
4	22/10/2020	SGK-001151	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
5	22/10/2020	SGK-001152	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
6	22/10/2020	SGK-001153	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
7	22/10/2020	SGK-001154	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
8	22/10/2020	SGK-001155	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
9	22/10/2020	SGK-001156	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
10	22/10/2020	SGK-001157	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
11	22/10/2020	SGK-001158	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
12	22/10/2020	SGK-001159	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
13	22/10/2020	SGK-001160	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
14	22/10/2020	SGK-001161	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
15	22/10/2020	SGK-001162	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
16	22/10/2020	SGK-001163	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
17	22/10/2020	SGK-001164	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
18	22/10/2020	SGK-001165	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
19	22/10/2020	SGK-001166	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
20	22/10/2020	SGK-001167	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
21	22/10/2020	SGK-001168	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
22	22/10/2020	SGK-001169	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
23	22/10/2020	SGK-001170	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
24	22/10/2020	SGK-001171	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
25	22/10/2020	SGK-001172	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	15,000	51(076)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001173	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
2	22/10/2020	SGK-001174	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
3	22/10/2020	SGK-001175	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
4	22/10/2020	SGK-001176	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
5	22/10/2020	SGK-001177	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
6	22/10/2020	SGK-001178	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
7	22/10/2020	SGK-001179	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
8	22/10/2020	SGK-001180	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
9	22/10/2020	SGK-001181	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
10	22/10/2020	SGK-001182	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
11	22/10/2020	SGK-001183	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
12	22/10/2020	SGK-001184	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
13	22/10/2020	SGK-001185	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
14	22/10/2020	SGK-001186	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
15	22/10/2020	SGK-001187	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
16	22/10/2020	SGK-001188	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
17	22/10/2020	SGK-001189	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
18	22/10/2020	SGK-001190	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
19	22/10/2020	SGK-001191	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
20	22/10/2020	SGK-001192	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
21	22/10/2020	SGK-001193	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
22	22/10/2020	SGK-001194	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
23	22/10/2020	SGK-001195	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
24	22/10/2020	SGK-001196	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
25	22/10/2020	SGK-001197	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	12,000	78(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	75(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001198	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
2	22/10/2020	SGK-001199	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
3	22/10/2020	SGK-001200	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
4	22/10/2020	SGK-001201	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
5	22/10/2020	SGK-001202	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
6	22/10/2020	SGK-001203	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
7	22/10/2020	SGK-001204	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
8	22/10/2020	SGK-001205	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
9	22/10/2020	SGK-001206	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
10	22/10/2020	SGK-001207	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
11	22/10/2020	SGK-001208	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
12	22/10/2020	SGK-001209	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
13	22/10/2020	SGK-001210	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
14	22/10/2020	SGK-001211	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
15	22/10/2020	SGK-001212	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
16	22/10/2020	SGK-001213	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
17	22/10/2020	SGK-001214	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
18	22/10/2020	SGK-001215	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
19	22/10/2020	SGK-001216	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
20	22/10/2020	SGK-001217	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
21	22/10/2020	SGK-001218	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
22	22/10/2020	SGK-001219	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
23	22/10/2020	SGK-001220	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
24	22/10/2020	SGK-001221	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
25	22/10/2020	SGK-001222	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	13,000	371.011(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001223	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
2	22/10/2020	SGK-001224	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
3	22/10/2020	SGK-001225	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
4	22/10/2020	SGK-001226	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
5	22/10/2020	SGK-001227	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
6	22/10/2020	SGK-001228	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
7	22/10/2020	SGK-001229	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
8	22/10/2020	SGK-001230	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
9	22/10/2020	SGK-001231	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
10	22/10/2020	SGK-001232	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
11	22/10/2020	SGK-001233	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
12	22/10/2020	SGK-001234	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
13	22/10/2020	SGK-001235	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
14	22/10/2020	SGK-001236	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
15	22/10/2020	SGK-001237	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
16	22/10/2020	SGK-001238	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
17	22/10/2020	SGK-001239	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
18	22/10/2020	SGK-001240	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
19	22/10/2020	SGK-001241	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
20	22/10/2020	SGK-001242	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
21	22/10/2020	SGK-001243	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
22	22/10/2020	SGK-001244	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
23	22/10/2020	SGK-001245	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
24	22/10/2020	SGK-001246	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
25	22/10/2020	SGK-001247	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001248	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
2	22/10/2020	SGK-001249	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
3	22/10/2020	SGK-001250	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
4	22/10/2020	SGK-001251	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
5	22/10/2020	SGK-001252	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
6	22/10/2020	SGK-001253	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
7	22/10/2020	SGK-001254	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
8	22/10/2020	SGK-001255	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
9	22/10/2020	SGK-001256	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
10	22/10/2020	SGK-001257	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
11	22/10/2020	SGK-001258	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
12	22/10/2020	SGK-001259	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
13	22/10/2020	SGK-001260	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
14	22/10/2020	SGK-001261	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
15	22/10/2020	SGK-001262	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
16	22/10/2020	SGK-001263	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
17	22/10/2020	SGK-001264	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
18	22/10/2020	SGK-001265	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
19	22/10/2020	SGK-001266	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
20	22/10/2020	SGK-001267	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
21	22/10/2020	SGK-001268	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
22	22/10/2020	SGK-001269	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
23	22/10/2020	SGK-001270	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
24	22/10/2020	SGK-001271	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
25	22/10/2020	SGK-001272	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	16,000	37(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001273	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
2	22/10/2020	SGK-001274	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
3	22/10/2020	SGK-001275	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
4	22/10/2020	SGK-001276	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
5	22/10/2020	SGK-001277	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
6	22/10/2020	SGK-001278	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
7	22/10/2020	SGK-001279	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
8	22/10/2020	SGK-001280	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
9	22/10/2020	SGK-001281	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
10	22/10/2020	SGK-001282	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
11	22/10/2020	SGK-001283	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
12	22/10/2020	SGK-001284	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
13	22/10/2020	SGK-001285	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
14	22/10/2020	SGK-001286	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
15	22/10/2020	SGK-001287	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
16	22/10/2020	SGK-001288	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
17	22/10/2020	SGK-001289	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
18	22/10/2020	SGK-001290	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
19	22/10/2020	SGK-001291	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
20	22/10/2020	SGK-001292	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
21	22/10/2020	SGK-001293	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
22	22/10/2020	SGK-001294	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
23	22/10/2020	SGK-001295	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
24	22/10/2020	SGK-001296	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
25	22/10/2020	SGK-001297	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	31,000	4(V)(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001298	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
2	22/10/2020	SGK-001299	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
3	22/10/2020	SGK-001300	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
4	22/10/2020	SGK-001301	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
5	22/10/2020	SGK-001302	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
6	22/10/2020	SGK-001303	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
7	22/10/2020	SGK-001304	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
8	22/10/2020	SGK-001305	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
9	22/10/2020	SGK-001306	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
10	22/10/2020	SGK-001307	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
11	22/10/2020	SGK-001308	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
12	22/10/2020	SGK-001309	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
13	22/10/2020	SGK-001310	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
14	22/10/2020	SGK-001311	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
15	22/10/2020	SGK-001312	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
16	22/10/2020	SGK-001313	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
17	22/10/2020	SGK-001314	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
18	22/10/2020	SGK-001315	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
19	22/10/2020	SGK-001316	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
20	22/10/2020	SGK-001317	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
21	22/10/2020	SGK-001318	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
22	22/10/2020	SGK-001319	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
23	22/10/2020	SGK-001320	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
24	22/10/2020	SGK-001321	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
25	22/10/2020	SGK-001322	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	28,000	51(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SGK-001323	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
2	22/10/2020	SNV-001085	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
3	22/10/2020	SNV-001086	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
4	22/10/2020	SNV-001087	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
5	22/10/2020	SNV-001088	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
6	22/10/2020	SNV-001089	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
7	22/10/2020	SNV-001090	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
8	22/10/2020	SNV-001091	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
9	22/10/2020	SNV-001092	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
10	22/10/2020	SNV-001093	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
11	22/10/2020	SNV-001094	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
12	22/10/2020	SNV-001095	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
13	22/10/2020	SNV-001096	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
14	22/10/2020	SNV-001097	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
15	22/10/2020	SNV-001098	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
16	22/10/2020	SNV-001099	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
17	22/10/2020	SNV-001100	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
18	22/10/2020	SNV-001101	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
19	22/10/2020	SNV-001102	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
20	22/10/2020	SNV-001103	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
21	22/10/2020	SNV-001104	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
22	22/10/2020	SNV-001105	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
23	22/10/2020	SNV-001106	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
24	22/10/2020	SNV-001107	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
25	22/10/2020	SNV-001108	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	24,000	5(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	56,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SNV-001109	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
2	22/10/2020	SNV-001110	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
3	22/10/2020	SNV-001111	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
4	22/10/2020	SNV-001112	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
5	22/10/2020	SNV-001113	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
6	22/10/2020	SNV-001114	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
7	22/10/2020	SNV-001115	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
8	22/10/2020	SNV-001116	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
9	22/10/2020	SNV-001117	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
10	22/10/2020	SNV-001118	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
11	22/10/2020	SNV-001119	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
12	22/10/2020	SNV-001120	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
13	22/10/2020	SNV-001121	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
14	22/10/2020	SNV-001122	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
15	22/10/2020	SNV-001123	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
16	22/10/2020	SNV-001124	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
17	22/10/2020	SNV-001125	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
18	22/10/2020	SNV-001126	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
19	22/10/2020	SNV-001127	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
20	22/10/2020	SNV-001128	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
21	22/10/2020	SNV-001129	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
22	22/10/2020	SNV-001130	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
23	22/10/2020	SNV-001131	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
24	22/10/2020	SNV-001132	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
25	22/10/2020	SNV-001133	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	104,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SNV-001134	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
2	22/10/2020	SNV-001135	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
3	22/10/2020	SNV-001136	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
4	22/10/2020	SNV-001137	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
5	22/10/2020	SNV-001138	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
6	22/10/2020	SNV-001139	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
7	22/10/2020	SNV-001140	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
8	22/10/2020	SNV-001141	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
9	22/10/2020	SNV-001142	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
10	22/10/2020	SNV-001143	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
11	22/10/2020	SNV-001144	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
12	22/10/2020	SNV-001145	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
13	22/10/2020	SNV-001146	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
14	22/10/2020	SNV-001147	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
15	22/10/2020	SNV-001148	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
16	22/10/2020	SNV-001149	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
17	22/10/2020	SNV-001150	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
18	22/10/2020	SNV-001151	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
19	22/10/2020	SNV-001152	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
20	22/10/2020	SNV-001153	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
21	22/10/2020	SNV-001154	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
22	22/10/2020	SNV-001155	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
23	22/10/2020	SNV-001156	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
24	22/10/2020	SNV-001157	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
25	22/10/2020	SNV-001158	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	89,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	23,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SNV-001159	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
2	22/10/2020	SNV-001160	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
3	22/10/2020	SNV-001161	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
4	22/10/2020	SNV-001162	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
5	22/10/2020	SNV-001163	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
6	22/10/2020	SNV-001164	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
7	22/10/2020	SNV-001165	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
8	22/10/2020	SNV-001166	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
9	22/10/2020	SNV-001167	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
10	22/10/2020	SNV-001168	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
11	22/10/2020	SNV-001169	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
12	22/10/2020	SNV-001170	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
13	22/10/2020	SNV-001171	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
14	22/10/2020	SNV-001172	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
15	22/10/2020	SNV-001173	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
16	22/10/2020	SNV-001174	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
17	22/10/2020	SNV-001175	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
18	22/10/2020	SNV-001176	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
19	22/10/2020	SNV-001177	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
20	22/10/2020	SNV-001178	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
21	22/10/2020	SNV-001179	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
22	22/10/2020	SNV-001180	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
23	22/10/2020	SNV-001181	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
24	22/10/2020	SNV-001182	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
25	22/10/2020	SNV-001183	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	25,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SNV-001184	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
2	22/10/2020	SNV-001185	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
3	22/10/2020	SNV-001186	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
4	22/10/2020	SNV-001187	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
5	22/10/2020	SNV-001188	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
6	22/10/2020	SNV-001189	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
7	22/10/2020	SNV-001190	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
8	22/10/2020	SNV-001191	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
9	22/10/2020	SNV-001192	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
10	22/10/2020	SNV-001193	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
11	22/10/2020	SNV-001194	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
12	22/10/2020	SNV-001195	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
13	22/10/2020	SNV-001196	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
14	22/10/2020	SNV-001197	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
15	22/10/2020	SNV-001198	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
16	22/10/2020	SNV-001199	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
17	22/10/2020	SNV-001200	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
18	22/10/2020	SNV-001201	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
19	22/10/2020	SNV-001202	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
20	22/10/2020	SNV-001203	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
21	22/10/2020	SNV-001204	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
22	22/10/2020	SNV-001205	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
23	22/10/2020	SNV-001206	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
24	22/10/2020	SNV-001207	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
25	22/10/2020	SNV-001208	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	20,000	75(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SNV-001209	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
2	22/10/2020	SNV-001210	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
3	22/10/2020	SNV-001211	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
4	22/10/2020	SNV-001212	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
5	22/10/2020	SNV-001213	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
6	22/10/2020	SNV-001214	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
7	22/10/2020	SNV-001215	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
8	22/10/2020	SNV-001216	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
9	22/10/2020	SNV-001217	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
10	22/10/2020	SNV-001218	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
11	22/10/2020	SNV-001219	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
12	22/10/2020	SNV-001220	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
13	22/10/2020	SNV-001221	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
14	22/10/2020	SNV-001222	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
15	22/10/2020	SNV-001223	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
16	22/10/2020	SNV-001224	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
17	22/10/2020	SNV-001225	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
18	22/10/2020	SNV-001226	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
19	22/10/2020	SNV-001227	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
20	22/10/2020	SNV-001228	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
21	22/10/2020	SNV-001229	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
22	22/10/2020	SNV-001230	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
23	22/10/2020	SNV-001231	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
24	22/10/2020	SNV-001232	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
25	22/10/2020	SNV-001233	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	49,000	37(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/10/2020	SNV-001234	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
2	22/10/2020	SNV-001235	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
3	22/10/2020	SNV-001236	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
4	22/10/2020	SNV-001237	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
5	22/10/2020	SNV-001238	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
6	22/10/2020	SNV-001239	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
7	22/10/2020	SNV-001240	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
8	22/10/2020	SNV-001241	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
9	22/10/2020	SNV-001242	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
10	22/10/2020	SNV-001243	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
11	22/10/2020	SNV-001244	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
12	22/10/2020	SNV-001245	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
13	22/10/2020	SNV-001246	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
14	28/10/2020	SNV-001247	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
15	28/10/2020	SNV-001248	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
16	28/10/2020	SNV-001249	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
17	28/10/2020	SNV-001250	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
18	28/10/2020	SNV-001251	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
19	28/10/2020	SNV-001252	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
20	28/10/2020	SNV-001253	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
21	28/10/2020	SNV-001254	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
22	28/10/2020	SNV-001255	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
23	28/10/2020	SNV-001256	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
24	28/10/2020	SNV-001257	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
25	28/10/2020	SNV-001258	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	41,000	7A(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2020	SNV-001259	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
2	28/10/2020	SNV-001260	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
3	28/10/2020	SNV-001261	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
4	28/10/2020	SNV-001262	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
5	28/10/2020	SNV-001263	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
6	28/10/2020	SNV-001264	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch dạy học môn Âm nhạc 1
7	28/10/2020	SNV-001265	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
8	28/10/2020	SNV-001266	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
9	28/10/2020	SNV-001267	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
10	28/10/2020	SNV-001268	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
11	28/10/2020	SNV-001269	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
12	28/10/2020	SNV-001270	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
13	28/10/2020	SNV-001271	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
14	28/10/2020	SNV-001272	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
15	28/10/2020	SNV-001273	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
16	28/10/2020	SNV-001274	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
17	28/10/2020	SNV-001275	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
18	28/10/2020	SNV-001276	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
19	28/10/2020	SNV-001277	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
20	28/10/2020	SNV-001278	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
21	28/10/2020	SNV-001279	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
22	28/10/2020	SNV-001280	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
23	28/10/2020	SNV-001281	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
24	28/10/2020	SNV-001282	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch dạy học môn Toán 1
25	28/10/2020	SNV-001283	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	45,000	78(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	105,000	51(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2020	SNV-001284	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
2	28/10/2020	SNV-001285	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
3	28/10/2020	SNV-001286	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
4	28/10/2020	SNV-001287	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
5	28/10/2020	SNV-001288	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
6	28/10/2020	SNV-001289	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
7	28/10/2020	SNV-001290	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
8	28/10/2020	SNV-001291	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
9	28/10/2020	SNV-001292	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
10	28/10/2020	SNV-001293	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
11	28/10/2020	SNV-001294	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
12	28/10/2020	SNV-001295	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
13	28/10/2020	SNV-001296	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
14	28/10/2020	SNV-001297	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
15	28/10/2020	SNV-001298	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
16	28/10/2020	SNV-001299	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
17	28/10/2020	SNV-001300	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/1
18	28/10/2020	SNV-001301	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
19	28/10/2020	SNV-001302	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
20	28/10/2020	SNV-001303	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
21	28/10/2020	SNV-001304	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
22	28/10/2020	SNV-001305	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
23	28/10/2020	SNV-001306	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
24	28/10/2020	SNV-001307	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
25	28/10/2020	SNV-001308	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	165,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2020	SNV-001309	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
2	28/10/2020	SNV-001310	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
3	28/10/2020	SNV-001311	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
4	28/10/2020	SNV-001312	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
5	28/10/2020	SNV-001313	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
6	28/10/2020	SNV-001314	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
7	28/10/2020	SNV-001315	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
8	28/10/2020	SNV-001316	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
9	28/10/2020	SNV-001317	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
10	28/10/2020	SNV-001318	Phan Như Hà - Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt 1/2
11	28/10/2020	SNV-001319	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
12	28/10/2020	SNV-001320	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
13	28/10/2020	SNV-001321	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
14	28/10/2020	SNV-001322	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
15	28/10/2020	SNV-001323	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
16	28/10/2020	SNV-001324	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
17	28/10/2020	SNV-001325	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
18	28/10/2020	SNV-001326	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
19	28/10/2020	SNV-001327	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
20	28/10/2020	SNV-001328	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
21	28/10/2020	SNV-001329	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
22	28/10/2020	SNV-001330	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
23	28/10/2020	SNV-001331	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
24	28/10/2020	SNV-001332	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
25	28/10/2020	SNV-001333	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	145,000	4(V)(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	28/10/2020	SNV-001334	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
2	28/10/2020	SNV-001335	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
3	28/10/2020	SNV-001336	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên xã hội 1
4	02/11/2020	SNV-001337	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
5	02/11/2020	SNV-001338	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
6	02/11/2020	SNV-001339	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
7	02/11/2020	SNV-001340	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
8	02/11/2020	SNV-001341	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
9	02/11/2020	SNV-001342	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
10	02/11/2020	SNV-001343	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
11	02/11/2020	SNV-001344	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
12	02/11/2020	SNV-001345	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
13	02/11/2020	SNV-001346	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
14	02/11/2020	SNV-001347	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
15	02/11/2020	SNV-001348	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
16	02/11/2020	SNV-001349	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
17	02/11/2020	SNV-001350	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
18	02/11/2020	SNV-001351	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
19	02/11/2020	SNV-001352	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
20	02/11/2020	SNV-001353	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
21	02/11/2020	SNV-001354	Trần Thanh Bình - Kế hoạch dạy học môn Đạo đức 1
22	04/11/2020	SGK-001324	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/1
23	04/11/2020	SGK-001325	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/1
24	04/11/2020	SGK-001326	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/1
25	04/11/2020	SGK-001327	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	95,000	5(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	80,000	371.011(07)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/11/2020	SGK-001328	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/1
2	04/11/2020	SGK-001329	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/2
3	04/11/2020	SGK-001330	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/2
4	04/11/2020	SGK-001331	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/2
5	04/11/2020	SGK-001332	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/2
6	04/11/2020	SGK-001333	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 3/2
7	04/11/2020	SGK-001334	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 4/1
8	04/11/2020	SGK-001335	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 4/1
9	04/11/2020	SGK-001336	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 4/1
10	04/11/2020	SGK-001337	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 4/2
11	04/11/2020	SGK-001338	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 4/2
12	04/11/2020	SGK-001339	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Luyện tập Mĩ thuật 4/2
13	09/11/2020	STK-005796	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
14	09/11/2020	STK-005797	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
15	09/11/2020	STK-005798	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
16	09/11/2020	STK-005799	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
17	09/11/2020	STK-005800	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
18	09/11/2020	STK-005801	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
19	09/11/2020	STK-005802	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
20	09/11/2020	STK-005803	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
21	09/11/2020	STK-005804	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
22	09/11/2020	STK-005805	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Student Book
23	09/11/2020	STK-005806	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
24	09/11/2020	STK-005807	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
25	09/11/2020	STK-005808	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	21,000	75(075)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	79,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/11/2020	STK-005809	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
2	09/11/2020	STK-005810	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
3	09/11/2020	STK-005811	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
4	09/11/2020	STK-005812	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
5	09/11/2020	STK-005813	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
6	09/11/2020	STK-005814	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
7	09/11/2020	STK-005815	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 1 Family and friends (National Edition) - Work Book
8	09/11/2020	STK-005816	Naomi Simmons - Family and friends 3 (Special Edition) - Student Book
9	09/11/2020	STK-005817	Naomi Simmons - Family and friends 3 (Special Edition) - Student Book
10	09/11/2020	STK-005818	Naomi Simmons - Family and friends 3 (Special Edition) - Work Book
11	09/11/2020	STK-005819	Naomi Simmons - Family and friends 3 (Special Edition) - Work Book
12	09/11/2020	STK-005820	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 2
13	09/11/2020	STK-005821	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 2
14	09/11/2020	STK-005822	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 3
15	09/11/2020	STK-005823	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 3
16	09/11/2020	STK-005824	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 4
17	09/11/2020	STK-005825	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 4
18	09/11/2020	STK-005826	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 5
19	09/11/2020	STK-005827	Nguyễn Trường Giang - Đề kiểm tra tham khảo môn tiếng Anh 5
20	09/11/2020	STK-005828	Phạm Trí Thiện - Bộ đề kiểm tra đánh giá đầu ra tiếng Anh tiểu học tập 1
21	09/11/2020	STK-005829	Phạm Trí Thiện - Bộ đề kiểm tra đánh giá đầu ra tiếng Anh tiểu học tập 1
22	09/11/2020	STK-005830	Phạm Trí Thiện - Bộ đề kiểm tra đánh giá đầu ra tiếng Anh tiểu học tập 2
23	09/11/2020	STK-005831	Phạm Trí Thiện - Bộ đề kiểm tra đánh giá đầu ra tiếng Anh tiểu học tập 2
24	25/12/2020	STK-005832	Nguyễn Hạnh - Tình thầy trò
25	25/12/2020	STK-005833	Nguyễn Hạnh - Gia đình

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	71,000	4(A)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2020	95,000	4(A)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2020	95,000	4(A)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2020	70,000	4(A)	3							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2020	70,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	44,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	44,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	39,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	39,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	50,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2020	50,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2016	55,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2016	55,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2018	49,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2018	49,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2018	49,000	4(A)	3							
Giáo dục	HN	2018	49,000	4(A)	3							
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/12/2020	STK-005834	Nguyễn Hạnh - Tình mẫu tử
2	25/12/2020	STK-005835	Nguyễn Hạnh - Lòng hiếu thảo
3	25/12/2020	STK-005836	Nguyễn Hạnh - Tình cha
4	25/12/2020	STK-005837	Nguyễn Hạnh - Tình thân ái
5	25/12/2020	STK-005838	Nguyễn Hạnh - Tình chị em
6	25/12/2020	STK-005839	Nguyễn Hạnh - Tình yêu thương
7	25/12/2020	STK-005840	Lương Hùng - Tình yêu tự do và hòa bình
8	25/12/2020	STK-005841	Lương Hùng - Lòng trung thực
9	25/12/2020	STK-005842	Lương Hùng - Lòng vị tha
10	25/12/2020	STK-005843	Lương Hùng - Lòng quyết tâm
11	25/12/2020	STK-005844	Lương Hùng - Tình bạn
12	25/12/2020	STK-005845	Lương Hùng - Lòng thương người
13	25/12/2020	STK-005846	Lương Hùng - Lòng dũng cảm
14	25/12/2020	STK-005847	Lương Hùng - Siêng năng kiên trì
15	25/12/2020	STK-005848	Lương Hùng - Lòng biết ơn
16	25/12/2020	STK-005849	Lương Hùng - Lòng yêu thương
17	25/12/2020	STK-005850	Lương Hùng - Khát vọng và ước mơ
18	25/12/2020	STK-005851	Hà Yên - Mạnh mẽ
19	25/12/2020	STK-005852	Hà Yên - Yêu thương
20	25/12/2020	STK-005853	Hà Yên - Hiếu thảo
21	25/12/2020	STK-005854	Hà Yên - Ước mơ
22	25/12/2020	STK-005855	Hà Yên - Tự tin
23	25/12/2020	STK-005856	Hà Yên - Kiên trì
24	25/12/2020	STK-005857	Hà Yên - Quan tâm
25	25/12/2020	STK-005858	Hà Yên - Tha thứ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	30,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2018	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2018	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	25/12/2020	STK-005859	Hà Yên - Công bằng
2	25/12/2020	STK-005860	Hà Yên - Thật thà
3	25/12/2020	STK-005861	Hà Yên - Lịch sự
4	25/12/2020	STK-005862	Hà Yên - Tử tế
5	25/12/2020	STK-005863	Phạm Thị Thúy - Kỹ năng phòng vệ dành cho học sinh
6	25/12/2020	STN-005606	Nguyễn Thái Dương - Thủ thỉ chuyện văn chương
7	25/12/2020	STN-005607	Ja-hong Min - Thái độ tích cực-Miyo thi hát
8	25/12/2020	STN-005608	Ye-sil Kim - Sự khiêm tốn-Câu chuyện dàn nhạc nhí
9	25/12/2020	STN-005609	Min-jin Lee - Sự tự tin-Thử vẽ như mình xem
10	25/12/2020	STN-005610	Min-jin Lee - Giữ lời hứa-Công chúa ngày xửa Hoàng tử ngày xưa
11	25/12/2020	STN-005611	Ja-hong Min - Chăm sóc ngoại hình-Bác tiều phu hạnh phúc
12	25/12/2020	STN-005612	Jeong-ho Kim - Tinh thần trách nhiệm-Vào ngày tuyết rơi
13	25/12/2020	STN-005613	Ji-yoo Kim - Tinh thần lạc quan-Cuộc chạy thi đầy hy vọng của ngựa vằn
14	25/12/2020	STN-005614	Se-sil Kim - Nhìn ra điểm mạnh-Một cái tên thật hay
15	25/12/2020	STN-005615	Luis Sepulveda - Chuyện con mèo dạy hải âu bay
16	25/12/2020	STN-005616	Nguyễn Đổng Chi - Kho tàng truyện cổ tích Việt nam tập 1
17	25/12/2020	STN-005617	Nguyễn Đổng Chi - Kho tàng truyện cổ tích Việt nam tập 2
18	25/12/2020	STN-005618	Nguyễn Đổng Chi - Kho tàng truyện cổ tích Việt nam tập 3
19	25/12/2020	STN-005619	Nguyễn Đổng Chi - Kho tàng truyện cổ tích Việt nam tập 4
20	25/12/2020	STN-005620	Nguyễn Đổng Chi - Kho tàng truyện cổ tích Việt nam tập 5
21	25/12/2020	STN-005621	Etsuko Yamamoto - Cô ơi, em quên làm bài tập rồi
22	22/02/2021	STN-005622	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 1
23	22/02/2021	STN-005623	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 1
24	22/02/2021	STN-005624	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 3
25	22/02/2021	STN-005625	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 3

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	32,000	V23	3							
Trẻ	TPHCM	2019	25,000	37	3							
Trẻ	TPHCM	2017	85,000	ĐV19	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Trẻ	TPHCM	2019	28,000	ĐN18	3							
Hội nhà văn	HN	2019	49,000	ĐN13	3							
Trẻ	TPHCM	2019	55,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2018	66,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2018	80,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2018	80,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2018	70,000	ĐV17	3							
Trẻ	TPHCM	2018	63,000	ĐN13	3							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/02/2021	STN-005626	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 4
2	22/02/2021	STN-005627	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 4
3	22/02/2021	STN-005628	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 5
4	22/02/2021	STN-005629	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 5
5	22/02/2021	STN-005630	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 7
6	22/02/2021	STN-005631	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 7
7	22/02/2021	STN-005632	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 11
8	22/02/2021	STN-005633	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 11
9	22/02/2021	STN-005634	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 12
10	22/02/2021	STN-005635	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 12
11	22/02/2021	STN-005636	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 14
12	22/02/2021	STN-005637	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 14
13	22/02/2021	STN-005638	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 15
14	22/02/2021	STN-005639	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 15
15	22/02/2021	STN-005640	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 16
16	22/02/2021	STN-005641	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 16
17	22/02/2021	STN-005642	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 17
18	22/02/2021	STN-005643	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 17
19	22/02/2021	STN-005644	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 18
20	22/02/2021	STN-005645	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 18
21	22/02/2021	STN-005646	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 19
22	22/02/2021	STN-005647	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 19
23	22/02/2021	STN-005648	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 20
24	22/02/2021	STN-005649	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 20
25	22/02/2021	STN-005650	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 21

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/02/2021	STN-005651	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 21
2	22/02/2021	STN-005652	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 22
3	22/02/2021	STN-005653	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 22
4	22/02/2021	STN-005654	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 23
5	22/02/2021	STN-005655	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 23
6	22/02/2021	STN-005656	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 24
7	22/02/2021	STN-005657	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 24
8	22/02/2021	STN-005658	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 25
9	22/02/2021	STN-005659	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 25
10	22/02/2021	STN-005660	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 27
11	22/02/2021	STN-005661	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 27
12	22/02/2021	STN-005662	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 28
13	22/02/2021	STN-005663	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 28
14	22/02/2021	STN-005664	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 29
15	22/02/2021	STN-005665	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 29
16	22/02/2021	STN-005666	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 30
17	22/02/2021	STN-005667	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 30
18	22/02/2021	STN-005668	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 31
19	22/02/2021	STN-005669	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 31
20	22/02/2021	STN-005670	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 32
21	22/02/2021	STN-005671	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 32
22	22/02/2021	STN-005672	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 33
23	22/02/2021	STN-005673	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 33
24	22/02/2021	STN-005674	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 34
25	22/02/2021	STN-005675	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 34

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/02/2021	STN-005676	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 35
2	22/02/2021	STN-005677	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 35
3	22/02/2021	STN-005678	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 36
4	22/02/2021	STN-005679	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 36
5	22/02/2021	STN-005680	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 37
6	22/02/2021	STN-005681	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 37
7	22/02/2021	STN-005682	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 38
8	22/02/2021	STN-005683	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 38
9	22/02/2021	STN-005684	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 39
10	22/02/2021	STN-005685	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 39
11	22/02/2021	STN-005686	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 41
12	22/02/2021	STN-005687	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 41
13	22/02/2021	STN-005688	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 42
14	22/02/2021	STN-005689	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 42
15	22/02/2021	STN-005690	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 45
16	22/02/2021	STN-005691	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 45
17	22/02/2021	STN-005692	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 1
18	22/02/2021	STN-005693	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 1
19	22/02/2021	STN-005694	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 2
20	22/02/2021	STN-005695	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 2
21	22/02/2021	STN-005696	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 2
22	22/02/2021	STN-005697	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 3
23	22/02/2021	STN-005698	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 3
24	22/02/2021	STN-005699	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 4
25	22/02/2021	STN-005700	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 4

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/02/2021	STN-005701	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 4
2	22/02/2021	STN-005702	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 5
3	22/02/2021	STN-005703	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 5
4	22/02/2021	STN-005704	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 5
5	22/02/2021	STN-005705	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 6
6	22/02/2021	STN-005706	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 6
7	22/02/2021	STN-005707	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 6
8	22/02/2021	STN-005708	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 7
9	22/02/2021	STN-005709	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 7
10	22/02/2021	STN-005710	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 7
11	22/02/2021	STN-005711	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 8
12	22/02/2021	STN-005712	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 8
13	22/02/2021	STN-005713	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 8
14	22/02/2021	STN-005714	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 9
15	22/02/2021	STN-005715	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 9
16	22/02/2021	STN-005716	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 9
17	22/02/2021	STN-005717	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 10
18	22/02/2021	STN-005718	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 10
19	22/02/2021	STN-005719	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 10
20	22/02/2021	STN-005720	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 11
21	22/02/2021	STN-005721	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 11
22	22/02/2021	STN-005722	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 11
23	22/02/2021	STN-005723	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 12
24	22/02/2021	STN-005724	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 12
25	22/02/2021	STN-005725	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 12

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/02/2021	STN-005726	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 13
2	22/02/2021	STN-005727	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 13
3	22/02/2021	STN-005728	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 13
4	22/02/2021	STN-005729	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 14
5	22/02/2021	STN-005730	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 14
6	22/02/2021	STN-005731	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 14
7	22/02/2021	STN-005732	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 15
8	22/02/2021	STN-005733	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 15
9	22/02/2021	STN-005734	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 15
10	22/02/2021	STN-005735	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 16
11	22/02/2021	STN-005736	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 16
12	22/02/2021	STN-005737	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 16
13	22/02/2021	STN-005738	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 17
14	22/02/2021	STN-005739	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 17
15	22/02/2021	STN-005740	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 17
16	22/02/2021	STN-005741	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 18
17	22/02/2021	STN-005742	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 18
18	22/02/2021	STN-005743	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 18
19	22/02/2021	STN-005744	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 19
20	22/02/2021	STN-005745	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 19
21	22/02/2021	STN-005746	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 19
22	22/02/2021	STN-005747	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 20
23	22/02/2021	STN-005748	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 20
24	22/02/2021	STN-005749	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 20
25	22/02/2021	STN-005750	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 21

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/02/2021	STN-005751	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 21
2	22/02/2021	STN-005752	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 21
3	22/02/2021	STN-005753	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 22
4	22/02/2021	STN-005754	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 22
5	22/02/2021	STN-005755	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 22
6	22/02/2021	STN-005756	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 23
7	22/02/2021	STN-005757	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 23
8	22/02/2021	STN-005758	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 23
9	22/02/2021	STN-005759	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 24
10	22/02/2021	STN-005760	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 24
11	22/02/2021	STN-005761	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 24
12	22/02/2021	STN-005762	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 25
13	22/02/2021	STN-005763	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 25
14	22/02/2021	STN-005764	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 25
15	22/02/2021	STN-005765	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 26
16	22/02/2021	STN-005766	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 26
17	22/02/2021	STN-005767	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 26
18	22/02/2021	STN-005768	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 28
19	22/02/2021	STN-005769	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 28
20	22/02/2021	STN-005770	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 28
21	22/02/2021	STN-005771	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 30
22	22/02/2021	STN-005772	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 30
23	22/02/2021	STN-005773	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 30
24	22/02/2021	STN-005774	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 31
25	22/02/2021	STN-005775	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 31

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	18,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/02/2021	STN-005776	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 31
2	22/02/2021	STN-005777	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 32
3	22/02/2021	STN-005778	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 32
4	22/02/2021	STN-005779	Ono Eriko - Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh tập 32
5	26/02/2021	STN-005780	Lê Hải - Bách khoa thư thiếu nhi - Ai Cập cổ đại
6	26/02/2021	STN-005781	Lê Thị Thu Ngọc - Bách khoa thư thiếu nhi - Vũ trụ
7	26/02/2021	STN-005782	Lê Thị Dung - Bách khoa thư thiếu nhi - Động vật có vú
8	26/02/2021	STN-005783	Lê Thị Thu Ngọc - Bách khoa thư thiếu nhi - Cơ thể người
9	26/02/2021	STN-005784	Lê Hải - Bách khoa thư thiếu nhi - Trái đất
10	26/02/2021	STN-005785	Lê Thị Thu Ngọc - Bách khoa thư thiếu nhi - Động vật
11	26/02/2021	STN-005786	Lê Hải - Bách khoa thư thiếu nhi - Khoa học
12	26/02/2021	STN-005787	Nguyễn Thị Lê - Một trăm câu đố rèn luyện tư duy khám phá cuộc sống quanh ta
13	26/02/2021	STN-005788	Nguyễn Thị Lê - Một trăm câu đố rèn luyện tư duy khám phá cuộc sống quanh ta
14	26/02/2021	STN-005789	Nguyễn Ngọc Ký - Năm trăm năm mươi lăm câu đố vui dành cho tuổi học trò tập 1
15	26/02/2021	STN-005790	Nguyễn Ngọc Ký - Năm trăm năm mươi lăm câu đố vui dành cho tuổi học trò tập 2
16	26/02/2021	STN-005791	Ngoan Đồng - Đồng dao và các trò chơi dân gian Việt Nam
17	26/02/2021	STN-005792	Ngoan Đồng - Đồng dao và các trò chơi dân gian Việt Nam
18	26/02/2021	STN-005793	Rahul Sighal - Nào mình cùng lau dọn nhà cửa
19	26/02/2021	STN-005794	Rahul Sighal - Làm anh thật dễ
20	26/02/2021	STN-005795	Rahul Sighal - Làm anh thật dễ
21	26/02/2021	STN-005796	Rahul Sighal - Sắp xếp nhà cửa thật là vui
22	26/02/2021	STN-005797	Rahul Sighal - Sắp xếp nhà cửa thật là vui
23	26/02/2021	STN-005798	Rahul Sighal - Làm bạn với thú cưng
24	26/02/2021	STN-005799	Rahul Sighal - Làm bạn với thú cưng
25	26/02/2021	STN-005800	Rahul Sighal - Làm bạn với thú cưng

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	20,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2020	100,000	ĐV21	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	100,000	ĐV21	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	100,000	ĐV21	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	85,000	ĐV21	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2020	100,000	ĐV21	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	85,000	ĐV21	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	85,000	ĐV21	4							
Thanh niên	HN	2019	82,000	ĐV19	4							
Thanh niên	HN	2019	82,000	ĐV19	4							
Văn học	HN	2019	40,000	ĐV19	4							
Văn học	HN	2018	40,000	ĐV19	4							
Dân Trí	HN	2020	42,000	ĐV19	4							
Dân Trí	HN	2020	42,000	ĐV19	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2021	STN-005801	Rahul Sighal - Cùng sơn nhà nào
2	26/02/2021	STN-005802	Rahul Sighal - Cùng sơn nhà nào
3	26/02/2021	STN-005803	Rahul Sighal - Cùng sơn nhà nào
4	26/02/2021	STN-005804	Rahul Sighal - Khéo tay trang trí
5	26/02/2021	STN-005805	Rahul Sighal - Khéo tay trang trí
6	26/02/2021	STN-005806	Rahul Sighal - Khéo tay trang trí
7	26/02/2021	STN-005807	Rahul Sighal - Vui trồng cây
8	26/02/2021	STN-005808	Rahul Sighal - Vui trồng cây
9	26/02/2021	STN-005809	Rahul Sighal - Vui trồng cây
10	26/02/2021	STN-005810	Rahul Sighal - Chuẩn bị đồ đạc khi đi du lịch
11	26/02/2021	STN-005811	Rahul Sighal - Chuẩn bị đồ đạc khi đi du lịch
12	26/02/2021	STN-005812	Rahul Sighal - Chuẩn bị đồ đạc khi đi du lịch
13	26/02/2021	STN-005813	Rahul Sighal - Vào bếp học nấu ăn
14	26/02/2021	STN-005814	Rahul Sighal - Vào bếp học nấu ăn
15	26/02/2021	STN-005815	Rahul Sighal - Vào bếp học nấu ăn
16	26/02/2021	STN-005816	Rahul Sighal - Trổ tài sửa chữa
17	26/02/2021	STN-005817	Rahul Sighal - Trổ tài sửa chữa
18	26/02/2021	STN-005818	Rahul Sighal - Trổ tài sửa chữa
19	26/02/2021	STN-005819	Shimizu Naoki - Bệnh tay chân miệng và bệnh liên cầu khuẩn là gì?
20	26/02/2021	STN-005820	Shimizu Naoki - Bệnh tay chân miệng và bệnh liên cầu khuẩn là gì?
21	26/02/2021	STN-005821	Shimizu Naoki - Tại sao con bị ngộ độc thức ăn?
22	26/02/2021	STN-005822	Shimizu Naoki - Tại sao con bị ngộ độc thức ăn?
23	26/02/2021	STN-005823	Shimizu Naoki - Dị ứng là gì?
24	26/02/2021	STN-005824	Shimizu Naoki - Dị ứng là gì?
25	26/02/2021	STN-005825	Shimizu Naoki - Tại sao con bị say nắng?

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Hồng Đức	HN	2019	32,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2021	STN-005826	Shimizu Naoki - Tại sao con bị say nắng?
2	26/02/2021	STN-005827	Shimizu Naoki - Tại sao con bị cảm và cúm?
3	26/02/2021	STN-005828	Shimizu Naoki - Tại sao con bị cảm và cúm?
4	26/02/2021	STN-005829	Mai Hương - Thành ngữ Việt Nam bằng tranh
5	26/02/2021	STN-005830	Mai Hương - Thành ngữ Việt Nam bằng tranh
6	26/02/2021	STN-005831	Trần Quang Đức - Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam
7	26/02/2021	STN-005832	Trần Quang Đức - Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam
8	26/02/2021	STN-005833	Christianne Jones - Chỉ cần chơi vui
9	26/02/2021	STN-005834	Christianne Jones - Chỉ cần chơi vui
10	26/02/2021	STN-005835	Beth Bracken - Nhớ cư xử lịch sự
11	26/02/2021	STN-005836	Beth Bracken - Nhớ cư xử lịch sự
12	26/02/2021	STN-005837	Christianne Jones - Giữ khoảng cách an toàn
13	26/02/2021	STN-005838	Christianne Jones - Giữ khoảng cách an toàn
14	26/02/2021	STN-005839	Betsy Parkinson - Không kén chọn đồ ăn
15	26/02/2021	STN-005840	Betsy Parkinson - Không kén chọn đồ ăn
16	26/02/2021	STN-005841	Christianne Jones - Đừng nói chuyện ồn ào
17	26/02/2021	STN-005842	Christianne Jones - Đừng nói chuyện ồn ào
18	26/02/2021	STN-005843	Christianne Jones - Dọn gọn gàng, ngăn nắp
19	26/02/2021	STN-005844	Christianne Jones - Dọn gọn gàng, ngăn nắp
20	26/02/2021	STN-005845	Beth Bracken - Chớ làm phiền người khác
21	26/02/2021	STN-005846	Beth Bracken - Chớ làm phiền người khác
22	26/02/2021	STN-005847	Kerren Barbas Steckler - Nào, ta cùng học vẽ…đại dương diệu kỳ!
23	26/02/2021	STN-005848	Kerren Barbas Steckler - Nào, ta cùng học vẽ…Các loài động vật!
24	26/02/2021	STN-005849	Kerren Barbas Steckler - Nào, ta cùng học vẽ…các loài khủng long!
25	26/02/2021	STN-005850	Kerren Barbas Steckler - Nào, ta cùng học vẽ…khu vườn hoa!

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	49,000	ĐN19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	69,000	ĐV21	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	69,000	ĐV21	4							
Hội nhà văn	HN	2019	60,000	ĐV21	4							
Hội nhà văn	HN	2019	60,000	ĐV21	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Hà Nội	HN	2019	55,000	ĐN19	4							
Hà Nội	HN	2019	55,000	ĐN19	4							
Hà Nội	HN	2019	55,000	ĐN19	4							
Hà Nội	HN	2019	55,000	ĐN19	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	26/02/2021	STN-005851	Kerren Barbas Steckler - Nào, ta cùng học vẽ…các loại phương tiện!
2	26/02/2021	STN-005852	Kerren Barbas Steckler - Nào, ta cùng học vẽ…vương quốc công chúa!
3	26/02/2021	STN-005853	Stefania Leonardi Hartley - Pinocchio
4	26/02/2021	STN-005854	Stefania Leonardi Hartley - Ba chú lợn con
5	26/02/2021	STN-005855	Stefania Leonardi Hartley - Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn
6	26/02/2021	STN-005856	Stefania Leonardi Hartley - Cô bé quàng khăn đỏ
7	26/02/2021	STN-005857	Stefania Leonardi Hartley - Alice lạc vào xứ sở thần tiên
8	26/02/2021	STN-005858	Stefania Leonardi Hartley - Peter Pan
9	26/02/2021	STN-005859	Stefania Leonardi Hartley - Người đẹp ngủ trong rừng
10	26/02/2021	STN-005860	Stefania Leonardi Hartley - Aladdin và cây đèn thần
11	26/02/2021	STN-005861	Cho Hyun-Min - Con được sinh ra như thế nào?
12	26/02/2021	STN-005862	Yoon Yeo-Reum - Cô bé đá bóng và cậu bé múa ba lê
13	26/02/2021	STN-005863	Kim Yeong-Ran - Phép lịch sự khi đi vệ sinh
14	26/02/2021	STN-005864	Lee Yo-Seon - Những trò đùa ác ý
15	26/02/2021	STN-005865	Seo Bo-Hyun - Mình đã lớn rồi
16	26/02/2021	STN-005866	Cho Eun-Seon - Nói "Không"
17	26/02/2021	STN-005867	Kim Hyeon-Jeong - Không phải lỗi của con
18	26/02/2021	STN-005868	Shin Yeon-Mi - Khác biệt giới tính
19	26/02/2021	STN-005869	Moon Ju-yeong - Luôn cảnh giác với người lạ
20	26/02/2021	STN-005870	Nguyễn Quốc Hùng - Cười và học tiếng Anh
21	26/02/2021	STN-005871	Nguyễn Quốc Hùng - Cười và học tiếng Anh
22	01/03/2021	STN-005872	Christianne Jones - Chỉ cần chơi vui
23	01/03/2021	STN-005873	Beth Bracken - Nhớ cư xử lịch sự
24	01/03/2021	STN-005874	Christianne Jones - Giữ khoảng cách an toàn
25	01/03/2021	STN-005875	Betsy Parkinson - Không kén chọn đồ ăn

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Hà Nội	HN	2019	55,000	ĐN19	4							
Hà Nội	HN	2019	55,000	ĐN19	4							
Mỹ thuật	HN	2018	65,000	ĐN17	4							
Mỹ thuật	HN	2019	65,000	ĐN17	4							
Mỹ thuật	HN	2019	65,000	ĐN17	4							
Mỹ thuật	HN	2020	65,000	ĐN17	4							
Mỹ thuật	HN	2020	65,000	ĐN17	4							
Mỹ thuật	HN	2019	65,000	ĐN17	4							
Mỹ thuật	HN	2020	65,000	ĐN17	4							
Mỹ thuật	HN	2020	65,000	ĐN17	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2018	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2019	50,000	ĐN18	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2020	35,000	ĐV19	4							
Phụ Nữ	TPHCM	2020	35,000	ĐV19	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/03/2021	STN-005876	Christianne Jones - Đừng nói chuyện ồn ào
2	01/03/2021	STN-005877	Christianne Jones - Dọn gọn gàng, ngăn nắp
3	01/03/2021	STN-005878	Beth Bracken - Chớ làm phiền người khác
4	01/03/2021	STN-005879	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 1
5	01/03/2021	STN-005880	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 1
6	01/03/2021	STN-005881	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 3
7	01/03/2021	STN-005882	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 3
8	01/03/2021	STN-005883	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 4
9	01/03/2021	STN-005884	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 4
10	01/03/2021	STN-005885	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 5
11	01/03/2021	STN-005886	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 5
12	01/03/2021	STN-005887	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 7
13	01/03/2021	STN-005888	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 7
14	01/03/2021	STN-005889	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 11
15	01/03/2021	STN-005890	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 11
16	01/03/2021	STN-005891	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 12
17	01/03/2021	STN-005892	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 12
18	01/03/2021	STN-005893	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 14
19	01/03/2021	STN-005894	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 14
20	01/03/2021	STN-005895	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 15
21	01/03/2021	STN-005896	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 15
22	01/03/2021	STN-005897	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 16
23	01/03/2021	STN-005898	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 16
24	01/03/2021	STN-005899	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 17
25	01/03/2021	STN-005900	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 17

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Giáo dục	HN	2020	28,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/03/2021	STN-005901	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 18
2	01/03/2021	STN-005902	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 18
3	01/03/2021	STN-005903	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 19
4	01/03/2021	STN-005904	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 19
5	01/03/2021	STN-005905	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 20
6	01/03/2021	STN-005906	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 20
7	01/03/2021	STN-005907	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 21
8	01/03/2021	STN-005908	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 21
9	01/03/2021	STN-005909	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 22
10	01/03/2021	STN-005910	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 22
11	01/03/2021	STN-005911	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 23
12	01/03/2021	STN-005912	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 23
13	01/03/2021	STN-005913	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 24
14	01/03/2021	STN-005914	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 24
15	01/03/2021	STN-005915	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 25
16	01/03/2021	STN-005916	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 25
17	01/03/2021	STN-005917	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 27
18	01/03/2021	STN-005918	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 27
19	01/03/2021	STN-005919	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 28
20	01/03/2021	STN-005920	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 28
21	01/03/2021	STN-005921	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 29
22	01/03/2021	STN-005922	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 29
23	01/03/2021	STN-005923	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 30
24	01/03/2021	STN-005924	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 30
25	01/03/2021	STN-005925	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 31

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2019	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/03/2021	STN-005926	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 31
2	01/03/2021	STN-005927	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 32
3	01/03/2021	STN-005928	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 32
4	01/03/2021	STN-005929	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 33
5	01/03/2021	STN-005930	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 33
6	01/03/2021	STN-005931	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 34
7	01/03/2021	STN-005932	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 34
8	01/03/2021	STN-005933	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 35
9	01/03/2021	STN-005934	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 35
10	01/03/2021	STN-005935	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 36
11	01/03/2021	STN-005936	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 36
12	01/03/2021	STN-005937	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 37
13	01/03/2021	STN-005938	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 37
14	01/03/2021	STN-005939	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 38
15	01/03/2021	STN-005940	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 38
16	01/03/2021	STN-005941	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 39
17	01/03/2021	STN-005942	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 39
18	01/03/2021	STN-005943	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 41
19	01/03/2021	STN-005944	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 41
20	01/03/2021	STN-005945	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 42
21	01/03/2021	STN-005946	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 42
22	01/03/2021	STN-005947	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 45
23	01/03/2021	STN-005948	Fujiko F Fujio - Đoraemon tập 45
24	20/03/2021	STN-005949	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
25	20/03/2021	STN-005950	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Kim Đồng	HN	2020	18,000	ĐN18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/03/2021	STN-005951	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
2	20/03/2021	STN-005952	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
3	20/03/2021	STN-005953	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
4	20/03/2021	STN-005954	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
5	20/03/2021	STN-005955	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
6	20/03/2021	STN-005956	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
7	20/03/2021	STN-005957	Nhiều tác giả - Cô bé Quàng Khăn Đỏ
8	20/03/2021	STN-005958	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
9	20/03/2021	STN-005959	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
10	20/03/2021	STN-005960	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
11	20/03/2021	STN-005961	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
12	20/03/2021	STN-005962	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
13	20/03/2021	STN-005963	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
14	20/03/2021	STN-005964	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
15	20/03/2021	STN-005965	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
16	20/03/2021	STN-005966	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
17	20/03/2021	STN-005967	Thanh Tâm - Chiếc đũa thần
18	20/03/2021	STN-005968	Thanh Tâm - Họa sĩ Ốc sên
19	20/03/2021	STN-005969	Thanh Tâm - Họa sĩ Ốc sên
20	20/03/2021	STN-005970	Thanh Tâm - Họa sĩ Ốc sên
21	20/03/2021	STN-005971	Thanh Tâm - Họa sĩ Ốc sên
22	20/03/2021	STN-005972	Thanh Tâm - Họa sĩ Ốc sên
23	20/03/2021	STN-005973	Thanh Tâm - Họa sĩ Ốc sên
24	20/03/2021	STN-005974	Tú Anh - Tấm Cám
25	20/03/2021	STN-005975	Tú Anh - Tấm Cám

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2020	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Trẻ	TPHCM	2019	10,000	ĐV18	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/03/2021	STN-005976	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
2	20/03/2021	STN-005977	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
3	20/03/2021	STN-005978	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
4	20/03/2021	STN-005979	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
5	20/03/2021	STN-005980	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
6	20/03/2021	STN-005981	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
7	20/03/2021	STN-005982	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
8	20/03/2021	STN-005983	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
9	20/03/2021	STN-005984	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
10	20/03/2021	STN-005985	An Nam - Sự tích quả dưa hấu
11	20/03/2021	STN-005986	Nguyên Anh - Sọ Dừa
12	20/03/2021	STN-005987	Nguyên Anh - Sọ Dừa
13	20/03/2021	STN-005988	Nguyên Anh - Sọ Dừa
14	20/03/2021	STN-005989	Nguyên Anh - Sọ Dừa
15	20/03/2021	STN-005990	Nguyên Anh - Sọ Dừa
16	20/03/2021	STN-005991	Nguyên Anh - Sọ Dừa
17	20/03/2021	STN-005992	Nguyên Anh - Sọ Dừa
18	20/03/2021	STN-005993	Thanh Phương - Sự tích chim tu hú
19	20/03/2021	STN-005994	Thanh Phương - Sự tích chim tu hú
20	20/03/2021	STN-005995	Thanh Phương - Sự tích chim tu hú
21	20/03/2021	STN-005996	Thanh Phương - Sự tích chim tu hú
22	20/03/2021	STN-005997	Thanh Phương - Sự tích chim tu hú
23	20/03/2021	STN-005998	Thanh Phương - Sự tích chim tu hú
24	20/03/2021	STN-005999	Thanh Phương - Sự tích chim tu hú
25	20/03/2021	STN-006000	An Thy - Sự tích trầu cau

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/03/2021	STN-006001	An Thy - Sự tích trầu cau
2	20/03/2021	STN-006002	An Thy - Sự tích trầu cau
3	20/03/2021	STN-006003	An Thy - Sự tích trầu cau
4	20/03/2021	STN-006004	An Thy - Sự tích trầu cau
5	20/03/2021	STN-006005	An Thy - Sự tích trầu cau
6	20/03/2021	STN-006006	An Thy - Sự tích trầu cau
7	20/03/2021	STN-006007	Thanh Nga - Sự tích cây vú sữa
8	20/03/2021	STN-006008	Thanh Nga - Sự tích cây vú sữa
9	20/03/2021	STN-006009	Thanh Nga - Sự tích cây vú sữa
10	20/03/2021	STN-006010	Thanh Phương - Sự tích con thiêu thân
11	20/03/2021	STN-006011	Thanh Phương - Sự tích con thiêu thân
12	20/03/2021	STN-006012	Thanh Phương - Sự tích con thiêu thân
13	20/03/2021	STN-006013	Thanh Phương - Sự tích con thiêu thân
14	20/03/2021	STN-006014	Thanh Phương - Sự tích con thiêu thân
15	20/03/2021	STN-006015	Thanh Phương - Sự tích con thiêu thân
16	20/03/2021	STN-006016	Thanh Phương - Sự tích con thiêu thân
17	20/03/2021	STN-006017	Tú Anh - Ai mua hành tôi
18	20/03/2021	STN-006018	Tú Anh - Ai mua hành tôi
19	20/03/2021	STN-006019	Tú Anh - Ai mua hành tôi
20	20/03/2021	STN-006020	Tú Anh - Ai mua hành tôi
21	20/03/2021	STN-006021	Tú Anh - Ai mua hành tôi
22	20/03/2021	STN-006022	Tú Anh - Ai mua hành tôi
23	20/03/2021	STN-006023	Tú Anh - Ai mua hành tôi
24	20/03/2021	STN-006024	Tú Anh - Ai mua hành tôi
25	20/03/2021	STN-006025	Tú Anh - Ai mua hành tôi

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/03/2021	STN-006026	An Thy - Cây tre trăm đốt
2	20/03/2021	STN-006027	An Thy - Cây tre trăm đốt
3	20/03/2021	STN-006028	An Thy - Cây tre trăm đốt
4	20/03/2021	STN-006029	An Thy - Cây tre trăm đốt
5	20/03/2021	STN-006030	An Thy - Cây tre trăm đốt
6	20/03/2021	STN-006031	An Thy - Cây tre trăm đốt
7	20/03/2021	STN-006032	An Thy - Cây tre trăm đốt
8	20/03/2021	STN-006033	An Thy - Cây tre trăm đốt
9	20/03/2021	STN-006034	Thanh Nga - Sự tích bông sen
10	20/03/2021	STN-006035	Thanh Nga - Sự tích bông sen
11	20/03/2021	STN-006036	Thanh Nga - Sự tích bông sen
12	20/03/2021	STN-006037	Thanh Nga - Sự tích bông sen
13	20/03/2021	STN-006038	Thanh Nga - Sự tích bông sen
14	20/03/2021	STN-006039	Thanh Nga - Sự tích bông sen
15	20/03/2021	STN-006040	Thanh Nga - Sự tích bông sen
16	20/03/2021	STN-006041	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
17	20/03/2021	STN-006042	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
18	20/03/2021	STN-006043	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
19	20/03/2021	STN-006044	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
20	20/03/2021	STN-006045	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
21	20/03/2021	STN-006046	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
22	20/03/2021	STN-006047	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
23	20/03/2021	STN-006048	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
24	20/03/2021	STN-006049	An Thy - Sự tích Hồ Gươm
25	20/03/2021	STN-006050	An Thy - Sự tích Hồ Gươm

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/03/2021	STN-006051	An Thy - Thánh Gióng
2	20/03/2021	STN-006052	An Thy - Thánh Gióng
3	20/03/2021	STN-006053	An Thy - Thánh Gióng
4	20/03/2021	STN-006054	An Thy - Thánh Gióng
5	20/03/2021	STN-006055	An Thy - Thánh Gióng
6	20/03/2021	STN-006056	An Nam - Cóc kiện trời
7	20/03/2021	STN-006057	An Nam - Cóc kiện trời
8	20/03/2021	STN-006058	An Nam - Cóc kiện trời
9	20/03/2021	STN-006059	An Nam - Cóc kiện trời
10	20/03/2021	STN-006060	An Nam - Cóc kiện trời
11	20/03/2021	STN-006061	An Nam - Cóc kiện trời
12	20/03/2021	STN-006062	An Nam - Cóc kiện trời
13	20/03/2021	STN-006063	An Nam - Cóc kiện trời
14	20/03/2021	STN-006064	Thanh Nga - Sự tích cây nêu
15	20/03/2021	STN-006065	Thanh Nga - Sự tích cây nêu
16	20/03/2021	STN-006066	Thanh Nga - Sự tích cây nêu
17	20/03/2021	STN-006067	Thanh Nga - Sự tích cây nêu
18	20/03/2021	STN-006068	Tú Anh - Sự tích bánh chưng bánh giầy
19	20/03/2021	STN-006069	Tú Anh - Sự tích bánh chưng bánh giầy
20	20/03/2021	STN-006070	Tú Anh - Sự tích bánh chưng bánh giầy
21	20/03/2021	STN-006071	Tú Anh - Sự tích bánh chưng bánh giầy
22	20/03/2021	STN-006072	Tú Anh - Sự tích bánh chưng bánh giầy
23	20/03/2021	STN-006073	Tú Anh - Sự tích bánh chưng bánh giầy
24	20/03/2021	STN-006074	Hồng Nhung - Cây khế
25	20/03/2021	STN-006075	Hồng Nhung - Cây khế

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/03/2021	STN-006076	Hồng Nhung - Cây khế
2	20/03/2021	STN-006077	Hồng Nhung - Cây khế
3	20/03/2021	STN-006078	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
4	20/03/2021	STN-006079	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
5	20/03/2021	STN-006080	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
6	20/03/2021	STN-006081	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
7	20/03/2021	STN-006082	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
8	20/03/2021	STN-006083	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
9	20/03/2021	STN-006084	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
10	20/03/2021	STN-006085	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
11	20/03/2021	STN-006086	Thanh Phương - Sự tích con dã tràng
12	20/03/2021	STN-006087	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
13	20/03/2021	STN-006088	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
14	20/03/2021	STN-006089	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
15	20/03/2021	STN-006090	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
16	20/03/2021	STN-006091	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
17	20/03/2021	STN-006092	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
18	20/03/2021	STN-006093	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
19	20/03/2021	STN-006094	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
20	20/03/2021	STN-006095	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
21	20/03/2021	STN-006096	Thanh Nga - Sự tích cây kim giao
22	20/03/2021	STN-006097	Tú Anh - Sơn Tinh và Thủy Tinh
23	20/03/2021	STN-006098	Tú Anh - Sơn Tinh và Thủy Tinh
24	20/03/2021	STN-006099	Tú Anh - Sơn Tinh và Thủy Tinh
25	20/03/2021	STN-006100	Tú Anh - Sơn Tinh và Thủy Tinh

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	20/03/2021	STN-006101	Tú Anh - Sơn Tinh và Thủy Tinh
2	20/03/2021	STN-006102	Tú Anh - Sơn Tinh và Thủy Tinh
3	20/03/2021	STN-006103	Tú Anh - Sơn Tinh và Thủy Tinh
4	20/03/2021	STN-006104	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
5	20/03/2021	STN-006105	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
6	20/03/2021	STN-006106	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
7	20/03/2021	STN-006107	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
8	20/03/2021	STN-006108	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
9	20/03/2021	STN-006109	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
10	20/03/2021	STN-006110	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
11	20/03/2021	STN-006111	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
12	20/03/2021	STN-006112	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
13	20/03/2021	STN-006113	Thanh Nga - Sự tích trái sầu riêng
14	01/11/2021	SNV-001355	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
15	01/11/2021	SNV-001356	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
16	01/11/2021	SNV-001357	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
17	01/11/2021	SNV-001358	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
18	01/11/2021	SNV-001359	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
19	01/11/2021	SNV-001360	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
20	01/11/2021	SNV-001361	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
21	01/11/2021	SNV-001362	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
22	01/11/2021	SNV-001363	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
23	01/11/2021	SNV-001364	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
24	01/11/2021	SNV-001365	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
25	01/11/2021	SNV-001366	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Thanh niên	HN	2020	15,000	ĐV17	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/11/2021	SNV-001367	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
2	01/11/2021	SNV-001368	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
3	01/11/2021	SNV-001369	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
4	01/11/2021	SNV-001370	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
5	01/11/2021	SNV-001371	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
6	01/11/2021	SNV-001372	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
7	01/11/2021	SNV-001373	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
8	01/11/2021	SNV-001374	Trần Thanh Bình - Kế hoạch bài dạy môn Đạo đức 2
9	01/11/2021	SNV-001375	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
10	01/11/2021	SNV-001376	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
11	01/11/2021	SNV-001377	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
12	01/11/2021	SNV-001378	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
13	01/11/2021	SNV-001379	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
14	01/11/2021	SNV-001380	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
15	01/11/2021	SNV-001381	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
16	01/11/2021	SNV-001382	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
17	01/11/2021	SNV-001383	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
18	01/11/2021	SNV-001384	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
19	01/11/2021	SNV-001385	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
20	01/11/2021	SNV-001386	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
21	01/11/2021	SNV-001387	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
22	01/11/2021	SNV-001388	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
23	01/11/2021	SNV-001389	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
24	01/11/2021	SNV-001390	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
25	01/11/2021	SNV-001391	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	94,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/11/2021	SNV-001392	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
2	01/11/2021	SNV-001393	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
3	01/11/2021	SNV-001394	Hồ Ngọc Khải - Kế hoạch bài dạy môn Âm nhạc 2
4	01/11/2021	SNV-001395	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
5	01/11/2021	SNV-001396	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
6	01/11/2021	SNV-001397	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
7	01/11/2021	SNV-001398	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
8	01/11/2021	SNV-001399	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
9	01/11/2021	SNV-001400	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
10	01/11/2021	SNV-001401	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
11	01/11/2021	SNV-001402	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
12	01/11/2021	SNV-001403	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
13	01/11/2021	SNV-001404	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
14	01/11/2021	SNV-001405	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
15	01/11/2021	SNV-001406	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
16	01/11/2021	SNV-001407	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
17	01/11/2021	SNV-001408	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
18	01/11/2021	SNV-001409	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
19	01/11/2021	SNV-001410	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
20	01/11/2021	SNV-001411	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
21	01/11/2021	SNV-001412	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
22	01/11/2021	SNV-001413	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
23	01/11/2021	SNV-001414	Đinh Thị Xuân Dung - Kế hoạch bài dạy môn Toán 2
24	01/11/2021	SNV-001415	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
25	01/11/2021	SNV-001416	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	44,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	155,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/11/2021	SNV-001417	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
2	01/11/2021	SNV-001418	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
3	01/11/2021	SNV-001419	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
4	01/11/2021	SNV-001420	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
5	01/11/2021	SNV-001421	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
6	01/11/2021	SNV-001422	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
7	01/11/2021	SNV-001423	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
8	01/11/2021	SNV-001424	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
9	01/11/2021	SNV-001425	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
10	01/11/2021	SNV-001426	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
11	01/11/2021	SNV-001427	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
12	01/11/2021	SNV-001428	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
13	01/11/2021	SNV-001429	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
14	01/11/2021	SNV-001430	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
15	01/11/2021	SNV-001431	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
16	01/11/2021	SNV-001432	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
17	01/11/2021	SNV-001433	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
18	01/11/2021	SNV-001434	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/1
19	01/11/2021	SNV-001435	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
20	01/11/2021	SNV-001436	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
21	01/11/2021	SNV-001437	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
22	01/11/2021	SNV-001438	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
23	01/11/2021	SNV-001439	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
24	01/11/2021	SNV-001440	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
25	01/11/2021	SNV-001441	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	138,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/11/2021	SNV-001442	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
2	01/11/2021	SNV-001443	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
3	01/11/2021	SNV-001444	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
4	01/11/2021	SNV-001445	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
5	01/11/2021	SNV-001446	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
6	01/11/2021	SNV-001447	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
7	01/11/2021	SNV-001448	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
8	01/11/2021	SNV-001449	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
9	01/11/2021	SNV-001450	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
10	01/11/2021	SNV-001451	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
11	01/11/2021	SNV-001452	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
12	01/11/2021	SNV-001453	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
13	01/11/2021	SNV-001454	Phan Như Hà - Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt 2/2
14	01/11/2021	SNV-001455	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
15	01/11/2021	SNV-001456	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
16	01/11/2021	SNV-001457	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
17	01/11/2021	SNV-001458	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
18	01/11/2021	SNV-001459	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
19	01/11/2021	SNV-001460	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
20	01/11/2021	SNV-001461	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
21	01/11/2021	SNV-001462	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
22	01/11/2021	SNV-001463	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
23	01/11/2021	SNV-001464	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
24	01/11/2021	SNV-001465	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
25	01/11/2021	SNV-001466	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	132,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	01/11/2021	SNV-001467	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
2	01/11/2021	SNV-001468	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
3	01/11/2021	SNV-001469	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
4	01/11/2021	SNV-001470	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
5	01/11/2021	SNV-001471	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
6	01/11/2021	SNV-001472	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
7	01/11/2021	SNV-001473	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
8	01/11/2021	SNV-001474	Nguyễn Thị Thu Hằng - Kế hoạch bài dạy môn Tự nhiên xã hội 2
9	02/11/2021	SGK-001340	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001341	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001342	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001343	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001344	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001345	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001346	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001347	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001348	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001349	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001350	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001351	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001352	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001353	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001354	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001355	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001356	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001357	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001358	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
3	02/11/2021	SGK-001359	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
4	02/11/2021	SGK-001360	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
5	02/11/2021	SGK-001361	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
6	02/11/2021	SGK-001362	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
7	02/11/2021	SGK-001363	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
8	02/11/2021	SGK-001364	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
9	02/11/2021	SGK-001365	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001366	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001367	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001368	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001369	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001370	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001371	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001372	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001373	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001374	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001375	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001376	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001377	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001378	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001379	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001380	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001381	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	25,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001382	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001383	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
3	02/11/2021	SGK-001384	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
4	02/11/2021	SGK-001385	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
5	02/11/2021	SGK-001386	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
6	02/11/2021	SGK-001387	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
7	02/11/2021	SGK-001388	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
8	02/11/2021	SGK-001389	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
9	02/11/2021	SGK-001390	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001391	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001392	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001393	Trần Nam Dũng - Toán 2/1 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001394	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001395	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001396	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001397	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001398	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001399	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001400	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001401	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001402	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001403	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001404	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001405	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001406	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001407	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001408	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
3	02/11/2021	SGK-001409	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
4	02/11/2021	SGK-001410	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
5	02/11/2021	SGK-001411	Trần Nam Dũng - Toán 2/2 (SGK-CTST)
6	02/11/2021	SGK-001412	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
7	02/11/2021	SGK-001413	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
8	02/11/2021	SGK-001414	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
9	02/11/2021	SGK-001415	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001416	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001417	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001418	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001419	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001420	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001421	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001422	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001423	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001424	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001425	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001426	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001427	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001428	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001429	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001430	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001431	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	19,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001432	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001433	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
3	02/11/2021	SGK-001434	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
4	02/11/2021	SGK-001435	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
5	02/11/2021	SGK-001436	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
6	02/11/2021	SGK-001437	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
7	02/11/2021	SGK-001438	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
8	02/11/2021	SGK-001439	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
9	02/11/2021	SGK-001440	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001441	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001442	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001443	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001444	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001445	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001446	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001447	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001448	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001449	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001450	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001451	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001452	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001453	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001454	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001455	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001456	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001457	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001458	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
3	02/11/2021	SGK-001459	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
4	02/11/2021	SGK-001460	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
5	02/11/2021	SGK-001461	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
6	02/11/2021	SGK-001462	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
7	02/11/2021	SGK-001463	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
8	02/11/2021	SGK-001464	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
9	02/11/2021	SGK-001465	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001466	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001467	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001468	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001469	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001470	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001471	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001472	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001473	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001474	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001475	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001476	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001477	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001478	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001479	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001480	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001481	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001482	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001483	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGK-CTST)
3	02/11/2021	SGK-001484	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
4	02/11/2021	SGK-001485	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
5	02/11/2021	SGK-001486	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
6	02/11/2021	SGK-001487	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
7	02/11/2021	SGK-001488	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
8	02/11/2021	SGK-001489	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
9	02/11/2021	SGK-001490	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001491	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001492	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001493	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001494	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001495	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001496	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001497	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001498	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001499	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001500	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001501	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001502	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001503	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001504	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001505	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001506	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001507	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001508	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
3	02/11/2021	SGK-001509	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
4	02/11/2021	SGK-001510	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
5	02/11/2021	SGK-001511	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
6	02/11/2021	SGK-001512	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
7	02/11/2021	SGK-001513	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
8	02/11/2021	SGK-001514	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
9	02/11/2021	SGK-001515	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001516	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001517	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001518	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001519	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001520	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001521	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001522	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001523	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001524	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001525	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001526	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001527	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001528	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001529	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001530	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001531	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001532	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001533	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001534	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001535	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001536	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001537	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001538	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001539	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/1 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001540	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001541	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001542	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001543	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001544	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001545	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001546	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001547	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001548	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001549	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001550	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001551	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001552	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001553	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001554	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001555	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001556	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001557	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001558	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001559	Nguyễn Thị Ly Kha - Vở bài tập Tiếng Việt 2/2 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001560	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001561	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001562	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001563	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001564	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001565	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001566	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001567	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001568	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001569	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001570	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001571	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001572	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001573	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001574	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001575	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001576	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001577	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001578	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001579	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/1 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001580	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001581	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001582	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001583	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001584	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001585	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001586	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001587	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001588	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001589	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001590	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001591	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001592	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001593	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001594	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001595	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001596	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001597	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001598	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001599	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 2/2 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001600	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001601	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001602	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001603	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001604	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001605	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001606	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	18,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001607	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001608	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001609	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001610	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001611	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001612	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001613	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001614	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001615	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001616	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001617	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001618	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001619	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/1 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001620	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001621	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001622	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001623	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001624	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001625	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001626	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001627	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001628	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001629	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001630	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001631	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001632	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001633	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001634	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001635	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001636	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001637	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001638	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001639	Nguyễn Thị Ly Kha - Tập viết 2/2 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001640	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001641	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001642	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001643	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001644	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001645	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001646	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001647	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001648	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001649	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001650	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001651	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001652	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001653	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001654	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001655	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001656	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	6,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001657	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001658	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001659	Trần Thanh Bình - Vở bài tập Đạo đức 2 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001660	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001661	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001662	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001663	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001664	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001665	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001666	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001667	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001668	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001669	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001670	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001671	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001672	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001673	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001674	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001675	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001676	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001677	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001678	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001679	Nguyễn Thị Nhung - Vở bài tập Mĩ thuật 2 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001680	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001681	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	371.011(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	75(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001682	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001683	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001684	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001685	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001686	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001687	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001688	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001689	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001690	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001691	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001692	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001693	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001694	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001695	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001696	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001697	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001698	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001699	Hồ Ngọc Khải - Vở bài tập Âm nhạc 2 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001700	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001701	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001702	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001703	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001704	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001705	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001706	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	78(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001707	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001708	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001709	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001710	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001711	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001712	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001713	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001714	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001715	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001716	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001717	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001718	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001719	Phó Đức Hòa - Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2 (CTST)
14	02/11/2021	SGK-001720	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
15	02/11/2021	SGK-001721	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
16	02/11/2021	SGK-001722	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
17	02/11/2021	SGK-001723	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
18	02/11/2021	SGK-001724	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
19	02/11/2021	SGK-001725	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
20	02/11/2021	SGK-001726	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
21	02/11/2021	SGK-001727	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
22	02/11/2021	SGK-001728	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
23	02/11/2021	SGK-001729	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
24	02/11/2021	SGK-001730	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
25	02/11/2021	SGK-001731	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	11,000	37(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001732	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
2	02/11/2021	SGK-001733	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001734	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001735	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001736	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001737	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001738	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001739	Đỗ Xuân Hội - Vở bài tập Tự nhiên xã hội 2 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001740	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
10	02/11/2021	SGK-001741	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGK-CTST)
11	02/11/2021	SGK-001742	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
12	02/11/2021	SGK-001743	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGK-CTST)
13	02/11/2021	SGK-001744	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
14	02/11/2021	SGK-001745	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGK-CTST)
15	02/11/2021	SGK-001746	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
16	02/11/2021	SGK-001747	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGK-CTST)
17	02/11/2021	SGK-001748	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
18	02/11/2021	SGK-001749	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGK-CTST)
19	02/11/2021	SGK-001750	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
20	02/11/2021	SGK-001751	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGK-CTST)
21	02/11/2021	SGK-001752	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
22	02/11/2021	SGK-001753	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGK-CTST)
23	02/11/2021	SGK-001754	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
24	02/11/2021	SGK-001755	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGK-CTST)
25	02/11/2021	SGK-001756	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	5(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	78(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	75(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	13,000	371.011(075)	4							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2020	16,000	7A(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	37(075)	4							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2020	33,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	31,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	31,000	4(V)(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	51(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	24,000	5(075)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SGK-001757	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGK-CTST)
2	02/11/2021	SGK-001758	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
3	02/11/2021	SGK-001759	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/1 (CTST)
4	02/11/2021	SGK-001760	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
5	02/11/2021	SGK-001761	Bùi Mạnh Hùng - Tập viết 1/2 (CTST)
6	02/11/2021	SGK-001762	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
7	02/11/2021	SGK-001763	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/1 (CTST)
8	02/11/2021	SGK-001764	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
9	02/11/2021	SGK-001765	Bùi Mạnh Hùng - Vở bài tập Tiếng Việt 1/2 (CTST)
10	02/11/2021	SGK-001766	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
11	02/11/2021	SGK-001767	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/1 (CTST)
12	02/11/2021	SGK-001768	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
13	02/11/2021	SGK-001769	Trần Nam Dũng - Vở bài tập Toán 1/2 (CTST)
14	02/11/2021	SNV-001475	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001476	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001477	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001478	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001479	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
19	02/11/2021	SNV-001480	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
20	02/11/2021	SNV-001481	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
21	02/11/2021	SNV-001482	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
22	02/11/2021	SNV-001483	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
23	02/11/2021	SNV-001484	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
24	02/11/2021	SNV-001485	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
25	02/11/2021	SNV-001486	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	24,000	5(075)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	9,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	7,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	7,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	12,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	4(V)(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	16,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	15,000	51(076)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SNV-001487	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
2	02/11/2021	SNV-001488	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
3	02/11/2021	SNV-001489	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
4	02/11/2021	SNV-001490	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
5	02/11/2021	SNV-001491	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
6	02/11/2021	SNV-001492	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
7	02/11/2021	SNV-001493	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
8	02/11/2021	SNV-001494	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/1 (SGV-CTST)
9	02/11/2021	SNV-001495	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
10	02/11/2021	SNV-001496	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
11	02/11/2021	SNV-001497	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
12	02/11/2021	SNV-001498	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
13	02/11/2021	SNV-001499	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
14	02/11/2021	SNV-001500	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001501	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001502	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001503	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001504	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
19	02/11/2021	SNV-001505	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
20	02/11/2021	SNV-001506	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
21	02/11/2021	SNV-001507	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
22	02/11/2021	SNV-001508	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
23	02/11/2021	SNV-001509	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
24	02/11/2021	SNV-001510	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
25	02/11/2021	SNV-001511	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	57,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SNV-001512	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
2	02/11/2021	SNV-001513	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
3	02/11/2021	SNV-001514	Nguyễn Thị Ly Kha - Tiếng Việt 2/2 (SGV-CTST)
4	02/11/2021	SNV-001515	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
5	02/11/2021	SNV-001516	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
6	02/11/2021	SNV-001517	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
7	02/11/2021	SNV-001518	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
8	02/11/2021	SNV-001519	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
9	02/11/2021	SNV-001520	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
10	02/11/2021	SNV-001521	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
11	02/11/2021	SNV-001522	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
12	02/11/2021	SNV-001523	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
13	02/11/2021	SNV-001524	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
14	02/11/2021	SNV-001525	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001526	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001527	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001528	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001529	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
19	02/11/2021	SNV-001530	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
20	02/11/2021	SNV-001531	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
21	02/11/2021	SNV-001532	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
22	02/11/2021	SNV-001533	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
23	02/11/2021	SNV-001534	Trần Nam Dũng - Toán 2 (SGV-CTST)
24	02/11/2021	SNV-001535	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
25	02/11/2021	SNV-001536	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	48,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	62,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SNV-001537	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
2	02/11/2021	SNV-001538	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
3	02/11/2021	SNV-001539	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
4	02/11/2021	SNV-001540	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
5	02/11/2021	SNV-001541	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
6	02/11/2021	SNV-001542	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
7	02/11/2021	SNV-001543	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
8	02/11/2021	SNV-001544	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
9	02/11/2021	SNV-001545	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
10	02/11/2021	SNV-001546	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
11	02/11/2021	SNV-001547	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
12	02/11/2021	SNV-001548	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
13	02/11/2021	SNV-001549	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
14	02/11/2021	SNV-001550	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001551	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001552	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001553	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001554	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 2 (SGV-CTST)
19	02/11/2021	SNV-001555	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
20	02/11/2021	SNV-001556	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
21	02/11/2021	SNV-001557	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
22	02/11/2021	SNV-001558	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
23	02/11/2021	SNV-001559	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
24	02/11/2021	SNV-001560	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
25	02/11/2021	SNV-001561	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	28,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SNV-001562	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
2	02/11/2021	SNV-001563	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
3	02/11/2021	SNV-001564	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
4	02/11/2021	SNV-001565	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
5	02/11/2021	SNV-001566	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
6	02/11/2021	SNV-001567	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
7	02/11/2021	SNV-001568	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
8	02/11/2021	SNV-001569	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
9	02/11/2021	SNV-001570	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
10	02/11/2021	SNV-001571	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
11	02/11/2021	SNV-001572	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
12	02/11/2021	SNV-001573	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
13	02/11/2021	SNV-001574	Trần Thanh Bình - Đạo đức 2 (SGV-CTST)
14	02/11/2021	SNV-001575	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001576	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001577	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001578	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001579	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
19	02/11/2021	SNV-001580	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
20	02/11/2021	SNV-001581	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
21	02/11/2021	SNV-001582	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
22	02/11/2021	SNV-001583	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
23	02/11/2021	SNV-001584	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
24	02/11/2021	SNV-001585	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
25	02/11/2021	SNV-001586	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SNV-001587	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
2	02/11/2021	SNV-001588	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
3	02/11/2021	SNV-001589	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
4	02/11/2021	SNV-001590	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
5	02/11/2021	SNV-001591	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
6	02/11/2021	SNV-001592	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
7	02/11/2021	SNV-001593	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
8	02/11/2021	SNV-001594	Nguyễn Thị Nhung - Mĩ thuật 2 (SGV-CTST)
9	02/11/2021	SNV-001595	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
10	02/11/2021	SNV-001596	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
11	02/11/2021	SNV-001597	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
12	02/11/2021	SNV-001598	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
13	02/11/2021	SNV-001599	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
14	02/11/2021	SNV-001600	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001601	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001602	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001603	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001604	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
19	02/11/2021	SNV-001605	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
20	02/11/2021	SNV-001606	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
21	02/11/2021	SNV-001607	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
22	02/11/2021	SNV-001608	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
23	02/11/2021	SNV-001609	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
24	02/11/2021	SNV-001610	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
25	02/11/2021	SNV-001611	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	22,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SNV-001612	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
2	02/11/2021	SNV-001613	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
3	02/11/2021	SNV-001614	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 2 (SGV-CTST)
4	02/11/2021	SNV-001615	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
5	02/11/2021	SNV-001616	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
6	02/11/2021	SNV-001617	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
7	02/11/2021	SNV-001618	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
8	02/11/2021	SNV-001619	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
9	02/11/2021	SNV-001620	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
10	02/11/2021	SNV-001621	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
11	02/11/2021	SNV-001622	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
12	02/11/2021	SNV-001623	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
13	02/11/2021	SNV-001624	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
14	02/11/2021	SNV-001625	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001626	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001627	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001628	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001629	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
19	02/11/2021	SNV-001630	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
20	02/11/2021	SNV-001631	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
21	02/11/2021	SNV-001632	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
22	02/11/2021	SNV-001633	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
23	02/11/2021	SNV-001634	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 2 (SGV-CTST)
24	02/11/2021	SNV-001635	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
25	02/11/2021	SNV-001636	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	17,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	29,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	02/11/2021	SNV-001637	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
2	02/11/2021	SNV-001638	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
3	02/11/2021	SNV-001639	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
4	02/11/2021	SNV-001640	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
5	02/11/2021	SNV-001641	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
6	02/11/2021	SNV-001642	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
7	02/11/2021	SNV-001643	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
8	02/11/2021	SNV-001644	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
9	02/11/2021	SNV-001645	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
10	02/11/2021	SNV-001646	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
11	02/11/2021	SNV-001647	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
12	02/11/2021	SNV-001648	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
13	02/11/2021	SNV-001649	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
14	02/11/2021	SNV-001650	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
15	02/11/2021	SNV-001651	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
16	02/11/2021	SNV-001652	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
17	02/11/2021	SNV-001653	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
18	02/11/2021	SNV-001654	Phó Đức Hòa - Hoạt động trải nghiệm 2 (SGV-CTST)
19	08/11/2021	SNV-001655	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
20	08/11/2021	SNV-001656	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
21	08/11/2021	SNV-001657	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
22	08/11/2021	SNV-001658	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
23	08/11/2021	SNV-001659	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
24	08/11/2021	SNV-001660	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
25	08/11/2021	SNV-001661	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	40,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	08/11/2021	SNV-001662	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
2	08/11/2021	SNV-001663	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
3	08/11/2021	SNV-001664	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
4	08/11/2021	SNV-001665	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
5	08/11/2021	SNV-001666	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
6	08/11/2021	SNV-001667	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
7	08/11/2021	SNV-001668	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
8	08/11/2021	SNV-001669	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
9	08/11/2021	SNV-001670	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
10	08/11/2021	SNV-001671	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
11	08/11/2021	SNV-001672	Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Kế hoạch bài dạy môn Mĩ thuật 1
12	09/11/2021	SNV-001673	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
13	09/11/2021	SNV-001674	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/1 (SGV-CTST)
14	09/11/2021	SNV-001675	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
15	09/11/2021	SNV-001676	Bùi Mạnh Hùng - Tiếng Việt 1/2 (SGV-CTST)
16	09/11/2021	SNV-001677	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
17	09/11/2021	SNV-001678	Trần Nam Dũng - Toán 1 (SGV-CTST)
18	09/11/2021	SNV-001679	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
19	09/11/2021	SNV-001680	Đỗ Xuân Hội - Tự nhiên xã hội 1 (SGV-CTST)
20	09/11/2021	SNV-001681	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
21	09/11/2021	SNV-001682	Đinh Phương Duy - Đạo đức 1 (SGV-CTST)
22	09/11/2021	SNV-001683	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
23	09/11/2021	SNV-001684	Nguyễn Xuân Tiên - Mĩ thuật 1 (SGV-CTST)
24	09/11/2021	SNV-001685	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)
25	09/11/2021	SNV-001686	Hồ Ngọc Khải - Âm nhạc 1 (SGV-CTST)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	53,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	104,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	104,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	89,000	4(V)(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	56,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	56,000	51(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	41,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	41,000	5(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	23,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	23,000	371.011(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	75(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	78(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	25,000	78(07)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	09/11/2021	SNV-001687	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
2	09/11/2021	SNV-001688	Phạm Thị Lệ Hằng - Giáo dục thể chất 1 (SGV-CTST)
3	09/11/2021	SNV-001689	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
4	09/11/2021	SNV-001690	Vũ Quang Tuyên - Hoạt động trải nghiệm 1 (SGV-CTST)
5	10/11/2021	STK-005864	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
6	10/11/2021	STK-005865	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
7	10/11/2021	STK-005866	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
8	10/11/2021	STK-005867	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
9	10/11/2021	STK-005868	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
10	10/11/2021	STK-005869	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
11	10/11/2021	STK-005870	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
12	10/11/2021	STK-005871	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
13	10/11/2021	STK-005872	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
14	10/11/2021	STK-005873	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
15	10/11/2021	STK-005874	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
16	10/11/2021	STK-005875	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
17	10/11/2021	STK-005876	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
18	10/11/2021	STK-005877	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
19	10/11/2021	STK-005878	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/1
20	10/11/2021	STK-005879	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
21	10/11/2021	STK-005880	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
22	10/11/2021	STK-005881	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
23	10/11/2021	STK-005882	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
24	10/11/2021	STK-005883	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
25	10/11/2021	STK-005884	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	41,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	41,000	7A(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	49,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	49,000	37(07)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	10/11/2021	STK-005885	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
2	10/11/2021	STK-005886	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
3	10/11/2021	STK-005887	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
4	10/11/2021	STK-005888	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
5	10/11/2021	STK-005889	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
6	10/11/2021	STK-005890	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
7	10/11/2021	STK-005891	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
8	10/11/2021	STK-005892	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
9	10/11/2021	STK-005893	Lê Ngọc Điệp - Em tập viết đúng, viết đẹp 1/2
10	10/11/2021	STK-005894	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Student Book
11	10/11/2021	STK-005895	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Student Book
12	10/11/2021	STK-005896	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Student Book
13	10/11/2021	STK-005897	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Student Book
14	10/11/2021	STK-005898	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Student Book
15	10/11/2021	STK-005899	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Work Book
16	10/11/2021	STK-005900	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Work Book
17	10/11/2021	STK-005901	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Work Book
18	10/11/2021	STK-005902	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Work Book
19	10/11/2021	STK-005903	Trần Cao Bội Ngọc - Tiếng Anh 2 Family and friends (National Edition) - Work Book
20	21/12/2021	STK-005904	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1
21	21/12/2021	STK-005905	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1
22	21/12/2021	STK-005906	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1
23	21/12/2021	STK-005907	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1
24	21/12/2021	STK-005908	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1
25	21/12/2021	STK-005909	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	20,000	4(V)	4							
Giáo dục	HN	2021	79,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	79,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	79,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	79,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	79,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	71,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	71,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	71,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	71,000	4(A)	4							
Giáo dục	HN	2021	71,000	4(A)	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/12/2021	STK-005910	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1
2	21/12/2021	STK-005911	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 1
3	21/12/2021	STK-005912	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
4	21/12/2021	STK-005913	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
5	21/12/2021	STK-005914	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
6	21/12/2021	STK-005915	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
7	21/12/2021	STK-005916	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
8	21/12/2021	STK-005917	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
9	21/12/2021	STK-005918	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
10	21/12/2021	STK-005919	Nguyễn Thị Vân Hương - Hoạt động Giáo dục kĩ năng lớp 2
11	21/12/2021	STK-005920	Đào Thái Lai - Tin học 1
12	21/12/2021	STK-005921	Đào Thái Lai - Tin học 1
13	21/12/2021	STK-005922	Đào Thái Lai - Tin học 1
14	21/12/2021	STK-005923	Đào Thái Lai - Tin học 1
15	21/12/2021	STK-005924	Đào Thái Lai - Tin học 1
16	21/12/2021	STK-005925	Đào Thái Lai - Tin học 1
17	21/12/2021	STK-005926	Đào Thái Lai - Tin học 1
18	21/12/2021	STK-005927	Đào Thái Lai - Tin học 1
19	21/12/2021	STK-005928	Đào Thái Lai - Tin học 2
20	21/12/2021	STK-005929	Đào Thái Lai - Tin học 2
21	21/12/2021	STK-005930	Đào Thái Lai - Tin học 2
22	21/12/2021	STK-005931	Đào Thái Lai - Tin học 2
23	21/12/2021	STK-005932	Đào Thái Lai - Tin học 2
24	21/12/2021	STK-005933	Đào Thái Lai - Tin học 2
25	21/12/2021	STK-005934	Đào Thái Lai - Tin học 2

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	27,000	371	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	21/12/2021	STK-005935	Đào Thái Lai - Tin học 2
2	22/12/2021	STK-005936	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
3	22/12/2021	STK-005937	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
4	22/12/2021	STK-005938	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
5	22/12/2021	STK-005939	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
6	22/12/2021	STK-005940	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
7	22/12/2021	STK-005941	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
8	22/12/2021	STK-005942	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
9	22/12/2021	STK-005943	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
10	22/12/2021	STK-005944	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
11	22/12/2021	STK-005945	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
12	22/12/2021	STK-005946	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
13	22/12/2021	STK-005947	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
14	22/12/2021	STK-005948	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
15	22/12/2021	STK-005949	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
16	22/12/2021	STK-005950	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
17	22/12/2021	STK-005951	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
18	22/12/2021	STK-005952	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
19	22/12/2021	STK-005953	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
20	22/12/2021	STK-005954	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
21	22/12/2021	STK-005955	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
22	22/12/2021	STK-005956	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
23	22/12/2021	STK-005957	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
24	22/12/2021	STK-005958	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
25	22/12/2021	STK-005959	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học Quốc gia Hà Nội	HN	2021	20,000	6T7	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/12/2021	STK-005960	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
2	22/12/2021	STK-005961	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
3	22/12/2021	STK-005962	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
4	22/12/2021	STK-005963	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
5	22/12/2021	STK-005964	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
6	22/12/2021	STK-005965	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
7	22/12/2021	STK-005966	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
8	22/12/2021	STK-005967	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
9	22/12/2021	STK-005968	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
10	22/12/2021	STK-005969	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
11	22/12/2021	STK-005970	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
12	22/12/2021	STK-005971	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move (Workbook)
13	22/12/2021	STK-005972	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
14	22/12/2021	STK-005973	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
15	22/12/2021	STK-005974	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
16	22/12/2021	STK-005975	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
17	22/12/2021	STK-005976	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
18	22/12/2021	STK-005977	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
19	22/12/2021	STK-005978	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
20	22/12/2021	STK-005979	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
21	22/12/2021	STK-005980	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
22	22/12/2021	STK-005981	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
23	22/12/2021	STK-005982	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
24	22/12/2021	STK-005983	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
25	22/12/2021	STK-005984	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	22/12/2021	STK-005985	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
2	22/12/2021	STK-005986	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
3	22/12/2021	STK-005987	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
4	22/12/2021	STK-005988	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
5	22/12/2021	STK-005989	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Pupil's Book)
6	22/12/2021	STK-005990	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
7	22/12/2021	STK-005991	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
8	22/12/2021	STK-005992	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
9	22/12/2021	STK-005993	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
10	22/12/2021	STK-005994	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
11	22/12/2021	STK-005995	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
12	22/12/2021	STK-005996	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
13	22/12/2021	STK-005997	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
14	22/12/2021	STK-005998	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
15	22/12/2021	STK-005999	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
16	22/12/2021	STK-006000	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
17	22/12/2021	STK-006001	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
18	22/12/2021	STK-006002	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
19	22/12/2021	STK-006003	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
20	22/12/2021	STK-006004	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
21	22/12/2021	STK-006005	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
22	22/12/2021	STK-006006	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
23	22/12/2021	STK-006007	Hoàng Tăng Đức - Tiếng Anh 2 Macmillan Next Move (Workbook)
24	04/03/2022	STN-006114	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
25	04/03/2022	STN-006115	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	78,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Đại học sư phạm	TPHCM	2021	70,000	4(A)	4							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006116	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
2	04/03/2022	STN-006117	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
3	04/03/2022	STN-006118	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
4	04/03/2022	STN-006119	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
5	04/03/2022	STN-006120	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
6	04/03/2022	STN-006121	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
7	04/03/2022	STN-006122	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
8	04/03/2022	STN-006123	Đặng Nhã - Sợi bấc ma thuật
9	04/03/2022	STN-006124	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
10	04/03/2022	STN-006125	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
11	04/03/2022	STN-006126	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
12	04/03/2022	STN-006127	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
13	04/03/2022	STN-006128	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
14	04/03/2022	STN-006129	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
15	04/03/2022	STN-006130	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
16	04/03/2022	STN-006131	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
17	04/03/2022	STN-006132	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
18	04/03/2022	STN-006133	ĐẶNG NHÃ - CẢ VOI SỢ VỢ
19	04/03/2022	STN-006134	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
20	04/03/2022	STN-006135	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
21	04/03/2022	STN-006136	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
22	04/03/2022	STN-006137	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
23	04/03/2022	STN-006138	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
24	04/03/2022	STN-006139	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
25	04/03/2022	STN-006140	Đặng Nhã - Bia đá răn đe

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006141	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
2	04/03/2022	STN-006142	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
3	04/03/2022	STN-006143	Đặng Nhã - Bia đá răn đe
4	04/03/2022	STN-006144	Lê Linh - Bí mật bong bóng
5	04/03/2022	STN-006145	Lê Linh - Bí mật bong bóng
6	04/03/2022	STN-006146	Lê Linh - Bí mật bong bóng
7	04/03/2022	STN-006147	Lê Linh - Bí mật bong bóng
8	04/03/2022	STN-006148	Lê Linh - Bí mật bong bóng
9	04/03/2022	STN-006149	Lê Linh - Bí mật bong bóng
10	04/03/2022	STN-006150	Lê Linh - Bí mật bong bóng
11	04/03/2022	STN-006151	Lê Linh - Bí mật bong bóng
12	04/03/2022	STN-006152	Lê Linh - Bí mật bong bóng
13	04/03/2022	STN-006153	Lê Linh - Bí mật bong bóng
14	04/03/2022	STN-006154	Phan Thị - Cây cầu ái ân
15	04/03/2022	STN-006155	Phan Thị - Cây cầu ái ân
16	04/03/2022	STN-006156	Phan Thị - Cây cầu ái ân
17	04/03/2022	STN-006157	Phan Thị - Cây cầu ái ân
18	04/03/2022	STN-006158	Phan Thị - Cây cầu ái ân
19	04/03/2022	STN-006159	Phan Thị - Cây cầu ái ân
20	04/03/2022	STN-006160	Phan Thị - Cây cầu ái ân
21	04/03/2022	STN-006161	Phan Thị - Cây cầu ái ân
22	04/03/2022	STN-006162	Phan Thị - Cây cầu ái ân
23	04/03/2022	STN-006163	Phan Thị - Cây cầu ái ân
24	04/03/2022	STN-006164	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
25	04/03/2022	STN-006165	Lê Linh - Bài thi kỳ quái

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006166	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
2	04/03/2022	STN-006167	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
3	04/03/2022	STN-006168	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
4	04/03/2022	STN-006169	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
5	04/03/2022	STN-006170	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
6	04/03/2022	STN-006171	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
7	04/03/2022	STN-006172	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
8	04/03/2022	STN-006173	Lê Linh - Bài thi kỳ quái
9	04/03/2022	STN-006174	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
10	04/03/2022	STN-006175	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
11	04/03/2022	STN-006176	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
12	04/03/2022	STN-006177	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
13	04/03/2022	STN-006178	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
14	04/03/2022	STN-006179	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
15	04/03/2022	STN-006180	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
16	04/03/2022	STN-006181	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
17	04/03/2022	STN-006182	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
18	04/03/2022	STN-006183	Đặng Nhã - Sát nhân lộ diện
19	04/03/2022	STN-006184	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
20	04/03/2022	STN-006185	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
21	04/03/2022	STN-006186	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
22	04/03/2022	STN-006187	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
23	04/03/2022	STN-006188	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
24	04/03/2022	STN-006189	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
25	04/03/2022	STN-006190	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006191	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
2	04/03/2022	STN-006192	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
3	04/03/2022	STN-006193	Hoàng Lê - Hai chàng kỳ cục
4	04/03/2022	STN-006194	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
5	04/03/2022	STN-006195	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
6	04/03/2022	STN-006196	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
7	04/03/2022	STN-006197	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
8	04/03/2022	STN-006198	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
9	04/03/2022	STN-006199	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
10	04/03/2022	STN-006200	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
11	04/03/2022	STN-006201	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
12	04/03/2022	STN-006202	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
13	04/03/2022	STN-006203	Bá Hiền - Đại chiến thủy tô
14	04/03/2022	STN-006204	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
15	04/03/2022	STN-006205	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
16	04/03/2022	STN-006206	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
17	04/03/2022	STN-006207	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
18	04/03/2022	STN-006208	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
19	04/03/2022	STN-006209	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
20	04/03/2022	STN-006210	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
21	04/03/2022	STN-006211	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
22	04/03/2022	STN-006212	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
23	04/03/2022	STN-006213	Mỹ Khánh - Lớp học ven đường
24	04/03/2022	STN-006214	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
25	04/03/2022	STN-006215	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006216	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
2	04/03/2022	STN-006217	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
3	04/03/2022	STN-006218	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
4	04/03/2022	STN-006219	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
5	04/03/2022	STN-006220	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
6	04/03/2022	STN-006221	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
7	04/03/2022	STN-006222	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
8	04/03/2022	STN-006223	Mỹ Khánh - Truy tìm công chúa
9	04/03/2022	STN-006224	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
10	04/03/2022	STN-006225	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
11	04/03/2022	STN-006226	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
12	04/03/2022	STN-006227	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
13	04/03/2022	STN-006228	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
14	04/03/2022	STN-006229	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
15	04/03/2022	STN-006230	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
16	04/03/2022	STN-006231	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
17	04/03/2022	STN-006232	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
18	04/03/2022	STN-006233	Đặng Nhã - Đại gia Xã Bạc
19	04/03/2022	STN-006234	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
20	04/03/2022	STN-006235	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
21	04/03/2022	STN-006236	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
22	04/03/2022	STN-006237	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
23	04/03/2022	STN-006238	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
24	04/03/2022	STN-006239	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
25	04/03/2022	STN-006240	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006241	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
2	04/03/2022	STN-006242	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
3	04/03/2022	STN-006243	Lê Linh - Sư ông mắc lỡm
4	04/03/2022	STN-006244	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
5	04/03/2022	STN-006245	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
6	04/03/2022	STN-006246	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
7	04/03/2022	STN-006247	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
8	04/03/2022	STN-006248	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
9	04/03/2022	STN-006249	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
10	04/03/2022	STN-006250	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
11	04/03/2022	STN-006251	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
12	04/03/2022	STN-006252	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
13	04/03/2022	STN-006253	Bá Hiền - Mánh khóe trường thi
14	04/03/2022	STN-006254	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
15	04/03/2022	STN-006255	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
16	04/03/2022	STN-006256	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
17	04/03/2022	STN-006257	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
18	04/03/2022	STN-006258	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
19	04/03/2022	STN-006259	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
20	04/03/2022	STN-006260	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
21	04/03/2022	STN-006261	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
22	04/03/2022	STN-006262	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
23	04/03/2022	STN-006263	Bá Hiền - Đo cây bắt trộm
24	04/03/2022	STN-006264	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
25	04/03/2022	STN-006265	Đặng Nhã - Đại họa trần gian

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006266	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
2	04/03/2022	STN-006267	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
3	04/03/2022	STN-006268	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
4	04/03/2022	STN-006269	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
5	04/03/2022	STN-006270	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
6	04/03/2022	STN-006271	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
7	04/03/2022	STN-006272	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
8	04/03/2022	STN-006273	Đặng Nhã - Đại họa trần gian
9	04/03/2022	STN-006274	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
10	04/03/2022	STN-006275	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
11	04/03/2022	STN-006276	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
12	04/03/2022	STN-006277	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
13	04/03/2022	STN-006278	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
14	04/03/2022	STN-006279	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
15	04/03/2022	STN-006280	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
16	04/03/2022	STN-006281	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
17	04/03/2022	STN-006282	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
18	04/03/2022	STN-006283	Lê Linh - Dấu tay xóa nợ
19	04/03/2022	STN-006284	Lê Linh - Trận chiến gia tài
20	04/03/2022	STN-006285	Lê Linh - Trận chiến gia tài
21	04/03/2022	STN-006286	Lê Linh - Trận chiến gia tài
22	04/03/2022	STN-006287	Lê Linh - Trận chiến gia tài
23	04/03/2022	STN-006288	Lê Linh - Trận chiến gia tài
24	04/03/2022	STN-006289	Lê Linh - Trận chiến gia tài
25	04/03/2022	STN-006290	Lê Linh - Trận chiến gia tài

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006291	Lê Linh - Trận chiến gia tài
2	04/03/2022	STN-006292	Lê Linh - Trận chiến gia tài
3	04/03/2022	STN-006293	Lê Linh - Trận chiến gia tài
4	04/03/2022	STN-006294	Lê Linh - Món quà roi mây
5	04/03/2022	STN-006295	Lê Linh - Món quà roi mây
6	04/03/2022	STN-006296	Lê Linh - Món quà roi mây
7	04/03/2022	STN-006297	Lê Linh - Món quà roi mây
8	04/03/2022	STN-006298	Lê Linh - Món quà roi mây
9	04/03/2022	STN-006299	Lê Linh - Món quà roi mây
10	04/03/2022	STN-006300	Lê Linh - Món quà roi mây
11	04/03/2022	STN-006301	Lê Linh - Món quà roi mây
12	04/03/2022	STN-006302	Lê Linh - Món quà roi mây
13	04/03/2022	STN-006303	Lê Linh - Món quà roi mây
14	04/03/2022	STN-006304	Lê Linh - Hết đời lang băm
15	04/03/2022	STN-006305	Lê Linh - Hết đời lang băm
16	04/03/2022	STN-006306	Lê Linh - Hết đời lang băm
17	04/03/2022	STN-006307	Lê Linh - Hết đời lang băm
18	04/03/2022	STN-006308	Lê Linh - Hết đời lang băm
19	04/03/2022	STN-006309	Lê Linh - Hết đời lang băm
20	04/03/2022	STN-006310	Lê Linh - Hết đời lang băm
21	04/03/2022	STN-006311	Lê Linh - Hết đời lang băm
22	04/03/2022	STN-006312	Lê Linh - Hết đời lang băm
23	04/03/2022	STN-006313	Lê Linh - Hết đời lang băm
24	04/03/2022	STN-006314	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
25	04/03/2022	STN-006315	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006316	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
2	04/03/2022	STN-006317	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
3	04/03/2022	STN-006318	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
4	04/03/2022	STN-006319	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
5	04/03/2022	STN-006320	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
6	04/03/2022	STN-006321	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
7	04/03/2022	STN-006322	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
8	04/03/2022	STN-006323	Lê Linh - Hồn ma ăn trộm
9	04/03/2022	STN-006324	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
10	04/03/2022	STN-006325	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
11	04/03/2022	STN-006326	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
12	04/03/2022	STN-006327	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
13	04/03/2022	STN-006328	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
14	04/03/2022	STN-006329	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
15	04/03/2022	STN-006330	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
16	04/03/2022	STN-006331	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
17	04/03/2022	STN-006332	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
18	04/03/2022	STN-006333	Lê Linh - Anh hùng vớt pháo
19	04/03/2022	STN-006334	Lê Linh - Bài toán lộ phí
20	04/03/2022	STN-006335	Lê Linh - Bài toán lộ phí
21	04/03/2022	STN-006336	Lê Linh - Bài toán lộ phí
22	04/03/2022	STN-006337	Lê Linh - Bài toán lộ phí
23	04/03/2022	STN-006338	Lê Linh - Bài toán lộ phí
24	04/03/2022	STN-006339	Lê Linh - Bài toán lộ phí
25	04/03/2022	STN-006340	Lê Linh - Bài toán lộ phí

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006341	Lê Linh - Bài toán lộ phí
2	04/03/2022	STN-006342	Lê Linh - Bài toán lộ phí
3	04/03/2022	STN-006343	Lê Linh - Bài toán lộ phí
4	04/03/2022	STN-006344	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
5	04/03/2022	STN-006345	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
6	04/03/2022	STN-006346	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
7	04/03/2022	STN-006347	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
8	04/03/2022	STN-006348	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
9	04/03/2022	STN-006349	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
10	04/03/2022	STN-006350	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
11	04/03/2022	STN-006351	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
12	04/03/2022	STN-006352	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
13	04/03/2022	STN-006353	Bá Hiền - Dược hoàn tặng mẹ
14	04/03/2022	STN-006354	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
15	04/03/2022	STN-006355	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
16	04/03/2022	STN-006356	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
17	04/03/2022	STN-006357	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
18	04/03/2022	STN-006358	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
19	04/03/2022	STN-006359	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
20	04/03/2022	STN-006360	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
21	04/03/2022	STN-006361	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
22	04/03/2022	STN-006362	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
23	04/03/2022	STN-006363	Phan Thị - Tạo sĩ thoát y
24	04/03/2022	STN-006364	Lê Linh - Lớp học hà tiện
25	04/03/2022	STN-006365	Lê Linh - Lớp học hà tiện

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006366	Lê Linh - Lớp học hà tiện
2	04/03/2022	STN-006367	Lê Linh - Lớp học hà tiện
3	04/03/2022	STN-006368	Lê Linh - Lớp học hà tiện
4	04/03/2022	STN-006369	Lê Linh - Lớp học hà tiện
5	04/03/2022	STN-006370	Lê Linh - Lớp học hà tiện
6	04/03/2022	STN-006371	Lê Linh - Lớp học hà tiện
7	04/03/2022	STN-006372	Lê Linh - Lớp học hà tiện
8	04/03/2022	STN-006373	Lê Linh - Lớp học hà tiện
9	04/03/2022	STN-006374	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
10	04/03/2022	STN-006375	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
11	04/03/2022	STN-006376	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
12	04/03/2022	STN-006377	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
13	04/03/2022	STN-006378	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
14	04/03/2022	STN-006379	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
15	04/03/2022	STN-006380	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
16	04/03/2022	STN-006381	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
17	04/03/2022	STN-006382	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
18	04/03/2022	STN-006383	Phan Thị - Xẹp kỹ năng "xốp"
19	04/03/2022	STN-006384	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
20	04/03/2022	STN-006385	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
21	04/03/2022	STN-006386	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
22	04/03/2022	STN-006387	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
23	04/03/2022	STN-006388	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
24	04/03/2022	STN-006389	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
25	04/03/2022	STN-006390	Lê Linh - Bạn gái bá hộ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006391	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
2	04/03/2022	STN-006392	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
3	04/03/2022	STN-006393	Lê Linh - Bạn gái bá hộ
4	04/03/2022	STN-006394	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
5	04/03/2022	STN-006395	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
6	04/03/2022	STN-006396	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
7	04/03/2022	STN-006397	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
8	04/03/2022	STN-006398	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
9	04/03/2022	STN-006399	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
10	04/03/2022	STN-006400	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
11	04/03/2022	STN-006401	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
12	04/03/2022	STN-006402	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
13	04/03/2022	STN-006403	LÊ LINH - GÁNH HÁT XUI XẺO
14	04/03/2022	STN-006404	Bá Hiền - Vua giả vua thật
15	04/03/2022	STN-006405	Bá Hiền - Vua giả vua thật
16	04/03/2022	STN-006406	Bá Hiền - Vua giả vua thật
17	04/03/2022	STN-006407	Bá Hiền - Vua giả vua thật
18	04/03/2022	STN-006408	Bá Hiền - Vua giả vua thật
19	04/03/2022	STN-006409	Bá Hiền - Vua giả vua thật
20	04/03/2022	STN-006410	Bá Hiền - Vua giả vua thật
21	04/03/2022	STN-006411	Bá Hiền - Vua giả vua thật
22	04/03/2022	STN-006412	Bá Hiền - Vua giả vua thật
23	04/03/2022	STN-006413	Bá Hiền - Vua giả vua thật
24	04/03/2022	STN-006414	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
25	04/03/2022	STN-006415	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006416	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
2	04/03/2022	STN-006417	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
3	04/03/2022	STN-006418	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
4	04/03/2022	STN-006419	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
5	04/03/2022	STN-006420	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
6	04/03/2022	STN-006421	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
7	04/03/2022	STN-006422	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
8	04/03/2022	STN-006423	Lê Linh - Trí nhớ siêu phàm
9	04/03/2022	STN-006424	Lê Linh - Voi đất biết đi
10	04/03/2022	STN-006425	Lê Linh - Voi đất biết đi
11	04/03/2022	STN-006426	Lê Linh - Voi đất biết đi
12	04/03/2022	STN-006427	Lê Linh - Voi đất biết đi
13	04/03/2022	STN-006428	Lê Linh - Voi đất biết đi
14	04/03/2022	STN-006429	Lê Linh - Voi đất biết đi
15	04/03/2022	STN-006430	Lê Linh - Voi đất biết đi
16	04/03/2022	STN-006431	Lê Linh - Voi đất biết đi
17	04/03/2022	STN-006432	Lê Linh - Voi đất biết đi
18	04/03/2022	STN-006433	Lê Linh - Voi đất biết đi
19	04/03/2022	STN-006434	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
20	04/03/2022	STN-006435	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
21	04/03/2022	STN-006436	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
22	04/03/2022	STN-006437	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
23	04/03/2022	STN-006438	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
24	04/03/2022	STN-006439	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
25	04/03/2022	STN-006440	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2009	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006441	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
2	04/03/2022	STN-006442	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
3	04/03/2022	STN-006443	Lê Linh - Pháp sư gọi bưởi
4	04/03/2022	STN-006444	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
5	04/03/2022	STN-006445	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
6	04/03/2022	STN-006446	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
7	04/03/2022	STN-006447	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
8	04/03/2022	STN-006448	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
9	04/03/2022	STN-006449	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
10	04/03/2022	STN-006450	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
11	04/03/2022	STN-006451	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
12	04/03/2022	STN-006452	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
13	04/03/2022	STN-006453	Lê Linh - Thắng " đại lực sĩ"
14	04/03/2022	STN-006454	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
15	04/03/2022	STN-006455	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
16	04/03/2022	STN-006456	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
17	04/03/2022	STN-006457	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
18	04/03/2022	STN-006458	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
19	04/03/2022	STN-006459	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
20	04/03/2022	STN-006460	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
21	04/03/2022	STN-006461	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
22	04/03/2022	STN-006462	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
23	04/03/2022	STN-006463	Lê Linh - Thầy đồ mắc nạn
24	04/03/2022	STN-006464	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
25	04/03/2022	STN-006465	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006466	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
2	04/03/2022	STN-006467	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
3	04/03/2022	STN-006468	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
4	04/03/2022	STN-006469	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
5	04/03/2022	STN-006470	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
6	04/03/2022	STN-006471	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
7	04/03/2022	STN-006472	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
8	04/03/2022	STN-006473	Lê Linh - Hạ gục thầy đồ
9	04/03/2022	STN-006474	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
10	04/03/2022	STN-006475	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
11	04/03/2022	STN-006476	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
12	04/03/2022	STN-006477	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
13	04/03/2022	STN-006478	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
14	04/03/2022	STN-006479	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
15	04/03/2022	STN-006480	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
16	04/03/2022	STN-006481	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
17	04/03/2022	STN-006482	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
18	04/03/2022	STN-006483	BÁ HIỀN - NGỰA ĐÁ QUA SÔNG
19	04/03/2022	STN-006484	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
20	04/03/2022	STN-006485	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
21	04/03/2022	STN-006486	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
22	04/03/2022	STN-006487	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
23	04/03/2022	STN-006488	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
24	04/03/2022	STN-006489	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
25	04/03/2022	STN-006490	Lê Linh - Vô địch chọi trâu

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006491	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
2	04/03/2022	STN-006492	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
3	04/03/2022	STN-006493	Lê Linh - Vô địch chọi trâu
4	04/03/2022	STN-006494	Lê Linh - Trừng trị gian thương
5	04/03/2022	STN-006495	Lê Linh - Trừng trị gian thương
6	04/03/2022	STN-006496	Lê Linh - Trừng trị gian thương
7	04/03/2022	STN-006497	Lê Linh - Trừng trị gian thương
8	04/03/2022	STN-006498	Lê Linh - Trừng trị gian thương
9	04/03/2022	STN-006499	Lê Linh - Trừng trị gian thương
10	04/03/2022	STN-006500	Lê Linh - Trừng trị gian thương
11	04/03/2022	STN-006501	Lê Linh - Trừng trị gian thương
12	04/03/2022	STN-006502	Lê Linh - Trừng trị gian thương
13	04/03/2022	STN-006503	Lê Linh - Trừng trị gian thương
14	04/03/2022	STN-006504	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
15	04/03/2022	STN-006505	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
16	04/03/2022	STN-006506	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
17	04/03/2022	STN-006507	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
18	04/03/2022	STN-006508	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
19	04/03/2022	STN-006509	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
20	04/03/2022	STN-006510	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
21	04/03/2022	STN-006511	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
22	04/03/2022	STN-006512	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
23	04/03/2022	STN-006513	Lê Linh - Món ăn thượng phúc
24	04/03/2022	STN-006514	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
25	04/03/2022	STN-006515	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006516	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
2	04/03/2022	STN-006517	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
3	04/03/2022	STN-006518	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
4	04/03/2022	STN-006519	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
5	04/03/2022	STN-006520	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
6	04/03/2022	STN-006521	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
7	04/03/2022	STN-006522	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
8	04/03/2022	STN-006523	Lê Linh - Thánh chỉ bằng đá
9	04/03/2022	STN-006524	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
10	04/03/2022	STN-006525	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
11	04/03/2022	STN-006526	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
12	04/03/2022	STN-006527	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
13	04/03/2022	STN-006528	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
14	04/03/2022	STN-006529	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
15	04/03/2022	STN-006530	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
16	04/03/2022	STN-006531	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
17	04/03/2022	STN-006532	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
18	04/03/2022	STN-006533	Mỹ Khánh - Cây đàn không đáy
19	04/03/2022	STN-006534	Phan Thị - Voi gạo giải án
20	04/03/2022	STN-006535	Phan Thị - Voi gạo giải án
21	04/03/2022	STN-006536	Phan Thị - Voi gạo giải án
22	04/03/2022	STN-006537	Phan Thị - Voi gạo giải án
23	04/03/2022	STN-006538	Phan Thị - Voi gạo giải án
24	04/03/2022	STN-006539	Phan Thị - Voi gạo giải án
25	04/03/2022	STN-006540	Phan Thị - Voi gạo giải án

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006541	Phan Thị - Voi gạo giải án
2	04/03/2022	STN-006542	Phan Thị - Voi gạo giải án
3	04/03/2022	STN-006543	Phan Thị - Voi gạo giải án
4	04/03/2022	STN-006544	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
5	04/03/2022	STN-006545	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
6	04/03/2022	STN-006546	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
7	04/03/2022	STN-006547	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
8	04/03/2022	STN-006548	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
9	04/03/2022	STN-006549	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
10	04/03/2022	STN-006550	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
11	04/03/2022	STN-006551	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
12	04/03/2022	STN-006552	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
13	04/03/2022	STN-006553	Mỹ Khánh - Nghi án đào mương
14	04/03/2022	STN-006554	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
15	04/03/2022	STN-006555	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
16	04/03/2022	STN-006556	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
17	04/03/2022	STN-006557	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
18	04/03/2022	STN-006558	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
19	04/03/2022	STN-006559	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
20	04/03/2022	STN-006560	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
21	04/03/2022	STN-006561	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
22	04/03/2022	STN-006562	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
23	04/03/2022	STN-006563	Lê Linh - Súc vật nổi loạn
24	04/03/2022	STN-006564	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
25	04/03/2022	STN-006565	Lê Linh - Quan tòa sát nhân

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2013	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006566	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
2	04/03/2022	STN-006567	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
3	04/03/2022	STN-006568	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
4	04/03/2022	STN-006569	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
5	04/03/2022	STN-006570	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
6	04/03/2022	STN-006571	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
7	04/03/2022	STN-006572	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
8	04/03/2022	STN-006573	Lê Linh - Quan tòa sát nhân
9	04/03/2022	STN-006574	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
10	04/03/2022	STN-006575	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
11	04/03/2022	STN-006576	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
12	04/03/2022	STN-006577	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
13	04/03/2022	STN-006578	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
14	04/03/2022	STN-006579	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
15	04/03/2022	STN-006580	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
16	04/03/2022	STN-006581	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
17	04/03/2022	STN-006582	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
18	04/03/2022	STN-006583	Lê Linh - Trái tim "Sửu ẹo"
19	04/03/2022	STN-006584	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
20	04/03/2022	STN-006585	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
21	04/03/2022	STN-006586	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
22	04/03/2022	STN-006587	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
23	04/03/2022	STN-006588	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
24	04/03/2022	STN-006589	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
25	04/03/2022	STN-006590	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2011	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006591	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
2	04/03/2022	STN-006592	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
3	04/03/2022	STN-006593	Đặng Nhã - Cởi oán láng giềng
4	04/03/2022	STN-006594	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
5	04/03/2022	STN-006595	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
6	04/03/2022	STN-006596	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
7	04/03/2022	STN-006597	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
8	04/03/2022	STN-006598	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
9	04/03/2022	STN-006599	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
10	04/03/2022	STN-006600	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
11	04/03/2022	STN-006601	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
12	04/03/2022	STN-006602	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
13	04/03/2022	STN-006603	Lê Linh - Mưu sát Tào Phi
14	04/03/2022	STN-006604	Lê Linh - Sứ Tàu mất vía
15	04/03/2022	STN-006605	Đặng Nhã - Cha của Trạng Tí
16	04/03/2022	STN-006606	Đặng Nhã - Cha của Trạng Tí
17	04/03/2022	STN-006607	Đặng Nhã - Cha của Trạng Tí
18	04/03/2022	STN-006608	Đặng Nhã - Cha của Trạng Tí
19	04/03/2022	STN-006609	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
20	04/03/2022	STN-006610	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
21	04/03/2022	STN-006611	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
22	04/03/2022	STN-006612	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
23	04/03/2022	STN-006613	LÊ LINH - THUỐC VIÊN GIAO HẢO
24	04/03/2022	STN-006614	Lạc An - Gia tài bí mật
25	04/03/2022	STN-006615	Lạc An - Gia tài bí mật

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2012	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006616	Lạc An - Gia tài bí mật
2	04/03/2022	STN-006617	LẠC AN - CÔNG PHU XÃ BẠC
3	04/03/2022	STN-006618	Lạc An - Hội làng nảy lửa
4	04/03/2022	STN-006619	Lạc An - Chàng Ngốc thủy chung
5	04/03/2022	STN-006620	Lạc An - Chàng Ngốc thủy chung
6	04/03/2022	STN-006621	Hoàng Lê - Mùi Mập xuất chiêu
7	04/03/2022	STN-006622	Hoàng Lê - Mùi Mập xuất chiêu
8	04/03/2022	STN-006623	Hoàng Lê - Mùi Mập xuất chiêu
9	04/03/2022	STN-006624	Hoàng Lê - Mùi Mập xuất chiêu
10	04/03/2022	STN-006625	Đặng Nhã - Cuộc chiến thời gian
11	04/03/2022	STN-006626	Đặng Nhã - Cuộc chiến thời gian
12	04/03/2022	STN-006627	Đặng Nhã - Cuộc chiến thời gian
13	04/03/2022	STN-006628	Đặng Nhã - Cuộc chiến thời gian
14	04/03/2022	STN-006629	Hoàng Lê - Vệ sĩ quái chiêu
15	04/03/2022	STN-006630	Hoàng Lê - Vệ sĩ quái chiêu
16	04/03/2022	STN-006631	Hoàng Lê - Vệ sĩ quái chiêu
17	04/03/2022	STN-006632	Hoàng Lê - Bài học làm quan
18	04/03/2022	STN-006633	Hoàng Lê - Bài học làm quan
19	04/03/2022	STN-006634	Hoàng Lê - Bài học làm quan
20	04/03/2022	STN-006635	Hoàng Lê - Bài học làm quan
21	04/03/2022	STN-006636	Hoàng Lê - Chiếu Việt lên ngôi
22	04/03/2022	STN-006637	Hoàng Lê - Chiếu Việt lên ngôi
23	04/03/2022	STN-006638	Hoàng Lê - Chiếu Việt lên ngôi
24	04/03/2022	STN-006639	Uyên Nhã - Lối đi bộn bạc
25	04/03/2022	STN-006640	Uyên Nhã - Lối đi bộn bạc

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Đại học sư phạm	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2017	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2017	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2016	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006641	Uyên Nhã - Lối đi bộn bạc
2	04/03/2022	STN-006642	Uyên Nhã - Lối đi bộn bạc
3	04/03/2022	STN-006643	Uyên Nhã - Lối đi bộn bạc
4	04/03/2022	STN-006644	Đặng Nhã - Học trò khó dạy
5	04/03/2022	STN-006645	Đặng Nhã - Học trò khó dạy
6	04/03/2022	STN-006646	HOÀNG LÊ - GIẢI OAN SƯ CỤ
7	04/03/2022	STN-006647	Lê Linh - Tung hoành đất Bắc
8	04/03/2022	STN-006648	Lê Linh - Náo loạn Kinh Thành
9	04/03/2022	STN-006649	Bá Hiền - Du xuân Đại Việt
10	04/03/2022	STN-006650	Bá Hiền - Du xuân Đại Việt
11	04/03/2022	STN-006651	Phan Thị - Làm Vua khó lắm
12	04/03/2022	STN-006652	Phan Thị - Làm Vua khó lắm
13	04/03/2022	STN-006653	Phan Thị - Làm Vua khó lắm
14	04/03/2022	STN-006654	Đặng Nhã - Thí sinh lạ đời
15	04/03/2022	STN-006655	Đặng Nhã - Thí sinh lạ đời
16	04/03/2022	STN-006656	Đặng Nhã - Thí sinh lạ đời
17	04/03/2022	STN-006657	Đặng Nhã - Thí sinh lạ đời
18	04/03/2022	STN-006658	Quan Lan - Lễ hội nhớ đời
19	04/03/2022	STN-006659	Quan Lan - Lễ hội nhớ đời
20	04/03/2022	STN-006660	Lạc An - Thỏi vàng tình nghĩa
21	04/03/2022	STN-006661	Lạc An - Thỏi vàng tình nghĩa
22	04/03/2022	STN-006662	Lạc An - Thỏi vàng tình nghĩa
23	04/03/2022	STN-006663	Lạc An - Thỏi vàng tình nghĩa
24	04/03/2022	STN-006664	Hoàng Lê - Cô vợ khoe khoang
25	04/03/2022	STN-006665	Hoàng Lê - Cô vợ khoe khoang

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Đại học sư phạm	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2008	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2014	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							

Năm: 2021

STT	Ngày vào sổ	Số sổ đăng ký cá biệt	Tác giả và tên sách
#	1	2	3
1	04/03/2022	STN-006666	Hoàng Lê - Cô vợ khoe khoang
2	04/03/2022	STN-006667	Lạc An - Thần y thất thủ
3	04/03/2022	STN-006668	Lạc An - Thần y thất thủ
4	04/03/2022	STN-006669	Lạc An - Thần y thất thủ
5	04/03/2022	STN-006670	Lê Linh - Độc chiến Minh triều
6	04/03/2022	STN-006671	Lê Linh - Độc chiến Minh triều
7	04/03/2022	STN-006672	Lê Linh - Độc chiến Minh triều
8	04/03/2022	STN-006673	Lê Linh - Độc chiến Minh triều
9	04/03/2022	STN-006674	Lê Linh - Độc chiến Minh triều
10	04/03/2022	STN-006675	Lạc An - Cái mũi thần thông
11	04/03/2022	STN-006676	Lạc An - Cái mũi thần thông
12	04/03/2022	STN-006677	Lạc An - Cái mũi thần thông
13	04/03/2022	STN-006678	Lạc An - Cái mũi thần thông
14	04/03/2022	STN-006679	Lạc An - Cái mũi thần thông
15	04/03/2022	STN-006680	Lạc An - Cái mũi thần thông

XUẤT BẢN			Đơn giá	Môn loại	Số vào sổ tổng quát	Ngày vào sổ biên xuất bản	NĂM KIỂM KÊ					Ghi chú
Nhà XB	Nơi XB	Năm XB					2017	2018	2019	2020	2021	
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2015	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2018	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2010	10,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2019	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2019	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2019	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2019	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2019	15,000	ĐV18	5							
Văn hóa Sài gòn	TPHCM	2019	15,000	ĐV18	5							